KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2563 - 2019

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH KIM CANG
BÁT NHÃ BA LA MẬT

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL. 2563 - 2019

TỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- **Sinh năm 1968, tại Bến Tre**
- **Xuất gia tu học tại Thiền viện Thường Chiếu (1986 - 1994)**
- **Trụ trì Chùa Long Hương, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay**
- **Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương nhiệm kỳ 2012 - 2017; 2017 - 2022**

Điện thoại: 0251 8600 258

Di động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com

SƠ LƯỢC TIỂU SỬTỲ KHEO
THÍCH TUỆ HẢI

Thầy **Thích Tuệ Hải**, thế danh: **Đinh Kim Nga**, sanh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sanh ra trong gia đình có 7 anh chị em, Thầy là người con út. Gia đình vốn là một điền chủ. Một điều rất lạ là mảnh đất nơi Thầy sanh ra là một nơi linh địa, trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra thì mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết nấu cơm, theo mẹ buôn bán … để phụ giúp gia đình. Tối về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình; chưa từng có nửa ý niệm chống trái. Thầy nói: "*Thầy đã được dày công dạy dỗ từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay.*"

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái, … Thầy cũng từng nói: *"khắp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy."* Một đời tận tụy

hy sinh cho gia đình và đến năm 1993 mẹ của Thầy đã xuất gia tu học tại Thiền viện Tuệ Không.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lặng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung quanh mình, mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1985 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên Sinh G.Ohsawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày là đạt tới cảnh giới số 7, cảnh giới quân bình âm dương như Tiên Sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rỗng lặng phúc lạc vô biên suốt bảy ngày bảy đêm.

Khi mới vào đến lớp 10, có lần Thầy đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn rỗng lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5km mà không bị ướt người và tập vở, cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy Thầy mới hồi ức lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Khoảng cuối lớp 10, một điều xảy ra là Thầy đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khỉ bằng một cây tre bắc ngang qua kênh, sau khi qua cầu Thầy mới hồi phục ý thức lại, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khỉ ấy.

Cũng vào năm đó, lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài "Vạn vật chuyển vận trong không gian" Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến

đầu năm 1986 Thầy đã từ giả cuộc sống đời thường đến Thiền viện Thường Chiếu xin công quả xuất gia tu học.

Đến ngày mùng 8 tháng 12 năm 1986, ngày lễ Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền viện Thường Chiếu. Hòa Thượng Bổn Sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt, quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến ngày 7 tháng 7 năm 1987, khi nghe Hoà Thượng Ân Sư giảng Trung Quán Luận đến câu: *"Không thọ là Niết Bàn"* thì ngay khi ấy Thầy liền dứt bặt tất cả những hiểu biết xưa nay, thân tâm rỗng suốt, thông thấu tất cả những duyên trần không phải là thân căn trước đây. Kể từ đó, Thầy thấu hiểu được chân lý không còn nghi ngờ lời Phật Tổ nữa, từ cái thấy biết vượt thoát mọi khuôn sáo, đời sống trở nên ung dung nhẹ nhàng. Ngay khi đó Thầy cảm tác bài kệ nói về sức sống hiện tại của mình:

Từ nay vui sống ung dung
Rõ ràng mỗi mỗi nơi duyên chẳng lầm
Chẳng lầm chẳng lộn chẳng sai
Rỡ ràng chỉ vậy chẳng sao nói lường.

Ngày 12 tháng 7 năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân sư là Hòa Thượng thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Ngoài việc hoằng dương chánh Pháp lợi lạc chúng sanh, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho nhiều người bệnh hiểm

nghèo, hướng dẫn cho mọi người có đời sống cân bằng thân tâm để khai mở trí huệ, thấu hiểu trật tự thể vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận.

Thầy đã thuyết giảng những bộ Kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Bát Nhã v.v… và các Kinh về Thiền tông, Tịnh độ cũng như các Kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy. Tất cả đều thể hiện tính chung nhất của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là muốn cho tất cả các tông phái của đạo Phật có cái nhìn nhất quán đúng với tinh thần giác ngộ giải thoát như lời Đức Phật dạy: *"Trăm sông đều chảy về biển cả, biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Ta chỉ có một vị duy nhất là giải thoát mà thôi."*

I. LỜI MỞ ĐẦU

Kinh Kim Cang là bản Kinh chuyên môn của người tu Thiền. Lục Tổ Huệ Năng đã ngộ từ Kinh Kim Cang. Tại Việt Nam vua Trần Thái Tông cũng đọc Kinh Kim Cang mà được ngộ. Ngài Tông Mật (vị Tổ ghi lại quyển Nguồn Thiền), có một số tài liệu cho rằng Ngài ngộ từ Kinh Viên Giác, nhưng cũng có một số tài liệu cho rằng Ngài ngộ từ Kinh Kim Cang. Và cũng có rất nhiều vị tu Thiền từ Trung Hoa cho đến Việt Nam được khai ngộ từ Kinh Kim Cang.

Sau khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa truyền tâm cho Ngài Huệ Khả, rồi truyền bốn quyển Kinh Lăng Già để ấn tâm. Nhưng tới đời Ngũ tổ Hoằng Nhẫn thì Ngài cho đại chúng trì tụng Kinh Kim Cang, đồng thời phút giây truyền tâm ấn cũng truyền Kinh Kim Cang. Nếu ai có duyên tu thiền nhất là tu Thiền Tông thì phải thông hiểu Kinh Kim Cang, để chúng ta không lầm trên bước đường dụng công tu tập của mình và có khả năng thông được đạo lý sâu mầu của đạo Phật muốn nói. Hay nói khác hơn, người nào ngộ Kinh Kim Cang xem như người đó ngộ đạo.

Trong lúc đang học chúng ta nên đem hết tâm lực vốn có của mình, cùng với chúng tôi chia sẻ bản Kinh Kim Cang một cách trực tiếp. Vì theo chúng tôi Kinh Kim Cang không phải là pháp chúng ta nghe rồi về nương theo đó dụng công. Nhất là những gì liên quan tới Thiền tông ngay khi đối diện là chúng ta hành trì, ngay khi tiếp nhận là chúng ta sống được, không phải hiểu để dụng công. Chúng ta nên có chút chuẩn bị tốt cho chính mình, vì xưa giờ học giáo lý đạo Phật chúng ta

có quan niệm là nắm được pháp nào đó để chúng ta về nhà dụng công, hoặc chúng ta áp dụng pháp đó để tu tập trong đời sống riêng của mình, để tăng thêm kiến thức. Nhưng học Kinh Kim Cang, Đức Phật không dạy điều đó, mà Đức Phật muốn chúng ta hết đi những kiến thức vốn có từ xưa tới giờ, chỉ còn vốn thật là mình thôi, không còn mình với Kinh, không còn mình với Pháp, không còn mình với bất cứ một điều gì.

Càng đi sâu vào Kinh Kim Cang chúng ta thấy mình càng rơi rụng các nghiệp tập phiền não nhiều chừng nào là học đúng. Còn nếu học Kinh Kim Cang để có thêm kiến thức, có thêm hiểu biết, có thêm pháp tu xem như chúng ta nhận lầm ý Kinh, đi vào con đường dụng công mà đi trật con đường Đức Phật dạy thì không thể thành tựu được công phu Thiền định của mình. Vì tâm có tương ưng thì chúng ta mới khế ứng được pháp mầu của chư Phật. Tùy mức độ tương ưng của mình mà chúng ta tiếp nhận giáo lý Đức Phật ở tầm mức khác nhau. Trí tuệ tâm linh chúng ta ở tầng nào, chúng ta sẽ thông cảm và sẽ hiểu đạo Phật ngang tầng ấy.

Kinh Kim Cang là một trong những bản Kinh đốn siêu phương tiện, vượt tất cả những phương tiện thường tình để chúng ta đi thẳng vào mảnh đất thật của chư Phật muốn chỉ bày. Chúng ta không cần phải có vốn liếng tu học lâu năm, không cần phải là Thiền định lâu rồi bây giờ mình mới được học, mà bằng tâm hồn nhiên vô tư, tốt nhất đừng có kiến giải nào trước đây. Nếu có thì bây giờ chúng ta phải thôi dứt đi, xem như mình mới mẻ hoàn toàn, tâm rỗng lặng mênh mông, thanh tịnh tuyệt đối, thì lời Kinh Kim Cang sẽ làm sáng tỏ tâm rỗng lặng mênh mông của chính mình, để hay ra rằng từ xưa tới giờ cái vốn có sẵn đủ của mình nó đã từng thanh tịnh tuyệt

đối như thế, bây giờ học Kinh Kim Cang là gợi nhắc, khơi mở kho tàng thanh tịnh vốn có của mình từ trước tới giờ không thêm không bớt, không chứng không đắc.

Có rất nhiều chùa và nhiều người ngại đem Kinh Kim Cang ra tụng, sợ bị đổ nghiệp. Nếu chúng ta hiểu thì đó là bản Kinh gối đầu nằm, nếu là người thật tu theo con đường của đạo Phật, chúng ta quyết tâm tu cho đạt ngộ giải thoát thì đây là bản Kinh thâu tóm tinh yếu chuyên môn của đạo Phật chỉ dạy để chúng ta có đời sống an lạc thực tế. Có những người cho rằng học Kinh Kim Cang sẽ bị chấp Không, vì toàn bộ bản Kinh phá hết tất cả những kiến chấp của mình từ trước tới bây giờ. Theo chúng tôi Kinh Kim Cang nói lên lý thực, tức là chân lý thật đã hiện hữu nơi tâm chúng ta từ xưa tới giờ rồi.

Sự thật Kinh Kim Cang nói ra không phải để bác bỏ loại trừ, mà muốn nói lên sự thật của chính chúng ta từ trước đến giờ. Chúng ta đã có cái Như Lai bất sanh bất diệt, chúng ta là Như Lai bất sanh bất diệt. Tất cả chúng ta tại đây đã là Phật từ ngàn xưa rồi, nhưng chúng ta không chấp nhận điều này. Nếu ai trong chúng ta mà còn nghi ngờ điều đó thì rất khó học Kinh Kim Cang.

Chúng ta phải chấp nhận mình là Phật đã thành từ ngàn xưa rồi, trải qua nhiều năm tháng chúng ta quên, bây giờ học Kinh Kim Cang chúng ta được nhắc lại thì mình phải chấp nhận vị trí Phật của chính mình, nó đã vốn có, đã sẵn đủ. Không phải học Kinh Kim Cang là chúng ta tu cái gì mới được thành Phật, học để chúng ta thấy rõ vị trí Phật của chính mình.

Với chúng hội bao nhiêu người là bấy nhiêu vị Phật ngồi đây, chúng ta bắt đầu gợi lại chuyện cũ của mình, để hay ra sự thật mình đã là như vậy. Và sự thật đó không bao giờ

thay đổi dù ta là ai, dù trải qua năm tháng nào, sự thật nó vốn hiện hữu, chúng ta phải chấp nhận sự thật đó thì việc học của chúng ta mới có kết quả tốt đẹp. Còn nếu không dám chấp nhận sự thật thì chúng ta học Kinh Kim Cang rất khó khăn, có khi không hiểu, không thông cảm, thậm chí hiểu ngược lại, thì đó là tổn thất cho chính mình.

Hôm nay chúng ta rất vui mừng được khơi mở Kinh Kim Cang, được gợi nhắc lại cho các vị Phật. Xin chào đón tất cả các vị Phật tại đây! Mong rằng các vị Phật sẽ thể hiện toàn năng, toàn trí của mình để tiếp nhận lý thực của Đức Phật Thích Ca nói và chúng ta sống cho kỳ được điều mà Kinh Kim Cang nói.

Chúng ta không bao giờ học để nương vào điều này mà dụng công. Học Kinh Kim Cang là chúng ta phải rơi rụng những cái thấy biết sai lầm của mình, để chúng ta còn nguyên là mình ngay tại đây và bây giờ là chúng ta đang học đúng. Học không phải nhận thêm, mà học để rơi rụng thì chúng ta sẽ học được bản Kinh Kim Cang này. Nếu học để chúng ta thêm cái này cái nọ có khi là chúng ta không hiểu được bàn Kinh Kim Cang.

Thật sự những điều chúng ta đã học, đã huân tập không phải một đời, mà quá nhiều đời chúng ta bị văn hóa xã hội của loài người, hay nói khác hơn, cách truyền bá văn hóa nhân loại trải qua nhiều thế kỷ đã xông ướp khiến chúng ta có cái nhìn về cuộc sống, về con người, về bản thân chúng ta có cái gì lệch hướng. Chư Phật muốn chỉnh điều này mà không chỉnh được, thỉnh thoảng người nào có đại duyên lắm mới tiếp cận được Giáo lý thật của Đức Phật để có cái nhìn đúng đắn về mình, về vũ trụ nhân sinh, nếu không chúng ta sẽ có cái

thấy nhìn lệch lạc. Chúng ta đã từng học theo giáo lý thường, chúng ta đã không chấp nhận thân tâm này, thì chúng ta sẽ bỏ qua một mảng rất lớn trong đời sống này. Những cái đang hiện hữu của chính mình từ nhỏ tới giờ, thậm chí trải qua nhiều chục năm mình cứ tiếp tục bỏ thân này tìm thân khác hoài, thế mà mình có thái độ chống đối hơn thua với nó.

Trong lối lý luận cho thân chúng ta là huyễn, là giả, chúng ta không thấy giá trị thật của thân tới đâu, nó ra làm sao, nó sẽ làm gì trong đời sống hiện tại này. Chưa có cái gì có khả năng toàn diện như cái thân của chúng ta. Trước khi học Phật chúng ta phải có cái nhìn lại về thân tứ đại của chúng ta. Không có ai, không có nhà máy nào mà thả cọng cỏ vô nó quay qua quay lại biến thành máu, và nó tự động vận chuyển tới chỗ cần thiết cung cấp tất cả dưỡng chất cho những cơ quan cần thiết nuôi sống các cơ quan khác. Việc đó nó làm không cần sự chỉ đạo nào, và rồi chỗ nào thiếu nó sẽ vận hành đến, cơ quan nào yếu nó sẽ tự bù đắp. Trên thế giới chưa chế được loại máy nào có khả năng bằng một phần ngàn sự vận hành đó. Tạo hóa đã vun đắp, tác thành thân là tinh hoa của vũ trụ, nên khi học Phật chúng ta sẽ thấy lại như thật tất cả mọi vấn đề, mỗi cái đều có giá trị thật của chính nó. Giá trị của thân hết sức kỳ diệu. Chúng ta đã mang huệ thân rất nhiều chục năm trong cuộc đời này, mà chúng ta lại có thái độ chống đối, điều này không nên. Nhất là những người quán thân bất tịnh thấy thân thế này thế kia, có sự sử sự với thân không tốt, tìm cách nhịn đói nhịn khát, tìm cách cho nó thiếu ăn thiếu mặc, để nó bớt đi những ham muốn, theo kiểu tu tập đó là mình tự phá hủy lấy mình.

Rồi hàng loạt tư tưởng khiến đời sống chúng ta bị vất

vả. Chúng ta thấy nhìn về sinh hoạt, hạnh phúc, vui tươi, hưởng thụ từ thấp cho tới cao dường như chúng bị bẻ cong, bị uốn lệch hết, đời sống càng lúc càng khó khăn, nhân loại càng lúc càng đi vào ngõ cụt không lối thoát.

Đó là điều rất dễ sợ! Trải qua nhiều thời đại, nếu như văn hóa đã dạy cho nhân loại chúng ta mọi điều tốt đẹp, thì bây giờ chúng ta ngồi đây không có mỗi người mỗi ngã, không có làng này chống đối làng kia, không có nước này chống đối nước kia, không có hận thù hơn thua trong nhân loại này. Tại sao chiến tranh hận thù hơn thua mãi? Tại sao chúng ta sống cách ngăn nhau, ngay cả những người trong gia đình như vợ chồng, con cái, anh em không sống hòa nhịp được? Do đâu?

Do đó, học Phật chúng ta phải học lại sự thật của tất cả mọi vấn đề, để chúng ta có đời sống tốt hơn, để nhân loại chúng ta có cuộc sống thật sự tốt đẹp nếu chúng ta nhìn đúng về nhân cách con người, về cái thân này. Chúng ta đang làm rất nghịch lý với tất cả những người đang tu tập, mình đang mang nó, đang sống với nó nhưng mình luôn chống đối nó. Một nền tảng chống đối tự thân mình, khiến mình không chấp nhận ai trong xã hội này. Rõ ràng chúng ta luôn có sự mong cầu lẽ thật để chúng ta được sống an ổn, nhưng ngược lại chúng ta đang phá vỡ sự thật đó trong từng giờ phút trong đời sống này của chính mình, nên chúng ta không có phút giây nào yên ổn. Ngay tại đây chúng ta không chấp nhận điều gì hết, cứ nghĩ rằng một chút nữa sẽ hay hơn, ngày mai sẽ tốt đẹp hơn, không ai thấy ngay tại đây nó hết sức nhiệm mầu, tuyệt vời, cao đẹp.

Nhưng một chút nữa chúng ta sẽ ở trong trạng thái như bây giờ không chấp nhận mình nữa, và một phút nữa

chúng ta cũng không chấp nhận mình cho đến cả đời này không phút giây nào chúng ta chấp nhận mình cả. Mình tự phá hủy phút giây hiện tại, mình cứ nghĩ mình tu, cứ nghĩ mình phấn đấu vươn lên, và luôn mong chờ nắm bắt một cái gì đó ở mai kia, cố vươn lên để mong đạt được cái gì ở chút nữa. Cả đời chúng ta làm điều này và cho rằng đó là điều hết sức đúng.

Cũng có nhiều người khuyến khích chúng ta làm điều đó là chúng ta tự đày đọa cái hiện thực này, tự chối bỏ, tự chống trái chính mình trong từng giờ phút sống. Bảo chúng ta phải khổ tại đây đi, phải nằm gai nếm mật, phải thức khuya dậy sớm để thân xác này không khởi dục niệm, thân xác này không còn cuộc sống yên ổn, để có kết quả ngày mai ngày mốt gì đó, mình chết mình sẽ được đi đâu, về đâu gì đó, chỗ đó mới yên, còn bây giờ không yên.

Chúng ta không bao giờ chấp nhận ngay tại đây mình yên. Chúng ta hãy thôi đi những mộng tưởng, hãy chấp nhận hiện thực trong đời sống hiện tại. Ngay tại đây chúng ta không có gì là khổ sở cả, chúng ta hết sức tự do, chúng ta muốn nghĩ thương ai là nghĩ được, muốn ghét ai cũng nghĩ được, muốn đứng lên ngồi xuống, muốn thở hay nín thở, ta hoàn toàn tự do, không có gì thiếu thốn. Chúng ta chấp nhận sự thật, để rồi từ sự thật này sẽ lộ bày toàn diện đời sống thực, nó nói lên được cái bản thể chân thật luôn hiện hữu tại đây. Cứ mãi mãi từng bước chân một trong cuộc đời này chúng ta luôn sống trong hiện thực, không có chuyện viễn vông, không có chuyện mai kia chút nữa.

Chúng ta cố gắng làm sao phải tiếp nhận được cái không khí hiện tiền này, phải thở bằng hơi thở ngay tại đây.

Chúng ta đang hít vào và thở ra tự do. Phải chấp nhận hơi thở này, đời sống này, thôi đi những ảo tưởng viễn vông, những mơ mộng hão huyền thì đời sống chúng ta tự động an ổn. Một lần chúng ta chấp nhận mình ngay tại đây, thì lần đó chúng ta đã ở trong mảnh đất Phật. Làm Phật thì chúng ta phải ngồi ngay tại đây và bây giờ để thành Phật, không trải qua một phút giây, không có thời gian, không có quá khứ và không có vị lai. Ngay tại đây chúng ta không bị ràng buộc bất kỳ tư tưởng nào. Chúng ta sống ngay tại đây và bây giờ, không thời gian, không không gian là chúng ta đang ngồi tại vị trí Phật của chính mình.

Làm sao học hết bản Kinh Kim Cang chúng ta phải nhập được cảnh giới thật này. Không còn phút giây nào trong đời sống này chúng ta mộng tưởng tương lai, không cần thiết vì một chút nữa cũng không khác bây giờ. Nếu ngay đây mà chúng ta không chấp nhận thì chút nữa chúng ta cũng không chấp nhận, một sát na sau không khác sát na này, và mãi mãi đời sống chúng ta luôn cuốn trôi.

Nếu ngay đây chúng ta chấp nhận được mình thì mãi mãi chúng ta vẫn là như vậy. Phúc lạc sẽ lộ bày, mưa hoa sẽ bắt đầu rơi xuống trong đời sống chúng ta. Đừng có theo thói quen là chối bỏ mình nữa. Chúng tôi rất mong mọi người đều có trí tuệ, biết được hiện thực tuyệt vời ngay tại đây và bây giờ, để chúng ta sống đúng với cái đang có ở đây, rất thực tế. Đạo Phật rất thực dụng ngay nơi hiện tiền, không nói chuyện viễn vông. Đức Phật chưa từng dạy ai mai được cái này, mốt được cái kia. Đối với đệ tử của Đức Phật, Ngài chưa bao giờ dạy chuyện tương lai, cũng không nói chuyện xa vời, mà nói chuyện ngay thực tại hiện tiền. Mở toang được cánh cửa thực

tại, thì đời sống chúng ta luôn tại đây, không có dấu tích quá khứ, không có vọng hướng tương lai, hiện tại tan biến, thời gian coi như không có với chính mình. Và những phút giây còn lại trong đời mình là phút giây tuyệt vời vượt thoát không gian thời gian, học như vậy đời sống mới có ý nghĩa.

Nếu chúng ta học để làm cái gì đó, phải có một Pháp để chúng ta nương, có một cái gì đó để dụng công, có một điều gì để chúng ta phấn đấu đều là dư thừa và không cần thiết. Chúng ta đã quá đủ rồi, không cần phải mang thêm gì nữa, chúng ta không phải là người xin ăn mà là người bắt đầu bố thí. Chúng ta là người rất giàu có, không thiếu thốn bất kỳ cái gì, từ kiến thức tới tâm linh, không thua ai. Hãy tự tin và phải khai thác kho tàng đó của chính mình, để mình dùng xài cho đời sống này và cho cả nhân loại, thì đời sống chúng ta sẽ tốt hơn.

Khi học Kinh Kim Cang chúng ta sẽ tiếp nhận được lý thực, không phải học Kinh để chúng ta rớt vào không, bác hết mọi cái để mình còn cái gì đó không ngơ. Tất cả những lời lẽ trong bản Kinh, Đức Phật muốn nói lên sự thật đời sống thực của chính chúng ta. Có những sự thật rất thật đến độ không còn ngôn ngữ để diễn bày, khiến chúng ta bị ngỡ ngàng. Như bảo mình là Phật mình rất ngỡ ngàng, vì từ xưa tới giờ mình cứ nghĩ mình là chúng sanh đắm nhiễm và vô minh, chúng ta bị xông ướp một số tư tưởng đó rồi, làm con người chúng ta bị bó chặt lại. Mình cứ mãi mãi là nô lệ, là kẻ xin ăn thì mình cảm thấy yên ổn, bây giờ tự dưng nữa đường thành tỷ phú là mình run.

Cái kiểu học của tri thức, học để mà người trước đưa ra cái gì thì người sau sống trong vòng đó không thể thoát ra

được. Bây giờ chúng ta phải khai phóng tất cả những khung sáo vốn có trong nhân loại này, phá vỡ những đặt định trước kia, phải đủ gan bước một bước bể hư không này đi ra. Chúng ta phải có đời sống thực sự tự do tự tại với chính mình, muốn nghĩ, muốn nói, muốn làm một cách tự do. Nếu chúng ta không nương tựa kiến thức cũ thì chưa ai sai cả, chính lý do chúng ta nương tựa kiến thức cũ nên chúng ta sai.

Làm gì mình cũng suy nghĩ lại, suy luận cái này nó giống hay không giống với cái kia, cái này nó không giống với cái nào đó mình đã từng nghe ông nào nổi tiếng nói câu này rồi, nếu làm khác đi là sai nhưng sai với kiến thức cũ. Nếu chúng ta hết đi những kiến thức thì chúng ta không bao giờ sai. Chúng ta thử nghiệm lại, đừng nghĩ những điều đặt định trước là đúng, đừng nghĩ nhiều người chấp nhận nó thì nó là phải, chúng ta phải có con đường đi tự do riêng của chính chúng ta, là Phật của chính mình.

Chúng ta nhìn người khác là thấy khác mình. Người tu Tịnh độ học một số kiến thức Tịnh độ, thấy người tu Thiền không giống mình. Ngược lại người tu Thiền cũng thế, chúng ta luôn không giống nhau với một số kiến thức mà thôi, chứ hoàn toàn không có gì khác nhau. Do chúng ta có kiến thức mà khác nhau, bỏ kiến thức đi thì không ai khác ai. Do có kiến thức mà bẻ lệch đời sống chúng ta từ trước tới giờ. Bây giờ nếu chúng ta can đảm buông kiến thức xuống thì chúng ta tự động sống đúng. Dám tin điều này thì đời sống chúng ta mới hy vọng biến chuyển, còn không đủ lòng tin thì chúng ta cứ đi theo lối mòn cũ. Để đời này và mãi mãi những đời sau chúng ta luôn chấp nhận để người đi trước dẫn đường sỏ mũi dắt đi, mà không chịu tự do. Cái đầu chúng ta cứ mãi theo kiến

thức như con trâu sỏ mũi vàm, rồi cứ bị ghịt hướng phải thì quay đầu hướng phải, ghịt hướng trái thì quay đầu hướng trái, chưa bao giờ chúng ta đi với không mũi vàm ở trước.

Chúng ta đã như vậy lâu lắm rồi, quá nhiều đời rồi. Đời này chúng ta cắt dây vàm ra đi, đừng để bị xỏ mũi bởi những kiến thức đó nữa. Chúng ta phải đi giữa trần gian này bằng con người của chính mình, không cần có một kiến thức nào đi trước, để ép buộc mình phải có cái này để có thể sống trong đời này, phải có cái kia để mình sống trong đời kia, khi tiếp xúc với người này phải nói câu này, tiếp xúc với người kia phải nói thế kia mới đúng. Chuẩn bị đối diện với sự kiện này chúng ta phải có kiến thức này, chuẩn bị đối với việc kia phải có kiến thức kia, để có thể hòa nhịp được với người khác v.v…

Tất cả điều đó không cần thiết. Chúng ta thử một ngày sống tự do với chính mình mà không mang kiến thức một ngày, thì quý vị sẽ thấy đời sống mình nhẹ nhàng thoải mái vô cùng, và đạt được an lạc tuyệt đối. Càng có kiến thức chúng ta càng nặng nề thêm. Chúng ta phải mạnh dạn nhìn lại lối mòn tâm thức đã hoạch định cũ, bây giờ không cần thiết nữa, chúng ta đi với con đường thênh thang mênh mông của chính mình, đời sống ta sẽ tự do hơn,và nhân loại mai kia sẽ tốt hơn nhiều nếu thấy được lý thật này.

II. LƯỢC KHẢO

Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là một trong những bản Kinh được giới chuyên môn đánh giá rất cao, và được dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Ở Việt Nam, ngài Nguyễn Du sau một lần đi Trung quốc tới đài Chia Kinh của thái tử Chiêu Minh con vua Lương Võ Đế (thái tử Chiêu Minh khi gặp Kinh Kim Cang rất thích, phân chia ra ba mươi hai phần, được rất nhiều người coi trọng). Đứng hồi lâu trước đài Chia Kinh, ngài Nguyễn Du thấy trống rỗng không có gì, Ngài chợt ngộ và sụp xuống lạy. Sau đó Ngài nói bài kệ ý là Ngài đã đọc tụng Kinh Kim Cang hơn một ngàn lần nhưng không hiểu nghĩa lý Kinh, hôm nay đứng trước đài Chia Kinh, Ngài mới thấy rõ ràng Kinh Vô Tự mới thật là Chân Kinh. Sau đó Ngài trước tác Truyện Kiều, nếu chúng ta hiểu Truyện Kiều thông qua Kinh Kim Cang, chúng ta sẽ thấy tinh thần bốn loài chúng sinh và tứ tướng thoang thoảng trong đó.

Ngài Lục Tổ Huệ Năng là Tổ đời thứ 6 lừng danh của Trung Hoa ngộ từ Kinh Kim Cang, đánh mốc hưng thịnh của Thiền Sư Trung Hoa. Trước Ngài, Thiền Sư được truyền nối một đời chỉ có một vị hoặc hai vị thôi, còn đời Lục Tổ Huệ Năng, Thiền Sư ngộ đạo rất nhiều và từ đó Thiền Tông bắt đầu hưng thịnh.

Theo chúng tôi nghĩ, Kinh điển Đại thừa như Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm v.v... lối lý luận rất huyền biến không thật như Kinh Kim Cang. Đặc biệt

nhìn theo lối hình thành văn chương, thì lý luận ngôn ngữ Kinh Kim Cang thực tế giống thiền Trung Hoa hơn là Ấn Độ, là Phật giáo Đại thừa hết sức thực tế trong đời thường của chúng ta.

Kinh Kim Cang truyền sang Trung Quốc được rất nhiều nhà phiên dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán, trong đó được chú ý nhất là bản của ngài Cưu Ma La Thập, ngài Huyền Trang và ngài Nghĩa Tịnh.

1. Ngài Cưu Ma La Thập (Kumãrajiva) ở chùa Thảo Đường tại Trường An. Vào niên hiệu Hoằng Thủy năm thứ tư, tức là năm 402 Tây lịch, thuộc đời Dao Tần, Ngài dịch tên Kinh là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật". Đây là bản có giá trị nhất, được gọi là định bản, vì bản dịch này được mọi người dùng để trì tụng. Bản này nằm trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày (Kinh nhật tụng).

2. Ngài Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci) đời Ngụy dịch tên Kinh cũng đồng với bản trên tức là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật" vào khoảng 508 Tây lịch.

3. Ngài Ba La Mật Đà (Paramàrtha) Trung Hoa dịch là Chân Đế dịch vào đời Trần, khoảng giữa thế kỷ thứ VI, để tên là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật".

4. Ngài Đạt Ma Cấp Đa (Dharmagupta) đời Tùy, khoảng đầu thế kỷ thứ VII dịch tên cũng đồng là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật."

5. Ngài Huyền Trang đời Đường, khoảng giữa thế kỷ thứ VII, dịch chung trong bộ Đại Bát Nhã, 600 quyển, gồm 16 hội, "Kim Cang" là hội thứ 9, quyển 577 trong bộ Đại Bát Nhã.

6. Ngài Nghĩa Tịnh, đời Đường đầu thế kỷ thứ VIII, dịch tên Kinh là "Phật Thuyết Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh." Ngài có đi Ấn Độ mang bản chữ Phạn về.

Có rất nhiều các Thiền Sư và giảng sư Trung Hoa sớ giải:

1. Ngài Trí Khải đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát Nhã Kinh Sớ" gồm một quyển.

2. Ngài Kiết Tạng đời Tùy để tên là "Kim Cang Bát Nhã Sớ", gồm bốn quyển.

3. Ngài Khuy Cơ đời Đường để tên là "Kim Cang Bát Nhã Kinh Tán Thuật" gồm hai quyển.

4. Ngài Tông Mật tức ngài Khuê Phong cũng ở đời Đường, để tên là "Kim Cang Bát Nhã Kinh Sớ Luận Toát Yếu" gồm hai quyển.

5. Ngài Trí Nghiêm cũng thuộc đời Đường, để tên là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Lược Sớ" gồm hai quyển.

6. Ngài Tử Cừ đời Tống, để tên là "Kim Cang Kinh Toát Yếu San Định Ký" gồm bảy quyển.

7. Ngài Tông Lặc và Như Khởi vào đời Minh, để tên là "Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Chú Giải" gồm một quyển.

8. Kim Cang Chư Gia trích lời giảng của các Thiền Sư.

9. Ngài Thái Hư, để tên là Kim Cang Giảng Lục.

10. Gần đây nhất là cư sĩ Giang Vị Nông, để tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Giảng Nghĩa.

Những nhà phiên dịch Hán Việt ở Việt Nam:

1. Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch trong bộ Tam Bảo tụng hằng ngày.

2. Hòa thượng Thiện Hoa dịch trong bộ Phật Học Phổ Thông (tức là trong mười hai nấc thang giáo lý).

3. Thượng tọa Huệ Hưng dịch quyển Kim Cang Giảng Lục của ngài Thái Hư.

4. Cư sĩ Đồ Nam dịch bản của ông Giang Vị Nông.

Chúng tôi lược giảng theo bản dịch của Hòa thượng Thích Thanh Từ là Thầy của chúng tôi, dịch từ "Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật" của Ngài Cưu Ma La Thập.

III. Ý NGHĨA TÊN KINH KIM CANG

Kinh Kim Cang là một trong những bản Kinh chỉ có riêng ngài Huyền Trang là Ngài dịch chung với bộ Đại Bộ Bát Nhã, tức là nằm trong hệ thống Đại Bộ Bát Nhã, mà hệ thống Đại Bộ Bát Nhã là hệ thống chuyển tiếp từ Tiểu thừa sang Đại thừa, chưa được gọi là hệ thống Đại thừa Viên đốn. Do đó, một số người cho rằng Kinh Kim Cang thuộc tầng rất thấp, nhưng các vị khác thì thích dịch riêng như Ngài Cưu Ma La Thập dịch riêng Kinh Kim Cang không dính với Đại Bộ Bát Nhã như ngài Trần Huyền Trang.

Kim Cang: Là một pháp của dụ. Đối với chúng ta Kim Cang là cái gì cứng chắc, khó hư, khó hoại. Thực tế Kim Cang

muốn nói tới cái gì của tất cả chúng sanh nó cũng không hư, không hoại với không gian và thời gian. Kim Cang đủ sức phá vỡ tất cả mọi cái, cái gì cứng nhất Kim Cang sẽ phá vỡ hết. Muốn dụ cho chúng ta, nếu có trí tuệ Kim Cang nơi mình thì mình đủ sức phá vỡ vô minh, phiền não, nghiệp tập ngàn đời ngàn kiếp.

Bát Nhã: Là trí tuệ không thông qua kiến thức, không phải do học, cũng không do tu tập, hay huân tập, không qua Kinh nghiệmsống của thế gian. Là trí tuệ không được đào luyện thông qua công phu, mà là cái thấy biết thật đối với nhân sinh và vũ trụ. Cái thấy biết đó thấy đến lẽ thật, thấy đến bề sau của tất cả sinh hoạt đời sống thường tình của chúng ta. Chúng ta luôn có trí tuệ Bát Nhã hiện tiền không thông qua bất kỳ loại ngôn ngữ nào, hay sự dụng công nào, và cũng không thông qua bất kỳ kiến thức nào, mà luôn thấy biết rất thực, tường tận, rõ ràng mọi điều, mọi thứ trong trần gian này, là cái vốn có của tất cả chúng ta.

Học Kinh Kim Cang để chúng ta tiếp nhận trí tuệ của mình, một loại trí tuệ không vướng bận trong sinh tử luân hồi. Khi học Kinh Kim Cang là chúng ta bước đến mảnh đất thật không sinh không tử của chính mình, để chúng ta sống trên mảnh đất thật đó.

Ba La Mật: Dịch âm tiếng Phạn là đáo bỉ ngạn sang bờ kia. Là loại trí tuệ thấu thoát sanh tử, nhìn một cái là qua bên kia bờ sanh tử, không còn bên đây nữa. Học Kinh Kim Cang để chúng ta tiếp nhận một loại trí tuệ không vướng bận trong sinh tử luân hồi, là bước đến và sống được trong mảnh đất thật không sinh không tử của chính mình. Do chúng ta không chấp nhận cái thấy nhìn lẩn quẩn trong sanh tử nên

chúng ta mới học Kinh Kim Cang.

Đức Phật muốn chỉ tất cả chúng ta đều có cái bất sanh bất diệt, không bị hư hoại bởi không gian và thời gian. Đủ phá tan tất cả nghiệp tập phiền não vô minh ngàn muôn kiếp, để lộ bày một loại trí tuệ không thông qua kiến thức và đưa chúng sanh qua bờ sanh tử luân hồi ngàn đời ngàn kiếp.

Học Kinh Kim Cang, tất cả chúng ta phải đủ gan tiếp nhận sự thật của chính mình vốn có từ ngàn xưa tới giờ, một thực tại quá mênh mông, quá vĩ đại của chính mình mà mình đã quên. Chúng tôi thiết tha kêu gọi mọi người cũng như những người học Kinh Kim Cang, mong tất cả quý vị có đủ can đảm tiếp nhận sự thật của chính mình vốn có sẵn đủ từ xưa tới giờ, như vậy là đủ, chúng ta không phải làm thêm điều gì. Tất cả những gì muốn làm chúng ta hãy thôi dứt đi, bắt đầu nghỉ ngơi vì chúng ta đã ở trong kho tàng đó rồi. Chúng ta có lăn qua trở lại cũng luôn ở trong kho tàng kim cương vĩ đại của chính mình, không bao giờ dùng xài hết những cái đã có của mình, đừng tiếp tục lang thang để xin xỏ nữa. Chúng ta đã nhiều đời làm kẻ lang thang ăn mày, bây giờ mình phải tự xưng mình là tỷ phú mở kho tàng của mình ra để dùng xài, không xài của người khác nữa. Chúng ta có bảo châu vô giá dùng hoài không hết, không có cái gì ở trần gian có mà ngoài mình cả, không có cái gì vũ trụ có mà mình không có cả, chúng ta có đủ hết. Khi nhận được sự thật này thì chúng ta bắt đầu dùng xài những cái vốn có của mình, nếu không chấp nhận điều này thì tự chúng ta đóng cửa kho tàng của mình, đi lòng vòng bên ngoài để xin ăn và mãi mãi là con người nghèo khổ.

Học Kinh Kim Cang chúng ta phải chịu khó học khác

hơn các bản Kinh khác. Chúng ta không cần phải làm thêm gì, thôi đi những hơn thua lựa chọn, cố gắng để tâm rỗng lặng, chỉ để sự rỗng lặng tiếp nhận tất cả những gì đến với mình, đừng nghĩ mình phải thêm hay bớt điều gì nữa, cũng không nên so sánh nhau trong kiến thức. Nếu còn tiếp tục so sánh thì cả đời chúng ta luôn đi tìm kiếm cái này so đo cái kia, chứ không phải học cái của mình. Học cái của mình là không hề có sự chuẩn bị trước, chúng ta đủ thông minh thì luôn sẵn sàng tiếp cận cái mới mà không hề có thái độ gì khác, để từ đó những chân trời mới chúng ta sẵn sàng dấn thân vào, không cần phải mang theo hành trang nào để đi vào cuộc sống này, được vậy thì mỗi bước chân chúng ta mỗi mới, còn mang bất kỳ hành trang nào thì chúng ta lại dẫm lên vết đi cũ của mình, không phải là bước những bước mới. Đời sống chúng ta muốn mới mẻ, thanh thoát thì chúng ta phải đi bằng bước chân của chính mình, không nên mang bất kỳ kiến thức nào. Mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút giây còn lại của chúng ta đều mới mẻ tuyệt đối, không có gì cũ kỹ. Như vậy là chúng ta sống khế ứng với tinh thần Kinh Kim Cang.

IV. GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH KIM CANG

ĐOẠN 1: NGUYÊN DO CỦA PHÁP HỘI

Tôi nghe như vầy: Một hôm Đức Phật ở nước Xá Vệ (Sràvasti) tại rừng Kỳ Đà (Jeta) trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy gần đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn đắp y mang bát vào đại thành Xá Vệ khất thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khất thực xong, trở về nơi chúng ở. Thọ trai rồi, Ngài cất y bát, rửa chân, trải toà ngồi.

Đầu Kinh Kim Cang không nói đến chuyện phép màu thần thông như các bản Kinh khác, mà nói đến chuyện rất thường của con người đang sống trong cõi này, đạt đến mức đạo lý không còn sự so sánh cao thấp nữa. Tới giờ thì mang bát đi vào thành khất thực không chọn lựa nhà giàu nghèo, không chọn lựa ai một cách rất bình đẳng rồi quay về tịnh xá ăn cơm, cất y bát, rửa chân, ngồi thiền.

Đức Phật đi là đi, về là về với chính mình. Trên đường đi ai có gì dâng cúng Ngài vẫn tiếp nhận mà không chọn lựa. Trong sinh hoạt hằng ngày thì như một người thường, ăn cơm, rồi rửa bát, xong rửa chân ngồi thiền, vậy thôi, không có gì thêm, không có gì bớt. Chính điều này mà trưởng lão Tu Bồ Đề thấy được đạo lý trong đời thường của Đức Phật mới đảnh

lễ thưa thỉnh. Và cũng chính đời thường dung dị này Đức Phật thể hiện trọn vẹn đạo lý thực của con người.

Đây là một đạo lý rất thực, đạo Phật không thành thần thông phép màu như người ta tưởng tượng. Tới đạo Phật là dẹp đi tất cả những ảo tưởng ảo giác, dẹp đi những điều kỳ bí theo quan niệm của con người, họ nhìn Đức Phật như ông Thánh, chỉ cần nhắm mắt mở mắt là ông bay từ thế giới này qua thế giới kia, bay từ cõi Ta bà này tới cõi trời nọ v.v. Tất cả những điều đó cần được dẹp bỏ. Đạo Phật nói lên sự thật ở con người, những bước chân rất thường tình không dính mắc.

Khi hiểu được điều này, chúng ta mới thấy giá trị đời sống thực của mình, tự tại giải thoát ngay tại đây không cần phải đi thế giới khác. Đức Phật đã thể hiện trọn vẹn đời sống giải thoát của mình, với con người bình thường, cũng thân phàm, mắt thịt ở ngay tại đây không dính mắc bất kỳ một điều gì. Khởi điểm Kinh Kim Cang, muốn diễn tả đời sống siêu thoát của bậc Đại giác đi trong nhân gian, hết sức bình thường.

Ngài Nam Tuyền nói: *"Bình thường tâm thị đạo"* tức tâm bình thường là đạo. Người đạt đạo rồi cuộc sống và đạo lý của họ trở thành một, họ sống rất bình thường, dung dị. Hoặc có người hỏi ngài Triệu Châu: *"Thế nào là đạo?"* Ngài không trả lời, hỏi: *"Ăn cơm chưa?"* Hành giả kia nói: *"Ăn cơm rồi."* Ngài nói: *"Ăn rồi thì rửa bát đi".* Tất cả những gì có trong trần gian này chúng ta vướng lại là rớt vào tầng sâu của tâm thức. Ngược lại, những hành động, cư xử trong đời sống này chúng ta làm một cách trôi chảy bình thường thì đó là đạo. Một đời sống rất thường mà không vướng lại, ví dụ ta đang đi là đi, ta đi trên bước đường đi của chính mình, đó là đạo. Nhưng chúng ta không chịu vì thấy mình bình thường

quá, thấy mình phàm tục quá, đi một bước phải mấy trăm cây số mới chịu mình là người đạt đạo.

Đức Phật đi từng bước chậm rãi, Ngài không phải dùng thần thông đi như bay đâu. Khi đói bụng Đức Phật cũng ăn cơm, ăn xong cũng bưng bát đi rửa, một đời sống hết sức bình thường dung dị mà thể hiện trọn vẹn đạo lý không vướng mắc của Ngài. Đó là chỗ Kinh Kim Cang muốn nói với chúng ta, và đây là nguyên nhân của pháp hội, trọn vẹn đời sống đạo lý thể hiện trong đoạn này.

Nếu một người trong đời sống thường ngày tới giờ đói bụng thì ăn cơm, xong rửa bát, rồi nằm ngủ, vậy là xong, không thêm không bớt gì. Trong tâm chúng ta không đòi hỏi, hay mong cầu, không vọng hướng tương lai, không vướng mắc quá khứ, cũng không chấp mắc ngay nơi hiện tại này, thì đó là đời sống của đạo.

Đạo lý trở thành cái gì rất thực dụng, không nói tới chuyện huyền biến cao xa. Cũng không phải là loại triết lý, hay là một loại tâm lý, một loại khoa học, hay một kỹ thuật sống nào, mà đạo lý đạo Phật là cái gì hết sức bình thường, đói bụng thì ăn cơm, mệt nằm xuống ngủ, không thêm không bớt điều gì. Quan trọng là đói bụng thì ăn không đòi hỏi món canh phải thêm chanh, món kho phải thêm ớt v.v...

Chuyện này chúng ta nhớ tới gia đình ông Bàng Long Uẩn. Ông Bàng Long Uẩn nói: *"Khó, khó, khó, mười tạ dầu mè đưa tay vuốt.*" Một cây mà thoa mười tạ đầu mè thì không ai leo lên đầu cây nổi, ôm leo một chút là tuột xuống té liền, đó là việc rất khó. Bà Bàng Long Uẩn thì thấy khác*: "Dễ, dễ, dễ, trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư,"* đối với bà chỗ nào cũng là ý Tổ sư, chỗ nào cũng là đạo, chẳng có gì là khó. Cô con gái

nói*: "Không phải dễ, không phải khó, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò."* Điều này thể hiện rõ đạo lý, khi chúng ta hiểu biết ra rồi thì mong mỏi để mình thành cái gì đó, ước muốn để mình hơn bây giờ không còn nữa. Không có những vọng hướng vĩ đại là trở thành điều gì, trở thành loại gì, hay thành ông gì, bà gì, không còn điều đó lớn vởn trong đầu mình nữa.

Một đời sống rất thường, đối với công việc làm một cách bình thường, làm xong là thôi, không thêm, không bớt, không mong cầu. Chưa bao giờ có chuyện gì vướng mắc tới quá khứ, ngay nơi hiện tại cũng chẳng vọng hướng tương lai gì, hai đầu đó gần như tắt mất với họ. Một đời sống mà có những bước đi vượt thoát không gian, thời gian như Đức Phật là điều rất khó. Đối với Đức Phật phút giây nào với Ngài cũng đều ở trong toàn tri toàn giác, chúng ta nghĩ là Ngài đói bụng đi xin cơm ăn, xin thưa chúng ta đã lầm. Với khả năng toàn giác của Ngài, khi đặt chân đến nơi nào là nơi đó giác ngộ hoàn toàn với chính Ngài. Bước chân Ngài đi luôn ở trong cái thấy nhìn toàn triệt của chính mình, nếu nhìn ở góc độ bình thường thì Đức Phật đang mang thân phàm, nhưng không có phút giây nào Ngài không ở trong sự thanh tịnh tuyệt đối của chính mình. Không phút giây nào Đức Phật không làm Phật sự cao xa. Chúng ta cứ nghĩ rằng khi nào ngồi xếp chân kiết già Đức Phật mới thuyết pháp, nhưng thật sự từng sát na một trong đời sống Đức Phật, mặc dầu Ngài đang khất thực, đang ăn cơm, hay đang nằm nghỉ, trong những thời khắc đó Đức Phật đều thuyết pháp cho thập phương thế giới nghe, không phải đợi tới giờ mới thuyết pháp.

Cả đời của Đức Phật thể hiện trọn vẹn giáo lý giác ngộ giải thoát, từng bước chân của Ngài đều nói lên tất cả giáo lý

siêu tuyệt đó, nhưng ít người nhận ra, cứ nghĩ Đức Phật đói bụng đi khất thực, và đói bụng thì ăn cơm thôi, như vậy chúng ta không hiểu được hết nơi Ngài, thì sẽ không nhìn ra đời sống đó. Ý đoạn này không muốn chúng ta nhìn đạo Phật là cái gì cao kỳ, huyền bí, linh thiêng, mà muốn nhìn đạo Phật hết sức là thường, hết sức dung dị, không vướng mắc quá khứ, không vọng hướng tương lai, một đời thường với những bước chân toàn triệt giác ngộ của Đức Phật đi vào đời.

Phút giây Đức Phật hiện hữu trong đời này, là phút giây Ngài thể hiện tuệ giác của chính mình trong đi đứng nằm ngồi, trong cái tâm rỗng lặng sáng suốt mênh mông giác ngộ đi vào đời sống. Chúng ta nghe diễn tả như vậy, nhưng nếu chúng ta đủ phước duyên gặp Đức Phật chắc chắn chúng ta sẽ bị rung động. Không phải bước đi thường như mình, mặc dù đi khất thực, nhưng Đức Phật đi với phong thái của bậc giác ngộ, có cái gì đó hết sức đẹp, không gấp rút, không vội vã, không nôn nao, không tất cả tâm mong cầu, chờ đợi. Ngài đi rất bình an, cái bình an đó khiến chúng ta thấy tự động đầu gối mềm xuống mà đảnh lễ, cúng dường. Rồi Đức Phật quay về ngồi kiết già ăn cơm, đi rửa bát và Đức Phật tọa thiền, đó là phong thái của bậc Đại giác. Tất cả đều thể hiện trong cái toàn giác toàn tri rất đẹp, không thừa, không thiếu, những bước đi rất chuẩn mực cho nhân gian. Từng hành động, cử chỉ, từng cái tay đưa lên đưa xuống v.v... tất cả những cử chỉ động niệm của Đức Phật đều thể hiện sự thanh tịnh tuyệt đối của bậc toàn năng toàn giác chúng ta còn xôn xao, còn dao động, còn thể hiện cái phàm phu phàm ăn tục uống của mình, nhưng vị Thánh ăn rất đẹp. Nếu chúng ta thấy Đức Phật ăn là điều hạnh phúc lắm, nhưng chúng ta không được phước để

thấy điều này.

Nếu chúng ta học đạo mà nghĩ đạo lý là cái gì đó cao xa ở đâu, là chúng ta đã hiểu lầm. Sau này tới đời chư Tổ nói: "Phật pháp bất ly thế gian giác," tức là sự giác ngộ của đạo Phật là ngay tại thế gian này, không lìa thoát thế gian để giác ngộ. Qua đoạn này chúng ta nên xây dựng lại thái độ học Phật của chính mình. Chúng ta phải học làm sao để đạo lý trở thành đời sống của mình ngay tại đây chứ không phải là chút nữa, làm sao biến đổi đời sống thực tại ngay tại đây, hãy thôi dứt tất cả những vọng hướng tương lai trở về đây và phải cắt đứt tất cả những liên hệ quá khứ của chính mình, để mình chỉ là người hiện hữu ngay tại đây, giống như những bước chân đi trong chân trời giác ngộ của Đức Phật.

Từ xưa tới giờ rất nhiều người hiểu lầm, nghĩ đạo Phật là cái gì ở đâu cao xa lắm, mênh mông diệu vợi, nên khi bắt đầu vào đạo Phật chúng ta vọng tưởng mình sẽ thế này, sẽ thế kia, quên đi đời sống hiện tại. Có người khuyên chúng ta cố gắng quên đi đời sống này, để khi chết sẽ được đến nơi đẹp hơn bây giờ, cao sang sung sướng hơn, hạnh phúc hơn. không màn đến đời sống vô nghĩa này nữa. Nếu cả nhân loại chúng ta bị tiêm nhiễm với loại đạo đó thì trần gian này sẽ sụp đổ, không ai còn ý chí phấn đấu lo cho đời sống hiện tại. Vì đời sống này quá xấu xa, quá đau khổ, bần hèn, nên chúng ta không còn phấn đấu để xây dựng hiện tại đời sống của mình, không còn xây dựng hạnh phúc, không còn sống an lạc, chỉ hy vọng được chết để về chỗ cao hơn. Mặc dầu mình rất sợ chết, nhưng lại cố gắng chết để về chỗ khác.

Đời sống chúng ta luôn có sự mâu thuẫn, trong khi bây giờ nếu bảo mình chết liền chưa chắc mình chịu, nhưng mình

vẫn mong chết để đến đâu đó. Do có loại giáo lý ép mình thấy cuộc đời này là xấu, là điều không đáng tin cậy, không đáng để nương náu, không đáng lưu tâm v.v… Họ hướng chúng ta mơ tưởng một nơi nào đó đẹp hơn, đó là cách gợi tham tâm cho chúng ta.

Chúng ta còn mang ước vọng để đi vào đời, vẫn còn muốn xây đựng hạnh phúc ngay tại đây, nhưng rồi chúng ta muốn xây dựng hạnh phúc ở một cõi khác nữa. Một cái tham ở cõi Ta bà đã đủ khổ rồi, còn tham qua bên kia nữa, nhiều cái tham quá, nên đời sống con người không được tươi sáng. Nói cho cùng tất cả chúng ta đều rất sợ chết, nên có một loại tâm lý học dựng cho chúng ta một cảnh giới chết cao hơn bây giờ, khiến chúng ta có sự hứng khởi trong đời sống này trở lại. Nghĩ tới chuyện chết không còn cái gì nữa thì đời sống mình không còn giá trị nữa. Tại sao mình sống mà ngã ra chết không còn cái gì, cho nên phải làm cái gì đó để chúng ta về đâu đó ngon hơn bây giờ, vì thế được. nhiều người thích.

Người nào hưởng được phút giây hiện tại mới thấy giá trị thật trong đời sống này. Cuộc sống của con người hết sức vi diệu mà chúng ta không chấp nhận thì rất uổng. Chúng ta tự chê bai tạo hóa này. Ai có ý niệm chê bai thân xác, chê bai đời thường, có cái nhìn xấu về cuộc đời tức là người đó đã chê bai tạo hóa. Phải nói là trải qua nhiều tỷ năm mới hình thành thân con người quá trọn vẹn, hình thành một cuộc đời quá tuyệt vời mà chúng ta không chấp nhận thì phí uổng biết bao. Khi chúng ta chê tạo hóa gầy dựng nên thân xác này, là chúng ta tự chuốc lấy khổ đau cho chính mình, tự tìm con đường bất an cho mình. Đời sống này chúng ta nghĩ bị bắt buộc phải sống ở đây, chứ không phải chúng ta tự nguyện tới đây để

sống, cho nên ai cũng nhăn mày, nhíu mặt không tươi vui. Nhưng nếu chúng ta tới trần gian này bằng sự ham thích của mình, chúng ta vui mừng đón nhận những gì xảy ra trong đời sống này, thì đời sống chúng ta khác đi.

Gần như trong tư tưởng của người học Phật là chúng ta bị nghiệp nên tới đây chứ không phải tự nguyện, chúng ta xông ướp tư tưởng này lâu quá rồi, và chính điều này làm khổ cho tất cả những người học Phật. Chúng ta phải thấy, mình tới đây là tự nguyện tự giác, vì thích trần gian này quá nên mình tới và vui chơi ở đây. Đây là cõi để cho chúng ta tới hưởng thụ hạnh phúc, chúng ta phải vui sống đạt được an lạc hạnh phúc vui tươi ngay tại đây, và mãi mãi những kiếp tới chúng ta muốn đi đâu, muốn đến cõi nào là đến. Chúng ta quá tự do để chọn cõi này mà tới và sống tự do ở đây, để chúng ta tự do đi cõi khác. Đó là điều mà đạo Phật muốn nói.

Mong rằng chúng ta phải thay đổi quan niệm sống, phải nhìn đời bằng cặp mắt hết sức xinh đẹp, vui tươi và ngập tràn hạnh phúc. Chúng ta tới đây để hưởng hạnh phúc trong trần gian này, không phải đến để bị đày đọa trong cõi này. Chúng ta hãy xóa đi quan niệm không hay đó, để xã hội này tươi vui lên. Khi có cuộc sống tươi vui thì chúng ta sẽ thấy quí yêu cuộc sống này, từ đó tình thương sẽ lan tỏa đến muôn loài và đời sống bắt đầu có giá trị. Nếu chúng ta còn chê hay chối bỏ cuộc sống này là đời sống chúng ta bị cắt, xén, bị sứt mẻ.

Ngay bản thân và đầu óc mình đã bị bể từng mảng, chúng ta không sống trọn vẹn với cái vốn có của chính mình, nên mình không biết thương yêu và san sẽ với người bên cạnh mình. Nhưng khi chúng ta đã đủ tình cảm thương yêu, thấy

cuộc đời này là đẹp, thì chúng ta giàu có lên, có đủ để có thể cho tất cả mọi người. Chúng ta có thể hòa nhập các cảnh giới trong đời sống này, sống tự tại trong đó và bước ra tự tại, không có gì là khổ đau, không có gì là ràng buộc. Đó là một đời sống mới của nhân loại.

Chúng ta đã trải qua nhiều đời, xông ướp hàng loạt những tư tưởng làm cho đời sống nhân loại bị bóp chẹt lại, bị khu biệt, bị khung sáo, bị trói buộc và trầm luân. Do các hệ tư tưởng trước được đào luyện, chúng ta bị nhồi sọ không phải một đời một kiếp, mà quá nhiều đời nhiều kiếp cứ nghĩ là mình vô minh, là trầm luân, xấu xa, nghiệp dày. Lâu lâu mới hé được một cửa là bỏ đi hết về trên kia mới tốt hơn. Cả bầu trời tâm thức này đã bị che kín bởi hàng loạt tư tưởng không trong sáng, khiến chúng ta bị bít lắp quá nhiều đời nhiều kiếp. Bây giờ chúng ta phải dùng trí tuệ Kim Cang khoan thủng hết, nhằm mở toang bầu trời tự do của chính mình, để đời sống ta được thoải mái hơn, không bị trói buột bởi những kiến thức cũ nữa.

Khi phá được những kiến thức cũ quý vị mới có đời sống an lạc, nhẹ nhàng, hạnh phúc, không phải hạnh phúc bình thường, mà sống trong phúc lạc vô biên ngay trong đời sống này, nó vượt hơn hạnh phúc thường tình vốn có. Không phải là lối định nghĩa theo ngôn ngữ sách vở, không sách nào có thể định nghĩa nổi cảnh giới phúc lạc của một người đang sống tự do.

Khi chúng ta vượt thoát hết tất cả những lồng sáo tâm thức, sống với chính mình thì khung trời này không còn nhỏ hẹp nữa, mà mỗi bước chân chúng ta không còn hạn cuộc bước có mấy tấc nữa, mà mênh mông khắp pháp giới, đó là

đời sống thật của chính mình. Nếu không chúng ta cứ luôn bị trói chặt, tới môi trường này nhận một số điều, tới môi trường khác nhận một số điều; sống ở Á đông ta chịu quy luật chi phối của dân tộc Á đông; sống ở Tây phương ta chịu quy luật chi phối của Tây phương, sống phật tử ta chịu quy luật chi phối của phật tử, để rồi mình tự chia chẻ cuộc đời, tự chia chẻ tâm thức, tự khu biệt mình trong đời này, để thấy mình an toàn trong cái lồng sáo mà ai đó đã đặt định sẵn từ lâu.

Có mẫu chuyện về con quạ biết nói bị nhốt trong lồng của một ông nhà giàu. Một đạo sĩ đến nhà ông chơi và nghỉ lại qua đêm. Nửa đêm đạo sĩ nghe quạ nói: "*Cho tôi tự do, cho tôi đời sống tự do*!" Nó kêu hoài ông ngủ không được, bèn mở lồng mà quạ không chịu bay ra, ông thọc tay lôi quạ quăng ra ngoài. Đến gần sáng ông lại thấy quạ chui vào lồng và kêu*: "Cho tôi tự do, cho tôi sống tự do!"* Chúng ta là như vậy, mình rất mong có đời sống tự do, nhưng được tự do rồi lại chui vào lồng tiếp. Chúng ta rất thích những cái lồng như vậy, vì được yên ổn, còn ra giữa trời mây này biết là sẽ bị gió táp mưa sa, không an ninh, không an toàn, không biết đời sống mình sẽ ra sao. Nếu ở trong lồng đến giờ người ta cho ăn mấy hột lúa, uống vài muỗng nước, ngủ được chỗ an toàn lại rất muốn tự do, nhưng vừa bước ra cửa run quá lại chạy trở vào lồng. Chính lý do đó mà nhân loại đã bị bẫy rập, bị những lồng sáo ràng buộc mãi.

Thật ra chính mình luôn tạo sự trói buộc và đã tạo lồng sáo riêng cho chính mình chứ không ai khác. Nếu chúng ta phá vỡ được lồng sáo của chính mình, chỉ cần một bước là mênh mông pháp giới này, tự do, tự tại, không có gì ràng buộc. Chúng ta phải dừng lại tất cả những cái đặt định cho mình ở

trong cuộc đời này, thôi dứt những tham cầu không cần thiết, thôi dứt những mong muốn tương lai.

Nếu có một giáo lý nào đó mở ra một chân trời mới mà không có điều kiện thì chúng ta tham khảo được. Nhưng phải như thế này thì được, như thế kia thì không nên chấp nhận, phải như thế này hay như thế kia là chúng ta lại vô một lồng mới nữa, để được ăn hột bo bo ngon hơn hột lúa thôi chứ không hơn không kém. Cũng là ở trong lồng mới ăn thức ăn mới mà thôi. Nếu được học một loại đạo lý không có điều kiện, có được đời sống tự do thì chúng ta nên tiếp tục. Còn nếu chỉ hứa hẹn ở ngày mai, để buộc chúng ta phải thế này, phải thế kia, thì thà ngồi tại đây chơi cho vui, đừng tiếp tục cực khổ nữa. Vì chúng ta cứ tiếp tục sang từ cảnh giới trói buộc này tới cảnh giới trói buộc khác, đi từ quy định này tới quy ước khác. Tức là người đi trước bày ra những cái bẫy để người đời sau sập vào, vạch những lối mòn để nhân loại chui vào rọ mới, không phải tìm cách tháo gỡ cho chúng ta. Đối với đạo Phật, Đức Phật nói: *"Trăm sông chảy về biển, biển chỉ có một vị mặn. Tất cả các giáo Pháp của ta chỉ có một vị là vị giải thóat."* Thế mà người học đạo lại đi vào khung sáo để bị trói buộc, đó là nghịch lý vô cùng.

Đức Phật chưa bao giờ muốn ai đi theo Ngài phải đeo mang bất kỳ quy luật nào. Tất cả những điều dạy của Đức Phật nếu chúng ta thấm một phần là chúng ta tự tại một phần, thấm hai phần là chúng ta tự tại hai phần, thấm toàn bộ đạo Phật thì chúng ta tự tại hoàn toàn, đó là người học Phật đúng.

Cho nên bây giờ chúng ta theo con đường đạo Phật là theo con đường giải thoát. Ngay bước chân đầu tiên chúng ta vào đạo Phật cũng bằng tinh thần đó mà bước vào. Đến đâu,

đi đâu, làm cái gì chúng ta cũng trong tinh thần tự do, tự tại, giải thoát. Dụng công kiểu nào, tu tập Pháp môn nào cũng là tự do giải thoát, không phải tu theo Pháp đó là không rời khỏi ông thầy được. Rời khỏi ông thầy thì thế này thế kia, là phản thầy, hay bị đọa địa ngục vì theo thầy là lên thiên đàng, mình không nghe theo thì xuống dưới.

Chúng ta chấp nhận đến trần gian này, thì phải sống hết đời trong cái tự do, tự tại này. Đời sống này luôn rất đẹp, chúng ta không nên từ chối, nó có đầy những niềm vui, chúng ta đừng nhìn đời sống này bằng một khía cạnh khác, rất phí uổng. Không có điều gì trong đời này mà không vui, không có điều gì trong trần gian này là khó chịu cả.

Chúng ta cố gắng thấu hiểu thánh ý của Dức Phật nơi đầu đề của bản Kinh này, Ngài muốn dạy chúng ta phải sống trở lại một đời thường nhưng hết sức siêu tuyệt, một đời thường đầy đạo lý, đầy tự do, tự tại, không bao giờ vướng mắc. Đó là đoạn đầu, duyên khởi của bản Kinh này. Chúng tôi mong rằng khi quý vị sống trong đời thường, thì sẽ bước được những bước chân thanh thoát như Đức Phật bước, không vướng bận, ăn những bữa ăn hết sức an lạc thoải mái với chính mình. Và phải sinh hoạt với những cái thực sự tự do, tự tại ngay trong đời sống này, không có bất kỳ ràng buộc nào. Không đợi chút nữa mà ở ngay tại đây chúng ta tự do, và cái tự do này sẽ hình thành suốt đoạn đời còn lại của chính mình, để mỗi bước chân trong đời sống này là bước chân trong chân trời tự do giải thoát.

ĐOẠN 2: THIỆN HIỆN THƯA HỎI

Khi ấy trưởng lão Tu Bồ Đề (Subhuti) ở trong đại

chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên mặt, gối mặt quỳ xuống đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"

Đức Phật bảo: "Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề, như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát, nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói: Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm kia". "Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện thích được nghe."

Đây là hai câu hỏi trọng yếu của Kinh Kim Cang, là câu khơi mào và nói hết tổng ý Kinh Kim Cang. Khi thấy Đức Phật hàng ngày mang bát vào thành khất thực, thọ trai xong Đức Phật ngồi kiết già, là Ngài đã nêu ý chỉ rất sâu mầu, nhưng trong đại chúng chỉ thấy hình tướng Đức Phật như vậy, không ai hiểu điều gì. Riêng ngài Tu Bồ Đề là một trong mười vị đại đệ tử tuyệt vời của Đức Phật, đã nhận ra Đức Phật luôn an trú trong Bồ đề Tự Tánh thanh tịnh của mình, luôn hàng phục tự tâm của mình, nên Ngài đứng ra đảnh lễ thưa: ***"Thế Tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát."***

Trong các tông phái của đạo Phật (Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông), thì Thiền tông không nói tới Đức Phật hộ niệm, gia trì như Tịnh độ tông và Mật tông, mà luôn gợi cho chúng ta tự lực nhận ra Tự Tánh của mình, rồi sống bằng Tự

Tánh cho tới khi giác ngộ giải thoát.

Trong các bản Kinh khác cũng có nói đến sức gia trì hộ niệm của chư Phật mười phương, nhất là Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói: Tất cả chúng sinh ở mười phương pháp giới này có nghĩ cái gì, nói cái gì, tạo tác gì, có tinh tấn, có giải đãi, ăn lúc nào, ngủ lúc nào, nghĩ chuyện gì, tốt xấu ra sao v.v… Đức Như Lai đều rõ biết. Như vậy Đức Phật không bao giờ không biết tất cả những hành động, cử chỉ suy nghĩ dù hết sức nhỏ nhiệm của chúng ta. Không phải biết để chê trách, phê phán, bình phẩm, ai tinh tấn thương nhiều, ai giải đãi thương ít. Chính nhờ tâm rõ biết tất cả chúng sanh mà không thương ghét, nên không chúng sanh nào khởi ý niệm mà Đức Phật không rõ. Đức Phật luôn thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài, nhưng ở đây Ngài Tu Bồ Đề chỉ dành riêng cho các vị Bồ Tát.

Thật ít có vị giáo chủ hay vị thầy nào thường xuyên hộ trì, phó chúc cho các vị đệ tử của mình, không có phút giây nào rời bỏ. Bởi chỉ những người có công phu tu tập, họ mới cảm nhận được lực dụng của Thầy mình đang hướng tới mình.

Ví dụ giữa hai thầy trò thân thiết khi vị Thầy có tí tác ý tới đệ tử, người đệ tử liền cảm nhận được lực đó. Trong lúc chúng ta ngồi thiền, hoặc tụng Kinh, hay lúc bình thường mà chúng ta có được sự hướng tâm gia trì hộ niệm của Thầy mình, mình sẽ nhận ra. Ngài Tu Bồ Đề nhận ra điều kỳ diệu này, Ngài nói thật ít có, tức là điều này thật khó có trong trần gian, ít có vị Thầy nào mà thường xuyên chăm sóc đệ tử giống như Đức Phật.

Với tình cảm thương yêu và lòng từ, Đức Phật muốn

đệ tử mình lúc nào cũng yên ở trong Chánh pháp, nên Ngài thường hay hộ niệm và phó chúc cho các vị Bồ Tát. Khi các vị đệ tử đã được giảng dạy và thực hành đúng pháp của Đức Phật rồi, thì được chư Phật chứng minh và hộ niệm. Đức Phật tin tưởng đệ tử của mình đã hành đúng pháp của mình rồi thì sẽ thành tựu đạo quả, nên Ngài giao phó (phó chúc), ví dụ như Kinh Pháp Hoa, phẩm Phó Chúc, Đức Phật phó chúc đời vị lai Phật pháp như thế nào, ai là người gánh vác v.v...

"Ngài Tu Bồ Đề thưa: "Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia." Đây là câu hỏi hết sức quan trọng. Ý ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi: Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là người phát tâm cầu thành Phật, thì làm sao trụ trong cái tâm thành Phật đó, và làm sao hàng phục tâm đó?

Chúng ta phải nghe cho kỹ câu hỏi. Vì đã có rất nhiều người hiểu lầm nên Kinh Kim Cang trở thành Kinh Tiệm tu. Vì khi nghe đến chữ hàng phục chúng ta liền nghĩ đến phải diệt trừ, phải loại bỏ, phải nhiếp phục. Nhưng hàng phục trong Kinh Kim Cang có hai dạng: Một nghĩa là quy phục là quay về, nghĩa thứ hai là nhiếp phục, là loại bỏ, là diệt trừ. Ví dụ câu*:* "Đức Phật hàng phục ma quân". Tức là tất cả các ma quân đến với Đức Phật đều được Đức Phật giáo hóa và trở thành đệ tử Phật. Nhưng nếu chúng ta nói*: "Ma quân hàng phục Phật"* thì không có nghĩa là ma quân thắng Phật, mà ma quân quay về với Đức Phật.

Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa: Một người phát tâm cầu thành Phật, thì làm sao diệt trừ cái tâm cầu thành Phật đó. Mới vừa phát tâm cầu thành Phật, mình hàng phục tâm cầu thành

Phật và làm sao diệt trừ tâm đó để rồi mình không còn cầu thành Phật nữa. Có phải như vậy không? Khi người ta hiểu ý này mới giảng: Khi phát tâm cầu thành Phật rồi thì làm sao hàng phục vọng tâm và làm sao an trụ chân tâm. Là làm sao diệt hết vọng niệm để chân tâm hiển lộ và an trụ trong chân tâm. Như vậy một câu hỏi được đánh giá thấp và làm mất đi chân tướng thật của bản Kinh Kim Cang từ đây. Chúng ta hiểu chữ hàng phục không có nghĩa là loại trừ, không có nghĩa là diệt đi mà là quy thuận, là quay về, là nương tựa.

Chúng ta dịch theo nghĩa quy thuận sẽ thấy nghĩa nó sáng ra. Ta nên hiểu câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề như sau: *"Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là phát tâm bồ đề, phát tâm giác ngộ, phát tâm thành Phật, thì người đó làm sao an trụ cái tâm kia, làm sao quay về để sống được với cái tâm kia, quay về để sống bằng cái tâm giác ngộ đó, quay về để an trụ cái tâm giác ngộ đó."* Đó là ý trọn vẹn.

Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa: Một người phát tâm cầu thành Phật, làm sao diệt trừ vọng tâm, làm sao an trụ chân tâm. Nếu chúng ta nghĩ hàng phục là diệt trừ, loại bỏ, thì từ đây về sau chúng ta bắt đầu hướng về nội tâm, diệt trừ hết vọng niệm của mình, rồi chờ chân tâm hiển lộ mình mới an trụ. Ý đó không thể đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là đạo lý giác ngộ tuyệt đối, khi một người muốn an trú trong bồ đề Tự Tánh thanh tịnh, giác ngộ tuyệt đối thì người đó phải không còn vướng mắc hai bên, không còn chuyện diệt trừ và loại bỏ.

Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là phát tâm cầu thành Phật, thì làm sao quay về với tâm đó,

làm sao an trụ với tâm đó. Hàng phục tâm kia là hàng phục tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là làm sao quay về với tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là làm sao an trú với tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có nghĩa loại trừ tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì làm sao an trụ tâm kia và hàng phục tâm kia. Nếu tâm kia chúng ta hiểu là vọng tâm, thì Kinh Kim Cang sẽ đi theo chiều hướng khác, còn nếu tâm kia chúng ta hiểu là tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đi theo chiều hướng khác. Cho nên chúng ta nên hiểu chữ hàng phục là quay về, là quy thuận, không có nghĩa là diệt trừ, để trọn vẹn bản ý của Kinh, về sau chúng ta mới thấy là Đức Phật dạy đúng theo nghĩa quy thuận, quay về chứ không phải diệt trừ.

Đức Phật chấp nhận lời ca ngợi của ngài Tu Bồ Đề, và bảo**:** "*Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề, như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ Tát, khéo phó chúc các vị Bồ Tát, nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói: "Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm kia." "Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện thích được nghe."* Chúng ta nên hiểu nghĩa là người phát tâm cầu đạo lý Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì làm sao quay về và an trụ với tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghĩa là một người cầu thành Phật, thì làm sao quay về sống với tâm Phật đó, làm sao thường an trú trong tâm Phật đó.

ĐOẠN 3: CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA

Phật bảo Tu Bồ Đề: Các vị Bồ Tát lớn nên như thế mà hàng phục tâm kia. Có tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hoá sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng, ta đều khiến vào vô dư Niết Bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ.

Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ Tát.

Bồ Tát là bậc Giác hữu tình và Hữu tình giác, là người giác ngộ được chính tự tâm của mình và làm cho người khác có khả năng giác ngộ, được gọi là Bồ Tát, là người không lầm mê trong sanh tử luân hồi và có khả năng giúp người khác thoát khỏi mê lầm. Nếu chúng ta ngồi đây mà thoát khỏi mê lầm thì cũng được xếp vào hàng Bồ Tát con, khi nào chúng ta thoát khỏi mê lầm và giúp được người khác thì gọi là Bồ Tát lớn.

Đức Phật nói Bồ Tát lớn là người đủ trí tuệ Phật đạo để thấy rõ mê lầm của chúng sanh, đủ trí tuệ Phật đạo thấy chân lý mà Đức Phật muốn chỉ bày, người đó có đủ trí tuệ và phương tiện để dẫn dắt người khác đi theo Phật đạo. Đức Phật nói tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hoá sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng, ta đều khiến

vào Vô Dư Niết Bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ tát.

Tất cả người tu Phật đều phải lấy đoạn Kinh này thành ý chỉ tu tập. Nhất là người tu thiền không thông đoạn Kinh này, thì chúng ta cũng không bao giờ tu thiền tới đâu được. Người tu Thiền giỏi phải thông bộ Kinh này, sau đó tất cả những tình huống của công phu chúng ta sẽ thông, và đủ sức để chúng ta tu tập tốt trong suốt đoạn đời này cho tới ngày được thành Phật. Đây là đoạn Kinh hết sức quan trọng.

Đức Phật nói tới chúng sanh trong tâm chúng ta, người Bồ Tát lớn là phải độ hết chín loài chúng sanh này. Loài sanh bằng trứng, loài sanh bằng thai, loài sanh chỗ ẩm ướt, loài hóa sanh: Bốn loài chúng sanh này thuộc về phàm phu chưa tu tập, mà bất cứ người bình thường nào cũng có. Còn năm loài: Có hình sắc, không hình sắc, có tưởng, không tưởng, vừa có tưởng vừa không tưởng; các loài chúng sanh này là do chúng ta dụng công tu hành, ý niệm còn lưu lại, thấy được bằng trí, phát hiện ra mình có chúng sanh đó.

Đức Phật nói là Ngài đã đưa vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh vào Vô dư y Niết Bàn mà không có chúng sanh thật được diệt độ rồi Đức Phật mới thành Phật, Đức Phật đã đạt được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm rồi mà chúng ta là loài sanh bằng thai là loài người vẫn còn lầm mê ở đây, vậy Đức Phật có giữ đúng lời nói của mình không?

Nếu nhìn theo Nhân chủng học thì loại sanh bằng

trứng là chim chóc, gà vịt mà được mình độ thì đời này mình tu độ không được một con. Ngay cả Đức Phật cũng chưa nghe Ngài độ được con chim nào thành Phật, chưa nghe Ngài đưa con chim nào tới Vô dư y Niết Bàn. Nếu chúng ta gọi các loài chúng sanh ở đây là chim chóc, gà, vịt là "y Kinh diễn nghĩa thì tam thế Phật oan". Chúng ta nên hiểu Đức Phật nói có chín loài chúng sanh sanh ra trong tâm chúng ta. Tất cả Kinh điển Đại thừa không nói chuyện gì ngoài tâm. Vậy chín loài chúng sanh sanh ra nơi tâm chúng ta là gì?

1. Loài sanh bằng trứng (Noãn sanh): Theo Nhân chủng học, ví dụ gà, chim đẻ ra trứng, trứng thì phải có thời gian mới nở thành con, loài chúng sinh bằng trứng trong tâm chúng ta là gì? Là những loại ý niệm phát sanh ra mà chưa được hành động, giống như trứng đẻ ra mà chưa nở thành con.

Ví dụ: Chúng ta đang ngồi trong chùa nghe Pháp nhưng nghĩ lát nữa đây về ngang qua chợ sẽ mua tô hủ tiếu ăn, đó là chúng sanh mới nghĩ ra nơi đầu mình mà chưa thành hành động, có loài chúng sanh này sanh ra nơi tâm rồi thì phải đưa chúng sanh đó vào Vô dư y Niết Bàn, tức là nó không được sanh khởi trở lại nữa. Tới chỗ nào thì còn sanh đi lộn lại nhưng tới Vô dư y Niết Bàn thì không đáo lại lần thứ hai. Một ý niệm khởi ra nơi tâm theo chiều chúng sanh noãn sanh vừa phát khởi nơi tâm, thì làm sao cho nó hoàn toàn không còn tái diễn nơi tâm mình lần thứ hai nữa, thì gọi là độ tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết Bàn.

Ai là người đứng vị trí Vô dư y Niết Bàn, ví dụ mình là người xuất gia đang ngồi Thiền thì mình ở vị trí nào? Có ở vị trí Vô dư y Niết Bàn chưa? Chúng ta chưa đủ sức, vậy làm sao độ tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết Bàn? Đây là vấn

đề chúng ta phải thấy lại. Hàng phục vọng tâm là đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, thì mình đứng ở vị trí nào để hàng phục? Chúng sanh hàng phục chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn được không? Ví dụ chúng ta dùng pháp quán nó là Không, quán nó như Huyễn, quán Vô thường, tất cả những pháp quán chúng ta được học từ trước tới giờ làm cho chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn nổi không?

Ở đây lộ ra một ý khác trong Kinh Kim Cang: Một vị Bồ Tát lớn là từ Thập Địa trở lên mới đủ sức ở cảnh giới Vô dư y Niết Bàn để độ chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, còn vị Bồ Tát dưới Thập Địa thì không đủ sức ở cảnh giới Vô dư y Niết Bàn để độ chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn từ đầu bản Kinh Đức Phật đã gợi ý muốn chúng ta tới vị trí này, có nghĩa một người muốn tu Phật là cầu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không còn con đường nào khác, tức là ngay từ đầu đã đứng ở vị trí Phật đạo để nói pháp, không đứng vị trí thứ hai.

Chúng ta phải hết sức trầm tĩnh, ở đây Đức Phật nói rất khéo là Bồ Tát lớn chứ Bồ Tát nhỏ không làm được chuyện này, không ở cảnh giới Vô dư y Niết Bàn thì không thể đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, cho nên từ xưa tới giờ mình nói mình tu theo Kinh Kim Cang, mình đưa vọng tâm vào Vô dư y Niết Bàn, nhưng mình là ai? Mình ở cảnh giới nào để đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn? Đây là thách thức lớn cho người tu tập.

Đây là bản Kinh hết sức chuyên môn và nương theo tinh thần đốn giáo tuyệt đối của đạo Phật, từ đầu Đức Phật muốn gợi ý cho chúng ta tới vị trí này. Như vậy chúng ta phải hiểu ý niệm chưa khởi ra thành hành động là noãn sanh, mà

vừa phát ra nơi tâm thì liền tới Vô dư y Niết Bàn, vừa sanh ra là tới Vô dư y Niết Bàn, Đức Phật độ một cách rất tuyệt vời. Mà muốn độ được chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn thực sự thì chúng ta phải đứng ở vị trí Vô dư y Niết Bàn, đứng vị trí khác không thể độ được.

Trong hệ thống Kinh Nguyên thủy, bộ Đại Niệm Xứ, Đức Phật nói chuyện quán Thân trên Thân, quán Thọ trên Thọ, quán Tâm trên Tâm, quán Pháp trên Pháp, để thấy như thật Thân, như thật Thọ, như thật Tâm, như thật Pháp. Trong phần quán thân Đức Phật nói là chúng ta đưa tay lên Tuệ tri tay đưa lên, tay để xuống chúng ta Tuệ tri tay để xuống, hít vào chúng ta Tuệ tri mình đang hít vào, thở ra chúng ta Tuệ tri mình thở ra, hít vào ngắn chúng ta Tuệ tri mình đang hít vào ngắn, thở ra ngắn chúng ta Tuệ tri mình đang thở ra ngắn, hít vào đầu hơi thở chúng ta Tuệ tri mình đang hít vào đầu hơi thở, giữa hơi thở chúng ta Tuệ tri giữa hơi thở, hai phần ba hơi thở chúng ta Tuệ tri hai phần ba hơi thở, kết thúc hơi thở chúng ta Tuệ tri hơi thở đang kết thúc. Hơi thở chuẩn bị chuyển thành hơi thở mới chúng ta đang Tuệ tri như thế, và bắt đầu hít vào chúng ta Tuệ tri hít vào v.v…

Tức là Đức Phật chỉ thuần nói chữ duy nhất là "Tuệ tri", không nói chuyện gì khác, nếu người nào học Đại Niệm Xứ cũng thấy điều này, và bản Kinh Đại Niệm Xứ cũng được hiểu lầm, bắt đầu phân tích người tu theo Tứ Niệm Xứ chúng ta có thể quán thọ không, hoặc quán thân không, hoặc quán pháp không, thậm chí quán thân bất tịnh, tâm thì thành tâm vô thường, pháp thì thành pháp vô ngã v.v… Nhưng đó không phải là bổn ý của Đức Phật, những bản Kinh hết sức chính yếu của Phật pháp đã bị người ta nhìn lầm, do đó hành giả công

phu không có kết quả.

Đức Phật muốn nói tới chuyện đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, thì ngay từ đầu Đức Phật đã gợi ý nếu chúng ta muốn tu theo Phật đạo, cũng như ngay câu hỏi đầu tiên là cầu thành Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chứ không đi con đường khác. Tức là ngay đầu đứng ở vị trí Phật đạo để nói chuyện, không đứng vị trí thứ hai. Giống như nói: Đức Phật muốn điều phục ma quân, thì Đức Phật phải ngồi cội Bồ đề mới điều phục được ma quân. Không phải điều phục ma quân rồi mới phóng vào gốc Bồ đề ngồi, nếu muốn độ tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết Bàn, là ở Vô dư y Niết Bàn để độ sanh, không phải độ sanh rồi mới vào Vô dư y Niết Bàn. Hai hướng khác nhau rõ ràng, một con đường tiệm tu và một con đường đốn giáo được lộ ra ngay đây.

Ví dụ, chúng ta ở chỗ rõ ràng thường biết theo kiểu tu tập từ trước tới giờ, mình có cái lặng lặng rõ biết, bây giờ chúng ta trụ chỗ lặng lặng rõ biết để vọng tưởng khởi lên mình rõ biết vọng tưởng, coi như mình đã đưa nó tới Vô dư y Niết Bàn. Tới không? Đây là chỗ hết sức chuyên môn đòi hỏi chúng ta phải có chút Kinh nghiệmtu tập và thông cảm thực sự với Thiền tông thì mới có thể hiểu cách độ này, nếu không chúng ta độ không có chúng sanh nào tới Vô dư y Niết Bàn.

Nếu mình vẫn còn đứng ở vị trí một chúng sanh mà độ thì chắc chắn không tới đâu, vì là chúng sanh như nhau, ý niệm đó với mình không khác nhau, nhưng chúng ta có cái khác? Đó là cái vừa sanh ra chúng sanh mà vừa độ tận chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn. Nếu chúng ta biết được chỗ đó để chúng ta đứng mà độ sanh, thì không có chúng sanh nào không tới Vô dư y Niết Bàn, còn nếu đứng ở vị trí nào khác thì chúng

ta sẽ không đưa chúng sanh tới đâu, đây là gợi ý ban đầu của Đức Phật.

Như vậy ngay từ đầu Kinh Kim Cang, Đức Phật muốn tất cả chúng ta đứng ở vị trí giác ngộ giải thoát mà nói chuyện, đứng gốc bồ đề mà độ sanh, không đứng bên ngoài. Một người đứng ở gốc bồ đề rồi, thì người đó không bao giờ có cái thấy nhìn lệch lạc ở nơi tâm để có sự sai biệt xảy ra. Phải đứng ở vị trí tâm hoàn toàn không còn sai biệt để độ sanh, nếu đứng ở vị trí hai bên thì không phải vị trí giác ngộ.

Do đó muốn độ sanh thì người đó phải là người giác ngộ, phải đứng ở vị trí giác ngộ, như Đức Phật đã gợi ý ở trên. Tất cả chúng sanh đều có Phật Tri Kiến (Kinh Pháp Hoa), Đức Phật muốn chúng ta trụ nơi Phật Tri Kiến để độ sanh. Phải đứng chỗ không sanh không diệt, đứng chỗ Vô dư y Niết Bàn, đứng chỗ không phân biệt hai bên, thì tất cả những cái hiện ra nơi tâm không phân biệt của mình đều thành vô phân biệt. Đó là cách độ sanh trong Kinh Kim Cang, không có cách độ thứ hai nào đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, đừng nói tôi tu thế này, chứng cách này cách kia, gọi là độ tận chúng sanh tâm mình thì không thể tới Vô dư y Niết Bàn được.

Đầu tiên Đức Phật muốn nói với mình là các vị Bồ Tát lớn, là người đã giác ngộ, đã an trú trong Phật Tri Kiến, thì đứng vững nơi Phật Tri Kiến mà thấy biết, đứng vững nơi Phật Tri Kiến mà nghe, và tiếp nhận tất cả những cảnh giới xảy ra nơi cuộc sống này. Tất cả những điều xảy ra nơi tâm, chúng ta phải đứng nơi chỗ thanh tịnh, rỗng lặng, sáng suốt, thường tri của mình mà thấy nhìn, thì chúng sanh mới tới chỗ đó. Nếu chúng ta đứng vị trí khác thì không đưa được ý niệm nào tới đâu cả, đó là cách độ sanh trong Kinh Kim Cang.

Làm sao tất cả chúng ta đều an trú trong chỗ thanh tịnh, sáng suốt của chính mình mà độ chúng sanh tâm, đừng nghĩ chúng ta phải dụng một pháp nào, vì pháp là phương tiện bên ngoài không phải là Phật. Phật là không dùng bất kỳ phương tiện nào, với trí giác của Đức Phật là không cần dùng bất kỳ phương tiện nào, chúng ta cũng có trí giác đó. Mục đích chính của Kinh Kim Cang là muốn chúng ta thể nhận được trí giác đó, để tất cả chúng sanh đều hiện ra nơi trí giác, đều biến thành giác ngộ. Giống như trời đang nắng, chúng ta từ trong bóng tối đi ra thì chúng ta bị nhuốm sáng bởi ánh sáng mặt trời, chứ mặt trời không rọi vô nhà để thấy mình. Trong đêm đen, chúng ta dùng đèn pin rọi thì chỗ này sáng được một phần, chúng ta quơ qua bên kia thì chỗ này nó tối lại, điều đó cũng như chúng ta công phu rọi từng niệm.

Cái chính Đức Phật muốn nói là mở công tắc cho đèn sáng hết cái nhà này, hai là phải làm cho mặt trời sáng lên để mình ở trong ánh sáng đó mà thấy biết. Không cần rọi, không cần soi mà tất cả mọi cái hiện trong đó đều bị nhuốm sáng bởi ánh sáng mặt trời, chúng ta làm sao cho ánh sáng trí tuệ chúng ta bừng mở, để tất cả chúng sanh tâm hiện ra trong ánh sáng giác ngộ của mình đều được giác ngộ, nghĩa độ ở đây khác với nghĩa độ từ trước tới giờ. Mỗi bản Kinh đều có ý chỉ riêng, có cách tu tập riêng, và cách dụng công riêng, mỗi bản Kinh chúng ta phải nắm bắt được cái cốt tủy, dụng công ngay từ đầu thì mới không lệch đường.

Nếu học Kinh Kim Cang chúng ta phải hiểu theo một chiều hướng khác, chỉ có cách duy nhất là chúng ta ở chỗ thấy biết tuyệt đối giác ngộ, tất cả những ý niệm xảy ra nơi tâm mình đều hiện rõ trong cái rõ biết của chính mình, và chúng

ta chỉ đứng ở vị trí rõ biết rỗng lặng mênh mông đó mà rõ biết tất cả các pháp, không hề có sự tác động nào tới vọng niệm, thế nhưng vọng niệm tự mất. Nếu chúng ta thấy vọng niệm mà có một sự tác động nào, thì vọng niệm sẽ tái diễn trở lại.

Khi đi đứng nằm ngồi, hoặc khi dụng công chúng ta luôn ở trong cảnh giới giác ngộ của chính mình thì ta luôn có sự bình an tuyệt đối, và những ý niệm xảy ra với mình đều biến thành Phật, đều tới Vô dư y Niết Bàn. Nếu mình khởi niệm thấy nó là tốt, là xấu, là tham, là sân, là si, là phiền não… rồi chúng ta chửi rủa hay trách móc buồn phiền hoặc, sử dụng tất cả những phương tiện, những phương pháp hơn thua nhưng rồi đâu cũng vào đấy, không thể tới Vô dư y Niết Bàn được.

Loài noãn sanh là chúng sanh tâm được sanh ra mà chưa thành con, mới thành trứng thôi, những ý niệm được mình nuôi nấng, ví dụ chúng ta chuẩn bị đi gặp người quen, mình suy nghĩ tới đó mình sẽ nói một câu để cho họ vui, hay phải cười thật tươi để lấy lòng họ, hoặc phải khen họ để rồi sau đó mình nói câu khác móc túi họ. Mình suy nghĩ một loạt nhưng chưa làm, thì đó là chúng sanh noãn sanh, hoặc mình chuẩn bị nói chuyện trước công chúng, hay sắp xếp sẽ làm việc gì đó, thì tất cả những ý niệm chuẩn bị đều là chúng sanh noãn sanh, tức là sanh ra ý niệm rồi mà chưa thành hành động.

2. Loài sanh bằng thai (Thai sanh): Là những chúng sanh vừa sanh ra thành con liền, những chúng sanh tâm vừa khởi nghĩ là hành động ngay, vừa nói là thành lời liền, hoặc ngồi trước bàn viết nghĩ câu nào viết câu đó ra, vừa khởi niệm là thành hình liền, hoặc đói là ăn liền, chúng sanh này vừa có nơi tâm chúng ta thì cũng được chúng ta đưa nó tới Vô dư y Niết Bàn.

3. Loài sanh chỗ ẩm ướt (Thấp sanh): Ví dụ nước đọng sanh ra loăng quăng, hoặc cơm để chua thành con mẻ, là loại chúng sanh sinh ra từ sự ẩm ướt nơi tâm hồn, đó là những dạng tình cảm khó nói của con người.

Ví dụ: Hai người nam nữ quen biết nhau, mà có một người không giữ được tình cảm như lúc ban đầu, chuyện này không nói được, không tâm sự được với ai khiến mình rất khó chịu, đau khổ, hoặc thất tình, bị đau khổ thầm lặng, khó có thể giải bày chỉ còn chết thôi. Đó là chúng sanh sanh ra từ nơi ẩm thấp nhất của tâm hồn, bị dồn nén dẫn đến tự vẫn, quyên sinh hoặc trở thành khùng điên. Mới đầu nó chỉ là cái buồn thôi, nhưng buồn càng ngày càng nặng thêm, đi sâu hơn nữa là bị trầm cảm, nhìn cái gì của cuộc đời cũng thành tăm tối, dạng này xảy ra nhiều với những người thất bại trong tình cảm. Có người ôm ấp tình cảm với người nào đó mà cả đời không thể giải tỏa được, không nói với người khác được, giận thì không có lý do, đến thì không cách nào đến, phải ôm ấp hoài, rất khó xử, dần dần tâm hồn đi xuống và cuối cùng chọn cách kết thúc cuộc đời mình.

Chúng sanh này nếu không ở vị trí Phật đạo, mà hơn thua theo tâm thế gian thì rất khó độ. Đa số người rớt vào tình trạng này rất khó tu, rất khó công phu, lạy Phật cũng không được, tụng Kinh cũng không được, ngồi thiền cũng không được, chỉ thấy uất hận, phiền muộn, đau thương không thấy điều gì tươi sáng.

4. Chúng sanh hoá sanh: Là chúng sanh sinh ra không có nguyên nhân rõ ràng, tự biến hóa ra, trong tâm thức, chúng sanh hoá sanh là những chúng sanh sinh ra một cách đột biến. Như đom đóm trong đống rác, nguyên nhân đẻ trứng

sanh ra đom đóm thì mình không thấy. Hoặc là có người nói trong quan tài cũ bốc mộ thì hay có con lươn, họ cho rằng tóc người chết sanh ra lươn, nhưng thực sự nguyên nhân đó không được chúng ta thấy rõ ràng. Như con sâu nó làm kén biến thành bươm bướm, đó cũng là dạng hóa sanh.

Hoặc bà mẹ mất con buồn quá nên sinh ra điên loạn, đó là bản tánh sinh ra bất thường do một cớ sự nào đó. Hoặc có người bị dồn nén quá mức như làm ăn bị thất bại, nợ nần bủa vây, bị người khinh chê, ngày xưa có kẻ hầu người hạ, bây giờ cô quạnh một mình, ban đêm nằm suy nghĩ chuyện đời có nhiều khi hét lên. Dạng tâm đó không phải là cái thường của mình mà có những cái bức xúc khiến phát sinh nộ khí bất thường. Hoặc có người rớt vào hoàn cảnh quá cùng túng, nhìn bề ngoài đàng hoàng không có ý gian lận, nhưng quá túng quẫn cùng đường thấy người kia sơ hở thò tay lấy, là chúng sanh hóa sanh sanh ra. Tức là họ cùng đường cụt lối tìm cách thoát ra, họ chỉ lỡ một lần mà biến thành người xấu chứ bản tánh họ không phải là xấu. Có nghĩa nơi tâm chúng ta cùng đường nên xảy ra tình huống làm mất nhuệ khí, mất đi tánh khí tốt đẹp của mình và rất nhiều người bị rớt vào trường hợp này.

Đây là tâm trạng của chúng sanh chưa từng tu tập có bốn điều này là: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hoá sanh. Trong đời sống riêng tư của chúng ta tâm này thường xảy ra, dễ nhận, bốn dạng này không thể thiếu được nơi mình, trí tuệ Đức Phật thấy tận cùng tâm thức của chúng ta, thấy tới tận nguồn phát sanh các loài chúng sanh ẩm thấp như thế nào và thấy rõ nguyên nhân của nó, nếu tu tập tốt thì chúng ta cũng thấy rõ ràng chúng sanh thấp sanh, hoặc là chúng sanh hóa

sanh nó sanh ra từ đâu.

5. Chúng sanh có hình sắc: Từ loại chúng sanh thứ năm đến loài thứ chín là nói đến phương diện tu hành. Trong lúc chúng ta ngồi thiền, hay đang ngồi niệm Phật, tụng Kinh mà lắng tâm chú ý thấy hình này hiện ra nơi đầu, ví dụ cách đây ba ngày đi lên núi chúng ta gặp tượng Phật đẹp, bây giờ nó hiện ra nơi tâm. Hoặc cảnh chùa đẹp mà chúng ta có chụp hình rồi bây giờ mình ngồi tưởng lại, cái hình đó hiện ra nơi tâm mình gọi là chúng sanh có hình sắc hiện ra. Hoặc chúng ta tu tập một thời gian có cảnh giới hiện ra, đây là chiều sâu của công phu, lúc đầu nó chỉ là chúng sanh có hình sắc thôi, sau này nó hiện thành hình tướng nơi tâm chúng ta, tất cả đều xếp vào loại chúng sanh có hình sắc.

Ví dụ ngồi thiền, tâm lắng rồi, hiện cảnh giới không, thì cảnh giới không này chính là chúng sanh có hình sắc hiện ra. Không phải cảnh giới không là không có ý niệm, không phải hoàn toàn không có gì là chúng ta sai lầm. Có nghĩa tâm chúng ta thấy được cái gì đó, thì chính cái đó là loại hình sắc của chính mình, là một loại chúng sanh có hình sắc mới hiện ra nơi tâm. Mới đầu chúng ta thấy những ý niệm đẹp, xấu, thương, ghét nơi tâm. Nhưng sau đó chúng ta gặp rất nhiều chúng sanh, cho đến cảnh Phật cũng là cảnh giới, cho nên ngồi thiền thấy bất kỳ cảnh giới gì cũng phải đưa tới Vô dư y Niết Bàn, đây là chiều sâu của tâm.

Hoặc tu một thời gian, chúng ta thấy mình vui quá, an lạc quá thì đó là chúng sanh hình sắc bắt đầu hiện ra nơi tâm, là loại chúng sanh mới sanh ra. Tất cả những tình huống sanh ra nơi tâm chúng ta đều là chúng sanh có hình sắc, không phải là tình cảm buồn thương giận ghét bình thường. Là những

cảnh giới của nội tâm tu tập, nếu chúng ta có dụng công, là một chúng sanh mới sanh ra, chứ không phải là công phu tiến bộ. Với Kinh Kim Cang thì tuyệt đối không có cảnh giới, có một tí cảnh giới là sanh một chúng sanh mới, dù đó là hình sắc thiện, hình sắc ác, hình sắc của tâm rỗng lặng hoặc tâm loạn động hoặc tâm thanh tịnh đều là loại chúng sanh có hình sắc đối với Vô dư y Niết Bàn đây là chỗ Đức Phật nói tới tận nguồn của công phu.

6. Chúng sanh không hình sắc: Khi chúng ta tu tập thực sự có công phu rồi thì lộ ra tâm rỗng lặng, không thành hình, lúc nào cũng yên lặng, nhìn hoài không có một bóng dáng, không có một ý niệm nào hết, thì chúng ta nghĩ rằng đang chuẩn bị được định, nhưng cảnh không đó không phải là định theo kiểu Phật thừa, nhưng cũng là một hai tầng định của các dạng thiền khác, đó là loại chúng sanh không hình sắc hiện ra nơi tâm chúng ta.

Ví dụ: Chúng ta đi theo Thiền Nguyên Thủy thì có cảnh giới Sơ thiền, Nhị thiền cũng là cảnh giới định của chúng sanh không hình sắc hiện ra. Đó không phải định của Phật thừa, không phải là định của Kinh Kim Cang này, nhưng so với các thiền khác thì họ cho đó là định. Hoặc tâm mình có ý niệm, mình dụng công đè một hồi thấy có cái rỗng hiện ra, nhìn vô tâm chỉ thấy cái rỗng lặng thôi, nó là sự yên ổn không có cái gì mình nghĩ đã được định, nhưng đó là chúng sanh không hình sắc hiện ra.

7. Chúng sanh có tưởng: "Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật chọn trong hai mươi lăm vị trình Pháp tu, ngài Nguyệt Quang Đồng Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: "Con nhớ kiếp xưa như số

cát sông Hằng, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên; dạy chư Bồ Tát tu tập quán nước để vào Tam ma địa. Quán tính nước trong thân không ngăn ngại lẫn nhau. Quán từ nước mũi, nước bọt cho đến tất cả các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện, xoay vần trong thân đồng là một tính nước. Quán thấy nước trong thân và nước các bể hương thủy của cõi Phù Tràng Vương ở ngoài thế giới đều bình đẳng nhau không sai khác. Khi ấy con mới thành tựu được pháp quán này, chỉ thấy nước mà chưa được không có thân. Chính khi làm Tỳ kheo tọa thiền trong thất, con có đứa đệ tử nhỏ dòm cửa sổ nhìn vào trong thất chỉ thấy nước trong đầy khắp trong thất, không thấy vật gì khác. Nó nhỏ dại không biết, bèn lấy một miếng ngói ném vào trong nước, đập vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định liền cảm giác bị đau tim, như ngài Xá Lợi Phất bị con quỉ vi hại đập. Con tự suy nghĩ, nay mình đã được đạo A La Hán, từ lâu không còn nhân duyên mắc bệnh được nữa, làm sao ngày nay lại sinh ra đau tim, không lẽ đã bị thối thất chăng. Khi ấy đệ tử của con đi đến kể lại cho con những việc như trước, con bảo nó sau này nếu thấy nước thì nên mở cửa vào phòng lấy miếng ngói trong nước ấy đi. Đệ tử vâng lời con bảo. Sau khi con nhập định, nó lại thấy nước và miếng ngói rõ ràng, nó liền mở cửa lấy miếng ngói bỏ ra. Sau khi xuất định thân thể trở lại như cũ". Sau đó ông hết đau bụng. Đó là gì? Là Chúng sanh có tưởng. Tức là ý tưởng của chúng sanh thành hình sau một thời gian công phu.

Ví dụ chúng ta để ngọn đèn rồi quán, nhân ngọn đèn đó mình tưởng nó không phải cháy một chỗ mà nó cháy lan rộng ra hết phòng này, hết vùng đất này, tràn ngập hư không này là lửa, vậy là mình thành tựu cái Tưởng cho nên nhìn thấy

đâu cũng là lửa, cái tưởng của con người ta mạnh đến độ đủ sức có thể điều khiển chuyện khác. Có người biểu diễn được đài BBC đưa lên báo đài thế giới, ông ngồi trên thanh kim loại tưởng thanh kim loại cong thì thanh kim loại thẳng đó bắt đầu từ từ cong cong, những thanh kim loại gần đó đều bị cong hết. Hoặc người thân ở xa bị bệnh, mình tưởng giơ tay ra làm cho người đó ấm người lại, thì rõ ràng trong mấy phút người kia ấm người lại. Đó là loại chúng sanh có tưởng có lực dụng như thế. Hoặc có những Pháp tu, thầy dạy tưởng xuất hồn đi đâu đó, gặp ai để dạy đạo cho mình, tưởng một hồi thì hồn mình rời xác, nó đi cảnh giới khác học đạo trên đó, sau đó gần xả thiền thu hồn về nhập xác lại. Tưởng để thành tựu công phu thì nó có lực dụng, nhưng có loại tưởng trở thành hoang tưởng, thành bệnh luôn cũng không ít.

Hoặc chúng ta dụng công theo chiều tưởng ấm, thì cái tưởng nó trở thành lực, mà đối với Đức Phật đây là loại chúng sanh được sanh ra trong công phu. Ví dụ người ngồi trước mặt mình, mình tưởng họ đau bụng thì bụng họ đau, hoặc mình tưởng họ đứng dậy thì họ đứng dậy, mình muốn họ quẹo trái thì họ quẹo trái, mình muốn họ quẹo phải thì họ quẹo phải, là mình thấy mình tu nhiều, nhưng đó là Chúng sanh có tưởng được sanh ra từ tâm thức của mình. Dù là chúng sanh có tưởng, khi chúng ta chưa có lực cho tới có lực để Tưởng điều khiển được vật chất, thì nó chỉ là tưởng mà thôi, dù họ tưởng cho mình bay lên nóc nhà rớt xuống, thì mình biết họ sử dụng tưởng ấm chứ không có gì quan trọng.

8. Chúng sanh không tưởng: Khi chúng ta thấy chúng sanh có tưởng được sanh nơi mình nó nhiễu loạn mình quá, nên chúng ta dụng công dứt trừ chúng sanh có tưởng thì

chưa phải là đạt tới cảnh giới Diệt thọ tưởng định, vì Diệt thọ tưởng định là chứng tới quả A La Hán rồi. Còn đây là dạng mới dứt trừ những ý tưởng thô thôi, để cái tưởng của mình nó tạm thời lắng xuống. Ví dụ, bình thường ra khu nghĩa địa chúng ta có cảm giác rợn như có ai đứng sau lưng, nếu tu tập tốt thì chúng ta thấy bình tĩnh lắm. Hoặc khi gặp rắn hay cọp, nếu tưởng ấm còn thì tự nhiên mình sợ hãi, nhưng nếu mình bình tĩnh là khi đó tưởng không phát sinh khiến chúng ta không rợn người.

Hoặc ngồi thiền, nếu có hình bóng hay ý niệm nào tới thì chúng ta hóa giải, diệt trừ hết để nơi tâm chúng ta không còn những cái tưởng đó, là chúng sanh không tưởng bắt đầu hiện ra nơi tâm. Tâm cũng thanh tịnh tương đương với chúng sanh không hình sắc kia, nhưng loại chúng sanh không hình sắc hồi nãy chỉ là cảnh giới khoảng trống ngắn.

Ví dụ ý niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì giữa chữ Nam và chữ Mô có khoảng trống, thì đó cũng là chúng sanh không hình sắc, hoặc là chúng ta khởi ý niệm này, ý niệm kia nhưng chúng ta đè dẹp thì tuổi thọ của nó ngắn, còn chúng sanh không tưởng, tuổi thọ nó dài hơn chúng sanh không hình sắc một chút. Khi chúng ta dứt được cái tưởng thì khoảng không hiện ra với mình rất dài, chúng ta cứ nghĩ đó là cảnh giới định sâu. Có người diệt được tưởng này có thể kéo dài định được vài tiếng đồng hồ, hoặc một buổi, một ngày, đó cũng là định sâu theo cái nhìn của Nhị thừa, còn theo Kinh Kim Cang, đó cũng là một dạng chúng sanh được sanh ra trong công phu. Có nghĩa chúng ta có tu thì loài này mới có, còn không tu thì loài này không thể xảy ra. Những gì được xảy ra trong công phu thì đó là loài chúng sanh mới được sanh

ra trong công phu ở nơi tâm mình, không phải là cảnh giới thật, đây là điều chúng ta phải hiểu.

9. Chúng sanh chẳng có tưởng chẳng không tưởng (Vừa có tưởng vừa không tưởng): Ví dụ có cảnh giới nào đó rất an lạc hiện ra nơi tâm mình, vì mình nghe nói khi tâm lắng thì hiện ra sự an lạc, nhưng đó vừa là phần công phu, vừa là phần tưởng của mình để cho tâm hơi yên, hơi an kiểu nhẹ nhàng, nhưng không rõ ràng, có rất nhiều người lầm như thế cho là ngộ đạo. Gặp chuyện gì đó tâm mình biến động, người này chửi mình nghe không dính, người này nói nặng mình nghe phớt lờ đi, tâm mình có gì vửa rỗng vừa yên, nhưng cảnh giới này thực sự được sanh ra sau một thời gian công phu dứt trừ chúng sanh có tưởng, nó mới bắt đầu đi vào chiều sâu hơn nữa tương đương với Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên, là định thứ tám của Bát định (Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên). Khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên, hành giả vượt qua cảnh giới vừa có tưởng vừa không tưởng, nếu theo Nhị thừa thì hành giả tới một bước nữa là diệt tưởng, rồi diệt thọ nữa thì sẽ chứng quả A La Hán. Còn theo con đường Kinh Kim Cang, khi dứt trừ chúng sanh vừa có tưởng vừa không tưởng, thì người ta sẽ nhận ra cái rỗng lặng của Niết Bàn.

"Có tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hoá sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng, ta đều khiến vào Vô Dư Niết Bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng

sanh mà thật không có chúng sanh nào được diệt độ."

Ý Đức Phật muốn nói chúng ta phải độ chín loại chúng sanh này tới Vô dư y Niết Bàn, mà không có chúng sanh thật được diệt độ, vì nếu mình khởi một ý niệm lên mà mình dứt trừ theo kiểu dụng công bình thường, mình nghĩ có một ý niệm tham xảy ra thì phải đè nén không cho khởi nữa, như vậy có độ không? Chắc chắn là có, vì mình có làm, có dụng công, nhưng ở đây Đức Phật nói: *"Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ"* với chính mình, đây là mấu chốt công phu.

Ví dụ: Ánh nắng mặt trời mọc lên thì tất cả vạn vật đều được sáng. Mặt trời không phải đi rọi vật, mà vật tự nhuốm sáng bởi ánh sáng của mặt trời, cũng vậy ở nơi chúng ta có cái rõ biết không tác động tới duyên trần, không tác động tới vọng niệm, mà tất cả những vọng niệm đều được hóa tán trong cái rõ biết này, đó mới là cái "không thật được diệt độ". Chúng ta phải nắm bắt được công phu này thì mới không thật được diệt độ, còn nếu chúng ta không nắm bắt được là chúng ta có độ từng vọng niệm, hai cái khác nhau rất xa. Vì vậy, chúng ta phải đứng ở vị trí Phật mà độ chúng sanh, thì mới đưa tất cả chúng sanh vào Vô dư y Niết Bàn mà "không có chúng sanh thật được diệt độ."

Cho nên ở nơi mình có một cái rõ biết không tác động, cái rõ biết đó chưa hề tác động tới pháp, chưa hề đụng chạm gì tới vọng niệm, tất cả những ý niệm đều hiện ra trong cái rỗng lặng rõ biết của chính mình, cái đó không độ sanh, nhưng mà tất cả những ý niệm đều được lặng dứt không tái diễn. Nếu một phen chúng ta ở trong vị trí này, trong một thoáng thôi chúng ta sẽ cảm nhận được "chúng sanh thật được diệt độ",

Nếu không chúng ta sẽ thấy mình có độ sanh, đây là chỗ rất khó mà ngay từ đầu Đức Phật muốn ta ở vị trí này. Nghĩa là chúng ta phải đứng ở chân trời Tự Tánh, phải đứng ở chân trời Phật Tri Kiến mà độ sanh, tức là bằng thấy biết Phật thì tất cả chúng sanh hiện ra trong thấy biết của mình đều là Phật.

Nếu có một ý niệm tham, một ý niệm sân là lúc đó chúng ta đứng ở vị trí nhị biên, có ta và có người. Nếu quý vị đang ngồi nghe mà vẫn có vị trí của người đang nghe âm thanh tức là còn hai, có người nghe và có âm thanh, đang thấy và còn có một vật để mình thấy đó là còn hai, có một người và có một ý niệm là còn hai, có một người và có một vọng tưởng là còn hai, thì chúng sanh không thể tới Vô dư y Niết Bàn. Chỗ này rất quan trọng nếu nhận ra được thì chúng ta không cần phải học Kinh Kim Cang, suốt cuộc đời không còn vất vả trong công phu nữa, và đi đứng nằm ngồi chúng ta đều ở chỗ giác ngộ tuyệt đối. Chúng ta phải cố gắng nhận ra dạng công phu này.

Bây giờ chúng ta phải đủ định tĩnh, đủ trí tuệ thật sự để nhận rõ tất cả những tình huống xảy ra ngay tại đây và bây giờ, và chỉ ở chỗ rõ biết, Tuệ tri đó, đừng lệch vị trí đứng, là tự động mọi cái đều hiện ra trong Tuệ tri của chính mình, không thêm, không bớt, không bình phẩm, không chê bai, không đánh giá, không phê phán, thì mọi cái đều hiện ra trong Tuệ tri, trong chiếu soi rõ biết thì tất cả mọi cái đều thành Phật, đều tới Vô dư y Niết Bàn. Nếu chúng ta có bất kỳ thái độ dù nhỏ cỡ nào đối với vọng niệm, đối với cuộc sống này, nhìn cảnh sắc mình không dính, nghe âm thanh mình không dính, ngửi mùi mình không dính thì đoạn sau Đức Phật có nói,

cũng là sự hiểu lầm nên chẳng thể ngộ Kinh Kim Cang là vậy.

Chúng ta phải thả lỏng sự chú tâm quan trọng trong đời sống này, một phen để cuộc đời mình mất đi dấu tích, mất đi vị trí đứng ngay tại đây, hoàn toàn không còn có mục đích, không có vị trí, không có mình, không có người. Và cái rõ biết không mình không người đó hiện ra, nó nhận diện tất cả mọi cái hiện hữu trong nó mà không có tác động gì, thì đó là vị trí Vô dư y Niết Bàn.

Chúng ta phải an trụ trong tất cả các thời khắc của cuộc sống này, thì không nói định loạn, không nói chuyện phải trái, đúng sai, hai bên, không có cảnh giới, chỉ thuần là sự giác ngộ toàn triệt mà thôi. Có nghĩa là tất cả chúng sanh có hiện ra kiểu nào, thì chúng sanh đó liền thành rỗng lặng rõ biết mênh mông không còn tái diễn lại, nếu còn bất kỳ một pháp nào công phu, cần bất kỳ một dụng công nào thì cũng đều làm cho chúng sanh quay trở lại, bởi vì chúng sanh đó chưa tới Vô dư y Niết Bàn. Chúng ta phải khéo nhận ra.

Đức Phật nói thêm để rõ ý này, Ngài hỏi*: **"Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ Tát.**"* Không phải là người giác ngộ, vì người giác ngộ hoàn toàn không còn ngã và pháp, nếu chúng ta còn là người đang nghe và còn âm thanh đang được chúng ta nghe là còn ngã và pháp. Mở mắt ra còn thấy cái này không phải là mình là còn ngã và pháp, ngã là sự minh định giữa mình và cảnh giới bên ngoài. Mình thấy có mình và thấy có vật là có ngãcó pháp, thấy có mình không phải là người bên cạnh, người bên cạnh không phải là mình, thấy tất cả mọi cái đều không phải là mình, mình là cái gì riêng rẽ giữa cuộc sống này, đó là khẳng định riêng

tư của chính bản thân mình, gọi là ngã.

Tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả theo danh từ chuyên môn gọi là tứ tướng, rất quan trọng đối với người tu. Chúng tôi sẽ giải thích từ cấp độ thấp tới cấp độ cao để quý vị dễ hiểu. Nếu mình tự nói chuyện với mình. Ví dụ: *"Tai tôi ngứa quá!"* Hiện tại có một cái tai và một cái tôi, thì cái tai là " nhơn", tôi là "ngã". Hoặc nói: "Cái thân của tôi!" thì thân là "nhơn", tôi là "ngã". Muốn cho thân tôi khỏe, thì tôi phải thế này, thế kia đó là chúng sanh. Và khi thực hiện làm cho thân tôi được mặc đẹp, được ăn ngon, được ngủ yên, gọi là "thọ giả", ở nơi tự thân chúng ta cũng có đầy đủ tứ tướng.

Mình là ngã, có một pháp mình dụng công là nhơn, ví dụ tôi ngồi thiền đếm Sổ tức để dụng công, thì pháp đếm sổ tức là nhơn, tôi đếm từ một đến mười dụng cách này cách kia cho khỏi quên là chúng sanh, khi đếm được như vậy tôi vui, không được như vậy tôi buồn, thì vui buồn là thọ giả.

Hoặc mình ngồi yên lặng có cảnh giới an lạc hiện ra thì mình là ngã, cảnh giới an lạc là nhơn, công phu cực khổ mấy chục năm mới được nên tìm cách này cách kia ráng giữ nó là chúng sanh, khi giữ được cảnh giới yên này chúng ta vui, giữ không được chúng ta khổ gọi là thọ giả. Một pháp tu có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, khi dụng công chúng ta thấy an lạc, thấy không an lạc là có đầy đủ ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Khi chúng ta có một pháp và có con người đang dụng pháp đó là có đầy đủ tứ tướng

Việc Phật sự bên ngoài, ví dụ: Hôm nay chùa mình phát quà cho năm mươi người nghèo. Có mình, có người nghèo, là có ngã, có nhân. Người nghèo khi nhận quà phải biết

điều thì mình vui, không biết cám ơn thì mình khó chịu thì cảm thọ vui hay khó chịu là chúng sanh và thọ giả, có mình và có công việc là có đủ tứ tướng.

Tứ tướngchi phối đời sống con người thường tình, và chi phối cả những người đang dụng công tu tập theo đạo Phật, trừ trường hợp người đó hết dụng công, vượt qua phân biệt hai bên, không còn ngã, không còn nhơn nữa. Nếu còn tất cả pháp tu đều rớt trong tứ tướng. Vì có mình thì có pháp, có pháp thì sanh ra đủ thứ, nay mình ngồi sanh cảnh giới này, mai mình ngồi sanh cảnh giới kia là chúng sanh sanh ra. Cảnh giới theo ý mình thì mình vui, không theo ý mình thì mình buồn là thọ giả sanh ra, suốt cuộc đời chúng ta dụng công là suốt cuộc đời chơi giỡn với tứ tướng, còn pháp để chúng ta tu là còn ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; còn việc để chúng ta làm là còn nguyên tứ tướng, thế nên chúng ta rất khó thoát khỏi tứ tướng này .

Ý này muốn nói: Nếu chúng ta còn trừ chúng sanh, còn diệt chúng sanh, còn độ chúng sanh, thì còn ngã nhơn nguyên ở đó, và cảnh giới hiện ra là định, là không định, là loạn, là không loạn, là thanh tịnh, là an lạc cũng là ngã, nhơn. Do đó, nếu mình thấy có một chúng sanh để mình độ thì có đầy đủ tứ tướng.

Làm sao để thoát tứ tướng? Một người không thoát tứ tướng, thì chưa phải là hành giả tu tập tốt đúng với tinh thần Kinh Kim Cang. Người không thoát Tứ tướngthì thấy có một chúng sanh để mình độ, trừ phi đưa được vô lượng, vô biên chúng hữu tình tới Vô dư y Niết Bàn thì mình mới thật sự thoát khỏi tứ tướng, mà muốn đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn, thì chúng ta phải đứng ở vị trí Vô dư y Niết Bàn. Vị

trí Vô dư y Niết Bàn là vô ngã, vô pháp, không có mình thì không có pháp để dụng công, không có mình thì không có đối tượng, thì không có chỗ để dính lại trần gian này.

Lúc nào mình thấy mình có thể dính được với ai đó, hay có thể dính được với chuyện đó, là lúc đó đã có ngã và có nhơn. Ví dụ nghe nãy giờ mà đứng dậy là sạch hết thì không còn ngã, nhơn, nhưng nghe còn nhớ, ổng nói câu này tôi nghe chấp nhận, là có tôi và có cái chấp nhận, là còn ngã còn nhơn, làm sao đứng lên chúng ta hoàn toàn không còn cái gì ngay tại đây thì lúc đó mới thoát khỏi tứ tướng.

Làm sao tất cả mọi thời trong đời sống này chúng ta luôn là như vậy, là người đang ở trong cảnh giới vô ngã, vô pháp, lúc đó một điều kỳ diệu xảy ra nơi mình là cảnh thanh tịnh tuyệt đối lộ bày. Và một điều tuyệt đối rõ biết hiển lộ ngoài xác thân này, khi chúng ta còn dụng công là còn sử dụng thân căn ngũ uẩn, mà đã sử dụng thân căn ngũ uẩn là chấp nhận có mình. Khởi đầu dụng công là mình chấp nhận có ngã, có pháp, không ai bắt đầu dụng công mà không có mình để tu, chính chỗ này là chỗ thất bại của công phu.

Không có ngã để tu thì mới thoát khỏi tứ tướng, nếu có ngã để tu thì không bao giờ thoát, cho nên nói vị thầy nào đó trao cho mình một pháp thế này, một pháp thế kia để mình dụng công, rồi được thế này, được thế kia, là dày thêm tứ tướng.

Đây là điều rất buồn cho người đang đi vào con đường bế tắc, tất cả những công phu mình cứ nghĩ dùng pháp này diệt trừ từng vọng niệm để tâm mình được thanh tịnh, để chứng cái này, ngộ cái kia, là chúng ta không đi đúng đường Đức Phật dạy là vô ngã ngay từ đầu. Ở đây Đức Phật dạy

chúng ta không đứng trên bản ngãđể tu tập, mà không đứng trên bản ngã để tu tập thì không có Pháp để mình có thể dụng công, và không có chúng sanh để mình độ, đó là chỗ Đức Phật muốn chỉ.

Nhưng từ xưa tới giờ mình không chịu làm như vậy, lúc nào mình cũng muốn có mình ở đây, mình khẳng định mình là người đang tu và có một Pháp rất hay để dụng công, được một ông thầy hết sức nổi tiếng trên thế giới dạy cho và bắt đầu thực hiện ba ngày có kết quả, là chúng ta xây dựng thêm tứ tướngmà thôi. Đừng nghĩ dụng công giỏi là người đó tu giỏi, tu mà không được cái gì, không có kết quả, ngay cả mình cũng không còn thì kết quả lấy gì có, đó là con đường tu tốt.

Bây giờ người ta dạy pháp giỏi lắm, pháp nào cũng hay, pháp nào cũng được giới thiệu tuyên truyền rao giảng khắp các nơi, ba tháng bảo đảm quý vị sẽ chứng được cái này cái kia, nhưng học Kinh Kim Cang rồi mình sẽ sợ cảnh giới chứng này. Vì đó chính là những chúng sanh được sanh ra nơi tâm mình, tất cả cảnh giới tu tập không thoát khỏi loài chúng sanh nào trong chín loài này cả. Không có pháp dụng công nào thoát khỏi tứ tướng, nói tới tứ tướnglà một cây chổi quét sạch hết tất cả mọi cái. Đây là đoạn văn hết sức ngắn để chúng ta có đủ thấy nhìn Phật đạo trong chuyên môn, để rồi không bị lầm khi nghe giới thiệu một pháp tu để sẽ được cái gì đó sau này, vì bất cứ pháp dụng công nào cũng không thoát khỏi tứ tướng.

Một vị Thiền Sư giỏi là phải có một pháp cho người dụng công, và tự hủy lấy, tự tan biến mất công phu đó, mới là bậc chân sư, hoặc thấy mình đang vướng trong pháp, thì Thiền

Suphải gỡ để họ thảnh thơi chơi giữa trần gian này. Ngài Đức Sơn nói*: "Tông ta không có ngữ cú, không có một pháp cho người,"* các vị đã thấu thoát điều này rồi nên các vị không dám dạy người khác tu. Đạo tràng ngài Lâm Tế, khi quan huyện tới thấy chư Tăng đông, hỏi*:"Thưa Hòa thượng, chư Tăng ở đạo tràng Hòa thượng làm gì?, có tụng Kinh chăng?"* Ngài Lâm Tế nói: "*Không có!"* Hỏi: "*Có ngồi thiền không?" "Không có!" "Không tụng Kinh, không ngồi thiền, vậy làm gì?" "Ta chỉ dạy họ làm Phật, làm Tổ thôi, không dạy làm gì cả!"* Vị này hiểu thiền nên nói: *"Mạt vàng tuy quý nhưng rớt vào mắt cũng xốn!*" không tụng Kinh, không ngồi thiền mà thành Phật là loại mạt vàng rớt vào mắt cũng xốn. Ngài Lâm Tế điểm mặt: *"Ngươi nói như thế ta biết ngươi là loại phàm phu rồi, vì* không dám sống với chỗ riêng của mình.

Từ xưa tới giờ, đạo Phật hay thì cũng có cái hay, nhưng lại đưa người ta đi vào khuôn thước,có những khuôn thước uốn cong, bẻ gãy đời sống, khiến người ta không sống với cái riêng của chính mình, đó là nhược điểm, một sự uốn nắn không cần thiết trong cảnh giới tu tập. Rõ ràng nói tới đạo lý giải thoát là không cần sự uốn nắn đó, cái chính của Đạo Phật là khơi mở trí giác ngộ, để người ta thấy đúng sự thật, sống đúng sự thật và nói đúng sự thật. Không phải đạo Phật là uốn người ta thành người này,thành người kia.

Khi nhìn cây cảnh bị uốn chúng ta thấy rất đẹp, nhưng lúc nào đó tâm lắng yên chúng ta thấy rất tội nghiệp cây bị uốn bẻ đó, nó không được tự do vươn mình giữa trời cao như những cây rừng kia, nó bị uốn trong một khuôn thước giới hạn nhất định nào đó. Khi một cây được mọc tự do thì nó sẽ vươn cao giữa trời, mới trở thành cây cổ thụ được, nên tất cả những

khung sáo , đứng một mặt nhỏ nào đó có thể thấy nó đẹp, nhưng nhìn kỹ lại thì nó lại là sự ràng buộc, tất cả các chùa chúng ta đều vướng vào chuyện này.

Đạo Phật là đạo giải thoát, thì ban đầu tất cả những người học Phật phải gieo nhân giải thoát bằng những bước chân giải thoát, để họ được tự do sống với chính họ. Khi chúng ta được sinh ra trên cuộc đời này chưa có quy luật thì chúng ta không mang gì theo, nhưng lớn lên bị người lớn ép theo giáo thuyết này thì học kiểu này, giáo thuyết kia thì học kiểu kia, trường này có quy luật này, trường kia có quy luật kia, đời mình đi đâu cũng bị khung sáo ràng buộc, bị lệ thuộc mất tự do trong đời sống thường tình.

Nhiều người xem đó là hay, thậm chí người tu sống như vậy thì phật tử mới chấp nhận, còn sống tự do một chút thì cho thầy đó không có giới hạnh,thấy tướng thầy không oai nghi, đi đứng không được trang nghiêm, tự nhiên phật tử mất lòng tin. Rồi thầy cũng ráng, gặp phật tử bắt đầu đi khép nép, không dám đi tự do, không dám cười lớn sợ nhe răng phạm giới, một hợp đồng không chữ ký với nhau kiểu đó khiến cho đời sống con người bị người này gò, người nọ ép cuối cùng không ai sống cho riêng mình được.

Mình như tấm bia, như là một biểu tượng gì để người ta ngắm nhìn, mà bao nhiêu người ngắm nhìn một người là muốn người đó phải thế này thế kia theo ý của họ, nếu mình sống không theo ý của mọi người thì họ không chấp nhận, tôi thấy thầy không được như vậy, mà cái được như vậy của họ không biết đúng tới đâu, nhưng cũng gắng gán cho người khác cái danh hiệu đó, rồi bắt người ta phải là như vậy. Còn người

phật tử phải có trách nhiệm này trách nhiệm kia đủ hết, vào chùa không làm đúng vậy không phải là phật tử ngoan.

Việc tu tập nếu nhìn kỹ, chúng ta không giúp nhau đập bể bức tường tứ tướng, mà gần như chúng ta xây kiên cố thêm, khiến chúng ta cứ lẩn quẩn trong đó, rồi tường này ít bữa sơn bị xuống màu ta sơn thêm màu mới, màu mới nó vui vui ít ngày thấy màu đó cũ ta sơn thêm màu mới, cuối cùng thầy trò cứ sơn riết cái tường ngàn lớp như vậy, chỉ chừng đó thôi, loanh quanh lẩn quẩn ở bức tường đổi màu đó, chứ nếu chúng ta bước ra cõi trời cao rộng thì cuộc đời này khác đi rất nhiều. Do đó, khi chúng ta bắt đầu dụng công theo đạo Phật, Đức Phật không muốn chúng ta bị ràng buộc với bất kỳ một pháp nào, ngay vị trí đầu tiên con người phải mất đi vị trí đứng để bắt đầu tu tập, mất đi cái bản ngã này thì tuyệt đối không còn pháp, không còn ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả thì người đó mới có thể tự tại giữa trần gian này.

Nếu chúng ta thực sự muốn đi vào con đường chuyên môn, muốn đạt được điều Ngài Tu Bồ Đề đặt ra là cầu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, muốn cầu thành Phật, muốn trở thành người toàn triệt thì chúng ta phải tự nghiệm lại coi tất cả những hành động sống trong đời này mình còn vướng trong tứ tướng không, ngày nào đó chúng ta còn bị tứ tướngchi phối hoặc còn vướng trong đó thì biết mình đi lệch đường Đức Phật dạy. Nếu chúng ta dụng công, tu tập, sống trong đạo Phật mà tứ tướng càng ngày càng mỏng, tới một ngày ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả hoàn toàn tan biến thì lúc đó chúng ta mới yên ổn, còn không thì bức tường tứ tướng sẽ là dòng xoắn của trần gian này.

Thực sự không ai trốn thoát tứ tướng, trừ những bậc một phen chết đi sống lại họ mới sống ngoài tứ tướng, cho nên tùy duyên phước của mỗi người, nếu chúng ta chấp nhận thì đời sống được tự do, còn chúng ta thích khung sáo, muốn kiểu dáng thì chúng ta không vươn tầm cao giữa trời không này được. Làm sao để bắt đầu khởi nhân học Phật bằng chỗ tự do, dù đó là ngày đầu chúng ta học đạo hay chúng ta học lâu rồi, thì nên nhìn lại chính Đức Phật là người hoàn toàn giác ngộ giải thoát, những điều dạy của Ngài không bao giờ đưa chúng ta vào khung sáo nào cả, do đó chúng ta phải đi đúng đường của Đức Phật. Ngay bước ban đầu học đạo phải là bước tự do, bước giải thoát, gieo nhân giải thoát thì suốt cuộc đời còn lại chúng ta là người giải thoát, còn gieo nhân ràng buộc thì bước cuối chúng ta tới chỗ ràng buộc, đó là điều chúng ta cần phải biết trong chân trời Phật pháp.

ĐOẠN 4: DIỆU HẠNH KHÔNG CHỖ TRỤ

Lại nữa Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Này tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì cớ sao? Nếu Bồ Tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy.

Này Tu Bồ Đề, hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới có thể nghĩ lường

được chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy.

Này Bồ Đề, Bồ Tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ lường. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát chỉ nên như lời dạy mà trụ.

Sau câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề: Một người muốn cầu thành Phật thì phải làm sao an trụ và làm sao hàng phục tâm cầu thành Phật đó của mình, đoạn trước Đức Phật dạy độ chín loài chúng sanh, ở đây Đức Phật dạy bố thí, chúng ta thấy có vẻ như mạch văn không liền lạc, Đức Phật đang dạy tu hành rồi lại dạy bố thí. Nếu chúng ta nhìn bố thí ba theo kiểu ban phát cho tặng theo kiểu thế gian bình thường, thấy như lạc đề, bố là khắp, thí là ban cho, bố thí ba là sự ban cho cùng khắp. Ban cho không có nghĩa là chúng ta lấy tiền của vật chất đem cho, mà ở đây hiểu theo chuyên môn thì bố thí ba có nghĩa là buông xả mà là buông xả toàn triệt nơi thân tâm của chúng ta, nếu một phen chúng ta buông xả được thân tâm một lượt là chúng ta đã một lần Bố thí Ba la mật, mà không tốn đồng tiền bát gạo nào. Nếu chúng ta đem hết tiền của ra bố thí ba vẫn chưa phải là Bố thí Ba la mật, vì chúng ta vẫn còn mình để bố thí, vẫn còn có một cái gì để giữ lại thì chưa phải là Bố thí Ba la mật. Do đó, người Bố thí Ba la mật đúng nghĩa của đạo Phật, là người đó không còn gì vướng lại ở nơi mình từ thân cho tới tâm, cho tới khi nào ngã chúng ta hoàn toàn không thì mới đúng nghĩa Bố thí Ba la mật.

Trước đó Đức Phật dạy chúng ta "độ tất cả chúng hữu tình mà không có một chúng sanh thật được diệt độ." Chúng ta đứng ở chân trời giác ngộ giải thoát để hóa tán hết tất cả những ý niệm từ nhỏ nhiệm cho tới thô thiển nơi tâm mình,

như vậy chưa đủ, Đức Phật dạy chúng ta phải xả bỏ tâm độ sanh của mình, xả bỏ luôn cả người đang độ và chúng sanh được độ nữa. Bước thứ hai, Đức Phật dạy, nếu như chúng ta tu tập bố thí ba như thế này thì phước báu vô cùng lớn, nhưng nếu bố thí ba theo kiểu cho tiền của giúp đỡ người nghèo, người cơ bần, làm việc phước thiện, thì phước đó vẫn còn ở trong chừng hạn, không lớn.

"Lại nữa Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Này tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng."

Có nghĩa là nơi lục căn chúng ta: Mắt tiếp xúc hình sắc chúng ta không có chỗ để trụ, tai chúng ta nghe âm thanh không có chỗ để trụ, mũi chúng ta ngửi mùi hương không có chỗ trụ, lưỡi chúng ta nếm vị không có chỗ trụ, thân chúng ta xúc chạm không có chỗ trụ, ý chúng ta duyên pháp trần không có chỗ trụ. Nghĩa là một phen lục căn không có chỗ trụ với lục trần, thì lúc đó chúng ta mới là người thật sự Bố thí, đây rõ ràng là công phu tu tập chứ không phải là việc làm phước bên ngoài.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật liên tục đi vào chiều sâu của tâm, từng lời từng chữ ở đây, Ngài luôn nói đến sự thật để chúng ta tiếp nhận, Đức Phật không hề rời tâm để nói. Do vậy khi học Kinh Kim Cang, chúng ta phải ở nơi tâm của mình để tiếp nhận sự trong sáng, giác ngộ của Ngài rót trọn nơi chúng ta, nếu sơ hở chúng ta sẽ không nắm bắt hết ý sâu Đức Phật muốn dạy.

Đức Phật gọi một vị Bồ Tát, tức là người bắt đầu đi vào con đường giác ngộ giải thoát, thì người đó phải không

có chỗ trụ mà làm việc Bố thí, Bố thí ba ở đây không phải Đức Phật dạy chúng ta cho tiền của, không phải đem vật chất cho người khác nữa, mà bố thí ba ở đây là nơi lục căn thường xuyên tiếp xúc với lục trần, từng sát na một trong đời sống của mình,khi buông ra là chúng ta phải thấy cái gì đó, phải nghe cái gì đó, phải ngửi cái gì đó, hay phải nếm cái gì đó, nên thân chúng ta hoàn toàn không có phút giây nào ngừng nghỉ, vì thế căn trần luôn dính với nhau, đó chưa phải là Bố thí ba theo tinh thần Kinh Kim Cang.

Kinh Kim Cang là bản Kinh đốn siêu phương tiện, không nói tới thứ bậc công phu, mà muốn nói tới sự thật của căn trần, khi chúng ta bắt đầu học nên thấy nhìn các pháp đúng như thật trở lại, không phải dựa vào Pháp của Đức Phật mà chúng ta dụng công, nghĩa là chúng ta không trụ nơi sắc mà bố thí. Ví dụ chúng ta nhìn bình bông trước mắt, nếu nói không trụ nơi sắc mà bố thí, thì chúng ta phải bố thí ba như thế nào?

Kinh Lăng Nghiêm nói: Mở mắt ra thấy núi sông, cây rừng, đất đai, nhà cửa, đó là cái thấy bệnh từ vô thỉ, dù thấy không khởi niệm cũng là bệnh từ vô thỉ. Vậy phải thấy làm sao để chúng ta thoát ra? Khi học đạo nhất là học bản Kinh chuyên môn là chúng ta phải toàn tâm toàn ý, không có nghĩa là chúng ta tập trung hết vào cái gì, mà chúng ta không đi ra ngoài chỗ chúng ta đang ở. Một phen trước mắt chúng ta hiện tất cả các hình sắc thì chúng ta phải ở ngay tại đây và bây giờ để thấy, thì mới không vướng nơi hình sắc, nếu chúng ta thấy bông này màu trắng, tên là hoa hồng là chúng ta lùi về quá khứ chứ không có ở đây.

Đức Phật rất thực tế Ngài không nói chuyện trước một

giây, sau một sát na, mà chỉ nói chuyện thực tại hiện tiền, không dư không thiếu. Ngay nơi thấy biết chúng ta không ở nơi thấy biết để vướng mắc duyên cảnhn, nếu chúng ta vừa nhìn bên trái, thì liếc qua bên phải là chuyện bên trái mất hẳn với mình, như giữa hai âm thanh, thì âm thanh thứ nhất vừa dứt xong, là chúng ta không còn vướng một dư âm nào để chúng ta rất rõ ràng âm thanh thứ hai.

Nhìn vào các pháp để chúng ta thấy thực tại các pháp đang hiện hữu, trong cái rỗng lặng rõ biết mênh mông của chính mình, chúng ta phải phá vỡ quan niệm ta ngồi đây để thấy các vật trước mắt, bên tai cũng vậy ta phải phá vỡ quan niệm mình ngồi đây để nghe âm thanh đằng kia vang lại. Hoặc mình chạy đến kia để nghe âm thanh, hay là âm thanh chạy lại đây để mình tiếp nhận nó. Để chúng ta thấy rằng mình có cái rỗng lặng mênh mông rõ biết hằng hữu ở đây, nên cái gì hiện ra trong rỗng lặng mênh mông rõ biết hằng hữu của mình thì mình tự rõ nó.

Quý vị lắng tai muốn nghe chúng tôi nói, nhưng chung quanh vẫn còn một số tiếng động chúng ta đều nhận rõ không lầm lẫn. Ở bên sau chúng ta cũng rõ biết, ở bên phải, bên trái chúng ta đều rõ biết một lượt, nếu đặt câu hỏi chúng ta ngồi đây là lỗ tai chúng ta hướng bên trái để nghe bên trái, hướng bên phải để nghe bên phải, hướng đằng trước, hướng đằng sau để nghe, hay là âm thanh nó chạy gom lại đây để cho chúng ta được nghe? Chúng ta lưu ý điều này, vì từ xưa tới giờ mình không rõ biết mình nghe kiểu nào.

Trong cùng một thời khắc, chúng ta đồng thời nghe âm thanh từ nhiều phương hướng, không phải do chúng ta chạy bên này tới bên kia, mà do mình đã ở khắp nơi trong

vùng trời đó nên cái gì hiện ra trong vùng trời đó mình nghe một lượt. Không phải chúng ta là cái chỗ này và đang nghe bằng lỗ tai, cũng không phải chúng ta ngồi chỗ này để thu gom âm thanh lại, hay ngồi đây khuếch tán âm thanh để nghe mọi hướng. Vì chúng ta đã ở khắp rồi nên cái gì lọt vào chân trời rõ biết của mình là chúng ta liền rõ nó, để chúng ta thoát ra khái niệm nghe bằng lỗ tai như từ xưa tới giờ.

Chúng ta cố gắng tập thay đổi cái nhìn, để chúng ta có cơ may nhận ra cái trùm khắp của chính mình. Hiện tại thân tâm chúng ta còn hoạt động trong giới hạn của thân căn nên không nghe xa được, nhưng nếu một lần chúng ta thoát khỏi giới hạn của thân căn, thì chúng ta nghe hết tất cả âm thanh trong vũ trụ này.

Nhiều đời theo nghiệp tập chúng ta quen đóng khung trong thân căn, quen nghe bằng lỗ tai của mình, khiến quan niệm đó từ từ khu biệt lại làm cho chúng ta nhỏ nhiệm, làm giới hạn cái rõ biết mênh mông của mình. Bây giờ chúng ta phá vỡ quan niệm đó, để cái nghe bắt đầu rộng khắp trở lại, chúng ta là người trùm khắp, bao nhiêu sự việc xảy ra đều hiện rõ trong cái trùm khắp đó để chúng ta rõ biết nó, không phải chúng ta ngồi đây để thấy vật trước mắt.

Ngay khi quý vị thả lỏng đừng chú tâm để thấy, thì tự nhiên cái gì hiện ra trong chân trời rõ biết của chúng ta là chúng ta rõ biết liền. Cũng giữ nguyên thả lỏng như vậy, khi nó khuất mất chúng ta thấy nó mất, khi nó hiện trở lại chúng ta lại thấy trở lại một cách bình thường.

Ví dụ: Đưa tay lên chúng ta thấy cánh tay, để tay xuống nó khuất mất. Cứ tiếp tục như thế, đưa tay lên, thả tay

xuống khuất mất, chúng ta thấy được nghĩa bố thí ba nơi tướng chưa? Nếu trong lúc bàn tay hiện trước mặt quý vị có cái gì vướng lại nó, thì khi để tay xuống quý vị vẫn còn thấy bàn tay, nhưng khi để tay xuống quý vị thấy không còn bàn tay, khi đưa tay lên quý vị lại thấy bàn tay. Khi đưa tay lên quý vị thấy bàn tay, khi để tay xuống quý vị thấy không có bàn tay. Tức là cái thấy của chúng ta luôn hiện hữu nơi đó, nhưng vật thì chợt có liền mất. Tất cả những cái bị chúng ta thấy nó không thật, cho nên nó có rồi mất đi, còn cái đang thấy còn hoài nơi đây với chính mình. Chúng ta phải nhận ra điều này, đây là điều Đức Phật muốn nói, nơi cái thấy biết rõ ràng của chính mình, mình thấy tất cả hình sắc và chỉ thấy như vậy thôi, không vướng lại bất kỳ hình sắc nào, là chúng ta bố thí ba nơi hình sắc mà không trụ tướng.

Từ xưa tới giờ chúng ta học đạo là khi thấy một vật chúng ta liền quán nó thành không, quán nó là huyễn, là giả, là vô thường, lúc chưa đem tới đây thì cái bông này chưa có, khi đem tới đây thì nó tạm hiện ra, khi chúng ta rời bình bông đi thì nó mất, hoặc vài ngày bông này héo là do nó vô thường, không thật, nên đừng bám chấp nơi đó.

Đức Phật dạy chúng ta bố thí ba nơi tướng, tức là chúng ta không trụ nơi tướng, không có nghĩa là chúng ta giữ mình không cho ý niệm khởi nơi tướng. Nếu chúng ta tinh tế một chút trong công phu tu tập, cái đang thấy trước mắt chúng ta ráng giữ không cho khởi niệm, rồi chuyện đó qua chúng ta cố gắng quên nó, như vậy có phải là bố thí ba nơi hình sắc không? Hoặc người ta chửi mình một câu mình ráng nhịn, mình ráng cắn răng quên, gọi là bố thí ba âm thanh. Chúng ta quen công phu kiểu đó thì rõ ràng không thể bố thí ba kiểu đó

được, vì đó là thâu nhiếp chứ không phải bố thí, thâu vô rồi về nằm ngủ trào ra trở lại không bao giờ mất. Khi bố thí ba nơi sắc là cái thấy biết của chúng ta nhận diện rõ nơi hình sắc đó, hoàn toàn không có một mảy may vướng bận nào. Khi ta xoay qua chỗ khác thì tất cả các hình bóng đó tự lặn dứt đi, không hề có mảy may dụng công nào là chúng ta đang đúng.

Khi thấy biết đúng như thật tất cả những sự hiện hữu, thì sự thật đó sẽ giải phóng ta ngay khi ta thấy, không phải đi qua nó mất, chúng ta nghe đúng sự thật thì ngay nơi âm thanh đó không thể dính lại, không phải hết âm thanh rồi ta mới không dính. Sự thật sẽ giải phóng chúng ta, khi chúng ta thấy đúng sự thật của hiện hữu thì chính sự thật này không vướng lại. Trong lúc chúng ta thấy đúng sự thật nơi mắt, nghe đúng sự thật nơi tai, ngửi đúng sự thật nơi mùi, nơi vị, nơi xúc pháp, tức là lục căn chúng ta thấy đúng sự thật với lục trần, thì ngay nơi thấy đó hoàn toàn không có gì vướng lại, gọi là bố thí ba không trụ tướng.

Bây giờ mình thấy vật đó là cái gì đó đối với mình, tức là có mình và có sự vật, là có ngã và có pháp, là không thể bố thí ba được. Có mình thì rất khó bố thí Ba la mật, muốn bố thí Ba la mật thì phải tan biến mình. Dần dần chúng ta sẽ nhận ra điều rất đặc biệt, mà Kinh Lăng Nghiêm đến đoạn lục căn hỗ dụng chúng ta mới thấy ra điều này. Nếu ngay tại đây quý vị đang nghe và đang thấy một lượt, có nghĩa là chúng ta đang nhận biết âm thanh và hình sắc một lượt, không trước không sau.

Lúc đó mũi chúng ta vẫn đang thở, lưỡi chúng ta vẫn biết vị, thân chúng ta biết nóng lạnh, ý duyên pháp trần chúng ta đang biết, vậy nơi sáu căn hiện hữu này chúng ta có cái gì

đó không riêng biệt. Không phải chúng ta nghe là nghe thôi mà không cho cái thấy hiện ra, hoặc chỉ thấy mà nghe không hiện ra. Lục căn chúng ta nhận biết một lượt ngay tại đây không khác nhau, không trước không sau một sát na, và có một cái gì đó hiện hữu nơi lục căn này, khi một người nhận ra cái hiện hữu nơi lục căn thì cái đó không phải là lục căn, nếu nhận ra cái hiện hữu không phải là lục căn mà rõ biết tất cả mọi cái, thì xem như chúng ta ngộ tánh, Thiền tông rất đơn giản!

Như vậy là chúng ta bố thí Ba la mật một cách toàn triệt, tức là chúng ta nhận được cái hay biết không phải là thân căn này, thân căn này là cửa ngõ để cho chúng ta rõ biết thôi. Ví dụ nhà này chúng ta mở sáu cửa, thì gió lưu thông một lượt sáu cửa không dừng lại. Chúng ta sẽ không tìm ra ranh giới của hư không trong nhà và ngoài nhà. Cũng như ngay bây giờ chúng ta không tìm được ranh của mắt và tai, trong cái đang thấy biết rõ ràng này, không ai có thể minh định được ranh giới của rõ biết âm thanh và rõ biết hình sắc cả.

Chúng ta đang có cái rõ biết nơi âm thanh và cái rõ biết nơi hình sắc, cái rõ biết đó hiện hữu hiện thực ngay tại đây không hề có sự thay đổi nào, và không hề có ranh giới phân chia nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nếu chúng ta nhận ra được điều này, thì chúng ta sẽ nhận ra bố thí ba nơi pháp mà không trụ tướng, nếu không nhận rõ điều này thì làm gì chúng ta cũng bị trụ. Thấy sắc thì làm kiểu nào chúng ta cũng dính trên sắc, nghe âm thanh kiểu nào chúng ta cũng bị vướng nơi âm thanh. Có điều nếu chúng ta nhận ra được cái thấy không phải là con mắt đang rõ biết hình sắc, cái không phải lỗ tai mà đang rõ biết âm thanh thì chúng ta sẽ nhận biết được

chỗ Bố thí ba không trụ tướng tại đây, còn nếu không chúng ta bố thí ba không ra, bố không khắp, thí không rớt.

Nếu một người học theo Kinh Kim Cang để bố thí, thì người đó một phen lục căn và lục trần không có chỗ vướng đọng lại, tức là chúng ta đã bố thí ba rồi. Có người dạy bố thí ba tam luân không tịch, không thấy người bố thí, không thấy người nhận thí và không có vật bị thí. Bây giờ làm sao để không có người thí? Đã khởi cái ý cho người khác là có mình có người, vậy làm sao để không có mình, không có người ngay tại đây? Nơi lục căn tiếp xúc lục trần chúng ta làm sao cho mắt đừng dính sắc, là coi như xong chuyện tu học của chính mình.

Đạo Phật rất thực tế, không có chuyện mảy may, một tí xíu nữa cũng không được, học Phật là chúng ta phải đủ trí để thừa đương sự thật ngay tại đây, không nói chuyện chút nữa. Nãy giờ chúng ta nói cũng nhiều rồi, rất nhiều âm thanh đến chân trời rõ biết của quý vị, bây giờ nếu tất cả những lời nói này dừng lại thì quý vị có còn nhận ra âm thanh đó nữa không? Không thể nhận ra âm thanh đó mà nhận ra cái khác, tức là cái rõ biết đó nó vẫn tiếp tục rõ biết từng sát na một ở nơi mình không hề vắng, không hề mất, không hề vơi, nó đang rất rõ ràng như vậy, cho nên tất cả những âm thanh đến dù chúng ta có muốn giữ lại giữ cũng không được. Nếu chúng ta nhận ra được điều này, thì vô sâu bên trong mới thấy tại sao ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng đọc tới đây Ngài ngộ, còn chúng ta không nhận rõ điều này chúng ta vẫn không ngộ được, phần sau Đức Phật sẽ nói thêm điều đó.

Nếu là người thực sự tu hành theo đạo Phật, muốn đạt tới đạo lý giác ngộ giải thoát thì chúng ta phải đặt lại câu hỏi:

Tại sao nãy giờ mình nghe cũng nhiều lắm rồi, bây giờ dừng lại không nói câu nào, không có dụng công trừ khử nó, không có ý muốn dẹp bỏ nó, nhưng bây giờ dừng lại nó không còn? Tại sao nó không còn? Chúng ta phải thấy ra sự thật này.

Một người nhận được đạo lý là họ sẽ nhận ra tất cả cái gì đang hiện hữu ngay nơi đời thường của chính mình, những cái hiện ra nơi mắt, nơi tai, chúng ta phải nhận rõ nó không được quyền lầm lẫn. Chúng ta phải thấy đúng như thật mọi cái đang hiện hữu tại đây, mới gọi là người biết sống. Nhưng sự thật từ trước tới giờ chúng ta thấy mà không biết nó từ đâu tới, không biết nó ra làm sao, không biết là mình đang thấy nó hay nó đang đến với mình để mình thấy. Nếu nói người tu là người hiểu biết trong đời sống này thì những hình sắc, âm thanh, mùi vị hiện ra nơi lục căn của mình mình phải rõ biết không lầm lẫn.

Có người hỏi ngài Quốc Sư Huệ Trung: "*Thế nào là giải thoát?"* Ngài nói: *"Căn trần không dính nhau là giải thoát."* Bây giờ người học đạo nghe căn trần không dính nhau là giải thoát, bắt đầu tu, nếu thấy hình sắc thì làm sao đừng cho khởi niệm trên đó để nó đừng dính, nghe âm thanh thì đừng khởi niệm để nó đừng dính và bắt đầu đi vào công phu thì rất cực nhọc, cả đời người tu nếu không học lý đại thừa thì họ đều tu như vậy hết. Chỉ có lấy bông gòn bịt hai mắt mò mò đi thì mới không thấy sắc, chứ còn mở mắt còn thấy hình sắc là còn dính, hoặc bịt hai lỗ tai đừng cho nghe âm thanh thì mới hy vọng đừng dính. Nhưng khi chúng ta thấy được sự thật của hình sắc và âm thanh, thì khi chạm tới chúng ta nó liền tan biến, như vậy mới gọi là bố thí.

Chúng ta nên quên đi khái niệm thấy, quên đi khái

niệm nghe, mà chúng ta đang rõ biết hình sắc, đang rõ biết âm thanh, thì ngay khi âm thanh chạm tới chúng ta nó biến thành Bồ đề, không phải chút nữa hay sau đó. Trước đó không có âm thanh, ngay khi âm thanh hiện hữu liền biến thành Bồ đề, gọi là chúng ta Bố thí ba âm thanh,ngay nơi âm thanh hiện ra với chúng ta không có mang màu sắc khổ vui,nếu âm thanh rớt trong chân trời rõ biết của chúng ta, bỏ quan niệm âm thanh tới lỗ tai mình, thì chúng ta là người đang hiện hữu bằng sự rõ biết, quên đi thân này, quên đi tâm này, chúng ta chỉ là người rõ biết hiện tại này thôi, chúng ta ở nơi rõ biết hiện tiền này, rõ biết này chỉ thuần khiết là sự rõ biết, không thêm không bớt.

Thêm cũng không được trong cái rõ biết này, bớt cũng không được trong cái rõ biết này, thì mọi cái xảy ra đều hết sức thanh tịnh trong sáng, nếu chúng ta rõ biết nơi thân để nghe để thấy là khác, nếu chúng ta ở nơi rõ biết để rõ biết tất cả mọi cái, thì hai cái khác nhau. Nhưng cái rõ biết này nó có hiện với chúng ta ngay tại đây không? Nó đang rất rõ ràng, chúng ta phải khéo nhận ra điều này, chúng ta là người đang biết, chứ chúng ta không phải là thân này, không phải là tâm này.

Nghiệm kỹ lại, tất cả những suy nghĩ vẫn đang được chúng ta rõ biết, chúng ta đang khởi ý này ý kia, không ai ngồi đây bặt dứt mọi cái hết đâu, thì tất cả cái đang khởi vẫn bị chúng ta rõ biết. Nó vẫn luôn rõ từng ý niệm một, buồn thương giận ghét đều biết rõ ràng không lầm lẫn, và cái rõ biết đó với cái rõ biết âm thanh khác nhau hay giống nhau? Làm sao mà chúng ta nhận biết được cái rõ biết nơi lục căn không khác nhau một lần, là chúng ta đã nhận được Bố thí ba không trụ

tướng.

Bất kỳ căn nào xảy ra với chính mình mà chúng ta nhận được điều này, coi như chúng ta đã giải quyết xong chuyện bố thí ba không trụ tướng nơi lục căn, và Đức Phật ca tụng người bố thí ba không trụ tướng: **"*Nếu Bồ Tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường. Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được chăng? Bạch Thế Tôn, không vậy. Này Tu Bồ Đề, hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới có thể nghĩ lường được chăng? Bạch Thế Tôn, không vậy. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ lường. Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát chỉ nên như lời dạy mà trụ."***

Nếu chúng ta cúng dường chỉ là việc bố thí ba đem tiền của dâng Đức Phật, dâng vị Bồ Tát, dâng vị A La Hán thì chỉ là vật chất bên ngoài. Khi lục căn hoàn toàn không còn vướng mắc với lục trần, lúc đó không còn một chút công phu nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chúng ta sẽ hiểu ai là người vô tu vô chứng. Muốn biết người đó có vô tu vô chứng không, thì chúng ta phải ở vị trí vô tu vô chứng thì mới nhận biết được người vô tu vô chứng. Người vô tu vô chứng được Đức Phật khen ở đây là nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà không trụ tướng thì phước đức rộng lớn hơn hư không, không thể nghĩ lường được. Căn trần một phen chúng ta không dính mắc, tài, sắc, danh, thực, thùy và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chúng ta trả lại tất cả mọi cái cho trần gian này không vướng bận bất kỳ một điều gì, là bố thí Ba la mật. Người đạt tới cảnh giới Ba la mật là người đạt tới cảnh giới vô tu vô chứng, thì

phước đức không thể nghĩ bàn. Lúc đó ta mở kho tàng phước báu ra xài không biết đến đời nào mới hết.

Trong Chứng Đạo Ca, Ngài Huyền Giác nói : *"Châu vô giá xài hoài không hết,"* nếu chúng ta biết mở kho tàng này, khi một phen chúng ta cho khắp thì sẽ có khắp, không phải chúng ta cầu có khắp, mà chúng ta là người trùm khắp lâu nay, nhưng chúng ta dính với những cái rất nhỏ. Trong Kinh Pháp Hoa diễn tả người cùng tử lang thang trong Lục đạo luân hồi có một chút cho là đủ. Có thể có người cả đời nghèo khổ làm lụng vất vả, có đời có người làm tỉ phú, có đời làm vua, thậm chí làm vua cõi trời, cho tới có đời làm vua Chuyển Luân Thánh Vương đi nữa, thì đối với Đức Phật cũng là chuyện rất nhỏ, nhưng người đời lại cho đó là đủ. Nên tại sao chúng ta bố thí ba mà chúng ta có khắp? Không có nghĩa là chúng ta muốn được cái nhiều hơn nên chúng ta cho cái nhỏ, không phải chúng ta tham tâm như vậy, nhưng vì chúng ta thấy ra sự thật, lâu nay chúng ta vướng vào cái rất nhỏ, dù chúng ta là tỷ phú đi nữa cũng là cái rất nhỏ. Nếu chúng ta không vướng vào cái nhỏ nhiệm, thì chúng ta trở lại trạng thái trùm khắp của chính mình mà phước báu không thể xài đời nào cho hết. Nhưng có điều chúng ta không chịu buông bỏ những cái nhỏ, nên cứ mãi chúng ta bị vướng kẹt.

Đức Phật nói người nào nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chúng ta bố thí ba một cách toàn triệt, thì người đó sẽ đạt tới cảnh giới bố thí Ba la mật trong Phật đạo. Thực sự căn trần không dính nhau thì đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta không có chỗ nào để dính lại, căn trần không dính nhau là đã giải thoát, chúng ta luôn ở trong chân trời trong sáng giác ngộ hoàn toàn với chính mình, trong từng sát na một trong đời sống của

mình. Đức Phật không phải dạy chúng ta phải buông bỏ, mà Ngài dạy chúng ta phải thấy được sự thật là mình đang có cái hiện hữu trong lục căn này, cái đó không dính trần cảnh, nói bao nhiêu âm thanh nhưng nó không dính lại với cái rõ biết của mình đang hiện ở đây, đó gọi là bố thí.

Ở đây không nói chuyện buông bỏ, mà muốn nói đến sự thật không dính lại trong cái rõ biết hiện tiền của chính mình, hình sắc không dính lại trong cái rõ biết hiện tiền, âm thanh cho đến, mùi, vị tất cả đều không thể dính lại trong cái rõ biết hiện tiền, chúng ta ở chỗ không dính mắc nơi lục căn mà rõ biết, không có nghĩa dính rồi gỡ ra bỏ, hai nghĩa khác nhau.

Chúng ta phải khéo nhận ra nơi lục căn mình có cái gì đó, chứ không phải ở nơi lục căn làm thêm cái gì, nhận ra được cái không vướng mắc nơi lục căn và nhận ra được lục căn và lục trần từ xưa tới giờ chưa hề dính lại, không phải chúng ta làm cho lục căn đừng dính lục trần, hai con đường khác nhau. Không phải dính rồi mới gỡ mà chúng ta nhận ra được cái không dính, để bằng cái không dính mà thấy, mà nghe, mà ngửi, mà nếm, cũng bằng cái không dính mà xúc chạm, mà rõ biết, thì hoàn toàn không có chỗ để vướng lại, lúc đó chúng ta là người bố thí ba mà không trụ tướng.

ĐOẠN 5 : THẤY LẼ THẬT ĐÚNG LÝ

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai chăng?

Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Không thể do thân tướng thấy được Như Lai.

Vì cớ sao? Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng.

Phật bảo Tu Bồ Đề: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai."

Bây giờ cái đang rõ biết của quý vị màu sắc ra sao, hình thù ra sao, quý vị có thấy không? Nhưng nó đang rõ ràng tất cả mọi cái, đó là Như Lai thật của chính mình, nó không đi đâu, không về đâu, luôn hiện hữu nơi đây. Cho nên nếu mình thấy có cái gì đó, tức là đã thấy lầm, không thấy đúng Như Lai. Như Lai là cái đang rõ mà không thân tướng, nếu chúng ta thấy bằng thân tướng nào đều là thấy lầm, cho nên thân tướng tức không phải thân tướng tức là thân tướng.

Nếu chúng ta thấy bông hoa này không phải bông hoa mới thực là bông hoa, không phải chúng ta đùa trên ngôn ngữ mà là sự thật, khi chúng ta nhìn thấy cái gì đó mà không khẳng định thì chúng ta mới nhìn đến sự thật. Ví dụ ta nhìn Đức Phật, khẳng định đó là Đức Phật, thì không phải là Đức Phật, nếu nhìn Đức Phật không phải là Đức Phật thì đó là Đức Phật, chúng ta rất khó hiểu nổi lý luận này.

Đây là mạch văn rất liên tục, đoạn trước Đức Phật dạy chúng ta cái hiện hữu không trụ tướng, nên Đức Phật mới nói thân tướng tức không phải thân tướng, chúng ta thấy thân tướng không phải thân tướng, có nghĩa là chúng ta không trụ

tướng. Nếu chúng ta thấy có mặt phải bàn tay thì sẽ có mặt trái của bàn tay, thấy có bên đây thì sẽ có bên kia, thấy có mặt trước thì phải có mặt sau, thấy có bên đúng thì liền có bên sai, thấy bên đây thì liền có bên kia. Nếu thấy bên đây không phải bên đây thì mới thật bên đây, không còn bên kia nữa, làm sao chúng ta phải nhận ra được cái này, thì mới rõ biết Như Lai hiện hữu của chính mình, từng lời, từng chữ Đức Phật rất khít khao, không rời Tự Tánh để nói pháp, hết sức tuyệt vời!

Đức Phật kết luận nguyên ý trên mà Ngài dạy cho ngài Tu Bồ Đề để đúc kết lại Như Lai là thân tướng mà không phải là thân tướng, một người không dính bên thiện, không dính bên ác, thì không phải là người ba phải, mà người đó đã thấu suốt thiện ác, không phải họ là người không biết gì; người đó thấu suốt bề trái, bề phải của thiện ác nên họ không dính lại, cũng như khi nhìn thấy hình sắc, nếu chúng chúng ta nhận biết được cái không phải hình sắc, thì chúng ta sẽ nhận rõ được đó là hình sắc, nếu nhìn hình sắc mà chúng ta khẳng định có hình sắc là chúng ta đã lầm.

Theo Kinh Lăng Nghiêm*:"Nếu chúng ta nhìn thấy hình sắc tức là hình sắc, là tri kiến lập tri, gốc của vô minh."* Cho nên ngay cái thấy biết mà không lập thấy biết, tri kiến mà không lập tri, đó là giác ngộ, ở đây cũng vậy, nói Như Lai không phải là Như Lai, tức là nhận ra Như Lai nhưng chúng ta không khẳng định đó là Như Lai, lúc đó không có mình để biết Như Lai, thì Như Lai đó mới thật là Như Lai, tức là thấy biết mà không lập thêm thấy biết gì, thì đó mới là thấy biết thật.

Mỗi khi chúng ta thấy nghe đều có sự lập cước, đều có mình và có đối tượng, nếu không có mình thì không có đối

tượng để được lập ra, thì lúc đó chúng ta thấy đúng sự thật, nghe đúng sự thật. cũng như ở đây nếu chúng ta muốn thấy được Như lai, thì phải thấy được cái không Như Lai, đó mới là Như Lai.

"Phật bảo Tu Bồ Đề: Phàm những gì có tướng đều là hư vọng." Đức Phật gợi tất cả các tướng đều là hư ảo, không thật, như chúng ta coi ảo thuật, họ lấy khăn giũ giũ ra con chim bồ câu, mắt bình thường chúng ta thấy có bồ câu thiệt nhưng đó là ảo, người ảo thuật họ tạo ra ảo cảnh mà mình với mắt thường nhìn đó là sự thật, một người không giác ngộ nhìn thấy tất cả những hình sắc trước mắt mình đều là thật, nhưng khi giác ngộ rồi nhìn thấy rỗng, không có gì là thật, tất cả đều là hư vọng, nó hư hư thực thực, không rõ ràng.

Chúng ta nhìn màn hình tivi, những hình hiện trong tivi không có thật! Chúng ta làm sao nhận biết tất cả những hình bóng ở trần gian này tương tự như chúng ta nhìn bóng trên tivi, tức là chúng ta nhận ra *"phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng,"* tất cả tướng ở trần gian này đều hư rỗng, thấy đó nhưng không thật. Chúng ta coi tivi, mỗi một ngày mỗi một chương trình, thậm chí có những cuộc chiến tranh đẫm máu xảy ra trong màn hình, nhưng màn hình vẫn nguyên đó không bị ảnh hưởng gì.

Bây giờ chúng ta đứng vị trí màn hình đang hiện ra tất cả hình tướng, giống như chúng ta đứng ở vị trí rõ biết âm thanh nãy giờ có rất nhiều âm thanh xảy ra, âm thanh tan biến hết mà chúng ta vẫn tiếp tục rõ biết không suy giảm, không có thay đổi gì trong cái rõ biết của mình ngay tại đây, và rõ biết đó mãi mãi hiện hữu suốt đời này kiếp nọ của chúng ta không mất. Như màn hình hiện ra bao nhiêu cuộc chiến, bao

nhiêu thế hệ, nhiều dòng lịch sử, nhưng màn hình vẫn còn nguyên đó. Có hình bóng xảy ra rồi nó cũng mất đi, cũng như có âm thanh hiện hữu nơi đây rồi âm thanh mất đi nhưng chúng ta vẫn tiếp tục rõ biết, chúng ta tiếp tục còn ở tại đây để mãi mãi rõ biết, rõ biết đó không phải là tướng, cái rõ biết đó không thay đổi, không xoay chuyển thì đó là Như Lai.

"Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai"

Thường coi truyền hình chúng ta chỉ chú ý tới hình ảnh thôi mà quên đi màn hình, nhưng màn hình mới là cái thật, không có cái thật đó thì không bao giờ hiện hình được. Hay từ dưới nhìn lên thấy có bàn, có hoa, nhưng chưa bao giờ quý vị thấy có khoảng không hiện hữu. Hoặc nghe âm thanh, chúng ta luôn nghe âm thanh nổi, còn khoảng ngắt giữa hai âm thanh chúng ta chưa hề nghe. Nếu không có khoảng ngắt thì không thể có âm thanh thứ hai, không thể nghe được hai âm thanh. Cũng như bản nhạc có rất nhiều nốt nhạc, nếu nhạc là cái gì rồ rồ liên tục thì chúng ta không nghe ra cái gì, có nốt chìm nốt nổi chúng ta mới nghe thành bản nhạc, nhưng chúng ta chỉ nghe nốt nổi còn khoảng không âm thanh chúng ta không nhận ra.

Cho nên khi nghe là nghe khắp, biết là biết khắp, để chúng ta nhận ra hai mặt của vấn đề. Từ mình tới sự vật, chúng ta nên thấy rõ khoảng không rồi mới tới sự vật. Chúng ta nghe có âm thanh hiện ra, có khoảng không, rồi tiếp tục âm thanh nữa, rồi khoảng không, rồi âm thanh, nghe rõ ràng như vậy. Từ trước tới giờ chúng ta thường nghe âm thanh mà không chịu nghe khoảng không hiện ra hai đầu, cho nên chúng ta luôn bị lầm. Nếu chúng ta nghe được khoảng không đi tới hình sắc, nghe được khoảng không giữa hai âm thanh, thì chúng ta

sẽ hiểu được công án tiếng vỗ một bàn tay của Thiền sư. Một bàn tay vỗ sẽ không bao giờ có âm thanh, vì từ xưa tới giờ chúng ta quen tìm âm thanh để nghe, cho nên khi nghe được cái không âm thanh giữa hai âm thanh, thì chúng ta sẽ nghe được tiếng vỗ của một bàn tay, tức là phá được công án tiếng vỗ một bàn tay của Thiền sư, lúc đó chúng ta sẽ nhận ra được lý thật.

Ở đây cũng vậy, khi chúng ta thấy tất cả các tướng mà chẳng phải tướng là thấy Như Lai, tất cả hình sắc trước mắt chúng ta cứ nhìn thấy tất cả những cái hiện ra nơi đây mà không trụ tướng, đừng có gán ghép bất kỳ danh tự nào trước mắt quý vị đang thấy, như đây là cái bàn, đây là cái micro, thấy chỉ là thấy thôi, trước khi âm thanh hiện ra, trước khi danh tự của các pháp hiện ra, lúc đó quý vị chưa thấy chưa rõ biết.

Ví dụ chúng ta nhìn mà không có khái niệm đây là bông cúc, không có khái niệm hình sắc và không có danh tự đặt cho hình sắc đó, thì chúng ta vẫn đang thấy rất rõ ràng! Nếu chúng ta nhận ra cái rõ biết trước danh tự của tất cả các hình sắc, thì chúng ta sẽ nhận ra thấy tất cả tướng mà chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai. Tướng ở đây Đức Phật gồm thâu không phải là hình sắc nữa mà là âm thanh, là mùi, là vị, là sự xúc chạm, Ngài gom cả lục căn lại, một phen lục căn tiếp xúc lục trần mà không còn có trần, tức là thấy Như Lai.

Ở đây chúng ta muốn nói tới cái rõ biết của mình từ lúc chúng ta vào thính phòng này, cái rõ biết này nó có nhận biết được tất cả các tướng là tướng hay không là tướng, nếu chúng ta ở chỗ rõ biết hiện hữu, nó nhận diện được tất cả âm thanh đang có trong thính phòng này, âm thanh này có tướng

hay không phải tướng. Chúng ta chỉ đứng ở chân trời rõ biết để rõ biết thôi, đừng thêm bớt gì. Nếu ai nhận được cái không tướng là nhận được Như Lai, thấy tất cả tướng mà chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.

Nếu chúng ta lắng tâm, đừng lùi về quá khứ, đừng ngưỡng vọng tương lai, chúng ta ở ngay tại đây, thì tất cả mọi cái đều đã hiển lộ. Đức Phật mỗi mỗi đều chỉ thực tại này, chứ Ngài không nói chuyện khác. Và trong toàn bản Kinh, Đức Phật không hề nói dư ngoài chuyện này. Đoạn này Đức Phật nói kiểu này, đoạn kia Ngài nói kiểu kia, nhưng tất cả đều muốn chỉ thực tại rõ biết của chính mình đang hiển lộ tại đây. Nếu chúng ta đứng ở chân trời rõ biết đang hiển lộ, thì tất cả những âm thanh, tất cả những hình sắc, đều tự không phải âm thanh, không phải hình sắc, tự động như vậy, không phải làm thêm gì, nhưng nếu chúng ta rời chân trời rõ biết trong lặng của mình thì nó thành âm thanh, nó thành hình sắc, tức là có âm thanh, có hình sắc.

Chúng ta đang rõ biết như vậy thì mọi cái là như vậy không thêm không bớt. Như vậy mà thấy, như vậy mà nghe, như vậy nhận biết âm thanh và nhận biết tất cả hình sắc, thì tất cả âm thanh hình sắc như vậy hiện hữu ngay tại đây. Chúng ta vốn ở chỗ Như Như nhận biết cái Như Như hiện hữu tại đây, trong mọi thời khắc, vậy là xong, nếu chúng ta lùi lại vị trí cũ để thấy rằng mình nghe âm thanh, mình thấy hình sắc, là chúng ta rớt xuống chân trời của phàm phu để nhận biết, là có mình và có người, có ngã có pháp, là có tứ tướng, có sanh tử.

Học đạo chỉ cần khéo một chút thôi, trong chớp mắt đã xong chuyện của mình rồi, không cực công phu, nếu chúng

ta khéo, ở nơi chân trời rõ biết của mình nhận được ngay tại đây cái rõ biết hiện hữu này thì đủ cho đời học đạo của chúng ta, từ đó trở về sau điều kỳ diệu sẽ xảy ra. Nếu chúng ta hiểu và chấp nhận thì chúng ta còn nguyên không có gì thay đổi, là chúng ta hiểu bằng cái đầu chứ chưa nhận sự thật. Khi người nhận được sự thật là tự động thành người khác, thành một người mới ngay tại đây liền, trong một thoáng chúng ta chết và được Đức Phật sanh trở lại gọi là chết đi sống lại. Chúng ta sẽ là con người mới, có cái thấy nhìn mới với cuộc đời này, cuộc đời này sẽ rất đẹp với chúng ta, cõi này sẽ biến thành Cực Lạc, không bao giờ còn buồn, còn khổ, hay còn phiền não với chính mình.

Cõi Ta bà biến sắc liền ngay cái thấy nhìn đúng, ngay cái thấy tướng mà không phải tướng tức là thấy Như Lai, Như Lai đã hiện tiền là đi cũng như đứng, cũng như nói, cũng như nằm, cũng như cười, cũng như hát, cũng như nhảy múa đều là Như Như. Đã là Như Như thì không có màu sắc khổ vui trong này, nếu mình còn nguyên đó thì biết mình mới hiểu thôi, chỉ mới gật đầu chấp nhận thì chưa phải cái thấy thật, khi thấy thật là chúng ta phải chết, trong tích tắc chúng ta chết liền, thành con người mới, lúc đó mưa hoa sẽ tuôn rơi với chính mình, niềm phúc lạc vô biên sẽ hiện tiền ngay tại đây. Cực lạc hiện ra liền, như bên Tịnh độ nói: *"Bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương"*, khảy móng tay tới Tây phương, một phen chúng ta nhận được Như Lai là ngay tại đây biến thành Cực lạc, nhanh hơn một cái chớp mắt.

ĐOẠN 6 : CHÁNH TÍN ÍT CÓ

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh được nghe những lời nói và chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, sau khoảng năm trăm năm, có người giữ giới, tu phước, đối với những chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật, nên biết người ấy không phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật gieo trồng căn lành mà đã ở chỗ vô lượng ngàn muôn Đức Phật gieo trồng căn lành. Người nghe chương cú này cho đến một niệm sanh lòng tin thanh tịnh, này Tu Bồ Đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế.

Vì cớ sao? Vì các chúng sanh ấy không còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không tướng phi pháp.

Vì cớ sao? Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả.

Vì cớ sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả.

Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Đến đây ngài Tu Bồ Đề nhận được Như Lai của mình rồi, Ngài sợ đời sau chúng sanh không hiểu không tin nên đặt

câu hỏi*: "Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh được nghe những lời nói và chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?* Đức Phật nói : *"Sau khi Như Lai diệt độ, sau khoảng năm trăm năm, có người giữ giới, tu phước, đối với những chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật, nên biết người ấy không phải ở nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật gieo trồng căn lành mà đã ở chỗ vô lượng ngàn muôn Đức Phật gieo trồng căn lành."*

Chúng ta đã từng gặp Phật, từng lễ lạy, tu tập, từng gieo căn lành theo Đức Phật hằng hà sa số kiếp, mới hy vọng có lòng tin chân thật Như Lai hiện tiền. Chúng ta mới có đủ lòng tin "ly tất cả tướng tức tất cả pháp", đủ lòng tin "tất cả tướng tức không phải tướng là đã nhận được Như Lai", đủ lòng tin người đó đã "ly tứ tướng".

Ví dụ mình khẳng định mình không giống ai là ngã, có người đối diện với mình là nhơn, mình hỏi thăm tìm hiểu người đó là chúng sanh. Sau khi trao đổi quen biết với nhau rồi mình buồn, thương, giận, ghét nhau gọi là Thọ giả. Bất kỳ cái gì nếu có mình thì có đủ tứ tướng, người có đủ lòng tin chân thật thì người đó đã "ly tứ tướng", đó là cái chuẩn của lòng tin chân thật.

Khi nào nơi cái thấy không có mình, không có người, ly tứ tướngthì lúc đó mình mới có lòng tin chân thật. Nghe âm thanh mà không có mình để nghe, là ly tứ tướng, là chúng ta có lòng tin chân thật đối với Pháp này. Lục căn tiếp xúc với lục trần không có mình và không có trần cảnh, luôn luôn trong đời sống chúng ta không có hai, luôn luôn trong thấy nghe hay biết không có đối tượng, thì lúc đó chúng ta đang thấy biết không tứ tướng.

Thấy là Như, nghe là Như, ngửi là Như, nếm là Như, xúc chạm là Như, không có chuyện khác, không có chuyện thứ hai, không có đối tượng. Không quá khứ, không hiện tại, không vị lai hiện ra ngay tại đây và bây giờ, ở phút giây này chúng ta không có khái niệm về quá khứ, không có vọng hướng tương lai, mà cái rõ biết chúng ta đang rõ, cái rõ đó không có hình bóng quá khứ, không phải hồi nãy mình nghe âm thanh nên bây giờ mới nghe được âm thanh này. Cái nghe nó vốn là nghe, nên âm thanh rớt vô nó tự nghe, không phải do kinh nghiệm nghe hồi nãy nên bây giờ mình nghe được cái bây giờ. Không phải tập trung mà nghe được, cũng không phải tu lâu tháng lâu năm mà có cái nghe này, cái rõ biết đó không do kinh nghiệm của đời sống, không do kinh nghiệm tu tập, nó chỉ vốn là rõ biết của chính mình.

Dù quý vị có muốn không rõ biết ngay tại đây cũng không được, nó vốn là Như rồi, nhận được Như là chúng ta nhận được tất cả tướng không phải tướng tức nhận được Như Lai. Có nghĩa chúng ta luôn thấy nghe hay biết lìa tứ tướng, là người ấy có lòng tin chân thật đối với Pháp này, nếu chúng ta còn thấy có mình, có Pháp để mình thấy, có đối tượng để mình hay biết, hoặc có một cái gì để mình cảm nhận là còn tứ tướnglà chưa đủ lòng tin chân thật, Đức Phật khẳng định điều này rất rõ ràng.

"Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp."

Pháp là những lời dạy của Đức Phật, là chân lý; còn những cái không phải lời dạy của Đức Phật, không phải là

chân lý tạm gọi là phi pháp. Pháp Đức Phật nói ra giống như chiếc bè đưa chúng ta sang sông thôi nên Chánh pháp còn bỏ hà huống là phi pháp, ngồi tại đây nếu chúng ta thấy tướng mà không có tướng, thì Chánh pháp ở chỗ nào với mình? Chúng ta không nói bỏ và không bỏ, nhưng không thể ở lại đây được, nếu những lời nói nãy giờ chúng ta cho đó là Chánh pháp bây giờ chúng ta muốn giữ lại cũng giữ không được.

Tất cả những lời Đức Phật nói ra, những âm thanh có ra trong không gian này, chúng ta muốn giữ cũng giữ không được, nên Đức Phật mới nói Chánh pháp còn phải bỏ hà huống là phi pháp. Những lời dạy của Đức Phật Ngài không muốn chúng ta dính lại, vì dính lời nói Đức Phật là chúng ta dính pháp trần, có chỗ để dính thì sẽ dính hết, nên Đức Phật nói chúng ta phải rơi rụng hết tất cả mọi cái dù đó là pháp của Ngài.

Đức Phật quyết tâm dạy cho chúng ta một điều duy nhất, tất cả mọi cái chúng ta chạm tới đều phải rơi rụng, mà muốn rơi rụng tất cả mọi cái thì chúng ta phải đứng ở chân trời rõ biết không ta không người để tiếp nhận duyên cảnh. Khi chúng ta đứng ở chân trời không ta không người để rõ biết mọi cái, lúc đó chúng ta ở ngoài tứ tướnglà coi như chúng ta nhận biết Như Lai. Nếu chúng ta không nhận biết được, thì chúng ta có học cỡ nào, có tu cỡ nào đi nữa thì lòng vòng cũng rớt vô tứ tướng, không có cách nào con người ta thoát khỏi tứ tướng, dù tu pháp môn gì, dù có tinh tấn cỡ nào, một ngày tám thời hành đạo, thậm chí hai mươi bốn giờ chúng ta tu suốt không hề đặt lưng dính chiếu, vẫn là ở trong tứ tướngmà hành đạo. Còn có mình, có pháp để mình tu tức là còn ngã, còn pháp, thì còn chúng sanh, còn thọ giả, còn tiếp tục trầm luân

sanh tử.

Đức Phật muốn gom lại cho chúng ta nhớ một điều là không được dính nơi tất cả các tướng, lìa tất cả các tướng, tướng mà không phải tướng tức là thấy Như Lai. Như Lai là cái luôn hiện hữu nơi tất cả chúng ta, nếu muốn tiếp nhận Như Lai, nhận định được Như Lai một cách rõ ràng là người đó có lòng tin chân thật, mà người có lòng tin chân thật là người lìa tứ tướng. Người lìa tứ tướnglà người luôn sống không có đối tượng, sống không có thời gian và không gian trong mọi thời khắc của cuộc sống mình, lục căn và lục trần rõ biết nhau mà không dính lại, không có chỗ tù đọng, luôn luân lưu trôi chảy không có lúc tạm dừng, đó là người nhận biết được Như Lai và luôn sống thực với chân trời Tự Tánh của chính mình.

Nếu lúc nào chúng ta thấy mà còn vướng lại, nghe mà còn vướng lại, hoặc thấy mà có đối tượng với chính mình, nghe có một cái gì đó khác với mình, có cái bị chúng ta nghe, chúng ta là người đang nghe, đang thấy, đang rõ biết thì đã có đối tượng, liền rớt vào tứ tướng. Người có đối tượng thì không đủ lòng tin chân thật.

Nếu chúng ta muốn trở thành phật tử chân chánh đúng nghĩa như Đức Phật dạy ở đây, có lòng tin chân thật đối với giáo pháp này thì ngay tại đây chúng ta phải lìa tứ tướng. Trước hết chúng ta phải lìa cái mình đang có ở đây, cái đang có mà không có mình nó chỉ là một sự rõ biết thuần khiết, nhưng nếu chúng ta có cái gì khác cái rõ biết thuần khiết, tức là mình đã trụ bản ngã mình trở lại, còn nếu chúng ta ở cái rõ biết thuần khiết là bản ngã tự động tan ra, vì rõ biết thuần khiết không hề có đối tượng, chúng ta sẽ tự chiêm nghiệm ra chỗ thật này, phải thấy rõ ràng có một điều rất kỳ diệu ở nơi mình

từ trước tới giờ là chúng ta luôn luôn có cái rõ đó. Phải khéo nhận ra cái hay biết rõ ràng không thay đổi trong tất cả các thời khắc cuộc sống của chính mình, thì gọi là chúng ta nhận được Tự Tánh, nếu chúng ta không nhận ra cái rõ biết hiện tiền đó thì dù chúng ta tu tập tới đâu đi nữa, vẫn là người đi lòng vòng không đi tới trung tâm, không đi tới đích giác ngộ mà Đức Phật muốn chỉ.

Đức Phật dạy chúng ta nhận biết Như Lai, để chúng ta có cái thấy nhìn đúng như thật, là xong việc học đạo của mình. Nếu chúng ta có tí nào lệch lạc thì uổng phí cuộc đời mình, chúng ta đừng để lỡ cuộc, vì chúng ta luôn luôn bị lỡ, ví dụ như đang thấy, nghe ở đây đủ quá rồi chúng ta không chịu, ở tại đây rất an nhàn, rất thanh tịnh, rất trong sáng nhưng mình không chịu, mình mong một tí có gì hơn chỗ này, chúng ta hãy dừng những vọng hướng tương lai, để sống được những phút giây hiện tiền này là đủ, không thêm không bớt nữa.

Qua câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề : "*Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"* Đức Phật dạy: Độ vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ, vì nếu thấy có một chúng sanh thật được diệt độ là rớt vào tứ tướng. Đức Phật dạy tiếp: Nơi lục căn tiếp xúc lục trần thì bố thí ba nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà không trụ tướng, tức là người đó bố thí ba chân thật, bố thí Ba la mật. Đức Phật dạy tiếp: Nếu thấy tất cả các tướng mà không phải tướng tức thấy Như Lai. Người nào đủ lòng tin chân thật với điều này, là người đã từng lễ lạy cúng dường gieo duyên tu tập theo Đức Phật ngàn đời ngàn kiếp, người đó sống không tứ tướng,

không có chỗ dính lại cho nên dù có pháp của Đức Phật cũng bỏ chứ đừng nói là phi pháp.

ĐOẠN 7 : KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng? Như Lai có nói pháp chăng? Tu Bồ Đề thưa: Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói.

Vì cớ sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì cớ sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Đoạn rồi Đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề cũng như những người trong Pháp hội nếu thấy có chỗ tu chỗ chứng thì rớt vào ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Một người thành tựu đạo quả thì sẽ thoát khỏi ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Đến đây Đức Phật tiếp tục đặt câu hỏi với ngài Tu Bồ Đề, để xác định cái thấy biết của Ngài về những lời giảng trước đây của Đức Phật. Và hỏi: Theo cái dạy của Ta từ trước tới giờ ngươi thấy Ta có được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Ta có nói Pháp không? Ngài Tu Bồ Đề trả lời: Như nghĩa thông qua lời dạy của Đức Phật từ trước tới giờ, con hiểu rằng không thật có Pháp gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi một người tu tập chứng được quả Vô Thượng là không có quả vị nào cao hơn nữa. Chánh Đẳng Chánh Giác là sự giác ngộ chân chánh mà hằng hữu không bao giờ bị lầm mê trong bất kỳ tình huống nào. Ví dụ chúng ta đang tập tu, có lúc chúng ta tỉnh nhưng có lúc cũng lầm mê, gọi là phần giác, nghĩa là một ngày chúng ta giác được một xíu, ngồi thiền một tiếng đồng hồ chúng ta tỉnh được 10 phút, người nào giỏi thì 20 phút, giỏi nữa là 30 phút, chứ chúng ta không được giác hằng hữu.

Các vị Bồ Tát sau khi vượt qua Sơ địa tới Thập địa, rồi tới Đẳng giác (tức là sự giác ngộ liên tục), rồi tới Diệu giác, rồi chứng quả vị Phật thì gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là cái thấy biết chân chánh hằng hữu không bao giờ bị rớt lại lầm mê nữa. Ngay cả những vị chứng Thập địa rồi, Đức Phật vẫn còn xem vị đó còn lầm mê trong sanh tử. Những vị ngang tầm Bát Địa Bồ Tát thì chỗ thấy biết của các ngài khủng khiếp rồi, dưới Bát địa Bồ Tát các vị đã cao hơn A La Hán tới nhiều bậc, các vị đủ sức đi lại trong sanh tử không bị nhiễm. Lên tới Thập địa thì đối với tam giới các vị muốn xuất hiện ở đâu thì xuất hiện không còn ngăn ngại, vậy mà Đức Phật vẫn xem các vị đó còn chút lầm mê, tức là còn vô minh. Tới Đẳng giác là giác liên tục, đạt tới Diệu giác mới hoàn toàn sáng suốt được gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là quả vị chứng đắc đã hòa nhập vào bể tánh toàn tri, không phút giây nào vị đó lầm mê mới gọi là chứng quả Phật. Đó là danh tự Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để gán ghép cho một người đẳng cấp tâm linh đã hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh, để chỉ còn cái giác, ngoài ra không còn cái gì thứ hai nữa.

Như vậy chỗ đó không phải là quả vị đặc định cố định theo kiểu toán học một với một là hai, hoặc như chúng ta học hết lớp một có bằng cấp lớp một, hoặc học hết lớp hai có bằng cấp lớp hai, học hết lớp ba có bằng cấp lớp ba, tốt nghiệp tiến sĩ thì có bằng cấp tiến sĩ. Quả vị đó phải trải qua ngàn đời ngàn kiếp mới có thể hòa nhập sống được với chỗ thanh tịnh toàn triệt, còn gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng đó chỉ là danh thôi, còn thực ra bản thân các vị sống trong chỗ toàn tri tuyệt đối không bị lầm, đó mới là chính.

Từ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không nhất định, từ ngữ đó có thể đặt ở một vị nào đó, nhưng nếu họ chưa có đủ trình độ tới đó mà có gọi đi nữa thì nó cũng không thật. Từ ngữ đó muốn diễn tả một cái gì rất thật, giống như xây dựng một chỗ để chúng ta ở rồi đặt tên nó là cái nhà, hay ở chùa xây dựng chỗ cho Tăng Ni ở thì gọi là cái cốc, chỉ là tên gọi.

Thực chất người đạt tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chuyện khác, là họ đã sống bằng Tuệ giác và không bao giờ bị lầm lẫn nữa. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là vị trí cao tột nhất của con đường tu theo đạo Phật. Bất kỳ ai tu tập đạt tới cảnh giới tâm linh cao tột, ở chỗ toàn tri tuyệt đối không bị lầm mê trong lục đạo luân hồi, không lầm mê trong Tam giới này nữa, thì người đó được xem là đạt quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi các vị đạt tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì sẽ tan biến mất, không còn mình trong đó. Nếu ai nói tôi chứng cái này, đắc cái kia thì biết rằng người đó còn nguyên chưa chứng đắc. Nếu còn có một ý niệm nhỏ nào là

mình thì không thể chứng, không thể đắc, không thể đạt cái gì. Nếu còn ngã thì còn nhân, chúng sanh, thọ giả là còn nguyên phàm phu. Do đó khi các vị đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì họ và vũ trụ này không còn là hai nữa, lúc đó không có họ và không có người giác, chỉ thuần cái tri trùm khắp. Không có người trong đó để nhận mình đạt đạo hoặc không đạt đạo, nếu thấy mình đạt đạo tức là mình còn nguyên đó chưa hết, ngã chấp chưa tan biến, thì không thể hòa nhập vào bể giác thanh tịnh được.

Người ở trong bể giác thanh tịnh toàn triệt thì không có họ, lúc đó cũng không có sở chứng sở đắc, không có ngã và ngã sở, không có chỗ để mình chứng, không có chỗ để mình đắc, trước đó phải không còn mình, nếu còn một ý niệm nhỏ nào là mình thôi cũng không được. Dù mình có thần thông phép màu, thăng thiên độn thổ, có đầy đủ những cái cần thiết mà bậc Thánh có, lúc đó mình chỉ còn một niệm thấy mình được, mình chứng, mình đắc thì không phải chỗ này, cho nên quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật.

Nếu mình thấy có thật một quả vị nào đó để mình tu, mình chứng, mình đạt tới là chỗ đó còn tạo nhân để được quả thôi. Có quả để mình có thể tu, có thể chứng là còn nguyên ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Cho nên dù là Niết Bàn cũng không thật, dù là sanh tử cũng không thật, tới quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật. Cái thật không phải là có người chứng và có người đắc, cái thật đó là thật, như mình đưa cục đường vô miệng, người ta hỏi đường ngọt như thế nào, thì chỉ có mình đang ngậm đường mới biết nó ngọt cỡ nào thôi, mình không thể hả miệng nói ra nó ngọt thế này thế kia. Diễn tả đường ngọt cỡ nào thì người đối diện

cũng không biết cái gì, chỉ có người đến đó họ mới nếm được hương vị đó. Nên người chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là họ đang an trú tuyệt đối trong bể giác thanh tịnh hoàn toàn, không có tí gì lầm mê thì tạm cho đó là quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thực sự không có quả vị thật, đó là chỗ tâm chứng của tu tập.

Một người một lần hòa nhập vào bể tánh toàn tri, chỉ thuần cái tri hiện hữu trùm khắp thì người đó một phen nhận được Phật Tri Kiến của chính mình. Nhưng sau khi nhận Phật Tri Kiến rồi mà chưa hết cù cặn nghiệp tập sanh tử, thì họ trở lại đời thường, thỉnh thoảng cũng gợn lăn tăn vài ý niệm thiện ác. Họ sống ở đó một thời gian, tất cả cù cặn nghiệp tập, vi tế hoặc, trần sa hoặc, hoặc nghiệp, lậu hoặc, một phen sạch hết, khi đó người ấy mới an trú, hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh toàn tri, gọi là đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn chưa dứt trừ tất cả những lậu hoặc trong sanh tử thì chuyện đó chưa đạt tới. Tâm hành giả tới vị trí này được gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn tên Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật.

"Vì cớ sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp."

Pháp Đức Phật nói không cố định. Ở đây dùng từ chấp là không sát nghĩa lắm. Đức Phật nói Pháp là tùy duyên, chưa hề chuẩn bị trước để nói. Tất cả những vị có tầm nhìn sâu sắc trong Phật pháp, các vị chưa biết bài Pháp mình chuẩn bị nói nó là cái gì, sau khi niệm Phật rồi, ngồi xuống bàn nhìn Thánh chúng lúc đó mới hy vọng có lời.

Pháp của Đức Phật hết sức linh động và tùy duyên, có

khi Đức Phật nói điều này, có khi Ngài dạy điều khác, cũng chính con người đó phút trước gặp Đức Phật, Ngài dạy điều này, phút sau gặp người này Đức Phật dạy điều khác, vì tâm người này đã thay đổi rồi. Pháp Đức Phật nói không cố định, không phải là chấp vì chấp sẽ làm mất sự linh thông của đạo Phật. Không thật Pháp nghĩa là không phải tới đây cố định nói Pháp Đại thừa, không phải tới đây cố định nói Pháp Nhị thừa. Mà cả cuộc đời người tu chứng không hề có một mảy may chuẩn bị trước là gặp người nào nói câu gì. Nếu bất kỳ một giảng sư nào chuẩn bị bài giảng thì đó chỉ là giảng sư thôi. Thực sự Pháp sư thì không hề có sự chuẩn bị và Thiền Sư thì càng không chuẩn bị. Họ có thể nói một tiếng, hai tiếng, bảy tiếng, thậm chí cả tháng vẫn nói được và bảo đảm không bao giờ lệch đề, đó là kiểu nói Pháp của bậc sáng mắt.

Có khi lúc đầu Đức Phật nói pháp kiểu đó, khi tầng bậc thính chúng nâng cao lên rồi Đức Phật sẽ chuyển kiểu nói pháp của mình lên cao hơn chút nữa, để tương ứng với tầng tâm thức của thính chúng. Pháp ngay khi nói là đã cố định rồi, mà tất cả các pháp đều bất định pháp. Các pháp vốn không cố định nên lời Pháp Đức Phật không cố định, tất cả người nghe Đức Phật nói Pháp họ có cảm nhận lạ lùng là như Đức Phật đang nói với mình. Dù ở đó Pháp hội là bao nhiêu ngàn người, ai cũng có cảm giác Đức Phật đang nói chuyện của mình, đang dạy riêng mình, không phải Đức Phật nói cho thính chúng. Đó là điều rất lạ trong cách thức thuyết pháp của Đức Phật.

Thời Đức Phật tại thế, điều kỳ diệu là người nghe ngay khi đứng dậy là họ có sự an lạc liền, có người chứng từ sơ quả cho đến quả A La Hán liền tại chỗ, có người chứng Bồ Tát

v.v… Hàng loạt người trong Pháp hội đứng lên thì mỗi người đều có tâm chứng. Đó là năng lực nói Pháp của Đức Phật, mà các vị Bồ Tát không thể nào so sánh được. Trong Pháp hội có khi Đức Phật chuyển ngữ là làm Phật sự, dù chúng ta làm một tỉ kiếp cũng không thể so sánh mảy may nhỏ nhiệm của Đức Phật. Phút giây nhập trong pháp giới Tánh nói Pháp thì chúng ta không thể lường được bằng cái đầu suy nghĩ thế gian. Phút giây Đức Phật chứng quả, tương đương với một giây của thế gian Đức Phật đã làm Phật sự hằng hà sa số cõi. Giai đoạn sau khi Đức Phật chứng quả, từ cội Bồ Đề cho tới khi Đức Phật thị tịch nhập Niết Bàn, chúng ta thấy Đức Phật có ăn uống, có nghỉ ngơi, có thiền định, có nằm xuống để ngủ, nhưng thật ra không có phút giây nào Đức Phật không làm Phật sự. Thời gian mình tiêu hao cho thân xác rất nhiều, nhưng với Đức Phật trong suốt quãng thời gian kể từ khi Đức Phật chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì từng sát na một trong sinh hoạt hằng ngày Đức Phật đều thuyết pháp cho hằng hà sa số các cõi nghe, nhưng rất khó có người cảm nhận được bài Pháp đó của Đức Phật.

Cho nên lúc đầu Ngài Tu Bồ Đề thấy được chuyện của Đức Phật làm, mới đảnh lễ thưa: *"Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"* Chúng ta thấy Đức Phật đang bưng bát đi ngoài đường, thực sự là Đức Phật đang thuyết pháp cho các cõi nghe trong từng bước đi của mình. Ngài A Nan hầu cận bên hương thất của Đức Phật, có đêm thấy nguyên khu rừng ngay chỗ Đức Phật ở sáng rực lên. Sáng ra Ngài thắc mắc thưa hỏi, có khi được Đức Phật trả lời là có vị Quang Âm Thiên xuống hỏi Pháp Ta, hoặc là các vị trời Đế

Thích xuống hỏi Pháp, hoặc là Đao Lợi Thiên hỏi Pháp. Đêm chư Tăng và các vị Thánh chúng ngủ hết, nhưng Đức Phật vẫn đang thuyết pháp chung cho hằng hà sa số cõi. Các vị đại diện cho chúng sanh các cõi tới, ví dụ cõi trời Đâu Suất tới, họ đặt câu hỏi đó không phải là tâm thắc mắc của riêng cõi Đâu Suất mà là hằng hà sa số cõi, Đức Phật nói Pháp cho các vị cõi trời Đâu Suất nghe, thì tất cả các cõi khác cũng hiểu.

Điều kỳ lạ là Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc thông đồng các cõi mười phương, như mình nói tiếng Việt Nam thì người Trung Quốc hay người Thái Lan họ nghe không hiểu, nhưng Đức Phật nói Pháp cho mình nghe thì giống như người Ấn Độ nói cho người Ấn Độ nghe. Nhưng người cõi khác sử dụng loại ngôn ngữ khác họ vẫn nghe được âm thanh Đức Phật nói với chính họ bằng ngôn ngữ của họ.

Ví dụ, ngôn ngữ của họ là tiếng chấn động, lắc mạnh là cái gì, lắc nhẹ là cái gì, rung tới là cái gì, rung lui là cái gì. Thời Pháp của Đức Phật sẽ tạo thành tiếng động đó để chúng sanh cõi đó tiếp nhận lời Pháp của Đức Phật qua sự rung động này để họ hiểu Đức Phật nói điều gì. Hoặc có cõi họ thông tin bằng ánh sáng, thì thời Pháp của Đức Phật sẽ đến với họ sẹc sẹc màu xanh là nói cái gì, sẹc sẹc màu đỏ là nói cái gì, đẳng cấp nào, người đó sẽ hiểu qua âm thanh, qua hình sắc, qua ánh sáng đang tới với họ là Đức Phật đang dạy họ điều gì. Có những cõi tạo thành âm thanh lớn, âm thanh nhỏ thì khi Đức Phật nói Pháp những âm thanh đó tới với họ, những người trong cõi đó cũng cảm nhận in tuồng Đức Phật đang trực tiếp nói với họ bằng lời nói của chính họ và họ hiểu điều Đức Phật muốn nói, mà lúc đó Đức Phật chỉ ngồi tại đất nước Ấn Độ. Đây là năng lực của Đức Phật.

Ngôn ngữ gốc đó chúng ta không thể nào tính toán bằng cái đầu của người phàm, trong Kinh nói, một chớp mắt chúng ta xảy ra hai mươi đại niệm, mỗi đại niệm có 16,798,000 (mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn) lần sanh diệt, thì hai mươi đại niệm có hàng tỉ lần sanh diệt. Ngôn ngữ gốc đó cực nhanh, như năng lực hành ấm vận hành khủng khiếp trong tâm chúng ta, ví dụ mình đang nói chuyện với nhau để người có thể hiểu bằng ngôn ngữ này in tuồng như chúng ta hớt miếng màng trên mặt biển, còn lại là hành ấm đang vận hành ở dưới. Hoặc chúng ta nhìn thấy một người, thì trong một thoáng rất nhanh, chúng ta nhớ lại người đó tên gì ở đâu, hàng loạt cái như vậy, chúng ta mới gật đầu chào và nói lời thăm hỏi, thì hành ấm đã hoạt động trước đó hàng tỷ lời chúng ta đang nói ra.

Nên chúng ta tu sở dĩ chưa có kết quả gì vì chúng ta chưa vượt qua khỏi tưởng ấm. Tưởng ấm là cái gì rất chậm chạp chúng ta mới có được một lời để hiểu ở đây, là hành ấm đã đi qua hàng tỷ lần rồi. Người chuẩn bị nói chuyện ở đây họ chỉ lấy một phần tỷ nhỏ nhiệm đó để họ tạo thành ngôn ngữ đó cho mình nghe. Đức Phật sử dụng toàn bộ hành ấm, toàn bộ năng lực, để một sát na Đức Phật đã vận hành khắp pháp giới mười phương thuyết pháp. Do đó, Pháp của Đức Phật không cố định. Người ở Ấn Độ nghe "Này các Tỳ kheo, hôm nay ta nói các ngươi điều này… ", thì tất cả các Pháp Đức Phật muốn nói để khai thị cho hằng hà sa số Bồ Tát ở mười phương pháp giới ngộ đạo, có vị chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc phát tâm Đại thừa. Rồi Ngài mới nói tiếp "Đây là Lý Nhân Duyên… ", thì hằng hà sa số các bài pháp đã có rồi, trong phút chốc chúng ta làm Phật sự

ở trần gian này là có một tí xíu, thậm chí làm cả đời cũng chẳng so sánh gì một mảy may Đức Phật làm Phật sự. Cả đời Đức Phật làm Phật sự nên trong Kinh gọi Ngài là bậc Lưỡng Túc Tôn (phước đức và trí huệ tròn đầy). Không ai trong trần gian này được xem là trí huệ tròn đầy như Đức Phật. Không thể có người thứ hai có thể so sánh được, mình tu cho tới một tỷ kiếp, một kiếp mình cất một ngàn, hai ngàn, năm ngàn chùa độ hàng hà sa số chúng sanh đi nữa cũng chưa bằng Đức Phật thuyết pháp trong hai giây.

Pháp Đức Phật nói không cố định, tất cả các pháp nếu chúng ta hiểu nó cũng là bất định pháp rồi, cho nên pháp Đức Phật nói cũng là bất định pháp. Đặc biệt khi nói pháp, Đức Phật an trú trong bể tánh thanh tịnh, chỗ đó không lời, cho nên xuất ra pháp không cố định. Mình muốn nói điều gì là mình phải suy nghĩ về điều đó, chứ nó không thể lưu xuất một cách trơn tru từ trong Tự Tánh ra mà không suy nghĩ. Ai có khả năng thuyết pháp không suy nghĩ thì mới có thể hiểu được Đức Phật nói pháp như thế nào.

Chúng ta không thể hiểu theo kiểu thế gian Đức Phật đi thuyết pháp về nhập định, để tâm thanh tịnh hôm sau nói pháp. Đức Phật và các vị Bồ Tát, các Thiền Sư không hề nhập định, không hề xuất định dù cho có la hét, nói chuyện nhưng lên tòa nói pháp vẫn tốt đẹp không hề suy nghĩ trước. Nếu ngồi nghiêm túc, thiền định năm mười phút mới lên tòa nói pháp là nói theo tâm thức. Đã có sự chuẩn bị là rớt xuống tầng tâm thức, thì không phải là thật Pháp. Những người muốn nói pháp cho người khác nghe là giảng sư, là người trùng tuyên lại giáo lý Đức Phật chứ không phải là người từ hông ngực mà lưu xuất. Khi nào chúng ta tu tập đến mức độ mỗi mỗi đều

xuất phát từ hông ngực, không nương tựa giáo pháp nào thì lúc đó mới nói thật Pháp, còn không là mượn lời người khác nói.

Tâm thức của mình luôn gạt mình, nó nghĩ là mình hiểu, một điều rất lạ là chúng ta có thể hiểu rất nhiều điều, nhưng chúng ta không chuyển hóa được mình. Thử đặt lại vấn đề với riêng bản thân mình, mình hiểu nhiều chuyện lắm, nhưng mình vẫn còn nguyên đó, không chuyển hóa gì hết, thì biết rằng mình đang làm dày thêm chứ không phải làm mỏng mình. Mỗi lần thêm một chút kiến thức là vun đắp ngã chấp mình thêm một lớp, và cứ tìm hiểu thêm là ngã chấp mình được chồng thêm một lớp. Lúc đó mình suy nghĩ cái gì mình cũng có thể hiểu bằng kiến thức này. Tất cả những kiến thức nó đều trả lời cho mình là mình đã hiểu rồi, mình cũng tự cho mình hiểu rồi, nhưng nếu không có kiến thức mình có hiểu không? Hoàn toàn mình không có gì hết! Và nếu buông hết kiến thức ra mình là ai? Nếu ngoài tất cả những cái học để hiểu ra mình có cái gì không? Hoàn toàn rỗng!

Một điều kỳ lạ kiến thức đến giai đoạn cuối rất nguy hiểm, chúng ta có thể múa may trước công chúng, có thể giảng thuyết tất cả những điều chúng ta hiểu và thiên hạ cũng chấp nhận mình là người đang hiểu, mình giỏi, là uyên thâm uyên bác đủ điều, nhưng tới phút cuối bao nhiêu kiến thức gom lại giải quyết một phút sanh tử không giải quyết được. Cho nên học để chuyển hóa chứ không phải học để vun đắp kiến thức, học để phá kiến thức chứ không phải học để chồng thêm kiến thức, là người học đúng. Khi chúng ta lột hết những tầng lớp của kiến thức ra để lộ chân tướng thật của mình, thì mình liền được chuyển hóa. Mình nhận được cái gì riêng của chính bản

thân mình, thì trong một thoáng chốc mình thành con người khác, đó mới là kiến thức thật, mới là trí tuệ thật, mới là hiểu biết và nhận định thật.

Nếu bây giờ chúng ta hiểu thêm một chút, mỗi người thêm một chút cho mình, đọc cuốn sách hiểu thêm một chút, nghe băng giảng hiểu thêm một chút, đi ra đường hiểu thêm một chút, mỗi ngày chồng thêm một chút cho mình nhưng mình vẫn còn nguyên đó, thì biết đó là cái người ta đang vun đắp chứ không phải cái chúng ta loại trừ ra. Cho nên càng lúc kiến thức chúng ta càng dày, chúng ta không còn cảm nhận rung động như thuở bé hồn nhiên. Một đứa bé bốn tuổi nó rất thích thú khi nhìn cảnh mới, nhìn một bông hoa mới nở nó mừng rú lên, nhưng mình bây giờ hết rồi, kiến thức mình thấy đó là bông hoa nở. Nhưng đứa bé nó không biết đó là cái gì, nó thấy lạ, nó nhìn bằng toàn tâm của nó, nó vui, nó hạnh phúc khi thấy bất kỳ một cái gì, hoặc nghe bất kỳ một điều gì, mặc dù nó không hiểu gì hết.

Chúng ta mất đi điều này kể từ khi chúng ta có kiến thức, nó hỏi đó là cái gì, mẹ nó nói đó là ti vi hát đó con, nó nghe biết là ti vi nên nó mất đi sự rung động đó. Hoặc đứng trước khóm hoa, thấy hoa nở nó rất vui, nó hỏi mẹ nó cái này là cái gì, mẹ nó nói đó là hoa cúc, từ đó về sau nhìn chậu hoa nó mất đi sự rung động riêng của chính nó, mà nó nhìn bằng kiến thức bà mẹ nó trao cho. Con người ta bắt đầu tiêm nhiễm kiến thức trần gian, để mất đi sự linh thông tuyệt đối của chính mình, cho nên đối duyên xúc cảnh mình ít có sự rung động nhạy cảm như hồi nào.

Nếu tu tập không loại trừ được những kiến thức vun đắp của mình, để mỗi ngày mình chồng chất thêm thì tự động

mỗi ngày mình bị chai lì đi, ví dụ hồi còn trẻ đứa bé nghe tiếng súng nổ nó có thể run lên, nhưng lớn lên nghe tiếng súng nổ nó thấy bình thường. Vì hồi nhỏ nghe tiếng súng nổ nó thấy có thể đem đến sự nguy hiểm cho ai đó, nó có cảm nhận từ xa về việc này, nhưng người có kiến thức thấy đó là tiếng súng nổ thôi không có gì quan trọng. Hoặc đi đường thấy tai nạn của người khác tự động nó rung cảm, nhưng mình thấy ồ người này xui quá, chỉ như vậy thôi rồi mình đi, mình không có sự rung cảm đó, mình đã mất sự rung cảm đó, lý do là kiến thức của chúng ta bị lắp đầy trong tâm thức, khiến sự rung động đối với vũ trụ này chúng ta bị mất đi cái liên lạc trực tiếp, bị một lớp rào kiến thức ngăn trở làm uổng đời này của mình.

Nếu chúng ta tu tập tốt để loại trứ kiến thức vốn có của chính mình, chúng ta trở lại con người thật thì rất hạnh phúc. Mỗi lần ngủ chỉ cần mở mắt nhìn cái mùng thôi đã thấy hạnh phúc rồi, vì đã qua một cảnh giới mới sau khi nhắm mắt một đêm dài mở mắt thấy cái gì trước mắt tự động hạnh phúc run lên, toàn thân chúng ta có cảm giác rất lạ lùng. Khi tiếp nhận cảnh giới mới, mỗi âm thanh mới, mỗi hình bóng mới, đối với chúng ta đều mới, mặc dù đó là cái mùng chúng ta vẫn thấy lâu nay. Đó mới là sống trong cảnh giới Cực Lạc, nếu chúng ta rửa sạch tâm thức rồi thì gần như mọi cái đến với chúng ta đều hạnh phúc.

Như nãy giờ mình ngồi chiếc ghế cũ, bây giờ mình đứng lên thì mình cảm nhận hạnh phúc mới mẻ khi đứng lên, rồi mình ngồi trở lại thì mình lại cảm nhận hạnh phúc mới khi ngồi xuống. Gần như cử động tới lui của mình đều nằm trong cái hạnh phúc an lạc rất lạ lùng, cái nhạy bén linh thông đó

khác với người thường. Quý vị để ý những đứa bé nó cười không lý do, nó lăn qua lăn lại nó cười nụ cười tròn trịa, ánh mắt nó nhận định được lạ quen, nó nhạy cảm lắm, nó chưa đủ phát triển toàn vẹn não bộ để có thể nhận định hết bề sâu của vấn đề, nó chỉ tiếp xúc với cuộc đời này bằng tâm hồn nhiên trong sáng của chính nó thôi. Người hiểu biết thật không dạy chúng ta đi vào khung sáo, họ tìm cách phá vỡ những chấp trước riêng của người có duyên gặp họ vì nếu còn thêm kiến thức thì tội lắm, lối giảng dạy bắt người ta phải làm như thế này, nếu không làm như thế này thì không được như thế này, là kiểu dạy khung sáo làm con người ta bị vướng vào.

Đạo Phật là đạo tự do tuyệt đối, chúng ta phải bước bằng nhân tố đầu tiên là tự do. Có tự do thì mới có sự rỗng rang trong tâm thức của mình. Còn có một cái khuôn nào đó để buộc mình, để trói mình, để nhốt mình, thì mình không thấy rộng hơn ngoài khuôn đó. Nên pháp Đức Phật nói là không cố định. Tất cả pháp thế gian cũng không cố định. Khi học lục hòa, trong đó có lợi hòa đồng quân, ví dụ chúng có năm mươi người, trong đó có mấy người không còn răng, ăn cơm phải chia mỗi người một tăm xỉa răng, chúng ta nghĩ rằng phải lợi hòa đồng quân kiểu đó.

Khi học lợi hòa của đạo Phật, chúng ta sẽ hiểu một điều rất linh động sáng suốt nhạy bén cho từng người. Nếu không thì lợi hòa đồng quân nó sẽ gò ép phước báu riêng của từng người. Tại vì mỗi người mỗi nghiệp, mỗi người có phước báu khác nhau, tự động họ không đòi hỏi, nhưng do phước họ sẽ nhận những điều tới với họ khác hơn người phước kém, chúng ta không quân được cái này đâu, quân thế này là sự bất công của nhân quả, chỉ trừ trường hợp là người đó nhận được,

rồi tự họ muốn chia người khác thì được, chứ người làm chủ mà muốn chia đều là bóp méo nhân quả, phước mỗi người mỗi khác nên không cách nào chúng ta có thể chia đều được. Hòa thì hòa nhưng không thể đồng được. Như ngồi đây chỉ nói một bài pháp nhưng nghe giảng có nhiều người hiểu nhiều cách khác nhau.

Ngồi giữ yên lặng là sự hòa hợp ở đây, nhưng mà đồng kiến thức thì chắc chắn không ai đồng, mỗi người có một cách cho nên chúng ta phải linh động với từng người. Tất cả các pháp thế gian cũng luôn như vậy, đều là bất định pháp, cho nên đừng có yêu cầu người khác phải giống mình, đừng có nhu cầu những người bên cạnh, người thân, con mình, buộc họ phải giống mình. Bây giờ mình quá tuyệt vời rồi mà họ không giống mình thì rất khó chịu, đó là sự chấp trước riêng của mình. Trong cuộc đời này, nhìn kỹ hết thế gian này mấy người có khuôn mặt giống mình? Cho dù khuôn mặt giống mình đi nữa, thì cái lỗ mũi cũng không giống, cái răng cũng khác, tóc dài ngắn khác nhau là có nghiệp sai biệt rồi, thì đừng có nhu cầu người khác giống mình. Người hiểu biết Phật pháp phải hết sức linh thông và nhạy bén, đừng cố thủ điều gì cho là đúng, thì nó trở thành không đúng. Mặc dù đó là chân lý nhưng chúng ta chấp là chân lý thì chân lý lại biến thành cái chấp riêng của mình, chân lý không còn nguyên là tinh hoa của chân lý nữa.

Ví dụ: Chúng ta theo học một vị thầy cảm nhận là hay với chính mình rồi, mình có thể ngộ, hay mình có thể biến chuyển đời sống mình với Pháp đó, mình cho đó là số một, nên ai tu sai với mình thì mình coi họ là ngoại đạo, họ tu không đúng, tu không bằng mình, rồi thuyết phục họ theo mình để tu

đúng như mình, thì chắc chắn không thể có hai người tu một Pháp mà có thể ngộ đạo, điều này không thể xảy ra trong Phật pháp. Mỗi người có thể ngộ một chuyện, có khi người đó nghe âm thanh ngộ, có khi người đó thấy ánh sáng ngộ, có khi người đó được vị thầy khai thị ngộ, có khi đang đi trợt té ngộ. Như ngài Vân Môn bị cửa đập nát chân, Ngài Vân Môn ngộ, Ngài Đức Sơn bị thổi tắt đèn, Ngài Đức Sơn ngộ, Ngài Lâm Tế bị đánh đau, Ngài Lâm Tế ngộ. Sau này Ngài Lâm Tế có lấy cây đánh đệ tử suốt đời cũng không kiếm ra người ngộ như Ngài, nên nói Pháp luôn luôn là bất định.

Ngài Tu Bồ Đề rất hiểu Pháp của Đức Phật, nên Ngài nói Pháp của Đức Phật cũng không thật, thứ nhất, vì Pháp Phật là bất định pháp, thứ hai là không thể nói, cái chỗ Đức Phật nói là không thể nói được, Pháp Đức Phật nói là không thể diễn bày được, mặc dù Ngài nói thành ngôn ngữ để chúng ta nghe hiểu, cái này là Lý Nhân Duyên, cái này là Lý Vô Thường, cái này là các Pháp Tự Tánh không, hoặc các pháp như huyễn. Đức Phật nói ra lời Pháp đó, nhưng chỗ nói Pháp Đức Phật thì không thể nói được. Chỗ đó nếu nói được thì nó không còn tuyệt diệu như mình mong cầu, nó vượt ngoài ngôn ngữ, bất khả tư nghì, đến khi nào không còn ngôn ngữ nơi tâm thức mình nữa, không còn cái gì có thể nghĩ ngợi được, thì hy vọng chúng ta có một chút tương ưng với chỗ nói Pháp của Đức Phật.

Pháp của Đức Phật là thật Pháp, thật Pháp thì không có ngôn ngữ để có thể diễn tả, ở đây chúng ta muốn nói tới điều này điều kia, là chỉ diễn tả được một ít phần chân lý thôi, nói ra thì nó không còn là chân lý. Chỗ chân lý thành ngôn ngữ để diễn đạt một điều gì đó, chuyển tải một phần nào đó

của chân lý, chứ không thể một lời, một thời pháp mà nói được chân lý, nhân nơi pháp đó người ta thể ngộ được chân lý, thì chân lý mà họ thể ngộ được cũng không phải là lời Pháp. Nếu duyên người đó phải ngộ với kiểu nói đó, ngộ rồi họ đảnh lễ ngay phút đó thôi, chứ không phải do kiểu nói đó mà người khác ngộ, như ngài Lâm tế bị đập ba gậy ngộ, nhưng không phải do ba gậy đó mà Ngài ngộ. Ngài Vân Môn không phải do dập nát chân ngộ. Mình thấy ông dập chân ngộ nên nghĩ rằng ngộ đạo phải dập nát bàn chân là sai. Tất cả pháp không cố định, chỗ mà Pháp thật của Đức Phật nói là không thể nói, chỗ đó không phải là pháp. Đức Phật đang ở chỗ thanh tịnh tuyệt đối, ở chỗ chân không tuyệt đối, khi có Pháp hội Đức Phật khởi ra thời pháp. Tức là từ chân không khởi ra diệu hữu.

Như bây giờ chúng ta đang ngồi tại đây, nếu tâm chúng ta thật sự thanh tịnh không có một ý niệm nào, thì tự động nghe âm thanh chúng ta nhận biết được đó là âm thanh, thấy hình sắc chúng ta nhận rõ ràng hình sắc không lầm, là từ chân không khởi thành diệu hữu. Hoặc mình muốn nói, muốn đứng, muốn đi, muốn cười thì từ chân không khởi thành diệu hữu, không phải có thần thông bay lên trời rớt xuống là chân không diệu hữu. Mình có biết từ đâu mà mình đưa tay lên không? Nếu nói hệ thống thần Kinh điều khiển để chúng ta đưa tay lên, thì cái gì điều khiển thần Kinh, cái gì điều khiển tâm? Chẳng lẽ cái đầu tự hoạt động, thì chắc chắn không thể được. Cái gì làm tâm khởi nghĩ? Tâm khởi nghĩ từ đâu? Nếu hỏi cho tận cùng thì chúng ta không có chỗ để nói.

Ngài Tu Bồ Đề nói chỗ Đức Phật thuyết pháp là không thể nói và thật pháp đó chẳng phải là pháp, chẳng phải phi pháp. Từ đây về sau chúng ta sẽ học lý luận: Cái này không

phải cái này mới thật là cái này, Như Lai không phải là Như Lai mới thật là Như Lai, vì nó không phải pháp nên nó mới là pháp, nhưng nó không phải phi pháp, vì luôn luôn thể hiện được chân lý qua lời nói của Đức Phật. Nếu là phi pháp thì nó sẽ không thể hiện được chân lý, nếu lời nói thật là pháp thì nó lộ chân lý ra, lời nào Đức Phật nói ra cũng thể hiện chân lý, nhưng chỗ Đức Phật thể hiện chân lý cũng không phải là thật pháp. Nó giống như trò chơi chữ, pháp không phải là pháp, cũng không phải phi pháp. Pháp Đức Phật nói không phải là pháp, cũng không phải phi pháp, nếu là phi pháp thì nó sẽ không thể hiện được chân lý, nếu thật là pháp thì nó lộ chân lý ra hoài hoài không bao giờ mất. Đức Phật nói xong nó không còn vì nó không có cố định pháp, các pháp không cố định cho nên nó không phải là pháp, cũng không phải phi pháp vì lý do nó đã lộ ra chân lý.

Nếu chúng ta học các bản Kinh chuyên môn, hay học Thiền mà chúng ta hiểu theo kiểu một với một là hai là kể như chịu thua. Học mà cái đầu chúng ta không dựa chỗ nào, không thấy chỗ nào đúng, không thấy chỗ nào sai thì tự động chúng ta sẽ hiểu ra và nhận ra được cái gì trong Phật pháp. Còn chúng ta thấy phải như vầy là đúng, phải như vầy là sai thì chúng ta học muôn đời không bao giờ hiểu, nhất là học Kinh Kim Cang, nhất là Thiền tông thì một với một là một triệu thì chúng ta không hiểu nổi. Tại sao tượng Phật không phải tượng Phật mới là tượng Phật, nhưng nếu chúng ta thấy tượng Phật không phải tượng Phật thì chúng ta sẽ nhận ra được tượng Phật, nếu thấy tượng Phật là tượng Phật thì chúng ta thấy cái gì chứ không thấy tượng Phật nổi.

"Vì cớ sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp

vô vi mà có sai biệt."

Sự sai biệt của chúng ta ở thế gian là do phước, thì chúng ta có thể thấy được do đời sống riêng của từng người. Ví dụ có phước thì có nhà đẹp do phước họ ngang tầm đó, nếu không đủ phước mà cố chọn cho mình nhà lớn hơn, đẹp hơn, thì một thời gian cũng bị mất, không giữ được bền lâu. Nếu mình không có phước mặc áo đẹp đó thì ủi trước sau gì cũng bị cháy, để chúng ta không được sở hữu nó lâu dài. Nhưng người có phước báu lớn thì trong tay lúc nào cũng có bạc triệu, họ có thể tiêu xài một cách tự tại. Còn người phước báu kém được trúng số cũng có bạc triệu, nhưng rồi cũng mất hết, có thể do tù tội dùng tiền đó chuộc ra, hoặc bị bệnh dùng tiền đó để uống thuốc, hoặc bị cái gì đó để mình xài đồng tiền không tự do.

Sự sai biệt của thế gian là sai biệt (so sánh) trên phước báu. Còn trong Kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề nói tất cả bậc Hiền thánh đều do Pháp vô vi mà có sai biệt. Sai biệt ở chỗ vô vi là sai biệt rất lạ mà tâm bình thường chúng ta không hiểu nổi. Ví dụ một vị chứng A La Hán là Ngài đã nhập trong Hữu Dư Y Niết Bàn, cảm nhận được vô vi ở chiều rất sâu, nhưng một vị chứng Bích Chi Phật thì họ cảm chiều sâu tâm linh hơn, vị chứng Bồ Tát chiều sâu tâm linh sẽ sâu hơn nữa, chứng quả Phật chiều sâu tâm linh sẽ sâu hơn nữa.

Câu chuyện về Túc Mạng Thông của các vị đại đệ tử của Đức Phật cho chúng ta nhận rõ điều này. Có một trưởng giả, rất giàu do làm ăn phát đạt, đến lúc ông cần chia gia sản cho vợ con, có lẽ lúc đương thời ông cư xử không tốt với họ, nên sau khi chia của xong thì vợ con không ai nuôi ông nữa, khiến ông phải đi xin ăn. Do ai cũng nghĩ là ông trước kia giàu

có như vậy mà đi xin ăn nên họ không tin và không cho, nhiều ngày tháng, không nơi nương náu, vất vả gian truân cùng đường, nên ông nghĩ chỉ còn cách là nương nhờ cửa chùa xuất gia đi tu là tốt nhất.

Ông vào Tịnh xá Kỳ Viên thuở Đức Phật còn tại thế, gặp các vị đại đệ tử của Đức Phật, ngài Xá Lợi Phất quán sát từ tám muôn bốn ngàn kiếp về trước, thấy ông chưa có một lần gieo duyên Tam Bảo, e rằng ông đi tu không bền, nên từ chối, đến ngài Mục Kiền Liên, ngài Ca Diếp đều từ chối. Buồn quá chỉ còn đường cuối cùng là tự vẫn, vừa kê đầu vào đá để đập thì Đức Phật đưa tay ra đỡ. Sau khi hỏi chuyện, Đức Phật đồng ý cho ông xuất gia. Đức Phật giải thích: Trước tám muôn bốn ngàn kiếp, có một lần ông vào rừng bị cọp rượt, ông leo lên cây và Mô Phật một lần, là một lần gieo duyên nên Đức Phật đồng ý cho ông làm Tăng.

Đức Phật có Túc Mạng Thông thấy hằng hà sa số kiếp về trước. Còn các vị A La Hán chỉ thấy tới tám muôn bốn ngàn kiếp thôi, các vị Bồ Tát thì thấy hơn. Ở đây ngài Tu Bồ Đề muốn nói tới trí sai biệt của các vị Bồ Tát, từng đẳng cấp tâm linh có trí tuệ sai biệt khác nhau, từ chiều sâu vô vi kia sẽ thấy sự sai biệt khác nhau. Học Phật pháp chúng ta cũng có thể so sánh được lời nói của các bậc giảng thuyết mà chúng ta đã từng nghe, từng bài Pháp một chúng ta sẽ nhận định được chiều sâu tâm thức của từng người, các vị lấy chiều sâu đó để tạo sự sai biệt với nhau chứ không lấy chiều sâu khác.

Chúng ta không hơn thua với nhau về nhà cửa, quần áo, mà các vị Thánh hiền sai biệt với nhau ở chỗ vô vi. Chúng ta tu để cho tâm thức tâm linh mỗi ngày mỗi được thăng bậc, mà muốn thăng bậc tâm linh là phá những vọng chấp nào vốn

có của chính mình. Mỗi một lần chúng ta dụng công phá một tầng vọng chấp là ta thăng một tầng bậc tâm linh, và trí tuệ sẽ được thăng một cấp bậc, ngay cả quả vị Thánh hiền cũng vậy.

Ví dụ hệ thống Nhị thừa có quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, mỗi lần vị này phá được một tầng vọng chấp ngang tầm với A Na Hàm để có thể nhập tầng Thánh thì đã nhập sâu vào chỗ vô vi kia, và bắt đầu sai biệt với người phàm phu bình thường. Nếu như họ chứng quả A Na Hàm sẽ cao hơn một chút nữa là sự sai biệt trong Pháp vô vi, chứng A La Hán là sự sai biệt khác. Các vị hơn thua nhau để so sánh sự thâm nhập trong Phật đạo sâu hay cạn, chứ các vị không tính toán vật chất bên ngoài.

Chúng ta còn nhìn theo kiểu vật chất bên ngoài hơn kém nhau, thì đó là cái nhìn của phàm phu, càng đi sâu vào chuyên môn chừng nào ta sẽ nhận định được người chuyên tu như thế nào, người đó tu sâu hay tu cạn, qua kiến giải Phật pháp của họ chúng ta cũng có thể nhận định được. Có thầy lê thê lếch thếch nhưng một câu nói cả đời mình nghĩ không ra, có vị đẳng cấp cao mà cả đời chúng ta theo học không kịp, các vị sai biệt nhau ở chiều vô vi. Tu tập càng sâu chừng nào thì chiều sâu vô vi càng thâm sâu chừng đó, mà chiều sâu vô vi thâm sâu chừng nào thì kiến giải trí tuệ họ càng thâm sâu chừng đó, chúng ta sẽ nhận ra điều này.

Nếu một ngày nào đó chúng ta học được chiều sâu chuyên môn trong Phật pháp, cứ thích làm phước để đời sau được giàu, hoặc được sanh thiên, là chúng ta bắt đầu đi vào con đường của sanh tử, chỉ thăng tiến về mặt phước báu thôi chứ không khai thác được chiều sâu tâm linh. Nếu đi sâu vào chiều sâu tâm linh thì chúng ta thấy bữa nay tâm mình an

nhiều hay an ít, ngày mai mình bị loạn động nhiều hay ít, muốn bớt loạn động chúng ta sẽ đi như thế nào để tâm chúng ta bớt loạn động. Ví dụ bữa nay học Kinh Kim Cang chúng ta không hiểu, nhưng tu một thời gian tâm yên rồi lúc đó học Kinh ta hiểu rất sâu, như vậy chúng ta đã thấm sâu vô chỗ vô vi.

Tâm thức chúng ta khi được tăng một tầng bậc tâm linh, là mình phá nhiều tầng của vọng tưởng để đi sâu vào tầng vô thức của chính mình. Mà càng đi sâu vào tầng vô thức thì trí tuệ mình rất sáng, nên mình hiểu chân lý càng lúc càng sâu, tâm thức càng lúc càng mỏng đi, đây là điều rất lạ, không phải chúng ta thêm kiến thức mới hiểu chân lý là sai. Chúng ta có thể hiểu, có thể lý luận, có thể thuyết giảng được Phật pháp, nhưng đó chỉ là hiểu thôi, còn thâm nhập chân lý là chuyện rất khác, chừng nào phá vỡ hết tất cả cái hiểu thì mới hy vọng thâm nhập chân lý, còn hiểu chân lý chỉ là bề ngoài.

Niềm tin là cái gì đó rất bên ngoài, chúng ta tin Phật, đạo Phật là đối tượng để chúng ta tin thì vẫn còn là bên ngoài, còn là kiến thức. Nếu Đức Phật đối với mình đã ăn sâu vào tế bào, thì dù sống hay chết Phật pháp cũng không thể rời mình được, đó không còn là tin nữa. Tôi nói tôi ăn đường rất ngọt thì nghe quý vị có thể tin, nhưng khi ngậm miếng đường vào miệng rồi thì không nói chuyện tin nữa, chỉ còn đường nuốt thôi. Khi tin điều gì đó là cả đời chúng ta bị sống bằng cái đó. Giống như bị rớt xuống nước là toàn thân chúng ta bị ướt thì lúc đó không nói tin hoặc không tin nữa, người trên bờ nói rằng rớt xuống nước sẽ rất mát, khi vẫn còn trên bờ thì chúng ta tin điều đó, nhưng khi xuống nước rồi toàn thân chúng ta được mát chứ không nói là tin nữa. Chân lý cũng giống như

vậy. Người nhận ra chân lý thì không nói là tin hay không tin, mà người đó đã nhuốm thành chân lý. Người thâm nhập trong pháp vô vi càng sâu chừng nào, thì năng lực nội tâm họ càng sâu thẳm và sáng suốt.

Một bản Kinh chuyên môn chúng ta đọc ngày này qua ngày kia không hiểu, là biết mình còn ở bên ngoài, không phải học nhiều chúng ta mới biết, mà có tu thì chúng ta mới hiểu được chân lý Đức Phật muốn nói. Không phải chúng ta hiểu trên ngữ nghĩa, ông thầy nói câu đó chúng ta nghe và hiểu nghĩa câu đó là chúng ta không hiểu đúng, mà chúng ta hiểu tới tâm ý ông thầy muốn nói điều gì. Học Kinh Phật cũng vậy, chúng ta hiểu Đức Phật muốn nói điều gì chứ không phải chữ này nó sẽ ra nghĩa này. Nếu chúng ta hiểu câu đó nghĩa đó là chúng ta hiểu bề ngoài của tâm thức, chúng ta thấy câu đó nó xuất phát từ chỗ nào và ý của nó có cái gì sâu hơn, thì hy vọng chúng ta có thể thâm nhập sâu vào bể vô vi. Khi muốn so sánh Thánh hiền hay phàm phu thì chúng ta sẽ so sánh chỗ này, chúng ta có tiến sâu vào tầng bậc tâm linh, để nhận biết được chiều sâu tâm linh, và thay đổi đời sống của một phàm phu hay không, là chúng ta phải so sánh đời sống hiểu biết Phật pháp của chính mình.

Nếu chúng ta vẫn còn thấy biết bề ngoài, đụng tới những bản Kinh chuyên môn mà mình không hiểu nổi, thì trong nhà thiền có câu: "*Từ cửa thứ nhất mà vào thì cùng Phật tổ làm thầy trời người. Từ cửa thứ hai mà vào thì xứng được trời người cúng dường. Từ cửa thứ ba mà vào thì tự cứu không xong."* Trước khi giảng Kinh Pháp Hoa Đức Phật diễn tả: *"Bấy giờ, đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chặn mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn*

cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt thấu trời Sắc cứu cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng-sanh, ở các cõi kia. Lại thấy các đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe Kinh pháp của các đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ, những người tu hành đắc đạo. Lại thấy các vị đại Bồ Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ Tát. Lại thấy các đức Phật nhập Niết Bàn, lại thấy sau khi các đức Phật nhập Niết Bàn, đem xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu." Nếu thấy hào quang Đức Phật phóng ra, tức là phóng quang chớp mắt mà chúng ta hiểu được, thì cùng Phật tổ làm thầy trời người, đó là cửa thứ nhất.

Trong Tây Du Ký, tác giả Ngô Thừa Ân cũng diễn tả thầy trò Tam Tạng khi tới Tây Thiên Trúc thỉnh được Kinh Vô Tự (Kinh không có chữ). Đi được một đoạn, Ngài Di Lặc (đại diện cho thức phân biệt), hóa thành đại bàng bay theo mổ Kinh cho rớt xuống ướt hết, thầy trò Tam Tạng phơi Kinh mới biết là Kinh không có chữ. Thầy trò Tam Tạng không hiểu trong Kinh nói cái gì, chính cái không hiểu này mới tạo ra thắc mắc, mới sinh ra thức phân biệt ở tầng sâu. Khi ý thức thấy Kinh không chữ, không biết, không hiểu mới bỏ Kinh không chữ quay lại Tây Thiên Trúc lần thứ hai thỉnh được Kinh có chữ. Nếu tâm thức chúng ta chấp nhận chỗ vô tự, chỗ vô vi là chiều sâu thật, thì thầy trò Tam Tạng không quay lại để thỉnh Kinh lần hai đâu. Lý do vì thấy Kinh không chữ, không hiểu, đợi đọc mới hiểu, tức là ngay cửa thứ nhất không vào được nên không cùng Phật tổ làm thầy trời người.

Nếu ngay nơi phóng quang chớp mắt, các vị nhận ra

được thì được xem là các vị đã ngộ đạo, đủ sức được làm thầy trời người. Khi nào chúng ta có nhận biết trước ngôn ngữ, thì lúc đó chúng ta cùng với Phật tổ làm thầy trời người. Còn nếu có ngôn ngữ chúng ta mới có thể biết, thì tới cửa thứ hai là xứng được trời người cúng dường, còn bây giờ chúng ta đọc Kinh mà không hiểu nữa thì tự cứu không xong, phải nhờ người giảng là chúng ta đang ở cửa thứ ba.

Học Pháp vô vi để chứng tỏ sự sai biệt đẳng cấp tâm linh của từng người, học Kinh chuyên môn chúng ta mới biết sự sai biệt đó, nếu không chúng ta không hiểu nổi. Chỉ có người tu học Phật pháp đến mức độ sâu, hiểu được chiều sâu tâm linh ở trong Phật pháp, do Pháp vô vi mà có sai biệt với nhau thì đó mới là vị trí vào con đường Thánh Hiền. Nếu chúng ta học mà chỉ nhìn bề ngoài người này có phước hơn mình, giàu sang hơn mình là chúng ta đang nhìn về mặt vật chất, không phải pháp vô vi mà là pháp hữu vi nên có sai biệt.

Chúng ta ráng cố gắng làm để có xe, cất nhà bằng họ mới được, là chúng ta luôn so sánh về mặt vật chất, nhưng các bậc Thánh hiền sai biệt với nhau bằng pháp vô vi. Nếu tâm chúng ta còn nhìn ra xã hội mà so sánh bằng pháp hữu vi, thì biết chúng ta không đi theo con đường Thánh hiền mà đi bằng con đường phàm phu, đi vào con đường sanh tử. Tất cả các bậc Thánh hiền phải thoát ly sanh tử, mà muốn thoát ly sanh tử là các vị phân ngôi vị bằng cửa, vô vi này. Ngày nào chúng ta còn nhìn ra bên ngoài so sánh vật chất, so sánh bằng pháp hữu vi thì biết chúng ta còn muốn đi sâu trong sanh tử. Ngày nào chúng ta nhìn bạn hữu của mình thấy họ tu tinh tấn quá, sống bình yên quá, có trí tuệ quá, họ nói chuyện sâu sắc quá, mình cảm phục và mình muốn đi con đường đó, tức là chúng

ta bắt đầu đi vào con đường vô vi, đi thẳng đến giải thoát sanh tử, thành Thánh hiền.

Chúng ta nhìn lại tâm mình xem mình so sánh với nhau bằng cái gì, để biết mình đang đi con đường nào. Lúc nào tâm thức chúng ta còn thấy khó chịu khi thấy người bạn mình giàu có hơn mình, sang trọng hơn mình, uy thế hơn mình, có tín tâm hơn mình thì biết chúng ta còn so sánh theo kiểu của sanh tử phàm phu, là chúng ta tiếp tục lún sâu vào con đường sanh tử, chứ chúng ta không muốn thoát ra. Khi nào chúng ta muốn thoát khỏi sanh tử thì biết rằng chúng ta đang so sánh với người bên cạnh, mình được quyền so sánh hơn thua với người bạn về việc sống bình an trong mọi cảnh giới của cuộc sống này. Xảy ra chuyện xáo trộn của xã hội mình có yên không? Chuyện bất trắc xảy ra đối với hoàn cảnh gia đình mình, bản thân mình, tâm mình có an không? Lấy cái đó ra so sánh là tốt nhất.

Đối duyên xúc cảnh mà tâm mình yên được, những thuận nghịch của cuộc đời tới với mình mà tâm mình an được, mình đủ trí huệ để có thể xử lý tốt được, thì đó là chúng ta đang so sánh con đường vô vi. Chỉ cần một khởi tâm động niệm của chúng ta, nhìn ra xã hội thấy người ta hơn mình một chút là con đường tu tập của chúng ta sẽ không đi theo chiều sâu được. Tự mình có thể cân đo mình có tiến bộ trong tâm linh không, là chúng ta đọc một số bản Kinh chuyên môn trong đạo Phật, tự động mình không hiểu thì chỉ còn cách là ráng tu, để mai kia mốt nọ đọc lại mình hiểu hơn một chút, là mừng cho mình đã có công phu hơn hồi trước. Thỉnh thoảng đọc hiểu thêm một chút nữa là chúng ta đã tiến sâu vào tâm

linh một chút, đã tăng tầng bậc tâm linh, đó là điều chúng ta mừng, người nào mừng vui được với chuyện này, là người đó đang đi đúng đường của Phật đạo.

ĐOẠN 8 : Y NƠI CHÁNH PHÁP MÀ SANH RA TẤT CẢ CÁC QUẢ VỊ

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức có nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn rất nhiều! Vì cớ sao? Vì phước đức ấy tức chẳng phải là tánh phước đức, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều.

Nếu lại có người ở trong Kinh này, thọ trì cho đến bốn câu kệ v.v… vì người khác giảng nói thì phước đức này còn hơn phước đức của người kia.

Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ nơi Kinh nay mà ra. Này Tu Bồ Đề, nói là Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.

Đức Phật nói nếu một người dùng bảy báu: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí ba và cúng dường thì phước báu nhiều hay ít? Thật sự phước báu rất nhiều! Đức Phật lại ví dụ, nếu có người đọc bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang, thì phước đức này còn hơn phước đức của người kia. Vì cớ sao? **"*Này Tu Bồ Đề, tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ nơi Kinh này mà ra. Này tu Bồ Đề, nói là Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.*"**

Học Kinh Kim Cang chúng ta nghe lý luận: Chánh pháp tức chẳng phải Chánh pháp mới thật là Chánh pháp, phước đức tức chẳng phải phước đức mới thật là phước đức và ở đây Đức Phật nói Phật pháp tức chẳng phải Phật pháp mới thật là Phật pháp. Do phước đức không phải là tánh phước

đức, tức là khi chúng ta có mặt ở cõi đời này những vật chất là của tam giới này, dù chúng ta có đem những thứ đó từ chỗ này đến chỗ kia, từ chỗ kia đến chỗ nọ bằng cách cúng dường và làm tất cả những việc phước đức, dù có nhiều đến đâu đi nữa cũng là phước báu của trần gian. Còn khi một người đã hiểu và sống đúng với tinh thần Kinh Kim Cang, là sống đúng với Tự Tánh thanh tịnh, thì phước đức không thể nghĩ lường, sẽ được chư Phật mười phương hộ niệm, được chư Bồ Tát đỡ chân, người đó xứng đáng được trời người cúng dường.

Lúc chúng ta còn lầm lạc chưa biết được Tự Tánh thì không biết đường đi lối về, nhưng khi biết được Tự Tánh rồi thì như chư tổ nói là đủ sức làm thầy trời người, phước báu đó rất lớn. Còn người bố thí ba cúng dường của cải vật chất thì phước lớn lắm là được sanh về cõi trời, không thể sanh hơn được. Cõi trời gần chúng ta nhất là cõi trời Tứ Thiên Vương, nhiều lắm là chúng ta tới cõi trời Đế Thích, còn những cõi trời khác như cõi trời Đâu Suất, cõi Quang Âm Thiên, cõi trời Phạm Thiên thì đều do thiền định mà về.

Nếu bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang mà chúng ta nhận được, sống được, thì chúng ta thoát ly khỏi tam giới, vượt ngoài sanh tử, nên phước báu sẽ lớn hơn. Đức Phật so sánh người bố thí ba cúng dường không bằng người tu tập. Tại sao có những bản Kinh ca tụng một câu niệm Phật thôi, là diệt hằng hà sa ức tội? Hoặc có những ý niệm thiện chúng ta sanh khởi muôn ngàn công đức lành?

Bởi vì nếu chúng ta có công phu tu tập, thì chúng ta sẽ từ từ nhận ra được mỗi ý niệm thiện ác có giá trị rất lớn lao. Không đơn giản là mình nghĩ thiện, nói lời thiện, làm việc thiện rồi thì thôi, hoặc chỉ lợi ích cho vài người xung quanh.

Mà sự thật, mỗi một ý niệm ở nơi chúng ta phát nghĩ, nó phát ra một loại sóng trường đi mãi trong không gian không tạm dừng, cho tới tận cùng ở cõi hư không này, hằng hà sa số kiếp về sau, sóng trường đó vẫn không mất. Mỗi loại sóng trường tùy theo ý niệm thiện ác của mình, mà có loại màu sắc khác nhau và có sức bất an hay mats mẻ khác nhau.

Nếu chúng ta vừa phát một ý niệm nóng giận, bực bội, phiền hận thì sẽ tạo một loại sóng trường nơi không gian mình ở có một chút xáo trộn và gây khó khăn cho người xung quanh. Từ trường đó cứ vang mãi trong không gian, đi đến rất nhiều nơi, nhiều chỗ, nhiều cõi, nếu nó chạm đến loài chúng sanh khác thì gây bức bách, khó chịu, khổ nhọc, khiến chúng ta bị tổn giảm phước lành của mình. Nếu mình nghĩ một điều thiện thì sóng từ phát từ tâm chúng ta nó làm cho vùng trời chúng ta đang ở có một loại khí yên lành, nó lan tỏa trong không gian mãi mãi. Những loài chúng sinh đang đau khổ, bức bách tiếp nhận được sóng trường này thì họ tự động được xoa dịu và phước báu chúng ta càng lúc càng lớn, cứ có nhiều ý niệm thiện thì phước báu càng lớn.

Có những vị tu tập ở rừng sâu, núi thẳm, lần lần có rất nhiều người biết tới, cung kính đảnh lễ và cúng dường. Mà vị tu sĩ đó chẳng làm gì, tối ngày chỉ tu tập thôi. Nếu vị đó tu mà phá được tầng vọng tưởng sâu kín nơi mình để tâm trở thành thuần thiện, thì phước báu bắt đầu tràn dâng khắp không gian. Chư Thiên các cõi cũng biết tới, tất cả các vị Bồ Tát, Hộ pháp cũng biết tới các vị này. Họ nương theo sóng trường đó trở về gốc thì chạm tới người đang ngồi tu tập thiền định, họ tiếp nhận được năng lực đó để họ quy tụ về đảnh lễ, cúng dường, nương theo đó mà tu tập. Cho nên nơi nào có những người tu

tập tốt, thì nơi đó tự động có quần chúng đến đông, và vị tu tập có đức nhiều chừng nào thì những vị phi nhân, chư Thiên, tất cả chúng sanh đều có sự kính ngưỡng để quy phục.

Kinh Kim Cang muốn nói cho tất cả chúng sanh nhận được Tự Tánh chân thật của chính mình, tất cả những gì ở bên ngoài dù đó là phước báu vẫn không so sánh được với chỗ chân thật này. Những của quý của trần gian dù tràn ngập cõi thế này cũng không thể nào so sánh được người đã thấu hiểu Kinh Kim Cang. Vì khi một người nhận được ý chỉ bản Kinh Kim Cang, thì người đó sẽ an trú ở chỗ không còn bị sanh tử. Dù chúng ta có của báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, thì chúng ta vẫn là người lầm mê và sanh tử vẫn tiếp nối với chúng ta, nên phước báu của người bố thí ba cúng dường, không thể nào so sánh với phước báu của người thấu hiểu bốn câu kệ Kinh Kim Cang.

"Này Tu Bồ Đề, tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ nơi Kinh này mà ra."

Đức Phật ca tụng người chỉ cần đem bốn câu kệ Kinh Kim Cang giảng Kinh thuyết pháp, thì phước báu sẽ lớn hơn người bố thí ba bảy báu đầy Tam thiên đại thiên thế giới. Kinh Kim Cang là nơi sanh ra Chánh pháp, sanh ra quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật đã chứng đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, từ đó nói bản Kinh này. Hay nói khác hơn, Đức Phật đã thâm nhập trong kim cương Tự Tánh của mình mà chứng đắc được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rồi từ kim cương Tự Tánh đó nói lên giáo pháp. Nên giáo pháp thể hiện năng lực sống của chính Đức Phật. Đức Phật đã từ kim cương Tự Tánh của chính mình,

Bát Nhã Tánh của chính mình mà nói ra bản Kinh Kim Cang, người nào thấu hiểu, thông cảm được, tương ưng được với bản Kinh Kim Cang thì người đó có khả năng chia sẻ Kinh nghiệmsống, để mọi người quay trở về thể nhận Tự Tánh chân thật của chính mình, thì người đó có phước báu vô cùng lớn lao.

ĐOẠN 9 : MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tu Đà Hoàn hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tu Đà Hoàn chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập lưu mà không có chỗ nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tư Đà Hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tư Đà Hàm chăng ?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Vì Tư Đà Hàm tên là Nhất vãng lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi là Tư Đà Hàm.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? A Na Hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả A Na Hàm chăng ? Tu Bồ Đề thưa : Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? A Na Hàm tên là Bất lai mà thật không có bất lai, thế nên tên A Na Hàm.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? A La Hán hay khởi nghĩ thế này: Ta được đạo A La Hán chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Thật không có pháp tên là A La Hán.

Bạch Thế Tôn, nếu A La Hán khởi nghĩ thế này:

Ta được đạo A La Hán tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Bạch Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam muội là bậc đệ nhất trong số người đó, là A La Hán ly dục đệ nhất.

Bạch Thế Tôn! Con không khởi nghĩ con là ly dục A La Hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ: Con được đạo A La Hán, Thế Tôn ắt chẳng nói Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Na. Do Tu Bồ Đề thật không có sở hành nên gọi là Tu Bồ Đề ưa hạnh A Lan Na.

Kinh Kim Cang nói đến bốn quả vị: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán, có khác với hệ thống Kinh Nguyên thủy.

"Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tu Đà Hoàn hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tu Đà Hoàn chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Tu Đà Hoàn gọi là Nhập lưu mà không có chỗ nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn."

***"Tu Đà Hoàn"*:** Nhập lưu là nhập trong dòng Thánh, là quả vị Thánh đầu tiên trong bốn quả vị Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán. Theo hệ thống Kinh Nguyên Thủy, thì người chứng quả Tu Đà Hoàn sau khi nhập vào dòng Thánh rồi, người đó còn bảy lần sanh đi trở lại trong nhân gian rồi chứng quả A La Hán, còn gọi nhập lưu là nhập vào dòng Thánh, có chỗ gọi là nghịch lưu là nghịch dòng sanh tử.

Đức Phật nói Tu Đà Hoàn gọi là nhập mà không có chỗ nhập; là không nhập nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người chứng quả Tu Đà Hoàn ở Kinh Kim Cang cái chuẩn tương đối cao hơn quả Tu Đà Hoàn ở Kinh Nguyên Thủy. Nếu chúng ta hiểu đúng theo ý chỉ Kinh Kim Cang, thì người Tu

Đà Hoàn không nhập nơi sắc, tức là mắt thấy hình sắc bên ngoài, giữ tâm mình để đừng khởi vọng niệm, đừng khởi ý niệm phân biệt nơi cảnh sắc. Ví dụ nhìn cái bông thì chỉ là cái bông thôi, không có phân biệt đây là bông cúc, bông lan; không biết bông này màu xanh, màu đỏ, màu vàng là chúng ta không có nhập sắc, như vậy có đúng không? Nếu mình khởi niệm đây là bông lan, là bông cúc thì mình có nhập chưa? Chúng ta phải xác định kỹ điều này, nếu không chúng ta sẽ không công phu được.

Một người lục căn tiếp xúc lục trần mà chúng ta không biết đường để xử sự thì là người tu không tốt, mắt thấy hình sắc chúng ta xác định bông này màu đỏ, màu hồng, màu vàng là đã nhập trần nhiều lớp rồi. Khi đó có mình, có đối tượng để mình thấy là đã xuống một lớp rồi. Vì có mình đang thấy và vật bị thấy, là rớt xuống tầng nhị biên, không còn ở chỗ nhất nguyên nữa, đặt lại câu hỏi: Nếu chúng ta ở vị trí nhất nguyên để nhìn, thì có phân biệt nổi màu sắc không?

Tất cả người tu đều lúng túng chỗ này. Có người nghe Phật tổ dạy: Tu không để căn dính trần, vậy khi mắt thấy trần cảnh là chúng ta dính chưa? Bảo đảm là dính! Chúng ta có sự phân biệt giữa mình và người là đã dính rồi, mắt nhìn thấy có mình và vật bị thấy là dính rồi, không còn ở chỗ nhất nguyên nữa. Nhưng như vậy không có nghĩa là người ở vị trí nhất nguyên không biết gì. Người ở vị trí nhất nguyên hoàn toàn không nương tựa vào ngã chấp để nhận biết mọi duyên, thì người đó có biết bông xanh, vàng, đỏ, trắng không? Nếu đối duyên xúc cảnh mà người đó không biết gì thì người đó không xài được. Nhưng cái biết của họ không phải là cái biết của ý thức, nó khác với cái biết từ trước tới giờ.

Nếu lúc đó người sáng mắt và người chưa sáng mắt nhìn sự vật thì cái nhìn đó giống hay khác nhau? Giống cái gì? Và khác cái gì? Nếu chúng ta không phân biệt được cái khác này chứng tỏ chúng ta không sáng mắt. Người sáng mắt và không sáng mắt chỉ khác nhau ở chỗ lục căn tiếp xúc với lục trần, tức là họ vẫn sống giữa đời này, vẫn thấy, nghe, hay, biết, đi, đứng, nằm, ngồi giống như mình, nhưng họ hoàn toàn không có gì vướng lại, càng vô tư chừng nào thì càng ít dính mắc chừng đó, càng phòng thủ chừng nào thì càng dính mắc nhiều chừng đó. Có người còn chế ra con khỉ bịt mắt, bịt tai, nghĩ đó là công phu tốt, nhưng đó là hiểu lầm ý Phật tổ dạy.

Tất cả điều Đức Phật dạy đều muốn chúng ta thấy đến sự thật, thấy đúng sự thật, sống đúng sự thật, Đức Phật không dạy chúng ta thêm bớt. Chúng ta muốn thấy đúng sự thật, chúng ta phải thấy tới chiều sâu của nó là cái gì, chứ không dừng ngang ở bông xanh, vàng, đỏ, trắng này nữa thì mới thấy hết.

Khi một người hòa nhập trong pháp giới tánh thì tất cả những màu sắc này họ thấy rõ ràng, không lầm; nhưng người chưa ngộ tánh vẫn thấy như vậy, vẫn phân biệt đúng đắn từng màu sắc một nhưng có lầm. Người thấu hiểu Kinh Kim Cang rồi thì lục căn tiếp xúc lục trần họ bình thường một cách tuyệt đối, họ rất bình lặng để thấy biết và không bao giờ lầm lẫn, không phải là họ không thấy những cái này, họ thấy rõ hơn mình, họ thấy thấu thoát hơn mình, họ thấy bề sau của sự vật, không phải họ thấy tới ngang đây dừng lại như mình. Mình phân biệt để rồi ý niệm phàm trần sanh ra.

"Tu Đà Hoàn gọi là Nhập lưu mà không có chỗ nhập," Đức Phật muốn nói tinh thần Kinh Kim Cang của

người chứng quả Tu Đà Hoàn, không nhập không có nghĩa là người đó cố tình mắt thấy sự vật mà ngăn chặn vọng niệm lại, cố thủ để mình ở chỗ thanh tịnh, sợ nếu mình chú ý tới sự vật, phân biệt sự vật thì sẽ bị vọng tình vọng tưởng che lấp sẽ bị vướng mắc. Đó là lối công phu không phải của Thiền tông chuyên môn, thiền tông chuyên môn thấy tất cả sự vật ngay nơi đó mà không hề có thái độ phòng thủ, hơn thua, chống đối, phân biệt, khen chê, phải quấy. Không phải giữ cho mình không khởi niệm, không phải giữ cho lục căn thanh tịnh hoàn toàn, không có bất kỳ thái độ nhỏ nhiệm nào khi đối duyên xúc cảnh. Họ hết sức vô tư trong sáng thanh tịnh một cách tuyệt đối khi căn trần chạm nhau, vì các vị đã thấy đến sự thật của căn và trần rồi.

Sự thật của căn và trần có đến nhau không? Có người hỏi: *"Thế nào là giải thoát?"* Quốc Sư Huệ Trung nói*: "Căn trần không tiếp xúc nhau là giải thoát."* Vậy câu hỏi đặt ra, ví như quý vị ngồi đây, dù không muốn nghe vẫn bị âm thanh chúng tôi tác động tới, vậy có tới không? Nếu tu theo đạo Phật, những điều này mà mình không minh định rõ ràng, khiến việc tu của chúng ta cứ mãi mãi lầm lẫn. Căn đối trần mà không có thấy nhìn đúng thì chúng ta không có tu cái gì được. Đây là cửa ngõ để chúng ta nhập đạo, nhưng nó cũng là cửa ngõ để chúng ta nhập Ta bà, nếu tu tốt thì chỗ này chúng ta phải có cái thấy nhìn đúng đắn, đối với đạo Phật, chỉ cần thấy đúng là đủ, không cần thêm, không cần bớt gì. Cho nên tại sao tất cả những người đi theo đạo Phật đã từng đọc Kinh Kim Cang, mà đến đoạn *"Bất ưng vô trụ sắc sanh tâm. Bất ưng vô trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,"* không ai ngộ, chỉ mình Lục Tổ Huệ Năng ngộ?

Vì Lục Tổ đã thấy được điều này.

Chúng ta phải hiểu chỗ không nhập là như thế nào? Nếu hiểu được chỗ không nhập này, thì chúng ta sẽ hiểu quả Tu Đà Hòan, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán trong Kinh Kim Cang nói, nếu không chúng ta sẽ không hiểu nổi. Đây là vấn đề hết sức bức xúc cho tất cả người tu, chúng ta phải coi trọng điều này thật sự, phải thấy đây là chỗ quy thú của quả vị Thánh hiền, còn không chúng ta cứ hướng đến căn trần mà tu tập. Một người tu tốt là luôn phòng vệ lục căn, phải làm sao cho lục căn đừng dính lục trần là chúng ta tu tốt rồi. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta làm sao giữ cho căn đừng phạm tới trần cảnh nữa, chúng ta phải thấy cho đến sự thật.

Ví dụ tất cả chúng ta đều tập trung nhìn vào cái chuông, xong chuyển qua nhìn bình hoa, xong chuyển qua máy quay phim, cứ vô tư nhìn từ cảnh này đến cảnh kế, mỗi lúc mỗi hiện cảnh mới trong cái nhìn của mình. Chúng ta nghiệm lại, mình vừa nhìn cái chuông, xong mình nhìn cái này cái kia rất nhanh giống như cái máy quay vậy. Cái máy quay nó luôn luôn thâu cảnh mới, cái nhìn của chúng ta cũng liên tục thâu cảnh mới như vậy. Nếu chúng ta thấy ra điều này thì công phu rất nhàn hạ, đi đâu cũng được giải thoát. Đối với đạo Phật chúng ta phải thấy ra sự thật của mọi vấn đề, cái thấy là cái mình đã có mấy chục năm nay, nhưng ít ai chịu nhìn lại.

Bây giờ đặt lại câu hỏi: Nếu trần dính vào mắt của mình, quý vị vừa nhìn cái chuông thì chúng ta cứ thấy cái chuông hoài, quay đi đâu cũng thấy cái chuông, nhưng khi quay qua bên đây nó không còn là cái chuông mà chúng ta thấy cái bình bông, vậy quý vị công phu cái gì để nó rớt ra khỏi căn của mình, mà mình lại thấy cảnh mới? Có công phu

không, mà tại sao nó không còn? Phải thấy cho ra, người tu phải hết sức nghiêm túc trong mọi vấn đề. Nếu chúng ta thực sự nghiêm túc một chuyện thôi thì sẽ thấu suốt mọi chuyện, vì tất cả pháp trong thế gian này tánh tướng đều như nhau, nếu chúng ta giải quyết được một pháp là chúng ta giải quyết được tất cả pháp. Một căn cũng như sáu căn, nếu chúng ta giải quyết được căn mắt thì các căn kia sẽ giải quyết được.

Nếu chúng ta nhận ra được chỗ không vướng mắc của căn trần này, thì lục căn chúng ta hoàn toàn không còn vướng mắc, đi, đứng, nằm, ngồi thoải mái, tự do tự tại. Người tu Phật phải hết sức thực tế từng mảy may một trong cuộc sống của mình, không nói chuyện mai kia và không nói chuyện một chút nữa, ngay tại đây chúng ta phải thấu thoát việc căn và trần, thì coi như việc tu tập của chúng ta đã xong được tám mươi phần trăm.

Sự thật này đang thoát khỏi thời gian và không gian. Mỗi cái thấy nhìn của chúng ta không rớt vào thời gian và không gian, không có khái niệm thời gian không gian nữa, mỗi cái nhìn mỗi mới. Sự thật này cho chúng ta là căn trần từ xưa tới giờ chưa dính nhau, quý vị tin không? Từ nãy tới giờ quý vị nghe bao nhiêu âm thanh, nếu ngang đây chúng tôi không nói nữa, thì âm thanh này không còn. Quý vị tu cái gì cho âm thanh nó rớt ra vậy? Nếu nói không công phu thì vị thầy sẽ rày mình liền. Nhưng tôi nói ngược lại, tu không phải là công phu, tu là thấy đúng sự thật. Làm sao thấy được sự thật căn trần ngay tại đây là đủ. Nếu chúng ta thấy đúng sự thật, thấy đến sự thật thì ngay tại đây và bây giờ cái thấy chúng ta không có thời gian, không có không gian.

Mặc dù chúng ta đang nhìn chậu hoa và nhìn chằm

chằm hoài không thay đổi, nhưng nó luôn luôn mới với chính mình là chúng ta đang nhìn đúng sự thật. Không phải là chậu hoa cũ nữa mà mỗi phút mỗi mới, mỗi sát na mỗi mới, hiện hữu cái mới mới hoài không hề cũ với mình là đủ. Và cái mới đó nó luôn luôn mới trong tất cả cái thấy nhìn của chúng ta trong đời sống này, không khác nhau.

Sự thật tất cả các pháp luôn hiện hữu như vậy, nếu chúng ta đang như vậy để thấy, không có cái gì khác hơn, thì chúng ta nhìn bên đây nó cũng như vậy, tiếp tục nó cũng là như vậy, mãi mãi nó là như vậy với chính mình. Mình bằng cái như vậy để mà thấy, bằng cái như vậy để nghe, bằng cái như vậy để biết, mọi cái đều hiện trong cái Như để mình biết, thì mỗi cái đều là Như Như với chính mình, thì chỗ nào dính lại để dụng công? Tất cả những cái ở đây như xanh, như vàng, như đỏ, như trắng hiện hữu một lượt tất cả các màu sắc, chúng ta như vậy mà rõ biết tất cả các màu sắc, không phải biết cái này trước biết cái này sau.

Lại đặt câu hỏi: Quý vị nhìn hết lên phía trước quý vị sẽ thấy hết và nói một câu cho hết những cái mình đang thấy. Thấy hết phải nói một câu cho hết những cái chúng ta thấy, được xem như chúng ta thấy biết đến sự thật, khi chúng ta thấy sự việc, thấy cho đúng thì chúng ta sẽ có một câu nói đúng, thấy hết sẽ có một câu nói hết. Nếu ngang đây chúng ta không nói hết chứng tỏ chúng ta không thấy hết, sự thật là chúng ta đang thấy hết, nhưng vì lý do chúng ta quen rồi, thấy cái này trước, thấy cái kia sau mà chưa bao giờ thấy một cái hết, thấy cái bên trái rồi mới thấy cái bên phải, thấy cái vàng rồi mới thấy cái đỏ, mới thấy cái xanh. Cái thấy chúng ta luôn rớt vào tầng nhỏ nhiệm để phân biệt, chứ chưa bao giờ chúng

ta thấy tổng thể.

Nếu chúng ta chưa rõ được chỗ này thì gọi là tập tu, tập làm quen với cái nhìn tổng thể, nhìn là nhìn hết, khi chúng ta nhìn hết thì mọi việc nó khác đi cái nhìn nhỏ nhiệm manh mún. Nếu ai có một chút chuyên môn thì chỗ này sẽ nhận ra, nếu chúng ta tập nhìn, tập thấy, tập nghe tổng quát, nghe tiếng xào xạc bên ngoài, tiếng lá khua, tiếng quạt, tiếng chó kêu nghe một lượt không sót, thì quý vị sẽ thấy một điều lạ là quý vị sẽ không bị vướng lại, nhưng nếu biết một chuyện thôi chúng ta sẽ bị vướng lại. Như quý vị nhìn một số đông người thấy hết những người trước mặt mình, thì tự động chúng ta có cái gì đó không vướng lại, nhưng nếu mình thấy có một điểm nào sáng để chúng ta dừng lại, thì đó là chỗ chúng ta đang vướng.

Trong công phu chúng ta phải thấy, phải nhận ra được cái vướng của mình, sự thật đạo lý từ xưa tới giờ rất lưu thông, lục căn chúng ta từ xưa tới giờ chưa từng có một lần dính mắc lục trần. Nói vậy có người lanh lợi nói thưa thầy nãy giờ thầy nói tôi nhớ lại được. Chắc chắn là có nhiều người nhớ chớ không phải một người. Chúng ta lý luận với nhau tiếp, bây giờ quý vị nghe qua một câu nói rồi nhớ lại, thì như vậy có phải là dính mắc hay không?

Nói ý niệm là sự vướng mắc của mình, thì sau lần chúng ta thấy nghe, tức là căn tiếp xúc với trần chúng ta còn nhớ lại, trong Duy Thức Học gọi là Lạc tạ ảnh tử (tịnh sắc căn), là cái nhỏ nhiệm trong tâm chúng ta nó đang hiện ra, thì người ta xem như một sự vướng mắc. Nhưng nếu chúng ta thấy đúng sự thật, thấy đến sự thật rồi, thì cái hiện ra nơi đầu chúng ta có phải là cái dính không? Có ai có thể giữ lại giùm

tôi một ý niệm được không? Từ xưa tới giờ mình nói là mình vọng tưởng nhiều, ngồi thiền nó ùn ùn đổ ra, nhưng không ai có thể giữ lại một niệm. Nếu quý vị giữ lại được một ý niệm, thì quý vị sẽ bị dính mắc. Còn nếu không giữ được một ý niệm nào, thì Kinh Kim Cang muốn nói tới Lý vô trụ của vạn vật. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vốn không dừng trụ ; căn và trần vốn không thể dừng trụ được; mỗi mỗi nó giữ nguyên vị của nó, cho nên nó không hề dính cái gì. Nếu căn trụ được nơi trần, thì dù Phật tổ cũng không gỡ mình ra được. Nhưng tại mình nghĩ mình có thể dính được, buồn được, thương được, có thể giận được, có thể ghét được, đó là ảo giác của mình, là cái tưởng tượng mà thôi, chứ mình không thể dính được.

Sự thật căn trần không dính nhau, thì chỗ nào là chỗ dính của mình? Người chứng quả Tu Đà Hoàn là người thấy rõ sự thật sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không thể nhập được, thì mới gọi người đó nhập vô dòng Thiền tông. Người đó đi đứng tự tại, tự do, không có một mảy may vướng bận nơi căn trần, không hề có chỗ nào gọi là dụng công tu tập. Một người dụng công tu tập một ngàn kiếp không bằng một thoáng chúng ta thấy sự thật này, đời tu chúng ta khác hẳn đi hoàn toàn nếu chúng ta thấy đúng, ai đủ gan thấy căn trần không dính nhau? Chúng ta luôn có thái độ chống đối, luôn có thái độ hơn thua, luôn có thái độ trừ khử, luôn có thái độ phòng bị khi căn trần chạm nhau. Tất cả thái độ đó làm chúng ta mệt nhoài, cả cuộc đời chúng ta phí hoài cho chuyện đó, mình cứ hết thấy lầm này đến thấy lầm khác, chúng ta không chịu thấy đến sự thật, để sống đúng với sự thật ngay tại đây.

Người nhập lưu theo tinh thần Kinh Kim Cang, là phải nhập vô cái thấy đầu tiên là căn trần chưa từng dính nhau, mắt

không dính nơi hình sắc, tai không dính âm thanh, mũi không dính mùi, lưỡi không dính vị, thân không dính xúc chạm, tâm thức không dính pháp trần. Thấy được như vậy mới được nhập vô dòng của Kinh Kim Cang, chứ không nhập dòng Thánh như hệ thống Kinh Nguyên Thủy là còn bảy đời sanh đi lộn lại trong thế gian rồi mới chứng quả A La Hán, quả vị A La Hán trong Kinh Kim Cang được xem như Phật quả, chứ không phải quả vị bình thường.

Người đó phải thấu thoát được căn trần không dính nhau. Chúng ta không dám nhận căn trần không dính nhau thì tu cực lắm. Nhiều người tu mặt nhăn, nhíu mày quá cực khổ, bây giờ chúng ta thấy lại, thấy cho đúng cho đến sự thật thì công phu của chúng ta bắt đầu nhẹ đi, đời sống chúng ta bắt đầu nhẹ nhàng, không bao giờ chúng ta lệch chân lý, không lệch Chánh pháp của chư Phật. Đạo Phật ra đời cũng muốn chỉ sự thật này cho mình, chứ không khác được.

"Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tư Đà Hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tư Đà Hàm chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Vì Tư Đà Hàm tên là Nhất Vãng Lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi là Tư Đà Hàm."

"Tư Đà Hàm": Theo lý luận của hệ thống Kinh Nguyên Thủy, thì người chứng quả Tư Đà Hàm còn một đời sanh đi lộn lại trong tam giới này (Nhất vãng lai), để chứng quả A La Hán mới thoát ngoài tam giới. Nhưng theo Kinh Kim Cang: *"Nhất vãng lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi Tư Đà Hàm,*" tức là không có đến và không có đi.

Người nào nhận ra được sự thật không đến và không đi, không có tới không có lui, không có sanh không có tử thì

người đó mới chứng quả Tư Đà Hàm theo kiểu Kinh Kim Cang. Mình có đến có đi không, mình có hằng hà sa số vãng lai. Người công phu ngang tầm Tư Đà Hàm của Kinh Kim Cang là nhìn đúng sự thật hiện hữu ngay đó, khi mắt thấy sắc thì chỉ như vậy mà thấy chứ không có đáo lại. Nhìn người đó rồi bây giờ chúng ta nhớ lại hình bóng người đó, là còn vãng lai đối với trần cảnh. Ở đây người Tư Đà Hàm hoàn toàn không còn vãng lai. Khi mọi sự vật hiện hữu, họ chỉ rõ biết như vậy là không còn vãng lai, nếu chúng ta thấy khác như vậy thì còn vãng lai.

Khi âm thanh hiện hữu quý vị như vậy để rõ biết âm thanh, âm thanh kế tiếp chúng ta nghe rõ rõ rõ, những âm thanh mới chúng ta đều nghe cái mới đó, hoàn toàn không có vãng lai lại âm thanh cũ. Sự thật không có vãng lai, nhưng mình tưởng mình vãng lai được nên không chứng được quả Tư Đà Hàm. Bây giờ chúng ta sống đúng sự thật, bước đầu là căn trần không đến nhau, thứ hai nếu chúng ta tu tập đúng nghĩa Kinh Kim Cang thì khi mắt thấy sắc, chỉ như vậy mà thấy, chỉ như vậy mà rõ biết, chứ không phải thấy có sắc là biết có sắc, không phải đi là biết đi, đứng là biết đứng, ngồi là biết ngồi, nằm biết nằm, kiểu đó là còn xa lắm, không phải chỗ Đức Phật muốn nói.

Những loại công phu đi biết đi, ăn biết ăn, ngồi biết ngồi. Ai ăn? Ai biết? Ai ngồi? Bao nhiêu cái đầu và bao nhiêu người trong công phu như vậy? Nhiều quá thành rối! Bây giờ thấy chỉ như vậy mà thấy thôi, nghe chỉ như vậy mà nghe thôi, là chúng ta chưa hề vãng lai và không vãng lai thì ngang với quả Tư Đà Hàm. Đây là sự thật, tất cả mọi cái đều là như vậy, nhưng vì chúng ta bị lầm lẫn nên chúng ta không thể như vậy

được, vì vậy mà chúng ta bị vãng lai, chứ tất cả vạn pháp vốn đã là như vậy rồi.

Bây giờ chúng tôi nói tiếng Phật thì như tiếng Phật hiện ra, không có khác đi được, trước tiếng Phật không có cái gì, sau tiếng Phật không có cái gì, chỉ hiện hữu ngang chữ Phật đó mà thôi. Nó như Phật hiện hữu, thì chúng ta như Phật mà rõ biết, rồi tiếng kế tiếp là Pháp, là Tăng là ma, là quỷ gì đó chúng ta như vậy mà rõ biết trong mỗi mỗi âm thanh hiện hữu ra, thì chúng ta không còn tái đi tái lại. Nhưng chúng ta không trụ vững trong Như Như này, chúng ta bị lầm lẫn nên sanh tâm phân biệt, là chúng ta rớt xuống tầng hai bên, là có vãng lai rồi. Vãng lai thì thành phàm tình, chứ không phải thành Thánh Tư Đà Hàm nữa.

"Vì cớ sao? Vì Tư Đà Hàm tên là Nhất Vãng Lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi là Tư Đà Hàm." Đức Phật nói không có chỗ vãng lai, vãng lai nó cũng không thật. Ví dụ, mình nghe âm thanh Phật xong rồi, về nhà mình nhớ lại âm thanh Phật đó thì có phải là vãng lai không? Chúng ta phải nhìn rõ mọi vấn đề, thời khắc đang hiện hữu này và thời khắc hiện hữu trước là hai thời khắc khác nhau. Lúc này đang như vậy mà hiện hữu âm thanh Phật, đang như vậy mà hiện hữu hình bóng nào đó, như vậy trong khoảnh khắc này cái Như nó đang hiện ra để nó tiếp tục hiện cái Như mới, mỗi cái hiện hữu đều là mỗi Như, nó không hiện cái cũ, không phải cái vãng lai cũ. Sự thật mỗi mỗi là Như; nếu chúng ta hiểu, nhận và sống bằng cái Như thì không hề có sự lay động nào nơi tâm thức chúng ta cả. Mọi duyên, mọi cảnh, đều hiện ra trong Như Như, nên chúng ta không có lui tới.

Nếu chúng ta thấy mình có lui và tới là chúng ta đã

rời Như, tức là chúng ta rời sự thật an ổn, thanh tịnh, sáng suốt vốn có của chính mình, chứ không hay ho gì. Rồi chúng ta bị nắng táp mưa sa, lúc đó chúng ta than khổ sầu như vậy thôi, tức là chúng ta tự rời sự an ổn, thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu vốn có của chính mình khi chúng ta rớt vào tầng phân biệt hai bên, cho nên người biết sống là người luôn an trú trong Như Như để sinh hoạt trong đời sống của chính mình, thì họ không hề vãng lai khi đối duyên xúc cảnh, và cũng không có cái vãng lai nào đối với chính họ. Đó là người chứng quả Tư Đà Hàm.

"Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? A Na Hàm hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả A Na Hàm chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn. Không vậy! Vì cớ sao? A Na Hàm tên là Bất Lai mà thật không có bất lai, thế nên tên A Na Hàm."

"A Na Hàm": Khi còn ở tầng phân biệt của tâm thức, thì chúng ta thấy có đến, có đi, có không đến, không đi. Nhưng đến tầm cao của A Na Hàm theo tinh thần Kinh Kim Cang, là người ta đã vượt ra ngoài tầng phân biệt hai bên, thì sẽ không có cái có, không, đến và đi, phải và quấy, cho nên khi mọi duyên cảnh hiện thì chỉ như vậy mà rõ biết và đã như vậy rồi thì bặt ngoài ngôn ngữ, không hề có sự so sánh, phân biệt, tính toán, hơn thua, hay dở ở đây. Không có chuyện lai và bất lai, không có chuyện đến và đi, có và không, phải và quấy, hai cái đó nó tắt mất với người chứng quả A Na Hàm.

Công phu A Na Hàm của Kinh Kim Cang ở tầng bậc rất cao. Họ đạt tới cảnh giới Như Như bất động trong mọi thời khắc, tâm họ không hề có sự so sánh, cho nên họ không còn thấy cái này là bất lai, cái kia là lay động, họ đang an trú ở chỗ rõ biết thường hằng, nó hiện hữu giống như mặt trời đang bắt

đầu mọc lên và nó chỉ biết sáng thôi. Mặt trời không biết là nó rọi chỗ này, rọi chỗ kia, mà các vật hiện ra trong ánh sáng mặt trời đều bị nhuốm sáng bởi ánh sáng đó. Âm thanh bị chúng ta nghe là nó hiện trong cái rõ biết của chúng ta, âm thanh đó là Như. Chúng ta đang ở cái Như để rõ biết vạn pháp, vạn pháp hiện trong cái Như đều biến thành Như, cái Như đó không phải đến, không phải đi, không phải không đến không đi, cái Như này là "*ly tứ cú tuyệt bách phi.*" Đó là cái Như của quả vị A Na Hàm.

Người A Na Hàm hoàn toàn không phải xử dụng ý thức để phân biệt tịnh uế, nhưng không phải là không thấy không biết, ở chỗ này rõ thông tất cả vạn pháp không lầm, không lộn xộn. Ví dụ như bây giờ không thể nhìn màu đỏ ra màu vàng, màu đỏ ra màu xanh, màu vàng ra màu trắng được, đỏ là đỏ, xanh là xanh, vàng là vàng, trắng là trắng, tất cả mọi màu đều hiện như vậy trước cái biết của chính mình và chỉ như vậy mà nó hiện thôi, thêm cũng không được, bớt cũng không được.

Tất cả mọi thứ chúng ta không thể thêm bớt được rất giống với tinh thần Kinh Bát Nhã: *"*Chẳng *tăng chẳng giảm, chẳng cấu chẳng tịnh, chẳng thêm chẳng bớt",* cái chẳng đó chẳng đợi lúc nào cả, cái chẳng đó luôn là như vậy. Mọi thời mọi lúc cái chẳng có chẳng không, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng cấu chẳng tịnh nó vốn là như vậy với chính mình, nó vốn là như vậy từ ngàn xưa nhưng mình có thói quen hay thêm hay bớt cho nên mình không thấu hiểu Kinh Bát Nhã, mình không chịu sống đúng Bát Nhã. Mình muốn thêm muốn bớt, muốn tăng muốn giảm, muốn uế

muốn tịnh, muốn có muốn không, muốn hay muốn dở, muốn thương muốn ghét. Tất cả đều do mình, mình muốn khuấy động cái thanh tịnh của mình để mình sống với cái động, mình mê cái động, mình theo cái động, chứ nó cũng không mất cái này.

Khi một phen chúng ta hay ra được sự thật thì chúng ta nguyên là như vậy, không có sứt mẻ một phần nhỏ nào, sẵn đủ như vậy, tràn đầy như vậy, chúng ta không hay nên chúng ta bắt đầu sống manh mún, khi chúng ta hay ra sự thật thì sự thật nó vốn như vậy từ ngàn xưa rồi, nên chúng ta chỉ dùng từ đơn giản là *"hay ra sự thật",* không phải ngộ, không phải nhập, không phải chứng, không phải đắc. Cái này từ xưa nó là như vậy, bây giờ mình giựt mình hay ra nó là như vậy, không thêm bớt cái gì, không cần phải chứng đắc, khi hay ra sự thật này thì chúng ta mới là người biết sống giữa trần gian này, mới thấy được hương vị thật của cuộc đời, mới nếm được cái gì gọi là hạnh phúc của trần gian này. Nếu chúng ta không hay ra được sự thật thì chúng ta luôn chia chẻ, luôn manh mún, luôn nhỏ nhiệm, phải nói là chúng ta luôn bị thiếu thốn, ty tiện, nhỏ nhen, ích kỷ rất nhiều.

"Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? A La Hán hay khởi nghĩ thế này: Ta được đạo A la Hán chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Thật không có pháp tên là A La Hán.

Bạch Thế Tôn, nếu A La Hán khởi nghĩ thế này: Ta được đạo A La Hán tức là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Bạch thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam muội là bậc nhất trong số người đó, là A La Hán ly dục đệ nhất."

Ngài Tu Bồ Đề khẳng định với chúng ta rằng: Một người thật sự ở nơi tâm không còn gì vướng mắc trong tam giới này, là người đó đã sống trong Như Như bất động, đi đứng nằm ngồi họ đang ở trong cái Như Như, không còn gì khác hơn, thì người đó xem như chứng quả A La Hán.

Từ A La Hán là từ ngữ đặt định cho người chứng quả tới đó. Như chúng ta đi học được cấp bằng tiểu học, trung học, đại học, tiến sĩ là dạng bằng cấp được đặt định. Sau khi chúng ta phá vỡ được một tầng bậc tâm thức để vọt lên ở tầng nào đó, thì tầng đó được gọi là chứng quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, là danh từ được đặt thôi, chứ không có cái gì gọi là A La Hán. Vì tất cả đều là như vậy, mà từ ngàn xưa tới giờ chúng ta không hay ra, bây giờ chúng ta hay ra thì tất cả đã là như vậy rồi. Cái Như đó có khi đặt tên là A La Hán, có khi đặt tên là Phật, là gì đó, thì chỉ là danh tự để đặt định mà thôi, chứ A La Hán không thật, một quả vị không thật. Nếu chúng ta thật thấy có quả vị A La Hán là đã rớt vào tứ tướng.

Một mảy may xảy ra nơi mình thấy có khác cái gì đó, thì chúng ta có đủ tứ tướng. Mình thấy mình là người thì nó khác với vật, đơn giản vậy thôi là có ngã có nhơn. Sự thật là cuộc đời này chúng ta khó thoát ra tứ tướng. Nếu chúng ta gặp một bậc tu hành thật sự thoát tứ tướng, thì chúng ta nên thành tâm đảnh lễ để tạo chút phước.

Khó ai thoát tứ tướng lắm! Ví như mình được một vị thầy giỏi nhất thế giới dạy cho Pháp tu thiền, tối nay chúng ta bắt đầu hành thiền, tức là có mình và có Pháp thiền để mình tu, là có ngã có nhơn. Khi tu mình mong được định là chúng sanh, được định thì vui, ngày mai mình cố tình ngồi để được

định lại nhưng không được như vậy thì buồn, là thọ giả. Muốn giữ cái định này thì mình phải làm sao là chúng sanh được sanh ra. Ngày hôm qua mình ngồi như vậy, hít thở như vậy được định như vậy, ngày mai mình cố gắng ngồi đúng như vậy để được định là chúng sanh sanh ra tràn ngập nơi tâm thức mình. Có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả là có đủ phàm tâm để chúng ta tiếp tục đi trong sanh tử mới.

Nên một người thấy mình là A La Hán là có quả vị để chứng, có người đang chứng, có tu và có chứng là có ngã có nhơn. Có quả vị cho mình an trú, có nơi để mình có thể dừng lại được trong công phu tu tập, có chỗ để chúng ta có thể bám trụ được, mặc dù đó là chỗ của Phật cũng là ngã, nhơn. Một người thấy mình có thể dùng lại chỗ nào được, bám được là có tứ tướng. Vừa có cái gợn lăn tăn nơi tâm thức thấy mình khác với hư không, là đã có ngã có nhơn. Mình được định thì định là nhơn, mình là ngã, có ý trụ định là chúng sanh, trụ định được thì vui, không trụ định được thì buồn, đó là thọ giả.

Tất cả các pháp mà chúng ta tu, có việc chúng ta làm là rớt vô tứ tướng. Đừng tu là hết tứ tướng, người theo đạo Phật mà nói đừng tu, đừng dụng công, thì không ai chịu nổi? Nếu biết được sự thật này thì chúng ta không dụng công được nữa, chứ không phải là không tu, vì mắt thấy không có chỗ dính, tai nghe không có chỗ để dính thì lấy cái gì và tu cái gì? Tu là bỏ cái gì? Tu là bỏ ra hay để vô? Bỏ ra là bỏ chỗ nào? Để vô là chứa ở đâu?

Lúc dụng công là chúng ta đang làm việc hết sức lầm lẫn. Chư tổ nói: "*chớ lầm dụng công,*" câu này một số vị giảng là dụng công cho đúng Chánh pháp, dụng công cho đúng Chân lý, đừng dụng công lầm sẽ đọa lạc. Nhưng sự thật người nào

đang dụng công tức là người đó đang lầm lẫn mới. Vì chúng ta có thái độ tu tập là bắt đầu rớt vào tứ tướng. Ai tu? Mình tu phải không? Mình là ngã. Tu cái gì đó là nhơn, Tu được cái gì là chúng sanh, được cái gì để vui hay để buồn là thọ giả, vậy làm sao để thoát khỏi tứ tướng?

Đức Phật dạy rất tỉ mỉ trong công phu chuyên môn để mình có con đường thoát khỏi sanh tử, người nào có tâm huyết tu hành thực sự rất thích học Kinh Kim Cang. Nếu không chúng ta cứ lẩn quẩn mãi không biết mình tu cái gì, những mấu chốt tu tập đôi khi chúng ta bị lầm lẫn. Từ việc nhỏ cho tới việc lớn trong trần gian này không có việc nào thoát ngoài tứ tướng, mình là người bình thường không tu thì thấy có mình và cái thân này. Mình nói cái thân của tôi, hoặc cái tâm của tôi, thì cái tôi nó không phải là thân, không phải là tâm này. Nói cái này là tay của tôi, là chân của tôi, cái đầu của tôi; thì tôi là cái khác, khi đã thấy thân tôi là có ngã có nhơn rồi, cái thân này trở thành đối tượng của cái tôi. Muốn cái tôi được sướng, được khổ, được vui, được bình an là chúng sanh. Khi thân mình được sung sướng thoải mái thì mừng, thân không sung sướng thì buồn bực là thọ giả. Nơi tự thân mình thôi cũng sanh tứ tướngđầy trong đó. Ăn cơm cũng có tứ tướng; đi, đứng, nằm, ngồi cũng có tứ tướng, không có hành động nào thoát khỏi tứ tướng. Người nào có cảm giác sợ hãi tứ tướngthì mới thoát ra ngoài tứ tướng. Chúng ta phải thấy mình thực sự vướng mắc trong tứ tướng, tất cả những tạo dựng mới đều là tứ tướng, làm cho mình đẹp, mình xấu, mình khổ, làm được lợi ích này kia đều ở trong tầng của tứ tướng, người thật tu là phải tìm con đường thoát ra ngoài tứ tướng, để thấy mình có vướng hay không vướng tứ tướng và không có lối thoát.

"Bạch Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam muội là bậc nhất trong số người đó, là A La Hán ly dục đệ nhất."

Đức Phật khen ngài Tu Bồ Đề được Vô tránh tam muội, tức là người không tranh luận đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật, vì ngài là người ngộ lý không đệ nhất. Đã là không thì có gì để lý luận, người ta nói có không, phải quấy, hay dở gì đối với Ngài đều là không.

Kinh điển Đại Thừa có khác với Kinh Nguyên Thủy về bốn quả vị Thánh ở mặt lý luận bên ngoài, nếu chúng ta nghiên cứu kỹ về công phu chuyên môn thì gần như Kinh điển Đại thừa và Kinh Nguyên Thủy không khác nhau, tùy theo công phu thấy biết của từng người mà nhìn sự vật khác nhau. Như nhìn bình bông tất cả chúng ta đều nhìn khác nhau, không ai nhìn thấy giống ai, mỗi cái đều có sai biệt. Tùy theo trình độ tu tập của chúng ta mà sanh kiến giải khác, còn thực sự điều Đức Phật nói không sai khác.

Nếu chúng ta tu tập theo tinh thần Kinh điển Đại Thừa thì sẽ có kiến giải về các quả vị có khác, còn theo Kinh Nguyên Thủy thì sẽ có kiến giải khác, nếu chúng ta thấu hiểu chân lý, thấu hiểu sự thật vạn pháp thì không có gì khác cả, tất cả Pháp giới đều là Nhứt chơn pháp giới, do cái đầu chúng ta mà có sai biệt. Do mình thấy có khác, có đồng, có đúng, có sai, có hay, có dở, có đến, có đi, có sanh, có tử chứ sự thật thì không có gì là sanh là tử cả, đoạn sau chúng ta sẽ nói nhiều. Điều cần nhất là chúng ta thấy đến sự thật, thấy đúng sự thật để chúng ta sống đúng và nói đúng. Đức Phật là người ở trong sự thật để nói Kinh, nên khi nghe những bản Kinh của Ngài chúng ta cố gắng nhận ra sự thật Đức Phật đang nói để rồi

cuộc đời chúng ta liền thành như vậy.

Một người học Thiền khác với pháp môn khác, khi chúng ta chưa thấu hiểu Thiền nói gì nói mình cũng là người ở bên ngoài, nhưng khi thấu hiểu rồi thì tự động chúng ta ở trong nhà, khi chúng ta biết đến sự thật này rồi thì chúng ta không thể sống khác hơn được. Bây giờ với một người thấu hiểu cái Như rồi, bảo họ nhìn khác thì họ nhìn khác không được, mình nhìn thì thấy cái này đẹp hơn cái kia tức là có cái khác, còn người đang ở chỗ Như rồi thì vạn pháp đều như vậy một cách bình đẳng, khác không được. Nó vốn như vậy nên không thêm không bớt được, họ không còn so sánh phân biệt chứ không phải cố tình không phân biệt.

Một người khi ngộ đạo rồi, họ không có cái tham tâm giống như người phàm, không phải họ ráng ép mình đừng khởi cái tham lên. Khi sân tâm xảy ra, họ không kìm nén giống như người bình thường, không quán từ bi, vì họ giữ lại không được chứ không phải ráng tu cho nó hết. Trước kia chúng ta sân hận phải lạy Phật sám hối từ bi, làm đủ trò, mà nhớ lại chúng ta vẫn hừng hực ở trong không hết được. Nhưng khi biết đạo lý rồi, lỡ có bất giác nổi điên, chửi hai ba câu xong là tắt mất liền, chúng ta muốn nổi điên lên lần thứ hai cũng không được.

Kiểu khai thị trong câu chuyện "Bà Già Đốt Am" là độc nhất vô nhị. Có một bà lão là phật tử rất thuần thành, quý thầy quý sư cô nhập thất là bà cất thiền thất. Một hôm có vị Tăng xin bà nhập thất, bà cúng dường phụng sự thời gian ba năm, sau đó bà cho cô cháu ngoại rất trẻ, xinh xắn vô ôm ông thầy đó và hỏi câu*: "Ngay giờ phút này ông thấy thế nào?"* Ông thầy trả lời: *"Ba năm rồi ta không còn hơi ấm, cô ôm tôi*

giống như cây khô trồng trên đá không có dính dáng gì." Cây khô trồng trên đá thì coi như cây chết, cô ôm tôi như cục đá trơ lạnh không có gì, mình nghe một người nói câu đó mình nể lắm rồi, nhưng bà già nghe thì xách đuốc vô đốt thất liền, cho nên mới gọi là Bà già đốt am, bà không chấp nhận kiến giải tu tập như vậy. Ông Thầy này đi một thời gian, học hỏi nhiều nơi, sau đó ông quay lại bảo bà già cất thất cho ông tu, bà già sẵn sàng cất thất trở lại. Bà già cúng dường ủng hộ vị này tu một thời gian, rồi cho cô cháu ngoại vô ôm ông thầy, hỏi: *"Ngay giờ phút này ông thấy thế nào?*" Vị Thiền Sư trả lời: *"Tôi biết, cô biết, trời đất biết, đừng cho bà già đó biết."* Cô này ra nói, bà già vô lạy ông thầy liền. Một kiểu khai thị và khẳng định lối sống Thiền tông một cách tuyệt vời, rất khó có vị Thiền Sư nào có lối khai thị độc chiêu như thế.

Bây giờ cô ôm tôi mà xoay lưng nó còn thì mới có thể nói với bà già đó được, tôi biết, cô biết, đừng cho bà già đó biết, nếu cô mang chuyện này từ đây để ra nói với bà già là không được, cô ôm tôi là như vậy mà ôm, buông ra không còn nữa, nếu cô còn đem ra nói là còn vướng mắc, còn có nơi tâm của cô, đó không phải là lối sống Thiền sư. Thiền Sư thì đứt đầu đứt đuôi liền, chạm thì rõ biết, buông ra thì rõ biết không còn chạm nữa, ngay tại đó đứt hẳn không hề có tâm trước sau. Trước cảnh là Như, ngay cảnh là Như, sau cảnh là Như, không có mang chuyện cũ lấp vô chuyện mới, đó là sức sống Thiền sư, vừa chạm cảnh thì như vậy mà chạm, xong là tắt mất, không còn lưu lại.

Câu trả lời của Thiền Sư, thứ nhất là khai thị cho cô này biết cách sống của thiền, chạm duyên thì như vậy, xong rồi thì như cái mới, và đời sống của mỗi người mỗi lúc đều

như mới như mới, mỗi mỗi đều mới, là cô sống đúng, cô xoay lưng là một lớp mới rồi, cô bước đi là một lớp mới rồi, và nghìn trùng lớp nữa đã mới, nhưng cô không chịu sống với cái mới này mà còn trở lại chuyện cũ là không đúng. Đó là lối khai thị thật tuyệt vời, thể hiện lối sống của Thiền Sư thật tuyệt hảo. Tất cả Thiền Sư và những người ngộ thiền phải sống đúng như vậy, nếu không sống như vậy thì không thể là Thiền Sư được. Với duyên cảnh xúc chạm như vậy rồi thôi, dùng từ thêm bớt có khi nghe người ta hiểu lầm, không thêm là cố gắng không thêm vào, không bớt là cố gắng không bỏ ra, không phải như vậy, ở đây hoàn toàn không nói chuyện không thêm không bớt mà là như vậy thôi, không thay đổi được, thêm cũng không được, bớt cũng không được, đó là lối sống của Thiền.

Đức Phật muốn nói tới quả vị này, là Đức Phật cũng muốn thể hiện kiểu sống đó, trong bốn quả vị tu chứng này làm sao chúng ta có thể nhận và sống được như vậy thì chúng ta sống và hiểu đúng tinh thần Kinh Kim Cang, thấy mà còn lưu giữ, còn có thể nhớ lại, có thể giận được, buồn được, thương được, ghét được là chúng ta đã sống rời chỗ Như của chính mình, chúng ta không chịu an trú chỗ Như Như đó. Người luôn an trú chỗ Như Như gần như họ không còn công phu tu tập nữa. Đức Phật muốn nói tới các quả vị này, là Ngài muốn thể hiện kiểu sống của Thiền Sư trong câu chuyện đó.

Câu *"Kiến tánh khởi tu*" trong nhà Thiền là từ sai lầm, đối với tôi không có chuyện kiến tánh rồi khởi tu. Đốn ngộ thì phải đốn tu và đốn chứng ngay tại chỗ, không phải đốn ngộ mà tiệm tu. Câu nói đó đã phá vỡ nhà Thiền. Thiền là đốn ngộ, đốn tu và đốn chứng. Ngay khi thấy một cách toàn triệt, là họ

phải sống đúng với Chánh pháp một cách toàn triệt, còn thấy mà có chông chênh, có sai lệch, là chưa thấy một cách toàn triệt, mắt mở chưa hẳn ra nên đi còn vấp té, khi một người mở mắt rồi chạy còn không té chứ đừng nói là đi, cho nên không thể lầm duyên cảnh được, không phải bây giờ thì Như, chút nữa không Như.

Ngộ thiền như Tuệ Trung Thượng Sĩ là*: "Khi mê thì tạo nào thưa nào nhặt. Khi ngộ thì bặt từng ly từng mảy.*" Tự động nó bặt dứt chứ không cần phải tu cái gì, nói ngộ mà tiệm tu là không thể chấp nhận trong nhà Thiền. Nếu học Thiền tông thực sự thì nó sẽ có cái màu khác hẳn đối với các Thiền khác trong Phật giáo. Nó có sức mạnh thực sự nơi nội tại của người khi nhận ra điều này, một lần một người tiếp nhận được cảnh giới của Tự Tánh, là tất cả nghiệp tập tuôn đổ như lá mùa đông, những cái mà ngày xưa chúng ta dằn vặt khó chịu nhất, những tình cảm thương yêu giận ghét tràn ngập nơi lòng của mình, mình nghĩ đời này mình chiến đấu với một ý niệm nhớ nhung một ai đó sợ còn không nổi, nhưng khi một phen ngộ tánh rồi muốn nhớ lại cũng không nhớ được.

Các vị Thiền Sư rất thông minh muốn người ta biết được chuyện này và cả đời còn lại sống nhàn nhã mà hợp đạo, nếu sự thật này chúng ta không biết thì sẽ cực hoài, nhưng nếu biết được sự thật rồi thì đi, đứng, nằm, ngồi tự động không vướng mắc. Nếu chúng ta có duyên học Kinh điển Đại thừa, mặc dù chúng ta chưa có hoàn toàn chấp nhận lý luận này hết, thì chúng ta cũng biết rằng đạo Phật có những đại lộ rất thông thoáng cho hành giả đi vào, nếu ai mạnh chân đi trên đường thênh thang đó thì công phu sẽ nhẹ đi, đời sống sẽ nhàn hạ hơn, còn nếu chúng ta chọn lựa con đường khác thì hơi vất vả.

Với kinh nghiệm nhiều năm ở chùa và thời gian tu tập, chúng tôi thấy các công phu khác cực lắm, cố gắng làm sao chúng ta học đạo đừng mất thời gian nữa. Cuộc đời con người đâu có dài, mà các vị cứ hướng dẫn người ta đi loanh quanh lẩn quẩn mất thời gian quá nhiều, điều này Phật tổ không muốn. Phật tổ muốn nói tới sự thật để chúng ta thoát ra liền, chưa bao giờ quý Ngài giấu mình điều gì. Các vị sau không thấu hiểu bày ra nhiều chuyện quá, khiến đạo Phật bây giờ quá nhiều Pháp môn tu, quá nhiều lối dụng công và hao công tổn lực cho hành giả, bị lao nhọc nhiều hơn là nhàn hạ, làm uổng năng lượng sống vốn có của mình. Cho nên, chúng ta nên tìm những giáo lý thực sự chuyên môn để tháo gỡ bung vỡ tất cả lồng sáo vướng mắc của mình, để mình được sống tự do tự tại giữa đời này càng nhanh càng tốt.

Có những lối lý luận không thực tế lắm như bây giờ muốn đi xe máy thì phải tập xe đạp, chừng nào thông xe đạp rồi mới đi Honda, chạy chừng nào thông Honda mới lên xe hơi, xe hơi thông rồi mới được lên máy bay. Nhưng nếu trong tay tôi có năm triệu tôi mua vé máy bay một tiếng đồng hồ ra tới Hà Nội liền, đâu cần phải tập xe nào, đâu cần thông qua các xe kia, có những cái vượt ngoài khung sáo mà vẫn làm cho người tu theo đạo Phật thoát hẳn lầm mê sanh tử, không phải đi theo thứ lớp. Nên nếu có duyên tiếp nhận giáo lý thực của Đại thừa, thì chúng ta phải đủ trí tuệ, đủ gan để tiếp nhận sự thật, phá vỡ hết khung sáo vốn có từ trước với mình.

Người tu Thiền thấy họ bình thường vậy, nhưng họ là người đầy nhiệt huyết đối với đạo lý giác ngộ giải thoát, họ không có rảnh rớt xuống trần gian để chơi giống như người khác, tức là khi họ thấy được sự thật rồi, họ không rớt xuống

để phân biệt phải quấy hơn thua nữa. Cho nên đi, đứng, nằm, ngồi họ ở chỗ Như Như, bất quá họ chỉ phương tiện để hòa nhập thôi. Trong cái hòa nhập đó, họ cũng không rớt xuống tầng phân biệt phải quấy. Nhưng vì sống với người ta ăn cơm nên họ cũng ăn cơm, họ cũng buồn thương giận ghét cho giống người trần gian này một chút, sự thật là không thể dính trong trần gian này được nữa. Người tu thiền phải đạt tới cảnh giới này và sanh tử thật sự tự tại, ngay nơi sanh tử này mình thật sự tự tại được thì sanh tử sắp tới mình sẽ tự tại.

ĐOẠN 10 : TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật hỏi Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Như Lai thuở xưa ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, có sở đắc chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có sở đắc.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

Thế nên Tu Bồ đề, các Bồ Tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm; nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia.

Tu Bồ Đề, ví như có người thân to như núi Chúa Tu Di, ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Phật nói chẳng phải thân, ấy gọi là thân lớn.

Đoạn này Đức Phật nói về sở chứng sở đắc và việc thuyết pháp. Lúc Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni chưa thành Phật, Ngài là vị Bồ Tát học đạo với Đức Phật Nhiên Đăng thì Đức Phật có sở đắc hay không? Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có sở đắc.

Nếu chúng ta tu tập theo đạo Phật mà thấy còn có chỗ có thể chứng được. Trong phẩm trước nói "A La Hán thấy không có chỗ là A La Hán", ngoài quả vị A La Hán ra đối với

pháp Vô Thượng Chánh giác hay đối với Đại thừa thì như vậy có sở chứng sở đắc hay không? Ví dụ có người tu thiền định đạt cảnh giới định nào đó và trụ ở đó thì chỗ trụ đó là có sở đắc, nếu chúng ta thấy có Pháp nào có thể được, có thể chứng, có thể đắc thì nó không phù hợp với tinh thần Kinh Kim Cang. Vì ngay khi chúng ta có chút xíu dụng công là sẽ có người dụng công và có Pháp dụng công là có ngã, có nhơn là có tứ tướng. Như vậy một Pháp để chúng ta có thể dụng công cũng không thể được, huống chi là có Pháp để chúng ta chứng đắc. Hơn nữa, ở Tự Tánh chân thật của chúng ta, nếu còn có một ý niệm nhỏ nào có thể vướng lại, dính lại được, trụ lại được hay bám lại được thì chỗ đó không phải là Như Lai tàng tâm.

Chỗ này, ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng đã thấy ra. Khi ngài Thần Tú nói bài kệ:

"Thân như cây Bồ đề,
Tâm như đài gương sáng.
Luôn luôn phải lau chùi,
Chớ để dính bụi nhơ".

Lúc đó cư sĩ họ Lư (chưa là Lục Tổ) làm bài kệ đối lại bài kệ trên:

"Bồ Đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi nhơ?"

Đức Phật nói tiếp ở đoạn sau *"chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ".* Lúc đó cư sĩ họ Lư còn là người gánh củi đi bán nhận ra chỗ không có chỗ trụ. Tinh thần Kinh Kim Cang từ trước tới giờ man mác đã xuất hiện điều này. Ở

đây Đức Phật muốn rà lại cái thấy của ngài Tu Bồ Đề, sau phẩm trước nói tới chỗ bốn quả tu chứng, tới bây giờ nói cao hơn bốn quả tu chứng đó. Chỗ này muốn nói tới tâm pháp tuyệt đối của mình, chỗ đó không có tu chứng hay có sở đắc.

Nếu chúng ta tu tập mà ngày nào đó mình ngồi nghiệm lại thấy không có chỗ vướng lại được, không có chỗ trụ khi đó chúng ta sẽ thông cảm được chỗ này. Nếu ngày nào đó chúng ta thấy còn có chỗ để bám chấp sự việc ở cõi này như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tài, sắc, danh, thực, thùy. Hoặc chúng ta có thể dính mắc được ở công phu thiền định nào đó, mỗi lần ngồi chúng ta cảm nghe mình yên, cảm nghe mình an, hoặc ngồi cảm thấy mình được định sâu, thấy có một Pháp tu thì trước sau gì chúng ta cũng có sở chứng sở đắc. Đối với Kinh Kim Cang còn có cảnh giới để chúng ta an trú, còn chỗ để chúng ta bám được, chứng được và đắc được thì đó chưa phải là chỗ thật, chưa đúng.

"Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật chăng?"

Ngoài việc có sở chứng sở đắc với tất cả các pháp, thì đối với cõi Phật chúng ta có trang nghiêm hay không? Nếu có chỗ để chúng ta có thể chứng được trong cuộc đời này và đối với pháp môn chúng ta tu tập nghiệm lại chúng ta có gì chưa? Ngày nào tu chúng ta không có cảm nhận được hạnh phúc, an lạc thì xem như tu không có kết quả. Mỗi ngày có cảm giác hạnh phúc, có cảnh giới, có chỗ để chúng ta có thể đến, có thể chứng, có thể đắc, có thể sở hữu được là còn có chỗ chúng ta mong cầu là còn sợ hãi, còn buồn lo là còn đầy đủ tứ tướng. Khi nào chúng ta mất đi sự mong cầu thực sự, không còn chỗ

vướng nào nơi tâm, không còn chỗ bám trụ dù là pháp nào, thì đoạn sau Đức Phật sẽ giải thích thêm cho chúng ta hiểu. Với người tu Phật ngày nào chúng ta còn sở chứng, sở đắc, sở kiến, sở hành thì ngày đó chúng ta chưa thực hành trọn vẹn tinh thần Kinh Kim Cang. Lúc nào mình cảm thấy mình tu được cái này cái kia, thì biết chúng ta chưa thực hiện đúng tinh thần Kinh Kim Cang.

"Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì cớ sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm."

Có rất nhiều lý luận cho rằng chúng ta có thể trang nghiêm cõi Phật. Cõi Phật là cõi tâm của mình, cho nên trang nghiêm tâm tức là trang nghiêm cõi Phật.

Nói tới cõi Phật chúng ta ngầm có một chút kiến thức về cõi Đức Phật đang ở là cõi thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu, là cõi bằng phẳng, không có gò nỗng, không có suối, sông, ao, hồ v.v… Nếu một người trang nghiêm cõi Phật là người làm như thế nào? Và thật sự cõi Phật có thể trang nghiêm được hay không? Ngài Tu Bồ Đề khẳng khái trả lời với Đức Phật rằng: *"Bạch Thế Tôn, không vậy! Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.*" Chúng ta đang tu tập theo Phật thì có thể trang nghiêm cõi Phật được không? Và cõi đó theo như Kinh Pháp Hoa: Là đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên là khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến, là cái thấy và cái biết Phật của chính chúng ta. Cái thấy biết Phật của chúng ta là cái gì? Thấy biết làm sao đúng với cái thấy biết Phật thì coi như chúng ta đã ngộ nhập Phật Tri Kiến. Trong suốt bản Kinh Pháp Hoa, Đức Phật chỉ thuần chỉ chúng ta nhận ra và sống

được với phật tri kiến, ở trong đó và không rời khỏi cái thấy biết Phật trong từng phút giây của chính mình, trang nghiêm cõi Phật là làm sao cho toàn cõi giới của chúng ta là toàn cõi Phật.

Ví dụ chúng ta đang sống ở đây, thì ở đây phải là cõi Phật mà chúng ta đang ngự trị. Cõi Phật đó trong Kinh Pháp Hoa thì tất cả chúng sanh là Phật đã thành, đã có cái thấy biết Phật lâu lắm rồi mà chúng sanh không nhận ra, chúng ta thử nghiệm lại: Tất cả chúng ta khi chưa ra đời là lúc chúng ta còn ở trong bào thai mẹ, chúng ta không cần thở mà bà mẹ thở giùm mình, không cần nghĩ tới ăn mà lúc nào chúng ta cũng được no, ở trong thai mẹ chúng ta được đùm bọc chở che, an toàn tuyệt đối, không có gì để lo lắng. Một cõi quốc rất bình yên, cõi đó chúng ta không thể tái diễn lại được lần thứ hai trong đời của mình, từ chỗ bình yên đó chúng ta phải rời khỏi thân mẹ mình để chúng ta tiếp tục bất an. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật nói*: "Một người Thanh văn là phải rời khỏi cha mẹ mình, sống không gia đình, chứng được những quả vị cần chứng (được quả A La Hán) thì người đó mới là Thanh Văn."*

Một người muốn trưởng thành thì phải rời cha rời mẹ của mình, đầu tiên là chúng ta rời bụng mẹ của mình trước và dần lớn lên trong cuộc đời, mặc dù lúc rời bụng mẹ chúng ta vẫn được sự đùm bọc chở che nuôi nấng dạy dỗ của mẹ và cha, nhưng càng lớn lên trong cuộc đời chừng nào thì chúng ta cũng rời xa người mẹ của mình chừng đó. Tình cảm và sự thân cận với mẹ dần dần xa đi. Nếu là người nam đến tuổi trưởng thành, ngày mà người đó quay lưng hẳn với mẹ của mình, là ngày người đó chính thức có một người thương, lúc

đó, mẹ không còn là chỗ thân cận duy nhất trong đời mình nữa. Do đó mà thẳm sâu trong tâm hồn tất cả các bà mẹ thật sự đối nghịch với con dâu của mình, chúng ta nhìn lại kỹ, không biết tại sao những bà mẹ chồng không ưa con dâu của mình, mặc dù bên ngoài giả bộ nói cưng chiều, đó là nỗi đau thầm kín của tất cả các bà mẹ, cũng là điều thầm kín của nhân loại, cho nên muôn đời khó có thể tìm được một bà mẹ chồng thực sự thương con dâu, chỉ bề ngoài, vì thương con trai nên giữ hòa khí với con mà dâu thôi.

Con người bắt đầu lớn lên là bắt đầu xa dần xa dần… người mẹ, càng trưởng thành chừng nào thì người đó càng xa dần chỗ an bình, và chúng ta rớt vào trường hợp thật sự bất an, thật sự một mình mình giữa đời này. Một người tu tập thật sự, thì người đó cũng phải có đoạn đời chính mình không còn nương tựa được, không còn an ninh, không còn an toàn, khi chúng ta còn ở trong nhà còn được cha mẹ bảo bọc chở che đủ điều, có cha trong nhà có cảm giác bình yên vì mọi chuyện cha gánh vác, có mẹ trong nhà có cảm giác bình yên vì mọi chuyện được mẹ lo lắng, nhưng khi chúng ta rời cha mẹ thật sự là lúc chúng ta đối diện thẳng với cuộc đời. Ngày xưa cơm áo gạo tiền không cần phải nghĩ tới, bây giờ không còn cha không còn mẹ, thật sự đơn độc giữa cuộc đời, lúc chúng ta không còn chỗ bám víu nữa mới thật sự thấy trách nhiệm của chính mình.

Người tu cũng giống như dòng đời trôi qua, nếu chúng ta chưa trải qua đoạn này thì chúng ta không thể trưởng thành được, ngày nào còn có chỗ để chúng ta có thể nương, dù đó là Đức Phật, thì ngày đó chúng ta cũng không thể lớn lên và trưởng thành, đây là điều mà người tu Phật phải biết. Có một

lúc nào đó công phu đến đoạn rõ ràng mình sống chết không ai đỡ đần, cái thân này chúng ta không còn bám víu được, cái tâm này chúng ta không còn bám víu được, thì lúc đó chúng ta mới là người trưởng thành, nếu chúng ta thấy mình có nhiều chỗ bám lắm, thì đó là lý do mà một số tôn giáo bày ra cái chuyện cầu khẩn van xin nương tựa chỗ này chỗ nọ. Thật ra trách nhiệm chính ít khi con người nhận là chính mình, nên con người ta khó tiến hóa và không thể thành tựu đạo nghiệp trong đời này, vì nói tới nói lui mình cũng mượn chỗ này để chở che mình, mượn chỗ kia để làm chỗ nương tựa, chúng ta chưa bao giờ chơi vơi giữa cuộc đời này một lần.

Khi chúng ta cảm giác giữa trời không này mình mất đất đứng thật sự, mất chỗ bám thật sự, mất chỗ nương tựa thật sự, dám bước ra giữa hư không này một lần, để mình có thể sống chết với chính mình, thì người đó mới đủ bản lĩnh trưởng thành trong cuộc đời này, cũng như trưởng thành trong đạo lý, còn ai cứ mãi tìm cầu tức là vuột cái này bám cái nọ, thì tâm bám chấp càng ngày càng nặng hơn. Người học Thiền sâu chừng nào thì người đó phải thấy trách nhiệm là chính mình nhiều chừng đó, và càng lúc những lối lý luận của thiền học làm cho chúng ta mất từ từ chỗ nương tựa, đến lúc nào đó ngay cả Đức Phật cũng hết chỗ để chúng ta nương luôn, thì biết rằng mình chuẩn bị tan biến.

Ngồi lại nghiệm mà thấy mình còn một vị thầy uy tín để mình nương, còn pháp nào đặc biệt để mình nương, còn chỗ nào đặc biệt để mình dụng công, còn cõi nào đặc biệt để sẵn sàng đón rước mình v.v… thì chỗ đó sẽ làm con người không thể trưởng thành được, và những pháp đưa ra làm con người thêm chỗ bám chấp, tức là làm chùn bước tiến hóa của

người tu tập. Điều này nói ra hơi mích lòng, nhưng đến chỗ này chúng ta phải nói thật với nhau rằng, nếu càng có pháp hay để người ta có thể bám chấp không bung ra được, thì đó là chỗ trói cột mới, nên một vị Thầy khéo thực sự, một vị Thiện tri thức thực thụ đúng nghĩa, là phải có cách tháo hết những bám chấp của người đó để họ không còn chỗ vướng lại trong cuộc đời này nữa.

Người học khéo cũng vậy, phải tìm cách nào đó để rơi rụng tất cả những cái gì mà mình vốn có từ trước tới giờ, không phải học để lấy ông thầy làm chỗ nương, hay học để lấy Đức Phật làm điểm tựa, thậm chí không phải học để lấy Pháp nào nương cả, thì chúng ta mới có cơ may một lần bước ra ngoài hư không để chúng ta đi. Khi xung quanh chúng ta thực sự không còn chỗ bám chấp nữa, lúc đó chúng ta phải tự chịu trách nhiệm chính với những hành động, những cử chỉ, những bước chân của mình. Chúng ta đang tìm cầu một chỗ gì đó đầy hứa hẹn về phía trước, với những lý do này lý do kia, những cái gợi nhắc nọ rất kiêu kỳ, được giới thiệu những cảnh giới, những môi trường rất hay để rồi trao cho chúng ta một số phương tiện giống như bắc thang lên giữa hư không vậy.

Người học Phật chân chánh khi học là phải rớt đi những bám chấp của mình, học để lấy trách nhiệm trở về chính mình, trách nhiệm là chính mình chứ không phải người khác, không được đổ lỗi đổ thừa nữa, đừng bao giờ chúng ta còn một ý hướng để nương tựa. Nếu còn chỗ để nương thì chúng ta mãi mãi là đứa trẻ, mãi mãi tìm chỗ che chở, mãi mãi tìm chỗ yên ổn, chúng ta không chịu bước ra giữa nắng gió của cuộc đời, nên không lớn lên được, trong Phật pháp chúng

ta cần những con người này, nhất là đối với bản Kinh Kim Cang.

Ngày nào chúng ta tu tập là rơi rụng những bám chấp, là ngày đó chúng ta trang nghiêm Tịnh độ, trang nghiêm cõi Phật của chính mình. Càng trang nghiêm cõi Phật của chúng ta nhiều chừng nào, là càng rơi rụng phiền não nghiệp tập nhiều chừng đó. Vì càng rớt những bám chấp tâm chúng ta sẽ được yên tịnh, còn bám chấp thì tâm luôn dao động, đó là điều thật trong công phu, ngày này chúng ta cảm thấy rớt được một chuyện, ngày kia chúng ta rớt được một chuyện, bám chỗ này không được, bám chỗ kia không được, thì ngày đó chúng ta bắt đầu trang nghiêm cõi Phật của chính mình. Nói trang nghiêm chứ thật sự không có gì trang nghiêm, không có chỗ để chúng ta dính lại, thì không có chỗ để chúng ta trang nghiêm.

Nếu chúng ta thấy rằng mình đang trang nghiêm, tức là chúng ta còn nguyên tứ tướng, thấy có chỗ để mình làm là còn ngã còn nhơn. Người tu Phật đúng đắn là chúng ta phải tự kiểm soát trong tất cả những hành động của chính mình, làm sao tứ tướngphải tự lộ ra và rơi rụng, là lúc đó chúng ta đang trang nghiêm cõi Phật, nếu rớt vô tứ tướngmà mình không hay, không phải chúng ta trang nghiêm mà đang làm bẩn cõi Phật của mình, vì cõi Phật vốn thanh tịnh rồi.

Đạo thiền có câu: "Biển không chứa tử thi", đặc biệt cõi Phật cũng không dung chứa được phiền não. Hồi chúng ta chưa nhận ra, nghĩ mình làm cái này làm cái kia sẽ bị ô nhiễm, bị nhơ bẩn, bị vướng mắc, luôn luôn là như vậy, cho nên chúng ta phòng vệ lục căn không cho vướng mắc lục trần, chính chỗ sai lầm đó mà chúng ta không hiểu thấu ý Đức Phật

từ buổi đầu.

Thiền Sư Hoài Hải nói câu rất hay: *"Đại đạo thiên nhiên tối kỵ trang hoàng,*" tức là mình muốn làm đẹp cho Tự Tánh, muốn làm thêm cho Tự Tánh là điều sai lầm từ lâu lắm rồi. Muốn tu là chúng ta muốn sửa tâm mình, sửa điều nọ, sửa điều kia…Và càng tu giỏi chừng nào thì càng có nhiều chuyện để chúng ta sửa chừng đó, tu không phải là sửa. Tu sửa, chuyện đó thường lắm! Như chiếc xe hư, mình đem ra sửa, hư ít sửa ít, hư nhiều sửa nhiều, hư nhiều thì đại tu, hư ít thì tiểu tu, sau đại tu chúng ta lại vẫn xài chiếc xe cũ, một vòng lẩn quẩn, cho nên tu không phải là sửa, càng sửa nhiều thì càng lẩn quẩn nhiều, nói như vậy sẽ có một số quý vị phản đối.

Chúng tôi thì định nghĩa chữ tu có khác, tu là một sự thăng hoa thực sự ở nơi thân xác và tâm hồn chúng ta, không phải tu là sửa, hồi xưa tâm chúng ta đầy sự xấu dở, giờ thì tâm chúng ta đầy hoa thơm cỏ lạ, trước đây tâm chúng ta thấp thỏi phàm phu, bây giờ tâm chúng ta thánh thiện thương yêu từ bi. Ngày trước chúng ta bệnh hoạn, bây giờ chúng ta là người khang kiện khỏe khoắn, cả thân lẫn tâm chúng ta được nâng cao, và nếu vòng sanh tử chúng ta chưa thoát ra, thì đời sau chúng ta phải thăng hoa hơn đời này. Chúng ta thăng từ cõi phàm cho tới cõi Thánh để chúng ta ở, không phải sửa lại cõi người để chúng ta ở, họ sửa nhiều để cõi đời của họ được đẹp, để lẩn quẩn trở lại cõi này, tức là sửa cái cũ để xài.

Trong đời sống hiện thực của chính mình, được gọi là chúng ta tu thì những điều xảy ra thuận nghịch nơi tâm nếu chúng ta thấy còn có thể bám chấp được nó, chính phút giây đó chúng ta không trang nghiêm cõi Phật. Người nào thấy tất cả nghiệp tập, phiền não nơi tâm chúng ta bám không được,

giữ không được, chấp không được vì tất cả các Pháp vốn vô trụ nên chúng ta không trụ được nơi pháp, ngày nào chúng ta không trụ được nơi pháp, là ngày đó chúng ta đang trang nghiêm cõi Phật, vì không có chỗ cho chúng ta đứng, không có chỗ cho chúng ta bám, không có chỗ cho chúng ta chấp.

"Thế nên Tu Bồ đề, các Bồ Tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia."

Chỗ này Lục Tổ Huệ Năng ngộ, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và tâm thấy được pháp trần, nơi sáu pháp này không được sanh tâm. Khi đọc tới đoạn này, theo cái nhìn của người bình thường tu tập và y Kinh diễn nghĩa, thì chúng ta bắt đầu hướng dẫn nhau tu hành, là mở mắt ra thấy tất cả các sắc không được khởi niệm phân biệt; tai nghe tiếng không được phân biệt nhận định hay dở, buồn thương, giận ghét trên âm thanh đó; mũi ngửi mùi không được khởi ý niệm dính mắc trên đó; lưỡi nếm vị không được khởi tâm phân biệt đúng sai, hay dở gì hết; thân xúc chạm và ý khởi trong đầu chúng ta cũng vậy, hiểu như vậy là hiểu Kinh Kim Cang ở cấp độ bình thường, cho nên chúng ta không thể ngộ.

Ngày xưa cư sĩ họ Lư nghe tới chỗ này Ngài ngộ liền, vì Ngài thấy khác chúng ta, ngài rất nghèo lo đốn củi, không rảnh để giữ con mắt, chăng cái mũi, chăng lỗ tai, không làm chuyện như chúng ta làm, nhưng Ngài hay ra sự thật: Mắt không trụ được nơi sắc, tai không trụ được nơi âm thanh, mũi không trụ được mùi, lưỡi không trụ được vị, thân không trụ nơi xúc chạm, ý không trụ nơi pháp trần, lục căn không trụ

được lục trần cho nên tâm thanh tịnh. Ngài giựt mình hay ra sự thật từ xưa tới giờ Ngài từng lầm, nghĩ rằng mắt có thể dính nơi sắc, tai có thể dính được nơi âm thanh, mũi có thể dính được mùi, lưỡi có thể dính được vị, Ngài thấy những cái này nó không dính được với nhau, nên Ngài ngộ.

Chúng ta không hiểu theo kiểu này và cũng chưa từng chấp nhận điều gì ở cõi này, chúng ta thấy mình dính được với âm thanh, đó là điều rất thật trong cuộc đời này. Với người còn ở bên đây bờ tâm thức nói âm thanh không dính với lỗ tai, chúng ta không tin, thực sự rất khó tin với người bình thường, nhưng hỏi lại: Âm thanh có thể dính với mình được không? Người học Phật phải hết sức thật, phải nghiêm túc với tất cả hành động cử chỉ trong đời sống này. Chân lý luôn hiện hữu trong cuộc đời, không rời cuộc đời mà có chân lý, cho nên người ngộ đạo phải ngộ ngay nơi cuộc sống đời thường của chính mình.

Tất cả những âm thanh, những hình sắc, những mùi vị luôn lộ bày trong đời sống thực của mình, nếu mình không nhận ra thì mình quần quật suốt cả đời rất khổ sở. Có người tu cả đời hồi nhỏ không biết gì đã vô chùa ở, rồi tới già bạc tóc nhưng sự thật này không hay ra thì khổ một đời, và đời đời khác vẫn tiếp tục mù mịt như vậy, nếu chúng ta không chấp nhận đời sống mù mịt, thì chúng ta phải chín chắn lại một chút để nhìn rõ sự thật. Chúng ta không chấp nhận qua hiểu biết, mỗi lần chúng ta đọc quyển sách, nghe một bài giảng, một buổi pháp thoại, nhất là học Kinh Kim Cang không phải vì chúng ta muốn có thêm kiến thức, không phải học để hiểu, học để hết cái hiểu của mình là tốt, học để hiểu thêm là sai.

Theo cái hiểu thông thường vừa nghe âm thanh là chúng ta dính, vừa thấy hình sắc là chúng ta dính, vừa thấy mình biết là vàng, là trắng, là xanh, là đỏ là chúng ta dính rồi. Nghe âm thanh tiếng hay, tiếng dở, tiếng lớn, tiếng nhỏ là chúng ta dính rồi, nhưng nói âm thanh không dính lỗ tai mình, mắt không dính hình sắc, lý do tại sao? Chúng ta chín chắn nhìn lại cuộc sống tự do tự tại của chính mình từ xưa tới giờ, không phải chúng ta tu thêm, chúng ta không hề vướng lại, lục căn và lục trần chưa từng dính lại với nhau.

Ngài Quốc Sư Huệ Trung được một thiền khách hỏi: "*Thế nào là giải thoát?"* Ngài nói: "*Căn trần không đến nhau là giải thoát."* Vậy căn trần có đến nhau không? Không đến là quý vị không bao giờ nghe được âm thanh, đến mà không phải đến mới thật là đến. Nó đến với mình nhưng không phải nó đến thì đó mới thật là đến, nó đến mà tại sao nó không dính lại được?

Nếu chúng ta là người có chút quan tâm về đời sống tâm linh thực sự, có cái thao thức rõ ràng về chỗ chân thật này, cái chân thật không phải của riêng Đức Phật, hay của riêng phật tử mà của tất cả mọi người, nếu ngày nào đó chúng ta chưa nhận ra được cái chân thật này thì ngày đó chúng ta luôn sống trong ảo, cả đời mình sống trong ảo.

Có những nhà nghiên cứu khoa học tự cho họ là thực tế, nhưng chúng tôi nói họ chưa có thực được một chút nào cả, vì ngay hiện thực này mà không thấy ra thì người đó không bao giờ thực được, trong phút giây hiện tiền đang xảy ra mà chúng ta không tiếp nhận được đúng nghĩa của nó, thì chúng ta không phải là người thực tế, chúng ta là người ảo giác, ảo tưởng, ảo mộng, cả đời chúng ta sống trong ảo giác đó. Mặc

dù được chứng minh bằng máy móc cái này kết hợp với cái kia thành cái gì, thì nó cũng chỉ là cái ảo nhận của ý thức mà thôi, ý thức chúng ta luôn dựng lên cái sóng ảo đó, để chúng ta có thể chấp nhận theo khung sáo nào đó mà chưa bao giờ thấy hết sự thật của vấn đề. Sự thật vấn đề xảy ra rất nhanh, từng khoảnh khắc một luôn hiện hữu sự thật này, nếu chúng ta là người sống thật, sống đúng thì khoảnh khắc hiện hữu chúng ta tiếp nhận một cách rõ ràng không dính lại được, không lầm lẫn được, người đó mới là người thật.

Bây giờ, từng tiếng, từng tiếng… chúng ta nghe rất rõ ràng đâu có lầm, nghe tiếng thứ nhất, có một khoảng ngắt, rồi tiếng thứ hai, có một khoảng không, rồi tiếng thứ ba, có khoảng không… liên tục, liên tục như vậy, nếu như chúng ta tạm bị dính với tiếng thứ nhất, thì tiếng thứ hai chúng ta không nghe được, và cũng không nghe kế tiếp là khoảng không được, nếu khoảng không mà chúng ta bị dính lại thì chúng ta không nghe tiếng thứ hai, từng tiếng một chúng ta nhận biết được rõ ràng không lầm.

Muốn giữ lại một tiếng chúng ta cũng giữ không được, đó là sự thật! Một điều mà chúng ta đã từng học Phật bị lầm lẫn, cho rằng căn có thể dính được với trần, chúng ta đã từng tu tập để muốn rằng mình sẽ tháo gỡ ra, cho nên đọc Kinh Kim Cang tới đoạn này chúng ta không chấp nhận nổi, người nào nhận ra sự thật này là người đó giải thoát.

Lục Tổ Huệ Năng khi bán củi, trong lúc chờ người chủ trả tiền, nghe người ta tụng Kinh Kim Cang tới đây Ngài ngộ, nhận ra được sự thật liền và có đời sống giác ngộ hoàn toàn, không còn lầm các pháp, Ngài thấy sự thật căn trần không dính lại được. Đối với nhà Thiền nhận tới chỗ này dùng từ là

"*không dụng công.*" Lấy cái gì để dụng cái gì? Lấy cái gì để tu cái gì? Lấy tâm nào tu với tâm nào? Tu là bỏ vô hay bỏ ra? Bỏ vô là lấy chỗ nào để chứa, bỏ ra là lấy chỗ nào để quăng ra? Không có chỗ dụng công thực sự, một người biết được chỗ này thì họ tự truy vấn mình là bây giờ phải tu làm sao đây?

Trong đi, đứng, nằm, ngồi mỗi mỗi tự rơi rụng, chúng ta luôn luôn nhìn là mới, có khi nào quý vị nhìn thấy cái cũ không? Trừ trường hợp chúng ta bị ám ảnh, bị choáng váng thì cái ảo ảnh đó tiếp tục đi theo mình một vài phút, nhưng rồi nó cũng hiện cảnh mới với mình. Tức là mỗi lần chúng ta thấy là mỗi lần mới, mỗi lần nghe là nghe cái mới chứ không phải chúng ta nghe cái cũ, không bao giờ chúng ta thấy lại cái cũ, mình tưởng là mình thấy cái cũ chứ nó không có cũ, không có phút giây nào cũ trong đời này.

Cho nên Đức Phật dạy chúng ta không nên nhận rằng mình dính nơi sắc, nói cho đúng như vậy, không phải không nên sanh tâm nơi sắc. Đức Phật dạy chúng ta không nên lầm lẫn nơi căn và trần nữa, mắt thấy sắc chúng ta không được quyền lầm lẫn, không nên thấy lầm, nếu lục căn đối với lục trần chúng ta không còn chỗ bám chấp được, thì chúng ta là người đã giải thoát. Giải thoát là sự thật của mọi người, không phải là sự gắng gượng, quý vị đã giải thoát từ xưa tới giờ rồi, không phải học đạo chúng ta mới giải thoát, đừng nghĩ tu lâu được giải thoát, người nhận ra sự thật này họ mới có đời sống thực sự giải thoát.

Người học Phật đúng theo tinh thần Kinh Kim Cang, là chúng ta nhận ra sự thật ngay tại đây căn trần không dính được nhau, muốn dính dính cũng không được, phải khẳng định với nhau điều đó. Ngày nào chúng ta chưa nhận ra được

điều này, thì ngày đó cuộc đời đối với chúng ta vẫn còn cái gì đó rất nặng nề, khó chịu, rất phiền muộn, và khổ đau vẫn còn hoài. Ở đây chúng ta không phải nói gượng ép với nhau, nhưng chúng ta phải nhận ra được sự thật, các khoa học gia có ngồi đây để chứng minh đi chăng nữa thì căn trần vẫn không thể dính nhau, điều này khoa học có thể nói chuyện được.

Khoa học cũng nhận định được mắt mình luôn luôn thấy là mới, tai luôn luôn nghe là mới, con người đang sống là đang mới, từng khoảnh khắc một xảy ra trong đời sống chúng ta là khoảnh khắc mới, căn trần tiếp xúc nhau là mới, đời sống chúng ta luôn luôn mới mẻ hiện tiền, không có cũ, mặc dầu chúng ta đang nghĩ lại chuyện cũ nhưng chúng ta cũng không cũ được, mình lầm là mình cũ thôi. Nếu nhận ra điều này thì cuộc đời chúng ta bắt đầu giá trị lên, đời sống chúng ta luôn mới mẻ hiện tiền, từng khoảnh khắc trong cuộc đời chúng ta là từng khoảnh khắc mới, tràn ngập niềm vui, tràn ngập phúc lạc.

Còn chúng ta thấy có gì tù đọng lại được, tức là cũ, là thấy lầm, không thấy đúng, khi nào thấy người đối diện với mình sao họ cũ quá, gặp họ quen quá, gặp họ hoài rồi nhàm quá không có gì mới nên nhiều gia đình sinh ra những chuyện bất hạnh là do nhìn người này cho là cũ rồi, chẳng có gì mới, chẳng còn gì hấp dẫn nhau, cho nên dễ sanh nhàm chán. Đây là thuật sống thật sự, đạo Phật dạy chúng ta cách sống hết sức hiện thực, tươi vui, mới mẻ hoàn toàn, nếu không nhận ra điều này cuộc đời chúng ta chán chường vô nghĩa lắm, ở nhà bước ra bước vô cũng có bao nhiêu đó, tới lui cũng gặp mấy người như vậy. Ngày nào cũng ăn, cũng uống, cũng ngồi lẩn quẩn

có nhiêu đó nên chán, kiếm chỗ du lịch, chơi ít bữa rồi cũng chán, chúng ta cứ mãi đi tìm chỗ mới, nhưng thật sự chúng ta chưa từng cũ, tại mình có ảo tưởng mình cũ mà thôi.

Người sống trong ảo tưởng thì luôn luôn lập lại, còn người sống không ảo tưởng thì luôn luôn mới mẻ, đây là điều chúng ta phải biết, cho nên ngày nào đó chúng ta cảm thấy có cái gì cũ nơi mình, tức là chúng ta đã sống ngược, chúng ta trở lại quá khứ, không sống với cái thực tại hiện tiền. Thực tại luôn hiện hữu mới mẻ và căn trần luôn luôn mới, nếu sử dụng một loại máy siêu tốc để nhìn một cành hoa, chúng ta sẽ thấy nó thay đổi từng khoảnh khắc một, thay đổi liên tục, thay đổi vùn vụt không tạm dừng, mới mới hoài, mình chờ đến ngày mai nó héo mới biết thì nó là cũ. Tất cả các pháp trong thế gian này luôn luôn sống động, không có phút giây nào tạm dừng cho mình tính toán, mình bắt đầu tính toán là đã sai, đã chậm ngàn bước, nên đầu óc chúng ta không mẫn tiệp, không linh nhuệ, tinh thông được.

Nếu chúng ta sống đúng với Pháp Đức Phật dạy, sống đúng với tinh thần Kinh Kim Cang, sống đúng với thiền, tự động chúng ta linh mẫn tuyệt vời. Đối diện với tất cả mọi hoàn cảnh đầu chúng ta nhạy cảm, không kịp suy nghĩ, chính chỗ suy nghĩ không kịp mà thành lời thì tuyệt vời, còn suy nghĩ để tìm ra lời nói thì chỗ đó không còn mới nữa.

Khi chúng ta đối diện với mọi vấn đề, bằng cái thấy mới, nghe mới, là đối diện với cái không kiến thức, không ký ức, khi nhìn sự vật chúng ta lại quay về quá khứ cũ của mình và xài cái đó, chứ chúng ta không chấp nhận cái hiện ra mới mẻ này. Đó chính là chỗ lầm của chúng ta, người khéo tu thì ngay khoảnh khắc xúc chạm của căn trần chúng ta phải để

uyên nguyên mới mẻ đó và ở vững chỗ uyên nguyên mới mẻ này, phải để cho tất cả cái gì chúng ta đang tiếp xúc trở về cái uyên nguyên đó là chúng ta đang đúng, đừng có xúc chạm, xâm phạm và tác động trên pháp trần nữa. Mắt chúng ta mở ra cứ để uyên nguyên như vậy, thì mỗi cái nó hiện hữu đẹp đẽ tuyệt vời rực rỡ hào quang. Nhưng khi chúng ta đã thấy có danh tướng là bắt đầu nó trở lại cái khung nhỏ xíu trong ký ức của mình, mình không để các pháp nó mới nữa mà nó cũ theo ký ức của chính mình và làm cho các pháp mờ tối đi, một màng mờ ý thức bắt đầu lộ ra trong cái thấy nghe của chính mình.

Nếu khi chúng ta thấy nghe mà để uyên nguyên như vậy thì tất cả đều sáng rực rỡ, người tu phải có lần trong đời mình thấy một cái bông nhỏ, một cành lá nó rực rỡ hào quang hơn viên kim cương. Vì lý do đó tất cả Kinh điển diễn tả, nhứt là Kinh A Di Đà, suối là vàng ròng, nước là pha lê, các cảnh giới đều là trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, lúc đó kim cương không đẹp bằng một cành lá nhỏ này. Một lần mà chúng ta lột bỏ hết màng tâm thức để chúng ta thấy bằng cái hiện hữu, thì đó là cảnh giới thực vượt ngoài tâm thức, vẹt đi cái màng mờ của tâm thức thì mọi vật đều sáng tươi và rõ ràng, từ đó cuộc đời chúng ta nhìn, thấy, nghe mỗi mỗi đều rực rỡ; lúc đó không nói chuyện cực lạc, vui bình thường nữa mà phải nói là chúng ta đang ở trong phúc lạc vô biên, đời chúng ta mà không tới đây một lần thực sự rất uổng cho một kiếp người của mình.

Chúng ta thử một lần thấy nghe bằng cái hiện tiền này, đừng cho danh tướng gá vào, do cái danh người ta gán vào sự vật và mình đã học cái danh đó rồi, nếu người nào nói đây

không phải cái bông mà là cái cây thì chúng ta cãi liền, vì kiến thức mình đã thu nhặt cái kiểu đó rồi, đã in đậm trong ký ức chúng ta cái này là bông rồi, nếu ai nói khác thì chúng ta không chấp nhận. Trước khi có tên cái bông thì nó là cái gì? Khi chưa có danh tự chúng ta có thấy tất cả mọi cái không? Lúc không có danh tự nó là cái gì? Chúng ta phải thấy và nghe mọi vật trở lại trạng thái ban đầu của nó, có một cái gì trước danh tự của vạn vật nó hết sức trong sáng, nhiệm mầu, mà mỗi mỗi chúng ta đều có.

Một thoáng nhanh nhất chúng ta không thấy kịp là ý thức phóng ra, nên mắt chúng ta vừa chạm sự vật là nó thành hình kiểu ý thức liền, nó thành bông hồng, thành bông cúc, thành vàng, thành trắng, thành xanh liền. Nếu chúng ta vượt qua danh tự của xanh, vàng, đỏ, trắng thì chúng ta sẽ nhận rõ được sự việc rất rõ ràng không lầm lẫn, nhưng chỗ đó chúng ta không chịu dừng lại mà đi vào con đường sanh tử, moi móc ký ức mình ra coi nó là cái gì, nó màu gì, tất cả đều là khung sáo người trước đặt ra cho chúng ta, bây giờ chúng ta xài ký ức là xài cái gì? Là xài những khung sáo đã được đặt định từ trước. Người nào càng giỏi về ký ức chừng nào thì càng giỏi đi vào khung sáo chừng đó, thế nên chính mình phải phá vỡ những khung sáo, những rào chắn để mình thấy bằng cái thấy của riêng mình trong đời này một lần, đó là cái cần của người học Phật.

Nếu ngày nào chúng ta chưa thấy bằng cái riêng của chính mình, thì muôn đời chúng ta không thể thoát được dù chúng ta có tu Pháp nào. Đừng nghĩ chúng ta nhập định, dù có nhập định một triệu kiếp buông ra mình cũng không được

giải thoát, nếu chúng ta tiếp tục lầm lẫn, chúng ta không thấy bằng cái thấy của chính mình, mà mình thấy bằng ký ức, bằng kiến thức, hay bằng sự truyền trao của người có uy tín nào đó, chưa bao giờ mình thấy bằng cái thấy của mình cả thì mình phải trở lại với cái thấy trong sáng nhiệm mầu của chính mình một lần, đó là điều rất cần, và người học Phật nên có một lần trong đời. Chẳng lẽ mình đi thấy bằng cái thấy của người khác hoài, xài của người khác hoài mình chẳng an toàn chút nào hết, cho nên cuối đời chúng ta không bao giờ bình an, nếu quý vị thấy mà kèm theo cái gì đó thì không phải của mình.

Bây giờ thử ai nói một câu mà không bằng bất kỳ kiến thức nào khi danh tự chưa được đặt ra, thì cái hiện hữu này là cái gì? Dù ở đây có người có bằng cấp cỡ nào đi nữa thì cũng xin nói giùm một câu ngoài kiến thức học hỏi. Trước khi chúng ta có cái phân biệt, trước khi chúng ta đặt danh tự của cái này trong đầu của mình, trước khi ký ức của chúng ta quay lại để nhìn cái này là cái bông, thì chỗ không danh tự đó là cái gì? Thấy được phải nói cho được, nếu chúng ta thật sự là người sáng mắt thì tất cả những cảnh trước mắt chúng ta phải thấy, mà thấy là phải nói được.

Chúng ta hãy thôi tất cả những cái nương gá về ký ức, kiến thức, những hiểu biết từ xưa tới giờ; chúng ta nhìn sự vật bằng cái không kiến thức một lần. Học đạo là chúng ta phải tu được ngay chỗ chúng ta học, vừa học, vừa công phu, không để chút nữa, nhất là đối với Kinh Kim Cang, cũng như đối với Thiền tông khi chạm tai chạm mắt là hiện tiền công phu. Nói không tu chứ không có phút giây nào mà người đó không tu, vì không có phút giây nào họ vướng lại phàm trần. Nhưng sở dĩ chúng ta thấy mình có thể dính lại được, có thể đọng lại

được thì chúng ta mới tu, cho nên tất cả những người khi bắt đầu khởi công phu là chúng ta đặt mình vào vị trí gì? Từ cái nhân ban đầu đã thấy mình dính mắc nên mình mới tháo gỡ, cho nên tu không bao giờ giải thoát, đó là nhân quả. Đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm: "*Muốn tu giải thoát thì chọn nhân giải thoát. Nếu chọn nhân sanh tử thì đi vào sanh tử.*"

Tất cả những người dụng công là đặt mình vào vị trí vướng mắc, phải vướng mắc mới tu, tức là khởi nhân từ chỗ sanh tử thì sẽ có quả sanh tử thôi. Điều chính yếu là chúng ta quay lại cái nhân ban đầu, khi căn trần vừa chạm nhau chúng ta phải thoát ra ngoài những ký ức, những kiến thức, những cái vốn có cũ của mình, thoát ra khỏi những căn mộ đã được chôn lâu, giấu kín.

Thiền Sư hay quở chúng ta là: "*Con quỷ giữ mồ xưa,*" lúc nào chúng ta cũng thấy sự vật cũng bằng kiểu cũ, bằng những cái đã chết rồi, những cái đã lâu lắm rồi chúng ta lôi ra, không chịu xài cái mới, uổng phí cuộc đời, uổng phí năng lượng sống cho chính mình. Phải nói là từng phút giây một chúng ta phí phạm đời sống của mình, chúng ta không chịu sống cho mình mà mình sống cho cái gì đó, chưa ai tự sống cho mình dù một khoảnh khắc. Nếu chúng ta sống với chính mình rồi tự động nghe mình không còn chỗ nào vướng lại được, con người chúng ta rớt sạch những kiến thức, chúng ta là người trơ trọi giữa trần gian này thì quý vị sẽ thấy mình bay bổng thật sự, dính lại không được, đọng lại không được, trụ lại không được, chấp lại không được, thì đời sống đó mới thật sự giá trị, khoảnh khắc đó tuyệt trần không gì có thể đổi được.

Cuộc đời chúng ta nên quay lại với chỗ này, ngày nào ai chưa quay lại thì người đó phí phạm đời sống riêng của

chính mình, chúng ta làm mất đi khoảnh khắc trong sáng, nhiệm mầu, tuyệt vời của chính mình, uổng lắm, dù chúng ta có phấn đấu cỡ nào đi nữa thì chúng ta cũng quay lại kiến thức, quay lại chuyện cũ xưa. Ngay như việc học đạo nếu ông thầy giảng giống giống như chuyện mình học cũ thì mình cho là ông thầy này được. Học đạo là chúng ta học cái mới, học cái chưa biết, nhưng khi nghe cái chưa biết chúng ta choáng đi không chấp nhận, chừng nào có cái gì giống như ông thầy có uy tín nổi tiếng thì ông thầy này mới được chấp nhận. Mình học là để rà lại, đo lại để so sánh lại chứ không phải học để mình mới, không phải học những điều mới, như vậy rất uổng, mất thời gian của đời mình.

Nếu chúng ta tiếp tục đi theo cái kiểu đó là đi sụt lùi chứ không phải là bước tới, càng lúc chúng ta càng thu chột trong cái mớ kiến thức lẩn quẩn của chính mình, chứ không phải giải phóng mình, cho nên học là phải chạm cái mới, người càng thông minh chừng nào là càng nhạy bén tiếp nhận điều mới chừng đó, người không thông minh là người không đủ sức để tiếp nhận việc mới, quanh quẩn chuyện cũ thôi. Nếu học đạo mà mình không làm mới được mình thì rất uổng phí kiếp sống này.

Đức Phật dạy chúng ta làm sao nhận biết được cái mới mẻ hiện tiền trong từng khoảnh khắc một của cuộc đời mình nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nếu chúng ta nhận biết lục căn không vướng mắc lục trần thì tâm chúng ta luôn luôn thanh tịnh, không cần phải nói, bàn thêm nữa. Nếu chúng ta thấy căn trần còn có chỗ có thể vướng lại được thì tâm không thể thanh tịnh, chính chỗ này mà cư sĩ họ Lư ngộ và sau này

thành Lục Tổ Huệ Năng.

"Tu Bồ Đề, ví như có người thân to như núi Chúa Tu Di, ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng? Tu Bồ Đề thưa: Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Phật nói chẳng phải thân, ấy gọi là thân lớn."

Thân như núi chúa Tu Di thì thật lớn, nhưng với Đức Phật thấy nó không thật có, khi chúng ta mở mắt ra nhìn sự vật thoát ngoài danh tướng một lần, thì nó không có lớn không nhỏ, nhưng nếu chúng ta còn có chút danh tướng thì chúng ta thấy có lớn có nhỏ, vì cái lớn là so với cái nhỏ, tức là nơi chúng ta còn rớt xuống tầng phân biệt so sánh thì sẽ thành lớn thành nhỏ.

Đức Phật nhắc khéo chúng ta. Sau khi Ngài nói không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia là đủ lắm rồi, nhưng Đức Phật sợ chúng ta không nhận ra và mình không có cách để sống cho đúng, nên Đức Phật nhắc khéo nếu bây giờ trước mắt bên tai rớt xuống một niệm nhỏ so sánh là đã sai lầm. Vì thấy thân lớn thân nhỏ là rớt xuống tầng so sánh, làm sao cho lục căn chạm lục trần không rớt xuống tầng so sánh, thì tâm của quý vị mới được thanh tịnh, còn có chút so sánh là căn trần còn đến với nhau, thấy cứ như vậy mà thấy, vì các pháp vốn đã là vậy rồi, thấy mà không Như được là chúng ta rớt xuống tầng dưới, thấy như được thì chúng ta ở nguyên tầng đó, đây là chỗ thân tâm thanh tịnh, mới là thanh tịnh thật.

ĐOẠN 11 : PHƯỚC VÔ VI LÀ HƠN HẾT

Này Tu Bồ Đề, như trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng bằng số cát như thế, ý ông nghĩ sao? Số cát của các sông Hằng ấy thật là nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Chỉ các sông Hằng còn nhiều vô số, huống là số cát kia.

Này Tu Bồ Đề, nay ta bảo thật với ông, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy dẫy tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát những sông Hằng kia ra bố thí thì được phước nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Phật bảo Tu Bồ Đề: Nếu người thiện nam, thiện nữ, đối trong Kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác giảng nói, phước đức này nhiều hơn phước đức trước.

Đức Phật ví dụ: Sông Hằng có bao nhiêu số cát, thì mỗi một hột cát là một sông Hằng như thế nữa, và cộng hết sông Hằng đó lại thì số cát không thể tính đếm được bằng cái đầu người phàm, vượt ngoài tầm tưởng tượng của chúng ta. Vậy mà một người đem bố thí ba bảy báu đầy cả Tam thiên đại thiên thế giới bằng với số cát sông Hằng ở trên, mà phước đức vẫn không bằng một người thọ trì bốn câu kệ Kinh Kim Cang và vì người khác mà giảng nói.

Đức Phật khen người thuyết giảng và người trì tụng bốn câu kệ Kinh Kim Cang, nếu chúng ta học và hiểu đúng Kinh Kim Cang thì phước đức lớn lắm, tương đương với phước đức người thuyết giảng Kinh này. Đoạn sau Đức Phật sẽ nói tới người trì tụng, còn ở đoạn này Đức Phật chỉ khen người đang vì người khác giảng nói, người học đạo bình

thường cho là Kinh Kim Cang phá chấp, phá tướng, phá những công phu tu hành của mình, nói cho đúng nghĩa của Thiền thì Kinh Kim Cang là một trong những bản Kinh "tháo đinh mở chốt" cho chúng ta, tháo gỡ tất cả những vướng mắc của mình, chúng ta còn bám ở đâu Đức Phật gỡ cho chúng ta tới đó.

Học Kinh Kim Cang chúng ta học với tinh thần càng học nhiều càng rơi rụng, càng trống trải, càng chơi vơi chừng đó, học tới độ hết chỗ bám, hết chỗ chấp là chúng ta học đúng, còn nếu học Kinh mà thấy có cái này để mình tu được, có chỗ kia để dụng công, mình thấy chỗ này hay tối về thực hiện là không đúng tinh thần Kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang không dạy chúng ta làm, mà dạy chúng ta nghỉ làm, đừng có thêm nữa, tất cả những thêm thắt của chúng ta đều thành thừa, đừng tiếp tục, nghỉ ngơi, thả lỏng hoàn toàn là chúng ta sẽ học hết Kinh Kim Cang liền tại chỗ.

Trong thấy nghe mà mình hết chỗ nương tựa, lục căn tiếp xúc lục trần phải xảy ra một lần trong đời mình, chuyện này rất dễ làm, nếu ngồi tại đây chúng ta nghiêm túc nhìn lại tất cả những gì mà mình đã có từ trước tới giờ, chúng ta hãy thôi dứt đi. Ví dụ nhìn chúng tôi quý vị cho đó là ông thầy là đang sử dụng kiến thức rồi, nhìn thấy từ khoảng quý vị tới cái tường có khoảng không đó là kiến thức, chúng ta phá sạch kiến thức đó, quý vị sẽ thấy điều lạ là một bức màn mới vén lên, gần như là chúng ta xua tan hết tất cả mờ tối một lần. Một lần thấy nghe mà chúng ta không mang thêm kiến thức cũ vào, đừng đem kiến thức che chắn cái thấy nhìn của chúng ta, vì tất cả những thấy lầm đều do chúng ta phủ một lớp kiến thức. Nghiệm lại coi, chưa bao giờ chúng ta thấy mới, mà thấy cái

gì là chúng ta phải hiểu nó là cái gì, phải nhận định nó, phải biết, phải phân biệt nó.

Đức Phật không muốn chúng ta như vậy, tự động một lần chúng ta thấy mà không bị khu biệt bởi kiến thức nhỏ nhiệm của chính mình, thì cái thấy chúng ta mênh mông liền, cái nghe cũng vậy, chúng ta không nghe bằng cái cũ thì cái nghe của chúng ta cũng mênh mông liền. Chúng ta ngồi đây nhưng không phải ở đây, chúng ta là người khắp biết, nhưng chúng ta không chịu tháo cái này ra, chúng ta thừa thời gian để thực tập điều này, chúng ta trở lại mảnh đất riêng của chính mình.

Bây giờ hãy xem xét lại những kiến thức vốn có đừng bao giờ cho nó sống dậy nữa, chúng ta hãy tạm dừng tất cả đi, thì mình là ai? Ngay tại đây mình là cái gì? Chắc chắn mình không phải thân tâm này, thôi đi cái kiến thức về thân tâm nữa, vì thân tâm này đang được sự kiểm soát của cái mình. Mình đang biết thân này, đang biết tâm này, và đang biết hoàn cảnh này, thì thân tâm hoàn cảnh bị chúng ta loại ra, nó không phải là mình, thì mình là cái gì?

Khi nào trong đời chúng ta vuột hết mọi kiến thức một lần, có lần ngồi lại chúng ta thấy được cái lỗi lầm của kiến thức, khi đó quý vị sẽ nhẹ nhàng thoát ra, còn bây giờ chúng ta vẫn còn tin kiến thức, chúng ta quá tin với cái hiểu biết của mình, quá tin những ký ức mình đã thu gom, vì mình học cả đời rồi, không phải đời này mà nhiều đời trước chúng ta cũng đã thu thập, bây giờ mà nói nó không phải là mình nữa thì thật là khó chấp nhận.

Chúng ta cứ tưởng tượng một người đi gom góp một mớ kiến thức đem về chất đầy nhà cho đó là của mình, chúng

ta là vậy đó đúng không? Tất cả đều là rác rưởi chứ không phải của mình thật. Nếu chúng ta sống đúng một lần với tinh thần Kinh Kim Cang, là một lần chúng ta trở về với cái rỗng không, sáng suốt, nhiệm mầu của chính mình. Một lần như vậy, quý vị thấy là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách đều là cõi giới của chúng ta, đều là chỗ sống hiện tiền này của chính mình. Chúng ta chạy tìm bên ngoài, càng tìm thì càng nhỏ hẹp mình lại, bữa nay chúng ta thêm một số kiến thức này, mình thấy nó đúng với mình rồi thì bắt đầu mình tập sống đúng với điều đó, tức là chúng ta tạo ra cái khuôn mới cho mình. Ít bữa thấy điều khác hay hơn điều này nữa, chúng ta tập sống với điều đó là tìm thêm cái khung mới để chui vào, và cứ mãi mãi cuộc đời chúng ta là thế.

Học thêm một chút là chúng ta thêm một lớp kiến thức và thêm một lớp khung sáo, như vậy là chúng ta đã sang từ cái ổ này cho tới chun vào cái ổ kia, chun qua ổ nọ, từ cái quan tài này chun qua quan tài kia, chúng ta cứ tiếp tục đi vào ngôi mộ cổ của chính mình mà chưa chịu thoát ra. Bây giờ chúng ta thử nghe lời Đức Phật một lần, chúng tôi xin quý vị một lần thôi, để quý vị có chút cảm nhận giá trị thật con người của mình, thì quý vị mới thấy cuộc đời mình giá trị lắm, không đơn giản là thân tâm này, không đơn giản là một số quyền lợi đã có trong cuộc đời này; không phải là tài, sắc, danh, thực, thùy trong trần gian này, không phải là chuyện ở trong tam giới này, những chuyện đó không có gì lớn lao so với chuyện này. Chỉ cần một khoảnh khắc quý vị chịu chấp nhận tuôn đổ những kiến thức cũ của mình, để quý vị trở lại với chính mình, thì cả tam giới này đổi khoảnh khắc đó mình không thèm, mọi chuyện ở tam giới này không còn giá trị gì ở nơi tâm chúng ta

nữa, vì chúng ta đủ rồi. Nếu chúng ta thấy mình còn thiếu cái gì đó, rất nhiều cái chúng ta cần lắm, thì biết rằng chúng ta ở sâu trong dòng sanh tử này, vẫn luôn thấy thiếu thốn, thấy cái này chưa đủ, cái kia chưa đủ cần bù đắp.

Có những người tu cứ ngại là mình thiếu công phu, thiếu đạo hạnh, cứ ráng phải làm thế này, phải đi làm sao, phải đứng làm sao, phải cười làm sao để có đạo hạnh, phải oai nghi thế này thế kia chỉnh sửa mình như rô bô sống vậy, tự tề tự giũa mình cho thật nghiêm trang tề chỉnh một chút. Người tu mà nói sống không khung sáo chúng ta nghe khó chấp nhận. Người đi trước thì khung lớn một chút, người đi sau khung phải hẹp một chút, vị nào càng oai nghi chừng nào thì càng tội nghiệp cho người đi sau chừng đó. Học đạo mà bản thân mình còn tháo gỡ không ra thì giúp ai?

Học đạo mà không tháo mở mình ra được thì thật sự không thể giúp người sau. Cho nên chúng ta đừng lấn quấn với những cái đặt định cũ, tập phá đi những khung định trong đầu mình cho là đẹp. Thực sự cái đẹp nó là cái gì? Từ trước tới giờ thế gian cho thế này là đúng, làm cái này là sai, xét cho cùng nó là cái gì? Người xưa bày người nay làm. Người xưa là người nào? Là người có máu nô lệ đặt ra để cho người sau chỉ như vậy thôi không có quyền thoát ra. Nhưng mỗi con người là mỗi một nghiệp, mỗi con người có một đời sống riêng tư tự do, nếu không thả lỏng cho người ta sống hết cái gì của họ, thì không phát huy được cái mới, người sau cứ làm theo người trước là không bao giờ có chuyện phát minh, không có chuyện sáng kiến, nhưng người trước bó người sau lại sợ người sau phát minh sáng kiến sẽ vượt qua họ. Chính cái tâm hẹp hòi đó mà tạo ra một số khuôn thước cho người

sau đi theo, chúng ta cần phải phá nó đi, tự mình tháo gỡ những điều mình cho là đúng, là phải, là hay trong lúc công phu, tuyệt đối đừng theo ai hết.

Trong lúc dụng công mà chúng ta còn trung thành với một cái gì đó, tức là chúng ta đã rớt vào khung sáo mới rồi, không có gì để chúng ta có thể trung thành cả đời mình cả, đây là một điều gần như phải phá vỡ nếu đủ gan. Chúng ta không thể vì người xưa đưa ra những điều thường kèm theo sự hăm dọa sẽ bị đọa, kiểu đạo lý hăm dọa, cách tu tập ràng buộc bằng đạo lý bị đọa lạc thì chúng ta cần phải xét lại, đó có phải là đường lối tốt không?

Đức Phật chưa bao giờ nói về giới luật suốt mười hai năm đầu tiên, nhưng càng lúc các Bồ Tát hiện thân ra đời làm trật cái này, sai cái kia, nên Đức Phật mới bắt đầu có giới. Nếu một người sống đúng với đạo lý rồi là không bao giờ phạm. Chúng ta sống đúng với đạo lý rồi thì những quy điều, những quy củ chúng ta phải thoát ra, không có nghĩa chúng ta phá pháp trần gian này, không phải chúng ta trở thành người xấu. Như người bệnh một ngày không uống thuốc là không được, nhưng người mạnh khỏe thì thuốc thành thừa với họ, uống coi chừng bị dư, nhưng rất nhiều người hết bệnh vẫn còn muốn uống thuốc, đó là điều đáng trách. Chúng ta nghe quảng cáo thuốc này hay, thuốc kia hay chúng ta mua về uống mặc dù mình không có bệnh, bệnh tự kỷ ám thị nghe đồn người ta bệnh nhiều quá nên mình cũng thấy có bệnh giống vậy và mua thuốc giống vậy để uống.

Kiểu tiêm nhiễm của khoa học và tiêm nhiễm tâm thức chúng ta là như vậy, thành ra chúng ta thích sinh hoạt như thế nào mà có quy điều, có quy củ, có gì đó để chúng ta được ở

trong cái khung cho nó an ninh an toàn. Càng tạo cho mình nhiều cái an toàn bên ngoài, càng thể hiện sự yếu đuối trong tự tâm chúng ta nhiều chừng đó. Để ý những nhà có cổng thiệt cao trong đó có một bầy chó Bécgie, không phải người đó tài giỏi đâu mà thực sự người đó sợ người ta leo vô nên cất cổng thiệt cao, leo vô sẽ gặp một bầy chó dữ, hoặc đặt mìn chung quanh nhà thì hy vọng mới có một giấc ngủ yên.

Còn người không sợ họ ra cái sạp giữa chợ ngủ tới sáng cũng yên giấc, nếu mình đem sự sợ hãi ra so sánh thì ông ngủ ngoài sạp tâm vững vàng hơn người có nhà kín cổng cao tường. Con người sợ quá nhiều điều là bị người ta đặt ra quá nhiều khung sáo. Khi bắt đầu học Phật chúng ta phải biết ra được điều này, và xem xét lại nỗi sợ hãi nơi tâm chúng ta để tháo gỡ, làm sao thoát ngoài khung sáo trong trần gian này, để chúng ta tự do tự tại ngoài tam giới, không phải ngoài cõi dục này nữa.

Trong cõi người nếu chúng ta còn chấp nhận được cái đúng, cái sai thì chúng ta sẽ có cái được, cái mất tức là có sở chứng sở đắc trong cuộc đời này. Phải một lần nào đó chúng ta vượt thoát hết, trở lại cái ban đầu đối với pháp không có sở đắc. Đối với căn trần chúng ta đừng trở lại khung sáo ký ức, mà thấy bằng cái mới trinh nguyên của chính mình lúc nào cũng hiện tiền. Nhưng chúng ta không giữ chỗ hiện tiền, mà rớt xuống tầng khung sáo của ý thức thấy nghe bằng so sánh phân biệt. Đức Phật dạy chúng ta đừng nghe theo kiểu đó nữa mà trở lại với cái nghe thật của mình.

"Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia."

Có nghĩa chúng ta đừng trụ vào kiến thức cũ mà thấy nghe hay biết, phải nhận ra sự thật căn trần từ xưa tới giờ vốn vô trụ, chưa có phút giây nào dừng trụ. Có nghĩa chúng ta phải hay ra sự thật cái thanh tịnh vốn có và sống đúng với cái thanh tịnh đó từng giờ, từng phút, từng giây trong cuộc sống này là chúng ta đang sống đúng với đạo lý, đó là cách chúng ta sống đúng với tinh thần Kinh Kim Cang.

Như vậy là luôn luôn thấy mới, không có khung sáo, không có khuôn thước, cái thấy của chúng ta không có trước, không có sau, cái gì nó hiện ra chúng ta rõ ràng như vậy, trước đó chúng ta không cần thiết phải chuẩn bị thấy và sau đó chúng ta không cần thiết phải lưu trữ lại, vì chuẩn bị để thấy và lưu trữ đều là sai lầm. Cho nên dù chúng ta không chuẩn bị để thấy nhưng không cái gì là không thấy, không chuẩn bị để nghe nhưng không cái gì mà không nghe. Công phu này chúng tôi có nói trong Kinh Tứ Diệu Đế một từ hết sức nhà quê là "không chuẩn bị." Đừng chuẩn bị thấy, đừng chuẩn bị nghe, chính chỗ không chuẩn bị chúng ta không bao giờ bị vướng lại. Một kiểu công phu nhà quê, tập sống không chuẩn bị, tập thách thức với cuộc đời mình luôn luôn chạm tới cái mới và phải nhạy cảm giải quyết ngay hiện tiền, để cuộc đời chúng ta linh thông một chút.

Quý vị tập đối diện với những cái thật sự bất ngờ cho cuộc đời mình và phải để nguyên sự bất ngờ đó, một vài lần quý vị thực sự cảm thông được cái chỗ không chuẩn bị thật hết sức tuyệt vời, có chuẩn bị là còn rớt vào khung sáo. Đừng làm cho cuộc đời chúng ta lún vào khung sáo nữa, tập thoát ra, đối với mọi điều chúng ta luôn luôn mới mẻ hoàn toàn. Ví dụ gặp một nhân vật nào quan trọng kệ nó, chừng nào gặp tính

sau, trước khi gặp cũng không cho cái đầu mình hỏi câu nào trước, chạm mặt đi rồi nói chuyện, tùy tình huống mà xử lý và hết sức bình tĩnh bình an mà đối diện, không có run sợ. Điều này mình tập sống được để mình tháo mình ra từ từ, còn chuẩn bị là tiếp tục tạo khung sáo mới cho mình. Như vậy chúng ta sẽ có đời sống khác đi, cái này không phải là tập tành công phu theo kiểu đạo Phật, nhưng mà tập tháo gỡ mình.

Nói như vậy, rồi ngày mai mình chuẩn bị làm như vậy, là không phải, tức là chúng ta có chuẩn bị rồi, không chuẩn bị là không lúc nào chuẩn bị, chúng ta không có thái độ không chuẩn bị đó. Luôn luôn không có cái gì trước, không chuẩn bị sống, thấy là thấy vậy thôi. Cứ thấy thấy thấy, liên tục là cái thấy, tự động mình linh thông lạ lắm. Còn có chuẩn bị là chúng ta bị tù lại, bị khằn lại, rất chậm lụt, không linh thông, không nhạy bén, không nhạy cảm. Nhất là giảng thuyết Phật pháp mà có chuẩn bị thì lại càng không linh thông. Giảng mà không biết mở đầu cách nào và kết thúc ở đâu là giảng giỏi.

Không chuẩn bị là xem như mình hết vốn hoàn toàn, chúng ta luôn luôn rỗng để tiếp xúc, thì quý vị thấy cuộc đời mình hay lắm. Mỗi lúc mỗi mới, đừng bao giờ cũ là chúng ta đang nghiêm trang Phật độ với chính mình. Cõi Phật là mới mẻ, cõi Phật không có cũ, chúng ta nhìn cõi Phật mà cũ là không phải. Trước kia Kinh diễn tả cõi Phật A Di Đà chúng ta thấy mới. Bây giờ chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi bằng cái mới; là chúng ta đang trang nghiêm cõi Phật của mình, không có gì trang nghiêm mới thật sự là trang nghiêm.

ĐOẠN 12 : TÔN TRỌNG KINH ĐIỂN CHÂN CHÁNH

Lại nữa này Tu Bồ Đề, tuỳ nơi nói Kinh này cho

một lần thì phước báu vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Còn nếu ta ra đời không nhằm thời Đức Phật, mà chúng ta nghe được bốn câu kệ v.v ..., nên biết chỗ này, tất cả thế gian trời, người, A Tu La đều nên cung kính cúng dường như tháp miếu của Phật, huống nữa có người trọn hay thọ trì đọc tụng.

Này Tu Bồ Đề, nên biết người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hy hữu. Nếu Kinh này ở chỗ nào ắt là có Phật hoặc là những đệ tử lớn của Phật.

Trong thế gian này, có những điều chúng ta cúng dường có được lợi ích lớn. Nếu chúng ta ra đời mà gặp Đức Phật, được đảnh lễ cúng dường Ngài, thì phước báu vô lượng vô biên. Nếu chúng ta ra đời không được gặp Đức Phật thì đảnh lễ tháp thờ Đức Phật, dù đó là vọng tháp đi nữa thì phước báu vô lượng vô biên, kế tiếp chúng ta đảnh lễ cội Bồ đề nơi Đức Phật thành Phật, thì phước báu cũng vô lượng vô biên. Hoặc được đảnh lễ nơi Đức Phật nhập Niết Bàn, phước báu cũng không thể nghĩ bàn. Hoặc trong đời này có duyên lành chúng ta được một lần đảnh lễ kim thân xá lợi Đức Phật, thì phước báu cũng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật nói ở đâu, nếu người nào được nghe qua, được đọc qua, được nghe thuyết giảng bốn câu kệ Kinh Kim Cang, thì tất cả cõi trời đều nên cung kính đảnh lễ cúng dường như chúng ta đảnh lễ cúng dường tháp miếu của chư Phật. Còn người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang thì phước báu lớn hơn người chỉ đọc tụng bốn câu kệ.

Nhiều người đã từng đọc Kinh Kim Cang nguyên quyển chứ không chỉ bốn câu, và những chùa có nghi thức phát tâm phát nguyện tụng niệm thọ trì cả quyển Kinh Kim

Cang, nhưng phước báu có lớn không? Chúng ta có hiểu Kinh Kim Cang thì mới thấy giá trị thật của bốn chữ "thọ trì đọc tụng". Thọ là nhận, trì là gìn giữ tinh thần bốn câu kệ Kinh Kim Cang. Từ đầu bản Kinh tới đây chúng ta chưa thấy Đức Phật nói tới bốn câu kệ, có nhiều người nói bốn câu kệ ở phần sau kết thúc bản Kinh này là:

"Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương cũng như điện,
Nên khởi quán như thế."

Nếu chúng ta có học Kinh Bát Nhã thì gần như từng đoạn bốn câu Kim Cang và Bát Nhã là một. Người như thế nào gọi là thọ trì đọc tụng? Chúng ta ngầm hiểu thọ trì đọc tụng không có nghĩa là chúng ta chỉ đọc trên chữ nghĩa văn tự, đó chỉ là hình thức thọ trì đọc tụng. Trước đây, Đức Phật nói phước vô vi hơn tất cả các phước khác, ở đây nói phước vô vi đối với người thọ trì và giữ gìn bản Kinh Kim Cang.

Trong lịch sử của chư tổ, Lục Tổ Huệ Năng khi nghe đến phần này Ngài nhận ra đạo lý, thì cùng Phật tổ làm thầy trời người, không chỉ loài người mà cả cõi trời cũng lễ lạy cúng dường Ngài. Kinh Kim Cang chùa nào cũng có trong tủ, nhưng có chắc chỗ đó là tháp miếu của Đức Phật không? Và chúng ta cũng đã từng tụng Kinh Kim Cang nhiều lần, vậy phước của chúng ta có hơn người bố thí ba cúng dường bảy báu đầy cả Tam thiên đại thiên thế giới như số cát sông Hằng không? Chưa chắc!

Người nào thấu hiểu được lý vô trụ trong Kinh Kim Cang, thì người đó sẽ có đời sống thoát ngoài tam giới liền. Họ không bao giờ còn vướng mắc trong lục đạo luân hồi, họ

tự do tự tại trong đời sống này. Người nào luôn luôn thấy trước mắt mình nhãn căn đối với sắc trần không vướng lại, nhĩ căn đối với thanh trần không vướng lại, tỷ căn đối với hương trần không vướng lại, thiệt căn đối với vị trần không vướng lại, thân căn đối với xúc trần không vướng lại, ý căn đối với Pháp trần không vướng lại, thì chúng ta thấy sự thật nó vốn vô trụ. Như vậy trong đi, đứng, nằm, ngồi lục căn đối với lục trần không có chỗ vướng lại, là chúng ta đã thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang, còn nếu mắt thấy sắc còn vướng, tai nghe âm thanh còn vướng, thì dù có đọc ngàn quyển Kinh Kim Cang phước vẫn không có.

Chúng ta lục căn luôn tiếp xúc lục trần không phút giây nào ngừng nghỉ, dù nhắm mắt thì lỗ tai chúng ta cũng tiếp tục nghe, nếu chúng ta có ngủ thì pháp trần vẫn còn duyên trong tâm thức của mình. Nếu chúng ta còn sống thì lục căn còn hoạt dụng, khi bỏ thân này thì thân trung ấm vẫn còn tiếp xúc duyên cảnh chứ không phải tắt luôn. Chúng ta chỉ bỏ thân mạng này thôi, còn cái nhận định nơi duyên trần giống như bây giờ, không khác, chỉ có điều là chúng ta không mang thân mấy chục ký lô thôi, lúc đó chúng ta vẫn hiểu biết, vẫn lo âu, sợ hãi, buồn thương giận ghét giống như bây giờ. Nếu ngay tại đây đối với lục trần chúng ta tự tại thực sự, chúng ta thấu hiểu tất cả duyên trần vốn vô trụ; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vốn vô trụ; các pháp vốn vô trụ, thân căn vốn vô trụ, căn đối với trần không hề dính lại. Một người nhận rõ như vậy gọi là thọ nhận Kinh Kim Cang.

Nếu chúng ta chưa thấy một lần sắc đối với nhãn căn là vô trụ, thì biết rằng mình chưa thọ nhận Kinh Kim Cang, chưa thọ nhận thì chưa trì tụng được. Khi nào chúng ta học

Kinh Kim Cang đến chỗ "*không nên trụ sắc sanh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia,*" nhận được lý vô trụ nơi căn trần là chúng ta thọ nhận và bắt đầu trì tụng. Không phút giây nào mình sống mà lìa vô trụ, nhưng không phải là chúng ta cố sống vô trụ, đó là điều rất sai lầm. Một phen nhận được căn trần không dính nhau, tức là mắt không dính với hình sắc, tai không dính âm thanh, mũi không dính nơi mùi, lưỡi không dính nơi vị, ý không dính pháp trần, tự động không dính là đúng.

Nhưng nếu mình học và hiểu rồi ứng dụng tu hành, mỗi lần mắt thấy hình sắc thì quán pháp này là không, là huyễn, là vô thường, là vô trụ để mình đừng dính thì người đó không phải nhận ý chỉ Kinh Kim Cang, mà nhận ý chỉ khác. Đức Phật không dạy chúng ta biết để chút nữa làm, nếu một lần chúng ta thấy thực sự các pháp vốn vô trụ, thì tự động otomatic tận nguồn tâm chúng ta không trụ được nơi pháp nữa là đúng, nên đi đứng nằm ngồi tự nó vô trụ. Các pháp tự nó vô trụ, mình không trụ được nơi pháp, chứ không phải về nhà dụng công, không phải người ta nói nặng mình rồi mình dừng lại quán âm thanh là huyễn nói rồi nó mất, nó không dừng trụ, mình nắm giữ nó không được nên thôi, kiến giải đó đúng nhưng chưa phải.

Người thọ nhận Kinh Kim Cang là suốt cuộc đời còn lại không nói tới hai chữ dụng công tu tập nữa, cũng không có cách cho họ dính nơi pháp trần được. Nếu ngày nào mình còn thảnh thơi thấy các pháp không dính với mình, nhưng khi công chuyện dồn đến mình thấy mình vướng lại, là chúng ta chỉ hiểu thôi. Có người có kiến giải rất hay nhưng đụng

chuyện họ còn gợn một chút mảy tình, thì biết rằng người đó chưa có triệt. Lục Tổ Huệ Năng, sau khi nghe *"Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia",* Ngài nói *"Bổn lai vô nhất vật,"* tức là Ngài nhận ra bản thể thanh tịnh không có một vật dính nhiễm được, nhận ngang đó vẫn chưa được y bát.

Tới khi Ngài nghe Kinh Kim Cang lần hai, Ngài à lên "*nào ngờ" (*tức là sự bất ngờ khi được thấy tận cùng của Tự Tánh mình): *"Nào ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ Tự Tánh bất sanh bất diệt, nào ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ, nào ngờ Tự Tánh vốn không lay động, nào ngờ Tự Tánh hay sanh muôn pháp."* Tới chỗ này đối với tất cả người tu thiền xem như được triệt ngộ. Sau này, khi ra hoằng pháp Lục Tổ lại nói nhiều chuyện khác hơn nữa. Tới đây rồi không thể lầm mê được, cho nên không cần phải sống trong chùa, chơi chung với thợ săn mười lăm năm lên tòa thuyết pháp vẫn như mây trôi, như nước chảy, không cần phải huân tập, không cần tu hành nữa.

Suốt mười lăm năm sống với thợ săn, cư sĩ họ Lư có tu không? Nếu nhìn chiều nào khác thì Ngài vẫn tu, vì bị thợ săn bắt giữ lưới nên lỡ có con thú nào dính bẫy Ngài nhìn tới nhìn lui không có ai thì thả cho nó chạy, tâm từ tự động lớn lên, khi thấy đạo lý rồi thì không thể làm ác được. Trong hoàn cảnh đó Lục Tổ chưa một lần ngồi thiền, nếu ngồi thiền sẽ bị phát hiện vì Ngài đang bị truy đuổi, khắp thiên hạ đang tìm Ngài để lấy lại y bát. Lục Tổ khi thấy được Tự Tánh vốn tự thanh tịnh rồi, thì làm thêm cái gì nữa để cho nó thanh tịnh đây? Không thể thêm được, thêm một chút cũng thành thừa. Ngày đầu tiên ra thuyết pháp Ngài nói tới lý không hai, nói

tới chỗ vô nhiễm của Tự Tánh.

Mười lăm năm sống chung với thợ săn, nếu nói theo Thiền Tổ Sư là "hàm dưỡng", mười lăm năm "bảo nhiệm". Sau lần ngộ rồi phải tìm một nơi nào đó để "bảo nhiệm" cái thấy biết "hàm dưỡng" công phu của mình. Khi đã triệt ngộ thì sống giữa chợ đời, đến chỗ thực sự nhiễm mà tự tại được thì đó mới là Thiền Sư thứ thiệt. Còn tìm nơi thanh tịnh, nơi núi vắng rừng sâu để gọi là "bảo nhiệm" thì không phải cao thủ, có khi người đó chưa triệt ngộ, nhờ hoàn cảnh yên đó mà vị này nhận được đạo lý thì đúng. Thiền Sư đã triệt ngộ rồi lên núi để "bảo nhiệm" là sai, triệt ngộ rồi còn lên núi làm gì?

Có người hỏi Quốc Sư Huệ Trung : "S*au 40 năm ở trên núi Ngài làm gì?"* Ngài gọi kêu đứa nhỏ lại vỗ vỗ đầu: "*tỉnh tỉnh chớ bị người lừa*", bao nhiêu đó, không nói gì thêm nữa. Như vậy là bốn mươi năm trên núi ngài Huệ Trung chỉ tỉnh tỉnh đừng bị người lừa.

Còn Lục Tổ Huệ Năng thì khác, ngài đã từng bị truy đuổi chạy lủi vô đám thợ săn để sống, thì *có "tỉnh tỉnh chớ để người lừa"* như Quốc Sư Huệ Trung không? Không bao giờ có chuyện đó, Ngài không có thời gian, cuộc sống thợ săn rày đây mai đó như người phiêu lưu, nhưng Ngài vốn đã thấy Tự Tánh vốn thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, vốn không lay động, vốn không sanh diệt, vốn hay sanh muôn pháp, không cần phải thêm, không cần phải bớt nữa, coi như xong, không còn chuyện để bàn. Nếu chúng ta thật sự thấy căn trần không dính nhau rồi, thì không cần phải thêm, bớt hay loại bỏ thứ gì nữa.

Ví dụ mình đi ra chợ mình thấy có cái gì đó vướng lại, về nhà cứ nhớ chuyện đó hoài. Nếu là người thật sự tu là về nhà phải lo rồi đó, về phải tẩy xóa cho được trong đêm nay

không để thừa tới ngày mai, nếu không ngày mai tất cả những bóng thừa đó đi vào giấc ngủ nó sẽ chìm rất sâu trong vô thức và nó trở thành mầm mống sanh tử sắp tới.

Ví dụ chúng ta bực mình khó chịu với một lời nói nào đó hay việc làm nào đó, nếu mình để luôn đi ngủ thì nó sẽ ngấm sâu trong tàng thức, nó sẽ huân thành chủng tử nghiệp thức của mình liền. Khi chạm lại việc đó lần thứ hai, quý vị mới thấy chuyện dễ sợ xảy ra sâu gấp một trăm lần, vì chúng ta đã nuôi nấng trong tàng thức rồi, thấy vậy chứ nó tự lớn lên. Chuyện thương cũng vậy, chúng ta vừa ý người nào đó một chút xíu thôi, mình là người tu không dám tưởng người nó đẹp như thế nào, nhưng vào giấc mộng nó sẽ vẽ người đó như tiên xuống trần, nó in đậm trong tâm thức thì mỗi ngày hình bóng đẹp đó mỗi sâu, khi gặp lại rồi thì chúng ta cảm thấy choáng váng trước người đó, gỡ không ra được.

Cho nên người thật sự tu giỏi là mắt vừa chạm sắc trần, tai vừa chạm thanh trần là ngay chỗ đó xử lý cho xong. Trường hợp người đó thấy được đạo lý này tức là nhận Kinh Kim Cang, thấy lý vô trụ thực sự rồi vừa chạm là nó tự động rớt, đây là điều rất đặc biệt của người thọ trì Kinh Kim Cang.

Như vậy trong suốt quá trình họ ở trong đời sống còn lại này, nói tu tập cũng đúng mà không tu cũng đúng luôn. Nói người này tu thì thật sự không ai tu bằng, vì không có sát na nào mà họ bị dừng lại nơi duyên cảnh, hoàn toàn trong sạch không hề bị nhuốm bất kỳ cái gì. Người này tu kỹ đến độ chúng ta có ngồi thiền tám năm hay tám ngàn năm cũng không bằng họ một giây. Cho nên người này không cần bất kỳ loại thiền định nào, vì họ nhận được sự thanh tịnh trong lặng thường tại định không có phút giây nào tạm dừng. Gần như

không có phút nào có chút vướng bận nơi tâm họ được. Họ đã sống suốt quá trình còn lại là thanh tịnh và đạt tới đỉnh cao của tâm mình hoàn toàn.

Khi sống đúng vô trụ một thời gian họ sẽ nhận được *"Xúc mục tức bồ đề,"* vừa chạm mắt là giác ngộ chứ không có chuyện khác. Và sống đúng như thật pháp rồi thì thấy là Như, nghe là Như, ngửi là Như, nếm là Như, xúc chạm là Như, ngay nơi đó là Như Như. Nó vốn như vậy nên mình như vậy mà rõ biết không thêm không bớt được. Người luôn luôn thấy là Như, nghe là Như, ngửi là Như, nếm là Như, xúc chạm là Như thì không có chỗ nào dính lại, đó là người thọ trì và đọc tụng bốn câu kệ Kinh Kim Cang, người đó xứng đáng được trời người cúng dường. Chúng ta gặp người như vậy nên gieo duyên một lần. Không phải là đi đâu cũng ôm quyển Kinh như thờ tháp Phật là không đúng.

"Này Tu Bồ Đề, nên biết người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hy hữu. Nếu Kinh này ở chỗ nào ắt là có Phật hoặc là những đệ tử lớn của Phật."

Trong đời này nếu chúng ta học đạo hiểu được giá trị Kinh điển Đại thừa có tầm vóc rất quan trọng. Trong hệ thống Kinh Nguyên thủy, các vị trải qua những tầng định, nhập định, xuất định, có người có thần thông; có thể một tháng, hai tháng, mười tháng, có người một đời nhập định, nếu so sánh với người thọ trì Kinh Kim Cang, thì họ vẫn không bằng một mảy may.

Người này cho tới tận kiếp vị lai không rời định mới thật là định của Phật thừa, cho nên Đức Phật nói: "*Người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hy hữu."* Không Pháp nào có thể hơn được và không ai đủ sức làm người này lìa khỏi

định, đây là điều đặc biệt. Người dụng công theo pháp Đại thừa mới thấu hiểu và thông cảm được điều này. Đây là chiều sâu của định. Nhận được chỗ này giống như được Kim Cang định hoàn toàn, lúc đó muốn dùng một chút của định Kim Cang này lưu thân, thì thân này trở thành Kim Cang bất hoại, hàng tỷ tỷ năm không bao giờ suy suyển, thân này vẫn tươi nhuận, tiếp tục mọc lông mọc tóc ngồi đó.

Định Đại thừa khủng khiếp mà chúng ta không thể dùng ngôn ngữ hay cái đầu người phàm để hiểu về các vị này. Vì họ không còn tu, không chợ, không chùa, gần như chỗ nào họ cũng có mặt, họ sống kiểu không giữ oai nghi tế hạnh, họ có thể ăn chơi giữa chợ bình thường, nhưng nói tới chuyện sanh tử mức độ nào người này cũng đủ sức. Đó là điều rất lạ của người ngộ Đại thừa, không phải bảo nhiệm nữa, nhưng chưa triệt ngộ thì phải có thời gian công phu, phải ngồi lại để mình tự thấu được điều này, không thêm cái gì.

Quý vị không tưởng tượng được cái lực đó, thấy họ in tuồng như người phàm, thấy cũng ham ăn ham ngủ, nhưng nghìn trùng sai biệt. Ở nơi họ gần như trống hoắc từ sáng sớm cho tới chiều tối, kiếm một chút lợn cợn nơi tâm trở lại cũng không có. Đôi lúc họ phải sống như một người phàm thực sự, phải cười vui khóc lóc cho giống người thế gian một chút. Tại lỡ mang thân người thì phải làm cho giống người, chứ thực sự, từ khi nhận được cái này là họ đã tẩy xóa cái nghiệp người rồi.

Phút chốc thân ngũ uẩn giai không đã không còn là người nữa. Toàn thân họ bắt đầu trở thành toàn pháp của chư Phật, không khác được, ở đâu cũng là tuyệt đối với Chánh pháp. Cho nên học Kinh điển Đại thừa chúng ta khó vào, ở

chỗ là chúng ta không đủ sức lìa thoát thân này một lần, không đủ sức tự chết đi một lần nên họ còn có khó khăn. Phải sẵn sàng chết bất kỳ giờ phút nào, không hề có một chút lợn cợn nơi tâm thì mới được, lìa bỏ thân này không chút ngại ngùng. Học Phật mà vẫn còn có cái gì quan trọng trong cuộc đời này, nhứt là thân mạng nếu có thái độ giữ gìn chấp thật thì chúng ta khó có thể nhận được Tự Tánh thanh tịnh của mình.

ĐOẠN 13 : ĐÚNG PHÁP THỌ TRÌ

Khi ấy ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là tên của Kinh này, chúng con làm sao phụng trì?

Phật bảo Tu Bồ Đề: Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, do danh tự ấy ông nên phụng trì. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy gọi là Bát Nhã Ba La Mật.

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng?

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp.

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

Này Tu Bồ Đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới.

Này tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như lai chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như lai. Vì cớ sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng.

Này Tu Bồ Đề, nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong Kinh này cho đến thọ trì bốn câu

kệ v.v… vì người khác nói thì phước này rất là nhiều.

Ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Phật: Tên bản Kinh này là gì, và con làm sao để phụng trì? Đức Phật dạy: "*Kinh này tên là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, do danh tự ấy ông nên phụng trì".*

Với cái đầu bình thường, nói Bát Nhã Ba La Mật chúng ta liền khái niệm Bát Nhã là trí tuệ thấu thoát sanh tử, không vướng mắc trần gian, thoát khỏi tam giới, trí tuệ sáng suốt sang bờ kia, không ở bên bờ mê, không còn lầm lẫn. Đó là cái thấy biết giác ngộ hoàn toàn, vượt bờ sanh tử. Đó là ý bản Kinh Kim Cang.

"Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy gọi là Bát Nhã Ba La Mật."

Nếu nói tới Bát Nhã Ba La Mật trong đầu chúng ta liền nảy sanh trí tuệ sang bờ kia, là kim cang bất hoại, là sáng suốt nhiệm mầu, không lầm mê sanh tử. Một lần công phu chúng ta thoáng tới vị trí này lúc đó nơi hành giả hoàn toàn không có mê và giác, tan biến thật sự hai bên để chúng ta còn cái thuần tri. Cái thuần tri đó không nói Bát Nhã hay không phải Bát Nhã, không có người tri và vật bị tri, không có người biết và tất cả mọi vật đều bị biết nữa, lúc đó chỉ là toàn tri. Toàn tri đó không tự nói nó là toàn tri.

Theo mình diễn tả bằng ngôn từ thì nó là chỗ sáng suốt nhiệm mầu, trùm khắp pháp giới, chứ phút giây đó đạt tới Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật thực sự thì nó không là gì hết, nhưng trong tam giới không có cái gì có thể so sánh với nó. Lúc này còn hay mất, có hay không, tuyệt đối mất đi cái có không, mất

đi cái phân biệt so sánh, dù một mảy may nơi tâm thức chúng ta cũng hoàn toàn không có. Khi tới cảnh giới này chúng ta mới thông cảm thế nào là vô ngã, vô pháp. Nếu không được như vậy thì dù chúng ta nhận đạo cỡ nào vẫn còn nguyên ngã, pháp.

Ngài Trí Thường là đệ tử của Lục Tổ, sau khi ngộ Ngài nói một câu rất tuyệt vời: "*Tình còn một niệm ngộ. Đâu vượt mê ngàn xưa".* Phút giây đó còn mình thì mới có đạo để mình ngộ, chứ mất mình rồi thì đạo chỗ nào để cho mình nhận? Chúng ta phải tu tới chừng nào vong bặt sự so sánh, chứ không phải là hiểu điều kia điều nọ. Nghe đạo lý mà còn hiểu, còn chấp nhận, thậm chí diễn đạt được Phật pháp chúng ta đã nghe, còn hay hơn thầy mình nói thì chúng ta chỉ là người giải ngộ thôi, là hiểu bằng tâm thức chứ tâm thức chưa chết.

Người tu thực sự thì Kim Cang không phải là Kim Cang, Bát Nhã thực sự không phải là Bát Nhã, thì sau lần đó chúng ta trở lại con người thường. Phút giây đó mình không còn là người, nếu còn là mình nhận đạo, mình biết đạo, mình ngộ đạo, mình nhận đạo, mình sống đúng với đạo thì biết chúng ta chưa tới chỗ này, chưa thực sự chết, chỉ là chết giấc. Chúng ta có thoáng chưa chết hẳn thì phải chết đi cái thoáng đó, nếu ai công phu đến đỉnh điểm này thì phải khéo léo, vừa thoáng mất mình chúng ta mừng quá tưởng mình vô ngã, ngộ đạo rồi thì sai lầm. Lúc đó nếu thật sự có thầy, thì ông thầy phải bóp thêm một cái nữa cho đệ tử chết luôn (vì mới chết giấc thôi). Phải chết luôn cái chết đó mới qua cửa ngõ bên kia.

Có rất nhiều người tới chỗ này dừng lại, mà vị thầy không thật giỏi, không thật sự cao thủ, không nhận ra đệ tử mình chết giấc thì ngang đó có thể công nhận đệ tử ngộ đạo.

Vì sau một lần thoáng chết, họ lý luận mà vị Pháp sư lơ mơ không thể lý luận lại nhưng chưa chết hẳn. Tức là vẫn còn dấu tích của chúng sanh chưa triệt, nên phải phát tâm phát nguyện: "Nguyện cho con tiêu trừ nghiệp chướng báo chướng, phiền não chướng, hoặc nghiệp, lậu hoặc v.v…" Phải giải trừ đến lậu hoặc thật sự vì chưa mất dấu tích của chúng sanh nên nó còn mầm mống sống lại.

Có rất nhiều người trong nhà Thiền giải ngộ giỏi lắm, qua một đêm nằm mộng là sáng ngày ngộ đạo. Tức là nửa đêm thấy Tổ cho bài kệ, thức dậy thấy mình ngộ lý gì đó, nhưng thực sự không phải, thức thấy đạo còn không xong đừng nói là ngủ. Hồi xưa nghe chuyện này tôi nể phục các vị đó tu giỏi, nhưng sau này hiểu đạo thấy không phải, không mất dấu tích chúng sanh. Tẩy xóa cái nghiệp làm người nó kinh khủng lắm, cảnh giới đó không thể diễn bày bằng ngôn ngữ người phàm được. Tới đó mình mới hiểu Bát Nhã không phải là Bát Nhã, dù có lý luận cỡ nào, dù có hiểu cở nào chúng ta cũng vẫn không thể tương thông được cảnh giới này.

Khi chúng ta hòa nhập thực sự trong cảnh giới Bát Nhã rồi, lúc đó cả tam giới này chỉ là vậy thôi, không có gì khác hơn, không có chuyện mê mờ và sáng suốt, không có đúng sai, không có phải trái, vong bặt hết các cửa ngõ, không hai hoàn toàn, không phải không trái, không có đạo, không mê mờ, không có sanh tử, không có Niết Bàn. Lúc đó muốn nói Bát Nhã cũng được, nói không Bát Nhã cũng được, chỗ này sáng suốt nhiệm mầu không lầm lẫn sanh tử. Một phen thấy như vậy mới hy vọng người đó vượt qua tam giới. Dù người đó là ai thì cũng phải bước qua cửa ngõ này, còn chưa thì biết việc chúng ta chưa xong.

"Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng? Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp."

Tại sao Đức Phật nói *"Bát Nhã Ba La Mật tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy gọi là Bát Nhã Ba La Mật"* giờ lại nói *"Như Lai có nói pháp chăng?"*, có lạc đề không? Xin thưa: Rất tuyệt vời! Đức Phật chưa bao giờ lạc đề. Đức Phật vừa khéo léo hỏi: Đức Phật có nói Pháp không?

Chúng ta thường nói Phật tánh của mình là bất sanh bất diệt, Như Lai là thanh tịnh nhiệm mầu, còn Pháp (tướng) là lời Đức Phật nói ra xem như pháp trần. Đức Phật rất khéo nói trong Kinh Hoa Nghiêm "lý vô ngại" thì chúng ta phải đạt đến "sự vô ngại", rồi đạt "lý lý vô ngại" và "sự sự vô ngại" thì mới dung thông pháp giới. Nếu Ngài Tu Bồ Đề thấy rằng: *"*Như Lai không phải là Như Lai mới thật là Như Lai,*"* như vậy Đức Phật nói Pháp có thật Pháp không? Đức Phật vừa khéo léo nói cái Như Lai vừa khéo léo nói đến Pháp mà Đức Phật đang nói. Cái Pháp là lời Đức Phật đang nói này là có hay không? Đức Phật có nói Pháp không? Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nói:*"Kể từ khi Ngài Bồ Tát Hộ Minh giáng thần nhập thai cho tới khi nhập Niết Bàn, ở khoảng giữa đó Ngài chưa từng nói câu nào"*. Chưa từng nói sao có tam tạng giáo điển? Còn các vị Thiền Sư thì nói*: "Nói mà không động lưỡi",* cho nên xem như không nói câu nào, Đức Phật muốn nói tới điều này. Theo kiến giải từ trước tới giờ ông học ta, ông hiểu tới trình độ này, vậy ta có nói pháp không? Khi nào chúng ta nghe lời Pháp mà không còn là Pháp nữa, lúc đó chúng ta mới hiểu Đức Phật có nói pháp hay không. Chúng ta nghe Pháp vẫn là Pháp thì chưa phải, vẫn còn mình ở đó và

có tiếng Pháp để mình nghe. Chúng ta nghe làm sao mà Như Pháp để Pháp không phải là cái gì tới với mình, mình không phải là người ngồi đây để nghe Pháp. Mình và Pháp không còn hai, thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu Đức Phật có nói Pháp hay không? Dù chúng ta có hiểu cỡ nào mà vẫn còn mình và Pháp thì chưa đúng. Chúng ta sẽ hiểu tại sao Đức Phật không nói Pháp.

Nếu chúng ta không còn suy tư so sánh, âm thanh hiện ra rõ ràng như vậy, thì có thể có một chút tương thông với chỗ này. Đoạn này hết sức chuyên môn, nên người học Phật phải hết sức trầm tĩnh để nghe bằng tất cả cái hiện có của chính mình, nghe bằng cái riêng của chính mình, đừng nương tựa bất kỳ một kiến thức nào, đừng có cái gì cũ, đừng có cái gì trước. Trước khi có âm thanh chúng ta không hề có sự chuẩn bị, ngay khi âm thanh hiện ra cũng không hề có sự so sánh nào, sau khi dứt âm thanh chúng ta cũng hoàn toàn mất dấu cái hiện hữu đó là của riêng mình.

Ví dụ chúng ta nghe đoạn này hay, phù hợp với chuyện vị Thiền Sư nói bữa trước, phù hợp với bản Kinh nào đó Đức Phật nói, phù hợp với bài giảng nào đó, tức là chúng ta nghe bằng kiến thức của người khác, chúng ta bắt đầu so sánh thì lúc đó chúng ta thấy Đức Phật có nói Pháp. Nhưng nếu chúng ta nghe một cách vô tư thực sự, nghe bằng cái nghe của riêng mình, nghe bằng cái trong sáng hiện hữu không hề lùi về quá khứ để so sánh, mất đi tương lai chỉ là hiện hữu rõ biết này thôi thì lúc này không có Pháp và mình cũng không. Nếu thấy có Pháp và có mình là chúng ta đang nghe thuyết Pháp thì Đức Phật có nói Pháp.

Còn nếu chúng ta nghe đến Pháp, nghe đúng Pháp

thực sự không có Pháp người đó thuyết và không có người đang nghe thuyết. Hoàn toàn không có Pháp hội hiện tiền, nhưng Pháp hội đó luôn luôn diễn bày cho đến tận kiếp vị lai không bao giờ bị tàn rụi. Đức Phật mặc dù không hề nói câu nào về Pháp cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, nhưng Pháp hội đó luôn luôn sống động trong từng phút giây nếu chúng ta biết. Khi chúng ta hòa nhập trong đó thì Pháp hội chư Phật từ ngàn xưa tới giờ chưa hề bị tắt mất giờ nào. Thực sự Đức Phật không nói lời nào, nếu chúng ta thực sự tới chỗ này thì thấy Pháp vô Pháp thì Pháp đó mới thật là Pháp, còn nếu Pháp là Pháp, thì Pháp đó không phải là Pháp nữa rồi.

Chân Pháp thật sự không phải là Pháp, cho nên Đức Phật đang ở cảnh giới Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật để diễn bày ý này. Đức Phật đang ở chỗ vô Pháp thật sự mà nói Pháp, cho nên Pháp đó không phải là Pháp, Pháp không phải Pháp, Pháp đó mới thật là Pháp. Mình thì thấy có hoặc là thấy không, nhưng Đức Phật nói có không phải là có mới là thực có. Trắng không phải trắng mới thật là trắng, đen không phải đen mới thật là đen. Lối lý luận này gần như phá vỡ cái hiểu biết thường tình của mình, nếu mình còn hiểu theo kiểu một với một là hai thì chúng ta không thể thông cảm được. Một Pháp nó vốn là tất cả Pháp và tất cả Pháp chỉ là một Pháp, không so sánh phân biệt, tất cả mọi cái đều là như vậy, lúc đó mình mới hiểu Pháp của Đức Phật, và tại sao Đức Phật không hề nói Pháp.

Ngài Tu Bồ Đề cũng thấu hiểu điều Đức Phật dạy cho nên nói là : Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói Pháp. Đức Phật có từ chối không có nói Pháp không? Không có, Đức Phật luôn hiển bày Pháp bằng câu từ chối này. Khi Đức Phật

nói Ngài không nói Pháp là thực sự Ngài đang diễn bày Pháp không này, không pháp mới thật Pháp.

"Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng? Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Này Tu Bồ Đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần, ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới."

Đức Phật nói từ cái nhỏ nhứt là vi trần. Ví như hạt bụi chúng ta nghiền ra nhiều hạt bụi nhỏ trở thành ngưu mao đầu trần, là nhỏ như đầu cọng lông con trâu; rồi nghiền nữa thành thố mao đầu trần nhỏ như đầu cọng lông con thỏ; và nghiền nữa thành lân hư trần; rồi nghiền nữa thành vi trần, là vật rất nhỏ nhiệm gần mất đi vật chất; rồi nghiền nhỏ nữa thành sát na, là vật cực nhỏ mắt thường không thấy nổi.

Vi trần đối với pháp giới nó rất nhiều mà cái đầu người ta không thể so sánh tính đếm được, vi trần đủ duyên hình thành vật chất lớn là thế giới. Đối với Đức Phật, Ngài thấy vi trần cũng không phải là vi trần, thế giới cũng không phải là thế giới. Chúng ta thấy hình sắc cái bàn tới khi nó không còn là vật chất với chính mình, thì thế giới không còn là thế giới nhưng nó là thế giới đang hiện hữu. Cái này không phải do quán, nếu chúng ta dùng pháp quán cái bàn thành không là chúng ta sai. Làm sao mà ngay tại cái thấy này mà chúng ta hoàn toàn không còn mình và cái bàn thì cái bàn thành không với mình. Ngay cái thấy và hạt bụi với mình không còn là hai nữa, liền tan biến người thấy và vật bị thấy, lúc đó chúng ta mới hiểu vi trần không phải là vi trần. Trong tất cả cái thấy nghe của mình, nếu mình thực sự hiểu Kinh Kim Cang thì cái gì chạm mắt, chạm tai ngay đó nó hoàn toàn tan biến, lúc đó

chúng ta sẽ hiểu vi trần không phải là vi trần, thế giới không phải là thế giới.

"Này tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như lai chăng? Bạch Thế Tôn, không vậy! Không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như lai. Vì cớ sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng."

Chúng ta thường nghe Đức Phật xưng với mọi người là Thế Tôn, có khi xưng với mọi người là Như Lai, trong Kinh Kim Cang thì Đức Phật xưng với mọi người là Như Lai. Đức Phật muốn hỏi Ngài Tu Bồ Đề có thể do ba mươi hai tướng tốt mà ngươi thấy được ta chăng? Nếu thấy Đức Phật bằng thân tướng đó thì có phải là thấy Đức Phật không? Ngài Tu Bồ Đề thưa: "*Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng."* Ngài rất khéo trả lời, Ngài không dám khẳng định đó không phải là thân Phật, mà là lời Phật dạy.

Ở đây chúng ta mới thấy sự tinh tế của các vị Thánh hiền ngày xưa khi nói chuyện với Thầy mình. Mặc dù Ngài Tu Bồ Đề hiểu rõ chuyện ba mươi hai tướng không phải là ba mươi hai tướng, và Ngài cũng có khả năng khẳng định với Đức Phật không phải do ba mươi hai tướng mà con thấy Như Lai, con thấy Như Lai là con thấy cái gì chứ không phải thấy ba mươi hai tướng, nhưng Ngài khéo léo vô cùng. Một câu trả lời khéo léo tinh tế của người học trò rất giỏi. Đây là kiểu trả lời đáng để chúng ta học hỏi về sau. Sau khi nói *"Bạch Thế Tôn, không vậy!"* là Ngài đã khẳng định cái thấy của mình, nhưng Ngài khéo léo nói như Như Lai đã dạy con như vậy nên con thấy như vậy. Tất cả hiểu biết của người học trò là do

Thầy dạy, hôm nay Ngài hỏi nên con mới trả lời như vậy thôi chứ cái đó không phải là cái của con. Kiểu trả lời hết sức tinh tế.

Từ một hạt bụi nhỏ không có giá trị, thế giới bên ngoài cũng chẳng có giá trị, thế giới không phải là thế giới, vi trần không phải là vi trần, thì thân tướng của Đức Phật được huân tu từ nhiều ngàn đời kiếp mới có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, thì thân đó quý hơn vàng ròng. Với nhân loại khó được chiêm ngưỡng thân Phật. Trải qua ba đại tăng kỳ kiếp tu hành mới được thân tướng đầy đủ tướng quý và trang nghiêm, với thế giới này thì thân Đức Phật không có gì có thể so sánh và quý mến bằng.

Từ pháp ty tiện không có giá trị trong trần gian như vi trần cho tới pháp quý nhứt là thân Như Lai, thì với ông nó là thật hay giả, là có hay không, là đúng hay sai. Đức Phật đang nói tên Kinh, rồi nói tới pháp về tánh, về tướng, về quý, về tiện rõ ràng. Trong đoạn Kinh này, Đức Phật nêu ra hai vấn đề: Tánh và tướng, là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật và chuyện nói pháp của Đức Phật, bây giờ tới pháp trần là hạt vi trần nhỏ nhiệm không có giá trị gì, so với cái thân có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp ông thấy có gì khác nhau không? Đây là kiểu thầy gạn hỏi trò rất kỹ. Nếu ông thấy chuyện hạt cát nó không có giá trị, thì đụng tới thân Phật ông thấy như thế nào? Nếu cái thấy của chúng ta không có triệt thì chúng ta sẽ lựng khựng khó trả lời. Nếu nói thân Phật không phải là thân Phật mới thật là thân Phật thì có gì đó khiến cho người còn trong khung sáo không đủ sức chấp nhận. Đức Phật gạn hỏi từ pháp tánh cho tới pháp tướng, từ vật ty tiện tới vật quý giá, tức là hai mặt của vấn đề trong cuộc sống này. Nếu một người thấy đúng pháp

thì cái gì nó cũng như nhau, phải thấy thật sự bình đẳng từ hạt bụi là cái nhỏ nhất cho tới thế giới là cái to lớn nhất cũng phải thấy như nhau, từ thân phàm phu và thân quý mến của Đức Phật chúng ta cũng phải thấy như nhau. Tức là một phen cái thấy biết của chúng ta đạt tới cảnh giới bình đẳng rồi, thì tất cả mọi Pháp đều hết sức bình đẳng. Đây là chỗ Đức Phật đo lại cái thấy của ngài Tu Bồ Đề kiểu thầy gạn trò rất kỹ. Và đây cũng là bài học muôn đời cho chúng ta.

Khi ngộ đạo rồi, phút giây đó họ nhận được lý bình đẳng của pháp giới, lúc đó họ mới hiểu bình đẳng là cái gì, chứ bây giờ nói bình đẳng mình chỉ hiểu nghĩ lý Phật đạo nó vậy nếu mình còn so sánh thì mình là chưa hiểu đạo nên mình ráng kiến giải sao cho nó bình đẳng. Không phải như vậy, phút chốc thật sự bình đẳng không thể so sánh được, so sánh cũng không thể được nữa mới là bình đẳng. Bây giờ mình thấy cọng que nhỏ nó bình thường lắm, nhưng lúc chúng ta lìa thoát so sánh phân biệt thì nó rực rỡ hào quang đẹp hơn viên kim cương để trước mặt. Một phen người học Phật phải thấy tánh tướng của tất cả các pháp như nhau, thì người đó mới thấy thật đạo, còn không là chúng ta luôn thấy là so sánh phân biệt.

Nếu chúng ta còn rớt trong so sánh phân biệt thì tuệ của chúng ta chưa tròn. Một người nhận ra và sống đúng với sự thật thì sẽ có cuộc sống hết sức bình đẳng trong cuộc đời, họ đối xử với mọi người, mọi loài như nhau. Họ vẫn tôn trọng quý kính mọi người mọi loài, không có thái độ khinh miệt chê bai. Đây là điều rất lạ. Khi họ hiểu biết đúng hết tất cả các pháp họ sẽ có lối sống rất đặc biệt, họ có kiểu cư xử với mọi người rất bình thường, không đợi người có chức vị cao mới quý trọng. Gần như họ có thái độ tôn trọng và cung kính tất

cả mọi người mọi loài một cách tuyệt đối. Nếu sau phút giây đó, họ còn vẫn thấy địa vị mình hơn người, thấy người kia không bằng mình thì biết người đó chưa thấy hết. Đức Phật rà từ chỗ thấp thỏi, tầm thường, cho tới chỗ cao quý để coi cái thấy của ngài Tu Bồ Đề tới đâu, và người học Phật cũng phải thấy sự bình đẳng này một lần từ vi trần cho tới thế giới, thì cái thấy mới trọn vẹn được.

"Này Tu Bồ Đề, nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong Kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... Vì người khác nói thì phước này rất là nhiều."

Đức Phật vừa khen tặng người thọ trì bốn câu kệ Kinh Kim Cang, và cũng khen tặng một người vì người khác diễn nói. Một khi chúng ta thọ nhận được bốn câu kệ Kinh Kim Cang thì chúng ta mới sống được với đạo lý. Và chính người đã thọ trì được Kinh Kim Cang mới nên giảng nói Kinh Kim Cang, còn không thì khó lắm.

Các chùa thường đồn đãi với nhau tụng Kinh Kim Cang nóng lắm nên ít dám tụng vì sợ, cái gì cũng không có. Thật ra tất cả Kinh điển Đại thừa, từng lời, từng chữ có hằng hà sa số Long thiên hộ pháp hộ trì, không đơn giản, tội cho những nhà nghiên cứu Kinh điển chữ nghĩa, đã từng phê phán Kinh điển Đại thừa, không biết đến đời nào họ mới nhận ra trí tuệ này. Vì đụng chạm tới chữ nghĩa trong Kinh điển Đại thừa là chúng ta đụng chạm tới hằng hà Long thiên hộ pháp. Nếu một người thông Kinh Kim Cang, thì chùa đó hoặc nơi tụng niệm Kinh này sẽ có khí lành, có sự trong sáng rõ ràng lắm. Nhưng nếu người đọc không hiểu Kinh, thậm chí còn hiểu lệch ý Kinh thì các vị Long thiên hộ pháp khó chịu lắm.

Đức Phật nói chỗ nào chỉ có bốn câu kệ Kinh Kim Cang là quý như tháp miếu thờ Phật. Người hiểu đúng thì chỗ đó biến thành vàng ròng. Với người thấu hiểu thực sự Kinh Kim Cang thì nơi đọc tụng đó trở thành ngôi báu. Còn người không hiểu thì càng đọc tâm thức càng bị rối, ảnh hưởng tới khí nơi trì tụng, chắc chắn tâm thức người trụ trì rối thì xung quanh sẽ ảnh hưởng theo, và nơi sinh hoạt đó trở thành không tốt, cho nên người ta thường đồn trì tụng Kinh Kim Cang hay có chuyện là như vậy.

Các vị Long thiên hộ pháp hộ vệ từng câu, từng chữ, từng lời trong bản Kinh, nhiều khi các vị cũng hơi khó chịu với người trì tụng hoài mà không biết cái gì. Về mặt tâm linh và tâm thức người trì tụng không hiểu Kinh sẽ sinh ra từ trường rối, thì những người khác cõi người, họ nhận biết qua dao động sóng thức của mình, chứ họ không biết qua ngôn ngữ. Nếu chúng ta hiểu Kinh thì tự động sóng thức sẽ phát ra một luồng sáng rất lạ lùng, còn nếu chúng ta không hiểu thì sẽ có một vùng trời tối xảy ra, mà người phàm phu không thấy nổi điều này. Có những ngôi nhà bình thường, khi chúng ta phát những bản Kinh phù hợp Chánh pháp thì khí ngôi nhà đó rất khác, khi đó Long thiên hộ pháp có mặt đầy đủ để hộ vệ dòng Pháp đó.

Nếu chúng ta thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang mà không hiểu thì chỉ nên đọc âm thầm thôi, chỉ một mình nghe thôi, đừng có đọc lớn lên, chúng ta tự nghiền ngẫm, tự tu, tự mình khai phát ra. Khi chúng ta sống đúng được một ngày mới thấy giá trị Phật đạo, với các Kinh điển khác trừ Kinh điển Đại thừa chúng ta có thể hiểu, có thể nhận rồi tu.

Ví dụ học quán sổ tức thì về nhà chúng ta tập ứng

dụng, lần lần sẽ có bước tiến bộ theo kiểu công phu của mình. Riêng Kinh Kim Cang thì khác, Kinh Kim Cang chưa hề dạy chúng ta tu, nhưng nếu chúng ta hiểu Kinh Kim Cang một lần thì cuộc đời chúng ta chuyển hóa hoàn toàn. Một lần thấy được căn trần không dính nhau, thì mình thành con người mới, thành vô nhiễm thật sự trong trần gian này, không có cách nào có thể nhiễm được.

Không phải do thứ bậc công phu thường thường, mà chúng ta phải có tí căn cơ để thừa đương được những gì hết sức lớn lao. Thấy vậy chứ lớn lao vô cùng, một lần nó chạm tới tâm thức để phá vỡ tâm thức, là nó phá vỡ sanh tử ngàn kiếp của mình, không phải chuyện chúng ta hiểu để chấp nhận hay không chấp nhận. Kinh Kim Cang không lý luận để chúng ta hiểu lý luận này là đúng, hiểu lý luận kia là sai. Học Kinh Kim Cang là sẵn sàng được phá vỡ, có thể bùng vỡ bất kỳ giờ phút nào, sẵn sàng chết bất kỳ lúc nào. Người đó phải có chút căn khí Đại thừa, thì nghe mới thấu hiểu được, nếu không là khó lắm. Có vị Thiền Sưdiễn tả: "*Chúng ta như con muỗi mà ghim vô thân con trâu sắt vậy, không bao giờ lủng.*"

Hành giả tu tập tới đoạn gần mất thân, do chấp ngã nhiều đời nhiều kiếp của mình nên bị chơi vơi chúng ta rất sợ. Nếu không hiểu đúng, không công phu tốt, bố thí ba không toàn triệt, không chấp nhận buông toàn thân tâm nên đến đây là bị khựng lại. Thành ra tu thiền tới đoạn cuối này phải nhờ thầy, trừ những vị tái lai, không có vị cao minh thì không đẩy chúng ta qua cái cửa ngõ này đâu. Chúng ta vừa chuẩn bị qua cái khớp thoát khỏi kiếp người thì bị khựng lại, do phước chưa đủ, do nguyện lực chưa đủ lớn và căn cơ một lần không đủ sức để vượt thoát, nên cần thiết có một vị thầy bên cạnh.

Chuyện Ngô Thừa Ân diễn tả con khỉ Tề Thiên ngộ lý không đâu phải đơn giản, vậy mà còn năm trăm năm ở trong Ngũ Hành Sơn mới một lần phá vỡ thân ngũ uẩn. Cái đoạn để bước qua khỏi cửa ngõ một chúng sanh, sẵn sàng tẩy xóa kiếp người, mất đi dấu tích hoàn toàn của một chúng sanh, không còn gợn lại chúng sanh trong mình nữa thì đòi hỏi phước lực nguyện lực rất vững mới đủ sức để qua khúc quanh này.

Hoặc như chuyện: Có một nhánh cây đưa ra bờ vực, có một vị Thiền Sư miệng đang cắn nhánh cây đó. Một thiền khách hỏi*:"Thưa Thiền Sư, thế nào là đạo?"* Nếu Thiền Sư hả miệng trả lời thì rớt xuống vực tan thân mất mạng, còn nếu không trả lời thì cô phụ người hỏi. Vậy phút giây đó phải làm gì? Tức là khi lên tới đỉnh rồi, còn một bước nữa là xong nhưng chúng ta rất khó bước. Có người có kiến giải gần như là thấu hiểu các Kinh điển rồi, thấy hiểu hết tất cả mọi cái rồi, nhưng còn một chỗ không thấy, đó là lòng bàn chân! Là chỗ mình đang đứng. Nên phải mất dấu đứng của hai bàn chân thì chúng ta mới thấy hết được vấn đề, phút giây đó chúng ta phải nhảy một cái ra khỏi đỉnh cao kia, nếu không chúng ta sẽ bị khựng lại. Chỗ này thực sự quá chuyên môn, nếu không sẵn sàng chúng ta sẽ bị dội. Nên chúng ta phải vận dụng tất cả tiềm lực, năng lực vốn có, tất cả sức bình sinh còn lại chúng ta dồn hết cho chuyện này.

Ví như chúng ta bị nhốt trong ống tre, mà từ đây phải ngược lên trên ngọn để đi ra thì khó lắm, cho nên phải dùng sức đục ngang hông để ra. Phá vỡ được một lần như vậy mới hy vọng thấy trời cao. Kiếp người chúng ta ngắn ngủi mà mình cứ bỏ qua, hẹn ngày này tháng nọ hoài không biết chừng nào xong. Nên còn sống ngày nào, giờ nào, phút giây nào, còn thở

được một hơi thì mình còn quyết tâm phá vỡ chuyện này.

Còn không thì chúng ta cứ vuột hoài, rồi cũng hết một kiếp người tiếp tục được gởi ở đây để làm tiếp đời sau, và cứ mãi mãi như vậy. Thế nên, được duyên lành để làm người, phải tập trung hết sức bình sinh tẩy xóa. Phút giây đó quý vị mới thấy mình không còn là chúng sanh nữa, một dấu tích nhỏ nhất của chúng sanh cũng không còn, phải chết hẳn, khi qua bờ bên kia tâm thức chúng ta mới thật sự sống trọn vẹn trong cảnh giới giác ngộ của Phật đạo, đó là điều Đức Phật muốn chúng ta như vậy.

Chúng tôi mong rằng thính chúng là người đầy quyết tâm, đầy nhiệt huyết muốn phá vỡ thân ngũ uẩn, phá vỡ lầm mê sanh tử đi tìm học đạo lý. Trong lòng chúng ta luôn là ngọn lửa cháy rực, sẵn sàng đốt cháy hết kiếp này, đừng bao giờ để năng lực tu tập bị nguội xuống, càng lúc nó càng nóng lên hừng hực cháy nơi mình. Mặc dù mình không có dụng công, không nương một pháp nào để đi. Đức Phật dạy chúng ta phải thấu hiểu sự thật, lòng chúng ta lúc nào cũng mong mỏi quyết liệt để thấy rõ sự thật. Sự nôn nóng, sự thúc bách ở nơi tâm chúng ta mỗi ngày mỗi mạnh, mỗi mãnh liệt hơn. Và nếu đủ lực quý vị sẽ thấy chính nhờ sự quyết liệt này, nó sẽ đốt nghiệp tập phiền não của chúng ta một cách mãnh liệt, nó lớn mạnh đủ đốt thân ngũ uẩn một lần. Thường chúng tôi không chỉ pháp tu, thật sự nếu có lớp đào tạo chuyên môn chúng ta vẫn có Pháp để dụng công, nhưng cũng đừng lấy công phu làm chính, thấy đến sự thật mới là chính. Nương công phu để chúng ta đừng đi loanh quanh thôi. Chúng ta tỉa bớt những râu ria rườm rà xung quanh mình. Cái thấy đúng

mới quan trọng, bằng cả ngàn năm công phu.

Chúng ta phải dồn tất cả lực về sự thật này, mong rằng nó sẽ phá vỡ bằng cái thấy biết của những lý luận Kinh Đại thừa thì chúng tôi nghĩ rất là nhanh. Chúng tôi mong tất cả chúng ta là những người đầy đủ nhiệt huyết, sẵn sàng chết đi thân ngũ uẩn bất kỳ giờ phút nào, để chúng ta hòa nhập vào Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật thực sự. Chúng ta sống những phút giây còn lại bằng Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, thì chúng ta mới là người biết thọ trì và đọc tụng bản Kinh này. Người đó mới được phước đức vô lượng vô biên như Đức Phật đã nói.

ĐOẠN 14 : LÌA TƯỚNG TỊCH DIỆT

Khi ấy ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói Kinh này, hiểu sâu được nghĩa thú, rơi lệ dầm dề bạch Phật rằng: Đức Thế Tốn! Rất ít có. Phật nói Kinh điển sâu xa như thế, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn mà chưa từng được nghe Kinh như thế. Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe Kinh này, lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng, nên biết người ấy thành tựu được công đức ít có bậc nhất.

Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói là thật tướng.

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì không đủ làm khó.

Nếu đời sau, khoảng năm trăm năm về sau, lúc đó có những chúng sanh được nghe Kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất. Vì cớ sao? Vì người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề: Đúng thế, đúng thế ! Nếu lại có người được nghe Kinh này, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề ! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật tức không phải đệ nhất Ba la mật ấy gọi là đệ nhất Ba la mật.

Tu Bồ Đề ! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục Ba La Mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục Ba la mật ấy gọi là nhẫn nhục Ba la mật.

Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề như thưở xưa ta bị vua Ca Lợi (Kali) cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng

ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Ta thuở xưa khi thân thể bị cắt ra từng phần nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, lẽ nên sanh sân hận.

Tu Bồ Đề ! Lại nhớ thuở quá khứ năm trăm đời, ta làm tiên nhân nhẫn nhục, vào thuở ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Thế nên, Tu Bồ Đề ! Bồ Tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ Tát không nên trụ sắc mà bố thí.

Tu Bồ Đề ! Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề ! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu Bồ Đề ! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư.

Tu Bồ Đề ! Nếu Bồ Tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ Tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc.

Này Tu Bồ Đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong Kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Đức Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề đúng pháp thọ trì và nói lên công đức Kinh Kim Cang. Sau đó ngài Tu Bồ Đề ngộ, Ngài xúc động rơi lệ dầm dề mà bạch Phật rằng*: "Đức Thế Tốn! Rất ít có. Phật nói Kinh điển sâu sa như thế, con từ trước đến giờ đã được huệ nhãn mà chưa từng được nghe Kinh như thế. Nếu lại có người được nghe Kinh này, lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng, nên biết người ấy thành tựu được công đức ít có bậc nhất."*

Trước kia ngài Tu Bồ Đề được huệ nhãn, có nghĩa là Ngài chứng quả A La Hán, Ngài ngộ Lý Không Đệ Nhất và là một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật. Trong lịch sử kể lại ngày ngài Tu Bồ Đề được sanh ra, là tất cả kho đụn nhà cửa trống hoắc hết, sau một thời gian nó mới bắt đầu hội tụ trở lại. Báo hiệu một người khi ra đời không bị vướng mắc tiền tài, vật chất và tu tập thành tựu đạo quả. Cũng có bản Kinh khen Ngài đạt được Vô tránh tam muội, là loại Tam muội không tranh hơn, tranh thua.

Từ đầu bản Kinh, ngài Tu Bồ Đề gần như đóng vai chính để đối thoại với Đức Phật. Tới giờ phút này ngài Tu Bồ Đề xúc động khóc. Thường trong Phật pháp có người ngộ nhận ra lý Kinh thì cười, họ có thể cười nhiều ngày, có người ngộ nhận ra lý Kinh khóc nhiều ngày, sau lần đó người đó có thể thay đổi cuộc đời giống như chết đi sống lại. Ngài Tu Bồ Đề nói đã được huệ nhãn mà chưa từng được nghe Kinh điển sâu xa như thế. Hôm nay nghe được thì lòng thanh tịnh và đã thấy được thật tướng. Ngài trình kiến giải với Đức Phật và nói: Nếu người nào nghe Kinh này lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng, thì biết người đó thành tựu công đức ít có trong trần gian này.

Nếu chúng ta tin có Phật, có Pháp, có Tăng, hoặc tin nhân quả, tin lý nhân duyên, lý vô thường, vậy có phải là lòng tin thanh tịnh ắt sinh thật tướng không? Chưa được! Như trong Kinh Kim Cang Đức Phật nói tới Như Lai, tới Tự Tánh mình sanh lòng tin thì lòng tin đó cũng chưa phải lòng tin chân thật. Nếu chúng ta còn tin ở bên ngoài có một cái gì là đúng, còn tin có một Pháp nào là thật, thì đó là lòng tin của ý thức. Sự chấp nhận, gật đầu của chúng ta thừa nhận có điều gì là đúng, là phải, là không hư dối qua lý luận một bài pháp, một bản Kinh, một người giảng, hoặc vị thầy khai thị chúng ta sanh lòng tin, là ý thức chúng ta chấp nhận thì lòng tin đó không thanh tịnh theo kiểu ngài Tu Bồ Đề nói ở đây.

Lòng tin nhưng thật sự không phải tin mà là tương ưng. Lúc đó không còn tin về một điều nào nữa mới thật tin thanh tịnh, vì người này đã thấy được Pháp chứ không phải là tin nữa. Như bây giờ người đó nói với mình uống nước này nóng, nhưng mình không biết nóng cỡ nào, chỉ khi nào mình hớp vào miệng mới nhận được cái nóng của nước, không phải là tin nước nóng nữa. Hoặc người ta nói lửa nóng, mình thò tay vào bị phỏng lúc đó mình mới tin cục than này nóng. Giữa cái tin và cái nhận biết, hai cái này khác nhau hoàn toàn. Một phen con người ta nhận biết thì chết hết cả lòng tin, lúc đó mới thanh tịnh ắt sanh thật tướng. Muốn thanh tịnh thì ý thức chúng ta phải hoàn toàn chết lịm, chúng ta còn hiểu điều này thế này, hiểu điều kia thế kia, chúng ta chấp nhận điều này là đúng, chấp nhận điều kia là sai, thì chỉ là cái hiểu, là sự chấp nhận của chúng ta trên bề mặt ý thức thôi.

Phút chốc lòng tin sanh thật tướng thực sự thì ý thức

không còn hiểu được, không còn mình ở đó để hiểu được đạo. Lúc đó đạo lý với mình không còn là hai, không còn người hiểu đạo, không còn người nhận đạo, chỉ thuần là đạo lý. Và thật tướng được sanh ra sau phút chúng ta bặt dứt hết tất cả cái tin từ bên ngoài tin vào, mới gọi là thanh tịnh. Nếu mình nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Niết Bàn, Kinh Bát Nhã đều chỉ về Thật tướng, và đã được Đức Phật nói đi nói lại điều này quá nhiều rồi, bây giờ mình tin chắc điều này là đúng, tin chắc mình có Tự Tánh thanh tịnh, không bị sanh diệt bởi không gian và thời gian, thì lòng tin đó không phải là lòng tin thanh tịnh theo kiểu này.

Ví như từ trước tới giờ chúng ta thấy có cái bờ tường, lấy đèn rọi vào không thấy gì, nhưng bỗng dưng có người đứng trước bờ tường thì nó liền hiện bóng trên tường. Hoặc tấm kiếng từ xưa tới giờ rỗng, chúng ta đưa tay vào thì nó hiện bóng, cũng trong lúc bất chợt nào đó, người học đạo tu vẫn mù mịt, tự dưng họ nhận ra điều gì mà điều đó không phải do tu tập, không phải do tìm kiếm, lúc mình tìm kiếm thì không bao giờ mình thấy được, tới lúc ngưng dứt các tìm kiếm nơi tâm rồi, bất chợt hay ra được sự thật nó đã nguyên là như vậy từ trước tới giờ. Sự bất ngờ xảy ra như vậy khiến cho người ta chết lịm đi. Đến chỗ này không ai chuẩn bị được, nên các Thiền Sư nói: *"Tông ta, không ngữ cú, không có pháp cho người*". Gần như các Thiền Sư đóng chặt tất cả những phương tiện của hành giả tu tập.

Thường các Thiền Sư đã triệt ngộ không có Pháp để dạy cho người, chỉ thuần là việc khai thị để thiền giả bất ngờ nhận ra sự thật này mà thôi. Khi đến với Thiền Sư, các vị dập tắt sự hiểu biết của mình, thậm chí dập tắt luôn lòng tin của

chúng ta. Chúng ta bị rớt vào chân trời khác mà không phải là sự hiểu biết, vẫn là mắt, tai, mũi, lưỡi nhưng không dùng xài nó nữa. Thoáng chốc hành giả tắt lịm cái nhận biết nơi lục căn, mắt vẫn mở, hình sắc vẫn hiện ra với mình, âm thanh mình vẫn nhận biết rõ ràng, nhưng nó có cái gì khác hẳn với cuộc đời từ trước tới giờ. Mình vẫn ở nguyên đó gần như không thay đổi cái gì, nhưng chúng ta có sự nhận biết khác thường, mà ý thức không hiểu tới được, lúc đó mới gọi là lòng tin thanh tịnh. Lúc nào chúng ta có sự nhận biết nơi pháp trần không qua thân căn, lúc đó chúng ta sẽ có lòng tin thanh tịnh và thành tựu công đức ít có bậc nhất như ngài Tu Bồ Đề đã nói.

"Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng."

Tướng chân thật đó được diễn tả kiểu nào cũng được, mình muốn nó xanh thì nó thành xanh, mình muốn nó đỏ thì nó thành đỏ, mình muốn nó trắng thì nó thành trắng, mình muốn nó có thành có, muốn không nó không thì thành không. Nhưng nó không phải là xanh, vàng, đỏ, trắng, không phải có, không phải không, nó ly tất cả tướng, nhưng nó là tất cả tướng. Nó không phải tất cả tướng nhưng nó là tất cả tướng.

Học thiền, nhất là Kinh điển Đại thừa chúng ta phải đem cái đầu ra khỏi khung sáo, không phải một với một là hai, không phải trắng thì đen, không phải có thì không, nhưng nó không phải là có, không phải là không, nhưng ở nơi có nó có, ở nơi không nó cũng có. Cho nên khi các vị Thiền Sư khai thị, hoặc giảng dạy thính chúng, có khi các Ngài nói có, có khi các Ngài nói không.

Ngày xưa, có hành giả hỏi ngài Triệu Châu: *"Con chó*

có Phật tánh không?" Ngài trả lời*: "Không Phật tánh*". Hành giả không hiểu gì đi ra. Vị Tăng kế tiếp lại hỏi: "*Thưa Hòa thượng, con chó có Phật tánh không?"* Ngài nói: *"có".* Thị giả đứng gần bên thấy khó chịu, đợi ông Tăng đảnh lễ lui ra, thì liền thưa: *"Hòa thượng, hồi nãy ông Tăng trước hỏi thì Ngài nói không, ông Tăng sau hỏi Hòa thượng lại nói có?"* Ngài Triệu Châu nói: *"Thì ông trước là có, ông sau là không, ông trước là không, ông sau là có."* Thị giả cũng chẳng hiểu gì cả. Thiền Sư là như vậy!

Đến với Thiền sư, nếu chúng ta tìm để nhận được cái gì nơi Thiền Sưlà khó lắm. Các vị Thiền Sưthấy mình mang đầy kiến thức để lý luận với Ngài, thì Ngài liền nói không, với người chưa có kiến thức gì về Phật pháp thì Ngài nói có. Có và không đều từ cửa miệng của Ngài, có cũng không sai, không cũng không sai. Nhưng chúng ta nói có cũng không đúng, nói không cũng sai. Thiền Sưthì không có đúng không có sai, cái chính là Ngài phá vỡ đương cơ mà thôi. Cho nên có lúc Thiền Sưnói con chó có Phật tánh, lúc nói con chó không có Phật tánh, vậy lúc nào là lúc đúng nhất?

Đúng thì không lúc nào Thiền Sư không đúng, nhưng quan trọng là người đối diện được cái gì hay không được cái gì. Thiền Sư dùng từ là "Thánh ý khó lường". Đối diện với một vị thật sự là Thiền Sư rồi thì không ai lường được, ngay cả chư Thiên muốn theo cúng dường vị Thiền Sư cũng là khó rồi. Thiền Sư sống gần như hoàn toàn không ai hiểu, không biết gì hết, thấy giống như là sự biến hiện trong cuộc đời này. Lúc thì hiện kiểu thanh tịnh, lúc hiện kiểu ô nhiễm, lúc lên trời, lúc xuống biển, lúc nói có, lúc nói không, hoàn toàn không có gì trụ riêng của Thiền Sư, tùy đương cơ tới mà vị

Thiền Sư có cách giải quyết khác nhau.

Nhận ra cái "Không tướng tức là thật tướng" không có nghĩa là mình dẹp trừ những ý niệm nơi đầu, không phải mình hơn thua để trong đầu mình không còn cái gì để nhận thật tướng, không phải như vậy. Cái Không tướng lúc nào nó cũng hiện hữu ngay tại đây. Ví dụ ngay tại đây có bao nhiêu âm thanh chúng ta nghe hết, có bao nhiêu hình sắc chúng ta thấy hết, ngưng âm thanh thì mình không nghe âm thanh, có âm thanh kế tiếp chúng ta tiếp tục nghe nữa. Âm thanh có phát ra chúng ta nhận biết có âm thanh, âm thanh không phát ra chúng ta cũng nhận biết không âm thanh, nhưng cái nhận biết có âm thanh và cái nhận biết không âm thanh nó là cái gì? Có tướng dạng không? Hoàn toàn chúng ta muốn kiểm tra để xem nó là tướng gì chúng ta không thể kiểm tra được.

Nếu cái chúng ta thấy tất cả hình sắc như màu xanh, vàng, đỏ, trắng trước mắt chúng ta đều rõ hết nhưng cái thấy xanh, vàng, đỏ, trắng có tướng không? Cái này nó không thay đổi, như nhìn bên kia chúng ta thấy tấm bảng, nhìn bên đây thấy cái bàn, nhìn bên kia cũng thấy, nhìn chính giữa cũng thấy, cái thấy liên tục từ bên kia tới bên đây, cái thấy đó không thay đổi, sự việc được chúng ta thấy liên tục mới mẻ không thay đổi, vậy cái đang nhận rõ đó có tướng gì? Nó không có tướng, nhưng không lúc nào nó không rõ thì đó là Thật tướng. Thật tướng thì không thay đổi nhưng nó lại là Không tướng.

Khi nào một người nhận ra Thật tướng Không tướng thì người đó mới biết được sự thật của chính mình và vạn pháp. Còn bây giờ nhìn là mình thấy tướng ở bên ngoài, mình nghe là chỉ nghe âm thanh thôi, mình thấy hình sắc, mình nghe

âm thanh, mình biết mùi vị và mình chỉ chết trên hình sắc, âm thanh và mùi vị thôi, chứ mình không nhận ra người nhận biết âm thanh, mùi vị, hình sắc đó, cho nên mình không thấy ra sự thật.

"Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe Kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì không đủ làm khó". Ngài Tu Bồ Đề khẳng định với Đức Phật, tới đây là Ngài đã thông suốt rồi, đối với Ngài không có gì là khó khăn hết**. *"Nhưng khoảng 500 năm về sau, lúc đó có những chúng sanh được nghe Kinh này, tin hiểu thọ trì, người đó ắt là ít có bậc nhất. Vì cớ sao? Vì người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả."***

Phần tứ tướngchúng ta nói sơ lại. Ví dụ, về cái thô bên ngoài, bỗng chốc mình thấy mình khác với mọi cái, mình không phải là cây, mình không phải là lá, mình không phải là nhà, mình không phải là mọi người, mình không phải người khác, mình không phải sự vật, mình không phải nắng mưa, mình là cái gì đó thì mình cũng chưa rõ ràng lắm, ảo ngã đó là tướng ngã được sanh ra nơi mình.

Riêng cái thân thôi, nói *"đây là tay của tôi", "đây là tay đầu của tôi",* thì tôi là cái gì đó sở hữu cái tay, cái đầu, giữa cái tôi và cái thân này, thì tôi là ngã, thân là nhơn. Hoặc *"tôi nghĩ",* thì cái nghĩ là nhơn, cái tôi ở đâu đó là ngã. Vì "*tôi nghĩ*" là có cái nghĩ và có cái tôi rõ ràng mà. *"Tôi đang buồn, tôi đang vui,"* thì cái vui cái buồn là cái bị tôi biết, là còn một cái tôi và một cái buồn rõ ràng là ngã, nhân. Trong lúc mình buồn, mình vui liền sanh ngã, nhơn thì đương nhiên sẽ có chúng sanh và thọ giả. Tôi buồn kiểu gì, làm sao để giữ cái buồn này, làm sao để bỏ cái buồn này, là chúng sanh sanh ra.

Nếu bỏ cái buồn là mình vui lên, là thọ giả. Là có đủ tứ tướng.

"Thân tôi đau", đối với thân thì tôi là ngã, cái thân là nhơn. Muốn thân đẹp thì tôi lựa áo đẹp tôi mặc, muốn thân tôi ăn ngon, muốn thân tôi sung sướng, cái ngã nó đang lo cái thân, chứ thân chưa phải là ngã. Nếu phân tích kỹ thì tâm này không phải là tôi, thân này không phải là tôi. Thân này, tâm này đang bị cái tôi nó xài. *"Tôi nghĩ đúng, tôi nghĩ sai"* tôi nghĩ thì không phải là tôi. Thân này đang được khỏe thì mình phải ăn uống đúng, nghỉ ngơi đúng là chúng sanh sanh ra, mình có cảm giác vui là thọ giả, là có đủ tứ tướng ở nơi mình. Riêng mình đã nhận cái ảo ngã nào đó mình không biết. Cái ngã đó là cái gì, nhìn lại mình cũng không biết, nhưng nó biết đó là thân của tôi, mình muốn bảo vệ cái thân cho tốt đẹp hay hủy hoại nó là tôi được quyền, vì nó là cái của tôi.

Tâm này cũng vậy, mình được quyền nghĩ tốt, nghĩ xấu. Tâm này của tôi nên tôi muốn nghĩ kiểu gì thì nghĩ. Tâm này được một người nào đó sở hữu. *"Tôi nghĩ tức là tôi"* là sai. Tôi nghĩ thì thực sự không phải là tôi. Tôi nghĩ là nhơn của cái tôi, vì tôi đang nghĩ mà. *"Tôi đang cười, tôi đang nói, tôi đang buồn",* thì cái đang cười, đang nói, đang vui, đang buồn đó là nhơn; còn cái tôi là ngã, nhưng cái tôi đó không biết đâu hết.

Chúng ta thường nói: *"Cái đầu này của tôi, tay này của tôi, toàn thân này của tôi."* Có một cái tôi và có một cái của thân này. Phân tích trên con người là đã thấy nó lộ ra thân tâm này thuộc về nhơn, chứ không phải ngã, nhưng từ trước tới giờ mình chấp thân tâm này là ngã. Thân này là tôi hay thân này là của tôi? Nếu mình lầm thì cho thân này là tôi, còn nếu chín chắn nhìn lại thì thân này là của tôi. Tâm này không

phải là tôi, mà tâm này là của tôi. Trong thân và tâm đã có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. "Tâm tôi đang buồn, lòng tôi đang buồn, ý tôi đang buồn". Mình lầm lẫn tâm này là mình, chứ tâm này là của mình, tức là tâm thuộc về sở hữu của mình, thì mình nghĩ kiểu nào nó ra kiểu đó theo ý của mình, người học đạo mà nhận ra rõ ràng tâm này không phải là mình, thì người đó sẽ rất nhẹ nhàng. Cho nên khi chuyện buồn vui xảy đến với chính mình, hồi xưa buồn thì mình liền thành buồn, vui thì mình liền thành vui, sân hận thì liền thành sân hận, tham lam thì liền thành tham lam, cho nên mình liền thành tốt thành xấu theo ý niệm đó, nhưng bây giờ mình biết cái thân này là của mình rồi thì khác.

Mình đang khởi nghĩ, mình đang biết mình khởi nghĩ, thì cái biết và cái khởi nghĩ, hai cái này tách nhau không dính gì với cái mình. Nhưng xưa mình hòa nhập với cái khởi nghĩ cho nên mình thành buồn, thương, giận, ghét. Bây giờ nếu mình có một lần nhận biết cái khởi nghĩ không phải là mình, thì mình tách khỏi buồn thương giận ghét liền, phiền não ngay đó không còn khuấy nhiễu nữa. Mình biết thân mình đưa tay lên, biết thân mình để tay xuống, biết thân mình ăn no ngủ kỹ, tới lúc cuối cùng biết thân này đang chết đi. Mình là người đang nhận biết thân này nó chết, không phải là mình chết, mình hoàn toàn không chết. Nếu thấy được như vậy chúng ta sẽ phá thân sắc ấm liền và thọ, tưởng, hành, thức một phen phá vỡ.

Chúng ta còn thấy thân này là mình, tâm này là mình thì chúng ta phá không ra, nhưng thân này là của tôi, tâm này là của tôi, nên tôi muốn đưa lên tay lên hay để tay xuống, muốn cầm, muốn nắm là quyền của tôi. Tay này nó đâu có

làm chủ, nó đâu tự đưa lên đưa xuống được. Và rõ ràng tâm này cũng vậy, chúng ta muốn nó nghĩ thì nó nghĩ, muốn nó không nghĩ thì nó bặt dứt luôn với mình, như vậy là chúng ta ở ngoài ngũ uẩn, không bị ngũ uẩn chi phối nữa thì ngũ uẩn giai không. Nhưng nếu chúng ta không nhận ra điều này là tự động thành chuyện, sanh ngã tướng, chúng ta nhận ngoài thân là mình, là ngã tướng thứ hai được sinh ra.

Bây giờ là lớp ngoài, mình thấy mình là thân nam, người kia là thân nữ. Hoặc mình thấy mình là thân nữ, đối tượng mình là thân nam. Có nguyên cái thân mình là nam, hay nữ thì sanh đối tượng, là có ngã, có nhơn, thì có chúng sanh, có thọ giả. Hai người khác phái gặp nhau thì chấp nhận hoặc không chấp nhận nhau nơi tâm thức mình. Người nam sẽ có những mong muốn đòi hỏi, tìm cầu cái gì đó, những cái đó được mình hoạch định trong đầu hết rồi, người nữ cũng vậy. Cho nên hai người đặt hai nhu cầu trong đời sống này, và bắt đầu đi vào nhân gian để tìm nhau một cách rất âm thầm. Đến một ngày nào đó họ bất ngờ gặp đối tượng đáp ứng hết tất cả những quy định ở trong đầu mình, trở thành tâm đầu ý hợp, sanh tâm thương mến, nhớ nhung đủ điều. Như vậy là chúng ta đang tìm cái gì? Cuộc đời thì cho rằng chúng ta đang tìm tình yêu, nhưng thực sự chúng ta đang tìm người để thỏa mãn riêng tư của mình.

Hai người gặp nhau tự nhiên có cảm giác hạnh phúc, nhưng ngày nào đó, một người giở chứng muốn gì họ không đáp ứng nữa, thì coi như hết thương, không thủy chung. Rõ ràng là ảo giác tìm cầu đạt được sự mong muốn riêng tư của mình và có cảm giác hạnh phúc thôi. Do mình đã quy định cả đời về chuyện đó, người ta đến với nhau vì cái gì? Để nói ngon

ngọt là người này đem hạnh phúc cho người kia, nhưng thật sự là không phải, mà giả bộ dụ họ để thỏa mãn hạnh phúc riêng tư của mình để đáp ứng tất cả nhu cầu đời sống của chính mình, cho nên bằng đủ mọi giá họ phải được người đó, và người kia cũng ngược lại như vậy. Khi xác nhận mình là nam, người kia cũng xác nhận mình là nữ là có đối tượng của ngã nam và ngã nữ. Gặp nhau sanh chuyện đúng, sai, qua lại với nhau là chúng sanh sanh ra. Rồi có buồn, thương, giận, ghét là có thọ giả, là có đủ tứ tướng.

Đối với công việc, sự nghiệp và tất cả mọi cái trong xã hội. Mình khẳng định toàn thân tâm này là mình rồi, thì khi mình ăn cơm, mình là ngã, cơm là nhơn, cơm này nấu sao cho ngon là chúng sanh, nếu đạt được ăn ngon là thọ giả. Ăn cơm cũng có tứ tướng. Hoặc muốn vô pháp hội, chúng ta có cảm giác có mình là ngã, muốn chọn chỗ ngồi là nhơn, mình lựa chọn chỗ ngồi là chúng sanh, ngồi đúng chỗ có cảm giác thỏa mãn là thọ giả. Nhứt cử nhứt động chúng ta không làm gì mà thoát khỏi tứ tướng. Ngay cả tụng Kinh, lễ Phật, tọa thiền cũng vậy. Tọa thiền thì thấy mình đang tu là ngã, có Pháp đang dụng công là nhơn. Mình phải ngồi tư thế nào, ngồi ở đâu cho tu hành đàng hoàng thì cái sắp xếp đó là chúng sanh, làm sao cho đạt được công phu là thọ giả, có đủ tứ tướng. Nếu quán sổ tức được định thì định là nhơn, mình là ngã. Ngày mai muốn định nữa, nhưng ngày mai không được thì mình khổ là thọ giả, mình suy nghĩ tới lui tìm cách được định là chúng sanh, nếu lần thứ hai mình được định mình vui là thọ giả, là đủ tứ tướng.

Còn trong tứ tướng thì sẽ có hai cái, một khổ hai vui,

kết cục đó là do ảo ngã ban đầu sanh ra, nếu ngã ban đầu sâu kín nhất, mình nhận ra mình có thân và tâm là của mình, thì khả năng chúng ta nhận ra chiều sâu và tắt được khổ vui bên ngoài, nếu mình không nhận chiều sâu thân tâm này là của mình mà nhận thân tâm này là mình là hướng ngoại. Hướng ngoại rồi thì kết quả khổ đau sẽ tràn ngập trong đời sống chúng ta. Chúng ta không có làm cái gì mà tránh được tứ tướng cả, chỉ trừ trường hợp chúng ta không nhận thân tâm này là của mình, thì hy vọng chúng ta thoát khỏi tứ tướng.

Đầu tiên chúng ta phải nhận cho ra chiều sâu nhất của tứ tướng, thân tâm này là của mình. Từ trước tới giờ chúng ta quen cho nó là mình rồi, nên mình phải thế này, mình phải thế kia, mình trẻ, mình già, mình khổ, mình vui, mình đúng, mình sai là mình thì mình sẽ đi ra ngoài. Còn là của mình thì mình dùng xài nó tự do, muốn cho mày nghĩ tốt thì mày nghĩ tốt, cho mày nghĩ xấu thì mày nghĩ xấu, mày không được quyền nghĩ bậy bạ. Nếu nó là sở hữu của mình rồi thì mình có quyền. Đây là tứ tướngở hai tầng, chúng ta học Kinh Kim Cang phải nắm vững tứ tướng, khi nói đến tứ tướng thì mình liền biết. Bây giờ mình nghiệm lại tất cả những cái xảy ra trong đời sống này, nếu chúng ta nhận ra tầng hai của ngã thì làm gì thoát khỏi tứ tướng?

Ví dụ bữa nay mình bố thí ba cho dân nghèo. Mình thấy có mình và có đối tượng để mình thí, thì mình phải lựa người như thế nào để mình cho, người đó có xứng đáng được nhận hay không và họ phải như thế nào, có buồn có vui là có đủ tứ tướng. Ở chùa có người cúng dường xây cổng tam quan là có ngã có nhơn, mình tính toán xây như thế nào là chúng sanh, xây vừa ý mình vui, không được như ý mình buồn là thọ

giả, là có đủ tứ tướng. Mình cúng dường thầy, mình là ngã, Thầy là nhơn. Thầy phải làm sao mình mới cúng chứ là chúng sanh, cúng rồi Thầy nói lời ngon ngọt với mình mình cảm thấy thỏa mãn là thọ giả. Kết cuộc của nó là buồn và vui là chuỗi dài tứ tướng trong đời sống này. Đó là tầng ngã thứ hai, tầng ngã thứ nhứt dễ chịu hơn, tức là mình chơi kỳ được với chính mình thì mình tự tại, còn chơi với ngã thứ hai thì mình hướng ngoại rất nhiều và rớt sâu vào tứ tướng.

Đó là khái lược về tứ tướng để mình nhìn lại mình. Nếu học kỹ Kinh Kim Cang thì chỉ còn đường tu độc nhất là phá vỡ thân tâm, chứ không có con đường nào thoát khỏi tứ tướng. Chúng ta nhận tầng ngã thứ nhất để từ từ chúng ta đối diện với chính mình, mới phá vỡ mình được. Kinh Kim Cang nếu đem ra để soi rọi xã hội này, thì tìm một móng người thoát khỏi tứ tướngchưa ra. Chỉ trừ trường hợp là phá vỡ thân ngũ uẩn này. Mình không còn là mình để làm công việc nữa thì không còn nhơn. Không còn ngã thì nhơn mới hết, cái gốc cũng là phá luôn ảo ngã ở tầng sâu thì mình mới có khả năng tiến hóa.

"Vì cớ sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật."

Đối với Đức Phật, ngã không thật, nhơn không thật, chúng sanh không thật, thọ giả không thật, tứ tướng tức không phải tứ tướng. Nhưng cái nhìn nhầm lẫn mình cho là có mình, nhưng phân tích kỹ thì cái mình nó nằm ở đâu? Nếu cái mình là cái thân, thì thân này từ đầu tới chân chỗ nào là mình? Cắt móng tay để ra ngoài thì móng tay không còn là mình. Tóc cắt xuống thì liền không phải là mình.

Nếu tứ đại (nóng, ướt, động, cứng) là thân, thân này không có hơi ấm thì không tồn tại, thiếu chút nước thì không sinh hoạt được, không có đất thì bị khiếm khuyết, toàn thân chúng ta mà chạm tới được thì đó là đất, không có động (gió) thì nằm bại liệt, hít vô thở ra là nhờ có gió chúng ta mới hoạt động. Tất cả mọi cái trong cuộc đời này có đầy đủ tứ đại. Một cái cây, một chiếc xe, một sắc tướng có đầy đủ tứ đại. Vậy cái đại nào là của mình? Bốn đại này đều không phải là mình. Nếu phân tích nguyên thân (nóng, ướt, động, cứng) mới là thân, còn phân tích từng cái thì không có, vậy tóm lại nó là cái gì tổng hợp, mà đạo Phật gọi là duyên hợp, đủ duyên thì nó mới thành hình thân này.

Mỗi tế bào nếu chúng ta phân tích theo chiều sâu của nó thì hư không này là một loại hư không tâm linh, trường tâm linh đó dao động với một vận tốc cực lớn để nó sanh một loại trường điện từ, được vận hành với vận tốc cao để nó sanh ra một dòng xoắn mà Tiên Sinh G.Ohsawa gọi là vòng xoắn ốc ly tâm vô cực, hàng triệu triệu năm nó mới tới tâm một lần, và ly tâm vô cực đó theo vòng xoắn ốc âm sanh ra một loại điện từ electron âm đi vào tâm. Khi chạm vào tâm rồi, nó dồn dập vào tâm quá nhiều âm thì sanh ra proton (điện cực dương). Nó liên tục được dòng xoắn dồn xoắn sâu vào bên trong để cực dương cực âm được tăng lên để thành tiền nguyên tử ban đầu, và bắt đầu sanh phân tử, sanh nguyên tử để thành một vật chất, thấy vậy chứ một hạt cát hàng triệu năm mới được hình thành, không đơn giản.

Vật chất được sanh sôi như vậy, mà khi nó vận hành đi vào tâm thì nó tạm chấp một cách rất ảo, cái đó chúng ta nói hơi mênh mông. Chúng ta nói rút lại là khi âm dương của

cha mẹ gặp nhau thì nó sẽ tạo thành một loại sóng từ hình xoắn ốc bay ra. Nếu tâm thức con người còn nặng về dục thì khi chết tâm dục chưa lặn nên nó bị một lực hút rất lạ lùng để đi đến chỗ đó, khi vừa thấy ngọn lửa dục phát ra thì tâm thức đó bị hút vào rất mãnh liệt. Lúc đó cũng có hàng triệu tâm thức đi tới giành giựt, đánh đấm nhau khủng khiếp lắm. Nhưng không phải anh nào mạnh nhất được vô đâu. Có khi là tâm thức của loài ngạ quỷ tranh thủ để được chạm tới lửa dục, trở thành tâm thức của con người. Phút chốc đó giữa mình với cha mẹ nếu có nghiệp với nhau, tự động sẽ có sự kết nối riêng để mình theo con đường nghiệp tập đó mà nhập thai một cách yên ổn. Lạ lùng là khi chạm tới tử cung bà mẹ thì tắt lửa dục liền, tất cả những tâm thức kia tan biến mất, không còn ai giành giựt nữa, đóng cửa lại?

Lúc chúng ta bỏ thân mạng này, mang thân trung ấm, nó cũng hiểu như bây giờ không thay đổi, mà còn thông minh gấp bảy lần, có đầy đủ ngũ thông, chỉ trừ tử cung bà mẹ và tòa Kim Cang của Đức Phật là không qua nổi. Nó xuyên tường xuyên vách, nó không bị vật lý chi phối, tự do tự tại hoàn toàn. Riêng người bị nghiệp nặng thì sau khi chết nghiệp đó nó lôi đi dầu thai trong các cõi tương ưng với các nghiệp ác đã tạo, còn người lưng lửng có quy y đạo Phật có tu tập một thời gian thì được tự do hoàn toàn, không bị ràng buộc gì, nhưng cảnh giới trời thì không đủ phước vô không được.

Mỗi người sở hữu một tầng tâm thức, tự do dao động trong tầng tâm thức của mình, có thể thấy nguyên một cảnh giới mênh mông. Khi nào chúng ta phá vỡ tầng tâm thức tăng thêm một tầng tâm linh thì chúng ta lên một tầng khác, cao hơn, rộng mở hơn, thông thoáng hơn, nhẹ nhàng hơn, thoải

mái hơn. Tầng càng thấp thì càng hẹp như bị đè, càng sâu xuống dưới càng bị dẹp, khi tầng tâm thức chúng ta lên cao chừng nào thì chúng ta càng tự do, thanh thản, thoải mái chừng đó, tầng tâm thức càng thấp thì càng bị bó chẹt, chúng ta tưởng tượng như sự khác biệt giữa người giàu có và người nghèo vậy. Người giàu có họ có thể đi khắp thế giới này chơi, người trung lưu có thể đi một vài nước, còn người nghèo đi được trong nước mình, người nghèo nữa đi trong tỉnh mình, người nghèo nữa thì không ra khỏi huyện mình ở.

Việc cầu an cầu siêu, ví dụ chúng ta đang ở tầng thấp được người thân làm phước thiện cầu siêu, thì chúng ta nhận được chút phước phần đó mà phá được một tầng, lên được một bậc, chứ không ai phá một cái mà nhảy vọt lên nhiều tầng. Lên được một tầng là xem như được siêu, được thoát cái chỗ đang ở, thoát chỗ khó khăn thiếu đồ ăn, được thêm chút phước, được ăn nhiều hơn, được mặc ấm hơn, có chỗ ở yên hơn một chút cũng là được siêu. Nếu được cầu siêu phước báu lớn thì họ được siêu siêu cao hơn, lên tầng cao tự do hơn.

Nếu trong đời sống bình thường chúng ta không tạo tội, khi chết không muốn mang thân người nữa vì ở cảnh đó cũng tốt. Trong cõi giới âm muốn đi chơi đâu thì chỉ trong tích tắc là tới, không cực, chỉ cần tác ý là tới nơi rồi. Ở đó rất sung sướng nhưng cũng ở trong tầng của mình, chứ lên cao qua khỏi tầng người thì không đủ phước, tới cõi trời thì như chạm vào loại kính dày không thể xuyên thủng được.

Khi chúng ta tu tốt, tâm thức chúng ta phá vỡ được một tầng vọng tưởng, thì chúng ta thăng một bậc tâm linh, có hằng hà sa số tầng như những tầng kiếng dày, chúng ta bị nhốt và chỉ dao động ở trong tầng nhỏ của mình, có lấy búa đập

cũng không bể, chỉ trừ trường hợp công phu mới phá vỡ được bằng phước đức, bằng công phu riêng của mình mà vọt lên. Khi hết phước làm người của kiếp này, chúng ta bỏ thân này mang thân trung ấm, thì chúng ta dao động trong tầng đó, chúng ta tìm tầng người tương ưng để được sanh làm người kiếp sau, thân trung ấm còn ở trong tầng người thì mới được trở lại tầng người.

Nếu chúng ta tạo tội gì nặng quá, hoặc bị nghiệp dục quá nặng, thì sau khi bỏ thân Trung ấm chúng ta bị rớt xuống tầng thấp hơn là tầng của súc sanh. Tâm thức đó chỉ dao động trong tầng súc sanh, nó thấy dục con heo, con bò, con trâu, con chó ứng với tâm thức mình, nó hút mình vào. Mỗi tâm thức có một tầng, mỗi dao động sóng âm của tâm thức tạo thành tầng tương ưng để mình đi vào cảnh giới đó. Nếu tâm thức thấp xuống tầng ngạ quỷ, thì nó ăn uống sinh hoạt phẩn dơ của súc sinh, nó thấy đó là thức ăn của nó. Nó thấy nhà cầu, nhà tiêu, hố xí là chỗ ở của nó, tâm thức sở hữu đó làm nơi ăn chốn ở của nó. Tầng người còn tùy theo phước cao thấp để chúng ta ở vùng khác nhau nữa, ở chỗ nhà cao cửa rộng, có thờ phụng đàng hoàng hay ở lùm ở bụi. Tầng tâm thức đó chờ ngày tháng đủ để mình được vào thai mẹ, đó là sự chờ đợi và rất lo lắng chứ không phải dễ.

Ở cõi âm, sự hiểu biết vẫn giữ nguyên và kèm theo nhân quả nữa, được chạm vào tử cung bà mẹ là do nghiệp. Khi chúng ta chết, ví dụ tên Nguyễn Văn Ổi, thì dù tỷ năm sau ai kêu tên Nguyễn Văn Ổi vẫn đụng tới mình. Tức là mình ở cõi âm, không được sanh lên cõi trời hay cõi người mới, thì cái ảo ngã mang vào cõi âm vẫn là Nguyễn Văn Ổi, kêu tới tên là mình có mặt. Người có tội thì họ xuống tầng tâm thức

khác rồi, không kể tới.

Khi thần thức chạm tới tử cung bà mẹ nó đụng cái rầm y như đập đầu vào cái gì rất mạnh, một cái choáng là mất liền tên Nguyễn Văn Ổi, gọi là ăn cháo lú để đi thọ thai. Không biết mình đời trước là ai, mình chụp noãn cầu đầu tiên của bà mẹ rồi chấp đó là mình, nhưng chưa có danh tánh, còn nằm chín tháng mười ngày khi cha mẹ sanh ra mới đặt tên. Thì cái mình đó là tế bào ban sơ bằng đầu cọng tóc thôi, lần lần mới lớn lớn sanh nhiều nhiều tế bào, mỗi tế bào chấp là mình, hàng tỷ tế bào hình thành trọn vẹn cái thân và mình chấp ảo thân đó là mình. Khi sanh ra cái thân lớn lên 10 ký, 20 ký, 30 ký là thân của mình với sự gom tụ hàng tỷ tế bào để sanh cái ảo ngã.

Trường tâm linh dao động sẽ sanh ra trường điện từ, mỗi tế bào có một vầng hào quang bao quanh, rồi tất cả tế bào gom tụ lại vầng hào quang bao quanh thân gọi là phách. Bất kỳ chúng ta là ai, người yếu thì chụp hình thấy hào quang hẹp, người khỏe chụp hình thấy hào quang rộng, người bệnh chụp hình thấy hào quang đốm tối đốm sáng đốm mờ. Sau này nếu khoa học phát triển tới tầm cao thì không hiểu tới chừng nào họ mới làm được điều này, chứ một số người tu tập họ có thể chỉnh hào quang của mình để trị bệnh không cần thuốc men. Phải là người tu mới đạt được lực định để nhìn hào quang. Người nhức đầu thì hào quang nó méo một chút, lấy tay xoa xoa cho nó liền lại là hết nhức đầu. Đau bụng lấy tay xoa xoa hết đau bụng, nếu bên trong có khối u thì hào quang có màu đen, dùng tay có công lực xoa nắn kéo ra để giải quyết hết vùng đen thì khối ung thư trong đó mất. Sau này khoa học tâm linh phát triển đến tầng cao sẽ có nền y học mới cho nhân loại. Lúc đó bệnh không cần đến bệnh viện mà phải có nơi thiền

định, để thấy được phách của người ta mà chỉnh.

Khi con người chấp ngã không đơn giản là chấp cái thân này đâu, mà chấp từng cái ly ti nhỏ nhiệm, từ tế bào ban sơ. Khi mình chết mình chấp nhà mồ là mình, nếu hỏa thiêu thì thấy hủ cốt là mình, để tấm hình thì hình là mình, một sự lầm lẫn thấy gì cũng là mình mà phá ra không được. Chúng ta học tứ tướng để nhìn lại tận gốc, để phá gốc ngã ảo thì hy vọng phá được cái chấp thân. Nhưng không thể đơn giản mà phá được đâu, bằng tất cả công lực tu hành cả đời mới phá được một tầng vọng chấp, có khi một đời chỉ phá được một tầng thôi, nên tu thành Phật đâu phải dễ.

Điều đặc biệt quá tuyệt vời của Kinh điển Đại thừa là một người mà nhận được một đạo lý thôi, là họ phá được hàng ngàn lớp để vượt bậc. Nếu một người có phước báu rất lớn, mà Ngài Tu Bồ Đề nói là thành tựu công đức bậc nhất, một phen phá nát hết để tự do hoàn toàn, để hòa nhập vô không ngã. Chỉ cần thấy đúng tới Kinh điển Đại thừa là sanh thật tướng và tan ngã liền tại chỗ đó. Mà ngã tan thì tất cả tầng vọng chấp tan, là mình tự do hoàn toàn sống trong tam giới này, muốn đi đâu về đâu là tùy ý mình. Còn chưa phá vỡ cái ngã này, chưa thoát ngoài tứ tướngthì chúng ta còn ở trong tầng vọng tưởng dày đặc. Nếu mình ở tầng rất sâu mà nghe được Kinh điển Đại thừa, phá vỡ ngã chấp, thì tất cả tầng kia đều tan biến.

Học Kinh điển Đại thừa là phúc lớn lao cho nhân loại. Ai có duyên học Kinh điển Đại thừa có khả năng đột phá thì phải nói là phước của chúng ta. Các vị Tổ sau này quá thông minh vì nắm được chủ yếu này, muốn đập vỡ tâm thức, phá hàng loạt tâm thức. Nếu chỉ dụng công để đạt thiền định phá

tầng nọ, phá tầng kia cực vô cùng mà phải đổi cái giá là hàng tỷ kiếp. Trong lịch sử nói Đức Phật tu vô lượng A tăng kỳ kiếp, điều đó không sai. Thực sự chúng ta cũng đã công phu nhiều kiếp lắm rồi, cũng phải phước báu lớn lắm mới đủ sức ngồi đây nghe Kinh mà không kinh sợ, đó là phước báu bậc nhất.

"Phật bảo Tu Bồ Đề: Đúng thế, đúng thế ! Nếu lại có người được nghe Kinh này, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có."

Nghe được Kinh Kim Cang mà mình không kinh, không hãi, không sợ là ít có. Nếu Pháp hội chúng ta người nào nghe Kinh Kim Cang mà có cảm giác thực sự vui tươi, chấp nhận được thì đây là người hiếm rồi. Nếu chúng ta nghe có thể chấp nhận được và quyết tu để phá vỡ ngã chấp của mình, để mình đạt được cảnh giới cao tức là sanh được thật tướng, nhận được vô trụ tướng, là người hiếm có bậc nhất theo lời Đức Phật nói.

"Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề! Như Lai nói Đệ Nhất Ba la mật tức không phải Đệ Nhất Ba la mật ấy gọi là Đệ Nhất Ba la mật. Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục Ba la mật. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề như thuở xưa ta bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì cớ sao? Ta thuở xưa khi thân thể bị cắt ra từng phần nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, lẽ nên sanh sân hận. Tu Bồ Đề ! Lại nhớ thuở quá khứ năm trăm đời, ta làm tiên nhẫn nhục, vào thuở ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả."

Tiền thân của Đức Phật lúc còn hành hạnh Bồ Tát, có đời Ngài làm tiên nhẫn nhục tu trong rừng. Có lần vua Ca Lợi dắt mỹ nữ vào rừng săn bắn, ăn uống no say vua ngủ, nên các cung nữ lén dạo chơi, thì gặp tiên nhân tướng tá khôi ngô, lại được vị tiên giảng đạo cho nghe, nên quên vua. Vua ngủ dậy không thấy cung nữ liền xách gươm đi kiếm. Khi gặp Tiên nhân vua bực bội hỏi: *"Tiên nhân tu hạnh gì ?"* Tiên nhân trả lời: *"Tu hạnh nhẫn nhục"*. Vua hỏi: *"Nếu tôi lấy tay ông được không?" "Được!"* Vua liền chặt đứt tay tiên, sữa trắng chảy ra, vua hỏi: *"Nếu ông tu nhẫn nhục tôi lấy đầu ông được không?"* Tiên trả lời: *"Ngũ uẩn giai không huống chi là cái đầu."* Vua liền chặt đầu, Tiên nhân chết.

Đức Phật dẫn lại chuyện xưa của Ngài năm trăm đời về trước, Ngài tu hành nhẫn nhục bị người ta chặt thân nhưng Ngài không hề có một chút sân hận, Ngài đã phá đi ngã chấp, mất đi tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả rồi. Do đó, lịch sử kể về Đức Phật khi sanh ra đời còn mê mờ là người ta không hiểu Đức Phật, chỉ có những người hiểu thực sự về định lực Đại thừa thì mới thông cảm Đức Phật như thế nào mà xuống trần gian này.

Đức Phật kể từ khi rời cung trời Đâu Suất, Ngài còn là Bồ Tát Hộ Minh giáng trần nhập thai tử cung bà mẹ là vẫn ở nguyên trong định, không hề rời định chút nào. Trong Kinh Nguyên Thủy, Đức Phật có nói pháp thường của chư Phật (đời cuối sinh ra thành Phật) các vị đại Bồ Tát khi vào tử cung bà mẹ như vào lầu các của Ngài Di Lặc, hết sức trang nghiêm, thanh tịnh và xinh đẹp. Quá trình ở trong thai liên tục thuyết pháp độ sanh, chứ không nằm mù mờ như mình. Cho tới khi sanh ra đời, đến lúc nhập Niết Bàn, Đức Phật luôn luôn ở trong

định, không có phút giây nào rời định.

Người ta đặt câu hỏi: Tại sao Đức Phật khi là Thái tử có vợ sanh con? Nếu không rời định thì có vợ sanh con không? Đối với việc ăn ở của Thái Tử với vợ sanh ra La Hầu La thì người ta cho là ô trược. Nếu người hiểu định lực Đại thừa thì hoàn toàn không dính nhiễm chuyện này. Hoạt động thân xác của người đang ở trong định, họ không bao giờ bị nhiễm. Đây là điều rất lạ, không phải là ngụy biện, có những người hiểu định lực Đại thừa mới biết chuyện này thôi. Còn người ta nhìn hành động Thái tử khi sống chung với Gia Du Đà La bị ô nhiễm là sai rồi, họ không hiểu nổi định lực Đại thừa.

Định lực Đại thừa có thể xuống địa ngục chơi đến hàng tỷ kiếp vẫn tự tại, nhưng không ai hiểu nổi chuyện này. Chỉ những người nhận được định Đại thừa, thì người đó mới khả dĩ thông cảm hết mọi chuyện trần gian này không có dính chút nào. Đây là điều đặc biệt của Kinh điển Đại thừa. Người nhận được định Đại thừa đủ sức làm chủ vật chất này, cho tới thân này muốn để lại một tỷ kiếp thì nguyên đó không bao giờ hoại, không cần nhập định xuất định.

Hiểu được định Đại thừa chúng ta mới thấy sự khủng khiếp đó. Nhập trong pháp giới Tánh toàn chân mênh mông, họ chỉ cần dùng một phần tỷ lũy thừa tỷ nhỏ xíu xiu của họ, phóng ra một năng lượng hình thành một con người ở đây, nhẹ hơn một khảy móng tay. Họ gom toàn lực định mênh mông khắp pháp giới kia, họ bằng sự tự chủ phóng ra một mảy may xíu xiu định lực của họ để hình thành một con người trong cõi của mình. Chuyện đó nhỏ lắm giống như nguyên một biển mênh mông có hằng hà sa số hạt cát, mình lấy ra một hạt cát búng vô hư không thành ra một con người. Lực định

mênh mông kia rất nhỏ để tới cõi này thành ra con người do năng lực kia phát sanh ra, chứ không phải gom toàn lực của vị Đại Bồ Tát xuống đây, những phân thân thiên bá ức đi tới hằng hà sa số cõi để thành Phật chỉ trong một thoáng thôi.

Với cặp mắt của chúng sanh thì có một thái tử tám mươi năm nhập Niết Bàn, chứ còn ở tầng định của các vị Đại Bồ Tát chuyện đó không là gì cả, y như đứng trên trời hốt cát mà rải xuống khắp cả hư không, đến khắp các cõi để thành Phật một lượt như vậy, rồi lại thu thần tịch diệt trở lại trạng thái yên định kia. Người ta giữ lực định lưu hạt cát đó bao nhiêu lâu là tùy ý mình. Như cõi này muốn thân này ở lại để làm niềm tin sau khi chết, thì vị đó để thân này lại. Chỉ cần một ít lực định là có thể giữ cái thân này hàng tỷ kiếp. Khi chúng ta hiểu được định lực Đại thừa mới biết sự ứng hiện của Bồ Tát giáng trần nhập thai trong bụng Bà Ma Da sanh ra Thái Tử sống trong cuộc đời nhưng vẫn luôn trong định, cho tới khi nhập Niết Bàn cũng không rời định.

Trong nhân gian các vị cũng làm vẫn ăn, vẫn uống, vẫn nói, vẫn cười nhưng không rời định, đầu chúng ta không thể tưởng tượng được mảy may nhỏ được lực định đó, phải dùng từ là rất "kinh khủng". Các vị dạo trong lục đạo luân hồi như dạo hoa viên, chơi cõi nào cũng vui vẻ để mà chơi, xuống địa ngục rất là vui, xuống ngạ quỷ rất là vui, xuống súc sanh rất là vui, trở về cõi trời hay lên cõi Phật vẫn vui y như vậy không khác nhau, không rời định được, không làm cho các vị lay động được, không có cảnh giới nào làm cho lìa định được. Không phải là ngồi một chỗ nhập định, buông ra hết định, nên Đức Phật quở trách trong Kinh Pháp Hoa không phải là sai. Nếu chúng ta có đủ lòng tin, không kinh sợ, là người ít có.

"Tu Bồ Đề ! Bồ Tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ."

Một người bình thường nghe nói: *"Chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia."* Nên sanh tâm ở chỗ không trụ, như vậy thì phải dạy tu làm sao? Nhìn thấy sắc đừng khởi niệm đúng không? Vì nếu khởi niệm phân biệt là mình bị dính trụ, nghe hợp lý quá phải không, nên chúng ta bắt đầu dụng công.

Cư sĩ họ Lư tới đoạn này Ngài ngộ, nhưng Ngài nhận khác với mình, Ngài thấy hết chỗ trụ nơi trần gian. Định nghĩa ngược lại là mắt không thể trụ nơi sắc được, tai không trụ nơi âm thanh được, mũi không trụ ở mùi được, lưỡi không trụ ở vị được, thân không trụ nơi xúc chạm được, ý không trụ nơi pháp trần được. Tức là nơi lục căn đối với lục trần không thể trụ được, thì mới gọi là sanh tâm nơi không chỗ trụ. Đức Phật dạy như thế, còn mình cứ thấy sắc đừng cho dính, nghĩ là phải công phu. Cư sĩ họ Lư rất thông minh nhận câu kết của Đức Phật là nên sanh tâm nơi không chỗ trụ, trần gian này hết chỗ trụ thì gọi là ngộ đạo. Nhận ra được cái không thể trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên mình hết chỗ đứng luôn, mình ở đâu, trụ cái gì, mình không có, pháp không có, sắc, thanh, hương, vị, xúc không còn chỗ để mình trụ nên gọi là sanh tâm nơi không chỗ trụ.

Từ đó về sau trụ không được nữa, chứ không phải dụng công để không trụ nơi mắt, một sự sai lầm của người tu từ trước tới giờ, là tu để mắt không dính sắc, nhưng nếu chúng

ta thấy đúng thì mắt không trụ nơi sắc được, hai cái này khác nhau hoàn toàn. Nếu nhận đúng lý Kinh Kim Cang như cư sĩ họ Lư đã nhận để trở thành Lục Tổ thì mắt không dính sắc, tai không dính âm thanh, mũi không dính mùi, lưỡi không dính vị, thân không dính xúc chạm, ý không dính pháp trần. Nghĩa là lục căn không dính được lục trần. Vì sao? Vì căn trần là vô trụ, vô trụ tính, vô trụ tướng, không có chỗ nào trụ được cả.

Cuộc đời này bám không được, thân bám không được, tâm bám không được, hoàn cảnh bám không được, và không còn mình nữa đây là cái tận cùng để phá tứ tướng. Nếu mình còn chỗ để bám được thì bên ngoài mình sẽ bám được. Ảo ngã này một phen thấy nó vô trụ là tắt luôn, không có chỗ để đứng. Đứng ở đâu? Trụ ở đâu? Ngã nằm ở đâu? Ở đầu, hay ở cổ, ở vai, hay ở tâm? Nếu trụ ở tâm thì nó nằm ở chỗ nào? Nằm ở chỗ buồn, chỗ thương, hay chỗ giận, chỗ ghét? Nếu nhìn kỹ chúng ta hoàn toàn không có chỗ cho ảo ngã nương tựa thì nó sẽ tan biến.

Đọc Kinh Kim Cang tới đoạn này chúng ta nhận biết được như vậy thì đời mình từ đó về sau hoàn toàn tự do, không dính nhiễm được, muốn dính cũng dính không được. Đã nhận được lý vô trụ thì lấy cái gì dính với cái gì. Mình là cái gì để dính cái gì, nhưng người ta vẫn cứ hiểu lầm nhau, vì lý do mình thấy mình vẫn còn nhớ, nghe mình vẫn còn buồn thương giận ghét, vậy mình còn dính. Thấy chuyện đó về nhà mình vẫn còn nhớ lại được, vậy là mình còn dính. Dù chúng ta có khởi trở lại nhưng nó có dính được không? Ai có thể giữ được nửa ý niệm? Nếu chúng ta nhận tới chỗ này thì không còn chỗ cho chúng ta dính lại được.

Học Kinh Kim Cang thì chúng ta phải phá tới tầng

này, ít ra chúng ta phải bước tới cửa ngõ này, còn không chúng ta sẽ tu học suốt đời rất vất mà không thoát ra khỏi cái gì. Nhưng khi nhận ra lý vô trụ thì không có cái gì trói mình lại được. Trước kia chúng ta tu thấy gỡ tùm lum, gỡ đủ điều mà buông ra vẫn còn dính, nhưng bây giờ muốn dính một tí cho vui với cuộc đời cũng dính không được. Chúng ta hoàn toàn tự do vì tất cả các pháp tánh và tướng đều vô trụ. Tánh vô trụ, tướng vô trụ, hiểu theo kiểu phân tích là hai, nhưng thực sự không là hai. Tất cả mọi cái vô trụ cho nên mình không thoát ngoài vô trụ đó. Vì vậy mà mình đã và đang vô trụ nên không có chỗ mình trụ được.

"Tu Bồ Đề ! Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh."

Nếu nhận được lý vô trụ rồi, thì thấy có tướng nhưng nó không phải là tướng. Nếu còn tâm thức thì thấy tất cả là tướng, nhưng nếu chết tâm thức chúng ta nhìn nó không còn là hình tướng nữa, không còn là âm thanh nữa. Một phen bằng vô trụ để chúng ta nhìn thì nó chỉ là ảo để hình thành tướng, là ảo để hình thành ngã chứ không phải thật. Ảo tạm hiện và nó mất đi. Với cái nhìn của chúng ta tám mươi năm là nhiều, nhưng với cái nhìn của vị cõi trời thì nó chỉ là khảy móng tay, tới Thanh văn chỉ bằng một phần trăm của cái khảy móng tay, tới Bồ Tát chỉ bằng một phần triệu của cái khảy móng tay, tới chư Phật thì không thể bàn.

Cuộc đời chúng ta là ảo, chỉ búng móng tay là hết một đời rồi, các vị ở chỗ khác không phải ở tầng vật chất nhỏ

nhiệm như mình, thành ra cuộc đời này đối với các vị là ảo. Nếu nhập vào pháp giới tánh toàn chân, thì chuyện đó hết bàn, cõi đời này không có chỗ để sanh hay diệt, với các vị giống như chuyện dời cái này để chỗ kia thế là xong một đời của mình.

Tất cả mọi cái đều rất ảo, đối với cặp mắt giác ngộ chúng sanh không thật là chúng sanh, cõi này không thật, nó đang trong mộng ảo hoàn toàn. Tất cả chúng ta đang ở trong mộng, thấy mình cũng làm vua, làm chúa, làm tội bị người ta rượt đánh chém, nhưng khi giựt mình thức đậy tất cả mọi cái đều tan biến. Nếu ai có một phen thức giấc như vậy thì biết là mình ngộ đạo, đã tỉnh rồi, còn chưa thức giấc thì biết là mình chưa tỉnh. Cuộc đời chúng ta phải tu tập cho tới mức độ giống như mình ngủ thức dậy, giật mình qua một cơn ác mộng, thấy mình còn nguyên trên giường chứ không bị rượt chạy, không bị đánh đập khổ đau như mình đang trong mộng. Hy vọng chúng ta phải được tỉnh một lần, vì nếu kéo dài thì cuộc đời này khổ nhiều vui ít.

"Này Tu Bồ Đề ! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu Bồ Đề! Như Lai được pháp, pháp này không thực, không hư."

Đọc đến đây chúng ta rất cảm động. Nếu có Đức Phật ở đây mình phải cõng phải đội trên đầu đi cho thỏa lòng tôn kính. Sau khi nói điều hết sức tuyệt vời, tới đây Ngài còn nói lời cam kết, sợ chúng ta còn nghi ngờ, không tin, không hiểu. Tâm từ của Ngài không dùng từ gì để diễn tả được. Rất khó có vị giáo chủ nào dạy học trò như vậy, chỉ có Đức Phật mới đủ lòng từ thương chúng sanh cho tới tận ruột gan của Ngài, lời nói của ta không có mảy may khác biệt, toàn lời chân thật.

"Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ Tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc. Này Tu Bồ Đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong Kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức."

Đức Phật lại nói thêm, nếu còn trụ nơi pháp dù làm gì đi nữa, đừng nói là làm chuyện bố thí ba thì cũng giống như người từ tối vào tối mà thôi. Nếu chúng ta hoàn toàn không còn chỗ để trụ, giống như người có mắt rồi mà còn thêm ánh sáng mặt trời nữa đi đâu cũng thấy đường. Ý Đức Phật muốn nói khi nào chúng ta bừng tỉnh ngộ thực sự, thoát ngoài mộng mị, chúng ta nhìn vạn pháp đúng như thật rồi thì người đó được Đức Phật xem như người có mắt và đi trong ánh sáng. Còn ngày nào chúng ta chưa bừng tỉnh, chưa được giác ngộ, thì chúng ta là kẻ đui đi trong đêm tối, không có cửa để mở. Dù rằng chúng ta mang tiếng làm Phật sự, mang tiếng làm lợi ích chúng sanh, nhưng thật sự đối với cái nhìn của Đức Phật, nếu một phen chưa phá ngũ uẩn, chưa tỉnh giấc mộng nghìn thu của mình thì dù làm việc bố thí, cúng dường, hay phước đức vẫn là đi từ tối vào tối. Phải bừng tỉnh, mở con mắt trí huệ ra để thấy chân thật pháp, giống như người sáng mà còn thêm ánh sáng mặt trời nữa.

Người nào ở đời sau gặp Kinh điển này mà thọ trì đọc tụng được, thì chỉ có mắt của Đức Phật mới có thể thấy và biết công đức người đó sẽ thành tựu vô lượng công đức như thế nào, mà người thế gian không bao giờ hiểu nổi. Chỉ có mắt

của Đức Phật mới hiểu hết giá trị của người ngộ đạo. Trong Kinh Pháp Hoa Đức Phật nói chỉ có Phật với Phật mới biết chuyện này thôi, Bồ Tát biết không nổi.

Trước khi ngộ, chúng ta không thể biết được một mảy may của người ngộ tánh. Nhìn họ hiện tướng này tướng kia để rồi đánh giá là tốt, là xấu theo kiểu thế gian thôi, chứ chúng ta không bao giờ biết người đó tới đâu, đi đâu và làm gì trong cõi này. Chỉ có người tới đó mới tương ưng và có thể thông cảm được. Chỉ có Đức Phật mới hiểu người khi chết thân ngũ uẩn này, phá vỡ được tứ tướng rồi, họ được sống tự tại, tự do trong tam giới này như thế nào, họ đang làm cái gì và họ đến đây làm việc gì.

ĐOẠN 15: CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Tu Bồ Đề ! Nếu có người thiện nam, thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, như thế vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí. Nếu lại có người nghe Kinh điển này, lòng tin không nghịch, phước của người này hơn phước của người kia, huống là chép viết, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói.

Này Tu Bồ Đề ! Tóm tắt mà nói, Kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Như Lai vì những người phát tâm Đại Thừa mà nói, vì những người phát tâm Tối thượng thừa mà nói.

Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người nói, Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể tính, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế tức là gánh vác pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật. Vì cớ sao ? Này Tu Bồ Đề ! Nếu người thích pháp nhỏ tức chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả tức là đối với Kinh này không thể lắng nghe, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói.

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi nào nếu có Kinh này thì tất cả thế gian trời, người, A tu la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng dường nơi ấy.

Đến đây Đức Phật bắt đầu nói công đức của người đọc

tụng, thọ trì Kinh Kim Cang, hay nói khác hơn là công đức Kinh Kim Cang. Nếu có người vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng nhiều như số cát sông Hằng bố thí thì phước vô cùng lớn, nhưng vẫn không bằng phước của người biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói.

Bố thí ba gồm có bố thí ba tài, bố thí ba pháp, bố thí ba vô úy. Bố thí ba tài gồm có bố thí ba nội tài và bố thí ba ngoại tài. Bố thí ba ngoại tài là chúng ta có thể đem tiền tài vật chất của cải giúp người khác. Bố thí ba nội tài là đem đầu, mắt, tủy, não, tay chân cho người khác khi cần; hoặc có thể bố thí ba bằng công sức của mình, hoặc làm việc gì đó giúp người khác, hoặc dắt người đi qua đường, hoặc trị bệnh, hoặc nấu cho họ ăn, hoặc làm những điều có lợi cho chúng sanh. Bố thí ba pháp bình thường là chúng ta có thể giảng nói cho người nào đó nghe để họ hiểu rồi tu tập, làm lành lánh dữ, theo đường thiện, bỏ đường ác, nhưng đó chưa phải bố thí Ba la mật.

Người bố thí Ba la mật là người ngay trong đời sống này phải vượt hơn người bố thí ba hằng hà thân mạng kia, vì sao? Vì người kia chưa thoát khỏi tứ tướng thì chưa thành Ba La Mật. Người bố thí Ba la mật là người thoát khỏi ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng Còn chúng ta là người xuất gia hay người phật tử, chúng ta còn ăn uống, đi đứng, ngủ thức như bây giờ thì có thể bố thí Ba la mật được không? Hay chúng ta phải bỏ mất thân này cho cọp ăn, sói ăn, hay người ta lấy hết thịt mình làm cái gì đó, thì lúc đó mình mới bố thí Ba la mật?

Người tới cảnh giới lìa tứ tướngthật sự, gần như tất cả hành động cử chỉ của họ đều là bố thí Ba la mật. Mặc dù họ

vẫn còn ăn, còn nuốt vào cơ thể của họ những vật dụng cần thiết, họ vẫn còn cần có chỗ ngủ đàng hoàng, cần có chỗ sinh hoạt tiện nghi trong đời sống, nhưng đó là người bố thí Ba la mật. Chúng ta có thể tin nổi không? Nếu chúng ta không nhận ra được người bố thí Ba la mật này thì chúng ta không thể hiểu nổi bộ Kinh Kim Cang do Đức Phật nói.

Người Bố thí Ba la mật không có nghĩa là họ buông bỏ hết tất cả tiền của của họ, không có nghĩa có bao nhiêu họ đem cho hết bấy nhiêu. Dù họ có cho hết tiền của đi nữa người đó chưa chắc Bố thí Ba la mật. Và cho hết hàng triệu cái thân mạng này đi thì vẫn chưa phải bố thí Ba la mật. Nên Đức Phật nói: *"Đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, như thế vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí. Nếu lại có người nghe Kinh điển này, lòng tin không nghịch, phước của người này hơn phước của người kia, huống là chép viết, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói."*

Nếu nơi thân mạng của chúng ta, một phen chúng ta thấy nó là không rồi, thì ngay phút đó chúng ta đã hoàn toàn bố thí Ba la mật. Lục căn đối với lục trần hoàn toàn không dính mắc thì chúng ta là người bố thí Ba la mật. Tức lá mắt thấy sắc không vướng, tai nghe âm thanh không vướng, mũi ngửi mùi không vướng, lưỡi nếm vị không vướng, thân xúc chạm không vướng, ý không vướng với pháp trần. Lục căn đối với lục trần hoàn toàn không vướng đọng, không còn chỗ để dính lại trong trần gian này nữa, là người bố thí Ba la mật. Thân ngũ uẩn này họ chỉ mượn tạm để xài chứ không phải là họ, thì người đó hơn người bố thí ba hằng hà thân mạng. Nếu

chúng ta còn thấy có thân mạng để bố thí ba thì chúng ta chưa Ba la mật. Đối với pháp trần chúng ta thấy có cái gì đó là thật, thì chúng ta chưa phải bố thí Ba la mật. Một phen ngã chưa tan biến được thì mình có làm bất cứ việc gì cũng không thành Ba la mật cả, thành ra không thể thọ trì đọc tụng được Kinh Kim Cang.

Ở nơi tướng mà lìa tướng, tức là ngay nơi mắt chúng ta rõ thấy hình sắc đó và nó không còn là đối tượng để mình thấy nữa. Chúng ta vẫn nghe âm thanh nhưng nó không còn là đối tượng để mình nghe nữa, là lúc đó chúng ta thọ trì và đọc tụng được Kinh Kim Cang. Còn nếu chúng ta thấy có mình ở đây để mình thấy hình sắc, có mình ở đây để mình nghe âm thanh, có mình ở đây để mình ngửi mùi vị thì chúng ta không phải là người đang thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang, cho nên phước báu chúng ta không thể bằng người trước nổi.

Đức Phật nói người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang, gần như tất cả những hành động, cử chỉ, những lời nói, việc làm, và suy nghĩ nhỏ nhiệm xuất phát từ nơi thân tâm của người đó, đều phải lìa thoát hai bên một cách hoàn toàn. Không phút giây nào người đó thấy có đối tượng. Nếu ngay tại đây chúng ta còn là người muốn nghe để muốn hiểu, để rồi đem về thực hành, là còn xa lắm, nghe như vậy muôn đời chúng ta không thể hiểu được Kinh Kim Cang. Muốn học Kinh Kim Cang thì chúng ta phải tập nghe và có thái độ nghe Kinh một cách khác thường không giống như nghe các bản Kinh khác. Có nghĩa chúng ta nghe ngay tại đây để chúng ta thấu suốt được cái chân thật mà Đức Phật muốn nói, không phải để chúng ta hiểu và thêm kiến thức. Chúng ta còn muốn nghe và muốn hiểu là chúng ta xa rời Kinh mà nghe. Chúng

ta không thâm nhập trong Kinh Kim Cang để nghe thì chúng ta không sống trực tiếp ngay tại đây.

Muốn thọ trì và đọc tụng Kinh Kim Cang đúng như Đức Phật nói ở đây, để có phước báu hơn người bố thí ba hằng hà sa số thân mạng, thì chúng ta hãy lắng tâm nhận biết âm thanh đang hiện hữu ở đây không phải là đối tượng của mình, âm thanh không phải là cái gì ngoài để mình có thể nghe được. Từ trước tới giờ chúng ta ngồi đây lắng tai để nghe âm thanh đằng kia, hoặc nghe tiếng phát ra từ cái loa, như vậy là chúng ta đã nghe sai lầm.

Quý vị thử xét xem lúc chúng ta nghe âm thanh thì âm thanh chạy lại lỗ tai để nghe, hay lỗ tai chạy lại âm thanh để nghe? Chúng ta phải thực tế, học đạo là phải thấy rõ điều này. Có phải mình là trung tâm điểm để tất cả âm thanh dồn lại đây cho mình nghe không? Mười hướng có mười âm thanh cùng một lúc, chúng ta nghe cùng một lượt thì chúng ta chạy lại nghe kiểu nào? Mình phân thân để đi phải không?

Từ lúc chào đời mình đã nhận biết được âm thanh, mắt mở là mình đã thấy hình sắc rồi, nhưng tới giờ phút nào có người hỏi mình nghe kiểu nào thì mình lại lúng túng. Người tu theo đạo Phật là người phải thấy biết như thật mọi vấn đề. Vấn đề đang hiện hữu ngay tại đây là mình đang nghe mà mình không rõ ràng, không thấy biết như thật, không rõ ràng thì chỗ khác mình không rõ ràng được. Cõi này là cõi thanh âm sắc tướng, người sống trong cõi này mà không thấu được thanh âm sắc tướng thì chuyện khác chúng ta sẽ bị lầm hoài và sanh tử sẽ dẫn chúng ta lầm mê tiếp. Nếu chúng ta thấu thoát được điều này thì mình sẽ thấu được tất cả mọi cái.

Bây giờ quý vị thử lắng tâm một lượt có bao nhiêu

tiếng động chúng ta nghe rất rõ ràng. Tiếng lớn nghe lớn, tiếng nhỏ nghe nhỏ, tiếng bên phải nghe bên phải, tiếng bên trái nghe bên trái; sau lưng, trên dưới, trong ngoài chúng ta đều nghe hết. Ví dụ âm thanh gần nhất cách chúng ta 2 mét chúng ta nhận biết, âm thanh ở xa cách chúng ta 10 mét chúng ta cũng nhận biết, cùng hướng đó có ba bốn loại âm thanh xảy ra chúng ta đồng nhận biết rất rõ ràng không lầm lẫn. Vậy chúng ta vừa xẹc lại đây để nghe, lại xẹc tới chỗ khác để nghe hay sao? Đây là vấn đề mà chúng ta cần lưu tâm. Nếu người nào nhận biết rõ ràng điều này thì chúng ta sẽ có đời sống khác, không phải đời sống bình thường của người thường nữa, khả năng người đó sẽ thấu triệt được tam giới, thấu triệt được sanh tử trong cõi này, không còn bị lầm hay bị vướng trong sanh tử nữa.

Điều này thấy bình thường nhưng rất hệ trọng. Người tu phải chú ý lưu tâm thật kỹ điều này để chúng ta tự nhận ra. Tu thiền chúng ta đừng nghĩ mình được cái này, được cái kia, được cái nọ nữa, mà chúng ta phải bình tĩnh để thấy được sự thật xảy ra với mình ngay tại đây và bây giờ. Cái hiện hữu hiện tiền này mình phải rõ ràng, tí nữa mình rõ ràng và mãi mãi mình rõ ràng, chứ mình không mong đợi gì thêm. Người học Phật phải học được sự thật ngay tại đây.

Lắng tâm chúng ta nghe đủ các hướng, gần cũng nghe, xa cũng nghe, trước, sau, bên phải, bên trái chúng ta cũng nghe được, vì sao ? Người tu thiền công án phải lấy cái này ra để kháng và không có câu trả lời. Khi nào chúng ta à ra sự thật mình là như vậy, là chúng ta biết được sự thật của vấn đề, nó luôn luôn hiện hữu với chúng ta không bao giờ thay đổi theo không gian và thời gian. Dù chúng ta là ai đi nữa thì ngồi đây

nó vẫn nguyên là như vậy, không ai hơn ai trong Pháp hội này, chúng tôi vừa phát ra một tiếng chúng ta đồng nghe đồng nhận rõ một lượt, không khác, đó là cái bình đẳng của chúng ta. Không ai hơn ai, không cần trình độ cao hay thấp, học nhiều học ít, tu lâu hay tu mau không quan trọng. Nếu cái nghe của mình mà từ lỗ tai đi ra thì chúng ta được nghe hướng bên phải thì bên trái không nghe được, hoặc nghe đằng trước còn đằng sau không nghe được.

Có một cái không phải lỗ tai của mình nó đủ sức nghe như vậy. Cái đó nó không thay đổi, luôn trong sáng, không ai có thể ngăn bít được. Dù chúng ta ở bất kỳ hoàn cảnh nào ở chợ cũng nghe kiểu đó, ở chùa hoặc đi ngoài đường cũng nghe kiểu đó, dù chúng ta ngủ hay thức cũng nghe như vậy, cái đó hoàn toàn không thay đổi theo thời gian, dù chúng ta có mặt trên cõi đời này nó vẫn nghe rõ ràng như vậy, hoặc chúng ta có chết đi nó vẫn tiếp tục rõ ràng như vậy, không thay đổi. Từ nhỏ tới lớn không hề có sự chênh nghiêng cao thấp nào trong cái nghe này. Đây là điều mà chúng ta cần nhận biết rõ ràng.

Quý vị muốn không nghe cũng không được, hoặc muốn thay đổi cho đừng có nghe cũng không được. Chúng ta có sống hay có chết cái nghe cũng nguyên như vậy. Quý vị thử xác định âm thanh hướng này, hoặc xác định âm thanh hướng kia, hoặc âm thanh hướng sau lưng, hoặc âm thanh trước mặt mình, một lượt tất cả các hướng chúng ta đều xác định một lượt không trước không sau, đây là điều kỳ diệu. Mình nghĩ do lắng tai thì mình mới nghe cái này trước, rồi mới nghe cái kia sau, xin thưa không phải, dù chúng ta có cố ý lắng tai nghe một âm thanh thôi, nhưng tất cả các âm thanh khác chúng ta đều nghe như vậy một lượt.

Chúng ta không phải ở đây để nghe. Vị trí nghe của chúng ta không phải ở chỗ này. Như vậy chúng ta ở đâu? Nếu chúng ta ngồi đây thì không thể nghe một lượt, sở dĩ mình nghe một lượt được là do chúng ta ở khắp tất cả chỗ đó nên âm thanh nào hiện ra thì chúng ta đều nhận biết, chứ chúng ta không phải nhỏ nhiệm một cục ngồi đây. Người nào tin được điều này thì người đó mới có thể trì Kinh Kim Cang, còn không tin điều này thì không thể gọi là trì Kinh Kim Cang được. Vì thân mạng ở khắp Tam thiên đại thiên thế giới, nhưng sở dĩ chúng ta không nghe được xa hơn, vì chúng ta chưa thoát được cái khằn của thân căn. Nếu một phen thoát được cái khằn của thân căn này, thì chỉ một khảy móng tay ở bên Mỹ nếu muốn nghe là chúng ta nghe một lượt.

Khi cái nghe của chúng ta thoát được thân căn một lần, thì phút giây đó tất cả những âm vang khắp mười phương pháp giới chúng ta nghe một lượt. Nhưng chúng ta bị kẹt trong thân căn ngũ uẩn nên chỉ nghe âm thanh ở một vùng trời nào đó trong khả năng hạn hẹp tâm thức của mình mà thôi, chứ chúng ta chưa phá vỡ được rào chắn của tâm thức, chưa phá vỡ được cái khằn của căn, nên mình tưởng mình nghe âm thanh này là do lỗ tai. Khi chúng ta phá vỡ được ngũ uẩn rồi thì cái nhận biết âm thanh không phải là lỗ tai. Nếu mắt nhận biết được âm thanh, lỗ tai nhận biết được hình sắc thì người đó lục căn hỗ dụng một lần trong đời mình, người đó nhận biết được đạo lý, và người đó trì được Kinh Kim Cang. Còn nếu không là chúng ta chưa trì được, thì phước báu vẫn thua người bố thí ba thân mạng.

"Này Tu Bồ Đề! Tóm tắt mà nói, Kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Như Lai vì

những người phát tâm Đại thừa mà nói, vì những người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người nói, Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể tính, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế tức là gánh vác pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật."

Trì tụng Kinh Kim Cang phước không thể nhỏ. Nếu chúng ta siêng trì tụng văn Kinh thì phước báu không thua những bản Kinh khác. Và người nào giảng nói được Kinh này, Đức Phật biết người đó có khả năng gánh vác được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai.

"Vì cớ sao ? Này Tu Bồ Đề! Nếu người thích pháp nhỏ tức chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả tức là đối với Kinh này không thể lắng nghe, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói."

Gần như không có việc làm nào trong đời sống này chúng ta thoát ngoài tứ tướng. Nếu chúng ta chưa có một phen ngũ uẩn giai không thì làm gì chúng ta cũng thấy có mình, có người, chúng ta chưa bao giờ làm việc gì mà không có mình, không có người. Khi nào chúng ta có một lần tan biến hết mình thì lúc đó nhơn sẽ hết, thọ giả sẽ hết, chúng sanh sẽ hết. Nếu một mảy tơ ngã chấp còn thì còn nguyên tứ tướng. Tứ tướng còn là chúng sanh còn, không thoát đi đâu được, phút giây nào chúng ta rớt vào tứ tướng tức là chúng ta rớt vào tầng của chúng sanh, còn ở trong tam giới chưa ra được.

Khi tu học chúng ta dụng công như thế nào đó để mình có lần đối với tam giới thân tâm này phải tan biến thật sự, ngã

chấp này một lần mất đi, không còn bóng dáng của ngã chấp khi chúng ta nói, làm và nghĩ thì hy vọng mới thoát khỏi tứ tướng

"Ở nơi nào nếu có Kinh này thì tất cả thế gian trời, người, A tu la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng dường nơi ấy."

Người nào thọ trì đúng nghĩa Kinh Kim Cang thì người đó thoát khỏi lầm mê sanh tử. Kinh Kim Cang có khả năng phá sạch tất cả những cái chấp trước mê lầm của tất cả chúng sanh và thoát nhiên thành Phật ngay trong đời này. Kinh Kim Cang có khả năng giúp cho chúng ta chuyển phàm thành Thánh, vì giá trị lớn đó mà Đức Phật nói. Ngay cả những cõi trời, cõi a tu la và cõi người đều nên đảnh lễ cúng dường và thờ như thờ tháp Phật vậy, chúng ta nên biết quý kính bản Kinh Kim Cang này như chúng ta được thấy Phật.

ĐOẠN 16: HÃY LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP CHƯỚNG

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh chê, người này do tội nghiệp đời trước lẽ ra phải đoạ trong đường ác, do đời này bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước ắt là tiêu diệt, sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Tu Bồ Đề, ta nhớ thuở quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, ở trước Đức Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na do tha các Đức Phật, ta đều cúng dường thờ phụng không sót một vị nào.

Nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này hay thọ trì đọc tụng Kinh này, được công đức, đối với công đức cúng dường chư Phật của ta, trăm phần chẳng bằng một, ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ đều không thể bằng.

Này Tu Bồ Đề! Nếu người thiện nam, thiện nữ ở đời mạt pháp sau này, có người thọ trì đọc tụng Kinh này, được công đức, nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe tâm tất cuồng loạn, hồ nghi, không tin. Này Tu Bồ Đề, nên biết Kinh nghĩa này không thể nghĩ bàn nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật nói nếu có người nào thọ trì đọc tụng Kinh này, hoặc vì người khác diễn nói, mà bị người khinh chê thì đừng nghĩ rằng mình bị nghiệp nặng, mà do tội của mình đời trước đáng lẽ phải đọa địa ngục nhưng nhờ có phước đọc Kinh Kim Cang mà được sạch tội, thay vì đọa địa ngục thì chỉ bị

khinh chê thôi, nhẹ hơn nhiều. Đức Phật muốn nói tới giá trị, phước báu của người đọc Kinh Kim Cang lớn như vậy. Người có duyên lành được học, thọ trì, đọc tụng Kinh Kim Cang thì phước báu lớn hơn, có thể khai mở trí tuệ thấu hiểu được chân lý, làm sạch nghiệp chướng sanh tử nhiều đời nhiều kiếp và có khả năng thành Phật sau này.

Có câu chuyện về anh nông dân vô tình cúng dường một vị Bích Chi Phật. Anh nông dân thường làm ruộng xa nhà hay đem theo cơm để ăn. Tới trưa đói bụng anh lên bờ chuẩn bị ăn cơm thì thấy một thầy Tỳ kheo đi tới, thân thể gầy ốm, anh nghĩ rằng chắc vị này đã nhiều ngày không có cơm ăn, nên anh động lòng dâng cơm cúng dường. Ăn rồi thầy đi. Anh nông dân tiếp tục xuống làm thì đói bụng, vì cơm ông đã dâng cho vị sư, đói quá lúc đó ông mới càm ràm: Ông sư ở không đi trên bờ chỉ xứng ăn cơm hẩm cháo thiu, ăn hết phần cơm của ta làm ta đói không làm việc nỗi.

Chuyện đó trôi qua từ thời Đức Phật Ca Diếp cách thời Đức Phật Thích Ca rất lâu. Bỗng một hôm vua Ba Tư Nặc đến tinh xá đảnh lễ thưa Đức Phật Thích Ca: Con có một thắc mắc không hiểu, hôm nay có ông tỷ phú vừa chết, khi con vào kiểm tra thì ông chỉ có một bát cháo thiu, một manh áo rách, xe thì cũ, nhà ở thì dột, nhưng trong kho của ông vàng bạc châu báu không thể đếm được. Xin thưa Đức Phật chuyện này là thế nào? Đức Phật kể: từ thời Đức Phật Ca Diếp, tiền thân của ông tỷ phú trưởng giả là một anh nông dân do cúng dường nhằm vị Bích Chi Phật, phước báu được bảy đời sanh cõi trời, bảy đời xuống nhân gian làm tỷ phú, nhưng vẫn ở vùng biên địa. Vì thứ nhất không có tâm cung kính cúng dường, thứ hai là sau khi cúng dường rồi còn khởi tâm phiền cho nên ăn toàn

cơm hẩm cháo thiu. Sau kiếp này, ông tỷ phú đó bị đọa địa ngục A Tỳ, lý do là đời trước đó ông sanh trong gia đình có hai anh em, ông anh rất giàu có sanh một đứa con trai, còn ông em không làm gì ra tiền nên giết con ông anh để chiếm đoạt gia sản, vì sau khi ông anh chết quyền sở hữu gia sản thuộc về người con đó. Quả báo đời này cũng tới rồi, kết thúc một chuỗi hưởng phước chỉ cúng có một bữa cơm thôi.

Đức Phật nhắc lại thuở quá khứ thời Đức Phật còn là Bồ Tát đã được gặp Đức Phật Nhiên Đăng, đồng thời gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức Na do tha các Đức Phật, tức là gặp hằng hà sa số Đức Phật để lễ lạy cúng dường. Chúng ta không thể tưởng tượng phước đó lớn đến chừng nào. Vậy mà Ngài vẫn thấy rằng công đức đó không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần triệu, không bằng một phần tỷ với phước của người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang. Đức Phật ca tụng phước của người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang đến mức độ không thể nào so sánh được.

Đức Phật nói tới công đức của người trì Kinh Kim Cang lớn đến mức độ, Ngài sợ người đời sau nghe có thể cuồng tâm loạn trí không tin. Công đức đó vô lượng vô biên không thể tính lường, nghĩa của bản Kinh Kim Cang cao tột và quả báo của nó cũng không thể nghĩ bàn. Một người hiểu thấu được Kinh Kim Cang, mới thấy từng lời từng chữ trong đó có thể khắc trên vật báu để thờ và đảnh lễ mỗi ngày. Vì giá trị của khắp tam giới này vẫn không có thể hơn giá trị Kinh Kim Cang như Đức Phật đã ví dụ cho chúng ta thấy. Những người tu Phật, nhất là tu Thiền nếu chúng ta không hiểu được nghĩa Kinh Kim Cang, chưa xem đó là bản Kinh gối đầu nằm thì khó có thể tiếp nhận được lý thật. Với người tu tập chuyên

môn họ rất coi trọng bản Kinh này và đọc đi đọc lại nhiều lần để thấu tột nghĩa lý Kinh mà tu tập.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa hoặc những bản Kinh khác được Đức Phật ca tụng có giá trị rất lớn, nhưng ở đây Đức Phật cũng nói giá trị Kinh Kim Cang không nhỏ. Đức Phật không muốn so sánh Kinh Kim Cang với bản Kinh khác, Đức Phật so sánh với công hạnh tu tập của chính Ngài trong nhiều kiếp, Ngài đã từng đảnh lễ cúng dường hằng hà sa số Đức Phật mà cũng không thể so lường một mảy may của người thọ trì Kinh Kim Cang. Nếu chúng ta cần có phước báu để giải trừ nghiệp chướng của mình, muốn được khai mở trí huệ trong đời này thì chúng ta nên lập đàn trì tụng Kinh Kim Cang. Theo nghĩa thông thường thì văn tự chữ nghĩa vẫn có giá trị phước báu lớn, nhưng nếu chúng ta thấu hiểu được chân lý, thấu hiểu được điều Đức Phật nói trong bản Kinh Kim Cang thì phước báu càng lớn hơn. Còn không chúng ta chỉ cần đọc tụng Kinh này cũng có phước báu.

ĐOẠN 17: TỘT CÙNG KHÔNG CÓ NGÃ

Khi ấy ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn ! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia ? Phật bảo Tu Bồ Đề: Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì cớ sao? Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ Tát.

Vì cớ sao? Tu Bồ Đề, thật không có pháp phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Tu Bồ Đề! ý ông nghĩ sao? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo: Như thế, như thế! Tu Bồ Đề, thật không có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Tu Bồ Đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Do thật không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thế nên Đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta, nói thế này : Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Vì cớ sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác, này Tu Bồ Đề, thật không có pháp Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Tu Bồ Đề ! Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong ấy không thật, không hư. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp. Này Tu Bồ Đề thí như có người thân cao lớn. Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ Tát. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề! Thật không có pháp tên là Bồ Tát. Thế nên Phật nói: Tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói lời thế này: Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ấy chẳng gọi là Bồ Tát. Vì cớ sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

Này Tu Bồ Đề ! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ Tát.

Đoạn văn này chúng ta thấy dường như không liên tục, đang nói công đức bản Kinh, thì bây giờ ngài Tu Bồ Đề lại trở lại câu hỏi ban đầu, có phải là trùng lắp không? Hay ý gì? Tại sao cũng đặt nguyên câu hỏi đó và Đức Phật cũng trả lời giống như đã trả lời?

Vẫn là câu hỏi đó của ngài Tu Bồ Đề, vẫn câu trả lời đó của Đức Phật nhưng có tầng khác rõ ràng. Phần trước Đức Phật trả lời *"Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng*

sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ Tát," đó là tầng thấp, coi như kết thúc phần đầu của Kinh Kim Cang. Phần đó ngài Tu Bồ Đề cũng như tứ chúng hiểu Đức Phật muốn dạy điều gì rồi. Bây giờ cũng chính ngài Tu Bồ Đề đặt lại câu hỏi lần hai với Đức Phật để khẳng định vị trí của người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác muốn an trụ và hàng phục tâm đó thì như thế nào?

Đây là phần của người khi nhận được Pháp giới tánh toàn chân, là nhận được Như Lai Tự Tánh, là nhận được bản Kinh Kim Cang, thọ trì, đọc tụng và thấy rõ ý nghĩa của Kinh, thì người đó sống làm sao nữa? Đức Phật cũng nói không khác kỳ trước, nhưng có chỗ khác. Một người muốn an trụ tâm và hàng phục tâm để thành tựu Phật quả thì người đó cũng phải độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì cớ sao? Hồi trước, nếu còn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; còn thấy có chúng sanh thật được diệt độ thì người đó rớt vô tứ tướng, là phàm phu. Nhưng bây giờ không nói cho người đang công phu kiểu đó nữa, Đức Phật muốn nói tới người sống trong chân trời Tự Tánh đã thấy được bản Kinh Kim Cang, đã nói tới tầng bậc ngộ đạo về sau. Phần trước nói với người đang tìm cầu đạo lý, còn phần sau là nói tới người đang an trú trong Tự Tánh chân thật. Tức là đẳng cấp của người đã thấu thoát Phật pháp khác với đẳng cấp người đang tầm đạo.

Vẫn là câu hỏi đó của ngài Tu Bồ Đề, vẫn câu trả lời đó của Đức Phật nhưng là tầng khác rõ ràng. Đoạn trước nói chúng sanh không thật, Bồ Tát không thật, các Pháp không

thật, nhưng ở đây Đức Phật nói quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật nữa. Ngài Tu Bồ Đề khẳng định sau khi con cầu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, con đã an trụ tâm như Đức Phật đã chỉ, bây giờ còn cái gì khác hơn cái đó nữa không? Đức Phật dạy: Cầu tới chỗ vô cầu thì đó mới thật là cầu, tu tới chỗ vô tu mới thật là tu, chứng tới chỗ vô chứng mới thật là chứng, còn nếu thấy có quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để chứng, tức là có chỗ để ngươi tới thì đó là chỗ mới của tứ tướng mà thôi. Ngay quả vị Phật cũng không có, phút chốc này không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; không có Phật, không có chúng sanh, không có tam giới này, chỉ là toàn tri hiện hữu, nếu ông thấy có gì khác là ông đã hiểu lầm.

Đức Phật hỏi ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng ngươi thấy ta có quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Đây là lối lý luận của bậc trí họ mới có kiểu nói này, chúng ta nên học hỏi: *"Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói.*" Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật rất khéo, tức là con hiểu do qua nghĩa Đức Phật dạy con. *"Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.*" Nếu như trong đầu của một hành giả tu Phật thấy còn một mảy tình, thấy còn có chỗ mình phải tới là chúng ta chuẩn bị đào hố lớn để tự chôn mình. Ngay quả vị Phật, Đức Phật cũng bác bỏ nơi tâm của chúng ta.

Đức Phật rất thương chúng ta, vì đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì sẽ được thành Phật. Tâm hành giả nghĩ mình gia công đó thì mình sẽ thành ông Phật đó. Nếu có chỗ để chúng ta có thể chứng, có thể đắc, có thể thành thì đó là chỗ trói cột, không phải là chỗ giải thoát. Đức

Phật phá luôn quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác để hành giả tu Phật thực thụ là phải vô tu, vô chứng, vô đắc. Nếu còn sở chứng, sở đắc thì chúng ta tiếp tục còn lầm mê.

Ngài Trí Thường, là đệ tử Lục Tổ Huệ Năng, sau khi được Lục Tổ khai ngộ, Ngài có câu kệ tuyệt vời: "Tình còn một niệm ngộ, đâu vượt mê ngàn xưa". Nghĩa là người ngộ mà thấy có một niệm mình ngộ, thì giống như người mê trước không khác chút nào. Phút giây đó phải mất đi cái ngộ và mê, mất đi quả vị Phật và một chúng sanh, chúng ta hoàn toàn tan biến hết, không còn mình đang ngộ và không có pháp để mình có thể chứng ngộ, thì lúc đó chúng ta mới hòa nhập vào bể giác thanh tịnh. Bể giác thanh tịnh không có mình, không có người, không có quả vị, không có chúng sanh và không có Phật.

"Nếu có pháp Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta." Nếu còn pháp nào có thể tu, có thể chứng được thì Đức Phật Nhiên Đăng không thể thọ ký cho Đức Phật là Thích Ca Mâu Ni. Nếu vị hành hạnh Bồ Tát thời Đức Phật Nhiên Đăng thấy có một pháp được, thì Đức Phật Nhiên Đăng không thể thọ ký. Tức là ngay khi nhận đạo không thấy một pháp có thể được.

"Vì cớ sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, này Tu Bồ Đề, thật không có pháp Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Tu Bồ Đề! Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong ấy không thật, không hư."

Một câu nói thật tuyệt vời! Khi được pháp Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác, pháp đó không thực mà không hư. Nếu mình nói không có Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì tất cả chúng sanh đều tin rằng không có quả vị Phật, thì tu làm gì? Tu được cái gì? Cuối cùng rồi không có gì hết, đúng không? Đó là kiến giải sai lầm.

Cho nên Đức Phật khẳng định lại vị trí của mình. Cái chỗ tới quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật không thật, mà hư cũng không phải hư, có không phải có, không cũng không phải không. Nói có cũng được, nói không cũng được, nhưng mà có cái không thật không hư đó.

Như chúng ta nhìn trong không gian đâu có thấy gì, nhưng nếu mở máy lên rà đài sẽ bắt được đài nào đó. Sóng điện trong không gian chúng ta không thấy được bằng mắt thường, nhưng xung quanh chúng ta là hàng tỷ sóng điện đó. Bây giờ nói nó có cũng không được, mà nói nó không cũng kông được, vì mắt không thấy nên không thể chứng minh. Như đấu hai sợi dây điện lại với nhau, mình không thấy điện, nhưng thò tay vô nó sẽ giựt, bật đèn sẽ sáng, bật quạt sẽ quay. Nhưng nói có điện, người không hiểu biết họ không tin, nhưng nói không có điện thì không được.

Bây giờ chúng ta ngồi đây cũng vậy, chúng ta rõ ràng nhận biết mọi cảnh duyên, cái đó chúng ta chỉ ra được không? Ở mắt thì đang thấy, tai đang nghe, mũi đang thở, thân đang biết, nếu chỉ ra hình tướng của nó chúng ta không thể chỉ ra được. Chúng ta không có khả năng làm được điều đó, nhưng nói nó không có là không được.

Đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Đức Phật cũng vậy. Khi nào chúng ta thực sự cảm nhận được cái "không thật không hư" một lần trong đời thì rất là vui,

chúng ta sẽ thấy câu nói của Đức Phật thật tuyệt vời. Một câu phải nói là khắc cốt ghi tâm. Cảnh giới này nó không thật vì nó hoàn toàn không cảnh giới. Tức là lúc chúng ta hoàn toàn bặt dứt ngã chấp thì nó không phải là cảnh giới nữa, nhưng nó có chỗ không ngã, chứ đừng nói không có ngã là mình không còn gì là mình sai. Lúc này trí tuệ sáng suốt của chúng ta chỉ có một thôi, phút chốc đó sẽ rực sáng bằng một tỷ lũy thừa tỷ ánh sáng mặt trời. Lúc chúng ta bặt dứt ngã chấp thì trí tuệ sáng suốt sẽ lộ bày. Sở dĩ chúng ta không thấy được là do chúng ta bị khằn trong thân căn này, do chúng ta chưa đủ sức phá vỡ căn trần để hòa nhập hoàn toàn trong vào bể Tự Tánh thanh tịnh.

Trí tuệ sáng suốt đó tuyệt đối không có thời gian, không có không gian, không có quá khứ, không có vị lai, không có ngã, không có pháp, không có quả vị, không có Phật, không có chúng sanh, không có gì hết, nhưng nó là cái rực sáng thực sự chứ không phải là không có. Nhưng nó không thật hiện hữu với chúng ta ở đây, như con cá không bao giờ nó tin là trên bờ xe chạy được, điều đó không có với con cá, nhưng có với loài động vật khác. Khi nào chúng ta giống như con cá, chúng ta thoát ra được nước để nhận biết không gian ngoài, thì mới biết được cảnh không thật của loài người.

Một cảnh giới không phải từ trước tới giờ chúng ta thấy cái này là thật, cái kia là thật; âm thanh, ngôn ngữ, hình sắc là thật; buồn thương giận ghét là thật. Nó thật lắm với người trong chiêm bao. Như chúng ta đang ngủ thấy người ta rượt đuổi mình, cọp rượt mình, thấy mình té hầm té hố đau đớn, rất khổ sở trong giấc mơ đó. Nhưng vừa thức giấc thì những cái đó không còn, lúc đó nước mắt chúng ta vẫn còn

đầm đìa, mồ hôi chúng ta còn ướt, nói không có giấc chiêm bao là không đúng, vì chúng ta vừa trải qua cơn ác mộng, nhưng nó thành không với người vừa tỉnh giấc. Một người nhận biết được cảnh giới này cũng vậy. Cảnh giới không thật đó không phải là không có. Có cái không thật nhưng nói nó không thật là không đúng, mà nói thật cũng không phải. Chỗ đó rất kỳ lạ. Thật không phải thật, hư không phải hư, nhưng có cái "không thật không hư" đó, chứ không phải là không có.

Như bây giờ chúng ta đang ngồi nghe, hỏi đang làm gì đó, nói tôi đang nghe nói chuyện. Nghiệm kỹ lại, có người đang nghe âm thanh và có người đang biết âm thanh đang tới với mình. Hoặc lấy tay này bấm vô tay kia mình có cảm giác đau, là có người đang nhận biết cái đau này, đó là người "không thật không hư". Cái đau này có đau có hết, nhưng người nhận biết được cái đau, nhận biết được cái buồn thương giận ghét, nhận biết được tất cả mọi cái trong cuộc đời này người đó "không thật không hư."

Khi một người tới cảnh giới "không thật không hư" rồi, thì không có cái gì không phải là Phật pháp. Còn thấy có một cái nhiễm, một cái tịnh, một cái đúng, một cái sai, một cái hay, một cái dở là chúng ta không biết tới cảnh giới "không thật không hư." Đây là cảnh giới rất cao trong Phật pháp, mà chỉ những người tới mới thông cảm được. Nếu chúng ta không biết được cảnh giới này thì biết rằng chúng ta chưa có thấm gì với đạo lý đạo Phật. Đây là điều rất đặc biệt. Khi tất cả mọi cái đều là Phật pháp với chính mình rồi, thì chúng ta phải thấu hiểu được cảnh giới "không thật không hư." Và khi thấu hiểu được cảnh giới "không thật không hư" rồi thì tất cả mọi cái đều là Phật pháp đối với chúng ta.

Đối với chúng tôi hai câu: **"*Thật không có pháp được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Như Lai được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong ấy không thật không hư*" và "*thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.*"** Đây là tâm yếu của bản Kinh Kim Cang. Chúng ta phải tới cảnh giới "không thật không hư", để tất cả mọi cái đều là Phật pháp ngay trong trần gian này. Đi đâu, nói cái gì, làm cái gì, bất cứ hoàn cảnh nào cũng là Phật pháp, còn chưa được điều này thì không cách nào chúng ta hiểu được Phật pháp. Chỉ là hiểu qua tâm thức, chưa bao giờ chúng ta thông cảm một cách tuyệt đối. Cho nên hành giả phải tới đây, để có lần cảm nhận thực sự cả trần gian này đều là Phật pháp. Ở đây là cực lạc, không đi đâu, không về đâu, mỗi bước chân chúng ta là hoa sen rộ nở. Dù chúng ta có giẫm lên gai chảy máu chân đi nữa cũng là hoa sen rộ nở mới là đúng. Còn nếu không chúng ta sẽ thấy sai lầm hoàn toàn trong trần gian này.

Nếu chúng ta chưa nhận ra được cái "không thật không hư" trong đời sống này thì phí uổng một đời người. Dù chúng ta có cố gắng tu tập tới đâu đi nữa, một ngày sáu thời hành đạo, được định năm năm hay mười năm cho tới triệu năm, mà xuất định ra không biết chuyện này thì người đó vẫn mù mịt, không có giá trị gì và đời sống vẫn vô nghĩa, chỉ mê cái tỉnh tỉnh lặng lặng đó thôi. Cho nên chúng ta nên ghi hai câu này làm tâm yếu.

Chúng ta phải thật sự tới cảnh giới "không thật không hư". Nếu nói không có giấc mộng là không đúng, vì khi thức dậy mình vẫn còn khóc, nhưng khi đã tỉnh cơn mộng rồi thì chúng ta khác với người trong mộng, nhưng vẫn là người đó, là người mê ngủ và chợt thức dậy. Thật có giấc mộng là với

người đang ngủ, có khổ, có vui, có đúng, có sai, có hay, có dở, có tịnh, có uế là người đang ngủ. Chúng ta còn đang trong cơn mê nên thấy người này làm thế này là phải, người làm thế kia là không phải. Khi tỉnh giấc rồi thì tất cả những chuyện trong mộng nó là mộng, nhưng nói hư thì không phải là hư. Khi tỉnh giấc rồi, thì mắt thấy tai nghe rõ ràng, lúc này không còn lầm mê nữa, thì tất cả Pháp đều là Phật pháp, không thấy trong mù mờ khổ đau nữa.

Chúng ta phải tỉnh cơn mộng để tan biến ngã chấp một lần, phải tới cảnh giới "không thật không hư" động chúng ta sẽ thấy rằng không có cái gì không phải là Phật pháp, không có cái gì không nhiệm mầu, không còn tịnh và uế trong cõi này nữa. Sanh tử ngay đó đều thành không, tịnh uế là không, Niết Bàn là không, thì quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng là không. Nhưng không phải là không có, không phải là không ngơ, không phải có và không theo kiểu suy nghĩ của chúng ta. Nếu thấy cái này có, cái này không là chúng ta còn hiểu theo bờ tâm thức, chừng nào chúng ta thoát ra bên đây có, bên đây không, bên đây đúng, bên đây sai, thì chúng ta sẽ hiểu cái không phải có cũng không phải không, nó "không thật không hư," lúc đó mới biết Phật pháp nhiệm mầu như thế nào. Còn không, chúng ta học vẫn đi lòng vòng, không chạy bên đây để hiểu thì cũng chạy bên kia, không ở bên có thì cũng chấp bên không, vừa nói bên đây không thì chúng ta tin bên kia có, vừa nói bên đây có thì chúng ta nghĩ là có bên có bên không. Chưa bao giờ chúng ta có cái hiểu vượt ngoài có không. Có một cái không phải có không phải không, cái đó là cái thật, cái có cái không là cái giả.

Ví dụ mình ngắc để mình đau là đang có cái đau. Một

hồi hết đau, có đau rồi hết đau nó là cái giả, cái nhận biết đau và không đau là cái thật. Mà cái thật nó đòi hỏi chúng ta một lần phải tỉnh giác. Một người đang ở trong mộng, mà có người hiện ra nói mày đang ở trong mộng là giả thì mình không tin nổi đâu. Đang bị cọp rượt, đang bị ma đè, khóc lóc um sùm trong mộng, nói mộng giả mình không tin được, nhưng táng cho bộp tai thức giấc sẽ biết là giấc mộng giả liền.

Đòi hỏi chúng ta một phen thấy thực chỗ này. Khi chúng ta mở con mắt thực đó thì không còn cách nào để thấy hai bên được. Đó là điều khác biệt của người ngộ đạo và không ngộ đạo. Chúng ta vẫn mở mắt nhìn đời thế này nhưng không còn có kiểu bên đây đúng, bên kia sai nữa, hết rồi, không còn thấy đúng thấy sai theo kiểu phàm tình được nữa. Vẫn nhận biết rõ ràng, không có gì lầm lẫn với người mở mắt, nhưng cũng không phải giả, đó mới là cặp mắt thấy như thật của vấn đề. Thấy biết như thật phải thấy tới chỗ đó.

Khi nào mình nhìn trần gian này không còn thật không còn hư nữa, là được rồi đó. Chỗ này rất khó nhưng tất cả người tu chúng ta phải tới đây, chưa tới đây việc tu chúng ta còn vất vả trôi lăn trong sanh tử không biết bao nhiêu ngàn đời ngàn kiếp, nó sẽ cuốn chúng ta đi như vòng xoắn vậy, không thoát ra được.

"***Này Tu Bồ Đề ! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp.***"

Ở đây Đức Phật nói một câu là phá một câu. Nói tất cả Pháp tức không phải tất cả Pháp, nên gọi là tất cả Pháp. Tức là tới chỗ "không thật không hư rồi nên khẳng định cũng không đúng mà phủ định cũng là sai, nhưng không khẳng định, không phủ định cũng không đúng."

"***Này Tu Bồ Đề thí như có người thân cao lớn. Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn."***

Cái hay ở trong lý luận này là Đức Phật nói từ chỗ "độ vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình mà không thật có chúng sanh được diệt độ", rồi nói tới quả vị cao tột Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thật, Đức Phật nói cảnh giới "không thật không hư". Do tới cảnh giới không thật không hư đó mà nhận biết được tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đức Phật phá tiếp tất cả Pháp, Đức Phật quét hết không còn cái gì trong tâm thức chúng ta.

Nói tất cả các pháp đều là Phật pháp, thì mình thấy cái này là Phật pháp và tiếp tục chấp cái này là Phật pháp. Đức Phật nói tiếp tất cả pháp đó đều không phải là pháp, đó mới là Phật pháp. Tới cái lớn nhất là núi Tu Di, được coi như cái rún của Tứ châu thiên hạ là Đông thắng thần châu, Bắc cưu lâu châu, Nam thiệm bội châu là cõi chúng ta đang ở và Tây ngưu hóa châu, bốn cõi này bao quanh chân núi Tu Di, Đức Phật cũng bác cho tới cái nhỏ nhất là một Pháp trần nhỏ nhiệm đều không. Tất cả những khí thế gian đều được Đức Phật tẩy xóa, để chúng ta khi tới cảnh giới "không thật không hư" này thì hoàn toàn tan biến hết, không còn gì tồn đọng nơi mình, lúc đó chúng ta mới tới cảnh giới thật.

"***Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ Tát. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề! Thật không có pháp tên là Bồ Tát. Thế nên Phật nói: Tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả."***

Người nào trong tâm mình thấy có một mảy may ý

niệm của mình mà mình diệt được, mình độ được thì người đó không phải là Bồ Tát. Ở ngoài cái lớn như núi Tu Di, cái nhỏ như hạt cát, tất cả các pháp, muôn sự muôn vật ở trần gian này, cho tới quả vị tu chứng của Đức Phật, cho tới những ý niệm nhỏ nhiệm xảy ra nơi tâm thức chúng ta, nếu còn một mảy may thấy mình có thể diệt trừ được, mình có thể tu tập được, còn có thể dứt trừ nó được thì người đó không xứng là Bồ Tát, vì người đó còn rớt trong ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

"***Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói lời thế này: Ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ấy chẳng gọi là Bồ Tát. Vì cớ sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm. Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ Tát."***

Một vị Bồ Tát mà thấy mình có thể làm cái gì đó cho đẹp, sao cho những ý niệm, những tà tâm, những tạp niệm, những xấu dở hoàn toàn tan biến để được thanh tịnh nơi tâm của mình; những cảnh giới nào mình đi tới đều trang nghiêm thanh tịnh đẹp đẽ, những điều mình làm trong đời sống được thanh tịnh trang nghiêm đẹp đẽ gọi là trang nghiêm cõi Phật của mình. Nên biết rằng còn thấy có một chỗ thật sự trang nghiêm để mình phải làm, là không thật, cho nên trang nghiêm cõi Phật cũng không phải là trang nghiêm đó mới thật là trang nghiêm.

Tới cái chỗ không thật không hư, thật cũng không được, hư cũng không được, có không được, không không được, đúng không được, sai không được, tịnh không được, uế không được; nhưng có cái không đúng, không sai, không tịnh, không uế, cái đó nó lìa tịnh uế đúng sai. Có cái nó lìa thoát

không dính những cái này. Nhưng ở những chỗ này không phải là không có nó, nên nó "không thật không hư."

Đây là điều rất hay. Không phải lìa là đi mất đâu. Ở nơi đó mà không dính thì mới gọi là lìa, còn ở cách xa nghìn trùng mà dính cũng là dính, chứ không phải lìa. Ví dụ chúng ta bị nhốt ở trong nhà, sau đó chúng ta được bước ra ngoài tự do, đi đứng tự do, không ai ràng buộc, không ai làm khó gì mình, thì xem như mình là người tự do. Người tự do chưa chắc là người tự tại. Người tự tại bị nhốt trong nhà họ cũng cảm giác không có gì ràng buộc, ở ngay tại đây mà giải thoát là người tự tại. Chạy khỏi cõi này mà giải thoát chưa hẳn là người tự tại. Tự do và tự tại khác nhau. Tự tại là ngay tại đây mà thấu thoát không lầm lẫn, không vướng mắc. Tự do là chạy ra khỏi chỗ này mới gọi là thoát được thì không phải. Tự do thấp hơn tự tại một bậc.

Khi một người thực sự tự do tự tại thì người đó mới thực sự đạt được những gì trong Phật pháp. Được tự do mà chưa tự tại cũng không xong, mà được tự tại thì chắc chắn người đó sẽ được tự do. Một người thực sự tự tại dù ở hoàn cảnh khó khăn họ vẫn sống bình yên, không bị xáo trộn. Do nghiệp chướng họ vướng vào hoàn cảnh khó khăn nhưng họ rất bình yên, đó là người tự tại thật. Quý vị tìm nghe trong băng giảng "Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục" chúng tôi có nói nhiều về điều này. Tại sao Ngài ngộ đạo rồi mà phải sống cuối đời với bảy bà vợ.

"***Này Tu Bồ Đề ! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ Tát."***

Đức Phật nói Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, là người Bồ Tát thực sự không phải hiểu về mặt lý thuyết mà phải tới

chỗ "không thật không hư" thật sự. Từ "không thật không hư" chúng ta thấy nó hết sức bình thường, nhưng nếu chúng ta có một lần thấu hiểu được chữ "không thật không hư" của Đức Phật, phải nói là chúng ta quỳ gối xuống đảnh lễ Đức Phật hàng vạn lạy. Một câu nói của người thực sự trí tuệ. Rõ ràng là phải đạt tới cảnh giới vô ngã, không có nghĩa nó hoàn toàn bặt hết mọi cái, không có nghĩa là không ngơ, không có nghĩa là không trống mà nó là cảnh giới thực sự "không thật không hư", thật cũng không phải, hư cũng không phải, cảnh giới thực sự vong bặt gãn chấp.

Theo thói thường thì buồn ngủ mình đi ngủ, đến giờ cơm mình ăn cơm, chuyện xảy ra thường ngày mình thấy gần như không có mình. Bỗng nhiên đạp gai đau, tự nhiên thấy có mình ngay tại đó liền. Bình thường chúng ta tự do đi chơi, bây giờ bị nhốt một chỗ không nhúc nhích được bắt đầu có mình. Tức là bắt đầu có gì ứ trệ là lộ cái ngã ra. Nhưng tới cảnh giới "không thật không hư" rồi thì đi chơi tự do cũng được, mà nhốt một chỗ cũng vậy, bình thường lắm, tất cả mọi sinh hoạt của người đó không lộ ngã chấp, không thành đau khổ với mình.

Khi nhận được cảnh giới "không thật không hư" rồi thì đời sống trở thành cái gì đó hết sức bình thường, gọi là người sống quân bình, đời sống họ không bị xáo trộn bởi hoàn cảnh xã hội cũng như cá nhân. Đời người có giá trị ngay từ đó. Người thực sự thông đạt pháp vô ngã được Đức Phật tạm gọi là Bồ Tát, chứ Bồ Tát cũng không thật là Bồ Tát, thì đó mới là Bồ Tát thật.

ĐOẠN 18: ĐỒNG QUÁN CÓ MỘT THỂ

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có nhục nhãn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như lai có thiên nhãn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như lai có tuệ nhãn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như lai có pháp nhãn chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có pháp nhãn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như lai có Phật nhãn chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có Phật nhãn.

Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Phật nói là cát chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai nói là cát. Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như trong một sông Hằng có bao nhiêu cát, có những sông Hằng bằng số cát như thế, có các thế giới của Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế thật là nhiều chăng?

Bạch Thế Tôn, rất là nhiều!

Phật bảo Tu Bồ Đề: Trong các cõi nước đầy rẫy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thảy đều biết.

Vì cớ sao? Như Lai nói các tâm đều không phải

tâm, ấy gọi là tâm. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.

Nhục nhãn là con mắt thường của chúng ta. Khi thấy chúng ta có thể phân biệt đúng sai, hay dở, đẹp xấu. Đối với Đức Phật, Ngài cũng có con mắt này, nhưng thấy là biết suốt luôn không có gì qua khỏi mắt Ngài.

"***Đức Phật có Thiên nhãn":*** Cõi trời khác cõi mình ở chỗ họ không nói dối nhau được nửa lời, chúng ta nói chuyện gì là họ biết mình nói thật hay nói giả, đó là Thiên nhãn. Thiên nhãn thông theo kiểu Lục thông hay Thiên nhãn minh theo kiểu Tam minh thì khác. Các vị khi chứng quả A La Hán trở lên đều có Thiên nhãn thông, nhìn thấy xa vô tận, thấy hằng hà sa số thế giới chúng sanh sinh hoạt như thế nào. Thấy có những cõi họ không đi bằng hai chân như chúng ta, hoặc có cõi họ không ăn cơm, uống nước như mình mà chỉ hít thở không khí để sống.

Có cõi họ giao tiếp không qua ngôn ngữ, họ chỉ cần tác ý là bên kia biết liền. Ở cõi trời Dục giới, hai người có duyên gì với nhau thì họ chỉ nhìn nhau thôi, tự động sẽ có ra một thiên tử mới do một tàng cây che phủ, họ cũng không có nuôi mà đem ra ngã tư đường, nó được sống bởi sự lo lắng của người khác, nhưng nó vẫn lớn lên theo phước báu của nó, vẫn có trí tuệ sống đúng với căn cơ trình độ của cõi trời. Có cõi họ chỉ giao tiếp với nhau qua âm thanh như tiếng hú, hoặc có cõi họ hiểu theo dạng ánh sáng. Có hằng hà sa số cõi giao tiếp với nhau như vậy đầy dẫy trong hư không, người có Thiên nhãn sẽ thấy khắp, biết khắp sinh hoạt tu tập, sanh tử của cõi đó như thế nào, được sống lâu như thế nào, thọ mạng ngắn

ngủi hoặc phước báu của họ tồn tại bao lâu. Chết từ cõi đó đi cõi nào người có Thiên nhãn sẽ nhìn ra.

Các vị A La Hán thấy chúng sanh đi tới lui trong sanh tử này khoảng tám muôn bốn ngàn kiếp trở lại đây, ngoài tám muôn bốn ngàn kiếp các vị không thấy nổi. Chỉ có Đức Phật là thấy hằng hà sa số thế giới chúng sanh sanh ra như thế nào, lớn lên, ăn uống, sinh hoạt, chết rồi đi về đâu không lầm, không sót. Tới những cái rất nhỏ nhiệm mà Đức Phật dùng từ là sát na mà khoa học cũng không minh chứng được, nó nhỏ hơn hạt bụi chia làm triệu lần mà chúng ta không thể thấy bằng mắt thường chứng minh được, thì Đức Phật thấy rõ không cần máy móc. Những dao động tích tắc của một sát na nhỏ nhiệm ít ai thấy được bằng mắt thường, nhưng người có Thiên nhãn sẽ thấy. Những cái cực xa, cực lớn, cực nhiều những người có Thiên nhãn sẽ thấy rõ.

"Đức Phật có huệ nhãn": Chỉ những vị chứng A La Hán, đã phá được sanh tử ngàn đời ngàn kiếp không lầm mê trong sanh tử nữa thì mới có huệ nhãn. Các vị tu theo Nhị thừa đã vượt qua tầng Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên chứng được diệt tận định, hoặc chứng Diệt thọ tưởng định họ chứng quả A La Hán mới được gọi là có huệ nhãn. Đối với thế gian này nhìn cái gì là các vị biết hết, không lầm. Các vị thấy được tương lai của một con người, của chính mình hoặc tương lai của chúng sanh. Ví dụ nhìn một người các vị biết người đó thuộc nghiệp nào, cần phải học cái gì, tu cái gì để có thể hóa giải nghiệp đó, để có thể tiến hóa công phu mới thoát sinh tử và sẽ có cách dẫn dắt người đó rất đúng.

"Đức Phật có Pháp nhãn": Là sự thấu hiểu không phải về con người mà vạn pháp ở trần gian này, đồng thời đủ

trí tuệ để sanh ra một loại Pháp có thể dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi sanh tử luân hồi. Đức Phật nhìn một sự việc, nhìn một chiếc lá rơi Ngài đủ cho chúng sanh một bài Pháp, để chúng sanh có thể tu tập giải thoát. Hoặc nhìn một sự vật Đức Phật thấu tất cả bề mặt bề trái, cái chân cái ngụy của nó để thoát ra khỏi lầm mê sanh tử luân hồi, đó là Pháp nhãn. Người đó có con mắt thấu tận vạn pháp, thấu tận muôn sự muôn vật trong trần gian này và thấu hiểu chân lý chư Phật mười phương. Khi một người đã khai mở được Pháp nhãn rồi, thì họ có cặp mắt khác để khi đối duyên xúc cảnh không còn lầm lẫn, dù là một mảy may trong sanh tử. Nhìn ở đâu, tiếp xúc như thế nào người có Pháp nhãn thấu suốt không làm lẫn.

"Đức Phật có Phật nhãn": Phật nhãn là tới chỗ tận cùng của thấy biết trí tuệ Phật đạo. Chỉ có Đức Phật mới thấu hiểu hết về Phật nhãn, còn Bồ Tát không đủ sức để thấy. Bồ Tát chứng tới Thập địa, Đẳng giác vẫn chưa đủ Phật nhãn, tới diệu giác thành quả Phật lúc đó mới gọi là đầy đủ Phật nhãn.

Đức Phật ví dụ có hằng hà sa số sông Hằng, mỗi một sông Hằng có bao nhiêu cát, thì mỗi một hạt cát là một thế giới, có hằng hà sa số thế giới như vậy, mỗi thế giới đem nghiền nát ra thành từng hạt bụi nữa thì bụi đầy khắp hư không. Ví như chúng sanh dày đặc thế giới đó, khởi bao nhiêu tâm một lần Đức Phật thấy biết hết. Ai có đủ trình độ như vậy? Chỉ có Đức Phật thôi.

Còn các vị A La Hán biết từng người, nhìn một cái là các vị biết nghiệp của chúng ta từ hồi nhỏ tới bây giờ, thậm chí biết luôn đời trước của mình tường tận không sót một điều gì, và biết tương lai của mình tới tám mươi bốn ngàn kiếp. Nhưng vẫn không thể so sánh gì với cái biết của Phật nhãn.

Đức Phật thấy khắp pháp giới chúng sanh này, chúng ta chỉ cần gợn lăn tăn tí xíu trong đầu là Phật nhãn thấu suốt.

Một Pháp hội hàng tỷ tỷ người, Đức Phật nhìn một cái là biết hết hàng tỷ người nghiệp chướng như thế nào. Chuyện hiện tại họ đang khởi cái gì trong đầu, Đức Phật biết rõ niệm đó chút nữa nó sẽ diễn tiếp cái gì, hết đời này nghiệp đó chuyển sang đời mới để nó thành hình cái gì ở đời sắp tới. Và đời sắp tới nó sẽ chuyển thành mình là nam, là nữ, là đen, là trắng, là lùn, là cao, là khổ, là vui Đức Phật thấy thấu suốt hết đời đó và hằng hà sa số kiếp về sau cho tới ngày chúng ta được thành Phật ở cõi nước nào đó. Không chỉ biết một người mà Đức Phật biết hết thảy chúng sanh một lượt, đó là cái biết của Phật nhãn.

Trí tuệ Đức Phật siêu việt, thế gian này không đủ cái đầu để có thể hiểu nổi, không ai có thể so sánh được, chỉ trừ Phật với Phật mới có thể biết được ngang đó. Chứng được quả Phật thì chuyện đó xảy ra, còn chưa chứng quả Phật như các vị Đại Bồ Tát cũng không đủ sức để hiểu. Kinh Pháp Hoa nói trí tuệ của ngài Xá Lợi Phất được xem là Trí tuệ bậc nhất, vậy mà Đức Phật ví dụ trí tuệ của Ngài chỉ như lúa mè tre lau khắp pháp giới này muốn suy nghĩ tới chỗ Đức Phật nói, cũng không thể nào suy nghĩ tới nữa. Nói tới Phật nhãn chúng ta không còn câu lời nào để có thể bàn được một xíu xiu. Nói vậy để chúng ta hiểu trí tuệ Đức Phật với cái đầu mình không tưởng nổi, chừng nào bể cái đầu ra thì hy vọng chúng ta biết được chút phần.

Từng giờ, từng phút, từng giây chúng ta liên tục khởi nghĩ từng móng niệm nhỏ nhiệm nhất, sâu kín nhất, riêng tư nhất, Đức Phật đều thấu hiểu hết không sót một mảy may.

Không phải một người, một chúng hội, mà khắp pháp giới chúng sanh bao nhiêu người khởi nghĩ Đức Phật đều biết một lượt. Cho nên học tới Phật nhãn chúng ta phải cúi đầu đảnh lễ thôi chứ không còn đường nào khác, không còn ngôn từ nào để có thể ví với Phật nhãn của Đức Phật.

Những người giỏi lắm có thể học bảy hoặc tám loại ngôn ngữ, còn Đức Phật thì khắp pháp giới chúng sanh có một tỷ thế giới, có một tỷ loại chúng sanh, một lần nói một tỷ loại ngôn ngữ Đức Phật rõ biết, không thiếu sót. Chưa cần phải nói ra, mới khởi trong đầu là Đức Phật biết rồi, không lầm lẫn bất kỳ một ý niệm nhỏ nhiệm nào. Mình tu tập có nhiều đêm mình làm biếng Đức Phật thấy hết, mà những người có Thiên nhãn thông cũng biết điều này nếu họ hướng về mình, nhưng trí của các vị đó vẫn cách xa Đức Phật nghìn trùng. Các vị A La Hán nếu hướng về mình cũng biết, chứ bình thường các vị không biết nổi. Các vị Đại Bồ Tát thì có thể biết hơi nhiều nhiều một chút, Pháp hội này liếc mắt qua một cái các vị biết hết, nhưng vẫn không so sánh một tỷ tỷ phần của Đức Phật.

Vì vậy cho tới giờ phút này thế gian chúng ta chưa thể có một vị Phật khác là như vậy. Hơn hai ngàn năm trăm năm rồi, đã theo Pháp Đức Phật tu tập rồi, có những vị rất siêu suất nhưng vẫn không thể so sánh với Đức Phật về trí tuệ, về phước báu. Cái thấy biết Phật, mỗi người đã riêng có rồi, nhưng khi nào mình chết cái thân và tâm phàm lúc đó chúng ta hy vọng biết một chút phần cái thấy Phật, gọi là Tri Kiến Phật trong Kinh Pháp Hoa cũng gần gống như Phật nhãn.

Từ đầu bản Kinh Kim Cang, Đức Phật khuyến khích những người có tâm cầu thành Phật thì nên không trụ sắc sanh tâm; nên không trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm; nên

không chỗ trụ mà sanh tâm kia. Hoặc bố thí ba không trụ tướng, xem như kết thúc phần đầu và qua phần này là tầng cao hơn, tận cùng không có ngã, đã không có ngã thì không có Pháp, thì sẽ không có tu và không có chứng, không có chúng sanh và không có Phật, cho nên chúng sanh cũng không mà quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không. Khi nào một người sạch hết những cái đó rồi thì mới có đầy đủ ngũ nhãn.

Người nhận đầu tiên tới chỗ này là cư sĩ họ Lư khi chưa thành Lục Tổ*: "Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai",* tức là xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ. Một phen mở được con mắt Phật của mình, thấy tất cả mọi cái từ xưa tới giờ không hề dính được, không nhiễm được, không hề dao động được, đó là bắt đầu mở con mắt Phật. Chúng ta nhìn cái gì, thấy cái gì, nghe cái gì, nghĩ cái gì cũng là không dính. Nếu thấy mình còn có thể dính được tức là vẫn còn con mắt phàm, chưa mở con mắt Phật.

Từ xưa tới giờ chúng ta quen thấy để chúng ta dính, quen nghe để chúng ta dính; cái này là hay, dở, đúng, sai, thanh tịnh, ô uế, là Phật, chúng sanh, Niết Bàn, tất cả cái thấy đó đều là cái dính nhiễm trong trần gian này. Khi nào chúng ta thấy sạch hết những cái dính nhiễm này, mình tìm nơi tâm mình một mảy may phân biệt không có. Không phải chúng ta tu để không phân biệt, hai cái này khác nhau hoàn toàn. Khi đang tu chúng ta ráng công phu để mình không rớt vào phân biệt hai bên. Có phân biệt hai bên thì mình nhắc nhẹ là đã rớt vào phân biệt hai bên rồi.

Đang ngồi như thế này thì mình rỗng rang thanh tịnh, không ai bị ô trược ở đây cả. Nếu mình thấy mình là chúng

sanh phàm phu sanh tử nhiều đời nhiều kiếp để mình ô nhiễm, thì đó là cái thấy của phàm phu, không phải cái thấy của Thánh hiền. Rõ ràng ngay tại đây không ai ô nhiễm cả, chúng ta là chúng sanh hết sức thanh tịnh, ngay nơi nghe hiện tiền này cũng rất thanh tịnh. Nếu có cái gì trong lúc đang nghe là chúng ta rớt xuống tầng phàm phu, tự hạ đẳng của cấp mình, chứ mình luôn luôn ở cõi Phật, đây là điều đặc biệt.

Chúng ta luôn ở chỗ rất thanh tịnh, cho nên không có âm thanh, không có ngôn ngữ, không có bất cứ chuyện gì mà chúng ta không nhận rõ nó bằng cái thanh tịnh này, và chúng ta đang thanh tịnh để rõ biết mọi điều. Nếu chúng ta muốn lưu trú cõi Phật thì ở đây luôn đừng xuống nữa, nhưng chúng ta thích phàm phu thì chúng ta tuột xuống, thấy chỗ này đúng, chỗ kia sai, chỗ này thanh tịnh, chỗ kia ô uế, người này tốt, người kia xấu, người này tu hành được, người kia tu hành không được, nói kiểu đó thì đúng, nói kiểu kia thì sai, là chúng ta bắt đầu rớt từ từ xuống. Thành ra người khéo tu là vừa rời cõi Phật chúng ta phải biết.

Người đang trì Kinh Kim Cang là đang thấy bằng cái thấy của Phật, nghĩa là thấy tất cả mọi cái đều nguyên như thế ngay hiện tiền tại đây. Chúng ta đang rõ âm thanh thì nguyên cái rõ đó nó rõ từng âm thanh một mà không rớt xuống tầng nào, là chúng ta đang ở cõi thanh tịnh, đó là cái thấy biết Phật. Tất cả mọi cái đều hiện tiền thanh tịnh tuyệt đối là chúng ta đang ở cõi Phật, đang thấy bằng Phật nhãn. Có khi chúng ta rớt xuống một tầng, người khéo tu thì vừa rớt xuống là chúng ta phải nhận biết là mình đang rớt xuống. Vừa rớt xuống một tí xíu phân biệt hai bên là đã mệt mỏi rồi, nếu chúng ta không biết thì chúng ta đi tiếp trong sanh tử, còn biết thì chúng ta

dừng lại không rớt xuống nữa, tự động hòa nhập trong thanh tịnh tuyệt đối liền, đó là cái thấy biết Phật.

Cái thấy và cái biết của chúng ta bằng Phật, nhưng chúng ta không chịu sở hữu và lưu trú trong cõi giới Phật, chúng ta tự rời cõi Phật để xuống cõi phàm chơi. Cõi Phật thanh tịnh nhiệm mầu và phải nói là phúc lạc vô biên, nếu ai đang ở đây thì ở ngay tại đây đừng đi ra khỏi chỗ này. Chúng ta đang ở vị trí thật của chính mình thì không có trước, không có sau một mảy may. Nếu ở đây mà chúng ta thấy có một cái gì trước đó một chút, hoặc có cái gì sau đó một chút, thì chúng ta đã rời cõi Phật, điều này hết sức tế nhị.

Nếu có công phu thì chúng ta phải nhận ra điều này. Chúng ta là người luôn luôn ở thực tại này không trước không sau, nhưng mình chấp nhận đằng trước hoặc đằng sau, chứ chưa bao giờ mình chấp nhận cái không trước không sau hiện tiền này. Đây là chỗ đòi hỏi cái đầu chúng ta nếu tinh tế nhạy bén sẽ nhận ra.

Chúng ta ngồi đây không có trước, không có sau, không có quá khứ, không có vị lai, nhưng nó không tạm dừng. Từng khoảnh khắc nhanh như con ngựa chạy qua khe cửa vậy, chỉ cái vụt là mất, nhưng cái vụt mất đó thì liền thay cái vụt mới, tức là nhanh nhanh nhanh, mới mới mới. Cái tuyệt đối là liên tục mới, chúng ta chưa bao giờ cũ, chúng ta muốn cũ cũng không được, nhưng muốn trước cũng không được, nó rất là nhanh, nhanh tới độ ý thức chúng ta không bắt nổi với người ý thức cùn lụt.

Đây là điều rất đáng buồn cho người qua tuổi sáu mươi rồi chúng ta sẽ không đủ nhạy bén. Nếu sức khoẻ tốt, tinh anh một chút, mới có thể bắt nhịp được nhịp sống hiện tiền này.

Chúng ta phải liên tục bắt nhịp, không thể chậm được, chậm là nó qua, chỉ một mảy may nhỏ nhiệm nhất là nó vượt qua liền. Ngay âm thanh hiện tiền này mà chúng ta không sống được, để vuột qua là chúng ta liên tục bị lỡ cơ hội, không đủ tuệ nhãn, không đủ Phật nhãn để thấy mọi cái là giác.

Tất cả mọi cái hiện ra với chúng ta đều là Bồ đề, đều là giác ngộ, không có cái gì không là Bồ đề. Vì chúng ta không chấp nhận cảnh giới này nên mới đi xuống cõi dưới thấp hơn một chút rồi thành phàm phu. Tất cả mọi cái đều là Phật nhãn, đây là điều rất đặc biệt trong đạo Phật. Thành ra chúng ta không còn cơ hội kịp để quay nhìn lại đằng sau, không kịp nhìn lại bên trái, không kịp nhìn lại bên phải nữa.

Theo kiểu chăn trâu trong nhà thiền là con trâu vừa quay mỏ bên phải là kéo lại, quay mỏ bên trái là kéo lại, không đợi cho nó ăn lúa mạ, ăn lúa mạ là quá xa rồi. Khi chúng ta chăn con trâu của mình, thì không phải là con trâu quẹo bên đây, quẹo bên kia theo kiểu bình thường nữa, mà con trâu mình là loại trâu trắng hiện sờ sờ khắp pháp giới, chúng ta luôn ở trên lưng con trâu đó, không rớt xuống, đừng nói chuyện là phải quẹo đầu qua quẹo đầu lại.

Những ví dụ trong bức tranh chăn trâu không đủ để diễn tả cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật này chúng ta phải cố gắng chết đi cái đầu mình một lần, để mình được vén chút xíu trong mắt Phật một lần. Từ đó về sau khi chúng ta nhìn nó khác, giống như chúng ta trở về cõi này chơi, thấy hết sức lạc lõng bơ vơ giữa cõi đời này. Mặc dù vẫn cái thân đó, vẫn cái tâm đó nhưng không còn là người phàm phu bình thường nữa. Thấy vẫn ăn rất là ngon lành ngon miệng nhưng không phải là sự đắm nhiễm, chơi trong đó lăn lóc nhưng không bao giờ

dính mắc được. Thành ra họ có thể xuống địa ngục chơi vẫn bình thường, tới cõi ngạ quỷ, súc sanh chơi vẫn bình thường, không có chuyện gì.

Khi một phen chúng ta mở con mắt Phật thật sự thì lục đạo luân hồi này thích chơi cõi nào thì chơi, muốn đi rất tự tại, không có gì vướng mắc trong thân xác này nữa. Mà không phải tự tại đi tới đi lui trong cõi phàm này đâu, cõi trời muốn chơi cõi nào cũng được, hoặc cõi của các vị Đại Bồ Tát mình muốn tới đó tham dự cũng không có gì khó khăn. Họ đủ sức đó, và thậm chí nhập luôn trong cõi Phật cũng được luôn. Khi mở con mắt Phật là đủ sức để thấy cảnh giới Phật, họ ra vô từ cảnh giới Phật cho tới tận địa ngục không có chỗ nào mà không tự tại, không ngại một cảnh giới nào. Chừng nào mình thấy còn vướng bận, còn một chút lợn cợn nơi tâm thì biết rằng con mắt Phật chưa mở, người đó không đủ sức tự tại sanh tử.

Nhận bản Kinh Kim Cang tới trình độ này thì thực sự là tự tại. Phải vượt phàm Thánh, không có phàm, không có Thánh, chỉ thuần một bể giác thanh tịnh tuyệt đối, chúng ta à lên, từ xưa tới giờ chưa có chỗ nào nhiễm cả. Tự mình tuột xuống cõi phàm nên mình thấy có nhiễm. Tâm mình thấy có chuyện này chuyện kia là xuất phát từ mình, không phải từ người khác. Tự mình hạ đẳng cấp xuống để mình chơi, để tự mình lăn lóc mê muội trong sanh tử, tự mình đi tiếp thôi. Khi nào mình cảm giác chán rồi, buông bỏ đừng có chơi trong cõi này nữa, Lục đạo luân hồi chúng ta không muốn đi nữa, tận thâm tâm chúng ta phải có cái dứt khoát với ba cõi này. Nhưng chúng ta chưa đủ lực, còn nuối tiếc, còn thương yêu chưa dứt

khoát tận nguồn tâm. Những cái luyến tiếc làm mình vướng bận là những cái cột trói mình.

Bây giờ chúng ta phải ngồi gạn lọc hết tất cả những thứ, từ tiền bạc, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ, sắc đẹp nếu như không có mấy cái đó thì mình có thấy bất an khổ sở không? Có lo lắng vì sự mất mát không? Nếu còn thì biết mình còn thích cõi này lắm, chưa chịu ra. Nếu năm cái đó mình dứt khoát bỏ thì có cái thay thế liền, một sự an lạc dàn trải lạ lùng lắm. Mới lìa năm dục thôi liền sanh hỷ lạc, đó là Sơ thiền (ly sanh hỷ lạc), đó là điều phúc lạc vô biên. Cái vui đó từ xưa tới giờ chúng ta chưa có, vua ở cõi trời đổi năm giây phúc lạc đó chúng ta cũng không đổi.

Còn tới cảnh giới Phật thì sự phúc lạc không thể dùng ngôn ngữ trần gian diễn tả, không thể tính toán được, sự cái phúc lạc nó bằng một tỷ lũy thừa tỷ phúc lạc chúng ta có ở Sơ thiền. Phúc lạc đó là tâm rớt vào dòng Thánh rồi chứ không phải hạnh phúc ở cõi phàm. Cái vui ở cõi phàm này hết rồi, không còn nữa thì chúng ta bắt đầu đi vào cảnh giới Thánh sẽ có sự an lạc riêng.

Chúng ta tu hoài mà chưa thấy có cái gì vui ngoài năm dục này, đừng ai nói mình bị chi phối bởi năm dục mà thoát khỏi cõi dục, nên tin chắc là không bao giờ có chuyện đó. Dù cho hết trần gian này xúm nhau đưa mình đi mình đi cũng không được, đừng nói chuyện nhờ một nhóm đi cầu siêu là chúng ta siêu, không đi được đâu. Tại vì họ cũng trốn trở lại, họ còn thích cái này cái nọ, còn quyến luyến đủ thứ thì làm sao mà thoát ra. Chính bản thân họ không thoát thì làm sao đủ năng lực làm cho người khác thoát.

Chúng ta phải tự thật lòng với chính mình, Những đêm

thanh vắng mình ngồi chiêm nghiệm lại những gì mình đang sở hữu đây, nếu mất thì sao? Còn luyến tiếc không? Rồi tới thân mạng này như thế nào? Tự truy vấn mình, lỡ như có ông Phật hiện ra bảo mình về với Phật, thì mình đã sẵn sàng chưa ? Chúng ta chưa bao giờ sẵn sàng ra đi. Nói trời nói đất thì nói chứ bây giờ nói một giây nữa mình ngã ra chết mà tâm mình thanh tịnh tuyệt đối, không có gợn lăn tăn nào, thì mới hy vọng có con đường thoát ra.

Trong sanh tử này tất cả những chuyện xảy ra với thân tâm, là những chuyện xảy ra trực diện với mình nhất. Những điều đó nếu mình đem ra truy vấn trong phút giây này, là biết chúng ta vẫn còn tiếp tục lầm lẫn. Đừng có giải quyết cái gì ngoài thân tâm, cái thân này nhiều khi còn giải quyết chưa xong. Bây giờ sẵn sàng quăng bỏ cái thân này ra ngoài đống rác chưa? Nếu chưa, biết rằng cõi phàm này chúng ta chưa ra khỏi, không có ai đưa mình đi cả, Phật cũng không có rước nổi, bảo đảm Phật có xuống rước cũng gỡ tay Phật ra. Mình phải thật với chính mình, có những đêm mình phải riêng tư, mình phải dành những khoảng không gian riêng nhứt cho mình. Bây giờ còn cái thân này thấy nó là vô thường, là huyễn, thậm chí mình còn giảng cho người ta nghe nữa, nhưng đụng tới cái thân này coi, là biết liền.

Như vậy cái ngầm chấp trước của mình sâu tận trong đáy tâm, nó hết sức cứng như kim cương, khó đập vỡ được. Ngay cái thân thôi mà chúng ta chưa giải quyết xong thì tâm này làm gì giải quyết, mà thân tâm này không giải quyết xong thì chuyện cõi trên, không đi được đâu. Chúng ta nên kiểm tra lại nội lòng mình, sự vướng mắc của mình trong trần gian này nó cản ngăn bước đường giải thoát của chính mình.

Rõ ràng tiền tài, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, sắc đẹp tấ cả đều trở thành ngã chấp của mình, từ cái ngã thầm kín chấp thân tâm mình, rồi thì những cái mình sở hữu cũng tự động thành ngã, đụng tới nó mình cảm giác đau đớn khó chịu. Xúc phạm tới người thân của mình, quyến thuộc mình, danh dự mình, tên tuổi mình v.v… tất cả những thứ đó đều làm cho mình đau, thì biết mình là ai và đang ở cõi nào rồi. Lỡ mình không đủ can đảm nói sự thật với người khác thì mình cũng phải nói sự thật với chính lòng mình, là bây giờ mình còn dính chỗ này, còn mắc chỗ kia, chưa buông bỏ được cái nọ. Một khi thấy sự vướng mắc của chính mình rồi, thì mình mới có cách để thoát ra.

Bây giờ mình vẫn còn tự tại lắm, thấy người ta tiêu xài mình cũng tiêu xài, có khi còn xài sang hơn người ta nữa. Lý do vì sao? Vì mình còn một đống tiền phía sau, mình còn làm ra tiền, nên ăn chơi rất tự tại, nhưng nếu ngày mai không làm ra tiền thì đêm nay có ngủ được không? phải suy nghĩ thì rõ ràng mình có cái gì vướng trong đó, không giải phóng được. Mình phải nhận ra cho hết những sinh hoạt đời sống riêng tư của mình, nhất nhất mỗi cái đều phải được soi sáng bằng mắt huệ của chính mình thì hy vọng mới thoát ra được, phải luôn tự truy vấn mình trong từng ý niệm.

Phải ngồi lại xem mình dính chỗ nào. Biết rằng những chuyện trong thế gian này từ đời sống sinh hoạt cá nhân cho tới tập thể, những cái mình được sở hữu, những cái mình biết tới từ bên ngoài đến bên trong phải tự kiểm tra coi mình còn không, nếu thấy còn thì biết mình còn vướng. Lạ một điều những người bệnh nặng họ sẽ tu tốt vì họ biết chắc là phải chết. Chúng ta phải tu như người rớt xuống biển sâu, đã xuống

tầng sâu của nước rồi thì chỉ còn bơi và ngoi đầu lên, lúc đó mới gọi là tinh tấn thật sự. Còn bây giờ chúng ta chưa đủ tinh tấn đó, chúng ta chưa quyết tâm bơi lội để ngoi đầu lên khỏi mặt nước, buông ra rồi thì cũng còn nhiều chuyện để mình lo lắm.

Ngay từ bây giờ chúng ta làm sao phải nhập trong cái thấy biết Phật. Ai có lần sống trong cái thấy biết Phật thì có điều rất lạ là chúng ta ra khỏi thân ngũ uẩn và sau đó nhập trở lại chúng ta sống kiểu nào cũng được, thân này có đi bất kỳ cõi nào cũng không sao. Sau lần nhập trong Tự Tánh đó, đủ trình độ để chúng ta có thể đi đâu tùy ý. Từ trước tới giờ chúng ta cứ tưởng Đức Phật nói với mình kiểu tưởng tượng. Ví dụ mình ở trong nhà thấy khoảng hư không nhỏ nhỏ, bước ra ngoài trời thấy khoảng hư không rộng hơn, khi lên đỉnh thật cao chúng ta sẽ thấy hư không rộng khắp. Đức Phật nói khi một người biết được việc này sẽ thấy được mình không phải là thân tâm này, mà mình khắp mười phương pháp giới. Mình không tin và cố gắng tưởng tượng đi nữa cũng không thể tưởng nỗi. Nhưng một phen chúng ta chết thân tâm này, quý vị mới hay biết khắp mười phương một lượt. Đây là điều rất lạ, lúc đó quý vị thấy quả địa cầu nhỏ hơn một phần tỷ hạt cát. Khắp trời đất trăng sao này chúng ta thấy một lượt. Khắp vũ trụ này, những giải ngân hà, thiên hà, những hành tinh chúng ta nhận biết một lượt chỉ trong tích tắc. Đó là cái thấy biết Phật trùm khắp mười phương thật sự, không phải tưởng tượng, không phải là hết cái có để còn cái không. Không phải cái có là cái chật hẹp, cân lường được, cái không thì không cân lường được, đó là Tự Tánh. Đừng lý luận có không theo kiểu đó vẫn còn tiếp tục so sánh ảo giác, ảo tưởng. Khi chúng ta hết những

ảo giác ảo tưởng này, mất luôn tưởng, hành, thức thì chúng ta là ở khắp thực sự.

Nếu chúng ta muốn trở lại thân này thì chúng ta thu nhỏ lại. Quý vị tưởng tượng như một cái quặng nhỏ xíu bỏ vô miệng chai, còn cái miệng quặng nó lớn bằng hằng hà sa số thế giới vậy, từ đó mình thu nhỏ để trở lại cái thân bằng hạt cát này sinh hoạt trở lại. Một lần chúng ta tự tại sinh tử rồi thì không còn cảnh giới nào vướng mắc nữa. Phải một lần như vậy với chính mình trong đời này, mới ra khỏi con người này. Và ra thiệt, ngoài thân tâm này thực sự là chúng ta tiếp nhận cái biết Phật nhãn.

Ai chưa như vậy là phải lo, không lo không được, đừng có giỡn chơi, chưa chắc mình ngủ đây mai còn thức dậy được nói một tiếng. Không ai chắc điều gì ở một chút nữa hết. Nếu như tại đây mà mình không giải quyết cho xong, thì chút nữa không xong và mãi mãi không xong. Cho nên tất cả chúng ta đừng bao giờ trong tâm có bất kỳ một hứa hẹn nào, đừng bao giờ hứa hẹn ở ngày mai. Không có ngày mai để chúng ta hứa hẹn đâu. Không có chuyện chút nữa, mà ngay tại đây và bây giờ phải phá vỡ thân ngũ uẩn để bước ra. Lúc nào cũng để chúng ta ở chỗ không thời gian, không không gian mới được.

Nếu chúng ta thấy có ta có người là tự biết mình đã rơi xuống tâm thức, đã rời khỏi cảnh giới Phật. Rồi mình biết cái này, thấy cái kia, hiểu cái nọ là mình đã xuống tầng thấp nữa. Rồi biết cái này là đúng, biết cái này là sai, là thanh tịnh, là ô uế, là xuống một tầng nữa. Mỗi một lần chúng ta tiếp tục đi theo vọng niệm, là mỗi một lần chúng ta rớt xuống cảnh giới

thấp hơn. Thành ra chúng ta phải quý cảnh giới thực sự thanh tịnh của chính mình ngay từ cái thấy biết đầu tiên, chúng ta ở đó đừng đi xuống, chúng ta nên lưu trú cảnh giới Phật thì quá tuyệt vời, đừng lưu trú cảnh giới phàm.

Chúng ta đừng phí thời gian, vì thời gian không chờ đợi ai, nó luôn vùn vụt trôi qua. Tuệ giác, trí huệ và cái thấy biết của chúng ta phải nhanh nhạy, sắc bén, tinh tế thì chúng ta mới bắt nhịp được nhịp sống hiện tiền. Nhịp sống hiện tiền luôn dao động cho nên có câu: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.* Lục Tổ nhận ra cái nhịp sống khủng khiếp đó, nó luôn dao động từng khoảnh khắc, từng sát na một, vùn vụt trôi trong cuộc sống này.

Ngài Lâm Tế nói: *"Phải nhạy như đá sẹc, điện chớp. Phải biện biệt được,"* nghĩa là sấm sét trên trời nhá một cái là phải biện biệt nhanh như vậy mới được. Đừng nói người tu là bình thường, mà phải nói là người hơi bị bất bình thường. Tại vì họ không xài cái đầu. Người bình thường khác người điên ở chỗ họ có thể khống chế những suy nghĩ trong đầu, chắt lọc được, nói người này câu này, nói người kia câu kia. Trong mình có cái điên không khác gì thằng điên kia, nhưng vì thằng điên nó nghĩ gì là nói hết, nó không ngăn chặn lại được. Người bình thường nghĩ không khác nó đâu nhưng tại tỉnh một chút để ngăn chặn lại phải nói với người này câu nào, chứ trong họ điên còn gấp mấy lần thằng điên kia nữa. Người tu làm sao mình không xài đến não bộ thì rõ ràng là bất bình thường.

Người không xài não bộ, đụng chuyện xuất ra trống hoắc, không có gì cả ngày lẫn đêm, ngơ ngơ ngáo ngáo giống như thằng bờm. Ai hỏi gì thì như thói quen con người trả lời giao tiếp, chứ buông ra mình không ở đây. Họ không phải

người ở cõi phàm này thì là người bất bình thường. Người bất thường đụng đâu nói đó mà không bao giờ sai. Giảng Kinh thuyết pháp mà soạn bài trước là bình thường, đụng đâu nói đó rời khỏi ngôn ngữ văn tự là người bất thường. Học thiền là người đó phải phá vỡ tất cả những khung sáo bình thường để bước ra.

Chúng ta là người cõi này, đất nước này, nguyên tắc nó như thế nào, phong tục tập quán như thế nào, người này phải gặp người kia như thế nào, vị trí người đó như vậy thì họ phải sống như vậy mới bình thường, họ không phải như vậy thì là người bất thường, là người không tốt. Tự chúng ta quy định, bó cột nhau, chôn nhốt nhau, tự dựng lên một số lồng sáo. Nếu người nào sống đúng khung sáo như vậy thì cảm nghe người đó tốt. Nhưng khung sáo đó ở đâu? Tất cả những cái đẹp, những cái đúng ở trong cõi này mà mình chưa đủ trí để phá ra, thì mình chưa phải là người siêu xuất tam giới. Cái đúng, cái sai ở cõi này thôi mà mình chưa ra khỏi thì đừng nói chuyện khác. Thiền không bàn tới chuyện đúng sai ở cõi này, cõi Sắc giới cũng không cần, cõi Vô sắc giới cũng không cần.

Cõi người có nguyên tắc quy định cõi người, người Á đông phải sống kiểu gì, phong tục tập quán làm sao? Người Châu âu sống kiểu gì, phong tục tập quán làm sao mình phải thoát ra, thoát ra được cái nghiệp của một chúng sanh, còn nếu không chúng ta vẫn là chúng sanh tiếp tục. Bây giờ mình thấy mình là con người là đã rớt xuống tầng quá sâu rồi. Do ở đây quá lâu nên cái gì đối với mình cũng là thiệt. Đầu tiên chúng ta phải thấy con người của mình ngay tận cái gốc sâu nhất, thân tâm này chúng ta phải nhìn cho được tới cái chỗ tận cùng của nó là không thật. Tận trong lòng của mình phải phá cái đó

chứ nếu nói sống thanh tịnh lên cõi trời, sống ô trược xuống địa ngục, tự động mình ớn không dám ra. Và rất nhiều người không dám ra kiểu này. Không phải *"thỏng tay ngoài chợ"* là đi vô chợ ăn mặn, uống rượu đâu, mà là đi khắp tam giới này, từ trời Sắc cứu cánh cho tới tận địa ngục A Tỳ phải tự tại ra vô. Không phải xách bình rượu với cá chép vô chợ nhậu như hình ảnh bức tranh chăn trâu, đi lòng vòng trong nhân gian không tới đâu, phải đi trong lục đạo mới hay, thích chơi cõi nào cũng được, phải tự tại thực sự.

Muốn như vậy phải gạn lọc tâm mình, những đúng sai mình ra hết chưa. Bao nhiêu kiến thức của khoa học, bao nhiêu kiến thức của loài người là phải sống với nhau như thế nào, cư xử với nhau như thế nào, thế nào là đúng, thế nào là sai, bậc Thánh sống như thế nào, phàm phu sống như thế nào, người tu sống như thế nào, cư sĩ sống thế nào, ăn trộm sống thế nào, vua chúa sống thế nào, quan sống thế nào, dân sống thế nào, ai không sống như thế là không phải, vậy mình ra kiểu nào đây? Đó là quy định của thế gian, nếu chưa ra khỏi quy định đó là chưa ra khỏi một chúng sanh. Làm sao mình mất đi chúng sanh để nhập vào cái thấy biết Phật đó mới là người siêu xuất, người đó không bàn chuyện đúng sai trần gian này, nhưng người đó thấu suốt đúng sai không lầm, mà không phải là bất cần không biết gì.

Ngay từ đầu Đức Phật có nhục nhãn, là cái thấy biết để biện biệt đúng sai, hay dở, chân ngụy, tà chánh trong cõi này. Không phải biện biệt để trở thành sự vướng mắc thị phi, mà biện biệt để thấu hiểu và đi ra ngoài. Những việc làm trong cuộc đời này không dính gì với cái thấy biết của người khác. Chúng ta học đạo là phải thoát ra được những lồng sáo, thoát

tới đâu mình sẽ tự động cảm nhận đạo lý tới đó, và sẽ cảm nhận đời sống đạo lý của người đã từng sống ngoài vòng lẩn quẩn. Chúng ta phải cảm nhận được, nếu mình không cảm nhận cái ngoài lồng sáo của chúng sanh thì mình sẽ không tiếp nhận cảnh giới cao hơn, tự mình không ra được, thì mình sẽ nhận định người khác trong cái khung của chính mình. Mình nhìn người đó theo kiểu của riêng mình, theo kiến thức của mình, nếu họ không đúng theo cái khung mình đúc sẵn để chụp người ta thì không phải. Nhưng mình đâu biết người ta ở ngoài khung, cái khung mình chụp không hết. Mình chỉ thấy được một góc theo kiến thức riêng của chính mình. Chúng ta chưa bao giờ ai thấy ngang tầm với chính người đó.

Khi nào mình đủ trình độ tương ưng thông cảm một cách tuyệt đối với cái thấy biết của người đó, thì mình phải bằng người đó. Muốn nhận định một sự việc nào thì chúng ta phải phá vỡ hết mình đi, vì nếu còn mình ở đây là mình sẽ nhìn mọi người ở trong cái khung, chưa ai nhìn người khác thoát khỏi cái khung kiến thức của chính mình. Mình thấy người kia tốt cũng theo kiến thức của mình, thấy người kia xấu cũng theo kiến thức của mình, thấy người kia đúng cũng theo kiến thức của mình, thấy người kia sai cũng theo kiến thức của mình. Mọi việc tốt, xấu, hay, dở cũng nằm lẩn quẩn trong vòng kiến thức của mình mà thôi. Dù mình biện minh cỡ nào cũng trong vòng lẩn quẩn.

Bây giờ mình phá hết đúng sai để nhìn một lần. Nếu thực sự mình đã ra ngoài đúng sai rồi thì sẽ lộ ra được người này đang ở trong khung, lúc đó mình sẽ nhận định người này chưa ra. Còn mình chưa ra khỏi khung mà nhận định người khác thì mình sẽ đặt người đó vào khung của chính mình. Kiến

thức mình rộng sẽ thấy người đó rộng một chút, kiến thức mình hẹp sẽ thấy họ hẹp một chút, chỉ chừng đó thôi, không ra được. Muốn biết ai một cách tới nơi tới chốn thì mình phải hết khung sáo. Mình sẽ là chân trời mênh mông để coi người đó có tương ưng với cảnh giới của mình không. Ra ngoài tự mình sẽ biết nhau, ở trong này không ai biết được ai đâu. Thầy với trò ở với nhau một đời, mỗi ngày ăn cơm chung, uống nước chung, ngủ chung cũng không biết được nhau, tại chúng ta còn ở trong nhục nhãn chưa ra khỏi. Chừng nào tới Phật nhãn thực sự chúng ta mới thấy, phút giây mình ngũ uẩn giai không ra khỏi con người này, chúng ta sẽ thấy điều rất lạ là chư Phật mười phương mình muốn biết vị Phật nào thì tự động mình biết, biết Đức Phật đó nhập Niết Bàn theo kiểu gì, đang ở cõi nào, thuyết pháp cõi nào, Đức Phật ra làm sao, thuyết bài gì.

Một điều rất lạ là khi không còn thời gian và không gian với chính mình, thì cách đây hằng hà sa số kiếp có một Đức Phật đang thành Phật, Đức Phật thuyết pháp bài pháp đầu tiên là gì mình sẽ nghe được. Và cả đời Đức Phật thuyết pháp như thế nào mình đều nghe hết. Không phải một Đức Phật mà hằng hà sa số Đức Phật nếu mình muốn biết thì cũng biết. Mình biết chân lý mười phương như thế nào, đó là người đã khai Phật huệ.

Khi thấu hiểu được Phật huệ rồi, chúng ta mới thấy cõi này không xài được vô chỗ nào về trí huệ của Phật. Nói đến Phật huệ thì ngôn ngữ người phàm phải tưởng tượng bao nhiêu kiếp nữa vẫn không tưởng tượng ra được một mảy may, trí tuệ trần gian này không có gì để so sánh. Đối với người tài giỏi cỡ nào, thì chỉ là ý thức thôi, càng giỏi ý thức và kiến thức

thì càng dày sanh tử.

Một câu này chúng tôi nhắc đi nhắc lại hoài, không phải của người xuất gia mà chúng tôi rất trọng nể, đó là Tiên Sinh G.Ohsawa, Ngài nói một câu rất hay: *"Tất cả những kiến thức của trần gian là một chứng minh thư của chúng ta đi vào sanh tử tiếp nối."* Tức là chúng ta có bao nhiêu kiến thức, bao nhiêu hiểu biết của mình từ cõi phàm cho tới cõi Thánh, thì nó cũng là chứng minh thư để chúng ta tiếp tục đi vào sanh tử. Tiên Sinh không phải là người tầm thường, Ngài đã ra ngoài sanh tử rồi mới có một câu nói tuyệt vời như vậy. Chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta một lần tự trong thâm tâm mình dám rũ sạch cái thấy biết cả đời này, và những cái thấy biết mình đã gom trong nhiều đời nhiều kiếp rũ sạch một lần, phải tự thấy nó là sự trói buộc, là một sự bóp méo, một sự sai lầm của chính mình thì hy vọng mình sẽ có cái thấy biết khác ngoài cõi này.

Còn bao nhiêu cái gom nhóm của mình, bao nhiêu cái huân tập, bao nhiêu cái học hiểu đã trải qua nhiều đời kiếp cho tới ngày nay, mình đúc kết thành một Kinh nghiệm, đó là kết luận của ý thức chứ không phải đạo lý. Đạo lý không phải kết luận, mà sạch đi tất cả những cái hiểu biết rồi lúc đó mới có Phật huệ.

Rất nhiều người có kiến thức Phật pháp, là giảng sư khắp trời Nam trời Bắc nhưng đó chỉ là kiến thức là cái thẻ đi tiếp nữa trong sanh tử. Trong đời này mình phải đủ gan, thứ nhất là sẵn sàng chết mọi lúc mọi nơi, nếu đúng duyên chết thì đứng chết cũng được, ngồi chết cũng được, nằm chết cũng được, chết trên xe, trên máy bay, chết tàu, chết ghe, chết ở đâu cũng được, không còn sự lo lắng trong lòng. Nói tới cái chết

là mình sạch sẽ sự lo âu. Kế tiếp là cái chết của ý thức. Tất cả những hiểu biết của mình từ xưa tới giờ trong cuộc đời, bằng cấp này, bằng cấp kia, bây giờ ngồi lại mình có dám thấy nó là không chưa? Chúng ta không rũ sạch điều này thì như Ngô Thừa Ân nói khéo, y như bãi nước tiểu và cọng lông đuôi của con khỉ Tề Thiên không hơn không kém.

Tề Thiên sau khi bay qua ngút ngàn trên năm ngọn núi Ngũ Hành Sơn tiểu ở đó, cột mấy cọng lông đuôi làm dấu rồi bay về trình Phật Tổ Như Lai là tôi đã bay qua Ngũ Hành Sơn rồi, thì buộc phải kẹt ở Ngũ Hành Sơn vài trăm năm. Đã bay qua được Ngũ Hành Sơn tức là chứng Thần Túc Thông chứ đâu phải vừa, nhưng vẫn còn có chỗ đến, còn có chỗ chứng, còn có chỗ đắc, cho nên phải ở lại Ngũ Hành Sơn vài trăm năm nữa.

Còn chúng ta mới chỉ là kiến thức thôi, chưa đủ cân đẩu vân như Tề Thiên, thì biết rằng mình còn phàm lắm chưa phải là Thánh, đừng cho cái thấy biết mình là đúng. Còn kiến thức thì đúng với dạng của ý thức có thể chấp nhận được, nhưng đúng với Phật đạo thì không được. Chúng ta phải phân định hai cái đúng đó và phải khẳng định với chính mình như vậy để mình ra ngoài kiến thức. Nếu mình còn thấy thế này là đúng, cái thấy biết mỗi lúc mỗi sâu cũng chỉ là sự huân tập dày thêm của ý thức mà thôi. Bỏ nó đi thì hy vọng chúng ta có cái thấy không đúng sai. Ý thức của mình dù thông minh tới đâu, dù có bao nhiêu bằng cấp đi nữa chỉ là ánh sáng của đom đóm. Còn khi mình ra ngoài kiến thức rồi là ngọn lửa của núi Tu Di, là ánh sáng của mặt trời, chứ không phải ánh sáng của đom đóm giữa đêm thâu. Chúng ta phải có cái thấy thoát ngoài trần gian này, thì đó là cái thấy đúng.

Nếu chúng ta một lần nhập định kiên trì, năm ngày, bảy ngày, hai năm, bảy năm hoặc nhập định một triệu năm, xuất định ra cũng chừng đó mà thôi. Nếu không có phá thân ngũ uẩn để đi ra, mà còn trụ ở định là vẫn còn chỗ trú, định nào cũng là chỗ trú. Định không phải do con người làm ra, định không phải do công phu mà được, thì mới hy vọng đó là Phật định.

Thiền tông không bàn tới Thiền định và giải thoát, mà nói thẳng Tự Tánh. Chúng ta có thể bước một cái ra ngoài tam giới, nhưng nếu không chịu bước thì chúng ta cứ đi hoài trong vòng lẩn quẩn, mà nhà Thiền có thể chỉ chúng ta lối đó. Nếu một người đủ duyên lành và có căn cơ, thì vị Thiền Sư có thể đấm mình một đấm tan xác để mình bay ra ngoài tam giới này. Khi đó chúng ta mới thấy giá trị đạo Phật như thế nào, còn bây giờ chúng ta hiểu, chúng ta quý trọng đạo Phật nhưng vẫn còn là vòng ngoài chưa vô tới cổng chùa, đây là sự thật. Nếu chúng ta biết thương mình, thương Phật thì ở cõi giới Phật ngay tại đây giây phút hiện tiền này, đừng có lui về quá khứ, đừng hướng vọng tương lai, mà chúng ta ở chỗ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu này. Nếu không thì dù cho có ở trong chùa vẫn chưa thấy biết Phật, không thấy nổi đâu nếu còn hiểu được Phật, chừng nào hết hiểu Phật thì mới biết Phật như thế nào.

Ngài Tu Bồ Đề lập lại câu hỏi trước không phải là chuyện đơn giản, và không phải là chuyện lạc đề. Kinh Kim Cang không nói chuyện trùng lắp mà có một ý khác. Nếu chúng ta không vượt qua được phần trước thì phần sau chúng ta không hiểu nổi. Phần sau Đức Phật phá luôn quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu chúng ta chấp nhận

không có quả vị Phật, thì chúng ta mới đủ sức thừa đương nổi đoạn sau và hết bản Kinh Kim Cang này, thành ra không có chỗ để về. Có chỗ để về, có chỗ để trụ, có chỗ để tu, có chỗ nhập, có chỗ thanh tịnh, có Niết bàn, có bồ đề, có giải thoát đều là chỗ nhỏ nhít của ý thức chấp trước.

Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật quở chúng ta là người: *"Được chút xíu cho là đủ."* Thật sự khi chúng ta không chấp những cái chúng ta đang có, là mình có đủ ở mười phương này liền. Một điều rất hay trong Phật đạo, không đợi chúng ta công phu nhiều năm tháng, nhưng đủ cái đầu thấy thân tâm đều không là chúng ta ra ngoài sanh tử. Khi chúng ta còn sống trong đời này, chúng ta gom hết sức bình sinh lại để tự mình phá vỡ hư không bước ra. Đừng bao giờ tu từ từ, mất lực, hãy gom hết lực mình lại bước một bước ngoài tam giới, rong chơi ngoài Pháp giới này một lần, thì mới có thể bàn đến chuyên sâu của Phật đạo được. Còn nếu không chúng ta vẫn tiếp tục ở vòng ngoài.

Người tu tập chúng ta phải làm sao dùng được trí tuệ chứ đừng đi đường khác cực lắm. Định có thể tới giải thoát nhưng rất hiếm hoi. Nếu chúng ta thấy một người, họ phá vỡ sanh tử bằng con đường của tuệ thì chúng ta sẽ nhìn họ như không có chút nội lực nào, nhìn rất bình thường, nhưng tàng chứa một nội lực trí tuệ khủng khiếp để chỉ phá vỡ mình đi ra thôi, không làm chuyện thứ hai. Tất cả những chuyện trần gian thấy họ vẫn cực khổ lao nhọc làm chuyện này chuyện kia mà không có gì trong tâm họ những vấn đề đó, hoàn toàn rỗng, họ chỉ có chuyện duy nhất là phá vỡ sinh tử thôi, chứ không còn chuyện khác để làm. Người nào còn chuyện thứ hai để làm thì đời này làm không kịp đâu, nên chúng ta chỉ làm

chuyện duy nhứt là phá vỡ sanh tử. Với sức lực còn lại chúng ta nên dồn hết, người trẻ thì còn nhiều thời gian nhưng không chắc mình sống lâu hơn người lớn tuổi. Thành ra thở hơi nào là phải dồn hết sức vào chuyện đó. Chúng ta ăn uống, nói cười, ngủ nghỉ nhưng phải vì chuyện đó mà chúng ta sống trong cõi này. Còn giữ một chút chân mạng này một phút giây nào, thì việc đó vẫn là nóng bỏng nhất trong tận cõi lòng của chính mình.

Như con khỉ Tề Thiên bị nhốt trong Ngũ Hành Sơn lâu lâu có một trái cây ăn, là đã nguội lạnh công phu thì mới thấy trần gian này có mùi vị, chứ thật sự trần gian này đã mất mùi vị với hành giả. Nếu là người thật tu tận cùng là không có mùi vị, không có gì tồn đọng được trong tâm người đó, vì nó hấp dẫn quá cần lập lại lần thứ hai, tuyệt đối không. Trong lòng chưa bao giờ lưu trữ, chạm đến là liền thành bồ đề, dù điều đó tận cùng ô uế cũng thành bồ đề. Ý thức không bao giờ tẩy sạch được ý thức, giác ngộ hoàn toàn không ý thức thì nó mới sạch, không công phu nào làm sạch cả. Đừng bao giờ sử dụng công phu để làm sạch mình, dù cho sám hối ngàn kiếp cũng không sạch, nhưng vô sanh sám hối mới làm sạch. Cho nên chúng ta phải tới cảnh giới này, phải làm sạch nghiệp mình, phải tận cùng không ngã, phải tới tất cả đều là một thể, rõ ràng nó chỉ là như vậy thôi, không thêm không bớt.

Từ đó mới thấy được là quá khứ tâm không sở đắc, hiện tại tâm không sở đắc, vị lai tâm không sở đắc. Nếu mình thấy có quá khứ mảy may trong lòng mình là thiệt, là có sở đắc của quá khứ, hoặc thấy chuyện ở đây là thiệt là hiện tại có sở đắc, nghĩ một chút nữa có thiệt là vị lai có sở đắc. Có quá khứ, có hiện tại, có vị lai là rớt vào khái niệm thời gian và

chúng ta rớt vào tầng sâu của ngã chấp.

Trong đầu mình có chuyện hôm qua người này đúng, hôm kia người này sai và trong tất cả giao tiếp cuộc đời chúng ta không thoát ra chuyện quá khứ, vị lai. Và cái nghĩ trong đầu mình còn nghĩ chuyện hồi nãy, chuyện hôm qua, hôm kia, hoặc chuyện tương lai chưa ra được hai đầu. Chưa ra được khái niệm trước sau là rớt vào tầng thời gian, là rớt sâu xuống tầng tâm thức, chúng ta phải biết trở về nhà. Chúng ta yên ở trong ngôi nhà của chính mình là không có chuyện quá khứ vị lai. Chuyện quá khứ, vị lai hoàn toàn không có trong ngôi nhà của mình; sở dĩ có quá khứ, vị lai là do mình gom rác ở ngoài đem vô nhà, chỉ là cái chuyện rác rưởi không có gì là thật.

Mà chúng ta hay lắm, rác Việt Nam chưa đủ đi gom rác thế giới vô, rác cõi phàm chưa đủ gom rác cõi trời, rác cõi người chưa đủ xuống địa ngục gom, chúng ta đi khắp các cõi để gom rác vô để nhà đầy rác. Nhưng có cái hay là không phải chúng ta diệt hết mấy cái này và không cần tẩy sạch nó, chỉ cần một phen chúng ta rút chân bước ra ngoài đống rác là xong chuyện. Cái hay của Thiền nó là như vậy. Một phen thấy là xong, sạch hết cả nghiệp chướng xưa nay. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật nói nghiệp chướng bao nhiêu ngàn kiếp đủ vào ba con đường ác mà thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang thì sạch nghiệp mà còn chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề nữa. Chúng ta cố gắng thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang thoát được ba tâm: Quá khứ tâm không sở đắc, hiện tại tâm không sở đắc, vị lai tâm không sở đắc.

Ngài Đức Sơn là một Thiền Sư nổi tiếng ngang thời với ngài Lâm Tế. Trước khi ngộ đạo, Ngài là một vị Đại sư giảng Kinh Kim Cang nổi tiếng ở miền Bắc Trung Quốc.

Không phải giảng Kinh bình thường, Ngài viết thành bốn mươi chín quyển gánh hai gánh đi giáo hóa tẩy trừ Phật giáo ma chướng ở phương Nam, với tâm tồi tà phụ chánh mà đi. Đến gần đạo tràng ngài Sùng Tín, gần chân núi gặp bà già bán bánh, Ngài ghé đó mua: *"Bà bán cho tôi ít cái bánh điểm tâm."* Bà già không đem bánh ra, mà hỏi*: "Thưa Thượng tọa, quảy gánh gì mà ghê gớm vậy?" "Ta gánh Kinh Kim Cang sớ sao." "Thưa Thượng tọa, con hỏi câu này nếu Thượng tọa trả lời được thì con xin cúng dường bánh cho Thượng tọa ăn, còn trả lời không được thì mời Thượng tọa đi chỗ khác."* Ngài gật đầu, Bà hỏi: *"Trong Kinh Kim Cang có một câu là tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được, vậy Thượng tọa điểm tâm nào?"* Ngài trả lời không được.

Làm sao chúng ta ở chỗ không có thời gian không có không gian này. Thực sự thì chúng ta đang ở đó rồi và đừng rời chỗ đó là chuyện chính chứ không phải chúng ta cố gắng để không không gian không thời gian. Không không gian không thời gian là cái gì hiện thực ngay tại đây, chúng ta phải hiểu đó là cái đang hiện hữu.

Ví dụ, quý vị nghe âm thanh Phật thì đâu có trước có sau. Trước tiếng Phật không có nó, mà sau tiếng Phật là không còn, ngay khi nói tiếng Phật cũng liền mất. Vậy là quá khứ, hiện tại, vị lai của âm thanh nó không có không gian và không thời gian. Ngay khi nghe nó cũng không có thời gian và không không gian, trước đó mình không nghe, sau đó mình cũng không nghe. Chúng ta cũng đang ở chỗ không trước không sau, nếu khéo nhận ra được thì tự động không phút giây nào chúng ta ở trong thời gian nữa là tuyệt vời. Quý vị đang ở chỗ

không có không gian và không thời gian, nhưng mình không chịu bình tĩnh sở hữu vốn quý đó, mà một phút thôi để đổi vàng bạc châu báu hết tam giới này cũng không đổi. Nhưng con người ta không chịu quý mới đi tìm chút danh lợi, tiền bạc mình cảm thấy yên lòng, nhưng đó chỉ là ảo giác. Không có gì trong thế gian này đủ để bảo toàn chúng ta trong Phật đạo.

Trong trần gian này dù đó là kho tàng vĩ đại khắp thế giới, dù cả thế giới này biết tới mình để tung hô vạn tuế, dù chúng ta có thể ăn tất cả những món ngon nhất trần gian, dù có chỗ nghỉ ngơi tốt nhất, thì tất cả những cái đó cũng không là chỗ an toàn, không phải là chỗ trú cho chúng ta. Và chúng ta cũng không nên tiếp tục trụ đó lâu bền. Như mình cả đời mới cất được căn nhà, cực khổ biết bao nhiêu năm, đổ bao nhiêu mồ hôi nước mắt, rồi chưa ở được mấy ngày bị người ta đuổi đi thì rất buồn khổ. Chúng ta nên nghiệm kỹ lại, gạn lọc cho sạch, biết mình vướng ở đâu thì tự động mình sẽ biết cách gỡ.

Mình tu giải thoát nhưng mình không biết mình dính cái gì, chung chung vậy thôi, Đức Phật nói sáu căn không dính Sáu trần là giải thoát, vậy mình tu sao cho căn trần đừng dính nhau, đó là vấn đề. Hoặc là căn mình dính thế nào với trần mình phải hiểu. Mắt thấy sắc mình dính cái gì? Như thế nào là dính, phải thấy cho ra. Tai nghe tiếng mình dính làm sao? Nghe tiếng đó xong về ba bữa bảy bữa nó khởi lại, như vậy là có dính không? Nếu mình là người còn dính thì nó sẽ dính, khi nào mình hết dính thì khởi lại nó là cái khởi mới, không phải là cái cũ. Ví dụ chúng ta nghe một bài nhạc thấy hay quá là mình đã dính rồi, và mai mốt nó khởi lại là mình cảm thấy hay tiếp, là mình liên tục dính với cái hay và cái dở đó.

Nhưng với người không dính, họ thấy chuyện đó cũng như mình thấy, họ cũng biết chuyện đó hay như mình, họ cũng cảm thấy rung động trước lời ca hay của một nghệ sĩ như mình, không khác. Họ có một sự rung động như nhau trước cái đẹp lung linh của cành lá có giọt sương dưới ánh ban mai, mà còn rung động sâu hơn người bình thường, vì lúc đó họ không có sự che chắn của tâm thức. Rồi tan biến ngay phút đó không có lưu trữ, tức là kho này đã được đóng rồi, không huân thành chủng tử giống như người khác. Và sau đó họ nhớ lại, vẫn khởi lại như người kia mà hoàn toàn không dính mắc.

Chúng ta sẽ thấy cái ra của người ở trong cảnh giới không trói buộc. Ở ngoài mặc dù thấy y tuồng như họ ở trong đó nhưng hoàn toàn họ đã mất từ lâu rồi nên chỗ dính không còn. Không phải họ tu để họ không dính. Hai cái này khác nhau hoàn toàn. Tức là họ ở chỗ giọt nước nó rớt xuống lá môn, thì tự động nó lăn, chứ lá môn không cố tình không dính nước, lá môn vốn không dính nước. Còn người chưa thoát giống như miếng vải nhiễu giọt nước vô là ngấm sâu liền.

Một người tu thật sự, họ có khả năng tự tại rồi là không ai có thể lường được đời sống của họ. Đừng bao giờ bình luận, không thể biết nổi đâu. Tận cùng sự không dính mắc nó đã nghiền nát thân tâm này lâu lắm rồi. Một phen họ đã ra ngoài thân ngũ uẩn, là tất cả những dính mắc đã thành Không với họ lâu lắm rồi. Cho nên khi họ mượn thân này để sống và sinh hoạt trở lại trong cõi này, thì họ cũng phải khóc cũng cười giống như người phàm. Tại họ xúc động sâu hơn, lúc đó họ sống bằng tất cả những cái hiện tại đang có. Còn mình đang khóc mà còn nhiều chuyện để nghĩ lắm nên khóc không sâu. Còn người kia khóc rất sâu, mình cảm giác có thể ngất xỉu với

kiểu khóc của họ, nhưng họ không dính trong đó. Tất cả những cảm nhận của người biết đạo lý rất sâu và thấu qua bên kia của sự việc, không phải ở bên đây để khóc lóc, không còn ở bên đây để dính mắc, tất cả mọi việc đều được xuyên thủng, xuyên thấu để phá vỡ nó. Ngay tại đó liền thành Bồ đề, ngay khi khóc là Bồ đề, ngay khi phiền não là Bồ đề, chứ không phải phiền não tức Bồ đề.

Người đó thấu thoát, họ thấy ra ngoài, họ thấy xuyên thủng, họ thấy phá vỡ, họ thấy tan biến, họ thấy giác ngộ, không phải thấy để tháo gỡ. Tu để tháo gỡ, hoặc tối về sám hối, hoặc làm gì đó cho nó hết, hoặc quán thành không, quán như huyễn càng tiếp tục dính sâu hơn. Người này hoàn toàn ở ngoài, không ép họ dính được, họ ở trong khung sáo nhưng không khung sáo nào ép họ được. Họ ở trong tất cả những chuyện gọi là dính mắc nhất của trần gian nhưng không hề vướng lại, dù một mảy may ở trong tâm của người đó.

Người đó có tình cảm thương người, thương đồng loại, thương chúng sanh, mà người khác không có thể có được. Chuyện yêu đương để không dính mắc và không còn nữa, đây là điều đặc biệt. Phút giây đó, họ xóa sự dính mắc của ái nhiễm rồi. Phút giây chết thân ngũ uẩn là thân cũ và tâm cũ chết mất rồi, sau này có khởi nghĩ lại là cái gì ở tầng đại bi tâm xuất hiện để họ sống lại trần gian này. Họ có thể tận tụy với một người hoàn toàn không quen biết, họ lo lắng từng chén cơm manh áo cho người đó, họ đỡ đần ẵm bồng người đó như là cha mẹ ruột của mình. Dù phục vụ người đó xong họ bỏ đi không lời cảm ơn, không chào mình mà còn trở lại hại mình thì lòng họ vẫn không có gợn một chút phiền hà.

Và họ tiếp tục làm chuyện khác nữa mà người thân họ

cảm giác là vô bổ, là ngu si, là khờ dại, mà họ vẫn làm hết với cả tấm lòng, không hề có nghĩ ngợi nào cho mình, tại vì họ đã mất họ rồi không còn riêng nữa. Đời sống khi họ trở lại không còn một tí nào riêng tư, nếu còn một tí riêng tư là không phải, tức là còn cái ngã núp đâu đó.

Khi tới chỗ không ta không người thực sự, tới chỗ không thời gian không không gian thật sự, tới chỗ Phật nhãn thật sự thì đời sống chúng ta mới thật sự tự tại. Còn trước đó chúng ta phải cố gắng đừng để mất thời gian, thời gian là cái gì mà chúng ta đuổi bắt còn không kịp. Đời sống chúng ta hết sức ngắn ngủi và bấp bênh, không an toàn, không bảo toàn cái gì hết, nên chúng ta phải phấn đấu bằng tất cả sinh lực còn lại của chính mình. Phải gom tất cả tâm lực của mình để một phen phá thủng lầm mê sanh tử ngàn kiếp.

Nhiều người tu quyết liệt nhưng còn nhiều chuyện quan trọng để làm nên mới khổ. Chuyện phá vỡ thân tâm mình dễ làm vô cùng, phút giây nào mình cũng làm được, ngồi tại đây vẫn được, đang đi lái xe cũng phá vỡ mình được, đang nằm ngủ cũng phá vỡ mình được. Cái đó đã sẵn rồi, chỉ có cái tâm mình đừng vướng thêm nữa, dừng ngay tại đây đừng tiếp tục vướng mắc là chúng ta sẽ mở toang mình ra. Nếu ngay tại đây mà chúng ta không đủ sức và tâm lực để phá vỡ thì không làm lúc nào được.

Trong mọi thời khắc chúng ta cũng phải làm sao để cho tâm mình gom lại, không phải là sự tập trung mà thả lỏng tức là vô tới trung điểm, mà tập trung là luôn đi vòng ngoài. Đây là điều chúng ta phải biết là nguyên lý nghịch. Khi chúng ta thả lỏng hết thân tâm của mình là tự động chúng ta ở ngay trung tâm liền, nhưng cố gắng tập trung là chúng ta sẽ chạy

lòng vòng. Những loại Thiền định là chạy lòng vòng. Người tu thiền đúng đắn không bao giờ tập trung tư tưởng, không chú mục vào thiền định, mà họ thả lỏng thân tâm để không vướng thân, không vướng tâm, không vướng cảnh là đại định hiện tiền. Đây là điều nghịch lý của Thiền, mà người nào thích sống nghịch lý mới biết chuyện này. Người nào còn theo khung sáo, theo thứ lớp là không bao giờ vào cửa ngõ này được.

Cho nên chúng ta phải phá vỡ mình ra ngoài. Cuộc sống phá vỡ là cuộc sống nổi loạn, không yên bình, không bao giờ để cho mình bình. Mình luôn loạn, sống trong môi trường này thì phá khung sáo này, sống trong môi trường kia thì phá khung sáo kia, phá từ bên trong cho tới bên ngoài. Thực sự mình hết đi những thứ lớp, thứ tự theo kiểu học phá từ ngữ văn chương, thứ bậc phải phá sạch hết, thì mới nhập vào cửa Thiền một cách tự tại. Tu mà còn có thứ bậc nào, tu làm sao, tới đâu, làm gì là không có căn cơ của Thiền tông. Người nào luôn sống nổi loạn là người đó có căn cơ Thiền tông.

Ví dụ nói tháng này ăn chay trường, nhưng ăn ba bữa thôi, bảy bữa ăn mặn. Nếu nói ăn chay trường suốt đời là ngộ đạo, thì coi chừng chúng ta hiểu lầm, coi chừng nó là cái chấp của mình. Nhưng khi ngộ đạo rồi họ đủ từ bi không ăn nuốt chúng sanh, do họ tự hiểu ra vấn đề, đó là trí tuệ Phật đạo, chuyện đó mình không bàn. Còn mình phát tâm để làm theo người này người kia, thì vẫn là khung sáo tiếp tục cho đời mình. Và cuối đời chúng ta chỉ là người ở trong khung, giống như người nhà giàu họ làm cái lồng bằng vàng, nhốt con chim trong đó cho ăn thức ăn ngon là cùng, chừng đó thôi không được cái gì hết. Cho nên nếu được nhốt vào lồng tốt chừng

nào thì phá vỡ nhanh chừng đó mới được. Lồng xấu thì mình ít dính lắm, nhưng lồng càng tốt càng quý chừng nào thì càng phải đập phá mạnh mẽ chừng đó để đi ra. Phải nổi loạn như vậy, để tự trong thẳm sâu lòng mình không còn khung nào cho cuộc đời mình, gần như cuộc đời mình không có định hướng. Nhưng không phải không định hướng, vì chắc chắn mình có chuyện phải làm là phá vỡ sinh tử.

Thế gian nhìn mình sống không định hướng, đụng đâu phá đó, không có nguyên tắc, không có bài bản, không có khung sáo cho cuộc đời mình. Nhưng nếu người đó phải sống tốt như vậy, phải đi đứng như vậy, phải mặc áo như vậy, phải đi kiểu như vậy thì không phải. Đừng bao giờ đưa mình vô khung nào, đừng bao giờ đưa đầu vào ách nào để mang. Ra hết những khung đó thì hy vọng chúng ta sẽ tự tại trong tam giới này.

Tất cả những cái hay đẹp của tam giới này đều là những quy ước của ý thức, chúng ta nên hiểu điều này, phải ra hết những quy ước, những quy điều, những giới luật được đặt định, thì chúng ta sẽ thấy một chân trời rộng mở cho chính mình. Khi hiểu biết chuyện này điều kỳ lạ là tự thẳm sâu trong tâm mình không làm ác được. Ví dụ người ta giết hụt mình có thể sống lại được, họ bắn mình bị thương, hoặc họ chém giết mình nhưng mình không có mảy may ý niệm trả thù. Người này làm sụp đổ hết sự nghiệp của mình, nhưng trong thâm tâm không có chuyện oán hờn. Nếu mình có một chút oán hờn người đó, thì biết mình chưa tới. Không có chuyện làm sai, cái đúng của họ còn tuyệt vời hơn cái đúng trước đây. Tại vì luôn luôn sống đúng với đạo rồi, thì mỗi cái đều đẹp, cái đẹp của đạo nó đẹp hơn cái khung sáo được đặt ra. Người gọi là

tâm an, thì họ có những bước chân thanh thoát nhẹ nhàng. Cái đẹp toát từ trong nội tâm nó hay hơn cái quy định bên ngoài để chỉnh sửa.

Ví dụ như trước đây về kiến trúc thì người đầu tiên dựng cái nhà họ không đo cái này mấy tấc, cái kia mấy tấc mà họ ngắm theo cái đầu của họ. Nhưng sau này các nhà nghiên cứu họ thấy cái nhà này sở dĩ đẹp là do kích cỡ nó phù hợp, rồi họ đặt định ra thành một bài để sau này các nhà kiến trúc muốn xây nhà kiểu đó thì phải chịu theo trọng lượng đó, cây sắt bao nhiêu, cây kèo bao nhiêu trở thành khung sáo sau này.

Sau này những người theo khung sáo mới có ra bài bản, là những người đi ngược, còn những người ở trong Tự Tánh xuất ra ý kiến là người đi xuôi. Tức là từ chân trời Tự Tánh mà lưu xuất ra tam giới này, còn đi theo khung sáo bài bản là phăng từ ngọn phăng về gốc, nhưng chưa chắc đã về tới gốc. Trần gian đang đi ngược mà tưởng mình là đúng. Khi nào chúng ta sạch từ trong thâm tâm mình những khung sáo, bài bản, khuôn thước, những kiến thức mình đã huân tập mà cảm giác nó đúng, nếu chúng ta đủ gan phủi rũ những cái đúng đó trong đời mình một lần là chúng ta bước ra ngoài khung sáo, thì chúng ta sẽ có tuệ không phải là cái khung của ý thức nhỏ nhiệm nữa. Tuệ đó phủ khắp pháp giới mười phương, đó là điều chúng ta rất cần.

Mong quý vị ngay từ giờ phút này hãy bước ra ngoài tam giới để rong chơi giống như Tuệ Trung Thượng Sĩ:

"Trời đất liếc trông chừ, sao mênh mang!
Chống gậy chơi rong chừ, phương ngoại phương."

Khi trời tâm thức đã trong sạch rồi, Ngài bước một

bước là ngoài mười phương pháp giới để rong chơi. Chúng ta phải là người một bước đạp vỡ hư không bước ra.

ĐOẠN 19: PHÁP GIỚI THÔNG SUỐT KHÔNG BỊ NGĂN TRỞ

Này Tu Bồ đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy dẫy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng?

Bạch Thế Tôn, như thế! Người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều.

Này Tu Bồ Đề, nếu phước đức đó có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên như Lai nói được phước đức nhiều.

Đức Phật nói một người nếu đem của báu đầy Tam thiên đại thiên thế giới bố thí, thì phước báu rất nhiều. Nhưng sở dĩ phước nhiều chẳng phải nhiều, do phước đức vốn không thật có, nó vốn là không cho nên Như Lai nói là nhiều. Thường bằng cái nhìn của thế gian, những người chưa vượt qua vùng trời của tâm thức còn thấy trong so sánh, thì còn thấy có nhiều và có ít. Như chúng ta đếm từ số một đến số mười thì thấy số mười sẽ lớn hơn số một. Nếu nói về số lượng thì chúng ta liền rớt vào so sánh liền thấy có nhiều có ít.

Nếu một người đem của cải đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới bố thí, thì phước báu tính theo kiểu so lường thật tình là chúng ta không tính nổi. Nhìn ở đầu óc so sánh bình thường còn ở bên đây bờ mé của tâm thức, thì rõ ràng hành động bố thí ba đó rất lớn so với mình. Nhưng với cái nhìn của Đức Phật, phước đức đó không có thật, tất cả những của cải vật chất không có thật. Đức Phật muốn nói tới cái rộng khắp về mặt vật chất quý giá đối với cái nhìn của Đức Phật là không. Bước kế tiếp chúng ta sẽ nhìn thấy thân tướng quý báu

của Đức Phật, để chúng ta được thoát ra ngoài cái quý giá về tướng số thế gian và cái quý giá về thân xác con người.

Nếu một người thấy trọn vẹn pháp giới rồi thì người ta sẽ thấy cả pháp giới này không có bị ngăn trở. Nếu nơi thâm tâm chúng ta vẫn còn thấy vàng, bạc, châu báu là quý giá là thật, thì chúng ta sẽ bị ngăn trở trên đường học đạo. Dù vàng, bạc, châu báu chất đầy Tam thiên đại thiên thế giới họ vẫn thấy là không, thì mới thoát ra được. Nếu mình vẫn thấy vàng, bạc, châu báu là quý đối với bản thân mình, có thì chúng ta vui, mất chúng ta khổ thì biết chúng ta còn kẹt. Ví dụ cái nhà cũ rách mình bỏ đi dễ dàng lắm, nhưng mới cất được một hai tầng lầu, trang trí nội thất đẹp thì đi là khó. Trong Tam thiên đại thiên thế giới (cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc) tất cả những cái quý báu nó gấp hàng tỷ tỷ lần cõi Ta bà, nhưng trong tâm mình hoàn toàn dứt sạch, không còn thấy nó là quý trọng thì lúc đó chúng ta mới thấy đạo tột cùng được.

Không phải tự nhiên Đức Phật nói chuyện bố thí, vì đoạn trước với đoạn sau gần như không ăn nhập gì với nhau, nhưng đến đây chúng ta mới thấy được cái tinh tế của Đức Phật muốn nói. Đoạn trước Đức Phật nói chúng ta phải lìa tất cả mọi cái để thấy được tất cả các pháp là một thể, tức là chúng ta hòa nhập vào thể tánh không của pháp giới, vậy vàng bạc châu báu của cõi này mình đã thấy không chưa? Nếu thực sự mình thấy nó là không, thì nó không còn vướng nơi tâm mình nữa. Nếu nó có mình không vui như trước kia, nếu nó mất mình không khổ thì hy vọng chúng ta thấy được đạo lý.

Đức Phật nói phước đức không có thật vì khi chúng ta chưa có mặt trong tam giới này, thì những của cải vật chất cũng không phải của mình. Khi chúng ta có mặt trong tam

giới này, do phúc đức nhiều đời nhiều kiếp chúng ta tu tập để đời này được sở hữu một số của cải vật chất, thì có phải là của mình không? Không phải! Mình tới đây mới bắt đầu thu gom, tới đây mình mới bắt đầu lượm lặt để mình chất thành kho của mình. Cõi vật chất này là của vật chất chứ không phải của mình. Mình mượn chỗ này mình để chỗ kia, là một sự đổi chác vậy thôi, thật sự nó không phải của riêng mình. Của này nó cũng không theo mình nhiều đời nhiều kiếp, tùy theo phước báu mà mình có sở hữu được vật chất nhiều hay ít trong từng đời.

Có khi chúng ta đã làm phước đức nhiều đời nhiều kiếp, nên đời này nó trổ quả để chúng ta sanh ra có thể giàu có liền, từ nhỏ tới lớn chúng ta nằm trên đống vàng hưởng cả đời không hết, nhưng nếu đời này chúng ta biết hưởng mà không biết tạo thêm, thì hết đời này phước tổn đến đời sau ăn mày trở lại. Có khi xài hết phước, mình còn mang nợ nặng hơn, đi xuống cõi thấp hơn cõi người. Tùy phước báu mà chúng ta lên xuống trong các cõi, nên đời nào chúng ta sở hữu được vật chất thì chúng ta nên tạm thời an phận ở tại đoạn đó, đừng có quá tham cầu.

Có những người thấy mình có khả năng, tức là về vật chất mình có chút chút rồi, nghĩ khả năng mình có thể tạo dựng vật chất lớn, nhưng không lường được phước mình tới đâu nên có những mộng tưởng lớn lao, có khi nó vượt quá tầm của mình, mình với không tới bị thất bại rồi đau khổ, thậm chí sụp đổ luôn.

Có rất nhiều người tự dưng đang sống một cuộc đời bình thường rất yên ổn, bỗng có một số tiền lớn là thấy họ bất an nhiều mặt. Thậm chí họ có thể bệnh tật, hoặc bị tai nạn nào

đó, có người bị chết bất đắc kỳ tử, hoặc vừa trúng số bữa trước là bữa sau đụng xe chết mất. Chuyện đó xảy ra nhiều lắm, do phước người đó không đủ để hưởng. Người chung quanh thì luyến tiếc cho rằng cực khổ nhiều năm chưa kịp xài tiền đó, nhưng không phải, do cái phước người đó không được xài đồng tiền này, họ làm để cho ai xài, con họ xài, hay thiên hạ xài thì mình không biết.

Phước báu lạ lắm, có những người nấu ăn rất ngon nhưng không thể ăn được, nhiều đời họ tạo nhân quả gì thì mình không biết. Có người vừa giàu lên thì họ mất đi, thứ nhất là do phước báu của người nào chung quanh họ cần số tiền đó, vì trong nhân quả nhiều đời nhiều kiếp người ta cũng đã tạo dựng cơ sở để cho mình hưởng rồi, bây giờ mình ra đời tạo dựng cơ sở cho người kế đó hưởng. Nhân quả chúng ta phải thấy và phải xem xét lại, nếu mình đủ bình tĩnh để suy tư thì mình sẽ biết phước mình ở tầm nào.

Ví dụ chúng ta vừa có số tiền tương đối lớn hơn từ trước tới giờ mà chúng ta còn cảm giác bình an, chung quanh chúng ta không có gì xáo trộn, đời sống riêng tư cũng không có gì xáo trộn, thì chúng ta biết mình có phước đủ nắm số tiền đó rồi. Nhưng số tiền đó nhích một chút là chúng ta thấy có chuyện, thì cứ đem cái số nhích đó đi làm phước để chúng ta giữ phước của mình. Hoặc là chúng ta tu cho nhiều lên, tinh tấn lên để phước đức của mình mạnh trở lại, thứ hai là chúng ta phải đi làm phước. Tức là chúng ta phải chia sẻ phước báu chúng ta đang có, để chúng ta cân bằng đời sống mình trở lại bằng cái phước hiện có của chính mình, thì chúng ta sẽ sống yên ổn.

Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, ba

cái ăn, mặc, ở tiêu hao phước báu chúng ta từng ngày từng giờ, nếu khéo thì sẽ không bị tổn phước, để có thể giữ vững mình và có thể tiến hóa trong Phật pháp. Có những người trong giai đoạn đầu tu tập tốt lắm, nhưng một thời gian bắt đầu thụt lùi, bắt đầu hư đốn, sa sút, lý do là phí tổn phước, không giữ yên vị trí của mình, Kinh tế làm ăn nó xoay trở làm đảo lộn đời sống tâm linh vật chất. Nếu phước còn thì mọi chuyện gần như bình thường.

Trong Bát quan trai giới Đức Phật có nói, nếu một người tu đúng Bát Quan Trai một ngày một đêm, thì phước báu cho tới sáu triệu bảy trăm tám mươi mấy ngàn đời không bị thiếu đói. Khi một người có phước báu đủ tương ưng với tam thiên đại thiên thế giới là phước rất lớn, tương đương với Đức Phật chứ không có vừa. Nhưng người đó cũng phải có trí tuệ tới mức nào mới có đủ phước báu ngang tầm này.

Như vậy một người dám đem hết châu báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí ba là phước báu vô cùng lớn, mà phước đó là phước gì? Đầu bản Kinh Kim Cang chúng ta đã nói tới bố thí Ba la mật, không có nghĩa chúng ta đem hết của cải vật chất đang sở hữu cho người khác hết, là chúng ta đã sai lầm. Và có rất nhiều người giảng kiểu đó là coi chừng phá pháp thế gian.

Bố thí Ba la mật là một phen chúng ta không còn dính mắc ở thân tâm và ngoại cảnh nữa, không còn dính mắc trong tam giới này nữa, một lần chúng ta bước ra ngoài tam giới xem như lần đó chúng ta bố thí Ba la mật một cách toàn triệt. Cả thân và tâm của mình là ngã và ngã sở của mình, là vật chất xung quanh mình, là tất cả của báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, một phen mình không dính mắc thì đó là

hình thức bố thí Ba la mật. Nếu nói Bố thí Ba la mật là bố thí ba đầu, mắt, tay chân, người ta xin mắt mình cho mắt, xin lỗ mũi cho mũi, là sai lầm. Ai phát tâm kiểu đó là ba ngày sau ôm phiền não xuống địa ngục.

Bố thí Ba la mật không phải như vậy, chúng ta y Kinh diễn nghĩa là tam thế Phật oan. Một phen chúng ta không còn chấp nơi thân nữa coi như sắc thân chúng ta bố thí Ba la mật, nơi tâm chúng ta không còn vướng mắc nữa coi như chúng ta bố thí Ba la mật. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta khi tiếp xúc lục trần không còn vướng mắc, ngay phút giây đó là chúng ta bố thí Ba la mật. Nên chuyện có, chuyện không, chuyện còn, chuyện mất của thân tâm là không với chính mình, là lúc đó chúng ta bố thí Ba la mật.

Bố thí cả tam giới này là phước báu vô lượng vô biên. Do mình thấy tam giới này là không nên vàng, bạc, châu báu của tam giới liền thành không. Muốn thấy tam giới liền thành Không thì trước mắt thân tâm này phải là không. Đoạn trước Đức Phật đã nói thân tâm này là không rồi, tới đây Đức Phật gạn lại xem chúng ta có thấy hết pháp giới này là không chưa? Pháp giới này là đất đai, cây rừng, cỏ lá thấy nó bình thường, nhưng nói tới vàng bạc châu báu là của chúng ta đang cất trong két sắt, nó thành không chưa? Nếu tận cùng nơi tâm mình vẫn thấy nó quý báu thì phải xem lại cái thấy trước của mình là chúng ta chưa thấy sạch.

ĐOẠN 20: LÌA SẮC, LÌA TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Phật có thể do đầy đủ sắc thân mà thấy chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ sắc thân mà thấy. Vì cớ sao? Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thể do đầy đủ các tướng mà thấy chăng?

Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ các tướng mà thấy. Vì cớ sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.

Trong Kinh Thập Thiện nói các vị đại Bồ Tát xuất hiện ở đâu thì hào quang che chắn các vị ở cõi trời, khiến chúng ta không thể thấy các vị cõi trời nữa. Mà phước báu và hào quang Đức Phật gấp ngàn lần các vị đại Bồ Tát, cho nên khi Đức Phật xuất hiện thì khắp tam thiên này bị hào quang Đức Phật che chắn hết. Sắc thân Đức Phật đẹp lắm quý như vàng ròng, đó là phước báu kết tụ hàng ba đại a tăng kỳ kiếp, do đó Đức Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: *"Có phải do sắc tướng đó mà ông thấy Như Lai chăng"?* Ngài Tu Bồ Đề thưa: *"Không phải vậy,"* vì sắc thân đầy đủ nhưng không có gì là đầy đủ.

Khi ngài Tu Bồ Đề đặt câu hỏi với Đức Phật: Người thiện nam tử, thiện nữ nhân khi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì làm thế nào hàng phục tâm và làm thế nào an trụ tâm? Đức Phật đã giảng dạy, ngài Tu Bồ Đề và thính chúng xem như đã tạm ngộ hoàn toàn, đã biết cách hàng phục và an trụ tâm rồi. Đến đoạn này ngài Tu Bồ Đề cũng lập

lại câu hỏi đó và Đức Phật cũng trả lời tương ưng như vậy. Lúc đầu là dạy cho người mới phát tâm cách hàng phục tâm và an trụ tâm. Đến đoạn hai, người ta đã biết cách hàng phục tâm và an trụ tâm rồi, xem như người đã tạm ngộ. Đây là đoạn gạn lọc hết những cù cặn thấy biết của mình trong tâm thức.

Mình thừa biết tu ba Đại A tăng kỳ kiếp đời cuối thành Phật thì sắc tướng đẹp lắm, đó là thân quý giá như vàng ròng. Nếu một người thấy đạo, có phải do sắc tướng của Phật mà thấy Như Lai không? Ngài Tu Bồ Đề khẳng định cái hiểu biết chín chắn của mình trước Đức Phật: *"Thấy Như Lai không phải thấy thân tướng này, thấy Như Lai vì do thân tướng không phải là thân tướng cho nên đó mới thật là thân tướng."*

Nếu chúng ta thấy những hình bóng, những thân tướng hiện trước mắt mình nó là thật, thì mình sẽ không thấy được Như Lai. Cho nên mình thấy thân tướng nó chỉ là thân tướng, do mình đứng ở vị trí không ngã, không pháp, thì tất cả mọi duyên cảnh đều là không. Nếu chúng ta có một phen đứng ở vị trí không ngã, thì đối diện chúng ta là pháp liền thành không. Ngã pháp thành không thì chúng ta mới có thể thấy được đến cái không của pháp giới này không ngăn ngại. Nếu chúng ta còn thấy có vàng, bạc, châu báu tức là thấy có vật chất là vẫn còn ngăn ngại. Như ngài Từ Đạo Hạnh nói: *"Có thì có tự mảy may. Không thì cả thế gian này đều không."* Chỉ cần mình thấy một sợi tóc là thật thôi, thì nó sẽ thật hết tam giới này. Còn đầu cọng lông mà chúng ta thấy không thật, thì cả pháp giới này liền thành không.

Đức Phật nói đến sắc tướng quý báu của pháp giới, đồng thời nói tới sắc tướng quý nhất của tam giới này là thân Đức Phật, chúng ta cũng phải thấy thân đó là không. Thấy lìa

sắc, lìa tướng và pháp giới này chúng ta cũng phải lìa. Một hành giả đối với pháp giới này không vướng mắc, đối với sắc thân đẹp của Đức Phật không vướng mắc là chúng ta có cái nhìn dung thông tự tại với chính bản thân mình. Người ngộ được lý không rồi phải thấy làm sao phá tan luôn cả tam giới này, những hình sắc quý báu cúng phải tan biến nữa mới là cái thấy đúng.

Khi thấy như thật pháp, thấy Như Như thì không có cái gì đối với họ không phải là Như. Khi đã thấy Như rồi thì không phải có và không phải không, cái Như không phải hình sắc và không hình sắc, nhưng mà nó đang Như. Nếu chúng ta hiểu chữ Như được, chúng ta đang ở vị trí Như thì mắt, tai, mũi, lưỡi chúng ta khi tiếp duyên nó liền thành Như; thì dù vàng, bạc, châu báu cũng là Như.

Đang như vậy mà thấy, như vậy mà nghe, như vậy mà ngửi, như vậy mà nếm, thì cái đó liền thành Như với chính mình. Chúng ta đang Như, nên mọi cái đều Như. Thấy như vậy không phải là thấy huyễn, không phải thấy giả, không phải thấy không, không phải thấy có, mà là cái thấy Như, cả tam giới này là Như.

Với cái nhìn Như của Đức Phật, Ngài muốn gạn lại ngài Tu Bồ Đề, từ trước giờ ông hiểu đạo lý ông thấy pháp giới này như thế nào? Nếu ông hiểu rồi thì cả Pháp giới này đều không bị ngăn trở đối với ông. Ông hiểu sắc tướng là Như thì sắc tướng Như Lai với ông và cả pháp giới này không còn ngăn trở nữa. Nếu ông thấy có thật một chút về thân tướng của Như Lai, về pháp giới này thì ông liền bị ngăn ngại. Ngài Tu Bồ Đề đả thông ý này, hiểu được Phật đạo, Ngài sống với Phật đạo nên Đức Phật đem pháp giới, đem thân tướng Đức

Phật ra để hỏi và ngài Tu Bồ Đề đều trả lời thông.

ĐOẠN 21: KHÔNG NĂNG THUYẾT VÀ SỞ THUYẾT

Này Tu Bồ Đề, ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này, ta sẽ có nói pháp, chớ khởi cái nghĩ ấy. Vì cớ sao? Nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta nói. Này Tu Bồ Đề, nói pháp đó không có pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp.

Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng?

Phật bảo: Tu Bồ Đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.

Phần này ngài Tu Bồ Đề hoang mang. Đức Phật bác bên ngoài rồi, tới chuyện Đức Phật nói Pháp Ngài cũng bác luôn. Đức Phật bảo chớ có khởi nghĩ thế này, nếu ai nói rằng Đức Phật có nói Pháp, thì người ấy không hiểu cái nghĩa Đức Phật đang nói trong Kinh Kim Cang. Chúng ta thấy có đầy đủ Tam tạng thánh điển trong suốt 49 năm Đức Phật thuyết pháp, tới đây Đức Phật phủi sạch, khiến ngài Tu Bồ Đề hoang mang.

"Nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta nói."

Đức Phật có nói Pháp không? Có! Nếu không có nói pháp thì làm gì giờ này có Kinh Kim Cang cho chúng ta học. Vậy chúng ta phải hiểu làm sao cho đúng? Kinh điển chữ nghĩa còn đây, chúng ta đang học Kinh Kim Cang của Đức Phật nói đây, mà Ngài nói ta không có nói Pháp. Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật: Sợ đời sau chúng sanh nghe câu này họ

như thế nào? Có sanh lòng tin chăng?

Pháp giới bên ngoài đã là Không rồi, nó không dính gì tới mình, rồi thân tướng đẹp của Đức Phật là không, nếu thấy có một Pháp có thể được là chúng ta thực sự hủy báng Phật. Nếu có một pháp để chúng ta hiểu, để chúng ta tiếp nhận, học hỏi là chúng ta đang ở đâu? Đang ở dưới tầng tâm thức chứ không phải là người thấy pháp là Như. Thấy pháp là Như cũng thành Như ngay tại đó, ngay cả Pháp Đức Phật cũng Như, đã là Như thì không trước không sau. Trước đây một sát na Đức Phật không hề nói câu nào, ngay sát na Đức Phật đang nói nó hiện thành Như, sau đó một sát na nó liền thành Như nữa, thì chỗ nào gọi là Pháp? Nếu trong đầu chúng ta còn một khoảng không gian và thời gian thì chỗ đó liền thành ngôn ngữ, liền thành Pháp.

Ngô Thừa Ân diễn tả rất hay trong bộ Tây Du Ký. Khi thầy trò Tam Tạng tới Thiên Trúc thỉnh Kinh là Kinh vô tự (Kinh không có chữ). Nghĩa là hành giả đã tới đỉnh điểm không chữ rồi, trên đường về một đoạn, Ngài Di Lặc Bồ Tát hiện ra hóa thành chim bay theo mổ cho Kinh sách rớt hết xuống sông. Tới hồi vớt lên đem phơi thấy không có chữ nào, thầy trò Tam Tạng cứ nói là Ca Diếp và A Nan gạt mình cho thỉnh Kinh không chữ. Nhưng Di Lặc là cái gì? Di Lặc là đại diện cho Thức phân biệt (trong Duy Thức Học) là thức thứ sáu. Lúc đã nhập trong Như Lai rồi, đã gặp Phật, đã về tới Thiên Trúc rồi thì không cần chữ nghĩa, tức là nhận Kinh vô tự đó mới thật là Chân Kinh, nhưng thức phân biệt đòi hỏi là phải có cái gì đó, tức là phải có chữ nghĩa. Đã có chữ nghĩa thì phải tốn tiền, vì vậy mà lần sau thầy trò Tam Tạng thỉnh Kinh buộc phải để lại bát vàng, để lại y mới đổi được Kinh có

chữ. Còn trước kia lần đầu tiên đem kinh về là không có tốn tiền do đã nhận được Như Lai rồi.

Thầy trò Tam Tạng đi thuyền Bát Nhã không đáy, rũ sạch trần cấu của trần gian mới bước lên Thiên Trúc. Là ý thức phân biệt không còn nữa cho nên thể nhận trọn vẹn bản Kinh vô tự. Khi trở lại trần gian gọi là nhập thế trở lại buộc phải có chữ nghĩa, lúc đó Ngài Di Lặc Bồ Tát xuất hiện, đã phân biệt thì phải có chữ nghĩa, thì phải tốn tiền. Nhưng chỗ này người ta không hiểu, nói tới Thiên Trúc mà còn ăn hối lộ. Ngô Thừa Ân quả thật là thâm thúy!

Nên trên đường đi đến Thiên Trúc phải rũ sạch từ từ, trải qua tám mươi mốt nạn, đó là tám mươi mốt trần cấu nơi tâm mình, tám mươi mốt tầng bậc tâm thức chúng ta phải vượt qua. Cho tới khi qua dòng sông đó phải đi bằng thuyền Bát Nhã không đáy, là coi như sạch sẽ hết rồi. Xác Đường Tăng trôi lều bều trên dòng sông, nghĩa là xuống dòng tâm thức là phải buông thân mạng, xác Đường Tăng xuống đó cũng không còn mới qua bên kia. Khi qua bên kia ở trong cõi giới không, là tới đỉnh điểm thì gặp Đức Phật đi về một cách rất thoải mái nhẹ nhàng đạt Kinh vô tự. Người nào hiểu đoạn Kinh vô tự, thì sẽ hiểu được đoạn này vì sao Đức Phật không nói Pháp.

Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nói: "*Từ khi ta rời cung trời Đâu Suất giáng thần nhập thai ở thành Ca Tỳ La Vệ, cho tới khi ta thành đạo trải qua tám mươi năm ở khoảng giữa đó ta chưa hề nói một lời."* Đức Phật chưa hề nói lời nào, thế mà có rất nhiều người ngộ đạo, có đầy đủ Tam Tạng Thánh Điển cho mình học mà Đức Phật không nói một lời? Câu nói đó Đức Phật nói nhẹ nhàng hơn đoạn này. Vậy Đức Phật có nói pháp hay không nói?

Học Kinh điển Đại thừa nhất là Kinh Kim Cang, Đức Phật phải phá sạch tri kiến. Nếu có chữ nào của Đức Phật cho mình hiểu, có nghĩa nào Đức Phật nói thì tương đương với chỗ Tề Thiên cân đẩu vân bay qua ngút ngàn năm ngọn Ngũ Hành Sơn, để một vũng nước tiểu và một cọng lông đuôi làm dấu. Ngô Thừa Ân nói nhẹ nhàng lắm: "Tất cả những sở chứng, sở đắc, tất cả những tri kiến, những hiểu biết trong Kinh điển, trong sách vở, tất cả những cái có thể học được trong tam giới này, tất cả những công phu thành tựu như cân đẩu vân bay được như Tề Thiên qua Ngũ Hành Sơn, cũng không hơn vũng nước tiểu và một cọng lông đuôi của Tề Thiên, không hơn không kém."

Khi chúng ta có thể học thuộc Tam Tạng Thánh Điển để trở thành người có sở đắc về Kinh điển Đức Phật, hiểu Kinh này nói điều này, hiểu Kinh kia nói điều kia, học thuộc lòng tất cả những Kinh điển văn tự Đức Phật để lại, thì Đức Phật cũng muốn chúng ta thoát ý thoát lời mà nhận được ý. Pháp giới không thật, thân tướng Đức Phật không thật, thì những cái xuất phát từ thân tướng Đức Phật là Pháp, nếu chúng ta còn thấy thật là chúng ta cũng không thoát nổi. Cho nên đối với Pháp của Đức Phật chúng ta phải thấy là không nữa. Từ bên ngoài cho tới bên trong, từ đời thường cho tới giáo Pháp bí mật nhiệm mầu của Đức Như Lai cũng phải thấy nó là không thì chúng ta mới thoát.

Bây giờ Pháp của Đức Phật mình thấy là không thì lấy gì học hiểu? Nếu không hiểu mà chúng ta thấy Pháp của Đức Phật hoặc có hoặc không thì chúng ta vẫn thấy lầm. Nếu một người đứng chân trời Như Lai để nhìn, nghe, thấy, hiểu thì rõ

ràng Pháp Đức Phật cũng là không. Một ngày nào đó chúng ta còn có cái gì để nương tựa trong cuộc đời mình, dù là một Pháp nhỏ của Đức Phật, thì biết chúng ta còn ở trong tam giới này. Lúc đầu công phu chúng ta tạm mượn pháp, như trước chúng tôi nói, nếu một vị Thiền Sư giỏi, khéo thì phải hướng dẫn người ta một Pháp để tự phá Pháp, tức là càng công phu sâu chừng nào càng tan biến công phu chừng đó là đúng, càng công phu mà càng vướng mắc là sai. Tu mà còn chứng cái này, chứng cái kia thì phải coi chừng. Tu mà có chỗ chứng thì không phải Thiền Sư thứ thiệt.

Thiền Sư thứ thiệt mới đầu như là có Pháp, tạm mượn Pháp chứ thực sự không có Pháp để chúng ta tu. Người ta có thể phương tiện nào đó giống như cái lá vàng mà dụ con nít (trong Kinh nói như vậy), tạm mượn phương tiện để dụ cho con nít đỡ khóc thôi chứ nó không phải là kẹo bánh. Chúng ta là những đứa trẻ đang lăn lộn khóc trong tam giới, thì Đức Phật dùng lời Pháp để tạm phương tiện cho chúng ta thấy đường đi lối về, đừng thấy Pháp là thật.

Nhưng có rất nhiều người học Pháp Đức Phật cho đó là thật. Đến tầng này là tầng cao tâm linh rồi, hiểu Pháp này không thật thì chúng ta là người có căn cơ rồi, đây là thử thách đối với chính mình. Ngay đây nó giống như con dao tám lưỡi, lơ mơ nó cắt chúng ta tám phía. Nếu hiểu đúng chúng ta vượt ngoài tam giới, hiểu sai chúng ta là người phá Pháp của Đức Phật bị đọa địa ngục A Tỳ. Hiểu theo kiểu người phàm chưa phải là người ngộ đạo thì Đức Phật có nói pháp, nhưng từ đoạn Ngài Tu Bồ Đề ngộ rồi trở về sau nói cái gì mà có, tức là người đó đã phá pháp Đại thừa của Đức Phật đang nói. Trong thế gian này có ba cái quý giá là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Phật đã phá mình rồi, phá luôn Pháp nữa, hai Bảo đang bị phá, chúng ta có đủ căn cơ để thừa đương việc này hay không? Đây là một thách thức của chính mình. Nếu chúng ta thực sự thấy đúng như cái thấy của Đức Phật, cách khai thị của Đức Phật từ đầu tới bây giờ thì khi chúng ta ở vị trí này Pháp thực sự không có.

Pháp thật của chư Phật chính Đức Phật chưa hề thuyết lời nào. Nếu mình thấy có một thân tướng để thuyết Pháp, là chúng ta thấy Pháp thế gian. Nếu chúng ta thấy vượt được thân tướng để nói Pháp thì chúng ta sẽ thấy được thật Pháp. Thật Pháp có đầy đủ, nhưng chúng ta thấy có thế gian pháp thì chúng ta bắt đầu thấy manh mún, thấy chia chẻ, thấy ngọn ngành và thấy không nhiều. Ví dụ chúng ta học bài nào biết bài đó thôi, đọc Kinh nào hiểu Kinh đó thôi, chúng ta không thể hiểu hơn. Nhưng nếu chúng ta thấy được Thật Pháp rồi thì không có cái gì chúng ta không biết, đụng tới cái gì chúng ta cũng hiểu thấu được bề mặt bề trái, cái chân cái ngụy của nó.

"Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng? Phật bảo: Tu Bồ Đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh."

Đức Phật trả lời hay vô cùng. Ngài không trả lời thẳng câu Tu Bồ Đề hỏi. Chúng sanh ở đời sau muốn hiểu được ý ta thì không còn là chúng sanh bình thường nữa, không phải phàm phu mới biết được ý này, còn là phàm phu thì chịu không còn phải bàn. Đức Phật trả lời rất khéo.

Chúng ta nghe đoạn đối thoại của vua Trần Nhân Tông

với Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng có ý tương tự. Sau khi Trần Nhân Tông hỏi Tuệ Trung Thượng Sĩ: *"Thế nào là phận sự gốc của người tu?"* Ngài Tuệ Trung Thượng sĩ trả lời : *"Phản quang tự kỷ. Bổn phận sự bất tùng tha đắc."* Có nghĩa quay lại chính mình là phận sự gốc, không thể do tìm cầu bên ngoài mà được. Liền khi đó Trần Nhân Tông nhận được ý của Tuệ Trung Thượng Sĩ, hỏi tiếp câu nữa: *"Ăn chay giữ giới như thế nào?"* Tuệ Trung Thượng Sĩ trả lời: *"Như an cầu nguy. Như người dưới đất mà trèo lên cây sợ té."* Trần Nhân Tông cũng nhận được ý này, nhưng Tuệ Trung Thượng Sĩ nhắc nhỏ một câu: *"Chuyện này không thể nói cho người thường biết được."*

Giống như ý của Đức Phật, ở đây chúng sanh đó là chúng sanh bình thường, nếu hiểu được câu nói này thì chúng sanh đó không còn là chúng sanh bình thường nữa. Nếu chúng sanh đã không còn bình thường nữa thì mới có thể hiểu được câu nói này. Vì sao? Vì đoạn này phải nói là vượt tầm thường của thế gian rồi. Bằng đầu óc có phải có trái, có đúng sai, hay dở, thanh tịnh, uế trược thì chúng ta không cách nào hiểu được câu nói của Đức Phật. Nếu trong lòng mình thấy có một chỗ bất tịnh, một chỗ thanh tịnh, một gợn lăn tăn trong trí não chúng ta về chuyện so sánh khi căn tiếp xúc với trần, thì không cách nào chúng ta hiểu được. Cho nên Đức Phật mới trả lời*: "Tu Bồ Đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh."* Chúng sanh đời sau mà ngươi nói đó, chúng sanh ấy Như lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh. Chúng sanh đó mới tương tầm với chỗ ta nói, nếu dùng đầu

thế gian để suy nghĩ thì không thể hiểu nổi.

Với đạo thiền cũng vậy. Thực sự câu nói của Thiền Sư một người thường có thể hiểu mà bình luận là kiểu phàm trần, làm mất đi giá trị của câu nói đó, nhưng người tương ưng họ có thể thông cảm, sẽ có tầm mức ngang đó để tương ưng. Đức Phật nói chúng sanh đó chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh đó mới thật là chúng sanh. Khi một người chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh mới có thể hiểu câu nói của Đức Phật. Và Đức Phật cần người này hơn.

Nếu chúng ta học Kinh điển, hoặc nghe giảng sư giảng, người có chiều sâu nghe đọc câu đó không có nghĩa chúng ta hiểu lời nói đó, mà chúng ta biết vị đó đang nói chuyện gì sâu hơn ngôn ngữ này. Học Kinh điển Đức Phật cũng vậy, chúng ta thấy có khi mình xúc cảm với xúc cảm của Đức Phật. Trong lúc Đức Phật muốn nói điều đó nhưng không thể diễn tả hết, Ngài tạm mượn ngôn ngữ để nói ý khác nữa sâu hơn, mà chúng ta có thể hiểu được, lúc đó chúng ta xúc động vô cùng. Có những câu lời Đức Phật nói mình thấy thương lắm.

Đọc Kinh điển không có nghĩa chúng ta hiểu Kinh qua nghĩa câu nói đó, mà chúng ta thấy tận ý sâu của người nói. Một loại chúng sanh không phải chúng sanh bình thường thì hy vọng biết được chút phần câu nói này, họ thông cảm được, không hoang mang, không điên cuồng. Còn người bình thường có thể thắc mắc, và ngoại đạo cũng có thể đem câu nói này ra để chất vấn. Nếu chúng ta không hiểu, không có đủ sức để đả thông thì sẽ bị họ bắt bẻ. Đó là công án!

ĐOẠN 22: KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay là không được ư ?

Phật bảo: Đúng như thế, như thế! Này Tu Bồ Đề, ta đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhẫn đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đoạn này chúng ta phải nghe kỹ câu trả lời của Đức Phật. Đức Phật nói pháp giới này vàng, bạc, châu báu là không, hình tướng Đức Phật không, Pháp Đức Phật coi như không, bây giờ Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có không? Có chứng không? Nếu không chứng vậy thì ai xưng Ngài là Phật? Nếu Ngài không chứng thì Ngài có dám xưng là Như Lai trước mặt Thánh chúng không? Đã xưng là Như Lai, là Thế Tôn, là Ngài đã chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó Ngài Tu Bồ Đề thưa: *"Bạch Thế Tôn, Phật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay là không được ư?"* Phật bảo: *"Đúng thế, như thế! Này Tu Bồ Đề, ta đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhẫn đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."*

Đối với đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nếu chúng ta thấy còn có một chút có thể chứng thì là phàm phu, chứ không thành Phật. Đức Phật trả lời rất khéo, ta đối với đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có một chút xíu có thể được. Đã có chứng, có đắc là có ngã và có ngã sở. Có năng, có sở là phàm phu chứ không phải Phật. Cho nên đối với Phật không thể một mảy may có thể được. Hoàn

toàn không có sở đắc, không có sở chứng, không có sở cầu, đó mới thật chứng thật đắc.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Ngài Trí Thường nói: *"Tình còn một niệm ngộ. Đâu vượt mê ngàn xưa"*. Phút đó mình còn thấy mình ngộ đạo, còn chứng, còn đắc thì in tuồng như cọng lông đuôi và vũng nước tiểu của con khỉ Tề Thiên. Ngài Tu Bồ Đề muốn hỏi Đức Phật có chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay là không? Người không thông nếu khẳng định ta có chứng thì cũng không đúng, vì có Ta là có Pháp rồi. Mà không chứng vậy thì ai tôn Ngài là Phật? Cả thế gian tôn Ngài là Phật, là chấp nhận Ngài đã chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi mới được thành Phật, chuyện đó quá rõ ràng thế gian này ai mà không biết.

Đức Phật trả lời rất khéo: Đối với đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta không có một chút xíu pháp có thể được, đó mới gọi là chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu một người thấy quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có chỗ để mình có thể bám víu được, không có chỗ để chứng, không có chỗ để đắc, Sanh tử cũng không, Niết Bàn cũng không, quả vị của Đức Phật đã được phủi sạch là hết chỗ. Không sanh tử, không Niết bàn mới có thể thấy được sự thật.

ĐOẠN 23: TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC THIỆN

Lại nữa Tu Bồ Đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả các pháp lành tức được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này Tu Bồ Đề, nói rằng pháp lành đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.

Đức Phật nói các pháp bình đẳng thì không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Nếu ai không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả thì người đó làm việc thiện được, tức là làm tất cả pháp lành. Nếu còn có ngã, có nhơn, có chúng sanh, có thọ giả, có cứu một tỷ người cũng chưa phải pháp lành.

Điều kỳ diệu của đạo Phật là Đức Phật muốn nói một ý rất sâu. Nếu theo thứ lớp thứ tự thì các đoạn này như lạc đề, các đoạn không trùng khớp với nhau, đang nói quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến đây nói chuyện làm từ thiện, làm lành, nhưng Đức Phật nói rất hay ở đoạn này.

Đức Phật nói thứ nhất Pháp này bình đẳng, không cao không thấp. Khi một người không còn sở đắc thật sự thì người đó sẽ nhận được sự bình đẳng pháp giới này một lượt. Ví dụ cọng cỏ đối với viên kim cương không khác nhau. Khi rớt vào cảnh giới đó không có nghĩa giá trị thế gian không có, họ vẫn biết giá trị thế gian, nhưng họ nhận được sự bình đẳng của hư không và cọng cỏ này. Đức Phật đã tới chỗ không sở chứng, không sở đắc, cho nên Đức Phật rớt vào cảnh giới pháp giới toàn chơn, toàn pháp giới này chỉ là nhứt chơn pháp giới,

không có cái thứ hai.

Khi chúng ta tu tập đến chỗ không còn hai trong pháp giới này, thì mới thực sự là người triệt ngộ. Quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác một mảy may ý niệm chứng đắc còn không có thể có, thì rớt vô pháp bình đẳng. Khi đó đại bi tâm liền xảy ra, cho nên mới làm tất cả các pháp lành. Đức Phật nói rất khéo! Tất cả những người tu nói mình ngộ đạo bắt đầu đóng cửa sống ở nhà một mình, là biết người đó không tới đâu. Dù có ngộ đạo, nhập Niết Bàn biết rằng người đó cũng không tới đâu, không tới chỗ này. Tất cả những người thoát ra khỏi vòng lẩn quẩn trần gian để chứng đắc đạo quả, chuyện đầu tiên là đại bi tâm xuất hiện.

Đây là điều đặc biệt trong Phật đạo. Đức Phật nói bình thường, đây là pháp bình đẳng không có cao thấp, cái chỗ không chứng không đắc đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỗ đó hết sức bình đẳng, không có ngã, không có nhơn, không có chúng sanh, không có thọ giả mà tu tất cả pháp lành. Tuyệt vời! Đây mới là đạo Phật chánh thống.

Đầu bản "Vô Niệm Viên Thông Yếu Quyết", Hòa thượng Minh Thiền viết: *"Có người bắt một con quạ cho vào lồng khóa lại, trong đó có để thức ăn và đem xuống mũi một chiếc thuyền biển đậu trong bờ, con quạ vẫn không bằng lòng, cảm thấy tù túng bực dọc muốn phá vỡ lồng không chịu ăn uống. Rồi người chủ thuyền quay mũi nhắm ra biển khơi trương buồm thẳng lèo mà lướt sóng. Khi ra tận ngoài khơi không còn thấy bờ nữa, ông mở cửa lồng thả con quạ ra để tự do cho nó tha hồ bay nhảy. Quạ tung cánh bay lên không, lượn mấy vòng quanh thuyền, rồi lại đáp xuống chui vào lồng đứng ăn, và rỉa lông một cách thoải mái."* Một câu chuyện

tuyệt vời! Một người ngộ đạo mới có thể hiểu hết ý này, ý đó là đoạn này. Rất tuyệt vời!

Con quạ khi được thả ra thì bay để được tự do, chứ tại sao bay trở vào lồng làm chi? Nó bay chao liệng giữa trời không, rồi chun vô lồng trở lại để ăn uống và sinh hoạt bình thường. Đúng là một vị Phật hoặc một vị Đại Bồ Tát mới đủ bản lĩnh này. Khi ngộ Phật đạo rồi đóng cửa đi luôn thì không phải. Ai phát tâm phát nguyện mà chạy khỏi cõi này thì phải xét lại hết. Chúng ta đã cực khổ với cõi giới này, đã khổ sở với thân mạng này, khổ sở với sanh tử này và bây giờ đã có cách thoát ra mà không đủ tình thương đối với chúng sanh đang chịu khổ, ai khổ mặc ai thì không phải là Bồ Tát.

Khi đã tung ra khỏi lồng, tức là phá vỡ tất cả những lồng sáo của thế gian, thoát khỏi những cái khung đã nhốt chặt nó trong ngàn đời ngàn kiếp là thân tâm này; là ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; tất cả những cái đúng, sai, hay, dở, phải, trái, hơn, thua của trần gian này phá nát để đi ra, đâu còn gì dính mắc, ai bắt được mình? Nhưng họ vẫn quay trở lại thân ngũ uẩn này vẫn sinh hoạt đời thường như một chúng sanh, vẫn ăn, vẫn uống, vẫn cười, vẫn khóc như một chúng sanh bình thường để sống độ đời.

Đoạn Kinh này cũng vậy, nếu chúng ta đọc bình thường không thấy được cái hay của nó. Nói chuyện Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chuyện bình đẳng thôi, có gì đâu; thì người không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, làm những pháp lành. Nhưng từng bước Đức Phật phá hết pháp bên ngoài, phá thân, phá sắc tướng, pháp Phật phá rồi, quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phá rồi, đến chỗ không hết tất cả mọi cái trong tam giới. Tất

cả quả vị chứng đắc cho đến Phật quả cũng không có, đến đây gọi là triệt ngộ hoàn toàn. Nhập trong pháp giới tánh toàn chơn tức là nhập trong pháp giới bình đẳng, thì phải trở lại trần gian làm Phật sự.

Đây là tiêu chí của đạo Phật. Không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả mới quay lại làm tất cả các pháp lành để độ chúng sanh. Nếu còn ngã thì pháp không lành. Cái chuẩn của đạo Phật là bắt đầu có trí huệ thì từ bi mới phát sanh. Trong Thập Độ thì Bát nhã độ đi trước Phương tiện độ, còn bây giờ quý thầy Phương tiện độ trước Bát nhã, cho nên bị kẹt. Nếu đi sâu vào Phương tiện quá thì Bát nhã coi như tắt. Đức Phật dạy rất kỹ.

Kinh Kim Cang học kỹ mới thấy chúng ta không đủ lời để khen trí tuệ của Đức Phật. Từng bước một Đức Phật nói cái chuẩn mực duy nhất là ngộ đạo, là phải ngộ nhập trong pháp giới Tánh toàn chân rồi thì lòng từ bi mới phát sanh. Nếu không có thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài thì người đó không phải là người ngộ đạo. Đây là chỗ đặc biệt.

Cái chuẩn thứ hai, ngộ đạo rồi, từ đại bi tâm không ngã, không pháp mới được quyền độ sanh. Muốn đạt tới cảnh giới kia mà đại bi tâm không phát sanh thì không phải. Người ngộ đạo mà không nghĩ tới chuyện độ tận cùng chúng sanh thì không phải là người ngộ đạo thật. Đức Phật đặt chuẩn rất cao. Đức Phật dạy rất kỹ. Muốn độ tận chúng sanh là không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, vì nếu không thì bản ngã nổi dậy.

Sau này Ngài Quy Sơn nhận ra được và nói một câu hết sức tuyệt vời*: "Thật tế lý địa, bất thọ nhất trần. Vạn hạnh môn trung, bất xả nhất pháp."* Chỗ thật đó một mảy trần cũng

không dính mắc được, nếu còn một mảy may dính mắc nơi tâm thức thì chỗ đó không phải là chỗ thật. Thật tế lý địa là chỗ tận cùng của Phật pháp không có một mảy may nào, nhưng cửa vạn hạnh thì không xả pháp nào. Chúng ta nên lấy câu *"Vạn hạnh muôn trung, bất xả nhất pháp"* để làm việc, đi ra đường thấy một cọng gai, một miếng miểng mình cũng phải xuống lượm để người ta đừng dẫm lên. Việc thiện dù rất nhỏ chúng ta cũng phải làm, dù có người thấy hay không thấy, có người sai bảo hay không sai bảo, mình thấy việc có hại người khác thì mình không làm, việc gì có lợi cho người khác dù ban ngày hay ban đêm, dù là một suy nghĩ nhỏ nhiệm nhất trong đời của mình, mình cũng phải nghĩ đến để làm. Cửa vạn hạnh không bỏ cái gì hết, đó là người sáng đạo, không phải đạt cảnh giới Niết bàn xong thì nhập Niết bàn luôn.

Điều kiểm chứng được là lòng từ bi. Một phen rớt vào cảnh giới đó, đầu tiên họ thông cảm với tất cả những nỗi khổ của pháp giới, không phải riêng cõi mình. Cao hơn cõi mình là cõi trời họ được hưởng phước như thế này, như thế kia, nhưng họ chưa giác ngộ chân lý, chưa thoát khỏi tam giới, đó là nỗi khổ của họ, mặc dù họ được hưởng phước hơn cõi phàm của mình. Còn cõi phàm do ngũ dục lạc làm chúng ta đau khổ nhiều. Các vị hiểu và thông cảm một cách tuyệt đối tất cả mọi người mọi loài, sau đó tùy duyên mà hóa độ. Có người nói thầy ngộ đạo rồi, có lòng từ bi rồi, thầy đi độ sanh, nhưng sao thầy chỉ giảng dạy có mấy người đó, còn mấy người kia thầy không tiếp xúc? Không phải như vậy.

Giai đoạn hành đạo của Đức Phật, mỗi ngày buổi sáng Đức Phật quán cơ duyên để đi khất thực. Ví dụ đến ngã ba là quẹo trái hay quẹo phải, không phải để chọn nhiều nhà để

người ta cúng mau đầy bát, cũng không phải do có nhiều nhà giàu sẽ cúng nhiều thức ăn ngon. Mà trí tuệ Đức Phật thấy trong nhân quả nhiều đời nhiều kiếp, đúng giờ đó, ngày đó, phải gặp người đó theo đúng thứ tự nhân quả. Khi Đức Phật ôm bình bát đi khất thực là thứ tự nhân quả, không phải thứ lớp từng nhà. Cho nên sáng đó đúng 7 giờ gặp người A, 9 giờ gặp người B, 10 giờ 30 gặp người C thì Đức Phật sẽ xuất hiện trước mặt người đó, thấy như Đức Phật đi từng nhà, nhưng Đức Phật xuất hiện đúng theo nhân quả, không sai. Và chúng ta phải hiểu tất cả những điều chúng ta gặp trong trần gian này dù thuận hay nghịch, dù tốt hay xấu cũng đều là thứ tự nhân quả được sắp xếp trong nhiều kiếp. Không phải nay gặp người này, mai gặp người kia là chuyện ngẫu nhiên mà đó là thứ lớp nhân quả.

Mặc dù chúng ta không đủ trí tuệ để quán thứ lớp đó, nhưng tất cả những chuyện chúng ta gặp đều là thứ lớp. Thí dụ có người muốn tới tịnh xá Ngọc Thành rất nhiều lần để nghe chúng tôi giảng, nhưng năm lần bảy lượt họ mới vô đây ngồi được một lần, vì sao? Vì nhân quả đúng ngày giờ này mới tới được, trước đó một giây không thể tới được, nhưng chúng ta không hiểu nổi điều này. Đức Phật đã quán rõ về nhân quả nhiều đời nhiều kiếp là gặp người nào trước, gặp người nào sau, phải độ người nào trước người nào sau, độ như thế nào, căn cơ họ như vậy Đức Phật phải nói lời nào với họ, nói như thế nào v.v…

Khi một người đạt tới cảnh giới này thì đại bi tâm xuất hiện, họ ở trong cảnh giới không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, làm tất cả những điều lành mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn nếu như đạt

được cảnh giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi mà đại bi tâm không xuất hiện, không làm tất cả những điều lành thì quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là không có, không đúng, không thật, không tới.

Đức Phật kết luận: *"Đây là Pháp bình đẳng, không cao không thấp mới gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả các pháp lành tức được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."* Đạt tới cảnh giới đó rồi, xuất hiện đại bi tâm, ở trong cảnh giới vô ngã vô pháp làm Phật sự, nếu có ngã có pháp làm Phật sự thì không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật dạy rất kỹ: Sau khi ông đã có cái thấy không ngã không pháp đó mới thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chúng ta làm Phật sự dễ bị rớt xuống tứ tướnglà do chúng ta không đạt tới cảnh giới bình đẳng kia, thì không thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thứ hai, khi làm việc thiện lành chúng ta không ở cảnh giới vô ngã vô pháp thì không đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng muốn ở cảnh giới đó thì phải đạt pháp giới Tánh bình đẳng, sanh đại bi tâm phủ trùm pháp giới mười phương, tương thông tất cả chúng sanh muôn loài, để rồi sau đó theo thứ tự nhân quả làm Phật sự, độ tất cả chúng sanh muôn loài, làm tất cả những pháp lành mới có thể thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đúng nghĩa.

ĐOẠN 24: PHƯỚC TRÍ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG

Này Tu Bồ Đề, nếu trong tam thiên đại thiên thế giới có các ngọn núi Tu Di chúa, như thế dùng bảy báu nhóm họp bằng những ngọn núi Tu Di ấy có người mang ra bố thí. Hoặc có người đem Kinh Bát Nhã Ba La Mật này nói cho đến bốn câu kệ v.v… thọ trì đọc tụng, vì người khác nói thì phước đức của người này đối với người trước, người này trăm phần, người kia không bằng một, trăm ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng.

Đức Phật khen người giảng Kinh. Nếu như lấy vàng, bạc, châu báu nhiều như núi chúa Tu Di (lớn hơn cõi Ta Bà) đem đi bố thí, thì phước không bằng một người đem bốn câu kệ Kinh Kim Cang thuyết cho người khác nghe, thì phước của người thuyết bốn câu kệ Kinh Kim cang lớn hơn người bố thí ba kia gấp trăm ngàn, muôn ức lần, không thể so sánh được.

Đức Phật thấy được giá trị trì tụng Kinh Kim Cang phước đức không thể nghĩ bàn. Nên một người nhận được bản Kinh Kim Cang để có thể truyền thụ cho người khác, là dứt trừ được sanh tử ngàn đời ngàn kiếp của tất cả chúng sanh. Chính bản thân người nhận được bản Kinh Kim Cang cũng cắt dòng sanh tử ngàn đời của mình trước, thì gọi là nhận bài kệ bốn câu, chứ không phải người đọc bốn câu kệ Kinh Kim Cang để giảng.

Khi chúng ta cắt được dòng sanh tử ngàn kiếp của chính mình rồi, thì tất cả pháp giới này là không, không còn vướng mắc ở pháp giới, không vướng mắc thân tâm, không vướng mắc Pháp Phật nói, không vướng mắc quả vị tu chứng, thì đạt được cảnh vô tu vô chứng. Và đại bi tâm phát sanh lúc

đó mới bắt đầu hành pháp lành ở chỗ vô ngã, vô pháp, không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, hành Pháp lành tức là thuyết Kinh Kim Cang thì mới có phước báu lớn, Người thọ nhận được bốn câu kệ Kinh Kim Cang, người đó cũng phải đạt tới cảnh giới không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả thì phước báu mới có thể lớn.

Học Kinh Kim Cang chúng ta phải hiểu Đức Phật không thể dạy người đang lưng chừng, không bao giờ Đức Phật muốn dạy điều này. Cho nên khi học Pháp Phật, nếu chúng ta chưa đủ căn cơ thừa đương giáo Pháp chánh thống của Đức Phật, thì nên đốt nhang đảnh lễ cầu Đức Phật khai mở huệ mạng cho con để con hiểu được chút phần, đừng bao giờ đọc Kinh Đại thừa không hiểu rồi sanh tâm phỉ báng sẽ rất nguy hiểm.

Một bản Kinh Đại thừa tồn tại trong nhiều ngàn năm, thì biết một chữ trong Kinh có hằng hà sa số các vị Long Thiên Hộ Pháp thọ trì, không đơn giản đâu. Cho nên nếu chúng ta làm lệch lạc sẽ bị quả báo, mà chúng ta không hiểu lại phỉ báng thì càng quả báo hơn. Nếu trí tuệ chúng ta còn non kém chưa đủ sức để có thể lãnh hội hết điều này, thì phải hết lòng tôn trọng. Vì tôn trọng những bản Kinh của Đức Phật không có gì là lỗi. Nhưng nói theo kiểu tột cùng Kinh Kim Cang thì chúng ta thấy có Kinh, có chữ, có Pháp là chúng ta phỉ báng Phật rồi. Nói theo kiểu thế gian thì chữ nghĩa Kinh điển này đều là vật báu của nhân gian, chúng ta phải coi trọng.

Nếu chúng ta tôn trọng vật báu này thì nhân quả nhiều đời nhiều kiếp chúng ta còn được gặp, còn không tôn trọng thì chắc chắn chúng ta sẽ không còn gặp lại nữa, mà ra đời không gặp được giáo pháp Đức Phật là khổ lắm. Ngày nào chúng ta

chưa chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì phải mong rằng trong những kiếp chúng ta sanh ra được ở trong vòng của Tam bảo đừng có rời, không gặp Phật thì cũng gặp Pháp, cũng gặp Tăng, ở trong cái dòng đó không rớt ra bên ngoài. Ngày nào chúng ta chưa đủ sức thừa đương thì chúng ta cũng nên chắp tay trân trọng quý kính, vì đây là bản Kinh hết sức giá trị.

Đối với những người thật sự chuyên môn tu tập trong đạo Phật, không riêng Thiền tông hay Đại thừa cũng phải biết quý trọng bản Kinh này. Kinh Kim Cang và Kinh Bát Nhã là mẹ sinh ra chư Phật, tất cả các chư Phật thành Phật đều phải nhận trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật Đa này. Kinh Kim Cang nói lên trí tuệ kim cương của Bát Nhã Ba La Mật, trí tuệ của bậc đại giác, buộc tất cả chúng ta dù không nhận được trong đời này thì cũng phải nhận ra trong đời khác. Vì không nhận ra được trí tuệ Bát Nhã Ba La Mật, thì chúng ta không bao giờ phá hết vô minh sanh tử ngàn đời ngàn kiếp để chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là duyên lành lớn để chúng ta chia sẻ Kinh Kim Cang. Mong rằng chúng ta sớm tiếp nhận, để chúng ta là những hành giả đang thực thụ hành trì Kinh Kim Cang trong đời này và mãi mãi những kiếp về sau.

ĐOẠN 25: GIÁO HÓA KHÔNG CÓ CHỖ GIÁO HÓA

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: Ta sẽ độ chúng sanh. Này Tu Bồ Đề, chớ khởi nghĩ thế ấy. Vì cớ sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ đó. Nếu có chúng sanh Như lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã. Này Tu Bồ Đề, người phàm phu đó Như Lai nói tức không phải phàm phu, ấy gọi là phàm phu.

Đức Phật xưng mình là Như Lai, Ngài nói với Tu Bồ Đề rằng, nếu ai thấy có Như Lai độ chúng sanh thì không đúng. Đức Phật dạy, các ông không nên nghĩ Như Lai độ chúng sanh.

Đầu Kinh Kim Cang sau câu hỏi trọng yếu của ngài Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật: *"Người thiện nam tử, thiện nữ nhân khi phát tâm Vô Thượng Bồ Đề thì làm sao hàng phục tâm và làm sao an trụ tâm?"* Đức Phật nói là độ vô lượng vô số vô biên chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ. Đoạn thứ hai, ngài Tu Bồ Đề lại đặt lại câu hỏi như thế một lần nữa, thì trình tự Đức Phật đã trả lời. Đến đây Đức Phật cũng nói một câu gần giống như ban đầu, tức là Như Lai không có độ chúng sanh.

Nếu chúng ta có công phu thì đến đoạn này sẽ thấy rất chuyên môn, rõ ràng người tu Thiền không có diệt trừ ý niệm. Nếu như mình thấy còn có một ý niệm mà chúng ta có thể hơn thua diệt trừ, là lúc đó chúng ta còn thấy có ngã, có nhơn. Nếu

người nào đó ở tâm mình vẫn còn thấy có một chúng sanh để có thể độ được, thì ngày đó mình vẫn còn ở cửa Nhị biên chưa phải vào trong Tự Tánh. Kể từ lúc ngài Tu Bồ Đề đặt câu hỏi này là ở tầng thứ hai chuyên môn thực sự. Đây là bước chuyển của người đã ngộ Tánh. Những cái thấy, nhìn và sống của người ngộ Tánh được Đức Phật nói một cách rất chi tiết.

Ví dụ, người chưa ngộ Tánh nhìn tất cả những duyên cảnh hoặc nghe một âm thanh họ liền có năng sở tức là có ta và có người. Có mình là người đang thấy, có vật bị thấy, mình là người hay nghe, có vật bị mình nghe. Nếu thấy có mình khác với sự vật một chút, là cái ngã của mình đã trỗi dậy từ trong thẳm sâu rồi. Có mình, có người, có Phật, có chúng sanh, có người giác ngộ, có chúng sanh được giác ngộ chỗ đó cũng không đúng. Phút chốc Như Lai hiện tiền mà tất cả đều là Như Lai. Người sống đúng trong Tánh thì mọi thời mọi lúc họ đang sống trong Như Như bất động. Như Như bất động không phải thấy riêng một cành cây, rồi thấy tượng Phật, rồi thấy cái bàn, không bao giờ người đó thấy mà có đối tượng. Nếu một phen thấy có đối tượng thì sẽ có ngã có nhơn, có Phật có chúng sanh. Khi nào thấy có mình, có người là thấy có sai biệt, thì người đó sẽ thấy có một chúng sanh để mình có thể độ được.

Thứ hai, chúng sanh tâm ở nơi tự tâm chúng ta, nếu lúc tọa thiền chúng ta thấy vọng niệm khởi lên thật để mình dứt trừ, thì người đó rớt vào nhị biên, đó không phải là con đường Thiền tông, và đó không phải là chỗ Đức Phật muốn nói ở đây. Một phen chúng ta ngộ Tánh, thì tất cả những vọng niệm còn xảy ra trong tâm thức, chúng ta không phải là người

đang thấy vọng, đang biết vọng nữa. Như mặt trời mọc lên không phải là soi cây, soi cảnh, soi nhà cửa để làm cho sáng, mà khi mặt trời đã sáng là tất cả đều rực sáng, tất cả mọi vật đều bị nhuốm sáng bởi ánh sáng mặt trời, mặt trời không có nói tôi rọi vật này, tôi thấy vật kia.

Tất cả những vọng niệm được hiện sáng trong chân trời trí tuệ đều là Phật, không còn là chúng sanh nữa. Tất cả những thấy biết đều là Bồ đề, đều là Như. Ví dụ mình khởi niệm A Di Đà Phật, nếu là người chưa ngộ Tánh thì thấy niệm A khởi lên, niệm Di khởi lên, niệm Đà khởi lên, niệm Phật khởi lên, thấy ý niệm A Di Đà Phật đang khởi lên trong tâm thức của mình. Nếu mình thấy ý niệm đó là thật để mình có thể diệt trừ, là có mình và có ý niệm, có ngã và có pháp trong đó. Đằng này đang khởi chữ A thì như A mà khởi, như A mà rõ biết ngay đó. Và cái như A nó mất, có một khoảng không hiện ra, thì như khoảng không hiện khởi, rồi như Di hiện khởi, rồi có khoảng không, rồi như Đà hiện khởi, có khoảng không, rồi như Phật hiện khởi. Mỗi một niệm hiện trong cái Như như và niệm liền thành Như. Niệm đã Như rồi thì không có ta và không có người. Nếu chúng ta còn thấy ý niệm là vọng nghiệp, là sanh tử, là phiền não, là khổ đau, tức là mình đã tách mình rời khỏi niệm thì nó không còn là Như nữa. Đây là chuyện hết sức chuyên môn. Nếu một người công phu đạt tới cảnh giới này thì hy vọng trì tụng được Kinh Kim Cang, còn không là chúng ta đọc chữ nghĩa Kinh Kim Cang thôi.

Làm sao đối với tất cả các duyên cảnh, đối với tất cả pháp mà lục căn chúng ta tiếp xúc được liền là Như, ngay đó là Như, mọi thời mọi lúc là Như. Nếu chúng ta đang sống trong cái Như Lai mà rõ pháp, thì tất cả các pháp đều biến

thành Như. Còn bây giờ trời tối chúng ta đem đèn đi rọi thì chỉ thấy được có một khóm này thôi, khi chúng ta quay qua bên đây rọi sáng thì bên này sẽ tối lại. Kiểu công phu cũng vậy, dứt một vọng niệm này chúng ta thấy sáng lên, có thể làm rớt một vọng niệm, nhưng rồi cái khác nó có thể làm mờ đi. Giống như đêm đen có một ánh sáng sẹc, thì sau đó sẽ tối trở lại.

Còn đằng này khi mặt trời mọc lên thì tất cả đều sáng, thì những con vật trong bóng tối có bò ra thì nó đều bị nhuốm sáng bởi ánh sáng mặt trời. Làm sao chúng ta phải sáng như ánh sáng mặt trời, để tất cả mọi duyên đều bị nhuốm sáng. Đó là cách công phu của Đức Phật nói ở chỗ này. Lúc đó không còn Phật và chúng sanh, chỉ là một cái sáng để biến tất cả mọi cái đều thành ánh sáng đó. Nó chỉ là cái tri thì tất cả hiện hữu đều là toàn tri. Tới chừng đó mới được gọi là triệt ngộ. Người sống được như vầy mới thực sự là hành giả tu Kim Cang.

Nếu chúng ta chưa tới mà còn có năng, có sở, còn dụng công, còn lấy và còn bỏ là chưa phải. Ngay tại đây, từ nãy tới giờ chúng ta đều bằng cái Như để rõ hiện tiền. Từng tiếng, từng chữ, chúng ta đang Như Như mà rõ rõ, không trước, không sau. Chưa có tiếng thì rõ khoảng không đó, tiếng hiện ra thì chúng ta rõ tiếng đang hiện ra, có tiếng chúng ta rõ tiếng, có khoảng không chúng ta rõ khoảng không, lúc khoảng không hiện ra chúng ta cũng Như Như, như vậy để rõ.

Thiền mà chúng ta hay dụng công, đi biết mình đi, đưa tay biết đưa tay, nhấc chân biết nhấc chân, gọi đó là Chánh niệm. Chánh niệm để mình liên tục rõ biết từng hành vi cử chỉ của mình theo kiểu Thiền Minh Sát. Mình hít vào biết mình hít vào, mình thở ra biết mình thở ra, mình nhấc tay biết mình

nhấc tay, mình để tay biết mình để tay, như vậy có giống chỗ này không? Không! Còn cách xa nghìn trùng.

Khi Đức Phật nói đến Kinh điển Đại thừa chúng ta bằng cái Như mà biết rõ vạn pháp, thì sau khi chúng ta tiếp xúc vạn pháp. Dù cho nó có khởi lại thì nó làm thành cái gì? Cũng liền thành Như. Khi mình một phen ngộ tánh thì thức liền chuyển thành trí. Tất cả mọi thứ xuất ra từ Tự Tánh liền biến thành Bồ đề, phiền não tức Bồ đề ngay tại đó, không đợi khi vọng niệm diệt đi. Vọng niệm diệt đi mà thành Bồ đề thì Bồ đề đó không phải là Bồ đề thật. Ngay khi khởi vọng niệm là Bồ đề, ý niệm vừa khởi ra thì ý niệm thành Như, không còn là vọng tưởng nữa. Nếu mình mê thì thành phiền não, mà mình giác ngay đó là Bồ đề. Phiền não tức Bồ đề, không có nghĩa đợi hết phiền não mới thành Bồ đề mà ngay khi đó là Bồ đề.

Cho nên mọi thấy nghe của hành giả khi ngộ Kinh Kim Cang thì họ phải sống bằng Như. Không phải là cố sống, không có nghĩa mình ráng làm sao để mình sống được thành Như, là sai. Tức là mình có ý thức và mình cố tình được thành Như là không đúng. Cái Như này nó vốn tự Như. Khi nhận được cái Như rồi mình không thể khác hơn nữa được, mình bị Như trong từng sát na, đi đứng nằm ngồi vốn không dính được duyên trần, không cách nào chúng ta bị rớt xuống tầng phân biệt.

Như một đứa bé bị quăng ra giữa biển, bị cắt tay cắt chân không có cách nào lội ra khỏi biển đó được, bị nhuốm thành ướt rồi, lúc đó toàn thân đã bị ướt. Một người toàn thân bị ướt rồi họ tan thân thành nước, lúc đó toàn thân của họ không còn là thân và nước, mà toàn thân chỉ là cái ướt mênh mông khắp. Cho nên tất cả những gì hiện trong cái ướt đều bị

nhuốm ướt.

Người đã ngộ cũng vậy, mọi cái đều hiện trong toàn tri, nó liền biến thành toàn tri, vạn pháp đều là toàn tri. Nhưng khi mình chưa ngộ thì mình thấy vạn pháp có cái gì sai biệt, tức là mình thấy không đúng sự thật. Mình đã bóp méo theo cái hiểu biết, kiến thức của mình, nhưng khi thấy đúng sự thật rồi vạn vật không có gì khác nhau.

Bây giờ mình nhìn thấy tờ giấy khác cái bàn, tượng Phật khác chậu hoa, là cái thấy của tâm thức. Nhưng người ngộ đạo vẫn thấy cái này nó không phải là cái này, mà không phải sự phân biệt so sánh. Người nào nhận ra được tượng Phật khác chậu hoa mà không phải phân biệt so sánh, thì người đó có khả năng ngộ Tánh. Còn mình nhìn theo thói quen liền có cái khác giữa tượng Phật với chậu hoa. Nếu chúng ta nhận thấy cái không khác của tượng Phật và chậu hoa thì chúng ta sẽ thấy Tánh. Nhưng tượng Phật và chậu hoa không phải là một. Ví dụ cành hoa đó có từng cánh nhỏ, từng mầm nhỏ chúng ta vẫn biện biệt rõ ràng, nhưng không phải là sự phân biệt của ý thức. Đó là câu trả lời của Ngài Huyền Giác nói chuyện với Lục Tổ. Tổ bảo: *"Ông rất được cái ý vô sanh"*. Huyền Giác thưa: *"Vô sanh há có ý sao?"* Tổ bảo: *"Nếu không ý thì ai biết phân biệt?"* Huyền Giác thưa: *"Phân biệt cũng không phải ý."*

Cái phân biệt của Tánh không tác động nơi duyên cảnh. Đây là điều rất đặc biệt, cho nên nói là Như Lai không độ chúng sanh. Một ý niệm khởi lên và nó mất đi không ảnh hưởng gì tới Phật, và Phật cũng không làm gì cho nó mất. Nếu Phật làm cho ý niệm mất thì Phật đó không phải là Phật thật. Mình nghĩ diệt được một niệm là mình đã sai lầm. Đức Phật

đã khẳng định Phật không độ chúng sanh nào cả, tức là Phật không hề diệt một ý niệm nào, không đưa một chúng sanh nào tới Vô dư y Niết Bàn. Chúng sanh tự hiện trong cảnh giới Vô dư y Niết Bàn, hiện ra đều thành Phật, hiện ra đều là Bồ đề.

Khi Đức Phật là Như thì vạn pháp đối với Đức Phật không còn là đối tượng nữa. Đức Phật và vạn pháp đã thành một trong phút ngộ đạo, mãi mãi cuộc đời của Đức Phật đều là vạn pháp. Đi đứng, nằm ngồi, Đức Phật mang thân mấy chục ký lô đi trên cuộc đời này nhưng thực sự Đức Phật và vạn pháp không cách ly không còn là hai nữa. Phút giây nào chúng ta còn đối tượng với nhau, thì lúc đó biết mình rớt vào tầng chúng sanh rồi.

Ý thức mình nó nhạy đến cái độ là chỉ cần một sát na là đã rớt xuống tầng thứ hai. Cái mà ban đầu chúng ta không có so sánh phân biệt theo kiểu của tâm thức, nhưng nó đang rõ biết ở chỗ toàn tri kia. Người tu thiền trí tuệ rất nhạy để có thể nhận ra được cái đầu tiên mà rõ biết vạn hữu không phải tâm thức, đó là cái biết thật của mình. Nhưng khi chúng ta rớt vào cái biết của tâm thức, thì nó theo kiến thức, theo cái học hỏi, theo ý niệm, theo khung sáo, theo bài bản, nó không phải là cái riêng của mình nữa.

Muốn thấy cái riêng là cái của mình thật, thì mình phải vượt qua tầng tâm thức để mình thấy. Như Lai không phải là tâm thức, Như Lai là Như sống động không phải là cái chết cố định. Lý vô trụ của Kinh Kim Cang rất gần với sự thật vô trụ tánh, vô trụ tướng. Khi nói đến từ Như Như, chúng ta liền tưởng tượng nó bất động giống như hư không này, là chúng ta lầm. Từ trước tới giờ chúng ta nghe Pháp tánh bất sanh bất diệt, thanh tịnh, chúng ta nghĩ nó là cái gì cố định, là chết cứng

là chúng ta đã sai rồi. Cái này nó sống động, mà chúng tôi nói là sự vận hành của nguồn sống vũ trụ nhanh bằng một tỷ lũy thừa tỷ vận tốc ánh sáng, khiến người ta thấy nó bất động.

Như chúng ta ngồi đây tưởng quả địa cầu bất động, nhưng thật ra nó đang quay. Với người nông dân bình thường nói quả đại cầu quay họ không chịu. Những người tu thiền định bình thường, họ có thể diệt hết vọng niệm để được một cái không bất động, họ cho đó là đúng, nhưng bị Đức Phật quở là rớt vào "ao tù nước đọng." Thực sự cái Như này không phải cái chết ngắc, mà nó vận hành với vận tốc khủng khiếp khiến cho người bình thường thấy nó là bất động. Nếu nó không vận hành thì toàn vũ trụ này không có sự sống. Đây là điều rất đặc biệt.

Toàn vũ trụ này từ giải ngân hà, thiên hà, những hành tinh, hằng tinh luôn vận hành với một vận tốc cực lớn để nó sanh sôi, nó hình thành tất cả vạn hữu. Nó làm cho vạn hữu được tồn tại, nó làm suy thoái và nó làm hoại đi để nó tái chuyển biến vạn hữu trong vũ trụ này. Nếu không có sự vận hành đó thì sẽ có cái lộn xộn của vũ trụ liền.

Chúng ta thấy quả đất quay vùn vụt quanh mặt trời mấy triệu năm rồi, nhưng nó vẫn quay theo trật tự của nó, gọi là trật tự của vũ trụ. Nếu nó quay trật chiều hay lệch hướng là mặt trời và quả đất đã chạm nhau. Nhưng mấy triệu năm nó vẫn giữ nguyên khoảng cách để quay như thế. Và tất cả những giải thiên hà, hành tinh, hằng tinh đều vận hành theo một vận tốc nhất định, chứng tỏ có sự điều hành thực sự, không phải tự nhiên nó quay như vậy. Nhưng chúng ta không nhận nổi điều này, chúng ta cứ nghĩ Tự Tánh là cái gì bất động là chúng ta sai.

Khi nhập Tánh, trong khoảnh khắc tâm họ có thể biết chuyện hằng hà sa số kiếp về sau. Trong phút chốc họ đã thấy hết tất cả mọi cái. Ví dụ một người sống đúng với đạo lý như Đức Phật, thì một khoảnh khắc nhỏ Đức Phật sẽ thấy biết được có hằng hà sa số hành tinh chuẩn bị hình thành, hành tinh đó ai sống, nó tồn tại bao lâu và bao lâu nữa nó hoại. Như người kỹ sư chuẩn bị chế ra chiếc xe, thì họ sẽ chế với nguyên liệu nào và hình thành chiếc xe sẽ tồn tại bao lâu, chạy bao nhiêu ngàn cây số thì xe sẽ hư, người kỹ sư biết rất rõ điều này.

Cũng vậy, sự vận hành của vũ trụ một phen Đức Phật thấy hết, vì đã nhập trong Như Lai Tự Tánh rồi thì sẽ thấy việc vận hành rất nhanh của vạn hữu trong vũ trụ. Đức Phật thấy biết rất rõ ràng. Giống như những vật nằm trong nước thì luôn ướt, những vật ở trong vũ trụ này là những vật ở trong Tự Tánh toàn tri, tất cả mọi cái đều đang rất tri, không có ai mê hết. Ngay cả những hạt cát, bàn ghế theo mình là vô tri, nhưng không phải, nó không có cái phân biệt ý thức như mình chứ không phải nó không biết, mà gần đây khoa học đã chứng minh nhiều chuyện lắm rồi.

Như chiếc lá khô nếu nó không tri thì nó không làm cho điện kế dao động vì nó biết mình tác ý đốt nó. Có những cánh rừng người ta vào trong đó xách dao tác ý muốn đốn cây, là người đó có thể ngộp thở chết ngay tại chỗ. Sự phản kháng của cây rừng nó sẽ tiết ra khí độc để cho người đó chết, hoặc nó không có khả năng kháng cự thì nó dao động phản đối thật mãnh liệt. Nếu chúng ta có tâm thương yêu vuốt ve mơn trớn quý cánh rừng đó, tự động mình nghe khí nó khác ngay vị trí mình đang ở.

Hoặc cây mọc gần nhà, hay cây chúng ta trồng khi chúng ta chết thì những cây đó có khả năng chết theo. Hoặc chúng ta đi xa về những cây chúng ta thường chăm sóc, nếu có cặp mắt một chút chúng ta sẽ thấy nó mừng vui đón chào rõ lắm. Ngay cả giọt nước, bữa nào chúng ta tắm với lòng tri ân tràn ngập giọt nước đang xối trên người, chúng ta sẽ thấy khác. Nếu chúng ta tắm vô tình thì thấy giọt nước đến với cơ thể mình khác lắm. Nước nhạy cảm nhất, nó dễ nhận diện ra được người ta thương hay ghét nó ngay tại đó. Tất cả những vật chất trong vũ trụ này đều ở trong nhứt chơn pháp giới nó đang chơn, chỉ có cái đầu mình bẻ cong sự thật nên thấy là không chơn thôi.

Mọi vật đang Như, mình không chịu Như để mình tiếp xúc mọi vật, nó bị bóp méo theo kiến thức của mình. Cho nên câu phục nguyện "tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo" hết sức tuyệt vời. Vạn pháp vốn tự Như như thế, mình bị sai lệch là do tâm thức uốn nắn của mình, mình bóp méo, bẻ cong, uốn vạy sự việc sự vật khi chúng ta đối diện để nó thành có, thành không, thành phải, thành quấy, thành đúng, thành sai, thành hay, thành dở, thành buồn thương giận ghét, thành hai thành ba, thành đủ thứ là do mình. Khi chúng ta sống đúng sự thật rồi thì mọi cái vốn là Như, chúng ta không thể sống khác Như được.

Khi nhận ra việc này rồi thì không cách nào chúng ta sống khác được, không phải chúng ta cố gắng sống cho Như, là không đúng. Khi chúng ta hiểu Như là cái thật rồi, mình nghĩ Như là đạo lý, mình chấp nhận qua niềm tin của mình qua vị giảng sư hay qua quyển Kinh, nhưng mình chưa ngộ ra

được cái Như, rồi mình ráng sống cho thành Như thì nó không Như được.

Cố gắng thì không thành Như, Như không phải là sự tập luyện, không phải là sự gò ép trong công phu, Như vốn tự Như. Mình không khác Như được vì tất cả vạn hữu vốn là Như rồi, thì mình Như để thấy, Như để nghe, Như để ngửi, Như để nếm, Như để xúc chạm, và Như để hay biết tất cả ý niệm. Khi chúng ta là Như để chúng ta tiếp xúc thì nó sẽ trả lời bằng cái Như cho chính mình. Vậy là mình không khác Như, vạn pháp cũng không khác Như, cho nên chúng ta đã ở trong môi trường Như tuyệt đối. Nhưng tại mình không hay ra sự thật mình đang ở trong môi trường đó, thành ra mình thấy mình độ người này, mình độ người kia, tức là đã có ngã. Đức Phật nói ngã đó không phải là ngã, nhưng mình ảo do mình có ảo ngã, do sự chấp trước của mình, mình ảo giác mình có ngãgì đó.

Thực sự ngã không có thật, nói muốn tu tập cho ngã biến thành không thì phải dứt trừ ngã chấp của mình. Nhưng nếu chúng ta không thấy được ngã thực sự là ảo, thì không cách gì chúng ta công phu. Nếu thấy ngã là thật, mình tu để cho ngã này hết, thì muôn đời chúng ta không cách nào giải quyết được.

Khi chúng ta ngộ được Như rồi, tất cả vạn hữu đều là Như thì nó không có cái riêng, chúng ta không thể riêng được. Nếu một người nào thấy có riêng mình, thấy có mình khác với khoảng hư không này tức là chúng ta rớt xuống ảo ngã. Chúng ta ngầm nghĩ có mình ở đây, khiến chúng ta phải khổ đau giữa cuộc đời này, cái thật là không có ngã, ngã chỉ là cái ảo thôi. Cho nên xưng là ta, xưng là người chỉ là ảo do vọng thức của

mình sanh ra. Nếu mình không chấp cái ảo đó, thì vọng thức sanh ra nó liền biến thành Như. Đây là cái khác của người ngộ và không ngộ.

Người sáng mắt ngồi để nhìn duyên cảnh nó khác với người chưa sáng mắt. Người chưa sáng mắt thì nhìn thấy có này, có kia, có ta, có người, có phải, có quấy, có hay, có dở, có đẹp, có xấu. Người sáng mắt vẫn thấy vạn vật nhưng nó luôn ở trạng thái Như, họ không thể nào sống khác hơn được, tức là đã rớt xuống nước rồi thì đừng nói là tôi phải khô, không bị ướt. Người ngộ tánh bị rớt trong cái Như, nên họ bị Như, họ không có cách nào khác Như được, lúc đó không ta, không người, không có mình độ chúng sanh. Nếu có một mảy may hiện ra là mình thì chúng ta đã rớt xuống ảo giác rồi, ảo tưởng rồi.

Khi chúng ta thấy có mình, thấy có khổ, có vui, có được, có mất đều là do mình. Cái mình đó thực sự ảo, nó không phải là cái riêng, chúng ta phá cái riêng của cái ảo thì chúng ta thành vũ trụ này. Chúng ta nhìn cái bàn chúng ta thành cái bàn, nhìn tượng Phật thành tượng Phật, thành cái lá, thành cái hoa, thành ánh nắng, thành ngọn gió, thành vũ trụ này thì không phải là hai nữa.

Ví dụ khi gió thổi đến chúng ta liền thành như vậy để mà cảm nhận, lúc đó quý vị mới thấy một điều hết sức đặc biệt chúng ta không chai lỳ như bây giờ, quý vị sẽ rung động đến mức độ cực đỉnh của tất cả duyên cảnh. Đây là điều rất lạ. Hoặc nhìn tượng Phật mình thấy đẹp, thấy xấu là do phân biệt của con mắt mình. Nhưng khi chúng ta rớt vào trạng thái đó rồi là viên kim cương cũng giá trị không hơn tượng Phật này, không hơn giá trị đọt nhỏ của cành lá này. Lúc đó chúng ta

mới thấy bình đẳng của pháp giới tuyệt đối, phút giây đó chúng ta mới nhận ra, chứ không phải do so sánh cái này cao hơn cái kia, cái kia cao hơn cái nọ. Lúc đó nếu mất đi sự so sánh thì vạn vật tuyệt đối đẹp, khoảng hư không bây giờ mình thấy nó là không, phút giây đó nó rực sáng đẹp tuyệt trần, khiến chúng ta rớt vào cảm giác một sự rung động tuyệt đối để tương đồng, để hòa đồng vào vũ trụ này.

Ngôn ngữ trần gian chưa có lời nào có thể diễn tả được một phần tỷ lũy thừa tỷ cái đẹp hằng hữu của chóp lá này. Vàng, bạc, trân châu, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, lúc đó cũng không hơn cành lá này, bình đẳng thật sự. Phút giây đó mình mới hiểu thế nào là bình đẳng pháp giới, không rớt vào phút giây đó thì mình chỉ so sánh thôi. Bây giờ thì tượng Phật là huyễn, lá cũng huyễn, mai mốt nó biến thành không nên giá trị nó huyễn giả như nhau. Không phải như thế mà, chúng ta phải mất hết đi sự so sánh, thì phút giây đó nó mới hiện sự bình đẳng. Còn so sánh thì không cách nào bình đẳng được.

Chúng ta không thể quán nó như huyễn, không thể quán nó thành không, rồi kết luận nó là tánh không, là bình đẳng, không phải như vậy. Một phen chúng ta dứt trừ hết những so sánh tiêng tư của mình, thì vạn pháp liền hiện cái bình đẳng tuyệt đối, lúc đó chúng ta mới hiểu bình đẳng pháp giới toàn chân là cái gì. Đó là cảnh giới thật, không phải tưởng tượng. Hết đi cái tưởng thì mới hiện ra cái này, nếu còn tưởng thì cái này hoàn toàn không có. Cho nên Đức Phật nói Như Lai không phải riêng tư nữa, cái gì hiện ra trong Như Lai thì biến thành Như Lai, không phải Như Lai làm cho vọng niệm thành Như Lai.

Đây là điều rất thật. Chúng ta ngồi nhìn lại trong tâm mình nhớ cảnh này, nhớ duyên kia, nhớ lời nói nọ, nhớ hình bóng kia đẹp, xấu. Tất cả những nhớ nghĩ đó trong lúc chúng ta không để ý, thì nó có khởi không? Có! Chúng ta làm gì cho ý niệm đó mất? Những ý niệm đó bây giờ còn không? Rõ ràng nó không còn. Không ai giữ được một ý niệm, thì không thể gọi là loạn tưởng được, nhưng mình tu hay nói là loạn tưởng xảy ra ùn ùn. Thật ra không có ùn ùn, một niệm giữ còn không được, không do ai tác động mà tự động nó mất, chúng ta phải thấy được điều này.

Cái nhanh nhất là chúng ta phải thấy được như nó hiện hữu, khi nó chưa hiện hữu thì chúng ta thấy như chưa hiện hữu, khi nó hiện hữu thì chúng ta phải bằng cái Như để thấy nó Như đang hiện hữu, nó tự mất chúng ta thấy như nó đang mất. Rồi Như cái khác hiện hữu, Như khoảng không, Như hiện hữu mới, chúng ta là người luôn luôn mới. Trên tất cả những hiện hữu mới chúng ta đều tiếp nhận rõ ràng. Không phải Như là nó thành cứng ngắc và còn hoài, mà nó rất linh động trôi chảy như dòng nước.

Mỗi một sát na là mỗi một cái thấy mới của mình về vạn pháp. Vạn pháp luôn luôn mới, vì mình đang sống trong một sức sống mãnh liệt không dừng trụ, gọi là vô trụ. Nó luôn luôn mới, luôn luôn sáng, luôn luôn rõ biết, và không dính mắc được, không tù đọng lại được, thì đó là đạo. Đạo là cái gì sống động hiện tiền không bị vướng lại, cho nên lúc nào bị vướng cái gì đó thì biết rằng mình đã rời đạo lý, rời sự thật. Mình nhớ, mình thương là mình đã rời sự thật, mình buồn người kia là mình đã rời sự thật, vì đạo lý lúc này nó không còn là chuyện hồi nãy nữa. Nói Phật Phật Phật có hàng triệu

tiếng đi nữa, thì mỗi tiếng Phật đều là mới.

Nhìn tượng Phật thì nó luôn mới với chứ nó không còn hoài hình bóng đó, nhìn một người là người đó luôn luôn mới với mình, mặc dù mình chạm mặt liên tục hoặc đối diện liên tục mà nó không thành mới là mình đã sai rồi. Sở dĩ người này sống chung với người kia một thời gian thấy cũ đi kiếm người khác, là đã sai rồi. Người đối diện với chúng ta luôn luôn mới, luôn luôn đẹp. Cái mới cái đẹp hiện tiền sinh sôi như mùa xuân vậy, không có phút giây nào người đối diện với mình là cũ cả, là chúng ta đang đúng.

Nhà cửa, cảnh duyên cũng vậy, mặc dù chúng ta đã thấy quen thuộc nhưng nó luôn luôn khác trong thời khắc mới, từng khoảnh khắc vùn vụt trôi qua là mới. Hiện tiền cái Như nó hiện ra là không có thời gian, chúng ta rớt vào thời gian là chúng ta rớt vào tầng sai biệt của ý thức. Ngay cái thấy hiện tiền Như này là không có thời gian và không có không gian. Chỗ đạo lý có cái đặc biệt đó. Nhưng tâm thức thì luôn có khoảng không gian, từ mình đến tượng Phật có khoảng không gian, nhưng nếu mình nhìn hồi nãy nó khác với nhìn bây giờ là có thời gian. Nếu mình nhìn mỗi cái luôn luôn hiện tiền thì thời gian không có, nhưng nhìn cảnh duyên không hiện tiền với mình là có thời gian.

Đi biết đi là có thời gian không? Có! Có rất nhiều thời gian. Đi như thế mà đi, giở tay như thế mà giở tay, từng khoảnh khắc dao động của tay mình là Như Như từng khoảnh khắc một. Người sống đúng với Như là từng khoảnh khắc đều Như, từng khoảng khắc chúng ta luôn mới mẻ hiện tiền. Vùn vụt cái chuyển vận của nó, chúng ta cũng luôn rõ biết bằng cái

Như Như vùn vụt, không có sai lầm. Trí tuệ người tu thiền thực sự rất sắc, như Ngài Lâm tế nói: *"Đá sẹc điện nháng là phải biền biệt kịp."* Cái ánh chớp ở ngoài trời chúng ta không kịp thấy là nó mất rồi, nhưng đối với người tu thiền là đã biện biệt được rõ ràng. Trí tuệ hết sức là sắc sảo, linh thông, nhạy bén, chuẩn xác đó mới là trí tuệ của người tu thiền.

Đọc lịch sử thấy giai thoại các vị Thiền Sư người này nói người kia trả lời liền không kịp suy nghĩ, suy nghĩ là sai, nhưng không có câu trả lời nào của các vị là sai với đạo lý. Thiền Sư nói chúng ta không kịp dùng cái đầu để nghe nữa, chúng ta nói thành lời là rớt xuống tầng ngoài của tưởng ấm rồi, nó chậm lắm Ví dụ gặp một người chúng ta biết người đó là Nguyễn Văn A, xứ sở ở đâu, hồi đó có gặp rồi, nói chuyện gì là hành ấm làm tích tắc xong rồi, lúc đó tưởng ấm mới nói được một câu chào anh, anh khỏe không?

Khi Đức Phật và các vị Bồ Tát hòa nhập vào toàn tri, phút chốc đó Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc để thuyết pháp cho mười phương pháp giới nghe một lượt. Trong phẩm Tùng Địa Dũng Xuất của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Như Lai độ cho các vị Đại Bồ Tát mà chúng hội không biết. Không phải là Đức Phật không hành đạo kiểu đó. Khoảnh khắc thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Phật sử dụng ngôn ngữ gốc thông mười phương pháp giới, không phải là người Việt nói cho người Việt nghe. Ngôn ngữ xuất phát từ bể tánh thanh tịnh toàn chân đi đến được tất cả các cõi. Mà khoa học bây giờ đã làm được, trong một hội trường có một trăm nước tham dự, mỗi người mở máy và mở tiếng nước mình, người kia nói tiếng Tàu hay tiếng Anh mình vẫn hiểu được. Một trăm nước nghe bằng một trăm thứ tiếng, một tiếng có thể đến với

một trăm người.

Phút Đức Phật nhập trong pháp giới Tánh toàn chân, Đức Phật đã thuyết bài pháp về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chư Bồ Tát mười phương có người bị bế tắc không tiến hóa trong công phu, thì bằng bài Pháp này Đức Phật phá vỡ cho họ ngộ đạo chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Đức Phật khai thị các vị Bồ Tát đó. Đức Phật an trú trong ánh sáng tới mười phương pháp giới, có những cõi họ nghe và giao tiếp bằng ánh sáng, khi ánh sáng vàng hiện ra thì ý nghĩa gì, ánh sáng xanh hiện ra thì ý nghĩa gì, ánh sáng màu đỏ hiện ra thì ý nghĩa gì thì ánh sáng Đức Phật sẽ đến và khai thị cho họ, giống như Đức Phật trực tiếp thuyết pháp cho họ nghe. Tất cả các cõi đều như hiện trước mặt Đức Phật và đều cảm nhận như vậy. Hoặc có cõi sự giao tiếp của họ bằng sự rung, rung mạnh ý nghĩa gì, rung nhẹ ý nghĩa gì, rung vừa ý nghĩa gì, thì phút chốc Đức Phật đến đó bằng cái rung để cho tất cả chúng sanh nhận được bài pháp, họ hiểu được Phật pháp và ngộ đạo theo kiểu rung đó. Họ cảm nhận như Đức Phật trực tiếp nói chuyện riêng với họ.

Ví dụ khi Đức Phật chuẩn bị thuyết pháp tại tịnh xá Kỳ Viên đất nước Ấn Độ, là Đức Phật đã thuyết hằng hà bài Pháp khác rồi. Trong một sát na tâm tất cả các bài Pháp của Đức Phật đã đến mười phương pháp giới, đã đến với các vị Đại Bồ Tát, các vị Bồ Tát nhỏ, các vị Bồ Tát mới phát tâm, các vị Bồ Tát chưa phát tâm đều nghe, thì Đức Phật mới nói tại hội chúng Kỳ Viên: *"Này các Tỳ kheo, hôm nay ta nói cho các ngươi nghe Lý Nhân Duyên… "* là Đức Phật đã thuyết pháp hàng triệu bài cho các cõi nghe rồi. Nhưng thành ngôn ngữ người phàm nghe thì chậm. Cũng như sự cái vận hành

của hành ấm trải qua hàng tỷ, thì mình mới nói ở đây có một lời thôi.

Khi nhập trong pháp giới Tánh là họ đã sử dụng toàn triệt Hành này. Và một điều đặc biệt, phút nhập trong Pháp Giới Tánh, nó thông đồng mười phương pháp giới để cho tất cả chúng sanh đều nghe được bài Pháp đó. Cõi này thì mình trực tiếp nghe lời này, nhưng nó tới các cõi bằng lời pháp ở ngôn ngữ gốc kia. Danh từ mà chúng ta hay nghe là "Đức Phật tùy căn cơ trình độ thuyết pháp", chúng ta không thể hiểu đơn giản là thượng căn Phật thuyết pháp theo kiểu thượng căn, trung căn thuyết pháp theo kiểu trung căn, hạ căn thuyết pháp theo kiểu hạ căn là chúng ta đã sai lầm. Cái đầu chúng ta không thể nào hiểu nổi.

Phút chốc Đức Phật ở cảnh Tỳ Lô Giá Na thuyết Kinh Hoa Nghiêm cho chư Đại Bồ Tát nghe, người phàm không nghe được. Tới thời Ngài Long Thọ ngộ đạo, Ngài nhập trong pháp giới Tánh toàn chân nghe Đức Phật thuyết pháp trải qua mấy ngàn năm không sót chữ nào. Ngài Long Thọ nghe bài Pháp đầu tiên Đức Phật thuyết là Kinh Hoa Nghiêm, Ngài mới chuyển ngôn ngữ gốc trong cảnh giới Tỳ Lô Giá Na thành ngôn ngữ người phàm, để bây giờ chúng ta mới có Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật không nói bằng ngôn ngữ người phàm cho người phàm nghe. Và các Kinh Đại thừa đều như vậy.

Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ Phật học cho rằng Kinh Hoa Nghiêm không phải Đức Phật nói, đúng chứ không sai vì Đức Phật không dùng ngôn ngữ người phàm nói tại mảnh đất Ấn Độ. Nếu anh muốn hiểu Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Niết Bàn và các bản Kinh Đại thừa thì anh phải nhập trong định

đại thừa anh mới biết lời đó ai nói. Dùng cái đầu người phàm mà bình luận thì sai lầm Họ cho rằng sau thời Đức Phật mới có loại ngôn ngữ của Kinh điển Đại thừa, họ kết luận rằng lời đó không phải của Phật nói. Điều này đúng về mặt thời gian, nhưng nói không phải Phật thuyết là sai.

Ngài Long Thọ còn nhận được hệ thống Mật tạng. Chuyện này nếu nói về lịch sử sẽ có nhiều tranh cãi. Ngài Long Thọ nhập trong cảnh giới Tỳ Lô Giá Na, thấy có một Đức Phật thuyết pháp theo kiểu này, Ngài thấy chúng ta có thể tu tập được trong cõi của mình, nên Ngài mới đem ngôn ngữ của Mật tạng vào mới có Mật tông, trước Ngài là không có. Cho nên tất cả người tu Mật tông phải thờ Ngài Long Thọ làm Tổ. Người tu Mật tông chân chánh phải thông Kinh Hoa Nghiêm, thông Đại Bửu Tích, thông Đại Trí Bộ Luận, thông Trung Quán Luận, thông Đại Bát Nhã. Nếu tu Mật tông mà không đủ sức thuyết Kinh Hoa Nghiêm thì không phải hành giả Mật tông chân chánh.

Chúng ta bị sai lầm cứ nghe trì cái này linh, trì cái kia linh, làm ăn được nên theo Mật tông thì coi chừng. Nếu có một Đại sư Mật tông ra đời trước nhất ông phải thuyết về Hiển giáo. Đầu tiên là bản Kinh Hoa Nghiêm ông phải thông Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý lý vô ngại, Sự sự vô ngại như thế nào thì hy vọng tôi theo học. Đức Phật từ trong cảnh giới Tỳ Lô Giá Na thuyết ngôn ngữ đó cho chư Đại Bồ Tát nghe, tất cả những người theo đạo Phật phải nhận được ý chỉ của bản Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật muốn nói điều gì, và phải thông ý chỉ đó thì mới hy vọng đủ sức làm cho chúng sanh giác ngộ. Nếu không thông điều này theo họ thì chúng ta có thể được cái gì đó, nhưng giác ngộ toàn triệt như Đức Phật nói thì không

được. Nếu một người không đủ sức phá vỡ ý nghĩa sâu nhất của Kinh Hoa Nghiêm, tức là không đập vỡ một hạt cát để lấy được bộ Kinh lớn thì chúng ta không thể tu pháp nào xong cả, dù cho có chứng đắc cỡ nào cũng chỉ là chừng hạn thôi.

Các vị Đại thừa, các vị đi theo Hiển giáo và các vị đi theo Đại thừa phát triển, sở dĩ các vị có một số ngôn ngữ lý luận chê trách các vị cố chấp theo Nguyên thủy cũng có cái lý của nó. Tại các vị đã tới cảnh giới này, các vị dám nói, còn người học theo Đại thừa mà chưa tới chỗ này mà nói là có lỗi. Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật vẫn chê những người không đi theo con đường giác ngộ thành Phật, mà nửa đường chứng một chút cho là đủ lời chê trách đó không sai.

Ở đây Đức Phật muốn nói cho chúng ta cảnh giới Tỳ Lô Giá Na thật sự, cảnh giới Như Lai thật sự không có hai, không có ta, không có người, thành ra không có chúng sanh để mình độ. Đoạn đầu Kinh Kim Cang là độ vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ, là chúng ta mới nhập môn nên giảng kiểu khác, nhưng tới cảnh giới này là không thể giảng kiểu đó được, nó sẽ hạ thấp giá của Kinh Kim Cang. Đoạn này chúng ta phải vượt ra ngoài đối đãi, để chúng ta có thể nói ra được cái ý nghĩa này, nếu không chúng ta sẽ bị hiểu theo kiểu so sánh phân biệt.

Đối với Đức Phật, tứ tướnglà ảo tướng, ngã chỉ là ảo, nhơn cũng là ảo, chúng sanh cũng là ảo, thọ giả cũng là ảo. Và tận cùng cái ngã nếu chúng ta theo kiểu huân quán để tìm thì ngã không có. Người phàm phu tạm chấp nhận mình có khác người khác. Phút nào ngồi đây mình có cảm giác mình khác người kia, là chúng ta đã ngầm chấp ngã. Mà ngã chúng ta nhạy bén lắm, vừa có âm thanh là mình có cảm giác mình

đang ở đây nghe âm thanh đó, là chúng ta đã rớt xuống tầng của ảo ngã rồi. Nó nhạy lắm, nhưng trí Phật thì đi trước cái này.

Cái nghe ban đầu khi chưa có cái ảo mình nó vẫn hiện diện âm thanh rất rõ, cái thấy ban đầu chưa có bản ngã khẳng định thì nó vẫn nhận rõ hình sắc. Bây giờ chúng ta thử nhìn một hình sắc, nhìn một cách vô tư đừng có khẳng định mình, mình vẫn thấy rõ nó. Khi mình không khẳng định mình thì mình sẽ không có đối tượng ngay chỗ đó, là ngã pháp ngay cái nhìn nó là không thì nó liền biến thành Như. Ngay cái nhìn của mình nó không Như, là nó đã rớt xuống tầng phân biệt liền. Cho nên chớp nhoáng ban đầu chỗ đó không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Đức Phật phá từng chỗ từng chỗ từ đầu tới giờ, phá sắc thân 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp của Đức Phật rồi, phá luôn thế giới và chúng sanh rồi, phá lời nói Pháp, tới đây Đức Phật gần như đúc kết lại.

ĐOẠN 26: PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng tốt mà xem Như Lai chăng? Tu Bồ Đề thưa rằng: Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.

Phật bảo: Tu Bồ Đề, nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai. Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

Nếu do sắc thấy ta,
Do âm thanh cầu ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy Như Lai.

Đến đây ngài Tu Bồ Đề vẫn bị Đức Phật gài. Các vị Thiền Sư có một câu rất hay: *"Tôi dạy các ông để đừng bị Phật Tổ lừa.*" Dù Đức Phật có nói kiểu nào để mình không bị lừa thì mình mới là người giỏi. Ông có thể do ba mươi hai tướng tốt mà thấy ta chăng? Đức Phật là người có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nếu không do đó mà thấy Phật thì thấy cái gì? Ngài Tu Bồ Đề cũng đóng vai phàm phu như chúng ta mà trả lời: "*Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai."* Đức Phật quở: *"Tu Bồ Đề, nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai."*

Vì người phước tướng đầy đủ nếu ra đời mà không tu thành Phật thì làm Chuyển Luân Thánh Vương, vua bốn châu

thiên hạ là Đông Thắng Thần Châu, Bắc Cưu Lâu Châu, Nam Thiệm Bộ Châu và Tây Ngưu Hóa Châu. Người này có ngàn xe voi báu đi từ cõi mình tới cõi khác, trong tích tắc tới để điều hành cõi đó. Có nghĩa là sự vận hành rất nhanh như thần thông bay, trên đường đi giáo hoá là độ tất cả chúng sanh bằng Thập Thiện.

Thời có vị Chuyển Luân Thánh Vương ra đời thì tất cả các cõi nước đều tu Thập Thiện. Mặc dù không chứng đạo nhưng vị này đủ phước và đủ hiểu để làm cho chúng ta tu đúng Thập Thiện, dùng Thập Thiện để độ cõi quốc của mình. Chúng dân nghe và tu đúng Thập Thiện nên cõi nước đó rất hưng thịnh. Tất cả bốn cõi đều được vị Chuyển Luân Thánh Vương vị đủ ba mươi hai tướng tốt quản lý, nhưng nếu người đó tu thì được thành Phật ngay trong đời này. Cho nên đời này chúng ta có tu, có ngộ đạo cũng không thành Phật được vì chúng ta chưa đủ ba mươi hai tướng tốt.

Tướng mà chúng ta không thể làm được là le lưỡi đụng tới chân tóc (tướng lưỡi rộng dài) và tướng lông trắng giữa chặn mày chúng ta cũng không thể có. Lông trắng này xoắn xoắn lại, nếu kéo ra là hằng hà sa số thế giới chưa hết mặc dù thấy có chút xíu ngay trán Đức Phật.

Chuyện kể về ngài Mục Kiền Liên chứng quả A La Hán rồi. Một hôm ngài Mục Kiền Liên muốn xem nhục kế Đức Phật cao thế nào, Ngài vận thần thông mà bay hoài sao nhục kế cứ cao hoài, Ngài bay lạc vào cõi nước của một Đức Phật khác đang thuyết pháp cho các vị Bồ Tát nghe. Chúng hội đó tự dưng thấy một con sâu đang bò trong miệng bát nên thưa Đức Phật: Có con sâu tới cõi này. Đức Phật cõi đó nói: Đó là ngài Mục Kiền Liên, đệ tử lớn của Đức Phật Thích Ca

ở cõi Ta Bà, vì muốn xem nhục kế của Đức Phật mà vận thần thông bay miết lạc qua đây. Lúc đó ngài Mục Kiền Liên muốn trở lại cõi Ta Bà mà không cách gì về được. Đức Phật kia dạy Ngài hướng về thế giới Ta bà đảnh lễ Đức Thích Ca, Đức Phật Thích Ca phóng luồng hào quang tới đó, ngài Mục Kiền Liên nương theo về cõi Ta Bà.

Đức Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu ông nhìn ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương là Như Lai rồi chăng? Sự thật Chuyển Luân Thánh Vương không thể là Phật được. Cho nên ngài Tu Bồ Đề mới hoảng hốt bạch Phật rằng: *"Bạch Thế Tôn, như chổ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai."* Ngài rất khiêm tốn!

Đức Phật kết luận bằng bài kệ: *"Nếu do sắc thấy ta. Do âm thanh cầu ta. Người ấy hành đạo tà. Không thể thấy Như Lai."* Nếu nhìn hình sắc mà nhận ra Đức Phật, thì hình sắc đó là Phật gỗ, Phật xi măng không phải Phật thật. Nếu người luôn luôn hướng ngoại tìm Phật rõ ràng là đi lệch đường tà, không chạy đường nào thoát. Phật không phải do hình sắc, Phật không phải nơi âm thanh, Phật là người đang rõ hình sắc và âm thanh. Phật thì chỗ nào cũng có. Khi chúng ta ngộ đạo rồi thì hình sắc cũng là Phật, âm thanh cũng là Phật. Nhưng lúc chúng ta chưa ngộ thì nơi hình sắc mà chúng ta tìm Phật thì không thể tìm được, nơi âm thanh chúng ta tìm Phật cũng không thể tìm ra. Cho nên tìm Phật nơi âm thanh và hình sắc, thì Đức Phật xem như người đó hành đạo tà. Tức là hướng ngoại tìm cầu thì là tà không phải chánh. Phút chốc nhập trong pháp giới Tánh toàn chân là đã mất mình rồi thì mới có thể nhập đạo được. Mà mình mất rồi thì đương nhiên là không có

pháp bên ngoài, không có cái để bị mình thấy.

Mình nhìn sự vật một cách tổng diện đừng có tập trung vào cái gì riêng, mở mắt ra thì mọi cái đều hiện ra trong cái thấy của mình. Cái gì lọt trong tầm thấy thì chúng ta rõ ràng như vậy. Nếu chúng ta trụ một hình sắc thì lệch sự thật liền, còn không trụ hình sắc thì liền thành Như Lai. Mình thấy không sót cái gì, mình đang rõ tất cả hình sắc, thấy hết một lượt. Nhìn chậu bông không phải là thấy bông vàng, bông trắng, thấy lá riêng. Mà chúng ta nhìn thấy bông vàng, bông trắng, thấy lá, thấy cành chi chít và khoảng không giữa cành này với cành kia, màu sắc nó khác màu sắc kia, thấy rất rõ, thấy một lượt thì mình không dính. Nhưng nhìn một hồi, mình thấy bông vàng này đẹp hơn bông đỏ, lá này dễ thương hơn cái lá kia, là rớt vào hình sắc là đã hướng ngoại tìm cầu. Ngoài tâm có Phật tức là ma cho nên hành đạo tà. Chúng ta đã trụ chấp nơi cảnh sắc là chúng ta đã rời đạo lý, được Đức Phật xem đó là hành đạo tà. Phật không phải là do hình sắc mà có thể thấy được, không phải do âm thanh có thể tìm được, mà do cái rõ biết hình sắc và âm thanh mà chúng ta khéo có thể hay ra được sự thật đang rõ biết đó.

Chúng ta nhìn thứ nhất là không trụ riêng, thứ hai nhìn một hồi là mất mình. Mình không phải người đang thấy và vật bị thấy. Khi mất mình và người thì lúc đó ngã mất, pháp mất tức là Như Lai hiện tiền. Nếu chúng ta nhìn còn có mình, còn có người, còn có hình sắc, là cái đang bị thấy nó vẫn còn là hai, còn ngã còn pháp thì Như Lai mất. Thấy làm sao mất mình, nghe làm sao không còn mình nữa là lúc đó Như Lai hiện tiền.

Điều này dễ tập. Chúng ta thả lỏng mình hoàn toàn,

mở mắt ra đừng trụ đâu hết là tất cả mọi cái đang được sự rõ biết của Như Lai. Như Lai đang hiện tiền nhưng chúng ta đâu chịu hiện tiền ngay chỗ đó, mình muốn khác, mình muốn có mình, nhìn không có mình là không được. Cho nên tập thấy, tập nghe mà không khẳng định mình đang ở đây, vật ở đằng kia, để tự xóa mình từ từ. Mình có gợn lên chút mình khác với sự vật thì mình khéo biết để nó mất đi sự phân biệt này, mất đi sự khẳng định mình là trung tâm điểm của mọi cái, tự động mình tan thành mọi cái.

Khi tượng Phật tan thành cái bàn, tan thành lá hoa, thì mình sẽ hết đối tượng, lúc đó là Như Lai. Nếu thấy còn gom lại một cục là mình ở đây thì thành chúng sanh. Muốn thành Phật hay thành chúng sanh dễ không? Rất dễ! Chỉ cần một sát na tâm là Phật và chúng sanh thay đổi ngôi thứ liền. Khéo một chút là thành Phật, không khéo là chúng sanh.

ĐOẠN 27: KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT

Này Tu Bồ Đề, nếu ông khởi nghĩ thế này, Như Lai chẳng do các tướng cụ túc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, Như Lai không do tướng cụ túc mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi cái nghĩ này.

Vì cớ sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt.

Trong Kinh nói Như Lai có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, Đức Phật có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nếu người nào đời đó không có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp thì người đó không thể chứng Phật quả. Nhưng có phải do có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mà chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Ngôn ngữ chúng ta dễ bị lừa.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Long Nữ muốn thành Phật thì bay qua đỉnh núi khác, trong khảy móng tay chuyển thân đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mới được thành Phật. Ở đây Đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề, ngươi không thể do tướng cụ túc mà thấy Như Lai. Mặc dù ta có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nhưng muốn thấy cái thật của ta không phải là cái này. Quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không phải là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, điều này đúng. Thân vật chất phước báu của Đức Phật nó chỉ là hiện tướng thôi, nhưng quả vị tu chứng

nó không phải hiện tướng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, chúng ta nên hiểu điều này. Không phải do tướng đầy đủ đó mà nhận Như Lai. Nếu chúng ta nhìn hình Đức Phật đẹp mình cho đó là Đức Phật, thì quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Đức Phật thì chúng ta sai lầm. Chúng ta chấp trên tướng để thấy Phật là đã lạc đường tà. Do nơi sắc mà tìm Phật là sai.

"Tu Bồ Đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi cái nghĩ này. Vì cớ sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt."

Ví dụ mình thấy có vọng tưởng là thiệt, mình tu một thời gian thấy bặt hết vọng tưởng để mình có thể chứng đạo, mình cho rằng vọng tưởng không còn ở nơi mình, là chúng ta đã rớt vào pháp đoạn diệt, thì không thể chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hoặc thân này với cái nhìn của phàm phu là hết rồi, nếu chúng ta còn thấy có thật thân, thì chúng ta thấy có thật sanh sẽ thấy thật diệt. Còn chúng ta không thấy có thật thân, thì chúng ta không thấy có thật sanh sẽ không thấy thật diệt. Cái thân hình của mình khi chụp là cao khoảng một mét sáu, thì khi thân này trở về với tứ đại cái hình này vẫn còn, đó là cái phách của mình, vì chúng ta cố chấp rất sâu nặng. Từ vũ trụ mênh mông hình thành vật chất, ban đầu khi mình gá vào thai mình mới là vật cực nhỏ, dùng kính hiển vi rọi mới thấy mình, lúc đó những tế bào nhỏ đã có vòng hào quang nhỏ bao bọc lấy nó, nó chấp vòng hào quang đó là nó. Hạt cát nếu chúng ta nhìn kỹ nó cũng chấp đó là nó, nó là ảo. Tế bào ban

đầu nó đã chấp nó là mình, là có ảo ngã riêng. Từ tế bào này nó mới sanh sôi nảy nở thành hai tế bào, thành bốn tế bào, thành tám tế bào, thành mười sáu tế bào, mỗi tế bào lại có ảo ngã tiếp tục. Cho tới khi nó thành thân này là hàng tỷ tế bào là hàng tỷ ảo ngã chấp trước để gom thành ảo thân này. Mỗi ảo ngã có một hào quang nên thân này có một cái vòng sáng, mà mắt phàm không thấy, nhưng chụp hình là ra.

Lúc mình vui tươi khỏe khoắn, tâm khởi yêu thương mọi người thì hào quang trắng rất đẹp. Tự nhiên mình giận lên muốn giết người kia thì hào quang biến thành màu tím bao quanh thân. Người ngộ đạo nhìn hào quang đó họ thấy tâm mình. Từ não bộ chúng ta phát ra loại sóng từ nó biến màu liên tục. Khi chúng ta thương yêu mọi người bằng tâm từ bi thực sự, thì phóng ra luồng hào quang rất sáng. Vòng hào quang đó nó xoay vòng vòng cuộn cuộn quanh thân chúng ta, mình muốn giết bà kia cho chết thì hào quang biến thành màu tím. Toàn thân chúng ta bị nhuốm màu tím, nó tác dụng trực tiếp tới cơ thể chúng ta. Một phần nó ảnh hưởng trực tiếp tới cơ quan nội tạng làm cho nó xấu đi, bị hạ năng lượng xuống rất nhiều. Nếu nhiều tâm xấu ác nó sẽ phát năng lượng nóng bức khó chịu ra, đồng thời nó sẽ lan tỏa ra ngoài môi trường sống nó làm đen một vùng chúng ta đang ở, ảnh hưởng tới khí xung quanh mình.

Trong hội trường, nếu chúng ta đóng tất cả các cửa lại rồi khởi nghĩ giết nhau thì một hồi chúng ta nghe ngộp từ những tâm ác ấy nó tạo thành khí đen nguyên cả hội trường. Nhưng nếu chúng ta tác ý thương yêu nhau dù nhà đóng kín đi nữa chúng ta cũng nghe cảm giác nhẹ nhàng êm ái. Một ý nghĩ tốt hay xấu nó tác động trực tiếp đến cơ thể mình, nó làm

biến dạng cơ thể mình, đồng thời nó lan tỏa ra làm xấu môi trường. Vùng nào có tranh giành cướp bóc, nếu chúng ta là người tu tới đó thì không thể chịu nổi lâu từ trường ở đó. Còn ở chùa mình có cảm giác yên, là từ trường đó phù hợp với cái đang có của chính mình. Nên khi đến chỗ khác môi trường một là từ trường xấu phá mình chịu không nổi, hai là mình bị cuốn theo. Do đó khi bước vô chợ rồi là tự nhiên ham muốn khởi lên. Ở nhà không muốn mua sắm gì nhưng ra chợ một hồi là mua cái này cái kia xách về nhưng không xài. Vì chúng ta bị cuốn theo từ trường ham muốn của những người ở chợ.

Mỗi tác ý của chúng ta phát ra loại sóng trường, nó không nằm tại chỗ mà nó vận chuyển mãi trong không gian không mất, nó còn hoài, chúng ta tưởng nó qua rồi mất là chúng ta rớt vào pháp đoạn diệt, nhưng nếu nó còn hoài thì rớt vào thường kiến của ngoại đạo. Nó không còn hoài ở đây, nó vận hành trong không gian nhưng không mất, thì không phải thường cũng không phải đoạn, không phải sanh cũng không phải diệt, thì người đó mới thoát khỏi thường kiến và đoạn kiến.

Những ý niệm khởi ra trong đầu chúng ta là mất hay còn? Mất làm sao và còn làm sao, nếu giải thích không ra là rớt vào thường kiến và đoạn kiến. Bây giờ mình dạy cho người khác tu diệt trừ hết những ý niệm là rớt vào đoạn kiến. Ngôn ngữ chúng ta là loại sóng âm được khuếch tán mạnh ra, để thành sóng âm mà người khác có thể tiếp nhận được. Nhưng ngôn ngữ não bộ chúng ta là một loại sóng âm thấp, nó chưa được khuếch đại cho nên người khác không nghe nỗi. Nhưng sóng âm này nếu được phát ra thành âm thanh, cũng như sóng âm dao động trong não bộ chúng ta cũng đều dao động giống

nhau. Như một người đang mệt nếu đo điện tâm đồ thì nó sẽ cất cao lên, người bình thường thì nhịp dao động bình thường. Chúng ta nói lời nào thì hàng tỷ năm sau nếu họ muốn thâu lại cũng được.

Nếu khoa học phát triển đến độ cao nó không đủ sức rà nổi tần sóng kia, nhưng nếu nó rà được tần sóng của Đức Phật, sẽ nghe được tất cả lời nói của Đức Phật, họ khuyếch đại âm thanh trở lại để mình có thể nghe đúng lời Đức Phật nói. Và hình dáng Đức Phật trong kiếp đó vẫn còn nguyên trong không gian này, phách vẫn còn. Họ có thể chụp được những chỗ Đức Phật ngồi thiền, Đức Phật đi Kinh hành và chụp được hình bóng đó. Nhưng điều này không dễ.

Nếu một người thấy hết mọi việc rồi là họ thốt lên một câu: Không phải Tự Tánh bất sanh bất diệt mà vạn pháp này cũng chưa từng sanh diệt. Không có cái gì sanh, không có cái gì diệt, thì mới thoát khỏi thường kiến và đoạn kiến, không rớt vào pháp đoạn diệt. Ai dạy pháp tu tập dứt trừ vọng niệm để biến thành không, là người đó đang đi theo con đường ngoại đạo, vì rớt vào đoạn diệt. Có một cái gì qua mà nó mất thực sự với chính mình, thì người đó rớt vào pháp đoạn diệt, nên một mảy may nhân quả cũng không mất. Một ý niệm xấu của mình phát ra nó còn hoài trong không gian.

Chúng tôi dự đoán sau này khoa học phát triển điều tra tội phạm không cần đánh đập, hỏi cung, họ chế ra một loại máy có thể đo được dao động sóng não của mình. Khi đó họ sử dụng một loại ống nghe như bác sĩ nghe hơi thở đặt lên đầu mình, thì sự rung động sóng âm đó họ bắt được, ngay đó họ rà ngược lại, vừa rà vừa thâu vào trong máy. Ví dụ hôm qua mình bàn đi ăn trộm kiểu gì, leo rào kiểu nào, thằng nào vô

cửa trước, thằng nào vô cửa sau, thằng nào lấy đồ. Nó khuếch đại âm thanh rồi mở cho mình nghe, là tự thú trước bình minh khỏi cần đánh đập.

Cho nên chúng ta thấy không có pháp nào sanh ra mà mất, nó không tồn tại ngay tại đây, tức là nó không thường hằng tại đây, do nó vô trụ nên nó không dừng chỗ nào, nó dao động nhưng nó không mất. Thành ra vô thường chúng tôi định nghĩa là một sự dịch chuyển vị trí, một sự thay đổi hình thể, từ nhỏ tới lớn, từ lớn thành nhỏ. Không phải vô thường là sanh ra lớn lên và hoại diệt. Ai thấy vạn pháp có thể mất trước mắt mình, thì người đó đã mang kiến giải đoạn diệt, rớt vào ngoại đạo. Nếu người tu không đủ kiến giải để thoát ra thường kiến và đoạn kiến là chúng ta đang theo ngoại đạo, không phải theo đạo Phật. Chánh kiến của đạo Phật khó có người đạt tới, vì nói tới nói lui là có cái này mất cái kia mất, khó chạy đâu mà thoát đoạn kiến.

Đức Phật sợ sau này chư Tăng rớt vào chuyện này, cho nên Đức Phật nói người tu theo đạo Phật không nên nói Pháp đoạn diệt, vì không có gì qua mà nó mất cả. Một ý niệm khởi của mình liền có nhân, có quả, có tội, có phước, không phải chỉ có trong lời nói và hành động. Một điều lạ lùng chúng ta sanh tử vô lượng kiếp, nếu thật sự mất thì phút chứng đạo không bao giờ chúng ta chứng được Túc mạng thông. Người chứng đạo gần như quay ngược cuồn phim đã quay mấy ngàn kiếp, mở chiếu coi mỗi đời mỗi đời mỗi đời làm sao dều thấy hết. Mỗi đời chúng ta là một tập phim dài, nó còn lưu trữ trong kho tàng không gian này, không mất mảy may nào.

Các vị đã chứng Túc mạng thông không phải chỉ thấy cuồn phim của mình, mà thấy tất cả cuồn phim của tất cả

những người khác. Mỗi đời người đó sanh ra làm sao, mặt mũi làm sao, ăn nói kiểu gì, học hành làm sao, bệnh hoạn làm sao, chết làm sao thấy hết không sót một chút nào. Khoa học cũng có khả năng làm được điều này, nhưng họ không làm giống như người tu đạo Phật chứng quả. Ví dụ, họ có thể đo não bộ của mình đang rung động như vậy, nó bắt được tần sóng này, bắt được loại âm thanh đang nói này họ phăng ngược một ngày, hai ngày, ba ngày. Nhưng phăng ngược một ngày mất 24 tiếng nên nó chế ra loại máy nhanh hơn, có thể nó thâu một ngày của mình theo dao động nhanh hơn một chút là 12 tiếng, có giỏi lắm là 1 tiếng họ phăng ngược tới mình 4 tuổi, vì từ 1 tới 4 tuổi não bộ mình chưa ghi bóng nên lúc đó ảnh bị mờ. Dù cho họ giỏi vượt qua 4 tuổi, tới 1 tuổi, thì tới bào thai họ cũng bít đường qua. Vì máy khoa học không đủ sức xuyên phá tầng sanh tử của mình. Nhưng với trí tuệ của người chứng đạo thì chỉ trong chớp mắt thấy tới tám muôn bốn ngàn kiếp. Nên trí tuệ Phật đạo luôn là bậc thầy của khoa học về nhiều mặt.

Đối với Kinh Bát Nhã, Đức Phật đã thấy các pháp đương thể là không, vượt qua cái không thấy các pháp là Như. Khoa học phát triển tới tầm, họ lấy phân tử viên kim cương đưa vào máy đo dao động của viên kim cương là mười lũy thừa mười vận tốc ánh sáng, họ liền kết luận vật chất là chân không. Nhưng Đức Phật thấy các pháp là Như, là bất sanh bất diệt, khoa học không thể đến nỗi chỗ này. Người tu đạo Phật sẽ chứng minh có đời trước, trước khoa học một cách rất rõ ràng. Còn khoa học không đủ sức chứng minh một người đời trước, họ chỉ suy diễn thôi. Đạo Phật thấy rất rõ ràng một người chết đi đâu về đâu, còn khoa học chỉ chụp được cái

bóng thôi.

Nghiên cứu tới loài người thì khoa học còn xa, phải nhờ sự dẫn khởi của nhiều người hiểu biết đạo Phật thì mới hy vọng họ đi sâu vào con đường tâm linh. Ví dụ đạo Phật đã thấy sóng màu phát ra từ não bộ con người, nhưng khoa học chưa đủ sức thấy. Do thấy sóng màu cái phách bao quanh thân, thì sau này những người tu đạo Phật có khả năng trị bệnh người ta không cần thuốc men. Ví dụ, lúc người này nhức đầu thì cái phách nó méo méo chỗ vùng đầu, họ đưa tay xoa xoa cho nó tròn lại thì hết nhức. Hoặc có khối u trong bao tử thì vùng đó phách bị đen, người ta sửa phách này, dùng tay xoa xoa cái đen thì khối ung thư trong kia hết. Một thời gian nữa sẽ có y học trị bệnh bằng phách con người xuất nguồn từ đạo Phật, chứ khoa học chưa tới.

Phách báo được tình trạng cơ thể trong từng khoảnh khắc một. Phách rất nhạy cảm, mình buồn và sức khỏe yếu phách nó bó lại, tâm trạng chúng ta buồn theo kiểu gì thì nó hiện ra màu đó, nó phát sóng ra não bộ và nó nhuốm sáng cái phách bao thân. Phách có năng lượng có thể làm hưng khởi thân mình lên, hoặc làm yếu thân mình xuống tùy tâm trạng của chúng ta. Cho nên trị phách là đụng chạm tới thức, tức là trị tới tâm, mà tâm quyết định mọi cái hưng suy của thân này. Trị phách là chạm tới tâm thức, mà chạm tới tâm thức là chỉnh được cái phách, chỉnh được phách là chỉnh được sức khỏe của toàn thân.

Khi nhập định sâu họ sẽ hạ não bộ mình xuống âm 50 độ hezt sẽ biết được người ta đang suy nghĩ gì. Khoa học sẽ chế được máy này và họ mò được ý nghĩ mình. Hạ xuống âm 40 độ hezt họ sẽ nhận được phách bao quanh thân mình và họ

thấy sóng não mình dao động để chuyển màu. Trong một phút thôi mình có rất nhiều ý nghĩ xảy ra nơi não bộ, có rất nhiều loại sóng màu xảy ra nơi tâm thức, nó biến đổi màu rất nhanh thay đổi ít nhất là mười đến hai mươi lần. Người mà tâm dao động chừng nào nó sẽ làm phách biến loạn nhiều chừng đó, cho nên mình bị mệt mỏi, năng lượng cơ thể bị xáo trộn. Còn nếu một người bình yên, tâm tốt, phách sẽ trong, trắng sáng ra, làm cho tế bào cơ thể được bình yên, cho nên sức khỏe tốt, khí sắc rạng ngời tươi ra. Khi người sầu khổ thì biến sắc, đầu tiên nó ảnh hưởng phách rồi mới tới vật chất. Điều này khoa học khám người không cần đặt ống nghe trong cơ thể, không cần chích thuốc.

Người mạnh khỏe thì nguyên thể phách tròn trịa rất đẹp. Khi chúng ta nằm để bị lép cái phách của mình, nhất là nằm ngủ ngửa trên ván cứng không thoát khí thì vận hành thể phách cũng bị lép, khiến một phần phân nửa sức khỏe qua một đêm không tốt. Cho nên Đức Phật mới dạy nằm kiết tường nghiêng một bên, để cho mặt sau mặt trước phách được tròn, không bị bóp méo. Nhất là trên đầu giường có kiếng thì nên gỡ bỏ, tại vì phách nó không xuyên qua kiếng, vì phân tử kiếng khít quá, tường thì nó có thể xuyên qua được nên phách không bị méo. Đầu cũng nên cách xa tường một chút, đừng có miếng chặn vì lâu ngày sẽ ảnh hưởng tới não. Phần đầu phải để trống ít nhất năm tấc để khi tâm chúng ta yên, phách sẽ trương nở ra nó hấp thụ từ trường của vũ trụ nuôi lại thân. Một giấc ngủ giống như cơn sạc điện vậy, thân mình mà tròn được cái phách thì ngày hôm sau mình khỏe, còn phách không tròn hôm sau mình sẽ yếu. Một người học Phật, tập đi, tập đứng, tập ngồi thiền, tập ăn, tập uống, tất cả mọi thứ mà giống

Đức Phật thì người đó ít bệnh tật. Nếu giữ oai nghi tế hạnh phù hợp với sinh hoạt Đức Phật hằng ngày khó có bệnh.

Người tu bình thường nên cố gắng tìm học Phật đạo để mình thoát khỏi đoạn diệt. Nếu ai nói diệt được một ý niệm là rớt vô đoạn kiến. Không có ý niệm nào mà chúng ta có thể diệt được, không có pháp nào mất, cho nên nhân quả không thể mất một mảy may. Một đầu cọng lông nhỏ xíu cũng không mất trong vũ trụ này. Cho nên một ý niệm xấu của mình nó kết thành ân oán với người khác, một ý tốt của mình nó kết thành ơn nghĩa người khác. Ân oán và ơn nghĩa nó chỉ là thay đổi ý niệm. Nếu biết cách thì sẽ giữ được mình trong sáng trong cái thấy biết thì phước sẽ tăng. Cho nên trong Kinh nói một câu niệm Phật là tiêu trừ hằng hà sa số tội. Lý do nào tiêu trừ được? Đó chính là cái chỗ không mất này nó làm nên phước báu của mình.

Ví dụ bây giờ chúng ta đang niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì dao động sóng âm A Di Đà Phật còn hoài, trở thành khí mát dịu, đi hoài trong không gian, tới cõi mấy người xấu đánh đấm nhau, khổ sở với nhau, sóng âm này tới sẽ xoa dịu được một khoảnh khắc, nơi này sẽ bớt đi sự giết chóc hiềm thù nhau, tự động mình có được một chút phước.

Hoặc sóng âm đi hoài trong không gian, tới một vùng có người đang đau khổ, bức bách khó chịu mà chạm được sóng này làm họ nhẹ đi một chút, là mình có thêm chút phước. Sóng âm nó còn hoài, cho nên người thường xuyên nghĩ thiện thì thứ nhất nó sẽ biến đổi nâng cấp thể chất và tinh thần riêng của mình trước, thứ hai nó sẽ ảnh hưởng đến vũ trụ mênh mông này. Nếu nghĩ thiện nhiều thì phước báu chúng ta tăng nhiều, nghĩ thiện ít phước báu chúng ta tăng ít. Nếu thuần

thiện thì phước chúng ta tăng không biết chừng nào cho hết. Vì mình nói điều thiện cho một người nghe hay bao nhiêu người nghe thì phước có chút xíu, mà sóng đó đi khắp không gian nên phước báu cũng lớn theo thời gian năm tháng.

Khi còn trong giai đoạn hành hạnh Bồ Tát, giữa phước và trí không cân phân, có khi chúng ta nhìn thấy một vị Thầy hoặc vị Ni sư hành hạnh Bồ Tát nào đó họ có phước báu tràn trề, họ rất giàu trong thế gian này cả về vật chất, họ muốn điều gì có điều đó, nhưng chưa hẳn người đó có trí huệ. Ngược lại, có những người rất giỏi, trí huệ rất thông nhưng họ vẫn thiếu thốn vật chất, nhưng đến đời cuối để thành Phật thì vị này tròn đủ hai hạnh này, người đó phải hiện đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

Trong lịch sử Đức Phật, khi nghe Đức Phật thành Phật rồi, các vị ngoại đạo tìm đến muốn nhìn thấy ẩn tướng của Đức Phật, mà Đức Phật thì không hiện tất cả những ẩn tướng đó ra được. Tướng lộ bên ngoài của Đức Phật là đảnh nhục kế, ngay như đệ tử thần thông đệ nhất của Đức Phật là ngài Mục Kiền Liên, vận thần thông bay hoài để lạc qua cõi nước khác vẫn không thấy được. Đó là một trong những quý tướng của Đức Phật. Nhưng tướng đẹp thường hay nhắc nhất là tướng lông trắng giữa chặn mày của Đức Phật.

Khi người nào trong cõi này xưng là Phật, thì điều chúng ta dễ nhận nhất là coi người đó có lông trắng giữa chặn mày không, nếu không có thì chúng ta không tin người đó thành Phật trong đời này. Thứ nữa, là Phật có tướng lưỡi rộng dài, le lưỡi là đụng tới chân tóc, thể hiện nhiều kiếp Đức Phật chưa bao giờ có lần nói sai sự thật. Các vị khi hành hạnh Bồ Tát nhiều đời nhiều kiếp nói được pháp chân thật không hư

hoại, thì người đó mới có tướng lưỡi rộng dài. Đức Phật còn một số ẩn tướng khác như chữ Vạn ở ngực, bàn tay có màng lưới, và khi Đức Phật để tay xuống là dài quá gối v.v…

Trong Kinh Pháp Hoa, Long Nữ đang là nữ muốn thành Phật thì phải bay qua cõi khác, chuyển thành thân nam đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, mới được thành Phật. Đó là quy luật của vũ trụ, người nào muốn thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không thể thiếu một tướng quý nào, nếu thiếu tướng quý là phước và huệ chưa tròn. Đức Phật thành Phật được gọi là bậc Lưỡng Túc Tôn, nghĩa là phước đức và trí tuệ tròn đầy. Phước Đức Phật không thể nghĩ bàn mà ngôn ngữ người phàm không bao giờ diễn tả được hết.

Trong Kinh Phật Tạng, Đức Phật để lại thế gian năm trăm bạch hào. Giá trị một bạch hào bằng Tam thiên đại thiên thế giới này nhân mười lần. Tất cả vàng bạc, xa cừ, pha lê, san hô, hổ phách, trân châu cộng thêm tất cả các báu của cõi trời gom lại chưa bằng một bạch hào của Đức Phật dành cho những người tu theo đạo Phật. Đức Phật dặn những người tu theo pháp của ta, dù xuất gia hay tại gia tu đừng có tâm sợ thiếu thốn về vật chất. Dù trên non cao nếu hành đúng pháp Đức Phật vẫn không bao giờ chết vì đói. Từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay, những Tăng Ni và phật tử tu theo đạo Phật xài chưa được một phần tỷ một bạch hào của Đức Phật để lại, như vậy phước báu Đức Phật còn để lại thế gian này rất lớn.

Về trí tuệ Đức Phật, Long Nữ khen Đức Phật một câu mà thế gian này chưa ai khen được: *"Đức Phật là đấng thấy rõ tướng tội phước."* Một câu nói đã thể hiện trọn vẹn trí tuệ của Long Nữ, và ca tụng đúng mức về trí huệ Đức Phật. Trí

huệ của Đức Phật như thế này, ví dụ học nhân quả thì tạo ác sẽ bị quả báo ác, làm lành sẽ có quả báo lành, chúng ta có thể suy diễn, nếu một người cúng dường Tam Bảo thì đời sau sẽ được sanh vào nhà quyền quý, được giàu có sung mãn, hoặc làm phước lớn chút nữa như cúng dường Tăng Ni, xây dựng chùa chiền, sẽ được phước sanh về cõi trời v.v… Tất cả những điều đó chúng ta suy luận theo các kiến thức hiểu biết thôi. Còn Đức Phật đối với nhân quả, Ngài thấy như thấy một vật trước mắt một cách tường tận rõ ràng không qua kiến thức suy luận.

Có một vị Tăng đi theo Đức Phật, sau khi vị này tịch rồi, ngài A Nan lại hỏi: *"Thưa đức Thế Tôn, vị này chết sanh đi đâu?"* Đức Phật trả lời liền, là ông này phước đức như vậy, tu hành công phu đến mức độ đó, cho nên sanh về cõi đó, tên gì, sống thọ bao lâu, đời kế như thế nào v.v… Đức Phật thấy rất rõ tất cả chúng sanh sanh tử thế nào trong tam giới này rất tường tận.

Một vị A La Hán nếu muốn biết cuộc đời của chúng ta, các vị có thể biết liền tại chỗ, và nếu muốn biết trước nữa thì tới tám muôn bốn ngàn kiếp trở lại đây thôi, không có khả năng biết hơn. Mỗi lần vị A La Hán chỉ biết có một người. Nhưng nói về Túc mạng minh hoặc là Thiên nhãn minh của Đức Phật thì vượt tầm A La Hán. Đức Phật thấy hằng hà sa số kiếp của tất cả chúng sanh một lượt, không phải thấy một lần một người. Cả chúng hội ở đây trong thoáng chốc Đức Phật biết hết nghiệp tập sanh tử của tất cả chúng ta, nhưng nếu mình lắng tâm thanh tịnh coi chừng các vị A La Hán nhìn không ra, còn Đức Phật thì khác, chúng ta lắng tâm cỡ nào Đức Phật cũng thấy. Không phải chỉ chúng sanh trong Pháp

hội này mà khắp pháp giới mười phương này nếu có mưa một lượt, Đức Phật sẽ đếm chính xác không sót một giọt mưa nào.

Khi Long Nữ khen Đức Phật biết rõ tướng tội phước, chúng ta hiểu như thế này: Trong cõi Ta bà, chớp mắt Đức Phật thấy rõ nghiệp hiện tại của một người, do nụ cười này, mái tóc đó, tướng đi đó, đang vì nhân quả gì mà mang hình tướng đó. Đức Phật sẽ thấy mang thân này sống bao lâu, trước khi chết sẽ bị cái gì, chết kiểu nào, sanh đi đâu, kiếp kế tiếp như thế nào, kiếp khác như thế nào cho tới tu như thế nào chứng quả gì, ngày nào được định, ngày nào thất định, ngày nào phiền não, ngày nào vui, ngày nào buồn. Tất cả những chi tiết nhỏ nhất của hằng hà sa số kiếp Đức Phật nhìn thấy không sót một mảy may.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên, ngài Tu Bồ Đề ngày nào thành đạo chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, các vị không thể chứng trước quả đó một giây, như Đức Thế Tôn thọ ký cho ngài Xá Lợi Phất rằng : "*Xá Lợi Phất! Ông đến đời vị lai, qua vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp đầy đủ đạo tu hành của Bồ Tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Xá Lợi Phất! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ còn làm vương tử chưa thành Phật. Nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho Kiên Mãn Bồ Tát mà bảo các Tỳ kheo: Ông Kiên mãn Bồ Tát này kế đây sẽ thành Phật hiệu*

là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, cõi nước của đức Phật đó cũng lại như đây. Xá Lợi Phất! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp."

Đức Phật thấy rất chính xác hằng hà sa số kiếp của tất cả chúng sanh ở mười phương pháp giới, cũng như thấy ngược lại hằng hà sa số kiếp về trước không sót một mảy may. Thiên nhãn minh của Đức Phật là cái thấy biết về sanh tử trí cũng như Túc mạng minh của Đức Phật là cái thấy biết về quá khứ của chúng sanh là không sót chút nào. Đức Phật còn thấy Lậu tận của chúng sanh nữa. Đây là điều dễ sợ nhất. Có nghĩa mình tu nhưng chưa chắc biết là bữa nay mình hết bao nhiêu phiền não, nhưng Đức Phật thấy rõ với tâm tư đó, với hiện tướng này, ánh mắt này, nụ cười này, người đang đi như vậy, đang ngồi như vậy, đang nói chuyện như vậy, người đó sẽ gặp pháp đó, tu bao lâu được định một phút, tu bao lâu được định hai phút, tu bao lâu diệt được nghiệp này, tu bao lâu diệt được nghiệp kia, bao nhiêu năm mới mất một phiền não nơi tâm, bao nhiêu đời mới chứng quả gì, Đức Phật biết không sót một phần nhỏ nào. Trí tuệ Đức Phật thấy rất rõ cho tới ngày mình chứng được Lậu tận minh, là diệt tận sanh tử trong cõi đời này như thế nào.

Khi học Phật mà chúng ta hiểu được một mảy may nhỏ nhiệm nhất trong trí huệ của Đức Phật, thì chúng ta đủ có thể quỳ gối cả đời để lạy Phật chưa cảm giác là đủ. Cho tới vạn kiếp về sau Đức Phật mãi mãi là bậc đáng để chúng ta kính ngưỡng. Đó là nói về chuyện thấy rõ tướng tội phước. Còn nói chuyện để khai mở trí huệ cho chúng sanh khắp pháp

giới này là chuyện kinh khủng nhất mà cái đầu chúng ta không thể hiểu nỗi. Nếu mình ngồi đây có hai tiếng đồng hồ để giảng một bài Pháp, thì gom đi gom lại chúng ta có thể nói được một ngàn chữ là nhiều lắm rồi. Nhưng đối với Đức Phật, chỉ cần một khảy móng tay là Đức Phật ở trong Tự Tánh thanh tịnh của mình sử dụng ngôn ngữ gốc để thuyết pháp, ngôn ngữ đó thông các cõi nước mười phương một lượt, còn mình nói tiếng Việt cho người Việt nghe, người Campuchia nghe không nổi phải có người phiên dịch. Nhưng Đức Phật ở trong Tự Tánh thanh tịnh sử dụng loại ngôn ngữ gốc thông đồng tất cả cõi nước ở mười phương một lượt. Lúc đó tất cả chúng sanh trong tất cả các cõi nghe Pháp âm của Đức Phật, giống như là chính Đức Phật nói bằng ngôn ngữ của họ cho chính họ nghe vậy, đó gọi là Phạm âm, Hải triều âm của Đức Phật.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, Đức Phật hỏi lúc Ngài nhập diệt thì ai trong cõi này có khả năng thọ trì đọc tụng để lưu bố bản Kinh này, tự nhiên có hằng hà sa số các vị Bồ Tát mười phương xuất hiện đầy trong thế gian đảnh lễ: Thưa đức Thế tôn, con nguyện sẽ gìn giữ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và lưu bố thế gian. Đức Phật lắc đầu không chấp nhận. Sau đó, trong đất có hằng hà sa số các vị Bồ Tát vọt lên một lần, mà cả hội chúng này chưa từng nghe nói một lần, chưa từng thấy, chưa từng chứng biết, nhưng Đức Phật nói đó là những đệ tử của ta. Trong số đó có những vị là Nhứt sanh bổ xứ, tức là chỉ còn một đời nữa các vị chứng quả Phật, có những vị Đại Bồ Tát, có những Bồ Tát sơ phát tâm, có hằng hà sa số chư vị Bồ Tát như vậy. Trong cõi nước Ấn Độ ngày xưa, chúng hội của Đức Phật lúc đó không hiểu chuyện này là thế nào.

Họ đâu biết là khi Đức Phật thành Phật thì từ ngôn ngữ gốc Đức Phật thuyết pháp chấn động mười phương pháp giới, mà tất cả các cõi nước, tất cả các trình độ căn cơ từ sơ tâm cho tới các vị Đẳng Giác đều nghe và hiểu đúng với trình độ căn cơ của mình. Chỉ cần một lời Đức Phật thôi, thì từ một người bắt đầu vô chùa chuẩn bị quy y Tam Bảo, tới người chỉ ba phút nữa thành Phật, đều hiểu được Phật pháp tương đồng với trình độ căn cơ đang có của chính mình.

Có những vị Đại Bồ Tát mười phương pháp giới có khi họ tu năm mươi năm, bảy mươi năm, bảy mươi đời rồi mà họ không khai mở được trí tuệ, lúc đó Đức Phật dùng ngôn ngữ Phạm âm khai mở trí huệ của họ ở cõi nước mười phương mà họ được sáng đạo. Như vậy, trong một khảy móng tay thôi, Đức Phật đã thuyết pháp khắp mười phương pháp giới, khai thị cho hằng hà sa số Bồ Tát và các chúng sanh, lúc đó Đức Phật mới có một câu trong cõi Ta bà bằng ngôn ngữ người phàm là: Này các vị Tỳ kheo… là Đức Phật đã một lần thuyết pháp khắp mười phương rồi. Đức Phật nói tiếp : Hôm nay ta nói cho các ngươi nghe… là Đức Phật đã thuyết hàng ngàn bài pháp khắp mười phương cho pháp giới nghe.

Có nghĩa ở cõi Ta bà này chúng ta nghe được một bài Pháp trong khoảng một phút thôi, là lúc đó Đức Phật đã làm Phật sự, Phật hạnh, đã dạo khắp mười phương khai thị hằng hà sa số Bồ Tát, khai thị hằng hà sa số chúng sanh ngộ đạo, thậm chí có người đã do lời dạy của Đức Phật mà chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên chúng ta có làm Phật sự cỡ nào trong cõi này chưa bằng Đức Phật làm trong một khảy móng tay, thì cũng đừng có tự hào tự đắc rằng mình làm được cái này, cái nọ. Tôi cho là cất cái chùa tới tận

mây xanh, hay giảng một thời có thể một ngàn người chứng quả A La Hán, một triệu người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vẫn chưa bằng một cái khảy móng tay của Đức Phật.

Phước đức và trí tuệ Đức Phật trùm khắp mười phương pháp giới, cho nên những người học Thiền nhất là Thiền tông, phút triệt ngộ của thiền cũng như phút nhập Phật Tri Kiến, hành giả cũng nhập trong Pháp giới tánh toàn chơn, người đó vẫn có năng lực tương đồng với bài Pháp Đức Phật đang nói. Nghĩa là phút chốc đó mình có đầy đủ Phật huệ, Phật hạnh trong thoáng chết thân ngũ uẩn. Và phút chốc chết Thân ngũ uẩn nó tan biến hết thời gian, cho nên chuyện chư Phật mười phương thuyết pháp cách đây hàng tỷ tỷ kiếp người đó vẫn biết không sót bài pháp nào, để nó khai được Phật huệ của mình, sau đó chúng ta trở lại cõi phàm. Phút giây nhập tánh, chỗ hành giả đang ở rực sáng ánh hào quang có thể thông thấu ở nhiều cõi. Phút giây đó cũng có khả năng khai thị cho các vị ở cõi khác nữa. Và ánh sáng đó được diễn tả giống như Ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật (trong Kinh Pháp Hoa), ánh sáng của Ngài chiếu khắp mười phương. Có những cõi từ xưa tới giờ tối tăm, do ánh sáng đó mà các chúng sanh trong cõi đó được thấy nhau. Đó là sự thật của người nhập Tánh, nhập Phật Tri Kiến theo đúng nghĩa Kinh Pháp Hoa.

Chúng ta thấy rằng khi một người có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thì người đó, theo trong Kinh diễn tả, nếu như ở tại thế gian thì làm Chuyển Luân Thánh Vương, còn nếu người đó đi tu thì sẽ thành Phật. Đoạn trước Đức Phật nói: *"Nếu do sắc thấy ta. Do âm thanh cầu ta.*

Người ấy hành đạo tà. Không thể thấy Như Lai". Đức Phật sợ chúng ta hiểu lầm rớt vào pháp đoạn diệt, cho nên đến đoạn này Đức Phật mới nói là: *"Ngươi không thể nghĩ Như Lai do có tướng cụ túc mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."* Có nghĩa muốn thành Phật trong cõi này thì phải đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, điều đó không thể thay đổi được trong cõi nước mười phương này. Cho nên tâm nào sẽ hiện tướng đó, tức là đời cuối cùng thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải hiện ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, không thể thiếu một tướng nào khác. Nếu có tướng nào khiếm khuyết thì đời đó vẫn tiếp tục là Bồ Tát, không thể thành Phật được. Cho nên ai trong cõi này xưng là Phật thì chúng ta nên xem có tướng lông trắng giữa chặn mày và tướng lưỡi rộng dài có le dài đụng chân tóc chưa.

Đức Phật bác để một người học Phật không bị vướng vào âm thanh sắc tướng, vướng vào thì người đó chắc chắn không thấy Như Lai Tự Tánh. Mắt thường chúng ta một lần thấy có sắc thì nó là hình sắc với chính mình, nhưng mình cho nó là sắc và ở nơi đó mình tìm Như Lai thì xem như chúng ta đi lệch đường. Cho nên mắt thấy sắc, mà lúc đó sắc không phải là sắc thì hy vọng thấy Như Lai. Sắc không phải là sắc thì mới thật là sắc. Nhưng cái không phải sắc thì nó là cái gì? Khi chúng ta hiểu không phải sắc nó là cái gì của sắc, thì chúng ta mới thấy cái thật sắc. Còn bây giờ mình nói sắc này không phải sắc thì nó là cái gì? Chúng ta phải thấy được Tự Tánh ở nơi mình thì lúc đó mình mới thấy sắc thật. Điều này, khi chúng ta học Kinh Bát Nhã: "Sắc tức thị không, không tức thị sắc", chúng ta sẽ rõ.

Đoạn trước Đức Phật không cho chúng ta thấy sắc, không thể tìm Như Lai trên sắc tướng âm thanh, nếu không phải sắc tướng âm thanh thì coi như chúng ta dẹp bỏ cắt hết sắc tướng âm thanh, như vậy Đức Phật không đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp thì chúng ta rớt vào Đoạn diệt. Thế nên chúng ta không thể nào suy nghĩ, đâu cần phải có hình sắc mà thấy Đức Phật thì là điều sai lầm. Đã là Phật trong đời đó thì phải có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

"Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi nghĩ cái này. Vì cớ sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt." Ví dụ mình thấy có vọng tưởng nhiều nên cố gắng ngồi thiền để được định, diệt trừ những ý niệm phiền não. Mình tin chắc rằng có một pháp nào để mình diệt được phiền não, thì chúng ta rớt vào pháp đoạn diệt. Hoặc chúng tôi nói một tiếng rồi dừng, thì âm thanh ngay tại đây không còn nữa, vậy âm thanh có mất không? Chúng ta phải thực tế để thấy lại, nếu chúng ta hiểu được âm thanh này thì chúng ta sẽ hiểu được lý vô thường và hiểu được lý vô trụ của đoạn Kinh trước. Nếu âm thanh còn thì như thế nào? Còn ở đâu? Khi một người hiểu Phật pháp đến chiều sâu thực sự thì họ thốt rõ ràng các pháp từ xưa đến nay chưa từng sanh chưa từng diệt. Còn người mới học Thiền họ cho rằng Tự Tánh bất sanh bất diệt, còn các pháp sanh diệt thì người đó mới thấy được phân nửa.

Lục Tổ Huệ Năng khi còn là anh chàng cư sĩ họ Lư đi bán củi, nghe tụng câu: *"Bất ưng trụ sắc sanh tâm. Bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi*

sanh kỳ tâm", Ngài ngộ liền và nhận được cái từ xưa tới giờ không dính nhiễm, Ngài nói bài kệ: *"Xưa nay không một vật. Chỗ nào dính bụi bặm?"* Ngài nhận được cái thanh tịnh không nhiễm nhơ trong pháp trần này, đủ cho chúng ta cúng cơm rồi. Đến khi nghe Ngũ Tổ giảng lại trong thất riêng, lúc đó Ngài à lên tiếp tục: *"Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự thanh tịnh. Đâu ngờ Tự Tánh vốn không sinh diệt. Đâu ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ. Đâu ngờ Tự Tánh vốn không giao động. Đâu ngờ Tự Tánh hay sanh muôn pháp!"* Sau những câu nào ngờ này chứng tỏ cư sĩ họ Lư triệt ngộ, lúc đó mới đủ tư cách nhận Pháp y, được truyền thừa y bát, làm Tổ thứ sáu. Như vậy một người đã thấy chỗ xưa nay không một vật rồi mà vẫn không được nhận y bát, phải đợi giã gạo tám tháng đến khi à lên năm cái nào ngờ mới được nhận. Thật ra Ngài đã nhận được cái bất sanh bất diệt ngay từ đầu, sau khi được khai thị thì nói năm cái nào ngờ. Để thấy khi người đó thấy trọn vẹn Tự Tánh thì người đó cũng thấy hết được tất cả pháp trần.

Tới giai đoạn cuối đời của Lục Tổ Huệ Năng, có một đạo sĩ tên là Ngọa Luân, ông nói:

"Ngọa Luân thật rất tài
Thường đoạn trăm tư tưởng
Thấy cảnh tâm không the.
Bồ đề ngày ngày lớn."

Hết sức tuyệt vời đối với người bình thường, họ tự thấy mình tu rất giỏi, đi đứng nằm ngồi rất tài năng, thường đoạn trăm tư tưởng. Bất kỳ một ý niệm nào phát khởi là ông đoạn trừ được. Và thấy cảnh tâm không theo, giữ lục căn thanh tịnh, thì người này không phải tầm thường nên Bồ đề

ngày ngày lớn.

Lục Tổ Huệ Năng trả lời:

"Huệ Năng chẳng có tài
Không đoạn trăm tư tưởng
Thấy cảnh tâm liền theo
Bồ đề làm gì lớn."

Lục Tổ phải nói cuối đời mới đủ khả năng nói bài kệ này, người bình thường nói bài kệ này coi chừng xuống địa ngục ở. Chúng ta thấy Lục Tổ không hề tu tập, và chưa từng đoạn trăm tư tưởng nào, vì nếu thấy có một tư tưởng đi qua mà mất thì rớt vào đoạn kiến ngoại đạo. Người ngộ Thiền mà thấy có một pháp gì có thể mất được với chính mình, thì người đó liền rớt vào đoạn kiến. Và ngược lại nếu thấy một pháp nào còn hoài thì rớt vào thường kiến. Chúng ta phải thực khéo vì người tu khó thoát được thường kiến và đoạn kiến.

Bây giờ mình ngồi thiền để làm cái gì? Tu đúng không? Tu để làm gì? Là dứt trừ nghiệp tập phiền não đúng không? Ngồi chờ phiền não lên là chặt, lên là chém. Sau khi khởi một ý niệm lên thấy là mình chặt được, mình trừ được, mình diệt được là chúng ta đang hành pháp đoạn diệt, là theo đường tà, không phải đường Chánh pháp của Như Lai.

Cho nên những người đang tu thiền chúng ta phải dè dặt. Ai nghĩ rằng tôi ngồi một thời tâm tôi yên, tôi bặt hết vọng niệm, tôi diệt hết vọng niệm, tâm tôi thanh tịnh, tôi được định, thì cái định lặng lẽ đó, cái định rỗng lặng đó, không phải định Đức Phật muốn nói. Ở Kinh Kim Cang và tất cả các bản Kinh Đại thừa, Đức Phật không nói về chuyện này, mà Đức Phật muốn nói tới thường tại định, nghĩa là nhảy múa la hét cũng định, không phải ngồi bặt dứt mà định. Chúng ta có cãi nhau

hai tiếng đồng hồ mà vẫn ở trong định, thì định đó là Phật định, đó mới là định Đức Phật muốn nói.

Nếu có một chút nào mà không định được, có hoàn cảnh nào không định được, người ta đang khóc hay đang cười vẫn định được, nhưng mình đang khóc không định được, đang cười giỡn mà không định được là người đó không phải ngộ đạo thiền. Còn nói chờ tôi ngồi yên lặng hai tiếng đồng hồ tôi định thì định đó không phải là Phật định, mà coi chừng bị lệch đường tà là rớt vô vũng bùn khô kiệt, là đi vô hang cùng ngõ hẹp. Đó là điều mà người tu chúng ta phải thấy.

Khi chúng tôi phát âm ra quý vị nghe và nhận biết được âm thanh chúng tôi đang nói. Nếu chúng tôi dừng nói thì âm thanh nó không còn ở vị trí này, nhưng nó sẽ mãi mãi dao động sóng âm trong không gian kia. Điều kỳ lạ âm thanh được kết nối từ nhiều kiếp của chúng ta cho tới đời này và mãi mãi về sau. Nếu ngày nào đó mình ngộ đạo thì mình mới cắt được cái dòng tiếp nối lẩn quẩn của nó, nếu không thì âm thanh vẫn còn hoài. Cho tới ngày khoa học phát triển đến đỉnh cao và chúng ta trong đời này chưa ngộ đạo, thì họ sẽ bắt được sóng âm trong não bộ mình, hoặc sóng âm chúng ta đang nói ở đây họ phăng ngược về ba ngày trước mình nói cái gì, bảy ngày trước mình nói cái gì, ba năm trước mình nói cái gì cho tới ngược lại hết đời mình. Nhưng khả năng của máy móc vật chất không vượt qua được khoảng chúng ta nằm trong tử cung bà mẹ, chỉ trừ người chứng quả thì họ sẽ xuyên qua tất cả cửa ngỏ sanh tử mới thấy được đời trước trong một thoáng định của mình.

Khoa học có giỏi lắm họ có thể rà được sóng âm trong không gian này. Ví dụ người đó trước khi chết nói câu gì đó,

thì họ có khả năng dò sóng âm đang vang trong vũ trụ này như mình bắt sóng đài radio. Những sóng âm đó sẽ lọc tới lọc lui thấy cha mình trước khi chết nói câu gì mà mình không biết, thì nó sẽ phát lại cho mình nghe. Vì tất cả những câu nói đó còn hoài trong không gian, nó dao động suốt. Sự liên kết giữa người và người với nhau gần như những gút mắc của một mẻ lưới lớn, giữa khoảng này với khoảng kia nó gút nhau thành cha, thành mẹ, thành con, nó bung ra thành gút mới thành từng nhóm. Khoa học bắt được gút này nó sẽ mò được gút kia, ví dụ như dòng họ mình như thế nào, cha mình như thế nào, những người đó trước khi chết trăn trối điều gì cho con cháu đời nay. Hộ sẽ làm được điều này.

Tất cả những gì chúng ta đã làm, đã nói hoặc suy nghĩ trong não bộ chúng ta đều vẫn còn nguyên đó. Sở dĩ chúng ta nói thành âm thanh là do nó được phóng đại lên để ra ngôn ngữ mình có thể trao đổi với nhau trong đời này. Chúng ta suy nghĩ cũng là dao động sóng âm chưa được phóng đại lên để ra ngôn ngữ, nhưng nó vẫn là tầng sóng dao động. Nên mỗi lần chúng ta nghĩ tốt nó vẫn phát ra không gian tầng sóng đó, để nó kèm theo khí tốt khí lành phụ giúp cho không gian vũ trụ này. Nếu chúng ta nghĩ xấu nó cũng thành dạng sóng âm đi ra không gian, tạo thành loại khí xấu làm ảnh hưởng môi trường sống. Nếu vô chùa chúng ta đều là người hướng thiện, bỗng dưng có người tâm linh cao bước vô cổng chùa thì người họ sẽ thấy nguyên vùng khí sáng hiện ra ở đây. Nhất là chư thiên, nếu nói huyền thoại một chút thì họ đang thấy vùng này sáng rực. Nhưng nếu bao nhiêu người này nghĩ ác thì nó sẽ xông lên luồng khói màu nâu sẫm, hoặc màu tối. Do vậy mỗi một ngày một giờ sống của chúng ta tưởng tượng như cuộn phim

quay, nó ghi nhận toàn bộ trong không gian. Nó lưu hết hình ảnh, âm thanh, suy nghĩ, hành động, việc làm của chúng ta không sót một chút nào.

Cũng vậy, tất cả những hình ảnh, âm thanh, suy nghĩ, hành động, việc làm của chúng ta đều lưu trữ trong Tàng thức của mình, không sót chủng tử nào. Nó còn nguyên hết tất cả từ xưa tới bây giờ, nên phút chúng ta vừa chứng Túc mạng minh chỉ trong một sát na chúng ta thấy không sót đời nào, dù cách đây hàng tỷ tỷ kiếp nó vẫn còn nguyên. Nhưng nó không tồn tại với mắt thường của chúng ta, vì quy luật vũ trụ này là Vô trụ nên nó không dừng ở chỗ này, không có nghĩa là nó mất. Người ta nghĩ nó là vô thường qua rồi mất. Vô thường là không thường trụ, không thường còn, không tồn tại, nó luôn vận động, luôn dịch chuyển, luôn thay đổi từ vị trí tới hình sắc của vạn vật, nó dời từ chỗ này tới chỗ kia. Như chúng ta ngồi đây thì ở nhà không có mình, vì chúng ta đã vô thường. Người ta tới nhà xem như mình không có ở nhà, nhưng không phải là mất mình mà mình đang ở đây. Tất cả mọi việc trong trần gian này cũng giống như vậy.

Mình nghĩ qua một đời là mình chết. Thật sự không có! Đó là cái tụ tán của tứ đại mà thôi. Chúng ta chết tứ đại không lưng; chúng ta sống tứ đại không đầy thêm. Tứ đại trong cõi nước này nó vốn là như vậy rồi; bây giờ mình có gom tứ đại là bao nhiêu gió, bao nhiêu lửa, bao nhiêu đất, bao nhiêu nước để thành thân mấy chục ký lô là bao nhiêu máu, bao nhiêu xương, bao nhiêu hơi ấm, do nghiệp chúng ta chiêu gom lại thành hình người. Khi chúng ta không còn khả năng giữ tứ đại thì chúng ta trả tứ đại về tứ đại thì tứ đại còn nguyên trong hư không, không tăng. Và khi chúng ta gom tứ đại lại

thành thân thì trong hư không vẫn không giảm tứ đại.

Do đó, chúng ta phải nhìn con người sống là đang thu gom, đang tạm mượn tứ đại để chúng ta nắn nót ra thành hình nào đó, và chết thì tứ đại bắt đầu ly tán để trả về nguyên thủy của nó, không thêm không bớt gì trong này. Chúng ta không nhìn tứ đại theo kiểu còn hay mất, mà nhìn tứ đại theo kiểu sanh và tử là chúng ta đã sai lầm. Ai cũng sợ chết là do cái thấy nhìn sai lầm đó. Họ nghĩ cái thân này là của mình nên mình sợ cái thân mấy chục ký lô này chết, thật ra khi trả thân này lại cho tứ đại thì mình lại gom tứ đại khác thành thân mới để xài.

Chúng ta đọc kỹ Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật nói thất đại là phong đại, thủy đại, hỏa đại, địa đại, kiến đại, thức đại, không đại cũng chưa từng sanh, chưa từng diệt, mà tùy theo nghiệp của chúng sanh như thế nào đó cảm ứng với thất đại mà thôi. Ví dụ ngay tại đây chúng ta muốn có một chút lửa để chúng ta đốt một tờ giấy, thì chúng ta chiêu cảm nghiệp đốt tờ giấy được tác động trong đầu mình, tự động bật hộp quẹt để ra lửa mà đốt. Đức Phật nói thất đại trùm khắp pháp giới, chỗ nào cũng có đất, chỗ nào cũng có lửa, chỗ nào cũng có gió, chỗ nào cũng có nước.

Ban đêm dùng ngọc Phương chư để dưới ánh trăng chúng ta hứng được thau nước. Hoặc trời đang nắng chúng ta gom một số rác để đó, dùng kính hiển vi đưa ngay ánh nắng mặt trời một hồi giấy phựt cháy. Tức là tùy nghiệp chúng ta làm cái này thành lửa thì lửa sẽ thành, tùy nghiệp chúng ta khát nước thì nó liền có nước cho chúng ta uống. Khắp hư không nước, lửa, gió, đất tràn ngập nhưng điều rất đặc biệt là

nó đan xen với nhau, không lấn át nhau trong vũ trụ. Có nghĩa vũ trụ này rất điều hòa.

Tứ đại mình gom lại xài một cách méo mó theo kiểu tâm thức nên lúc thì nóng, lúc thì lạnh, lúc thiếu gió, lúc thiếu nước, lúc thiếu lửa v.v… Nhiều khi khát nước uống một hớp đủ rồi nhưng mình uống ba hớp, thiếu lửa mình ăn cái gì cho ấm nhưng mình ăn nhiều quá dư lửa. Do tâm thức chúng ta không hiểu hết quy luật của vũ trụ để điều chỉnh tứ đại của chính mình. Thành ra người học Phật đến tầm độ nào đó đủ trí huệ rồi, thì họ có khả năng điều tiết tứ đại của thân xác, họ biết chắc bữa nay mình thiếu bao nhiêu đất, bao nhiêu nước, bao nhiêu lửa họ đưa vào đủ thôi thì tứ đại điều hòa không bệnh.

Một người đủ phước tướng họ chiêu được thân tứ đại với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, người có nghiệp thì chiêu tứ đại theo nghiệp của mình. Như vậy thân tướng chúng ta lộ tất cả những vốn liếng mình đã có trong nhiều đời nhiều kiếp. Hoặc có một số vị Bồ Tát cũng giả bộ thân khiếm khuyết què quặt thì mình không thể hiểu được phước trí của các vị ấy đến đâu. Các vị một đời tu tập phước đức và trí huệ cân phân là người đó gần thành Phật rồi. Gần như họ muốn cái gì trên thế gian này cũng có. Trí tuệ họ thật tuyệt vời, tất cả những Kinh điển Đại thừa, những giáo lý sâu mầu của Đức Phật họ thâm nhập để có thể hiểu và đủ sức để giảng cho tất cả mọi người nghe, thì người đó cận kề với quả vị Phật. Có khi chúng ta gặp người trí huệ rất siêu suất, nhưng về vật chất thì thiếu thốn vất vả.

Ở đây Đức Phật nói, người Bồ Tát cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đối với Pháp không nói tướng đoạn

diệt. Nếu người đó muốn thành Phật mà trong lòng còn một mảy may thấy có một cái gì qua rồi mất đi, thì người đó đời đó chắc chắn không ngộ đạo được, chưa nói thành Phật. Tới khi nào chúng ta thấy tất cả các pháp thế gian chưa từng sanh, chưa từng diệt, khi đó hy vọng chúng ta khai mở được trí huệ Phật của chính mình. Đừng nghĩ rằng chúng ta học thiền Tự Tánh bất sanh bất diệt, rồi học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì Tri Kiến Phật là bất diệt, còn mọi cái đều bị sanh diệt là không phải.

Do nghiệp chúng ta gom tứ đại có thể xài 5 năm, 10 năm, 50 năm, 70 năm hoặc 500 năm là cùng, hết đoạn đó rồi chúng ta trả tứ đại lại tứ đại để gom tứ đại mới. Nếu chúng ta không thích tứ đại mới thì chúng ta lấy tứ đại theo kiểu khác. Nếu hết đời này mình không thích thân người thì do nghiệp mà mình chiêu cảm loại thân không phải thân người, có thể là thân thú, hoặc thân cõi trời. Cõi trời có dạng hình sắc khác, thân khác, những cõi không sử dụng thân vật chất mắt phàm không thể thấy được, nhưng họ cũng gom loại vật chất tương ưng với dạng tứ đại để ra một hình thể nào đó để nhận nhau.

Hoặc do nghiệp của mình sau khi bỏ thân mạng tương ưng cõi giới mới chỉ sống bằng tâm thức, nếu công phu thiền định cao vượt tầm cõi Dục giới, Sắc giới, tới cõi Vô sắc giới thì sinh hoạt cõi đó không mang hình tướng mà mang tâm, chúng ta ra vào cõi đó bằng tâm. Tùy theo định lực của chúng ta mà tâm đó mức độ trong sáng hay đục khác nhau tùy trình độ công phu. Tùy mức độ định mà mình có tâm đục hoặc nhơ trong cõi giới đó. Và chỉ những người trong cõi đó mới nhận ra chúng sanh trong cõi đó mà thôi, khác nhau một mảy may thì không nhận được.

Chúng ta đừng nghĩ cõi trời là cõi nào, nằm ở đâu, mà ngay tại đây quý vị có tin là có các vị chư Thiên cõi trời đang sống không? Trong khoảng gang tay chúng ta là có hằng hà sa số cõi, nhưng mắt thường không thấy. Có cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, có những loại nhỏ nhiệm, những loại vi trùng loăng quăng nó đang sống ngay khí mình thở ra hít vô, và hằng hà sa số các chủng loại meo mốc ở trong không gian một chút xíu này. Và có những vị cõi trời ở đây, nhưng tầng sóng dao động của mình nó không đủ sức để tương ứng mà mình không tiếp nhận được các cõi khác đang có ngay đây với chính mình. Ngay tại đây có cõi trời Sắc, cõi trời Dục, cõi trời Vô sắc trong khoảng không gian nhỏ này, chứ không phải nó ở đâu xa ngoài kia là chúng ta hiểu lầm rồi. Tùy nghiệp tập, tùy nhân quả của mình mà mỗi loài tự động cảm ứng liền ra các cõi của mình.

Ví dụ trong Pháp hội này, vừa gặp nhau lần đầu mà chúng ta tự nhiên có cảm giác thân thiết với người đối diện với mình, tức là nghiệp chiêu cảm vừa gặp nhau là nó tác động hút nhau, tại mình không đủ trí tuệ để thấy nhân quả đời trước của hai người. Nếu chúng ta có tu tập và trong Pháp hội có ba người tu đạt đỉnh cao tâm linh thôi thì trong ba người sẽ nhận được nhau trong Pháp hội này liền, mà người thứ tư không thể nhận được. Có khi ăn uống ngủ chung ngàn kiếp vẫn không thể nhận được người này tu cao hay thấp. Nhưng người trình độ tâm linh cao, chớp mắt là họ thấy mức độ định người này tới đâu, trình độ tâm linh người này ngang tới tầm nào, và cần nói chuyện với người này sẽ nói kiểu gì để họ tương ưng cảnh giới tâm thức đạo lý và tương ưng đẳng cấp tâm linh. Còn các vị đã đạt được đỉnh cao của tâm linh trà trộn trong nhân gian,

thì mình không thể biết được.

Nếu như các vị chư Thiên cõi trời xuống đây nhập vào người nào đó để sống trong cuộc đời này, thì người phàm mình không nhận ra. Chỉ trừ người từ ngang bậc đó trở lên họ sẽ nhận ra được chư thiên cõi nào xuống, họ xuống đây với xứ mệnh gì, họ làm gì và biết được bao lâu họ sẽ chết. Có khi các vị cõi trời xuống đây để có thể thành một con người, sống mấy chục năm trong cuộc đời này là do nguyện. Thực sự bảy mươi năm của mình như một khảy móng tay của cõi đó.

Mình nghĩ cõi trời ở đâu cao nhưng không phải, ngay tại đây, ngay khoảng không gian nhỏ nhiệm này có rất nhiều cõi. Khi các vị ở cõi đó muốn thu gom vật chất để thành hình người thì mới lộ ra tướng người. Cõi này rất nhiều tâm thức nhưng các vị không đồng tần sóng với cõi người, nên họ dao động tự do trong cõi của họ không cản trở gì tới mình. Mình cũng dao động tự do theo tầng tâm thức của mình mà không cản trở các vị các cõi kia, thành ra mình không biết được nhau.

Trong khoảng không gian nhỏ thôi là hằng hà không biết bao nhiêu cõi nước, hằng hà sa số loại chúng sinh. Đừng nghĩ cõi Ta Bà là cõi của mình, đừng nghĩ quả địa cầu là của cõi người làm chủ. Khi chúng ta vượt khỏi tâm con người thì mới biết mình không phải làm chủ cõi này đâu. Có những thế lực khác họ đang làm chủ cõi này, mà con người không thấy được, họ muốn chỗ này bị giông tố bão bùng thì chỗ này liền bị, cõi người làm không được. Ví dụ ngày mai ở đây giông tố hay động đất mình muốn ngưng lại không được, có nghĩa là mình không làm chủ trọn vẹn, nhưng người kia có thể làm được. Hoặc họ muốn ngày mai chỗ này động đất, nhưng thôi ngưng lại, vì thấy chỗ này đang có mấy người tu giữ yên cho

họ tu một thời gian, khi khác mới động đất.

Có một năng lượng đang điều phối làm chủ cõi nước của chúng ta. Và họ thường xuyên sai sử cũng như là phân bố chúng ta làm mọi điều. Tùy theo nghiệp cảm của chúng ta, các vị sẽ đem những gì đến tương ưng với cái chúng ta đang sống trong cõi này cho mình. Ví như một người nông dân bình thường chưa từng đi ra khỏi nhà mình lần nào, thỉnh thoảng họ gặp người lãnh đạo ở thôn thôi là thấy ông này lớn lắm rồi. Nhưng đâu biết là ông thôn nhỏ đâu bằng ông ở xã, rồi trên ông xã có ông lãnh đạo huyện, trên ông huyện có ông lãnh đạo tỉnh, những chuyện đó chúng ta hoàn toàn không biết.

Nhưng theo quy luật của vũ trụ tất cả chúng sanh được sống bình an, sở dĩ các hành tinh, các giải ngân hà, hằng tinh, thiên hà không chạm nhau là nó đều đi theo một quy luật nào đó gọi là luật của vũ trụ, cho nên quả đất và mặt trời quay hoài mà không đụng nhau. Không có lực sắp xếp, không có sự điều hành lớn là đụng nhau rồi, nhưng mình đâu có hiểu chuyện này, mình nói tự nhiên quả đất quay quanh mặt trời một năm ba trăm sáu mươi ngày thật ra không có chuyện tự nhiên. Vũ trụ này hết sức trật tự mà mình không xếp theo cái đầu thế gian được.

Tất cả mọi cái đều biến hiện ở thế gian như chỗ này người này phải chết kiểu thiên tai bão lụt, chỗ kia người kia phải chết bệnh dịch, chỗ này phải bị bỏ bom, chỗ nọ chết do giết chóc, là một sự điều phối rất trật tự. Nếu nhìn sâu sẽ thấy đó là sự điều phối của thiên nhiên, của vũ trụ. Không có cái gì tự nhiên, do những người sống trong cõi đó với nhân quả đó, họ chiêu cảm quả báo đó thì thiên nhiên sẽ điều phối chuyện đó tới với họ. Đừng nghĩ người đó bị tai nạn đó là do

họ xui mà đó là do nghiệp chiêu cảm tới ngày giờ đó tự động người này phải đi tới đó, không đi không được, để chết theo kiểu đó. Đó là một sự điều phối thực sự của nhân quả.

Khi hiểu sâu về nhân quả, mới thấy tất cả những vận hành, những sinh hoạt dù nhỏ nhất của chúng ta đều hết sức trật tự. Cõi thế gian của chúng ta cũng rất trật tự, chỉ có cái đầu mình là không trật tự thôi. Cho nên khi chúng ta tu là trở về trạng thái tự nhiên, thì chúng ta mới thấy cái nhịp sống của thiên nhiên vũ trụ này từng mảy may một hết sức là trật tự, hết sức là đẹp đẽ, và chúng ta không hề có nửa lời than van, thì người đó mới gọi là có cặp mắt sống của trần gian. Nếu mình cảm giác cuộc đời mình vất vả quá, bị người này ăn hiếp, bị người kia gạt, người này lừa, cả đời khổ sở, mình tủi khóc thế này thế kia là không phải. Khi hiểu hết cuộc đời này chúng ta nên vui vẻ được sự sắp xếp rất thứ tự của vũ trụ. Nếu chúng ta nghĩ nó là tự nhiên, xin thưa không phải tự nhiên, mà theo thứ tự chính xác của nhân quả trong từng mảy may của sự vật.

Khi chúng ta chửi người kia một câu ở đây mình nghĩ là xong rồi, người này sẽ xí xóa cho mình, nhưng không đâu, nhân quả sẽ đưa lên bàn cân. Ví dụ bây giờ chửi tôi thì năm ngày sau gặp lại sẽ bị chửi mười tiếng thôi, nhưng năm năm sau coi chừng bị đánh vào mặt, năm kiếp sau coi chừng bị đánh nằm nhà thương. Nhân quả rất rõ ràng theo thứ tự thời gian của nó. Không có bất kỳ chuyện gì xảy ra gọi là tự nhiên. Thành ra các pháp không đoạn diệt. Đoạn diệt là sẽ không có nhân quả. Đúng không? Việc xảy ra ở đây là nhân, thì nó sẽ là quả của trước đó, nhưng nó sẽ là nhân của chuyện sắp tới. Không có pháp nào là đoạn diệt cả.

Chúng ta với mắt phàm nên chỉ thấy có một đoạn nhỏ

này, giống như một người nhìn qua khe hở của một nhà kín vậy, thấy con ngựa vọt ngang qua nó mất dạng chúng ta tưởng là nó mất nhưng nó vẫn còn. Theo nghiệp của mình, chúng ta thấy sự việc xảy ra trong cuộc đời này, giống như một khe hở rất nhỏ, chuyện của cuộc đời nó vùn vụt trôi qua như con ngựa chạy vọt ngang qua khe hở đó thôi. Chúng ta thấy khe hở này có bóng đen vọt qua, mình nói mất rồi, nhưng thực ra con ngựa đang dài ngoài đường trường để nó đi tới đâu thì việc đó mình thấy không nổi. Khi mình thoát ra khỏi cái nhà kín rồi, thì mình thấy rõ ràng con ngựa từ đằng kia tới đây và nó sẽ tiếp tục chạy nữa, không phải nó mất.

Cuộc đời chúng ta sống chết cũng như vậy. Người nào thấy mình được sanh ra và chết đi tức là người đó thấy cuộc đời chỉ là khe nhỏ. Người nào thấy chuyện thuận nghịch trong cuộc đời, thấy người này làm khổ mình, người kia ăn hiếp mình là chúng ta chỉ thấy qua một khe nhỏ, rồi kết luận cuộc đời mình khổ, cuộc đời mình vui, mà chúng ta không mở toang cửa ra để thấy hư không mênh mông. Nếu người nào thấy cái gì qua rồi mất thì biết rằng con mắt chúng ta nheo lại, thấy có một khe nhỏ không thấy trọn vẹn sự việc.

Các pháp thế gian không phải là đoạn diệt. Chưa hề có pháp nào bị diệt, cũng không hề có pháp nào được sanh ra. Cái đầu chúng ta còn trong vòng tâm thức nên thấy có đúng, có sai, có hay, có dở, có phải, có trái là chúng ta thấy qua khe hở. Nếu chúng ta đã mở toang cánh cửa mình ra để mình thấy bằng hai mắt thật, thì thấy bầu trời mênh mông kia chưa từng có gì sanh, chưa từng có gì diệt, lúc đó chúng ta mới có đủ kiến giải thoát khỏi cái đoạn diệt của vạn pháp. Nếu không thì tất cả mọi cái đều rớt vào thường và đoạn hết. Khi tâm chúng

ta còn phân biệt hai bên, còn thấy chuyện này đúng, thấy chuyện này sai, chuyện này phải, chuyện này quấy là chúng ta đang ở trong kiến giải đoạn diệt, chưa ra.

Nói một cách rất thật là mình chưa đủ Chánh kiến. Chúng ta đang theo đạo Phật mà chưa hành đúng Chánh đạo của Đức Phật, chúng ta đang sử dụng tà đạo trong công phu, vì mình vẫn còn ở trong pháp đoạn diệt. Ngày nào chúng ta còn hành một pháp gì đó trong cuộc đời này, còn thấy mình sử dụng công phu đó, pháp đó, diệt được cái gì đó nơi tâm, thì biết chúng ta đang hành pháp đoạn diệt, và chắc chắn người đó sẽ thuyết pháp theo kiểu đoạn diệt. Nếu có một pháp nào tu để trừ pháp nào đó, là chúng ta đang hành theo đoạn diệt. Nói điều này hơi nặng, có nhiều người sẽ phản đối nhưng nói đến lý thật chúng ta phải thấy như vậy. Có vị dạy người ta ngồi quán pháp này để diệt được cái này, quán pháp kia để diệt được cái kia. Chắc chắn cái kia sẽ bị diệt với pháp này, đó là đoạn diệt, rớt vào đoạn kiến của ngoại đạo.

Cho nên tìm kiến giải để thoát khỏi thường kiến, đoạn kiến trong cuộc đời này thật sự hiếm hoi. Khi nào chúng ta thấy được âm thanh này không mất, thấy tứ đại chưa từng sanh chưa từng diệt, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, tùy theo nghiệp mà mình chiêu cảm ra tứ đại thì chúng ta mới thoát ra khỏi thường kiến và đoạn kiến.

Thực sự tứ đại chúng ta chưa thấy hết, thân này chúng ta chưa hiểu hết và còn nhiều cái trong cuộc đời này chúng ta chưa hiểu hết được. Chúng ta thấy bằng cái hiểu của kiến thức là chúng ta đã thấy lầm lẫn và bóp méo sự thật rất nhiều trong cuộc đời này. Nếu ngày nào đó chúng ta tu tập mà đừng có nặng nề về kiến thức nữa, đừng chấp trước bảo thủ kiến thức

học hỏi từ xưa tới giờ, đừng hoạt động tâm thức nhiều theo cái nhìn của kiến thức riêng tư thì mọi việc sẽ lộ bày. Ngày nào mình chưa thấy cái lỗi của tri thức, thì ngày đó mình vẫn thấy bóp méo sự thật qua khe hở nhỏ. Chúng ta thấy cuộc đời này có một xíu xiu, một kẽ rất nhỏ mà chưa ai mở con mắt thấy hết, trừ những bậc giác ngộ. Trong Kinh ca tụng khi Đức Phật thành Phật là con mắt của thế gian, mới soi thấu thế gian, còn mình dù có bằng cấp gì tuyệt đỉnh thế gian này đi nữa chỉ là khe hở nhỏ. Trong Kinh Phật Tạng, Đức Phật nói tất cả trí thức của thế gian này giống như ngọn lửa của con đom đóm giữa đêm đen, còn trí vô sư của Phật giống như ngọn lửa của núi Tu Di, bừng cháy sáng cả cõi nước.

Trong lúc đang học đạo thì mình cần sự hiểu biết, cần kiến thức nhưng nếu biết học thì càng giỏi Phật pháp chừng nào càng rụng kiến thức chừng đó là chúng ta đang học giỏi. Còn học mà nay nhớ thêm một bài, mai nhớ thêm một bài, nay học bài pháp này thêm một số kiến thức, mai học bài pháp kia thêm một số kiến thức, rồi mình gom kiến thức cho rằng mình hiểu Phật pháp là chúng ta đang gom rác về nhà mình. Đống rác càng ngày càng nhiều là càng ung càng thối. Chưa thấy người nào có kiến thức mà bình an trong cõi đời này. Có ai học giỏi mà đời sống bình an không? Người ta cứ nghĩ mình trang bị kiến thức để mình có cuộc sống bình an giữa cuộc đời này, là người ta đã nhận sai con đường đi rồi.

Nếu muốn được bình an thì phải học tiêu nha kiến thức thì mới hy vọng bình an. Học làm sao mà mình không còn bám trụ nơi trần gian nữa, thì hy vọng chúng ta sẽ có đời sống bình an. Học đạo không phải để chúng ta hiểu, mà học để hết đi cái hiểu. Có người nói tôi không hiểu gì hết lấy đâu

tôi sống? Dám một lần không hiểu đi mình sẽ có đời sống tuyệt vời. Nhưng từ xưa giờ mình nương kiến thức mà sống, không dựa cái này cũng dựa cái kia chứ chưa bao giờ mình sống với chính mình, nên mình luôn có cảm giác yếu đuối. Người nương tựa thì không bao giờ mạnh mẽ và đứng vững giữa cuộc đời này.

Ví dụ mình mở mắt ra thấy thì phải cái đó là cái gì? Là cái bàn, cái ghế, bình bông. Mình nghe âm thanh thì phải cái đó là cái gì? Âm thanh này là tiếng nói của ai, lớn hay nhỏ, hay hay dở, mình moi cái cũ ra để so sánh với cái đang hiện tại đó, để mình chấp nhận hoặc lấy hoặc bỏ, chứ chưa bao giờ mình thấy cái không kiến thức, nghe không kiến thức. Ngài Lâm Tế nói: Kể từ khi ta hành đạo cho tới giờ phút này, ta chưa thấy người nào tự đi tới với ta, toàn là bọn nương cỏ tựa lá đi tới. Rõ ràng khi người ta nhả đàm giãi kiến thức ra rồi lại nuốt đàm giãi kiến thức đó vào, khiến chúng ta no bụng nhưng sanh bệnh. Dù đàm giãi đó của ông tổng thống, hay đàm giãi của người đã có vệ sinh sạch sẽ giàu có cỡ nào cũng là đàm giãi. Cho tới lời Đức Phật hay chư Tổ vẫn tiếp tục là đàm giãi, nếu chúng ta nuốt đàm giãi đó vô thì coi chừng sanh bệnh, nên phiền não bắt đầu sống lại trong tâm mình, chúng ta học là phải tiêu những đờm giãi này. Học để hết kiến thức của đoạn kiến, thường kiến là chúng ta học đúng, hết kiến thức nghĩa là chúng ta không còn thấy kiến thức này là của mình.

Khi đang ngồi thiền mình tự truy vấn mình một cách tận cùng chúng ta sẽ thấy ra sự thật. Quay lại nơi tâm xem mình đang hiểu cái gì, cái mình được hiểu là cái gì, là mình đã học ai, sách nào, ở đâu đó. Nếu đó là cái mượn ở ngoài thì mình thôi cái hiểu đó. Ví dụ mình hiểu Sơ thiền là Ly sanh hỷ

lạc, chứ mình chưa dứt năm triềnn cái để được sanh hỷ lạc, thì mình sẽ loại bỏ cái đang hiểu đó, đừng cho cái đang hiểu đó là của mình. Đó là cách công phu để kiến thức không còn nặng nề nơi tâm chúng ta, nó không còn thường trú, không còn bẻ cong cái thấy nghe hiện tiền của chính mình.

Thực sự tất cả chúng ta đều hết sức trong sáng và thanh tịnh, nhưng do chúng ta chấp kiến thức của mình, mà cái thấy của mình bị lệch lạc, chớ không ai bị che chắn cái gì. Mình quen học Kinh cứ nghĩ mình là người vô minh, bị sanh tử nhiều kiếp rồi nên bây giờ mình tràn ngập phiền não, mình là người nhơ nhớp, là người nặng nghiệp cần phải sám hối để trừ khử cái này cái kia, nên nói mình thanh tịnh mình không chịu. Nếu mình thấy không có kiến thức thì nghe không phiền não, thấy không phiền não, lúc đó chúng ta thanh tịnh, cái này thường hằng nơi mình, chưa từng tắt mất.

Ví dụ, nãy giờ chúng tôi nói quá nhiều chuyện, quá nhiều câu nhiều lời. Nếu chúng tôi dừng ngay tại đây thì những câu lời này không còn tồn đọng, không làm mình nhơ. Tiếng thứ nhứt không làm mình nhơ, tiếng thứ hai vẫn nghe rõ ràng nó không làm nhơ cái nghe của mình, cho nên tiếng thứ ba mình vẫn tiếp tục nghe một cách rõ ràng. Như vậy cái đang nghe của chúng ta vẫn luôn thanh tịnh, sáng suốt, hằng hữu ngay tại đây, không bao giờ thay đổi.

Cho nên nó luôn nghe một cách rõ ràng tường tận tất cả âm thanh hiện hữu ngay tại đây, mà không có hề một sự mờ ảo nào. Chỉ trừ trường hợp chúng ta đang nghe mà đầu đang tập trung ở đâu, để âm thanh này vẫn vọng trong cái đang nghe của mình, nhưng mình không biết gì hết. Hoặc có trường

hợp chúng ta đang lắng tâm nghe mà không phải chú ý để nghe, tâm thực sự lắng đọng để nghe từng lời từng chữ mà không phải để hiểu nhưng không có chữ nào sót với người này. Dù quý vị ngồi ngay tại đây mà không hề để ý, cố tình không muốn nghe vị thầy này nói luôn vì thầy không nói đúng với cái hiểu của mình, nhưng mình vẫn tiếp tục nghe được.

Cái đang nghe, đang rõ biết mọi hình sắc và âm thanh đó nó không làm sao nhiễm được. Mình phải làm sao nhận ra được cái bất nhiễm này của chính mình, để mình có đời sống thực sự bất nhiễm. Vì cái bất nhiễm mới là sự thật, còn cái ô nhiễm là cái ảo của tâm thức. Cái bất nhiễm luôn luân lưu, trôi chảy, sống động, không vướng mắc là cái thật. Cái chúng ta nghĩ là mình có thể dính được, có thể nhiễm được đó là cái ảo của tâm thức và cái định kiến của trần gian này. Chúng ta luôn vô trụ nên chúng ta trụ âm thanh không được, mà muốn trụ cũng không được. Đó là chỗ *"Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ"* của cư sĩ họ Lư khi lần đầu nghe Kinh Kim Cang mà ngộ.

Nếu chúng ta nghe được sự thật này thì nó không thường cũng không đoạn, không còn mà không mất. Tất cả các pháp trần gian này luôn sống động, đã sống thì phải động, đã sống động thì không dừng trụ, nếu ai dừng trụ là phá chân lý nên chúng ta bị trắc trở khổ đau. Chúng ta muốn sống nghịch chân lý nên mình bị khổ. Lúc nào chúng ta cảm giác bất an là biết rằng mình đang sống sai sự thật. Nếu sống đúng với sự thật thì không ai khổ cả.

Ví dụ có người đang chửi mình, nếu mình sống sai sự thật thì mình thấy lời nói này là thật. Nhưng nếu người đó nói mình vẫn nghe, càng nói nhiều chừng nào mình càng nghe

nhiều chừng đó, nói xong rồi là mình hết nghe lời đó vật là xong chuyện. Chúng ta sống đúng sự thật thì từng lời từng chữ nó tự rơi rụng và tự hóa tán lấy, chứ mình đâu cần dẹp âm thanh đó. Cũng như không có ai có một chút công phu dẹp lời tôi đang nói, nhưng những lời đó cũng không còn. Đó là sự thật của pháp, chúng ta phải nhận ra được điều này. Người sống đúng sự thật trong từng khoảnh khắc của đời sống mình, thì người đó luôn luân lưu trôi chảy, không ứ trệ. Đó là đạo. Lúc nào mình có cảm giác bị động, thì tạm thời dừng lại coi mình vướng cái gì, nếu nhìn kỹ lại biết mình bị vướng là mình đang sống sai sự thật, thì thôi không tiếp tục, mình tiếp tục luân lưu.

Đời sống đạo lý rất dễ nhưng mình cảm giác khó. Ngày xưa học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật nói "Tất cả chúng sanh đã thành Phật" mình không chịu nổi với câu nói đó nhiều tháng năm. Bây giờ mình còn phiền não mà sao đã thành Phật, hiểu không nổi, thật khó hiểu. Ngày nào chúng ta hiểu ra rõ ràng mình đã, đang và mãi mãi thành Phật thì lúc đó chúng ta sẽ thấy rằng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Đức Phật đã thuyết vẫn còn mãi trong trần gian này chưa bao giờ dứt. Còn bây giờ mình chỉ biết Đức Phật thuyết thời Pháp cách đây hai ngàn mấy trăm năm là chúng ta đã sai. Đức Phật sẽ mãi mãi thuyết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, và chúng ta mãi mãi ở cõi thanh tịnh nếu chúng ta đừng có khuấy nhiễu, đừng tiếp tục trò chơi chúng sanh nữa, dừng lại thì chúng ta sẽ mãi mãi là người thanh tịnh.

Chúng ta đang ở đạo tràng này có gì để buồn đâu, không có chuyện gì để phiền não, nhưng có người nói câu khó chịu quá, hoặc về nhà gặp chuyện bất như ý là mình thấy như

thế này nhưng người kia thấy khác mình, kiến thức mình như thế này nhưng kiến thức người kia khác kiến thức đang có của chính mình, cho nên mình không chấp nhận. Nó khác với cái khung mình đang đặt, tự động mình sanh phiền não lý do đã sai lệch kiến thức với nhau. Hai người đã hơn thua nhau trên kiến thức, kiến giải, trên những đờm giãi người ta nhả ra, người này ọc ra không giống đờm giãi mình đang ọc, anh phải ra mùi này mới giống với tôi, ra khác mùi là tôi không chịu.

Chúng ta đã chấp chặt cái rất giả, không có thật, vậy mà chúng ta phải khổ với nhau trong cuộc đời này rồi cho cuộc đời là khổ. Tại Đức Phật nói trong Tứ Diệu Đế nói Khổ Đế là cuộc đời này khổ nên nói không khổ thì người ta không tin. Cuộc đời này chỉ khổ với người thấy lầm chứ thấy đúng thì tìm một chút khổ với họ không có. Nếu thấy đúng là họ tự giải phóng mình ra, còn thấy sai thì tự trói cột mình lại. Trong cuộc sống này nếu mọi thời mọi khắc chúng ta luôn thấy đúng sự thật, luôn sống đúng sự thật thì chúng ta luôn được giải thoát. Còn lúc nào chúng ta thấy sai, thấy lệch là lúc đó tự mình khuấy động để cho mình bất an giữa dòng đời này, không dây mà tự trói. Thực sự không có dây nào trói mình phiền não cả, phiền não không phải là sợi dây. Không ai ràng ai được cái gì, nhưng chúng sanh quen kiểu trói đó rồi.

Sở dĩ chúng ta chúng ta không chấp nhận sự thật giải thoát này là do đâu? Do thói quen của tâm thức, ví dụ một người từng ở trong tù nhiều năm quá rồi, bỗng nhiên có người nói tôi mở cửa ngục cho anh đi, anh tự do rồi. Ông này thấy ở trong tù không bị đánh đập hành hạ nên cảm giác sung sướng, tới giờ cơm được ăn, có chỗ ngủ bình yên quá, trong khi xã hội ra nhiều kẻ thù không biết có được sống yên như ở đây

không? Cho nên bước ra tự do coi chừng mình cảm giác sợ hãi, thay đổi thói quen mình không chấp nhận nổi. Mà thói quen đó không phải một ngày, không phải một đời mà đã nhiều đời rồi, nên bây giờ cho mình được tự do, mình là người giải thoát thanh tịnh thì mình cảm thấy khó chịu lắm.

Với những người quen tu, học những giáo lý căn bản Phật pháp nói điều này rất khó chịu, không chấp nhận nổi. Chính chỗ không chấp nhận mình thanh tịnh có nghĩa là chấp nhận mình khổ đau, chấp nhận mình ô trược, chấp nhận mình phiền não, điều đó quen rồi, cảm giác đó dễ chịu hơn. Bây giờ nói mình tự do giải thoát thật khó tin nỗi điều này có sai Chánh pháp Đức Phật không? Đây là điều chúng ta phải tự nghiệm lại để thấy sự thật của một sự việc.

Bây giờ nói với nhau một tiếng, tiếng đó xong rồi thì mình không giữ được. Ai ở đây có khả năng giữ được âm thanh không? Không có! Một âm thanh chúng ta không thể giữ được, thì tất cả âm thanh đến với mình, mình không giữ nó được, chúng ta cũng không hề công phu cho nó mất, mà âm thanh tự mất. Lý do tại sao âm thanh này mất? Nếu mình giữ không được có nghĩa là mình không bị dính mắc với âm thanh, mà không bị dính mắc với âm thanh là giải thoát sự việc rõ ràng như vậy. Nhưng có một số người không chịu. Nếu mình tiếp tục chơi trò chúng sanh thì thấy âm thanh này là thật, là đúng, là sai để minh tiếp tục làm chúng sanh. Khi chán trò chúng sanh không thích chơi nữa thì thấy âm thanh chợt có, chợt mất, nó không dính lại để mình không vướng mắc, thì mình là người tự tại giữa trần gian này, vậy thôi.

Như vậy có hai đường để mình tiếp tục sống trong trần gian này. Nếu mình thấy âm thanh này là thật, là có, là đúng

thì mình tiếp tục đi đường chúng sanh. Còn nếu mình thấy âm thanh này tự tan biến với chính mình, ngay tại đây âm thanh vốn là vô trụ, tất cả các pháp trong trần gian này vốn vô trụ, vô trụ tánh và vô trụ tướng, mình cũng đang vô trụ nên nói mình không giải thoát cũng không được. Ai cột mình?

Tứ Tổ Đạo Tín khi gặp Tam Tổ Tăng Sán. Tam Tổ hỏi: *"Ngươi tới đây làm gì?"* Tứ Tổ thưa: *"Thưa Hòa thượng con tới đây cầu đạo giải thoát."* Tam Tổ trừng con mắt: *"Ai trói cột ngươi?"* Tứ Tổ ngộ liền, *"đâu có ai trói cột!"* Nhưng mình thấy mình bị dính. Ngồi nhìn lại tâm thức xem mình dính chỗ nào, dính ở đâu, dính cái gì, cái gì là cái dính lại. Nghe nói mình tu để được giải thoát, mình nghĩ mình dính quá trời, bây giờ mình phải ráng tu để được giải thoát, chứ mình chưa biết mình dính cái gì nữa. Mình dính âm thanh hay dính hình sắc? Hôm qua người kia nói mình nặng quá nên mình không quên lời nói của họ đươc, vậy cho rằng mình là dính có phải không? Thật ra ngôn ngữ nói xong rồi, bây giờ mình có nhớ là tự mình nhớ ra chứ không phải lời nói của người kia còn được. Tự mình moi lại âm thanh cũ để mình tưởng tượng lại, dù mình có tưởng tượng lại từng chữ, từng lời, từng câu người kia nói cũng là sự tưởng tượng. Nhưng quý vị có giữ âm thanh lời nói đó được trong đầu mình hay không? Lúc chúng ta tưởng tượng nó hiện khởi ra, nhưng tưởng tượng xong rồi cái đó nó đâu? Nó cũng tự mất, giữ không được.

Đố ai giữ được một ý tưởng. Người lanh lợi có thể nói: Nói qua thì thôi, nhưng đầu con dính với chữ đó, con có thể nhắc hoài cái câu ông thầy đó nói, như vậy có phải là dính mắc không? Dù quý vị có nhớ lại một tỷ lần đi nữa cũng không phải là dính mắc. Chúng ta phải thấy được chuyện này. Xong

dòng tư tưởng đó nó đã không còn thì đâu phải do mình tu nên nó mới mất. Nhiều người nói tôi quán nó thành không, quán như huyễn nên nó mất. Dù mình có nghĩ tới những chuyện tàn nhẫn nhất đi nhưng mình vẫn đang ngồi đây. Và sau hết những ý nghĩ đó rồi thì nó cũng không còn. Mình cũng không giữ lại được, dính lại cũng không được. Tận cùng những chuyện đó chúng ta phải thấy tất cả các pháp trong trần gian này vốn vô trụ, mình cũng đang vô trụ nên mình không có trụ chỗ nào để dính với ai được. Nếu mình có một chỗ để trụ lại được, thì mình có thể dính lại chút chút, còn đằng này mình trụ không được chứ không phải mình không muốn trụ. Ví dụ mình đang trẻ mình muốn trẻ hoài không được nên mình già. Mình trụ không được nên mới khổ, chứ trụ được thì mình không khổ. Cách đây mấy chục năm mình đẹp, nhưng bây giờ mình già nhăn nhó mình thấy khổ với cái già này. Chứ nếu mình giữ hoài cái nét trẻ, thì mình đâu có khổ. Trước kia mình không bị ung thư bây giờ bị ung thư nên nó đau, nếu mình giữ được sức khỏe đó thì mình không khổ. Có nghĩa là mình trụ được cái gì thì mình không khổ, nhưng do mình trụ không được, mình ảo giác mình có thể trụ được nên mình khổ với cái ảo này. Chứ không phải khổ là thật.

Khổ cũng là cái ảo, có mình ở đây cũng là ảo, ảo thân và ảo tâm. Do nghiệp mình gom tứ đại thành cái thân mấy chục ký này thôi. Tứ đại này rã ra thì nó thành tứ đại chứ mình đâu có Tứ đại thật. Tứ đại trước khi gom lại nó không có thật. Tâm là mình gom kiến thức học đầu này đầu kia để thành kiến thức như con người hiện tại bây giờ. Bao nhiêu ý nghĩ trong đầu của mình là bao nhiêu hình bóng, bao nhiêu âm thanh, bao nhiêu cái gom tụ bên ngoài vào để thành mình. Nên mình

có ảo giác mình có kiến thức nên mình có thân này, mình ảo có mình, đó là ảo tưởng. Có cái ảo này nên mới có ảo khổ, có cái ảo vướng mắc, ảo phiền trược chứ sự thật thì không có cái này, cái tâm này ảo nên mọi việc là ảo.

Nếu thấy sự thật nó vốn là như vậy thì tất cả khổ đau đều tan biến ngay tức khắc, nếu chúng ta nhận ra thực sự tất cả mọi cái là ảo và vốn vô trụ. Đạo lý giải thoát ngay chỗ này, chúng ta nên học cho đúng, thấy đúng thì tự động chúng ta sẽ sống đúng, và sống đúng thì tự giải phóng mình. Đạo lý rất đơn giản, mọi người nên ngay tại đây sống đúng sự thật, để chúng ta là người luôn vô trụ giữa trần gian này.

ĐOẠN 28: KHÔNG THỌ KHÔNG THAM TRƯỚC

Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát dùng thất bảo đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng để đem bố thí, nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã được thành đức nhẫn nhục, thì Bồ Tát này được công đức hơn vị Bồ Tát trước, vì cớ sao? Này Tu Bồ Đề, do các vị Bồ Tát không thọ phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát không thọ phước đức. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức.

Đây là một đoạn ngắn Đức Phật nói đến mức độ chuyên sâu trong công phu tu tập. Có nghĩa bây giờ chúng ta đang dụng công tu tập, nói chung chúng ta còn đang hành đạo, thì việc bố thí ba cúng dường là việc hết sức cần thiết để tạo nền tảng phước đức cho chính mình. Nếu một người tu học Phật pháp mà phước không tăng, thì biết chúng ta chưa tu đúng. Khi chúng ta tu tốt thì phước đức và trí huệ đều tăng trưởng, gọi phước huệ song tu. Chúng ta hành đúng Chánh pháp là phước đức chúng ta tự động tăng theo.

Ở đây Đức Phật so sánh một người dùng thất bảo (vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách) đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát sông Hằng đem đi bố thí, thì người đó phước rất lớn. Nhưng Đức Phật lại cho phước đó không thể so sánh với vị Bồ Tát thấy tất cả Pháp là vô ngã. Trí huệ có thể thấy pháp vô ngã vượt hơn tất cả những phước báu thế gian. Người còn đang ở trong cảnh giới có ngã là thấy có mình, có vật, có người. Thấy có vật tức là ngã sở của mình,

rồi mình đem ngã sở bố thí ba người khác để được sanh phước báu, vậy là ngã pháp chúng ta còn nguyên. Mặc dù có đem của báu đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới bố thí ba vẫn là phước báu hữu lậu, chúng ta có thể đủ phước sanh cõi lành, hoặc đủ phước sống giàu sang sung sướng nhưng bản ngã còn, ngã chấp còn thì sanh tử còn tiếp nối không dứt, chuyện khổ đau vẫn còn vì phước đức không thể xóa nhòa những đau khổ, phiền muộn trong tâm chúng ta.

Có khi những người nghèo khổ họ sống bình yên, họ ít đau khổ hơn người có tiền, có của. Người có phước báu, có tiền của, mà không có sự an lạc, thì cuộc đời này đối với họ cũng là khổ đau, không thể do phước báu mua được sự bình yên, không do phước báu mà hóa tán được phiền muộn nơi tâm chúng ta, đó là việc mà người học Phật chuyên sâu phải thấy. Mặc dù phước báu là nền tảng cho chúng ta, cũng như tất cả chúng sanh sống trong tam giới này được thỏa mãn đầy đủ về vật chất, để chúng ta yên tâm thực hiện Chánh pháp, thậm chí chúng ta dư thừa để giúp đỡ người khác, nhưng chưa hẳn đạt được tâm linh cao. Có khi cũng do phước báu mà làm đình trệ công phu chúng ta. Trừ những người biết tu tập thực sự thì họ nương phước mình họ tu tập, thì người đó sẽ thăng tiến cả hai mặt vật chất và tâm linh. Ở đây Đức Phật nói Bồ Tát thấy được pháp vô ngã thì thành được đức nhẫn nhục.

Ví dụ có người nào đó nói nặng mình, mình ráng nhịn không nói lại, hoặc gặp cảnh bất như ý chúng ta ráng nhịn chịu (nhẫn nhục có nghĩa là nhịn chịu), thì đó là nhẫn nhục tiêu cực. Có những vấn đề nếu mình nhẫn nhục sẽ ảnh hưởng luôn cả việc tu tập. Nhưng trong Phật pháp, đức nhẫn nhục hay gọi là vô sanh nhẫn là chuyện khác nữa. Người tu tập rất

sâu mới đạt được cảnh giới đức nhẫn nhục, hoặc đạt tới cảnh vô sanh nhẫn. Người đó ít ra cũng phải thấy được cảnh giới vô ngã như Đức Phật nói, rồi mới thành đức nhẫn nhục, mới đạt được vô sanh pháp nhẫn.

Từ xưa tới giờ chúng ta ráng nhịn chịu, thấy tham không dám tham, thấy sân không dám sân thì chưa phải là người nhẫn nhục đúng như Phật đạo. Vì chúng ta ráng nhịn cho qua chuyện, nhưng trong lòng chúng ta chưa chắc đã xong. Chúng ta không nhịn được lâu vì chưa đạt tới cảnh giới vô ngã, nên mỗi một lời nặng nhẹ là họ chạm tới bản ngã của mình. Chúng ra cảm giác rằng mình sẽ bị chọc tức, mình bị ức hiếp là bản ngã chúng ta vẫn còn. Hoặc có vị thầy muốn thử đệ tử của mình, thầy giao một việc tương đối quan trọng, rồi không ngó tới nữa. Mình làm cặm cụi ngày đêm mà thầy không hề quan tâm, mình bị phiền não nghĩ có thể là không hợp tác nữa. Chúng ta nhắm xem mình có tu qua cái này không? Thực sự công việc có thành bại hay không, không bằng công phu của chính mình, không thấy được giá trị này chúng ta sẽ bị phiền não. Nếu như sự việc đó mà chúng ta không qua được, chứng tỏ công phu chúng ta chưa tới. Phật đạo là cái gì rất quan trọng, việc mất, việc còn, việc thành công hay thất bại trong đời sống này rất nhỏ so với đạo lý giải thoát kia. Rất nhiều người không hiểu điều này họ sẽ không qua được. Mình ráng nhịn vì đó là thầy của mình, cho nên dù cho có bị ăn hiếp cũng ráng nhịn thì đó là hoàn toàn ở mức nhẫn nhục của phàm phu chưa phải đức nhẫn nhục thực sự.

Một người khi đã thấy tất cả các pháp vô ngã, thì việc có, việc không, việc thành, việc bại, không dính gì tới mình. Vì không có mình nên không ai ăn hiếp mình được, không ai

làm mình thành hay bại được, vì mình không có ngã. Thậm chí ông thầy có sử dụng thân mạng mình cho tới khi mình ngã gục, tại mình vô ngã rồi nên nếu năm phút nữa chết cũng không quan trọng, thì người đó có khả năng nhận Phật đạo ở chiều sâu. Còn chúng ta có một vài phản ứng để thấy chúng ta bị ăn hiếp, bị lấn át, chứng tỏ bản ngã chúng ta còn rất lớn không được tan biến với một số công phu khác nữa. Trong Phật đạo đôi lúc theo chiều thuận chúng ta có cảm giác tu tập đúng và sống bình an, nhưng nghịch một chút chúng ta có cảm giác bị sốc và ráng nhịn chịu thì đó là kiểu của thế gian.

Khi người đạt tới cảnh giới vô ngã, Đức Phật nói sẽ thành đức nhẫn nhục, sẽ đạt được Vô sanh nhẫn, nghĩa là sao? Trong hiện tiền này chúng ta đã nhận được Vô sanh rồi, gặp mọi cảnh duyên chúng ta ở an trong Vô sanh đó, là An nhẫn. Nghĩa là chúng ta hết sức an để không khởi niệm vọng động với duyên cảnh, chứ không ráng nhịn chịu. Khi đã thấy được cảnh giới vô ngã, tâm họ rỗng lặng, an ở chỗ Vô sanh, không tác niệm để không dính vào duyên cảnh, mới gọi là an nhẫn thật sự đạt tới cảnh giới Vô sanh. Có nghĩa không sanh tâm dính mắc trên tất cả pháp trần thì người đó mới đạt Vô sanh pháp nhẫn, mới thành tựu đức nhẫn của chính mình. Như vậy mới đạt được nhẫn Ba la mật trong Phật đạo.

Càng tu tập trong Phật đạo càng lúc chúng ta sẽ bất ngờ, nếu cuộc đời này còn hay mất, được hay không, không làm chúng ta bất an. Nếu bất ngờ phải bỏ thân mạng này, chúng ta không thể an được thì người đó không đủ sức để tự tại sanh tử. Ví dụ một người nào đó chúng ta tin tưởng tuyệt đối từ trước tới giờ, theo kiểu học của mình thì người đó hoàn toàn tốt, bỗng dưng có gì nghịch với cái thấy của mình thì

mình cảm thấy sụp đổ, tu không được nữa, rõ ràng mình tu không phải cho mình mà mình tu cho đối tượng. Đó không phải là cách công phu tu tập của chúng ta. Nếu chúng ta học đạo với một vị thầy, chấp nhận nhận người đó là thầy, thì chúng ta nên để ý hành động đạo lý mà họ mang tới cho mình. Không thể theo chiều thuận mà cứu thoát mình khỏi sanh tử đâu, có những cái chúng tôi nói là dọng đầu xuống đất chỏng cẳng lên trời chúng ta vẫn bình an được, thì mới có khả năng vượt thoát sinh tử. Vì cuộc đời hay có cuộc đảo lộn bất thường xảy ra, thậm chí sống và chết cũng như chuyện trở bàn tay, nếu chúng ta không giữ được mình ở cảnh giới bình an xem như chúng ta thất bại trong công phu.

Một người tu nếu chúng ta hành đạo nhẫn trong đạo Phật, thì không phải là sự ráng nhịn chịu nữa, mà chúng ta phải thấy được sự thật của mình là vô ngã. Chúng ta ở trong cảnh giới vô ngã thì tất cả các pháp dù đến với chúng ta có thuận hay nghịch nó cũng thành vô pháp. Nếu chúng ta thực sự vô ngã thì mọi duyên cảnh đến với mình là vô pháp. Chúng ta an ở cảnh giới không lặng, yên ổn đó thì dù cảnh thuận hay nghịch đến với chúng ta liền biến thành không tức khắc. Nó không thành buồn, thương, giận, ghét nữa. Nếu đụng sự việc mà mình ráng nhịn chịu, đè nén cho nó qua thì người đó không phải là người tu theo đức nhẫn mà Đức Phật muốn nói ở đây. Người đạt tới đức nhẫn thực sự, giữa đời này họ gần như tự tại nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tất cả những giao tiếp trong đời sống đời thường mà thuận nghịch gì họ không có chút gì là ráng chịu ráng nhịn.

Thời Đức Phật còn tại thế, có một ông Trưởng giả gia đình rất giàu, ông có một cô con gái rất đẹp, và ông là một

thầy tướng số rất giỏi nên ông nghĩ con gái ông với tất cả tướng đẹp quý đó phải là Vương phi, nên rất nhiều Hoàng thân quốc thích đến hỏi cưới mà ông không gả. Ông phải tìm một người có tướng pháp như ông mong muốn thì ông mới gả. Bỗng một hôm đi trên đường, ông thấy dấu chân in trên cát có hình bánh xe chuyển pháp luân có tướng rất đẹp, ông nói đây là người có tướng tốt mới lần theo dấu chân đó. Tới nơi ông gặp một vị khất sĩ đang ngồi kiết già thọ trai, ông đứng nhìn từ đầu cho tới lòng bàn chân, rõ ràng người này đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, đúng là người mà ông đang muốn tìm. Ông lại đặt vấn đề*: "Tôi có người con gái đẹp lắm, ông chỉ cần ừ về nhà tôi làm rể là ông hưởng giàu sang phú quý cả đời không bao giờ hết, không cần phải đi khất thực xin ăn từng ngày cực khổ."* Lúc đó vị khất sĩ ngước lên nói: *"Cái đãy hôi thúi đó Ta đã bỏ lâu rồi, đừng nói chuyện đó với Ta nữa."* Tức là vị khất sĩ từ chối con gái ông. Ông nói: Từ xưa tới giờ thế gian này chưa có ai chê con gái ta, ông chê là ông coi chừng. Vị khất sĩ điềm nhiên thọ trai tiếp.

Ông Trưởng giả về thuật lại chuyện cho con gái nghe. Cô gái vì thấy mình đẹp quá nên bản ngã tương đối lớn, cô nói ông này dám chê ta có ngày ta sẽ trả hận. Một vài năm sau Đức Phật và Ngài A Nan đến một xứ mới để thuyết pháp, lần này bà mướn côn đồ chận hết các đầu đường chửi xối xả. Ngài A Nan lúc đầu còn nhịn, sau đó chịu không nổi Ngài tối tăm mặt mày thưa Đức Phật: *"Chúng ta nên tới một nơi khác».* Đức Phật hỏi: *"Đi về đâu?"* A Nan nói: *"Chỗ nào mà người ta quý trọng Đức Phật"*. Đức Phật nói: *"Có thầy thuốc nào giỏi mà dán bảng trước phòng thuốc, bệnh nhẹ thì chữa, bệnh nặng thì đi chỗ khác không?"* A Nan nói*: "Không có, nếu là*

thầy thuốc giỏi thì bệnh nặng bệnh nhẹ gì cũng trị". Đức Phật nói*: "Xứ này chưa biết Phật pháp, còn thành Ca Tỳ La Vệ là nơi ta đã thuyết pháp rồi, nơi đó đệ tử ta có thể cứu giúp họ được, còn ở đây cần ta."* Những người bên lề đường nghe được sự đối đáp của hai Thầy trò họ rất cảm động, quỳ xuống nói:*"Thưa đức Thế Tôn, Ngài ở đây, chúng con là những người bệnh nặng thật sự cần Ngài cứu giúp."*

Hai thầy trò cùng đi, ngài A Nan thì ráng nhịn, còn Đức Phật vẫn bình thường, người bình thường sẽ nói Đức Phật nhẫn nhịn, nhưng xin thưa Đức Phật hoàn toàn không có nhẫn. Đối với người chưa đạt đạo thì chuyện thuận nghịch đến với họ, họ còn nhẫn, còn nhịn, còn chịu cho nó qua chuyện, nhưng với người đạt đạo rồi, họ đã đạt tới cảnh giới ngã không thì tất cả các pháp đều không, cho nên mọi cái chạm tới họ đều tan biến thành Không. Như trong Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác: *"Mặc người chê, mặc kẻ gièm, Ta nghe như uống cam lồ vậy."* Hoặc: *"Vào nhanh tiêu mất không lường được,"* tức là đối với Ngài, chửi thì Ngài nhận hết nhưng rồi nó tiêu mất ngay tại đó, Ngài không nhận chịu. Đây là điều khác biệt của người đang tu và người thành đạt đức nhẫn nhục.

Khi đạt được đức nhẫn nhục là người đó đạt được Vô sanh pháp nhẫn luôn sống trong Vô sanh nên đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức gì họ đều ở trong cảnh giới Vô sanh. Duyên cảnh đến với họ đều là không, vì vậy mà họ không có chút nào lợn cợn dụng công, rất bình thường. Tưởng tượng như lấy nước đổ trên lá sen nó tự rớt, lá sen không hề có thái độ thủ để cho mình đừng dính nước, và nước cũng không thể dính được trên lá sen.

Một người đã đạt đức nhẫn rồi thì họ đi giữa trần gian

giáo hóa, tất cả những chuyện thuận nghịch đối với họ tự động không vướng lại, mới thành đạt đức nhẫn nhục. Họ không chỉ tự tại trong cõi Ta Bà mà khắp tam giới này không có chỗ nào họ vướng lại, có sanh lên cõi trời được sống vật chất đầy đủ họ không dính, không nhiễm. Cảnh thuận họ không dính, cảnh nghịch họ không bất an phiền não, hai mặt thuận nghịch đều trơn tru không vướng lại mới thành tựu đức nhẫn. Những cảnh thuận như được người ta lo lắng, cung phụng tất cả những gì quý giá của thế gian này dù có trong tay họ vẫn không dính. Còn cảnh nghịch như chết cái mạng này, hay người ta hại suýt chết mà mình sống lại được, nửa niệm hận thù không thể xảy ra trong tâm thức người đó thì mới thành tựu pháp nhẫn Vô sanh, còn không thì chúng ta không thể thành tựu được.

Do đó người thành đức nhẫn nhục phước đức nhiều hơn người cúng dường bố thí ba đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Người cúng dường bố thí ba đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, có thể hưởng được phước cõi trời, được giàu sang sung sướng trong nhiều đời nhiều kiếp nhưng không thể sống bình an, còn người sống trong cảnh giới An nhẫn, thì không có phút giây nào đời sống họ bị bất an dù hoàn cảnh thuận hay nghịch, không bao giờ họ bị vướng lại trong tam giới này nữa, không bị sanh tử tác động.

"Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ Tát không thọ phước đức. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức."

Không tham trước, không chấp trước chúng ta nghe bình thường, nhưng tới đây Kinh Kim Cang đã tới tầng cao rồi, ngôn ngữ dùng theo kiểu bình thường để chúng ta thấy cái nghĩa, chính bản thân người này đã đạt tới cảnh giới vô ngã

rồi, sống trong cảnh Vô sanh để đạt cảnh Vô sanh nhẫn, thì khởi niệm tác ý vướng mắc trên duyên cảnh hoàn toàn không có. Mình không có nên không có chỗ để tham, không có chỗ để khởi niệm, nên không còn tham trước nữa.

Không tham trước không có nghĩa là mình thấy cảnh đẹp không khởi niệm, hoặc ra đường thấy người ta mặc áo đẹp mình không khởi niệm, gọi là không tham trước, cái đó thường lắm. Ở đây Đức Phật muốn nói một người đạt tới cảnh giới Vô ngã nên không còn chỗ để khởi niệm tham. Có ngã thì có xuất phát ý niệm tham. Cái tham xuất phát từ đâu? Từ ngã chấp! Người đã vô ngã rồi thì không còn chỗ để tham trước.

Khi học Kinh chúng ta phải thấy từ ngữ nó nằm ở vị trí tương ưng cảnh giới tâm thức nào. Nếu chúng ta hiểu nghĩa không tham trước theo nghĩa thông thường thấy cảnh đẹp không tham, thấy của quý đẹp không tham, thấy phước không tham, nhưng vẫn còn mình không tham thì đó là cảnh giới của phàm phu. Đằng này đã ở cảnh giới vô ngã thì không có ngã để có thể tham. Nhìn kỹ lại mình tham cái này, tham cái kia, vì chuyện gì? Vì mình có ở đây cho nên mình mới có ý niệm tham. Đức Phật nói người đã thấy được cảnh giới vô ngã rồi, không có mình nữa thì lấy đâu mà khởi niệm tham.

Người không tham trước này xuất phát từ cảnh giới vô ngã, nó là tầng bậc cao hơn không khởi niệm tham trước của phàm phu. Kinh Kim Cang ở tầng bậc khác hoàn toàn. Một vị Bồ Tát ở cảnh giới vô ngã, khi đối duyên xúc cảnh thì các pháp liền biến thành không, không có đẹp, không có xấu, không có tốt. Mình không có nên không có chỗ để khởi niệm tham trước, đó là vị Bồ Tát có phước đức lớn.

ĐOẠN 29: BỐN OAI NGHI ĐỀU TỊCH TĨNH

Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Vì cớ sao? Như Lai đó không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai.

"Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai." Câu này gần như ai cũng thuộc nằm lòng. Đức Phật đã nói tới vô ngã, vô pháp, không tham trước, giờ Đức Phật nói về Như Lai. Vì con người nếu không đạt đến cảnh giới vô ngã thì đối duyên xúc cảnh sẽ không Như Như bất động. Tới phần cuối cùng, Đức Phật muốn nói tới chính mình, cũng như muốn nói tới sự thật của vạn hữu vốn Như. Tất cả các pháp từ ngàn xưa cho tới ngàn sau đều vốn tự Như. Đức Phật nhận ra sự thật của vạn pháp, Đức Phật đang hòa nhập sống bằng cái Như của chính mình. Đã Như rồi thì không trước, không sau, không thời gian, không không gian. Nếu nói thấy có dao động, có đi tới, có đi lui, là có trước, có sau, có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, thì không còn Như nữa. Nói Đức Phật có đi, có đứng đây là quá khứ, để bước một bước là vị lai là còn dao động. Có quá khứ, hiện tại, vị lai, còn có thời gian và không gian nơi tâm thức của người đó là khi đó chúng ta rời cái Như.

Nếu như chúng ta nín lặng bất động, không đi tới, không đi lui, nói đang Như như bất động điều này dễ hiểu. Nhưng Đức Phật đang đi mà nói Đức Phật có đi là người đó không hiểu Như Lai, Đức Phật đang đứng mà nói Đức Phật đứng là không hiểu Như Lai. Rồi thấy Đức Phật ngồi, Đức Phật nằm, là không hiểu Như Lai. Vì Đức Phật nói Như Lai không đi đến đâu, không về đâu mới là Như Lai thật sự.

Đức Phật đã thấu thoát được tam giới này là vô ngã vô pháp, Ngài đã đạt tới cảnh giới Như Như, cho nên tất cả những hành động, những cử chỉ, những việc làm của Đức Phật đều ở trong trạng thái Như, nhưng mà không phải động hay bất động? Nếu Đức Phật bất động thì không có ngôn ngữ, Đức Phật bất động thì không thể đi tới đi lui, Đức Phật động là Đức Phật không Như. Nói Đức Phật bất động cũng không đúng mà động cũng không đúng, vì Ngài đang Như.

Ví dụ chúng ta nói tiếng Phật thì Đức Phật đang hiện hữu Như tiếng Phật, tiếng Phật mất thì Đức Phật đang hiện hữu Như khoảng không có tiếng Phật. Đức Phật nói tiếng Pháp là Đức Phật đang hiện hữu ở tiếng Pháp. Không thể nói hồi nãy Đức Phật nói tiếng Phật, bây giờ Đức Phật nói tiếng Pháp là chúng ta tự đặt ra khái niệm thời gian với chính mình, nên mình thấy sự vật có trước, có sau. Nếu chúng ta sống đúng với Như thì nói Phật, Pháp, Tăng thì chúng ta Như tiếng Phật mà rõ biết. Khi tiếng Phật vừa mất chúng ta Như khoảng không đó chúng ta rõ biết khoảng không tiếng. Tiếng Pháp hiện lên chúng ta Như rõ biết tiếng Pháp, có khoảng không, chúng ta Như tiếng Tăng để mình rõ biết.

Trong mỗi khoảnh khắc nhỏ nhiệm nhất chúng ta vẫn đang Như Như. Khoảnh khắc này luôn không dừng trụ, nhưng chúng ta vẫn Như ở nơi đó không biến thiên, đó là người đang ở trong cảnh giới Như. Nếu ở cảnh giới Như này chúng ta thấy Đức Phật đang Như, Đức Phật không có đi và không có đến, không có chỗ đi và không có chỗ về. Do đó nếu thấy Đức Phật có đi, có đến, có tới, có lui là người đó không hiểu Như Lai.

Nếu chúng ta ngồi đây mà thấy có chút xíu trước sau, là chúng ta tự rời Như để thấy biết, chúng ta phá hủy cái vốn

tự Như của chính mình, chứ không phải Pháp không Như. Quý vị đang ngồi đây nếu sống đúng với cái Như, thì mỗi âm thanh chúng tôi nói quý vị đang Như vậy mà rõ biết, đang Như vậy mà nghe, có âm thanh rồi khoảng không âm thanh, cứ như vậy mà rõ có âm thanh lộ ra, cứ như vậy mà rõ khoảng không có âm thanh, cứ như vậy mà rõ có âm thanh lặng xuống. Từng khoảnh khắc một chúng ta đang ở trong cái Như, đó là sự thật đang hiện hữu, là thực tại đang hiện tiền ở ngay tại đây. Tất cả đều đang Như nhưng sống động. Thật là tuyệt vời! Nếu như mà bất động thì không ra cái gì hết.

Đến đỉnh điểm Phật pháp mà chúng ta luôn luôn đi, đứng, nằm, ngồi, nhảy, múa mà không động. Ngũ tổ nói: *"*Người *thấy tánh thì quơ đao xông trận vẫn thấy tánh,"* người đã nhận được Như thì quơ đao xông trận cũng Như Như. Không phải chúng ta đi, chúng ta nói chuyện, hay làm việc lắng tâm mình xuống mới thành Như, thì Như đó không phải cái Như Đức Phật dạy chúng ta. Đối với đạo Thiền là hết sức sống động mà bất động, sống động cũng không diễn tả hết, mà bất động thì lại càng không phải, nhưng ngay nơi sống động đó mà không bị động mới là cái thấy của Thiền. Học Kinh điển Đại thừa, đến chỗ này nếu khéo chúng ta có thể thể nhận được lực Như Như bất động nó khác với thiền Nguyên thủy.

Thiền Nguyên thủy thì chúng ta đi biết mình đang đi, chúng ta đứng biết mình đang đứng. Thiền Minh Sát Tuệ thì chúng ta giơ tay biết mình đang giơ tay. Thậm chí có người lạm dụng nói đưa tay thì đưa tay à, chúng ta để tay thì để tay à, chúng ta đi thì đi à, chúng ta đứng thì đứng à, mình xoay bên trái à, mình xoay bên phải à, mình ngó đằng trước à.

Người ta làm như vậy để được Chánh niệm gì đó, nhưng đó không phải là Chánh niệm của Đức Phật dạy.

Những khái niệm trong tâm con người cho rằng mình đi, đứng, nằm, ngồi được nhắc thức như vậy gọi là Chánh niệm tỉnh thức là sai. Đức Phật dạy về Chánh niệm là không có tạp niệm, không có hai niệm, có hai niệm thì không phải là Chánh. Một người đi, rồi nhẩm là đi à thì có mấy người? Ai đi? Ai đi à? Ai giở chân? Và ai biết đi à? Đã là hai, đã rớt xuống tầng hai bên thì không phải là Chánh nữa.

Biết mình đang khởi niệm, nếu đó là một Pháp để chúng ta dụng công biết niệm, thì lúc đó chúng ta còn hai. Còn khi chúng ta nhận ra được cái tự tri để tất cả mọi cái nó hiện trong cái tự tri. Mình tri mà không phải sự chú ý dụng công thì khác nhiều. Cho nên không phải đi biết đi, mà đi như đi, đứng như đứng, ngồi như ngồi, nằm như nằm, là người hiểu lý Như mà Đức Phật dạy ở trong hệ thống Kinh điển này.

Nếu một người nhìn Đức Phật và hiểu Đức Phật có một sự dao động, tức là người đó sai lầm. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi Đức Phật đều Như Như bất động. Đức Phật có thuyết pháp hay Đức Phật có nín lặng cũng là Như. Đức Phật đi cũng là Như đi, nhưng không phải đi tới đi lui giống như mình, Đức Phật đang ở chỗ Như cho nên chỗ nào Đức Phật cũng thành Như, vì vậy không có chỗ đến và không có chỗ đi. Như Lai là không đi đâu và không về đâu.

Người đạt tới cảnh giới Như thì sanh tử đi về đâu? Chúng ta về cảnh giới nào? Một số người đặt câu hỏi là tu theo Tịnh độ niệm Phật chết về Tây phương, còn quý thầy tu Thiền chết đi đâu? Nếu có chỗ để đi thì người đó không phải là người tu Thiền. Có chỗ để chúng ta tới là người đó tu Thiền

chưa tới nơi, vẫn còn ở trong sanh tử. Còn người đạt được cái Như Như rồi, thì họ an trú ở chỗ yên lặng thanh tịnh của Tự Tánh, của Niết Bàn, không cần phải đi đâu mà ở tại đây.

Đối với họ không thời gian và không không gian. Mình nghe nói không có không gian là biến mất chỗ đang ở rồi. Nhưng thực sự từ chỗ không có không gian cho nên khắp pháp giới này là chỗ của họ. Do đó, khi bỏ thân mạng này họ là người khắp mười phương pháp giới, không đi đâu về đâu nữa. Không phải người có chút xíu để sanh đây, sanh kia, chạy tới, chạy lui. Không còn sanh tử nữa, không phải biến mất khỏi cái ngã chấp này để mình không phải là con người nhỏ nhiệm, mà mình hòa nhập vào pháp giới Tánh toàn chân, để mình là người trùm khắp pháp giới này, không đi đến đâu, không về đâu, không có chỗ đi. Nếu mình còn thân, còn tâm thức thì còn cảnh giới, còn có chỗ tới, còn có chỗ lui, còn có chỗ sanh nên còn có chỗ tử.

Đức Phật đã đạt được cảnh giới Vô sanh, hòa nhập trong pháp giới Tánh toàn chân rồi nên không đi, không đến, không sanh, không tử. Không phải mất theo kiểu có và không, mà hòa đồng vào pháp giới Tánh toàn chân để trở thành người toàn tri. Và từ pháp giới Tánh toàn chân đó, người đó muốn đến cảnh giới nào là tùy mình. Tức là muốn hành hạnh Bồ Tát thì tiếp tục đến tất cả các cõi trong pháp giới mười phương, muốn tới chỗ nào đều tự tại, không còn bị nghiệp cuốn lôi nữa, đó là người đã đạt tới cảnh giới Như.

ĐOẠN 30: LY MỘT HỢP TƯỚNG

Này Tu Bồ Đề, nếu người thiện nam, thiên nữ đem thế giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, ý ông nghĩ sao? Số bụi này thật là nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Vì cớ sao? Nếu là bụi thật có đó thì Phật ắt không nói là bụi nhiều. Vì cớ sao? Phật nói các bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi. Bạch Thế Tôn, Như Lai nói thế giới tam thiên đại thiên tức không phải thế giới, ấy gọi là thế giới.

Vì cớ sao? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức không phải một hợp tướng ấy gọi là một hợp tướng.

Này Tu Bồ Đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phàm phu tham trước việc ấy.

Đức Phật nói lấy Tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát thành bụi, thì bụi ấy có nhiều không? Đối với tâm phàm phu so sánh sẽ thấy bụi nhiều, mà đầu chúng ta không thể đếm hết số bụi đó. Đoạn trước Đức Phật phá từ cái phước báu, phá cái có cái không, phá khoảng không gian, đến bây giờ muốn nói tới số nhiều và số ít, cái lớn và cái nhỏ. Đức Phật phá tất cả những cái đó để chúng ta thấy trọn vẹn nó là không.

"Vì cớ sao? Nếu là bụi thật có đó thì Phật ắt không nói là bụi nhiều. Vì cớ sao? Phật nói các bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi."

Nếu thấy số nhiều và số ít bằng tâm so sánh của mình, thì thấy có nhiều và có ít. Nhưng tu một thời gian họ thấy hạt bụi là huyễn giả, tu một thời gian nữa họ thấy hạt bụi là không,

nếu tu tiếp nữa thì họ thấy hạt bụi như là hạt bụi. Khi chúng ta thấy hạt bụi như là hạt bụi nó có khác với hạt bụi của người phàm phu thấy ban đầu không? Khác hoàn toàn. Người phàm phu bình thường thấy có hạt bụi là thật với chính mình. Nhưng người đã thấy đạo lý họ thấy hạt bụi không phải là hạt bụi thì đó mới là hạt bụi. Chúng ta hiểu được ý này không? Hiểu được lý luận này chúng ta mới hiểu Đức Phật nói Kinh Kim Cang, nếu không là chúng ta không hiểu nổi đâu.

Người tu tập bình thường thấy mọi duyên cảnh là thật, nhưng người hiểu lý vô thường thấy nó là vô thường, người hiểu các pháp là huyễn thì tất cả hình sắc hiện ra trước mắt họ là huyễn, người hiểu các pháp là không thì các hình tướng trước mắt chúng ta là không, người hiểu lý nhân duyên thì thấy duyên cảnh là duyên hợp giả có. Nhưng người thấy được như thật rồi, thì các pháp nó đang hiện hữu như thật đó mà nó không thật với họ. Họ hoàn toàn vướng vào cái có và không nơi hiện tướng của vạn pháp, cho nên ở nơi pháp họ thấy như thật đó, nhưng không phải pháp, cho nên nó là pháp như thật. Người phàm phu thấy nó là thật, nhưng nếu dẹp cái đó thì họ thấy là không có nó.

Chúng ta thông cảm nổi không? Nếu chúng ta thấy tất cả duyên cảnh, thấy bằng tâm bình lặng, không có khái niệm gì, không có lớn nhỏ, không có xanh vàng đỏ trắng, chỉ thấy như vậy thôi, thì nó có với mình hay là không với mình. Khi chúng ta xoay lưng mà tất cả duyên cảnh không còn, thì nó là không có với chính mình. Còn xoay lưng mình vẫn thấy cái bông này đẹp thì nó thành có với chính mình. Hoặc quý vị đang nghe tôi nói chuyện ở đây, có một số tiếng động xung quanh quý vị vẫn nghe, quý vị vẫn hiểu lời nói này, âm thanh

kia vẫn nghe mà không có chút nào để tâm thì đối với mình nó thành không. Đang nghe là lời Pháp này, nhưng tiếng ồn chung quanh chúng ta vẫn nhận biết nó, mà nó thành không với chính mình. Chúng ta có thông cảm được âm thanh không phải là âm thanh mới thật là âm thanh không?

Nghe âm thanh mà nghe có và nghe không, tức là chúng ta nghe âm thanh ảo, để chúng ta có sự hiểu biết và nhận định trên cái ảo giác và ảo tưởng của chính mình. Còn nếu chúng ta đã đến với sự thật, tất cả những âm thanh đều được mình nhận biết bằng sự thật, thì chúng ta đang rõ biết tất cả âm thanh ở đằng trước, đằng sau, trong, ngoài, trên, dưới, mười phương, mười hướng, nhận rõ hết không lầm lẫn bất kỳ một âm thanh nào, nhưng không dính lại âm thanh nào. Tất cả mọi âm thanh đều được tan biến ngay cái chỗ chúng ta đang nghe, không phải chúng ta dụng công để loại trừ những âm thanh hoặc để chắt lọc nghe âm thanh nào, đó là một sự sai lầm.

Chúng ta không muốn nói tới điều đó, mà muốn nói tới sự thật hiện hữu để chúng ta rõ biết vạn pháp. Vạn pháp đều là như vậy, nếu chúng ta nói vạn pháp là không thì nó đang hiện hữu không, nói vạn pháp có thì nó đang hiện hữu có, nó đang hiện hữu đó nhưng nó không phải là nó, cho nên nó mới thật là nó.

Đức Phật nói số bụi này thật là nhiều, nhưng vì bụi không phải là bụi, nên nó mới là nhiều. Nếu chúng ta nhắm mắt nghe thôi, thì nghe khắp hết, tự động mình nhận ra âm thanh nhiều, là do chúng ta lắng tâm chú ý để nhận âm thanh nhiều. Còn nếu thực sự không chú ý, không tập trung để nghe âm thanh, mà tất cả âm thanh đều hiện trong cái đang rõ biết

của mình, thì âm thanh này tự động không phải là âm thanh. Chúng ta hiểu nổi không? Chúng ta phải thông cảm được điều này. Tất cả những lý luận trong Kinh Kim Cang đều muốn cho chúng ta chạm duyên cảnh liền thành không.

Từ phước báu, từ hình tướng đẹp, hình tướng xấu, Đức Phật đã phá rồi. Tới thời gian, số nhiều, số ít, cái lớn, cái nhỏ, tất cả những cái chúng ta khái lược được trong đầu mình, Đức Phật đều muốn chúng ta thấy rằng từ trước tới giờ nó không thật, nó vốn là Như. Nếu chúng ta còn có chút khái niệm có duyên trần, thì nó thành có, thành không, thành ngã, thành pháp với chính mình. Ngay đây nếu tất cả những khái niệm chúng ta không còn nơi lục căn nữa, thì tự nhiên ngã pháp đều tan biến. Như vậy chúng ta luôn sống được trong cái Như Như bất động. Đó là điều Đức Phật muốn chỉ dạy.

ĐOẠN 31: TRI KIẾN CHẲNG SANH

Này Tu Bồ Đề, nếu có người nói Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, này Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy hiểu nghĩa của ta nói chăng?

Bạch Thế Tôn, không hiểu vậy. Người ấy không hiểu nghĩa của Như Lai nói. Vì cớ sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

Này Tu Bồ Đề, người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin hiểu, không sanh pháp tướng. Này Tu Bồ Đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.

Gần kết thúc bản Kinh Kim Cang, Đức Phật lại nói về tứ tướng. Nếu chúng ta thấy có mình là "ngã", thấy có cái thân của mình là "nhơn" đó là tầng sâu nhất về ngã kiến. Đây là lời nói của tôi, là suy nghĩ của tôi, là việc làm của tôi là có tam nghiệp thân, khẩu, ý. Còn tôi là người khác nữa. Khi có "ngã" thì "nhơn" trở thành đối tượng. Khi có mình và có thân này thì mình muốn cho thân này sung sướng, thân này được ăn ngon, thân này được mặc đẹp là "chúng sanh" sanh ra. Nếu thân này được ăn ngon, được mặc đẹp là chúng ta vui, nhưng thân này lao nhọc cực khổ chúng ta buồn là "thọ giả". Với chính mình cũng có đầy đủ "ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả," đó là lớp tứ tướng thứ nhứt.

Lớp tứ tướng thứ hai, mình thấy toàn thân này là một, không còn là hai giống như hồi nãy. Mình là người nam, người

kia là nữ là có "ngã" có "nhơn." Khi người nam và người nữ gặp nhau, nói chuyện, giao tiếp, buồn thương giận ghét, suy nghĩ nói câu này câu kia là "chúng sanh" sanh ra. Sau cuộc giao tiếp đó mình thương hoặc ghét người đó là "thọ giả." Khi có đối tượng là chúng ta có đủ tứ tướng.

Mắt chúng ta nhìn là ngã, mình nhìn thấy bình bông là Nhơn, rồi chúng ta nhận định nó là đúng sai hay dở, là đẹp, là xấu là "chúng sanh" để chúng ta thương hay ghét nó là "thọ giả" là có đủ tứ tướng. Trong cái nghe, ngửi, nếm đều xảy ra trong tứ tướng. Nhứt cử nhứt động của chúng ta trong cuộc đời này đều diễn ra trong tứ tướng, chúng ta không làm cái gì để thoát ra khỏi tứ tướng. Đức Phật nói không có ngã nên không có cái thấy của "ngã", không có nhơn cho nên không có cái thấy "nhơn", không có "chúng sanh" và không có "thọ giả." Nhưng người nào nói Đức Phật có ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thì người ấy không hiểu Đức Phật. Nhưng sự thật ngồi tại đây, nếu chúng ta là người chưa giác ngộ thì chúng ta lấy cái gì để thoát khỏi tứ tướng?

Mình là người tu Thiền, mình là "ngã", pháp mình đang tu là quán sổ tức, thì pháp đó là "nhơn" của mình. Trong lúc chúng ta ngồi hít vô thở ra đếm một, hít vô thở ra đếm hai, đếm tới mười không lộn không quên suốt một tiếng đồng hồ là "chúng sanh". Mình cảm thấy vui là mình đã tu thành công, mình nghĩ ngày mai mình sẽ cố gắng giữ để thời thiền sau cũng được như vậy, nhưng mình lại đếm lộn mình buồn là "thọ giả". Pháp tu cũng có đủ tứ tướng. Hoặc mình niệm Phật suốt một tiếng đồng hồ không lộn không quên mình cảm thấy vui, là có đầy đủ "ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả". Ngày mai mình cũng niệm Phật, nhưng mới có mấy câu mình nhớ

chuyện hôm qua mua món gì ăn chưa đã ngày mai mình sẽ mua món khác. Như vậy hết thời thiền mình niệm Phật lộn xộn nên không vui là có đầy đủ tứ tướng. Đó là người mới tu.

Người tu sâu trong thiền định một tiếng đồng hồ được định, hôm nay mình ngồi ba tiếng không khởi niệm, tâm mình rỗng lặng thênh thang bất động an lạc vô cùng, quá vui. Hoặc mình niệm Phật từ ngày này tới ngày kia nhứt tâm bất loạn, không khởi bất kỳ ý niệm nào cũng quá vui, là có đầy đủ tứ tướng.

Nếu thấy còn có mình, còn có một khái niệm gì đó về mình, còn có một Pháp nào đó để mình có thể dụng công được, tức là chúng ta đi sâu vào tứ tướng. Tất cả Pháp tu đều nằm trong tứ tướng. Nếu hành giả tu tập đến mức độ hoàn toàn không có ngã, không có Pháp để dụng công, không có sở chứng, không có sở đắc thì người đó mới thoát khỏi tứ tướng. Ít ra người đó phải thấy như Đức Phật thấy là không thấy có ngã, không có ngã là không có đối tượng của ngã. Ngay khi thấy tức là Như thì không có đối tượng, ngay khi nghe là Như thì không có đối tượng, tức là trong cái thấy nghe tan biến tứ tướng. Từ cái gốc ngã không có, cái thấy của bản ngã không có, cái nghe của bản ngã không có, cái ngửi của bản ngã không có thì chúng ta mới thoát khỏi tứ tướng, còn tất cả những dụng công nào cũng đều ở trong tứ tướng. Có sở chứng sở đắc đều rớt trong tứ tướng. Trong đời thường và những người đang dụng công tu tập là đang ở trong tứ tướng. Đức Phật nói người nào có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì người đó rớt trong tứ tướng và đi trong sanh tử.

"Này Tu Bồ Đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng."

Ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng đều chẳng phải là ngã tướng, chẳng phải là nhơn tướng, chẳng phải là chúng sanh tướng, chẳng phải là thọ giả tướng. Đây là một chiêu quét sạch, nếu chúng ta thực sự nhận ra không ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả thì chúng ta luôn luôn sống trong cảnh giới Như Như bất động. Học Kinh Kim Cang chúng ta phải tới chỗ này và phải sống được với cảnh giới Như Như bất động trong từng phút giây, là người đó đang hành hoặc đang trì tụng Kinh Kim Cang.

Nếu lúc nào chúng ta cảm giác có mình thì tứ tướng xuất hiện. Khi có tứ tướng là có mình trước, nên bước đầu Đức Phật đã đưa con người ta tới cảnh giới vô ngã. Từ cảnh giới vô ngã đó chúng ta đạt được cảnh giới vô sanh nhẫn, đạt cảnh giới Như, rồi đạt cảnh giới không tứ tướng, thì mới quét sạch tâm thức. Chúng ta không làm cách nào thoát khỏi tứ tướng, nếu chúng ta chưa đạt được cảnh giới vô ngã. Khi đạt được cảnh giới vô ngã rồi, thì chúng ta không làm cái gì để có thể thành tứ tướng được. Đó là thành tựu công phu của mình.

ĐOẠN 32: ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI THẬT

Này Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy báu bằng thế giới trải qua số kiếp vô lượng A tăng kỳ kiếp để bố thí. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề đem Kinh này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói thì phước của người này còn hơn phước của người kia. Thế nào là vì người diễn nói. Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Vì cớ sao?

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương cũng như điện
Nên khởi quán như thế.

Phật nói Kinh này rồi, trưởng lão Tu Bồ Đề và chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, tất cả thế gian trời, người, A tu la nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin thọ và vâng làm.

Đây là đoạn kết của Kinh Kim Cang. Đức Phật nói nếu một người đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới đi bố thí, thì phước người đó vẫn không bằng phước một người đem bốn câu kệ Kinh Kim Cang thọ trì đọc tụng và vì người khác giảng nói. Như thế nào vì người diễn nói? Đức Phật nói người đó chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Tức là chúng ta nhận tất cả tướng đều không phải tướng, mới thật là tướng, thì đối với tất cả các tướng không thủ, không xả.

Khi nghe đoạn này chúng ta bắt đầu công phu, nếu mắt thấy sắc là có tướng nên quán nó thành không, để tướng đó liền thành không với mình. Hoặc chúng ta quán pháp này là

huyễn nó tạm có rồi mất, hoặc quán nó là duyên hợp do cái này cái kia kết hợp lại mà thành, hoặc quán nó là duyên tan là nó mất, hoặc quán pháp vô thường nó hiện tướng đó dần dần nó sẽ già, sẽ rụi, rồi tan biến. Quán như thế gọi là chúng ta đang tu để chúng ta không dính mắc trên tướng, gọi là không thủ nơi tướng, thì có chắc là mình thoát khỏi tướng này không? Xin thưa không thể thoát được. Vì ngay từ đầu chúng ta thấy nó là thật nên mới quán nó là huyễn, quán là nhân duyên, quán là vô thường. Nếu ngay từ đầu thấy các pháp không là pháp thì chúng ta không cần quán nữa. Hai chỗ khác nhau nơi cái thấy nhìn của chính mình.

Nếu bây giờ chúng ta thấy các pháp không phải pháp mới thật pháp. Khi chúng ta kết luận thật là pháp đó, không có nghĩa là pháp đó thật với chính mình, mà thật của nó là không. Chúng ta thông cảm nổi chuyện này không? Chúng ta phải thấy ra sự thật này, nếu không chúng ta dụng công là không phải điều Đức Phật muốn nói.

Đức Phật nói một người muốn giảng, hay thọ trì, đọc tụng Kinh Kim Cang, vì người khác giảng nói thì người đó phải không thủ nơi tướng, Như Như bất động. Cái Như Như chúng ta nói rồi, bây giờ chúng ta nói cái không thủ. Nếu chúng ta đang nghe như thế này, và chúng ta có thể suy nghĩ lại những lời nói từ nãy tới giờ được, chúng ta có thể nhớ lại được, là chúng ta có thủ nơi tướng không? Có vướng mắc nơi âm thanh đó không? Nếu chúng ta thấy âm thanh là thật có với chính mình, thì mình có tu cách nào đi nữa cũng không thể xả ly được.

Từ chỗ mình không thật có, âm thanh không thật có, ngay khi nói là Như, là chúng ta có thủ, có xả không? Không

có xả nhưng không dính. Theo tính của thế gian tất cả các pháp vốn tự ly, thì chúng ta không thể thủ, không thể xả nó được. Nói theo tinh thần Kinh Kim Cang thì tất cả các pháp vốn vô sở trụ, mình cũng là pháp, thân này cũng là pháp, tâm này cũng là pháp, thân tâm này cũng đang vô trụ, tất cả những hình tướng ở thế gian này cũng vô trụ, tất cả những nhận biết của mình vô trụ, tất cả các pháp đều vô trụ và mình cũng đang vô trụ, thì lấy cái gì để trụ cái gì mà dính lại? Mình ở đâu để trụ mà dính được các pháp?

Mình vô trụ, tất cả các pháp đều vô trụ, hay nói khác hơn chúng ta không trụ được nơi pháp, không phải là thủ và xả. Nếu có mình ở đây, mình cảm giác mình có dính các pháp rồi, ví dụ mình thấy một bông hoa đẹp, mình thích rồi, bây giờ nói ráng tu để hoa này nó tan biến không còn dính trong đầu mình nữa, gọi là mình xã pháp, như vậy thông thường gọi đó là tu.

Hoặc có ai tặng mình một lời nói nặng, mình nghe rất phiền lòng, là chạm tới bản ngã mình, nên mình cho người này không tốt, nhưng thôi mình tu mình xả bỏ, gọi là không thủ tướng, đúng không? Từ chỗ chúng ta thấy nó là thật để nó làm chúng ta đau khổ, phiền muộn là chúng ta đã thấy sai. Bước kế tiếp chúng ta xả bỏ nó là cái sai thứ hai, không phải là việc làm đúng. Quan trọng là chánh kiến, là cái thấy biết đúng khi chúng ta chạm duyên xúc cảnh thấy nó là Như thì tự động nó không dính.

Tất cả các hành giả tu tập đến cảnh giới này, tới mức tận cùng của Kinh Kim Cang thì chúng ta phải nhận biết tất cả các pháp tướng vốn tự ly, vốn vô sở trụ, vốn tự như, để mình không dính duyên cảnh, mới gọi là không thủ nơi tướng.

Nếu mình thấy mà không thấy sắc, không khởi niệm nơi sắc, gọi là "Sắc tức thị không" thì còn phải ngồi lại nhiều kiếp nữa. Tại sao mình thấy nó là sắc rồi, mà không khởi niệm, nó lại biến thành không? Nếu ban đầu mình thấy nó thực sự là sắc, thì có khởi niệm hay không khởi niệm nó cũng vốn là sắc của chính mình, thì sắc đó không thể thành không được. Thấy nó là không là do mình cưỡng lý thôi, mình quán nó thành không theo cái hiểu biết của mình, chứ thực sự nó không có không với chính mình, tại mình ráng thấy nó là không. Nhưng ngay từ đầu mình thấy sắc không phải là sắc, thì sắc đó liền thành không hay không? Sắc đó là sắc. Học Bát Nhã chúng ta sẽ thấy điều này.

Nghe nói không trụ, không thủ nơi tướng thì họ bắt đầu tu quyết liệt, đối với sắc ráng làm sao đừng khởi niệm, nếu lỡ dính Sắc rồi thì xả ly, lỡ dính âm thanh rồi thì xả ly; mũi, lưỡi, thân, ý mình đều như vậy; lục căn tiếp xúc lục trần cố gắng xả đừng cho dính gọi là không thủ nơi tướng. Đúng không? Đó chỉ là tầng ngoài chưa tới tầng sâu của Kinh Kim Cang. Vậy không thủ tướng thì người đó phải thế nào?

Sư Tổ nói*: "Ngay nơi chạm mắt là Bồ đề."* Tức là ngay nơi cái thấy nó vốn là Như, không có trước, không có sau, không có trong, không có ngoài, không có thời gian, không có không gian. Giữa mình và vạn hữu nếu mình nhìn thấy còn khoảng cách, ví dụ quý vị đang ngồi đó thấy chúng tôi ở đây là có ngã kiến, nhơn kiến, vậy chúng ta muốn xả tướng này thì xả làm sao?

Khi có mình và có người trong một khái niệm rất nhỏ, thấy mình khác với duyên cảnh, thấy mình khác với khoảng trước mặt, hoặc thấy có mình và có hư không là có sắc và có

không, có ta và có người, có ngã và có pháp. Vậy chúng ta không có cách nào xả mình khỏi hư không. Mình đang ở trong hư không thì xả làm sao để mình thoát khỏi hư không đây? Xả không được, tức là chúng ta còn kẹt trong tướng không của hư không. Cho nên làm sao giữa mình và hư không không còn đối tượng. Ngay tại đây mình rõ biết hư không không đối tượng thì tướng tự ly, không phải do chúng ta không khởi niệm, hai cái khác nhau hoàn toàn.

Nếu chúng ta ở chỗ vô sanh để nhận biết mọi pháp, thì tất cả các pháp đang hiện trong cảnh giới vô sanh đó, từ chỗ vô sanh rõ biết vạn pháp thì đó là chỗ không dính mắc. Còn nếu chúng ta đến bất kỳ vị trí nào trong đời sống này cũng đều có ngã và có nhơn, đều có tướng, thì đời sống chúng ta không xả nơi tướng, và chúng ta sẽ không đạt được cảnh Như Như bất động như Đức Phật nói.

Nếu mình thấy là Như, nghe là Như, ngửi là Như, nếm là Như thì chúng ta không dính mắc trên hình tướng nữa. Tướng ở sắc, ở âm thanh, ở mùi vị, làm sao nơi lục căn chúng ta tiếp xúc với trần tướng không còn đối tượng, thì coi như chúng ta không thủ nơi tướng, và chúng ta đạt được cái Như Như bất động. Mắt chúng ta xuất phát từ cái rõ biết của Tự Tánh mà hiện ra để rõ biết hình sắc, không phải mình là cái người ở đây để thấy hình sắc. Hoặc chúng ta đang ở cái toàn tri chúng ta tri âm thanh đang hiện hữu, không phải lỗ tai chúng ta đang nghe âm thanh, hai cái khác nhau hoàn toàn.

Trong mọi thời khắc tất cả những sắc pháp, âm thanh, những hình ảnh đều hiện rõ trong cái tuệ tri của chính mình, thì chúng ta không dính bất kỳ một cái gì. Nếu một phen chúng ta thấy có đối tượng là liền dính. Cho nên Đức Phật nói

tiếp một bài kệ này để kết thúc bản Kinh Kim Cang.

"Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt, bóng
Như sương cũng như điện
Nên khởi quán như thế."

Chúng ta bắt đầu quán pháp như vậy để gọi là tu theo tinh thần Kinh Kim Cang. Thấy tất cả các pháp là hữu vi rồi, có hình có tướng rồi, nó giống như mộng, khi giựt mình thức dậy thì mộng tan biến nó không có thực với chính mình. Hoặc tất cả các pháp là huyễn, âm thanh nói ra một chút nó cũng mất, giống như huyễn thuật, như người ảo thuật giơ cần câu giựt lên ra con lươn, nó không có thật. Giống như bọt nổi trên mặt biển rất mong manh, chỉ cần một cơn sóng hoặc gió thổi nhẹ nó cũng vỡ tung. Nó giống như bóng, như sương mai buổi sáng đầu cành chiếu long lanh, nhưng nắng lên nó cũng tan. Giống như điện chớp, tất cả pháp thế gian nhìn thấy đó rồi mất đó, có đó rồi không đó, phải đó, quấy đó thoáng qua nhanh như điện chớp. Phải khởi quán như thế mới đúng là tu theo tinh thần Kinh Kim Cang, có phải không?

Thực sự một người nhận được lý Kinh Kim Cang ngay từ đầu, thì tới đây có cần phải quán như vậy không? Không cần. Ngay từ đầu chúng ta đã thấy tất cả các pháp là vô trụ, chúng ta không trụ được nơi pháp, thì không cần quán nó có, nó không, vì nó đã là vô trụ rồi. Nhưng không biết tại sao lại có bài kệ kết thúc Kinh Kim Cang như thế này?

Chúng tôi nghi ngờ rằng bài kệ này không phải chánh gốc Kinh Kim Cang. Người tu đúng tinh thần Kinh Kim Cang, nếu quý vị đã từng nghe Kinh Kim Cang cho tới giờ phút này, mà ngồi lại quán các pháp là không, là huyễn, như bóng, như

bọt, như sương, như gió mà nói là tu theo Kinh Kim Cang, thì hoàn toàn không đúng với tinh thần Kinh Kim Cang.

Nhiều ngàn năm lịch sử, trải qua mỗi thời Phật giáo được truyền bá ở nước này sang nước kia, có thời những người phật tử nắm chính quyền, thì họ bảo hộ Phật giáo một cách trọn vẹn. Có những thời có những người không phải là phật tử mà là đạo giáo khác họ xen ý của họ vô, hủy bản chính và thêm bốn câu này vô. Rồi nhiều đời chúng ta truyền tụng nhau tu theo Kinh Kim Cang phải thuộc bốn câu này và gọi là tu theo Kinh Kim Cang. Nếu nói tu theo Kinh Kim Cang mà quán các pháp như mộng, như huyễn, như bóng, như bọt, như sương, như điện chớp thì còn nguyên tứ tướng. Có quán tới trời cũng thành tứ tướng, vì có mình, có pháp, có ngã kiến, có nhơn kiến, có chúng sanh kiến, có thọ giả kiến tức là có tứ tướng. Mà Đức Phật nói tứ tướngkhông có thì pháp làm gì có. Không có ngã, không có nhơn thì các pháp thành mộng huyễn không? Ngã không, nhơn không, lấy đâu mà mộng, huyễn, bóng, bọt, lấy đâu mà sương?

Người tu đúng tinh thần Kinh Kim Cang, đã thấy như thật tất cả các pháp thì không cần phải quán. Tất cả các pháp đang hiện hữu chúng ta Như Như rõ biết nó, không cần phải quán trước, quán sau, quán trong, quán ngoài, quán giả, quán thiệt. Như thật để thấy biết vạn hữu, đó là tinh thần Kinh Kim Cang mà từ đầu Đức Phật đã nói.

Phần trước Đức Phật đã quét sạch bằng tứ tướng; có nghĩa ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả đã không có; thì bây giờ xuống tới đây quán cái này để thành cái gì? Nếu như có mình thì mình thấy có pháp là có nhơn. Nếu như quán pháp được thành mộng thì mình vui, mà quán pháp không thành mộng

thì mình buồn, tức là có thọ giả. Mình quán pháp là bọt, là bóng, là sương, là điện chớp là chúng sanh, là có đủ tứ tướng. Đã rớt sâu xuống tầng tứ tướng, thì chúng ta có làm gì đi nữa cũng không ra khỏi tư tướng.

Đức Phật đã phá cái gốc là cái thấy vô ngã để đạt đến cái đức vô sanh nhẫn, để thấy tất cả các pháp là đều là Như, để thấy Như Lai không đi đến đâu, không về đâu. Và Đức Phật quét luôn cả tứ tướng, từ chỗ thấy không có ngã, không có nhơn, không có chúng sanh, không có thọ giả; là tứ tướng đã mất mà còn ngồi đây để quán các pháp như huyễn là làm sao? Thật vô lý.

Theo chúng tôi đừng nên có bài kệ này trong Kinh Kim Cang thì hay hơn, bài này gần như bị dư. Kinh Kim Cang không thể kết thúc theo kiểu rất thấp như thế này. Có thể kết thúc ngang đoạn không tứ tướnglà tuyệt vời nhất, không cần thêm đoạn này nữa. Bốn câu này không thâu tóm được tất cả những tinh túy Kinh Kim Cang, mà là những lối quán, những lối tu tập của những người chưa ngộ nổi lý vô trụ nữa, làm sao mà tóm được ý Kinh.

Thời thịnh suy của Phật pháp có khi ngoại đạo muốn làm mất giá trị của bản Kinh lớn này, họ sửa để bài này vô và hủy bản chính, qua đời sau nghiễm nhiên chúng ta truyền nhau bằng bản này và cho là Kinh Phật nói nên không dám đụng tới. Theo chúng tôi, nếu chúng ta không đụng tới thì đời sau có người tiếp tục lầm nữa, cho nên bây giờ mình phải đụng. Không biết nó có từ thời nào, theo tôi từ đây về sau bản Kinh Kim Cang đừng có đoạn này thì hay hơn. Nếu ai đồng tình thì sau này có duyên chúng ta kiết tập lại Tạng Kinh của Đức Phật, cắt đoạn này. Đời sau con cháu chúng ta học tới đoạn tri

kiến chẳng sanh là hết thì hay lắm, gói trọn được ý Đức Phật muốn nói.

"Phật nói Kinh này rồi, trưởng lão Tu Bồ Đề và chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, tất cả thế gian trời, người, A tu la nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin thọ và vâng làm."

V. KẾT LUẬN

Kinh Kim Cang là bản Kinh Đại thừa đốn ngộ thực sự, nhưng Kinh Kim Cang khác với những bản Kinh Đại thừa khác. Như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, khởi đầu Đức Phật phóng một luồng hào quang nơi lông trắng giữa chặn mày, trên thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới thấu địa ngục A Tỳ. Trong khoảng giữa đó, thấy tất cả các cõi nước hiện ra, có những cõi nước có các vị Bồ Tát đang hành đạo, hoặc mới phát tâm rồi tu thành Phật, có các vị Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, nhập Niết Bàn, lưu bố xá lợi v.v… Riêng Kinh Kim Cang không nói đến các điều đó.

Khởi đầu Kinh Kim Cang nói tới Đức Phật đến giờ ôm bát vào thành theo thứ lớp khất thực, xong về thọ trai, rửa bát, ngồi thiền. Nhưng ngài Tu Bồ Đề phát hiện một hành động hết sức đời thường của một con người rất bình thường, nhưng lộ trọn vẹn đạo lý, cho nên Ngài mới đứng lên đảnh lễ thưa Đức Phật: *"Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"*

Ngài Tu Bồ Đề thấy được cái đi, cái đứng, cái ngồi của Đức Phật thể hiện trọn vẹn Phật đạo của Ngài. Vì vậy ngài Tu Bồ Đề ước ao được thành Phật như Đức Phật. Nhưng muốn thành Phật như Đức Phật thì phải làm sao? Muốn an trụ tâm thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và muốn yên ở trong tâm thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải làm sao?

Đức Phật nói: Các vị Bồ Tát lớn nên như thế mà an trụ

tâm, như thế mà hàng phục tâm; phải độ vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình mà thật không có chúng sanh được diệt độ; bố thí ba không trụ tướng mới thật là Bồ Tát; nói tới tứ tướng; không nên trụ sắc sanh tâm; không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm; nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia. Đoạn này cư sĩ họ Lư đã ngộ và sau trở thành Lục Tổ Huệ Năng. Còn Việt Nam có vua Trần Thái Tông nghe Kinh Kim Cang tới đoạn này mà ngộ. Và tiếp tục trở về sau Đức Phật nói tới Như Như, nói tới tứ tướng.

Ngay từ đầu Đức Phật đã khởi điểm dạy Ngài Tu Bồ Đề cách hàng phục và cách an trụ tâm, là điều chính yếu trong công phu tu hành. Nếu cái thấy này mà thấy đúng thì liền trở thành đốn ngộ, thấy sai trở thành tiệm tu. Bởi lý của câu: Làm sao an trụ tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và làm sao hàng phục tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác kia. Và câu hàng phục tâm kia đã bị người ta hiểu lầm. Hàng phục có hai nghĩa là quy phục và chiết phục. Quy phục có nghĩa là quay về, chiết phục có nghĩa là trừ khử. Nếu chúng ta hiểu hàng phục theo kiểu chiết phục thì vừa khởi tâm cầu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì liền diệt trừ tâm đó. Nhưng nếu chúng ta hiểu theo kiểu quy phục, là làm sao có tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì làm sao quy phục trở về sống được với tâm đó. Chẳng lẽ vừa khởi niệm phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì liền diệt trừ tâm đó. Nhiều người hiểu lầm cho nên lấy cái nghĩa hàng phục, làm sao an trụ Chơn tâm và làm sao hàng phục vọng tâm, thì lại biến quyển Kinh Kim Cang thành quyển Kinh tiệm tu. Đức Phật hoàn toàn không nói điều đó, chúng ta sẽ thấy lộ ra ở phần sau.

Đức Phật nói: Này Tu Bồ Đề, nếu một người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải như thế này mà hàng phục, phải như thế này mà an trụ, tức là độ vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình tới Vô dư y Niết Bàn mà không có chúng sanh thật được diệt độ. Đó là vấn đề làm sáng tỏ ý trước.

Đức Phật dạy chúng ta độ vô lượng, vô số, vô biên chúng hữu tình tới Vô dư y Niết Bàn. Người muốn đưa người ta tới Vô dư y Niết Bàn, thì người đó phải ở vị trí Vô dư y Niết Bàn mới đưa chúng sanh tới Vô dư y Niết Bàn. Nếu bây giờ nói đưa chúng sanh tới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta đưa bằng cái gì? Sức đâu mà đưa, biết Tây Phương Cực Lạc là ở đâu? Một chúng sanh bình thường không thể làm cho một chúng sanh khác thành Phật, chỉ có Phật mới làm cho người khác thành Phật được thôi, chúng ta phải hiểu nghĩa này. Người ở cõi Phật mới có thể kéo người ta về cõi Phật. Người đã là Phật mới có thể làm cho người ta thành Phật. Cảnh giới Vô dư y Niết Bàn là cõi vô sanh, bất sanh bất diệt, cho nên không có một chúng sanh thật được diệt độ.

Có tất cả chín loài chúng sanh: Hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hoá sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng, là chúng sanh tâm của chúng ta chứ không phải chúng sanh bên ngoài.

Loài thai sanh là vừa mang thai liền thành hình tướng. Ví dụ mình khát nước là đưa tay bưng ly nước uống liền, hoặc là suy nghĩ câu gì là mình nói liền, vừa tác ý liền thành hành động. Chúng sanh noãn sanh là sanh ra bằng trứng nó ấp thời gian mới nở thành con, chúng sanh đó xảy ra nơi tâm của

mình. Ví dụ mình ngồi đây nghĩ là chút nữa đi về ngang quán phở mình ăn một tô, nhưng mình vẫn ngồi đây chưa ăn, tới chừng về ngang đó mình mới vào ăn lúc đó là trứng nở thành con.

Chúng sanh hóa sanh sinh ra không có nguyên nhân rõ ràng, tự biến hóa ra. Trong tâm thức chúng ta, hóa sanh là những chúng sanh sinh ra một cách đột biến. Ví dụ bà mẹ mất con buồn quá nên sinh ra điên loạn, đó là bản tánh sinh ra bất thường do một cớ sự nào đó. Hoặc có người có khi bị dồn nén quá mức khiến phát sinh nộ khí bất thường.

Chúng sanh thấp sanh sinh ra từ sự ẩm ướt nơi tâm hồn. Là chúng sanh sinh ra từ nước ái như nước mắt, mồ hôi, nước tiểu v.v… Là những đau khổ sinh ra nhiều nhất trong tình ái. Là những dạng tình cảm khó nói của con người. Ví dụ bị thất tình, bị đau khổ thầm lặng, bị dồn nén dẫn đến tự vẫn, quyên sinh, hoặc trở thành khùng điên. Đi sâu hơn nữa là bị trầm cảm, nhìn cái gì của cuộc đời cũng thành tăm tối, dạng này xảy ra nhiều với những người thất bại trong tình cảm.

Bốn loài chúng sanh noãn sanh, thai sanh, hóa sanh, thấp sanh trong con người bình thường chúng ta đều có. Và khi chúng ta tu tập sẽ nhận được cảnh giới có năm loài chúng sanh: Hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc chẳng có tưởng chẳng không tưởng. Chín loài chúng sanh này khi xảy ra nơi tâm, chúng ta sẽ đưa hết nó vào Vô dư y Niết Bàn mà không thấy có chúng sanh thật được diệt độ. Vì sao? Vì nếu có một chúng sanh thật được diệt độ là chúng ta rớt vào ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả là rớt vào tứ tướng.

Ngay từ đầu tinh thần Kinh Kim Cang, Đức Phật đã

nói tới điều này, nếu chúng ta thấy có một chúng sanh thật là có ngã thật, thì chúng ta đưa chúng sanh đó tới Vô dư y Niết Bàn thật, tức là có thật một chúng sanh được diệt độ. Còn đằng này nếu thấy được ngã không, thì tất cả chúng sanh đó đã là không, thì không có người để đưa và không có chúng sanh được đưa, nên không có chúng sanh thật được diệt độ.

Đức Phật nói tới Bố thí ba không trụ tướng là bố thí Ba la mật (Không có mình bố thí, không có vật thí, không có người thọ thí). Đối với tất cả pháp trần chúng ta một phen không dính lại; thân của chúng ta, tâm của chúng ta, ngũ uẩn chúng ta phải thật sự giai không để tất cả các pháp với mình nó vốn là không. Đó là chỗ Đức Phật muốn bàn tới. Khi chúng ta bố thí ba thì phải bố thí Ba la mật, có nghĩa một phen chúng ta không dính nơi thân tâm của chính mình. Tất cả các pháp trần gian chúng ta trả hết cho trần gian không dính mắc được, tam giới này chúng ta cũng không dính nữa thì gọi là bố thí Ba la mật.

Sau đó Đức Phật nói: "Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia." Nếu một người tu theo kiểu từ đầu là hàng phục vọng tâm, thì tới đây tiếp tục tu nữa. Tức là ở nơi mắt không trụ sắc, ở nơi tai không trụ âm thanh, ở nơi mũi không trụ mùi. Nơi lục căn chúng ta không trụ lục trần để sanh tâm, mà nên sanh tâm nơi không chỗ trụ.

Nếu một người bình thường nghe đoạn này chúng ta sẽ dụng công tu làm sao cho mắt thấy sắc đừng dính sắc, tai nghe tiếng đừng dính tiếng…Nhưng Cư sĩ họ Lư vừa gánh củi, vừa dựa cửa chờ lấy tiền nghe trong nhà tụng Kinh Kim Cang tới câu: *"Bất ưng trụ sắc sanh tâm. Bất ưng trụ thanh*

hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm," Ngài ngộ liền. Ngài không tu ngày nào nghe tới đây liền ngộ, khác với chúng ta. Lý do tại sao? Tại chúng ta còn thấy sắc để không sanh tâm nơi sắc. Cư sĩ họ Lư không phải như vậy, Ngài thấy ra liền mình không trụ được nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vì tất cả các pháp vốn vô trụ, cho nên sanh tâm nơi không chỗ trụ. Tức là nhận biết tất cả các pháp đều vốn vô trụ, cho nên mắt không trụ được sắc, tai không trụ được âm thanh, mũi không trụ được mùi, lưỡi không trụ được vị, thân không trụ được nơi xúc chạm và ý không trụ được pháp trần, cho nên Ngài nhận được lý vô trụ. Vì vậy sau tám tháng giã gạo Ngài biết là *"xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ."* Ngài nhận được lý vô trụ ngay từ đầu mà tu tập. Người nhận ra lý vô trụ là người đã độ vô lượng, vô biên, vô số chúng hữu tình mà không có chúng sanh thật được diệt độ.

Lần lần Đức Phật nâng cấp lên để chúng ta thấy được là tất cả là không. Những hình sắc như sơn hà, đại địa, núi non, tất cả đều là không, đối với cái nhìn của người ngộ đạo. Rồi thấy được quả chứng của Đức Phật là Vô Thượng Bồ Đề cũng là không, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật cũng là không. Nói chung tam giới này nếu một phen chúng ta thấy đúng thì nó không có với chính mình. Và thấy cho tới mức độ tận cùng là thấy tất cả các pháp là vô ngã, để đạt được Vô sanh pháp nhẫn, để thấy được tất cả các pháp là Như, để thấy tận cùng là tứ tướngcũng không có. Và người đó đang sống trong không trụ tướng, để đạt cảnh giới Như Như bất động một cách toàn triệt. Đó là bản Kinh Kim Cang mà Đức Phật muốn nói.

Một người học đúng, tu tập đúng tinh thần Kinh Kim

Cang là luôn luôn nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của mình thấy tất cả các pháp là Như. Thấy là Như, nghe là Như, ngửi là Như, nếm là Như, không rớt xuống tầng thấp hơn. Nếu bây giờ mắt mình thấy còn đối tượng là không Như, tai nghe mà còn đối tượng là không Như, mình thấy có thời gian, thấy có không gian, còn có trước, còn có sau, còn có trong, còn có ngoài thì không phải là cái thấy Như.

Người ngộ Kinh Kim Cang ngay từ đầu phải nhận lý vô trụ để mình thấy tất cả các pháp từ xưa tới giờ không dừng trụ, mình hoàn toàn là người giải thoát, không bị vướng mắc trong trần gian này. Chúng ta bước vào cảnh giới Như Như bất động trong cái thấy nghe hay biết của mình. Thấy là giác ngộ, nghe là giác ngộ, ngửi là giác ngộ, nếm là giác ngộ, đi đứng nằm ngồi trong cái thấy biết giác ngộ toàn triệt, không vướng lại, đó là người đang trì tụng Kinh Kim Cang, theo đúng tinh thần Kinh Kim Cang.

Ngay bây giờ chúng ta đều phát nguyện trì tụng Kinh Kim Cang. Từ giờ phút này chúng ta là người hay biết rõ ràng hiện tiền Như Như bất động đúng với tinh thần Kinh Kim Cang mà Đức Phật dạy. Nếu chúng ta thấy có, thấy không là chúng ta rớt xuống tứ tướng, thấy khái niệm có một khoảnh khắc có thời gian là chúng ta rớt xuống tứ tướng, thấy có một chút không gian là chúng ta rớt xuống tứ tướng. Ví dụ chúng ta đang ngồi đây, tự nhiên trong đầu mình có khái niệm một chút nữa là có tương lai, có thời gian; hoặc chúng ta nhớ lại chuyện hồi nãy là chúng ta rớt vào quá khứ. Người thấu suốt Kinh Kim Cang, thì người đó thấy biết ngay nơi hiện tiền này không có thời gian và không gian.

Tất cả mọi thời mọi lúc xảy ra trong đời sống này thực

sự không có thời gian và không có không gian, đây là thật Pháp mà Đức Phật muốn chỉ bày trong bản Kinh Kim Cang. Sở dĩ chúng ta thấy có thời gian, thấy có không gian là do cái đầu mình ngồi đây mình bị khái niệm, tự động mình nhớ lại chuyện hồi nãy, mình chuẩn bị cho chuyện tương lai, là tự mình đã bước rời ra khỏi thực tại không thời gian, không không gian của chính mình và của vạn hữu. Nếu ngay tại đây, ngay cái hít thở vào ra chúng ta hoàn toàn không có thời gian, không có không gian là chúng ta vượt thoát khỏi tam giới, không cần phải thêm bớt bất kỳ cái gì.

Một người trong đi, đứng, nằm ngồi, thấy, nghe, hay biết với chính mình, đang sống trong thực tại hiện tiền không thời gian, không không gian, là người đó đang trì tụng Kinh Kim Cang. Người đó đang ly các tướng, người đó đang sống Như Như bất động như tinh thần Kinh Kim Cang mà Đức Phật chỉ dạy.

Chúng tôi rất mong những người có duyên lành nghe được Kinh Kim Cang, chúng ta nên bắt đầu ngay tại đây mà trì tụng, tức là quý vị ngồi tại đây không có quá khứ, không có vị lai. Âm thanh chúng tôi đang nói cho quý vị nghe không có trước, không có sau, ngay khi nói nó hiện hữu như vậy, ngay khi ngưng nói nó hiện hữu khoảng không âm thanh. Và cái nghe của quý vị đang tiếp nhận âm thanh không trước, không sau. Cái thấy của quý vị đang thấy không phải là cái thấy hồi nãy so với cái thấy bây giờ. Thấy là cái đang thấy, thở là quý vị đang thở, lưỡi quý vị đang như vậy, thân quý vị đang như vậy, cái ý quý vị đang như vậy. Nơi lục căn chúng ta là như như vậy, chúng ta không có khác hơn được, mà mình ảo tưởng mình có thể khác được, chứ sự thật chúng ta không

thể khác. Cho nên chúng ta rớt vào ảo tưởng để rồi theo ảo tưởng, để mình khổ một chút, để mình vui được một chút, để mình buồn được một chút. Thực sự chúng ta buồn cũng không được, vui không được, dính mắc không được trong trần gian này, vì các pháp vốn vô trụ.

Bây giờ thử ai ngồi đây nắm đứng được một âm thanh không? Ai làm được chuyện đó? Không ai đủ sức nắm giữ được một âm thanh, mà âm thanh là một Pháp, tất cả các pháp trong thế gian này tánh tướng đều như nhau, âm thanh vốn tự ly. Ví dụ như chúng tôi nói tiếng Phật thì tự động nó không còn ngay tại đây, Quý vị muốn giữ nó cũng giữ không được. Vì nó là một pháp như tất cả các pháp khác đang hiện hữu trong trần gian này, nó cũng vốn tự ly như vậy. Quý vị không thể nắm đứng nó được, không thể vướng mắc nó được, như vậy lục căn tiếp xúc lục trần không dính lại được. Thân này chúng ta cũng không dính lại được, tâm này chúng ta cũng không dính lại được, cảnh giới này chúng ta cũng không dính lại được, vì nó vốn là vô trụ.

Tất cả các pháp, tánh vô trụ và tướng vô trụ. Tất cả các pháp, tánh nó bất sanh bất diệt, tướng nó bất sanh bất diệt. Khi một người nhận được lý Kinh Kim Cang là chúng ta luôn sống trong vô sanh, để chúng ta không bị thuận nghịch, đúng sai, không bị cái thịnh suy của cuộc đời làm chúng ta sanh tâm.

Chúng ta đang sống trong Như Như bất động toàn triệt, là lúc đó chúng ta trì Kinh Kim Cang. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta ở trong cái thấy, nghe, hay, biết là chúng ta luôn ở trong cái Như, là chúng ta trì Kinh Kim Cang. Chúng ta thấy, nghe, hay, biết trong Tuệ tri toàn triệt rỗng lặng, mênh

mông, thanh tịnh, sáng suốt của chính mình, không có phút giây nào chúng ta bị vướng đọng lại được, không có phút giây nào chúng ta dính lại được, có nghĩa là chúng ta không dính được các pháp, không phải chúng ta dụng công để trừ khử các pháp.

Khi nào chúng ta thấy mình hoàn toàn không thể dính mắc, thì lúc đó là chúng ta tinh tấn trì tụng Kinh Kim Cang. Khi nào chúng ta thấy mình bị dính lại là chúng ta quên trì tụng Kinh Kim Cang. Chúng ta trì tụng Kinh Kim Cang tinh tấn từng khoảnh khắc một còn lại trong cuộc đời, là chúng ta luôn sống trong sự thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu, không bị đọng lại bất kỳ hoàn cảnh nào. Chúng ta luôn an lạc, luôn tỉnh sáng, rõ thông tất cả mọi điều và không bị vướng lại. Đó là điều mà chúng tôi muốn chia sẻ.

MỤC LỤC

SƠ LƯỢC TIỂU SỬTỲ KHEO THÍCH TUỆ HẢI 2
I. LỜI MỞ ĐẦU 1
II. LƯỢC KHẢO 12
III. Ý NGHĨA TÊN KINH KIM CANG 15
IV. GIẢI NGHĨA CHÁNH VĂN KINH KIM CANG 19
ĐOẠN 1: NGUYÊN DO CỦA PHÁP HỘI 19
ĐOẠN 2: THIỆN HIỆN THƯA HỎI 30
ĐOẠN 3: CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA 36
ĐOẠN 4: DIỆU HẠNH KHÔNG CHỖ TRỤ 63
ĐOẠN 5 : THẤY LẼ THẬT ĐÚNG LÝ 78
ĐOẠN 6 : CHÁNH TÍN ÍT CÓ 85
ĐOẠN 7 : KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI 91
ĐOẠN 8 : Y NƠI CHÁNH PHÁP MÀ SANH RA TẤT CẢ CÁC QUẢ VỊ 118
ĐOẠN 9 : MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG 122
ĐOẠN 10 : TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ 148
ĐOẠN 11 : PHƯỚC VÔ VI LÀ HƠN HẾT 171
ĐOẠN 12 : TÔN TRỌNG KINH ĐIỂN CHÂN CHÁNH 179
ĐOẠN 13 : ĐÚNG PHÁP THỌ TRÌ 190
ĐOẠN 14 : LÌA TƯỚNG TỊCH DIỆT 207
ĐOẠN 15: CÔNG ĐỨC TRÌ KINH 238
ĐOẠN 16: HÃY LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP CHƯỚNG 248
ĐOẠN 17: TỘT CÙNG KHÔNG CÓ NGÃ 252
ĐOẠN 18: ĐỒNG QUÁN CÓ MỘT THỂ 267
ĐOẠN 19: PHÁP GIỚI THÔNG SUỐT KHÔNG BỊ NGĂN TRỞ 303
ĐOẠN 20: LÌA SẮC, LÌA TƯỚNG 309
ĐOẠN 21: KHÔNG NĂNG THUYẾT VÀ SỞ THUYẾT 313

ĐOẠN 22: KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC 321
ĐOẠN 23: TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC THIỆN 323
ĐOẠN 24: PHƯỚC TRÍ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG 330
ĐOẠN 25: GIÁO HÓA KHÔNG CÓ CHỖ GIÁO 333
ĐOẠN 26: PHÁP THÂN CHẲNG PHẢI TƯỚNG 354
ĐOẠN 27: KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT 359
ĐOẠN 28: KHÔNG THỌ KHÔNG THAM TRƯỚC 403
ĐOẠN 29: BỐN OAI NGHI ĐỀU TỊCH TĨNH 412
ĐOẠN 30: LY MỘT HỢP TƯỚNG 417
ĐOẠN 31: TRI KIẾN CHẲNG SANH 421
ĐOẠN 32: ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI THẬT 425
V. KẾT LUẬN 434

BĂNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- **Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)**
- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Lăng Nghiêm**
- **Kinh Kim Cang**
- **Ma Ha Bát Nha Ba La Mật Đa Tâm Kinh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Tứ Niệm Xứ**
- **Tứ Thánh Đế**
- **Kinh Pháp Cú**
- **Kinh Thập Thiện**
- **Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Kinh Duy Ma Cật**
- **Lục Độ Ba La Mật**
- **Thập Nguyện Phổ Hiền**
- **Bát Đại Nhân Giác**
- **Kinh Ba Cửa Giải Thoát**
- **Kinh Phước Đức**
- **Kinh Vô Ngã Tướng**
- **Kinh Nhất Dạ Hiền Giả**
- **Tuệ Trung Thượng Sỹ Ngữ Lục**
- **Yếu Quyết Tứ Diệu Đế**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Tứ Nhiếp Pháp**
- **Mười Bốn Điều Minh Triết**
- **Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang**
- **Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn**
- **Phương Pháp Tọa Thiền**
- **Thiền Thư Giản Và Quán Thân**
- **Vô Thường - Khổ**
- **Tham Vấn Phật Pháp**
- **Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm**
- **Đức Phật Là Bậc Y Vương**
- **Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức**
- **Hạnh Phúc Chân Thật**
- **Thương Yêu và Tôn Kính**
- **Thiền Tịnh Song Tu**
- **Chữ Tu Trong Đạo Phật**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh**
- **Tu Tập Và Trị Liệu**
- **Thân Tâm Không Khác**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát**
- **Lễ Phật Thành Đạo**
- **Ý Nghĩa Phật Đản Sanh**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật v.v …**

BĂNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- **Phương Pháp Dưỡng Sinh (1- 9)**
- **Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh**
- **Thai Giáo**
- **Để Hoàn Thiện Một Con Người**
- **Phật Pháp Và Dưỡng Sinh**
- **Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa**
- **Dưỡng Sinh Phòng Bệnh**
- **Dưỡng Sinh Hằng Ngày**
- **Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng**
- **Dưỡng Sinh Trong Đời Sống**
- **Cân Bằng Thân Tâm**
- **Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống**
- **Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh**
- **Nguyên Nhân Bệnh Tật**
- **Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 …**

KINH SÁCH ĐÃ IN

- **Kinh Pháp Hoa**
- **Kinh Kim Cang**
- **Bát NhãTâm Kinh**
- **Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa**
- **Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh**
- **Tiểu Bổn A Di Đà**
- **Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà**
- **Đạo Hiếu Người Con Phật**
- **Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, …**

Điện thoại: 0251 86 00 258
Di động: 0911 258 258
Email: thichtuehai@chualonghuong.org
Website: www.chualonghuong.org, www.quynguyen.org , www.quynguyen.com

SÁCH ẤN TỐNG KHÔNG BÁN